

Dịch giả: HT. THÍCH THIÊN TÂM

Mấy điệu

Sen thanh

TẬP 1

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

**MÁY ĐIỆU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 1**

**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH
Phật Lịch: 2542 –1998**

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiệu Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem

những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, thượng tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhơn đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÁY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì

thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

“Nương mình tựa án xem người cổ
Ăn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN MỘT

THÁNH NHÂN KHUYẾN HOÁ

MÃ MINH ĐẠI SĨ

Mã Minh Đại Sĩ, tiếng Phạn gọi là Asvaghosa, người dòng Bà la môn ở nước Tang Kỳ Đa, xứ Đông Thiên Trúc. Sau Phật diệt độ 600 năm, ngài ứng thế xiển dương Phật pháp, nổi danh là bậc đại thừa luận sư.

Các truyền thuyết về ngài có nhiều điểm không đồng. Theo truyện Phú Pháp Tạng, Mã Minh Đại Sĩ xuất gia ở xứ Trung Thiên Trúc, thông suốt các pháp ngoại đạo. Trí tuệ ngài sâu xa, tài biện luận như thác nước tuôn trào, người đương thời khó ai sánh kịp. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Phú Na Dạ Xa, làm vị Tổ thứ mười hai bên Thiên tông, ngài du hóa ở thành Hoa Thị nước Ma Kiệt Đà. Đại sĩ có tạo khúc nhạc nhiệm mầu, tên Lại Tra Hòa La, âm điệu thanh nhã cảm thương, tuyên diễn về pháp khô, không, vô thường, vô ngã. Bảy giờ, năm trăm vị vương tử trong thành nghe nhạc ấy, tỉnh ngộ việc đời, bỏ nhà đi tu. Vua trong xứ sợ nhân dân nghe nhạc rồi xuất gia quá nhiều, thế nước sẽ bị suy yếu, nên cấm chỉ không cho lưu hành nhạc khúc ấy. Tương truyền khi Đại Sĩ khảy đàn

thuyết pháp, bày ngựa lắng nghe đều rơi lệ, kêu lên giọng bi thương nên người đương thời mới tôn hiệu là Mã Minh.

Theo luận Thích Ma Ha Diễn, Mã Minh Đại Sĩ nguyên là một vị Cổ Phật, hiệu Đại Quang Minh. Khi ngài ứng tích ở xứ Thiên Trúc, thị hiện làm vị Bồ tát chứng đến ngôi thứ tám Bất Động Địa.

Trong một đời hoằng pháp, Đại Sĩ có trứ thuật nhiều Phật điển. Và quyển Đại Thừa Khởi Tín Luận, được các học giả đương thời cùng hậu lai ngợi khen là một danh tác. Quyển luận này khái quát các yếu lý đại thừa, chỉ bày đường lối tu tập, kết cuộc có đoạn khuyên cầu sanh về Tịnh Độ như sau:

"Ở thế giới Ta Bà này, các hành giả sợ mình không thể thường gặp chư Phật, để gần gũi nghe pháp cúng dường. Và ngại tin tâm khó được thành tựu e dễ bị thối chuyển. Các chúng sanh ấy nên biết rằng, đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ lòng tin. Đó là nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy nguyện cầu sanh về cõi Tịnh Độ tha phương để thường được thấy Phật, lìa hẳn ba đường ác. Như trong Tu Đa La nói : "Nếu kẻ nào chuyên niệm đức Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc phương Tây, đem căn lành mình tu hồi hướng nguyện về cõi ấy, tất sẽ được vãng sanh. Vì thường được thấy Phật, nên không còn lo bị thối chuyển".

Về sau, khi hóa duyên đã mãn, Mã Minh Đại Sĩ gọi Tôn giả Ca Tỳ Ma La đến truyền trao chánh pháp. Xong,

ngài liền an lành nhập định, vào môn Long Phấn Tấn Tam Muội, cả mình bay vượt lên hư không hiện ra tướng nhật luân sáng rõ. Rồi liền hạ xuống trở về bản vị và nhập Niết Bàn.

LONG THỌ ĐẠI SĨ

Long Thọ Đại Sĩ, tiếng Phạn gọi là Nàgàrjuna người dòng Phạm chí, ứng thế ở xứ Nam Thiên Trúc, sau Phật diệt độ bảy trăm năm. Tương truyền ngài sanh dưới cây A Châu Đà Na, cây này có năm trăm vị Long thần ở, lại nhờ Long Vương Bồ Tát mà thành đạo, nên lấy hiệu là Long Thọ.

Trong quyển Tam Bảo Cảm Ứng Lục có trích dẫn: "Theo kinh Kim Cang Chánh Trí, thì thời quá khứ, ngài Mã Minh đã thành Phật, hiệu là Đại Quang Minh Như Lai. Ngài Long Thọ hiệu là Diệu Vân Tướng Như Lai. Lại theo kinh Đại Trang Nghiêm Tam Muội, ngài Mã Minh là vị Cổ Phật hiệu Nhật Nguyệt Tinh Minh. Ngài Long Thọ là Diệu Vân Tự Tại Vương Phật". Truyện Phú Pháp Tạng cũng nói về ngài như sau : "Bản vị nguyên là Phật Diệu Vân. Ứng tích ở ngôi Hoan Hỷ Địa". Truyền ký về ngài có nhiều điềm thần kỳ, như việc mở Thiết tháp ở Nam Thiên Trúc học về Mật giáo; được Đại Long Bồ Tát đem vào hải cung đọc kinh Hoa Nghiêm và các kinh điển đại thừa. Vì

thế, ngài một thân mà kiêm làm Tổ sư của tám tông phái Phật giáo.

Sau khi đắc pháp với Tôn giả Ca Tỳ Ma La, làm vị Tổ thứ bốn bên Thiên tông. Long Thọ Đại Sĩ đi hoằng hóa các nơi và có trứ thuật nhiều bộ luận. Trong luận Tỳ Bà Sa của ngài viết, có đoạn khen ngợi về Tịnh Độ như sau:

Nếu người muốn thành Phật
Xưng niệm A Di Đà
Ứng thời vì hiện thân
Nên nay con quy mạng.
Do sức nguyện Phật kia
Mười phương chư Bồ Tát
Đến nghe pháp cúng dường
Nên con cúi đầu lễ.
Các Bồ Tát cõi ấy
Đầy đủ những tướng hảo
Thân đẹp tự trang nghiêm
Nên con lạy quy y.
Chư Bồ Tát Cực Lạc
Mỗi ngày trong ba thời
Cúng dường Phật mười phương
Nên con cúi đầu lạy.
Nếu người trồng căn lành
Nghĩ thì hoa không nở
Kẻ lòng tin thanh tịnh
Hoa nở được thấy Phật

Hiện tại Phật mười phương
Dùng các thứ nhân duyên
Khen công đức Di Đà
Nên con quy mạng lễ.
Cõi Cực Lạc nghiêm đẹp
Mầu nhiệm hơn thiên cung
Công đức rất sâu dày
Nên con lễ chân Phật.

Ngài lại tạo bộ luận Đại Trí Độ, trong đoạn khai thị về pháp môn Tịnh Độ có dạy: "Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và những tội đời trước. Các pháp tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm, không thể trừ được nghiệp sân. Có môn trừ được nghiệp sân, không thể trừ nghiệp dâm. Có môn trừ được nghiệp si, không thể trừ dâm, sân. Có môn trừ được ba độc tham, sân, si, không thể trừ các tội đời trước. Môn Niệm Phật tam muội có thể trừ các thứ phiền não và các thứ tội chướng. Lại nữa, Niệm Phật tam muội có phước đức lớn, hay độ chúng sanh. Chư Bồ Tát muốn mau diệt tội chướng, được nhiều phước đức, sớm độ chúng sanh, không chỉ hơn tu môn Niệm Phật tam muội ...

Hỏi: Bồ Tát phải thường ở cõi trần lao để giáo hóa chúng sanh, sao lại nguyện sanh về Tịnh Độ?

- **Đáp:** Nếu chưa vào Vô sanh nhẫn của Bồ Tát vị, chưa được thọ ký, chưa đến ngôi Bất thối chuyển, mà xa lìa chư Phật, tất sẽ chìm trong biển phiền não, hư mất hết

các căn lành! Như thế, đã không thể độ mình, làm sao độ chúng sanh được? Ví như kẻ dùng chiếc thuyền không bền chắc để đưa người, khi gặp sóng to gió lớn, tất thuyền sẽ bị hư rã, mình và người đều chết đắm. Lại như người đem ấm nước sôi đổ vào ao băng tuyết, muốn cho ao băng tuyết tiêu tan, ban sơ chỉ tan được chút ít, kết cuộc chính nước sôi ấy sẽ trở thành băng tuyết. Bồ Tát chưa vào Vô sanh pháp vị mà xa lìa chư Phật cũng lại như thế! Nếu Bồ Tát chưa đủ nhẫn lực, chưa đủ phương tiện, muốn dùng chút ít công đức để ra hóa độ chúng sanh, sự lợi ích tuy có đôi phần, nhưng trái lại chính mình sẽ bị đọa lạc ...

- Lại nữa, nếu Bồ Tát mắt thường thấy sắc tướng của Phật, tai thường nghe âm thanh Phật nói, thì tâm sẽ được thanh tịnh, được pháp lạc, được trí tuệ lớn, kế đó y theo lời dạy tu hành, tất sẽ mau giải thoát. Gặp Phật được vô lượng sự lợi ích như thế, tại sao không nhất tâm cầu về cõi Phật? Như trẻ thơ không nên rời mẹ, người đi xa không rời lương thực, lúc nóng bức không rời gió nước trong mát, tiết nghiêm hàn không rời sưởi ấm, sang sông không rời thuyền câu, đau bệnh không rời thuốc hay; Bồ Tát không rời chư Phật còn quá hơn các việc như trên. Tại sao thế? Bởi dù là cha mẹ, hàng thân thuộc, bậc thiện tri thức, ngôi vua chúa, hay các đấng thiên vương, cũng không thể làm lợi ích cho chúng sanh bằng Phật. Chư Phật có đủ năng lực đưa loài hữu tình lìa các cảnh khổ, lần lần tiến lên ngôi vị Thế Tôn...

- **Hỏi:** Làm thế nào để thường được gần gũi chư Phật?

- **Đáp:** Chúng sanh luân hồi từ vô thủy kiếp, tạo vô lượng tội chướng nhân duyên. Cho nên, dù có tu phước đức, trí tuệ vẫn kém ít, dù có tu trí tuệ, phước đức cũng không được bao nhiêu. Bồ Tát khi cầu Phật đạo, cần phải thực hành sanh nhẫn và pháp nhẫn. Do thực hành sanh nhẫn, đối với tất cả chúng sanh phát tâm từ bi hỷ xả, nên diệt được tội chướng trong vô lượng kiếp, sanh vô thượng phước đức căn lành. Do thực hành pháp nhẫn, nên phá hết các vô minh về pháp chấp, sanh vô lượng trí tuệ. Nếu hai hạnh ấy được hòa hiệp, thì đời đời không xa rời chư Phật.

Lại một hạnh: "Ví như chúng sanh tâm dục nặng; thì đọa làm thân dâm điều; tâm sân nặng thì thọ sanh trong loài độc trùng. Nếu kẻ nào thường niệm Phật, ưa thích cõi Phật, không tham phước báu cõi nơn thiên, tất sẽ tùy tâm mến trọng của mình, quyết được sanh về Tịnh Độ, thường gần gũi chư Phật...".

Về sau, ngài Long Thọ phú pháp cho Tôn giả Ca Na Đề Bà, rồi nhập định như con ve bỏ xác mà hóa.

Trong kinh Lăng Già, về ngài Long Thọ, đức Phật đã có lời huyền ký với Đại Huệ Bồ Tát rằng:

Đại Huệ ông nên biết
Chúng sơ Hoan hỷ địa
Đời vị lai sẽ có
Sau khi ta Niết Bàn
Tôn hiệu là Long Thọ

Tỳ kheo danh đức lớn
Duy trì pháp của ta
Ở nước Nam Thiên Trúc
Trong thế gian hiển ngã
Phá các tông Hữu, Vô.

Như thế, ngài Long Thọ ứng tích là bậc Sơ địa Bồ Tát bi trí rộng sâu, một thân làm Tổ sư của tám tông, mà vẫn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ.

THIÊN THÂN LUẬN SƯ

Luận sư Thiên Thân, tân dịch là Thế Thân, tiếng Phạn tên Vasubandhu (Bà Tu Bàn Đầu), người nước Phú Lũ Sa Phú La. Ngài ra đời ở Ấn Độ sau Phật Niết Bàn chín trăm năm tại vùng Bắc Thiên Trúc.

Ban sơ, luận sư xuất gia tu theo phái Tát Bà Đa ở nước A Du Xà, nghiên cứu về tiểu thừa giáo. Trong thời gian này, ngài viết ra năm trăm bộ Luận tuyên dương giáo pháp tiểu thừa, bác phá đại thừa. Sau nhờ trưởng huynh là luận sư Vô Trước khuyến hóa, ngài cảm ngộ hối sự làm lỗi của mình, muốn cắt lưỡi để tạ tội. Vô Trước can ngăn bảo : "Em đã đem lưỡi ấy hủy báng đại thừa, nay cũng nên dùng lưỡi ấy để tán dương đại thừa mới là điều hợp lý. Nếu cắt bỏ đi thì có ích lợi gì đâu !". Ngài nghe lời từ đó chuyên tinh nghiên cứu về đại thừa giáo, rồi viết ra năm trăm bộ Luận tuyên dương pháp sâu rộng của đại thừa. Do đó, ngài

nổi danh về bậc trí tuệ bao la, biện thuyết uyên bác, và được người đương thời tôn xưng là Thiên Bộ Luận Sư.

Ngài có viết ra quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận, cũng gọi là Vãng Sanh Luận, khai thị về pháp môn Tịnh Độ, phần đầu dùng lời kệ khen ngợi rằng:

Thế Tôn! Con một lòng
Quy mạng mười phương Phật
Vô Ngại Quang Như Lai
Nguyện sanh về Cực Lạc.
Xin nương theo nghĩa kinh
Tướng công đức chơn thật
Nói kệ, nguyện tông trì
Hợp với lời Phật dạy.
Quán tướng thế giới kia
Siêu thắng hơn ba cõi
Cứu cánh như hư không
Rộng lớn không ngăn mé.
Đạo chánh, đại từ bi
Căn lành xuất thế sanh
Ánh tịnh quang đầy khắp
Sáng hơn gương nhật, nguyệt
Đầy các tánh trân bảo
Đủ sự trang nghiêm màu
Ánh vô cầu rực rỡ
Sáng sạch soi thế gian.
Cỏ công đức chất báu

Mềm dịu xoay bên hữu
Xúc chạm sanh vui đẹp
Hơn lông Chiên lân đà.
Hoa báu ngàn muôn loại
Đầy khắp mặt suối ao
Gió nhẹ động cánh hoa
Ánh sáng giao xen lẫn
Các lầu đài, cung điện
Hiện bóng cảnh mười phương
Cây tạp, ánh sắc lạ,
Lan can báu vây quanh
Khắp hư không màn lưới
Vô lượng báu giao xen
Linh ngọc khua vang tiếng
Diễn nói pháp âm mâu
Mưa áo, hoa nghiêm đẹp
Tỏa vô lượng hương thơm
Phật huệ như nhật rạng
Trừ si ám thế gian.
Phạm âm ngộ sâu xa
Nhiệm mâu vang khắp cõi.
Đấng chánh giác Di Đà
Pháp vương khéo trụ trì
Tịnh chúng như hoa sạch
Hóa sanh từ đại giác.
Ưu thích pháp vị mâu

Thiền định làm thức ăn
Lìa hẳn não thân tâm
An vui hằng tự tại.
Cõi căn lành đại thừa
Không điều chi hềm chê
Không có kẻ căn thiếu
Người nữ, giống Nhị thừa.
Chỗ chúng sanh ưa thích
Tất cả đều đầy đủ
Nên con nguyện vãng sanh
Về cõi Phật Di Đà.
Đấng Bảo Vương Vô Lượng
Ngồi đài hoa sạch màu
Tướng đẹp, ánh rực rỡ
Sắc tượng vượt muôn loài.
Như Lai tiếng vi diệu
Phạm âm vang mười phương
Cùng tứ đại, hư không
Hòa lẫn không phân biệt.
Chúng trời người bất động
Từ biên tịnh trí sanh
Như núi chúa Tu Di
Tướng đẹp màu tốt bậc
Tịnh chúng đều cung kính
Vây quanh chiêm ngưỡng Phật
Sức bản nguyện Thế Tôn

Chân thật không chi hơn
Khiến quần sanh mau đầy
Biển công đức báu lớn.
Cõi Cực Lạc thanh tịnh
Thường chuyển Vô cấu luân
Chư hóa Phật, Bồ Tát
Đầy, sáng như Tu Di.
Mỗi thời đến mỗi niệm
Ánh vô cấu trang nghiêm
Chiếu khắp các Phật hội
Làm lợi ích quần sanh.
Mưa nhạc trời, áo, hoa
Cùng hương màu cúng dường
Khen công đức chư Phật
Không còn tâm phân biệt.
Thế giới nào không có
Báu công đức Phật pháp
Con nguyện đều vãng sanh
Tuyên dương pháp như Phật.
Con viết luận nói kệ
Nguyện thấy A Di Đà
Nguyện cùng khắp chúng sanh
Đồng sanh về Cực Lạc.
Toàn quyển Vô Lượng Thọ Kinh Luận phát huy về sự
lợi ích trang nghiêm ở cõi Tịnh Độ rất rõ ràng. Về sau

Pháp sư Đàm Loan đời Ngươn Ngụy có chú thuật thêm, khiến cho càng tăng phần đặc sắc.

Theo truyện Phú Pháp Tạng: Thiên Thân Luận sư, tức Tôn giả Bàn Tu Bàn Đầu là vị Tổ thứ hai mươi một của Thiên tông bên cõi Tây Thiên. Khi hóa duyên đã mãn, ngài gọi Tôn giả Ma Na La đến bảo: "Nay ta đem pháp mâu vô thượng phú chúc cho ngươi. Ngươi hãy cố gắng mà hộ trì". Nói xong, liền vào định mà nhập Niết Bàn.

GIÁC MINH DIỆU HẠNH BỒ TÁT

Đời nhà Minh, niên hiệu Sùng Trinh thứ mười sáu, có Bồ Tát dùng phương tiện giảng thần ở Ngô Môn, tự xưng là Giác Minh Diệu Hạnh, thường khuyên dạy về Phật pháp. Đến năm Thuận Trị thứ tư đời nhà Thanh, do nhân duyên trước, ngài lại giảng đàn, tùy cơ nói pháp, khai diễn về môn Tịnh Độ. Trước tiên, Bồ Tát dùng lời kệ khai thị rằng:

Pháp yếu của chư Phật
Nhiệm mầu chẳng nghĩ bàn !
Bởi pháp chẳng nghĩ bàn
Không thể diễn hết ý
Đấng cha lành Mâu Ni
Thương xót khắp quần sanh
Nói chỗ không thể nói
Đặt kẻ trước người sau.

Lại dùng phương tiện lạ
Chỉ rõ cõi Cực Lạc
Bảo phát nguyện vãng sanh
Vượt ngang ba đường ác.
Bởi Phật A Di Đà
Nguyện lớn nhiếp muôn loài
Như nghe danh thọ trì
Quyết sanh không còn nghi.
Nếu người có đại lực
Tâm niệm thường chuyên nhất
Thành tựu tam muội sâu
Đường Tây Phương như tin
Nay ta y thánh giáo
Tâm niệm thường chuyên nhất
Thương các người mê lầm
Hiện tiền cũng thấy Phật
Đây chẳng phải duyên nhỏ
Sắp diễn pháp lợi sanh.

Lúc ấy các tín hữu trong đàn đều cung kính chấp tay yên lặng. Bồ Tát lại dạy tiếp:

- Các người nên biết, môn niệm Phật đây đích thật là tâm tông của chư Phật, là con đường giải thoát thẳng tắt nhất của hàng nhơn thiên. Nay các người tuy có lòng tin, tuy thực hành hạnh niệm Phật cầu vãng sanh, nhưng nếu tâm nguyện không chí thiết, thì chẳng khác chi người đi biển gặp được châu báu mà lần lựa về tay không, tất cũng

luồng nhọc công vô ích ! Thuở xưa, nếu ta không nhờ tâm nguyện chí thiết, thì đâu được như ngày hôm nay.

Đời Minh Đế nhà Tấn, ta nguyên là một người bần dân. Trong cảnh quá nghèo khổ, duyên may được nghe biết Phật pháp, ta phát đại nguyện rằng: "Con vì túc nghiệp nên mới chịu quả báo khổ cực này. Nếu hiện đời con không được thấy Phật A Di Đà, được sanh về cõi Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức, thì dù cho xả thân, nguyện không thôi chuyển". Phát thệ rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tinh nhớ niệm không thôi nghỉ, liền được tâm khai, thấy Phật A Di Đà tướng tốt rực rỡ, ánh sáng soi khắp mười phương. Lúc ấy, trước Phật ta được nhờ ân thọ ký. Đến năm bảy mươi lăm tuổi, ta ngồi niệm Phật thoát hóa, vãng sanh về Tây Phương. Sau khi đắc quả, bởi nguyện độ sanh sâu nặng, ta trở lại cõi này tùy phương hiển hóa. Từ đó, hoặc thị hiện làm thân tỳ kheo, hoặc làm thân cư sĩ, hoặc làm vua, hoặc làm quan, hoặc làm người nữ, hoặc làm kẻ ăn xin, hoặc ẩn hoặc hiện, hoặc thuận hoặc nghịch; đều tùy duyên nói pháp, dẫn dắt người mê. Nay ta lại vì các người chỉ rõ lẽ chánh tà, mở bày môn Tịnh Độ. Các người phải một lòng một ý, bền tu pháp môn này, quyết định sẽ được lợi ích lớn, không còn sợ lầm lạc ! Nếu kẻ nào tâm chí bền chắc, thì không đợi sau khi vãng sanh, mà trong đời hiện tại cũng được thấy Phật. Hãy ghi nhớ bài kệ sau đây của ta mà tu tiến :

Nói ít một câu chuyện

Niệm nhiều một câu Phật
Đánh chết được vọng niệm
Hiện pháp thân chân thật.

Một tín hữu thưa :

Bạch ngài! Con niệm Phật không được nhất tâm, chẳng biết phải dùng phương tiện nào ?

Bồ Tát dạy :

Người nên ngồi yên lặng, dứt hết mọi tư tưởng, từ từ mà niệm. Điều cốt yếu phải làm sao cho tiếng hợp với tâm, tâm hòa cùng tiếng, niệm lâu như thế, tự nhiên sẽ thấy lòng mình trong lặng. Chừng ấy tâm cảnh chiếu sáng, dứt sự đối đãi, chúng vào Niệm Phật tam muội. Nhưng nên nhớ lúc bình nhật cần phải niệm nhiều, từ ngàn cho đến số muôn câu tâm không gián đoạn, thì căn khí mới dễ thành thực. Nếu cưỡng ép muốn cho tâm mau qui nhất, tất trọn không thể được nhất tâm.

Một tín hữu khác lại thưa:

Bạch Bồ Tát! Thế nào là nghĩa: Tâm hành xứ diệt?

Ngài dạy:

- Tâm hành xứ diệt là chỗ tuyệt đãi, không còn dấu vết của niệm phàm Thánh, là chân tâm thường trú của Phật. Còn tâm hành xứ hữu là nghiệp tâm hoặc thiện hoặc ác trong vòng sống chết luân hồi của chúng sanh. Vọng tâm này nối tiếp nhau không xen hở. Nếu khi niệm Phật người gia công miên mật, không còn mảy may tạp vọng, mới mong được đôi phần tương ứng.

Phải dè dặt, đừng có vừa thật hành được nửa năm hay mười tháng, rồi tự cho là mình đã khổ công tu niệm. Nên biết ý nghĩ tự đắc ấy, chính là chỗ chướng đạo! Lại tuy có gia công, nhưng nếu niệm lực chưa được vững như non đồng vách sắt, xô không ngã, lay chẳng động, thì sức niệm vẫn chưa thành một khối. Phải tu tập liên tục, đừng nên thấy có chút ảnh hưởng liền dừng nghỉ. Đó là lỗi "Bán đồ nhi phế" khiến cho công phu trước luống uổng, không được mảy may lợi ích chi. Đây là căn bệnh lớn của người học đạo, cần phải lưu ý. Nên biết rằng: Phật pháp như bể cả, càng vào càng rộng sâu, quyết không thể dùng chút ít tri kiến mà thấu hiểu hết được. Sự tu tập cần phải trọn đời, dụng công đến chỗ non cùng nước tận, chớ có quan niệm xem thường!

Khi ấy, ông Cố Định Thành đứng lên xin thỉnh giáo thêm về phương thức niệm Phật.

Ngài bảo:

- Nay thiện nam tử ! Tâm thể vốn ly niệm, vọng niệm từ tư tưởng mà sanh. Tư tưởng ấy nguyên giả dối, khiến cho người lưu chuyển trong vòng sanh tử. Người nên biết một câu A Di Đà Phật đây, chẳng từ tư tưởng mà sanh, không theo niệm mà có, chẳng trụ trong ngoài, không có hình dáng.

Niệm như thế nào thì dứt các vọng tưởng, cùng với chân thân nhiệm mầu thanh tịnh của Như Lai, chẳng đồng chẳng khác, không thể phân biệt. Niệm như thế thì phiền

não trần lao không dứt không buộc, chỉ là nhất tâm. Được thư thể mới gọi là CHẤP TRÌ DANH HIỆU, mới gọi là nhất tâm bất loạn. Chừng ấy công tịnh nghiệp thành tựu, bước thẳng lên ngôi thượng phẩm. Nay người nên phát nguyện lớn, cầu sanh về Cực Lạc, rồi chí thành cảm thiết xưng niệm A Di Đà Phật. Phải quyết ý khiến cho tiếng nương theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm cùng tiếng hợp nhau. Dụng công như thế lâu ngày không để sơ thất, chăm chú như mèo rình chuột, tất sẽ được vào Chánh ức niệm tam muội. Nếu muốn tu tiến thêm, phải tham cứu nhiều hàng tri thức, rộng hỏi các bậc cao minh, tất sẽ tỏ ngộ được ý mầu TỨC TÂM TỨC PHẬT.

Kế tiếp cư sĩ Vô Hủ thưa thỉnh:

- Bạch ngài ! Xin từ bi chỉ dạy cho con phần khái yếu về sự tu tập. Từ lúc bình nhật cho đến khi lâm chung, con phải hành trì như thế nào ?

Bồ Tát nói :

- Đại để người tu tịnh nghiệp khi đi, đứng, nằm, ngồi, lúc khởi cư ăn uống, đều nên hướng về phương Tây. Như thế cơ cảm mới dễ thành, căn cảnh mới dễ thực. Trong thất chỉ nên cúng một tượng Phật, một pho kinh, một bàn thờ, một lư hương, một bàn, một ghế, chẳng nên để nhiều đồ vật khác. Ngoài sân cũng phải quét dọn trồng trái sạch sẽ để đi kinh hành niệm Phật cho thuận tiện. Nên giữ tâm mình vắng lặng không vướng một mảy tơ, muôn niệm đều quên, trong không thấy thân, ngoài không biết cảnh. Cũng

không nghĩ đến hành động hôm nay của ta đây là việc tu hành. Như thế thì cùng với đạo ngày càng gần, với đời ngày càng xa, có thể thành tựu tịnh nghiệp. Nếu lúc bình thời người rủ sạch được muôn duyên, một lòng niệm Phật; thì khi lâm chung mới có thể không còn quyền luyến đến gia đình sự nghiệp, vui vẻ thanh thoát mà đi. Đây há chẳng phải là tác phong của bậc đại trượng phu ư ! Ta bảo như thế là muốn cho người chuyên chí tu hành, không còn vướng bận điều chi. Và đây chính là điều kiện rất quan trọng, thiết yếu !

Đến như pháp tu Tịnh Độ, vẫn không ngoài hai chữ Chuyên và Cần. Chuyên thì không quản đến việc chi khác. Cần thì không bỏ phí một phút giây.

Từ nay mỗi sáng sớm thức dậy, sau khi lễ Phật, người nên tụng một quyển kinh A Di Đà, rồi tùy sức niệm Phật. Kẻ đó quỳ đọc bài văn "Một lòng Quy mạng .. để phát nguyện hồi hướng, vì bài văn ấy lời giản dị mà ý đầy đủ. Ban sơ thân tâm chưa yên, mỗi ngày chỉ khóa tụng hai thời, kẻ đó thì tăng lên đến bốn thời, nếu có thể, lên đến sáu thời. Ngoài ra thì niệm thả không ký số, hoặc niệm thầm, hoặc niệm ra tiếng, chỉ nhiếp tâm chuyên nhớ mà thôi.

Lại, phép trì danh cần phải mỗi chữ mỗi câu, rành rẽ rõ ràng, tâm và tiếng hòa hợp nương nhau, không xen lẫn mảy may tư tưởng tạp vọng. Niệm như thế lâu ngày, công lực sẽ tự thành thực, quyết định được sanh về cõi Liên

Bang. Chừng ấy ngòi tòa sen báu lên Bất thối luân, tự tại giải thoát, há chẳng phải là điều đáng hoan hỷ ư ? Nên cố gắng ! Cố gắng !

Bồ Tát giảng thần thuyết pháp, trước sau kể có hai mươi bốn hội. Các đệ tử của ngài là bọn ông Thường Nhiếp thay phiên ghi chép, kết hợp thành bộ Tây Phương Xác Chỉ, khắc bản lưu truyền.

Lời phụ :

Phần Thánh Nhơn khuyến hóa, gồm có sự tích và lời dạy của chư Thánh: -Đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni, đức Đạo Sư A Di Đà, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Kỳ Bà Ca Tôn Giả, Mã Minh Đại Sĩ, Long Thọ Đại Sĩ, Thiên Thân Luận Sư, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát. Trong đây, vì chọn phần giảng yếu, bút giả chỉ diễn dịch lại sự và lời của bốn vị sau cùng mà thôi. Để kết thúc phần này, Ấn Quang pháp sư có ghi lời bình chú như sau:

Kinh Duy Ma nói: "Tuy biết các cõi Phật. Cùng chúng sanh đều không. Mà thường tu Tịnh Độ. Để giáo hóa quần sanh".

Sở dĩ như thế, vì các bậc đại thừa Bồ Tát không vị nào chẳng lấy tâm Bồ Đề làm căn bản, và tu Tịnh Độ làm trang nghiêm. Bởi nếu không như thế, thì chẳng làm sao đầy đủ mười hạnh nguyện Phổ Hiền được.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới nói : "Các bậc đại Thanh Văn vì không tán dương công đức thanh

tịnh của mười phương Tịnh Độ, vì không khen ngợi các sự thần biến của chư Phật Thế Tôn, vì không được các trí tuệ thần thông nghiêm tịnh cõi Phật, nên nơi hải hội Hoa Tạng Hoa Nghiêm tuyệt không nghe không thấy".

Thế thì biết, nếu hàng phàm phu nào có thể phát tâm trong sạch, hồi hướng về Tịnh Độ, tất công đức sẽ hơn các bậc đại Thanh Văn kia quá bội trăm ngàn muôn ức lần. Kẻ ấy quyết định mau được vào cảnh giới Hoa Nghiêm Bất Tư Nghị.

Cũng trong kinh Hoa Nghiêm, đức Văn Thù Sư Lợi bảo Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng các bậc Đại thiện tri thức. Trước tiên, Đồng tử tham học với ngài Đức Vân được nghe dạy về pháp môn Niệm Phật. Sau rốt, khi Thiện Tài đến thừa thỉnh, Phổ Hiền Bồ Tát cũng đem mười đại nguyện vương khuyên ngài và tất cả đại chúng ở Hoa Tạng thế giới, gồm năm mươi một giai vị: Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác đều nên phát tâm tu mười đại nguyện vương ấy, hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Xem đây thì biết, môn Tịnh Độ cao thâm bao quát đến ngàn nào ! Tiếc thay cho những vị chỉ biết giảng triết lý thiên không, cao đàm luận vô tướng, rồi xem thường chê bai người niệm Phật. Những vị ấy trí tuệ quả thật có hơn đức Văn Thù, Phổ Hiền chăng ?

PHẦN HAI LIÊN TÔNG CHƯ TỒ

HUỆ VIỄN ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG SỞ TỒ)

Huệ Viễn Đại sư họ Cồ, nguyên quán xứ Lô Phiền ở Nhạn Môn thuộc tỉnh Sơn Tây. Ngài sanh tại Thạch Triệu, năm Giáp Ngọ, vào niên hiệu Diên Hy đời vua Thành Đế nhà Tấn. Cả song thân đều khuyết danh.

Thuở ấy, còn gọi là thời Ngũ Hồ, mặc dù có nhiều vương, nhưng các tư tưởng học thuyết Thánh Hiền lan rộng đã lâu, nên từ bé ngài đã thấm nhuần nề nếp thuần phong đạo đức.

Niên hiệu Hàm Hòa thứ 9, ngài lên mười ba tuổi, được song thân cho du học ở miền Hứa Lạc. Không bao lâu, từ Nho giáo đến các học thuyết Lão, Trang cùng Bách gia chư tử, ngài đều đã thông biện đến mức siêu quần.

Trong niên hiệu Cảnh Bình, vừa 21 tuổi, cảm thấy các học thuyết sở đắc của mình không thể giải quyết được vấn đề sống chết luân hồi, mà trong tâm hằng thao thức, ngài cùng ẩn sĩ Phạm Tuyên Tử định du phương tìm đạo. Nhưng lúc ấy vì có loạn Thạch Hồ đường giao thông bị trở ngại nên ý nguyện không thành.

Thời gian sau, có Đạo An pháp sư, trú tại chùa Nghiệp Trung ở núi Thái Hàng thuộc dãy Hằng Sơn, vân tập tăng

chúng giảng dạy kinh điển, các hàng đạo tặc, vua quan, sĩ thứ đều cảm hóa hướng về. Ngài nghe danh mến đức; tìm đến xin quy y, nương theo tu học.

Sau khi nghe pháp sư giảng xong kinh Bát Nhã, ngài suốt thông tỏ ngộ than rằng: "Phật Pháp quả thật cao diệu bao la, xét lại học thuyết của Khổng, Mạnh, Lão, Trang, khác nào như tro tàn cặn bã!". Từ đó, ngài chuyên tâm hôm sớm đọc tụng, suy nghĩ, tu tập. Đạo An thấy biết khen ngợi: "Về sau Phật Pháp lưu thông ở Đông Độ, âu là do Huệ Viễn này chăng? "

Niên hiệu Thái Nguyên thứ 6, đại sư du hóa đến Tầm Dương, thuộc Tỉnh Giang Tây, xa trông cảnh Lô Sơn rộng rãi thanh tú, phải nơi hành đạo, mới đến lập tinh xá nương ở. Thấy chỗ đó thiếu nước, vả lại bấy giờ tại bản xứ gặp cơn nắng hạn, các dòng suối đều cạn khô, ngài phát tâm từ bi đến khe núi tụng kinh Hải Long Vương; cảm tích trượng động xuống đất khẩn nguyện. Bỗng có con Bạch Long từ dưới đất bay vọt lên hư không. Giây phút mưa to xối xả, mực nước các nơi đều trở lại bình thường, tại đó xuất hiện dòng suối mát mẻ trong xanh, quanh co tuôn chảy. Vì hiện tượng này, ngài lấy hiệu tinh xá là Long Tuyên. Lúc ấy pháp sư Huệ Vĩnh, một bạn đồng môn, trước đã trụ chùa Tây Lâm bên phía tây Lô Sơn, muốn mời ngài về cùng ở. Nhưng pháp duyên của Huệ Viễn đại sư thành, học giả nương về ngài càng ngày càng đông, cảnh Tây Lâm đất hẹp không thể lập đạo tràng dung

chúng. Quan Thái Sử Hoàn Y thấy thế, phát tâm cất chùa cho ngài bên phía Đông Lô Sơn. Do uy đức của đại sư, khi sắp khởi công kiến tạo, vào một đêm nọ bỗng có cơn mưa giông to lớn, sấm sét vang trời. Sáng ra, đại chúng thấy vật liệu xây cất, như các thứ gỗ to quý và cát đá chất thành đống. Bởi nhờ sức thần linh vận chuyển giúp công như thế, nên ngôi chùa ấy có tên Đông Lâm Thần Vận Tự.

Khi ngôi lan nhã hoàn thành, đại sư đốc suất chúng ngày đêm tinh tấn hành đạo. Trước thời gian ấy, tại Quảng Châu có các ngư dân, vào buổi hoàng hôn, thấy ánh sáng xuất hiện trên mặt biển. Họ cùng đến tìm xem, và vớt được một tôn tượng Văn Thù Bồ Tát rất đẹp, liền đem trình với quan Thái thú sở tại là Đào Khả. Tượng này được tôn trí tại chùa Hàn Khê. Sau đó, vị trụ trì nhân có việc xuống Hạ Khẩu, ban đêm mộng thấy ngôi bản tự bị hỏa hoạn, chỗ thờ đức Văn Thù có nhiều Long thần ủng hộ vây quanh. Ông vội vã trở về, quả thật ngôi chùa đã bị lửa thiêu tàn rụi, chỉ có pho tượng là còn nguyên. Về sau Đào Công sắp đi trấn nhậm nơi khác, nhân thấy tôn tượng rất linh thiêng muốn đem theo, nhưng dùng đủ mọi cách mà vẫn không di chuyển được. Nghe danh đức của ngài Huệ Viễn, ông đến viếng thăm, nhân tiện thuật lại mọi việc, và nhờ đại sư chú nguyện để cung thỉnh tôn tượng về thờ tại chùa Đông Lâm. Lần này, khác hơn trước, Long Thiên đều ủng hộ, một cơn gió nhẹ thổi đến, làm cho tôn tượng bỗng nhiên lay động, cuộc di chuyển rất thuận tiện

dễ dàng. Tượng được tôn trí một nơi trang nghiêm riêng biệt tại Đông Lâm, gọi là Văn Thù Các.

Trước chùa, để cảnh trí thêm phần trang nhã và muốn phân định thời khắc, đại sư cho đào ao trồng hoa sen trắng, trên mặt nước thả mười hai cánh sen gỗ, dẫn nước suối ra vào. Cứ mỗi giờ nước chảy đầy qua cánh sen gỗ. Đại chúng y theo đó định thời khóa tu hành, gọi là Liên Lộ.

Lần lượt, các bậc cao tăng, những hàng danh sĩ, mên đạo phong của Huệ Viễn đại sư, đến xin dự chúng tu tập, mỗi ngày thêm nhiều. Trong đây có những vị lỗi lạc tài hoa, như nhóm ông Tạ Linh Vận, trước kia thường nhìn thiên hạ bằng đôi mắt trắng. Nhưng khi gặp đại sư, bỗng liền đổi thành thái độ khiêm cung trước đạo phong an điềm giải thoát, và lời luận biện cao nhã thông suốt của ngài.

Khu vực Lô Sơn có rất nhiều rắn độc, từ trước đã làm nguy hại đến tánh mạng dân cư ở vùng ấy. Nhưng từ khi có chùa Đông Lâm, các loài rắn dữ đều trở nên hiền lành, ngày lẫn đêm thường vây quanh đại sư để nghe giảng kinh. Bởi trường hợp này, đại sư được người đương thời tôn hiệu là "Bích Xà Thánh Giả".

Thỉnh thoảng lại có những bậc danh tài bá lâm, tìm đến vấn nạn ngài. Trong ấy đại đế như pháp sư Huệ Nghĩa, cho đến quan Thái úy Hoàn Huyền. Nhưng khi tiếp kiến, gương mặt rộng rãi uy nghiêm, phong thái trầm tĩnh

tự tại của đại sư, các vị ấy bỗng nhiên mất tự chủ xuất hạn đầm đìa, rồi rút lui không dám tranh biện. Ra ngoài họ đều kinh ngạc than thở: "Huệ Viễn đại sư có uy lực nhiếp chúng rất lạ lùng, thật đáng nể phục!".

Niên hiệu Long An thứ ba, và đầu năm Nguyên Hưng đời Đông Tấn, quan Phụ chính Hoàn Huyền lần lượt gửi cho ngài hai văn kiện bãi đạo và thanh lọc hàng ngũ xuất gia. Nội dung của văn kiện gồm nhiều lý lẽ đề cập đến việc không lợi ích cho quốc gia, và sự hoang đường thiếu thiết thực của Phật Giáo. Thời gian ấy, tầng chúng trong toàn quốc bị đạo luật này chi phối, nhiều vị phải hoàn tục. Đại sư đều tuân tự phục đáp bằng lời lẽ vững mạnh thích đáng, khiến cho đạo luật đó không thể ứng dụng được tại tỉnh Giang Tây.

Trong niên hiệu Nghĩa Hy, An Đế từ Giang Lăng xa giá đến Giang Tây, Trấn Nam tướng quân Hà Vô Kỵ yêu cầu ngài đích thân tiếp đức vua. Đại sư lấy cớ đau yếu từ khước không bái yết. Đến năm Nguyên Hưng thứ hai, Hoàn Huyền lại gửi văn thư cho ngài, với nhiều lý luận bắt buộc hàng sa môn phải lễ bái quốc vương. Đại sư soạn văn thư phúc đáp, và quyển Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận gồm năm thiên để hồi âm. Triều đình đều nể trọng và phải chấp nhận quan điểm của ngài.

Đạo đức, sự linh cảm, và công hộ trì Phật pháp của đại sư còn rất nhiều, nơi đây chỉ thuật lại phần khái quát.

Những điểm này trong vô hình đã khiến cho tỉnh Giang Tây biến thành trung tâm Phật hóa tại miền Nam.

Ở Đông Lâm, nhân khi rời rảnh, đại sư họp chúng lại bảo: "Chư vị đến đây niệm Phật, phải chăng đều cùng quyết chí gieo nhân lành cầu về Tịnh Độ ư?". Nhân cơ duyên đó, ngài cùng đại chúng cho mời thợ khéo chiêu y theo kinh điển, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh. Ba tôn tượng A Di Đà, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí khi tạo thành, rất cao lớn tươi đẹp, có đủ nét tướng uy đức trang nghiêm. Tượng Tam Thánh ấy được phụng cúng ở Bát Nhã Đài tại Đông Lâm. Vào tiết Mạnh Thu năm Mậu Thìn, nhằm ngày lạc thành tôn tượng, đại sư cùng tất cả chúng kết lập Bạch Liên Xã, nguyện đồng sanh về cõi Liên Bang. Khi ấy, ông Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện khắc vào bia đá. Các danh sĩ như nhóm ông Vương Kiều Chi lại viết thành tập thơ, lấy tên Niệm Phật Tam Muội để tỏ bày ý chí. Đại sư vì làm lời tựa như sau:

"Tam muội là thế nào?" Chính là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên, thì chí một tâm đồng. Tưởng lặng, thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí soi ngộ đến lý nhiệm màu. Thần sáng thì không chỗ u vi nào chẳng thấu. Hai điểm này tự nhiên thâm hợp nương về, mà phát sanh ra diệu dụng.

Lại các môn Tam muội, danh mục rất nhiều, công cao dễ tu, Niệm Phật là thắng. Tại sao thế? Vì cùng nơi huyền tịch, mới hiệu Như Lai, thể hợp với thần, mười phương

ứng hiện. Thế nên, khi vào tam muội, lạng lẽ vong tri, trí sáng chiếu cảnh duyên, gương lòng bày muôn tượng. Chỗ mắt tai không đến được, mà vẫn thấy vẫn nghe. Nơi linh trí lạng sáng thanh, nên hằng thông hằng suốt. Nếu chẳng phải bậc căn cơ linh mẫn, thì làm sao vào được cảnh diệu huyền ư?

Hôm nay, cùng chư hiền tu tập, đồng nương kết pháp duyên. Rửa lòng cửa Phật, những e còn kém duyên sen. Chuyên ý sớm hôm, cảm nỗi thánng ngày chẳng lại. Chí nguyện ba thừa thông suốt, bước đạo tiên cao. Lòng mong dìu dắt người sau, lối tranh tẩy sạch.

Xin xem thiên bài mà thấu ý, đừng theo vãn vịnh để vui tâm".

Đại sư vì thấy miền Đông Nam kinh tạng còn thiếu nhiều, nên sai đệ tử là Pháp Tịnh, Pháp Lĩnh cùng nhiều vị khác vượt ngọn Thông Lãnh sang Tây Thiên, tìm thỉnh các thứ kinh Phạm bản. Trải nhiều năm vượt suối băng ngàn, dãi nắng dầm sương, chịu đủ mọi nỗi khó khăn trở ngại, đoàn thỉnh kinh từ Tây Vực mới trở về, mang lại nhiều kết quả mong muốn. Tuy nhiên, nguyên bản còn là chữ Phạm. Huệ Viễn đại sư phải cho người đến Trường An thỉnh Tôn Giả Phật Đà Bạt Đà La, họp cùng những vị khác đến Lô Sơn phiên dịch các kinh điển ấy. Đại sư lại viết thư thỉnh cầu tôn giả Đàm Ma Lưu Chi, người Tây Trúc dịch thành bộ Thập tụng Luật. Thời ấy, những kinh luật lưu hành từ Lô Sơn, có gần đến trăm thứ.

Tuy xiển dương Tịnh Độ, đại sư vẫn lưu tâm đến các pháp môn khác, viết nhiều bài tựa về kinh luận, và hoàn thành mấy tác phẩm như sau:

1. Đại Trí Luận Yếu Lược (20 quyển).
2. Pháp Tánh Luận.
3. Sa Môn Bất Kính Vương Giả Luận.
4. Đại Thừa Nghĩa Chương (3 quyển).
5. Thích Tam Bảo Luận.
6. Minh Báo Ứng Luận.
7. Sa Môn Đản Phục Luận.
8. Biện Tâm Thức Luận.
9. Phật Ảnh Tán.
10. Du Lô Sơn Thi.
11. Lô Sơn Lược Ký.
12. Du Sơn Ký.

Ngoài ra còn nhiều văn thư biện luận về Phật pháp giữa đại sư với ngài Cưu Ma La Thập, cùng các ông Lưu Di Dân, Đới An và những hàng tán thân, đều được người đương thời truyền tụng. Trong bộ Pháp Tánh Luận, đại sư phát minh lý Niết Bàn Thường Trụ. Khi bộ luận này truyền đến Quan Trung, pháp Sư Cưu Ma La Thập xem được, khen rằng: "Lành thay! Huệ Viễn đại sư cư ngụ vùng biên phương, chưa đọc kinh Đại Niết Bàn, mà lời luận lại thâm hợp với chân lý. Ấy chẳng phải là điều kỳ diệu hay sao?"

Bạch Liên Xã do đại sư thành lập, quy tụ hơn ba ngàn người, trong đây có 123 vị được tôn là Hiền. Trong 123 vị Hiền này, lại có 18 bậc thượng thủ gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, gồm các ngài như sau:

1. Huệ Viễn đại sư.
2. Huệ Vĩnh pháp sư.
3. Huệ Trì pháp sư.
4. Đạo Sanh pháp sư.
5. Phật Đà Gia Xá Tôn giả.
6. Phật Đà Bạt Đà La Tôn giả.
7. Huệ Duệ pháp sư.
8. Đàm Thuận pháp sư.
9. Đạo Kính pháp sư.
10. Đàm Hằng pháp sư.
11. Đạo Bính pháp sư.
12. Đàm Tiên pháp sư.
13. Danh sĩ Lưu Di Dân.
14. Danh sĩ Lô Thứ Tôn.
15. Danh sĩ Tôn Bính.
16. Danh sĩ Vương Dĩ.
17. Danh sĩ Vương Thuyên.
18. Danh sĩ Châu Tục Chi.

Đại sư ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, chân không bước ra khỏi núi. Ngài khước từ mọi sự liên lạc không cần thiết với đời, nguyện giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Khi có khách đến viếng, lúc ra về đại sư chỉ tiến

chân tới cầu suối Hồ Khê trước chùa rồi trở vào. Có một lần, hai danh nhân là nho sĩ Đào Uyên Minh và đạo gia Lục Tu Tĩnh tìm đến yết kiến. Vì cơ luận khế hợp, khi đưa khách ra về, bất giác đại sư bước ra khỏi cầu suối hồi nào không hay. Vừa lúc ấy, ánh tịch dương chợt rọi đến, in bóng người bên vách núi. Cả ba như bưng tỉnh, đứng lại nhìn nhau cả cười, rồi chia tay tạm biệt. Người sau dựng Tam Tiểu Đình tại nơi đây để lưu niệm. Trong Tây Phương bách vịnh, Nhất Nguyên đại sư có biên ký điều trên như sau:

Tây Phương cổ giáo Thế Tôn tiên,
Đông Độ khai tông hiệu Bạch Liên.
Thập bát đại hiền vi thượng thủ,
Hồ Khê tam tiểu chí kim truyền.

Tạm dịch:

Tây Phương Phật dạy trước tiên
Truyền sang Đông Độ Bạch Liên mở đàn
Mười tám Hiền, học hạnh toàn
Hồ Khê dường hã còn vang tiếng cười.

Ở Đông Lâm, hôm sớm đại sư hằng lặng lòng quán tưởng, chuyên chí về Tịnh Độ, đã ba phen thấy thánh tướng mà trầm hậu không nói ra.

Năm Nghĩa Hy thứ mười hai, đêm ba mươi tháng bảy, ngài ngồi tịnh nơi Bát Nhã đài. Lúc vừa mở mắt xuất định, bỗng thấy Phật A Di Đà thân sắc vàng đầy khắp hư không. Trong ánh viên quang hiện vô số hóa Phật, mỗi vị đều có

Quán Âm, Thế Chí hầu hai bên tả hữu. Lại thấy nước chảy chia thành mười bốn ngọn quanh lộn lên xuống, phóng ra những tia sáng đẹp, diễn nói các pháp: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đức Phật bảo ngài rằng: Ta dùng sức bản nguyện đến đây an ủi người. Sau bảy ngày, người sẽ được sanh về Cực Lạc". Đại sư lại thấy các bạn đồng tu ở Liên Xã đã viên tịch trước, như các ông: Phật Đà Da Xá, Huệ Trì, Huệ Vĩnh, Lưu Di Dân... đều đứng phía sau Phật. Các vị ấy bước đến trước, chấp tay chào và nói: "Ngài phát tâm sớm hơn chúng tôi nay sao lại về muộn như thế?".

Hôm sau, đại sư cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử là Pháp Tĩnh, Huệ Bảo đến thuật lại, và nói: "Ta ở Lô Sơn này, trong mười một năm đầu, đã ba lần thấy thánh tướng cùng các kỳ tích. Nay lại có điềm như thế, tất duyên sanh Tịnh Độ đã đến thời kỳ!". Rồi dặn bảo các việc sau, soạn quy chế để răn nhắc đại chúng cùng nhau sách tiến tu tập.

Trong thời gian đại sư lâm bệnh, chư Tăng khuyên ngài phương tiện dùng thuốc rượu để điều trị. Đại sư khước từ bảo: Thân người như huyễn, nguyện giữ giới luật hoàn toàn thanh tịnh. Các đại đức lại thỉnh ngài dùng nước cơm, đại sư nói không thể được vì đã quá ngộ. Chư trưởng lão yêu cầu ngài tạm dùng mật. Đại sư bảo hãy dỡ luật tìm xem có đề cập đến điều này hay không? Các luật sư tra cứu chưa xong, ngài đã viên tịch. Lúc ấy nhằm ngày mùng

6 tháng 8 năm Bính Thìn, niên hiệu Nghĩa Hy thứ mười hai. Đại Sư thọ 83 tuổi.

Quan Thái Thú Tâm Dương là Nguyễn Bảo cùng đại chúng làm lễ an táng và xây tháp ngài tại phía Tây Lô Sơn. Vua An Đế nhà Tấn hay tin rất thương tiếc, sắc phong cho đại sư thụy hiệu: "Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh, Bạch Liên Xã Chủ". Các vua đời sau đều có phong tặng để cảm niệm công đức hộ pháp an dân của ngài.

THIỆN ĐẠO ĐẠI SU (LIÊN TÔNG NHỊ TỔ)

Thiện Đạo đại sư, người đời nhà Đường, chưa am tường được xuất xứ. Trong niên hiệu Trinh Quán, nhân thấy bài văn Tịnh Độ Cửu Phẩm Đạo Tràng của Đạo Xước thiên sư ở Tây Hà, ngài rất mừng bảo: “Đây mới thật là cửa mầu đi vào cảnh Phật. Tu các hạnh nghiệp khác xa vời quanh quất khó thành, duy pháp môn này mau thoát sanh tử!”.

Từ đó ngài siêng cần tinh khổ sớm hôm lễ tụng. Ít lâu sau lại đến kinh sư khuyến khích tứ chúng niệm Phật. Mỗi khi ngài vào thất quỳ niệm Phật, nếu chưa đến lúc kiệt sức, quyết không chịu thôi nghỉ. Lúc ra thất, lại vì đại chúng mà diễn nói pháp môn Tịnh Độ. Hơn ba mươi năm, đại sư vừa hóa đạo vừa chuyên tu, chưa từng ngủ nghỉ. Hằng ngày, thường nghiêm trì giới hạnh không thể sai

phạm một mảy may. Khi được cúng dường thức ăn ngon quý, ngài đem dâng cho đại chúng, còn phần mình chỉ dùng thứ thô dở mà thôi. Tài vật của dân tín cúng cho, ngài dùng tả hơn mười muôn quyển kinh A Di Đà, họa cảnh Tịnh Độ được ba trăm bức. Ngoài ra, thì dùng vào việc sửa sang chùa tháp, thắp đèn nổi sáng, không chứa để dư.

Kẻ đạo, người tục quy hướng theo đức hóa của ngài, niệm Phật rất nhiều kể đến số hàng vạn. Nhóm này thì tụng Kinh A Di Đà từ mười vạn đến năm mươi vạn biến. Nhóm khác mỗi ngày đêm niệm Phật từ một muôn đến mười muôn câu. Trong đó những người hiện tiền chứng Tam muội, lúc lâm chung được thoát ứng vãng sanh, đông không thể kể xiết.

Có người hỏi:

- Niệm Phật quyết chắc được vãng sanh chăng?

Ngài đáp:

-Nhu ông tin tưởng và thực hành, chắc chắn sẽ được toại nguyện!.

Nói xong, ngài tự niệm: Nam Mô A Di Đà Phật, liền có một tia sáng từ trong miệng phóng ra. Kế lại liên tiếp từ mười đến một trăm câu, mỗi câu đều có ánh sáng quang minh dài phóng ra nối nhau khiến sáng rực cả chùa. Sự thần dị này truyền đến Đế kinh, vua Cao Tôn nghe được phụng tứ một tấm biển sắc tặng hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Đại sư có bài kệ khuyên tu như sau:

Da mỗi tóc bạc lần lần,
Lục cùm bước run mấy chốc.

Dù sang vàng ngọc đầy nhà,
Vẫn khổ suy già bệnh tật.

Ví hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất.

Duy có đường tắt thoát ly
Chỉ niệm A Di Đà Phật.

Có người gạn:

- Sao hòa thượng không dạy người quán tưởng Phật,
mà chỉ bảo chuyên trì danh?

Ngài đáp:

-Chúng sanh đời này phần nhiều chướng nặng thâm
thô, thức thần tán động, mà cảnh Tịnh Độ thì rất tế diệu,
nên quán tưởng khó thành. Vì thế Đức Phật xót thương,
khuyên thẳng nên xưng danh hiệu. Chính vì xưng danh là
hạnh dễ làm, nếu cứ giữ mỗi niệm nói nhau tu như thế
suốt đời, thì mười kẻ niệm mười kẻ được vãng sanh, trăm
người tu trăm người về Tịnh Độ. Tại sao thế? -Vì không
duyên tạp bên ngoài nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với
bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái với kinh
giáo. Vì thuận theo lời Phật và chư Thánh chỉ dạy.

Nếu bỏ chuyên niệm mà tu xen tạp những hạnh khác
thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba, bốn kẻ
vãng sanh. Bởi tại sao? Vì duyên tạp loạn động khiến cho

mất chánh niệm. Vì không hợp với bản nguyện của Phật A Di Đà. Vì trái với kinh giáo và lời Phật, Thánh. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì tâm không thường nhớ ơn Phật. Vì tuy hành đạo mà thường tương ưng với danh lợi. Vì thích theo duyên tạp, làm chướng chánh hạnh vãng sanh của mình và người.

Gần đây, hàng đạo tục kiến giải không đồng, kẻ thích chuyên tu, người ưa tạp hạnh. Xin khuyến nhắc: Nếu chuyên niệm Phật, tất mười người đều được vãng sanh. Như tạp tu mà không chí tâm thì trong ngàn người khó mong được một. Nguyện tất cả đều nên chín chắn tự suy xét kỹ !

Lại người niệm Phật đi, đứng, nằm, ngồi, phải cố gắng nhiếp tâm ngày đêm chớ rời Thánh hiệu, thề quyết giữ đến hơi thở cuối cùng. Như thế tới lúc mãn phần, niệm trước vừa thọ chung, niệm sau liền sanh Cực Lạc. Từ đây vĩnh viễn hưởng sự vui pháp lạc vô vi cho đến khi thành Phật, há chẳng đáng mừng ư ?

Đại sư cũng từng dạy phương pháp giữ vững chánh niệm trong lúc lâm chung như sau:

-Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh Độ thì điểm cần yếu là đừng nên sợ chết. Phải thường nghĩ thân này như nhớp, biết bao điều khổ lụy trôi vây ! Nếu bỏ được thân huyễn hôi như, sanh về Cực Lạc thọ thân kim cương thanh tịnh sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng sự an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách

đổi lấy đồ trân phục, còn điều chi đáng thích ý bằng ! Nghĩ như thế, buông hẳn thân tâm, không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh, liền tưởng đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà. Nếu có ai đến thăm, chỉ khuyên nên vì mình niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dịu dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó chỉ là chuyện bông lông, vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết, lúc mình bệnh ngặt sắp chết, đừng rơi lệ thương khóc, hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến sau khi tắt hơi. Nếu lại được bậc tri thức hiểu rành về Tịnh Độ, thường đến nhắc khuyên thật là diệu hạnh ! Như lúc lâm chung biết áp dụng phương pháp này tất sẽ được vãng sanh không còn nghi ngờ chi nữa.

Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được. Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý nghĩ suy và ghi nhớ kỹ!

Một hôm, đại sư bỗng bảo người rằng: “Thân này đáng chán, ta sắp về Tây!”. Nói xong leo lên cây liễu trước chùa, chấp tay hướng về Tây chúc nguyện rằng: “Xin Phật và Bồ Tát tiếp dẫn con, khiến cho không mất chánh niệm, được sanh về Cực Lạc !”. Nguyện xong, gieo

mình xuống nhẹ nhàng như chiếc lá rơi, ngồi kiết già ngay thẳng trên mặt đất.

Đại chúng vội chạy đến xem thì ngài đã tắt hơi viên tịch.

Lời bình:

Các bậc tu thiền đắc đạo, muốn biểu hiện sự sống chết tự tại, có vị đứng mà hóa, có vị trở ngược đầu xuống đất đưa hai chân lên trời mà viên tịch. Nếu chưa phá tan ngũ uẩn, khi từ trên cao rơi xuống, dù bậc phục hoặc phát ngộ cũng khó giữ vững được chánh niệm. Hành động của Thiền Đạo đại sư, từ trên cây cao gieo mình xuống đất ngồi kiết già mà hóa, là biểu hiện sự sống chết tự tại, tùy niệm vắng sanh một cách tuyệt mức. Đại sư muốn ngầm khai thị: “Niệm Phật được nhất tâm chứng ngộ, thì Tịnh tức là Thiền vậy”.

THỪA VIỄN ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG TAM TỔ)

Thừa Viễn đại sư, người đời Đường, nguyên quán từ đâu, chưa rõ được xuất xứ. Ban sơ, ngài theo học với Đường thiền sư ở Thành Đô, kế lại học với Tản thiền sư ở Tứ Xuyên. Sau ngài đến Kinh Châu tham học với Chân pháp sư ở chùa Ngọc Tuyền.

Sau khi học nghiệp đã xong, tu hành đã ngộ, Chân công khuyên ngài nên đến Hoành Sơn để ứng duyên hoằng hóa. Trước tiên khi mới đến, đại sư cất thảo am dưới gộp đá phía Tây Nam non Hoành. Người đạo tâm hay biết, đem cúng cho thức ăn thì ngài dùng, hôm nào không có thì ăn bùn đất, tuyệt không hề đi quyên xin. Khổ tu như thế, đến nỗi mình gầy mặt nám, trên thân chỉ còn một chiếc y cũ rách.

Về phần truyền giáo, đại sư đứng theo lập trường trung đạo, tùy căn cơ mỗi người mà quyền biến chỉ dạy. Thấy cư dân quanh vùng phần nhiều nghèo khổ tật bệnh, ngài rộng truyền pháp môn Tịnh Độ, khuyên mọi người đều nên niệm Phật. Trên đá, nơi gốc cây, ven đường, nơi tường vách, bên hang đá hoặc suối khe, đại sư đều có viết lời thánh giáo, khuyên tỉnh ngộ lẽ đạo việc đời, cần chuyên niệm Phật. Do đức hóa của ngài, từ đó không cần chỉ dẫn nhiều, mà lần lượt kẻ mang vải, gạo, người khiêng đá gỗ, đến càng lúc càng đông, xây dựng thành cảnh chùa, đến nỗi có dư bố thí cho kẻ nghèo đói. Ngài vẫn thản nhiên, không khước từ cũng không khuyến khích, để họ xây cất sửa soạn dọn tùy tâm. Chẳng mấy lúc nơi vùng hoang sơn trước kia, đã trở thành cảnh lan nhã thanh u đồ sộ. Lần lần về sau, bốn phương xa gần người tín hướng quy y niệm Phật càng nhiều, như nước trăm sông đổ về biển, phải lấy số vạn mà kể.

Trước đó, có ngài Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn, một hôm nhập định, thần thức dạo chơi cõi Cực Lạc. Bên đức Phật, thấy có vị tăng mặc áo rách đứng hầu. Đức A Di Đà chỉ vị tăng ấy mà bảo rằng:

- "Người có biết chăng, người này là sa môn Thừa Viên ở Hoành Sơn đây! ".

Sau khi xuất định, Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm. Lúc gặp Thừa Viên đại sư, nhìn đúng là vị Tăng áo rách mà mình đã thấy, liền xin theo làm đệ tử.

Về sau, ngài Pháp Chiếu đi truyền giáo khắp nơi, danh đức rộng lớn, được vua Đại Tông nhà Đường phong làm quốc sư. Nhân khi nhàn nhã, quốc sư thuật lại đạo hạnh của thầy mình cho vua nghe. Đại Tông muốn thỉnh ngài Thừa Viên lai kinh để học đạo, nhưng rồi tự biết đó là bậc chí đức không thể vờ rước được, liền xây về phương Nam, hướng phía Hoành Sơn mà đánh lễ. Kế đó, vua truyền chỉ phong tặng chỗ ở của ngài hai tấm biển: một tấm đề Sắc Tứ Di Đà Tự. Tấm kia niêm mấy chữ Bát Chu Tam Muội Đạo Tràng. Vua lại truyền cho ông Liễu Tôn Nguyên soạn bài văn ký sự khắc vào bia đá, dựng bên cổng trước chùa.

Vào năm Trinh Nguơn thứ mười tám đời Đường, nhằm ngày 19 tháng 7, đại sư an lành thị tịch thọ chín mươi một tuổi.

PHÁP CHIẾU ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG TỨ TỔ)

Pháp Chiếu đại sư, chưa rõ là người bậc thế nào? Trong năm Đại Lịch thứ hai (767) đời nhà Đường, hàng đạo tục được biết ngài ở chùa Vân Phong tại Hoành Châu, thường chuyên cần tu tập.

Một buổi sáng, vào lúc thanh trai, ngài thấy trong bát cháo ở tầng đường; hiện rõ bóng mây ngũ sắc. Trong mây hiện ra cảnh sơn tự, phía Đông Bắc chùa có dãy núi, chân núi có khe nước. Phía Bắc khe nước có cửa ngõ bằng đá. Trong ngõ đá lại có một ngôi chùa to, biển đề "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Mấy hôm sau, ngài lại thấy nơi bát cháo hiện rõ cảnh chùa lớn ấy, gồm vườn ao, lầu đài tráng lệ nguy nga, và một vị Bồ Tát ở trong đó.

Ngài đem cảnh tượng ấy hỏi các bậc tri thức. Một vị cao tăng bảo: "Sự biến hiện của chư Thánh khó nghĩ bàn được. Nhưng nếu luận về địa thế non sông, thì đó là cảnh Ngũ Đài Sơn". Nghe lời ấy ngài có ý muốn đến viếng Ngũ Đài thử xem sự thật ra thế nào?

Năm Đại Lịch thứ tư (769), đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại chùa Hồ Đông. Ngày khai hội cảm mây lành giăng che chốn đạo tràng. Trong mây hiện ra cung điện lầu các. Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân vàng sáng chói cả hư không. Khắp thành Hoành Châu, bá tánh trông thấy đều đặt bàn đốt hương đánh lễ. Cảnh tượng ấy hiện ra giây lâu mới ẩn mất. Do

điềm lành này, rất nhiều người phát tâm tinh tấn niệm Phật. Đạo tràng khai liên tiếp được năm hội.

Một hôm, đại sư gặp cụ già bảo: "Ông từng có ý niệm muốn đến Kim Sắc thế giới tại Ngũ Đài Sơn, để đánh lễ đức Đại Thánh Văn Thù sao đến nay vẫn chưa thật hành ý nguyện?". Nói xong liền ắp mắt. Được sự nhắc nhở, ngài sửa soạn hành trang, cùng với mấy pháp hữu, đồng đến viếng Ngũ Đài.

Năm Đại Lịch thứ năm, vào ngày mùng sáu tháng tư, đại sư cùng đồng bạn mới đến chùa Phật Quang ở huyện Ngũ Đài. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, ngài thấy ánh sáng lạ từ xa chiếu đến thân mình, liền nhắm phủng chùng tia sáng mà theo dõi. Đi được năm mươi dặm thì đến một dãy núi, dưới chân núi có khe nước, phía Bắc khe có cửa công bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử đứng đón chờ, tự xưng là Thiện Tài và Nan Đà. Theo chân hai đồng tử dẫn đường, ngài đến một ngôi chùa nguy nga, biển đề: "Đại Thánh Trúc Lâm Tự". Nơi đây đất vàng, cây báu, ao sen, lầu các rất kỳ diễm trang nghiêm. Cảnh giới quả đúng như ảnh tượng đã thấy nơi bát cháo khi trước.

Ngài vào chùa, lên giảng đường, thấy đức Văn Thù bên Tây, đức Phổ Hiền bên Đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử báu cao đẹp, đang thuyết pháp cho một muôn vị Bồ Tát ngồi phía dưới lặng lẽ lắng nghe. Pháp Chiếu bước đến chí thành đánh lễ, rồi quỳ xuống thưa rằng:

-Kính bạch Đại Thánh! Hàng phàm phu đời mạt pháp, cách Phật đã xa, chương nặng nghiệp sâu, tri thức kém hẹp, tuy có Phật tánh mà không biết làm sao hiển lộ. Giáo pháp của Phật lại quá rộng rãi mênh mông, chưa rõ pháp môn nào thiết yếu để tu hành cho mau được giải thoát?

Đức Văn Thù bảo:

-Thời kỳ này chính là đúng lúc các người nên niệm Phật. Trong các hành môn không chi hơn niệm Phật và gồm tu phước huệ. Thuở đời quá khứ, ta nhờ quán Phật, niệm Phật, cúng dường Tam Bảo mà được Nhất thiết chủng trí. Tất cả các pháp như: Bát Nhã Ba La Mật, những môn thiên định rộng sâu, cho đến chư Phật cũng từ niệm Phật mà sanh. Vì thế nên biết, niệm Phật là vua trong các pháp môn.

Ngài Pháp Chiếu lại hỏi:

-Bạch Đại Thánh! Nên niệm như thế nào?

Đức Văn Thù dạy:

-Về phương Tây của thế giới này, có Phật A Di Đà giáo chủ cõi Cực Lạc. Đức Thế Tôn đó nguyện lực không thể nghĩ bàn! Người nên chuyên niệm danh hiệu của ngài nối tiếp không gián đoạn, thì khi mạng chung, quyết được vãng sanh, chẳng còn bị thối chuyển.

Nói xong, hai vị Đại Thánh đồng đưa tay vàng xoa đầu ngài Pháp Chiếu và bảo rằng:

-Do người niệm Phật, nên không lâu sẽ chứng được quả Vô thượng Bồ Đề. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn

mau thành Phật, thì không chi hơn niệm Phật. Kẻ ấy nhất định sẽ mau lên ngôi Chánh Đẳng Chánh Giác.

Được hai vị Đại Thánh thọ ký xong ngài Pháp Chiếu vui mừng đánh lễ rồi từ tạ lui ra.

Hai đồng tử khi nãy theo sau tiễn đưa. Vừa ra khỏi cổng, ngài quay lại thì người và cảnh đều biến mất. Ngài liền dựng đá đánh dấu chỗ ấy, rồi trở về chùa Phật Quang.

Đến ngày 13 tháng 4, Pháp Chiếu đại sư cùng hơn năm mươi vị tăng đồng đến hang Kim Cang, thành tâm đánh lễ hồng danh ba mươi lăm đức Phật. Vừa lạy được mười lượt, ngài bỗng thấy hang Kim Cang rộng lớn thanh tịnh trang nghiêm có cung điện bằng lưu ly, đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng ngự trong ấy. Hôm khác, ngài lại đi riêng đến hang Kim Cang, gieo mình đánh lễ, nguyện thấy Đại Thánh. Đang khi lạy xuống vừa ngược lên, đại sư bỗng thấy một Phạm Tăng tự xưng là Phật Đà Ba Ly. Vị này đưa ngài vào một đại điện trang nghiêm, biển đề là Kim Cang Bát Nhã Tự. Toàn điện nhiều thứ báu lạ đẹp màu, ánh sáng lấp lánh. Dù đã nhiều lần thấy sự linh dị, nhưng ngài vẫn chưa thuật lại với ai cả.

Tháng chạp năm ấy, ngài nhập đạo tràng niệm Phật nơi chùa Hoa Nghiêm định kỳ tuyệt thực tu hành, nguyện vãng sanh về Tịnh Độ. Đêm đầu hôm, ngày thứ bảy, đang lúc niệm Phật, đại sư bỗng thấy một vị Phạm Tăng bước vào bảo:

-Ông đã thấy cảnh giới ở Ngũ Đài Sơn, sao không truyền thuật cho người đời cùng được biết?.

Nói xong, liền ẩn mất. Hôm sau, trong lúc niệm Phật, vị Phạm Tăng hiện ra, bảo y như trước.

Ngài đáp:

-Không phải tôi dám giấu kín thánh tích, nhưng chỉ sợ nói ra người đời không tin sanh sự chê bai mà thôi.

Phạm Tăng bảo:

-Chính đức Đại Thánh Văn Thù hiện tại ở núi này, mà còn bị người đời hủy báng, thì ông còn lo ngại làm chi? Hãy đem những cảnh giới mà ông được thấy truyền thuật với chúng sanh, làm duyên cho kẻ được nghe biết, phát khởi tâm Bồ Đề.

Ngài tuân lời, nhớ kỹ lại những sự việc đã thấy, rồi ghi chép ra truyền lại cho mọi người.

Năm sau, sư Thích Huệ Tùy ở Giang Đông cùng với chư tăng chùa Hoa Nghiêm, theo Pháp Chiếu đại sư đến hang Kim Cang lễ Phật. Kế đó, lại đến chỗ dựng đá lúc trước để chiêm ngưỡng dấu cũ. Đại chúng còn đang ngậm ngùi ngưỡng vọng, bỗng đồng nghe tiếng hồng chung từ vách đá vang ra. Giọng chuông thanh thoát ngân nga, nhặt khoan rành rẽ. Ai nấy đều kinh lạ, đồng công nhận những lời thuật của ngài Pháp Chiếu là đúng sự thật. Vì muốn cho người viếng cảnh đều phát đạo tâm, tăng chúng nhân cơ duyên ấy, khắc những sự việc của ngài nghe thấy vào

vách đá. Về sau ngay nơi đó, một cảnh chùa trang nghiêm được dựng lên, vẫn lấy hiệu là Trúc Lâm Tự để lưu niệm.

Triều vua Đức Tông, Pháp Chiếu đại sư mở đạo tràng niệm Phật tại Tinh Châu, cũng liên tiếp được năm hội. Mỗi đêm vua và người trong cung nghe tiếng niệm Phật rất thanh thoát từ xa đưa vắng lại. Sau khi cho người dò tìm, được biết đó là tiếng niệm Phật ở đạo tràng tại Tinh Châu, nhà vua phái sứ giả mang lễ đến thỉnh ngài vào triều. Ngài mở đạo tràng niệm Phật tại hoàng cung, cũng gồm năm hội. Vì thế, người đương thời gọi ngài là Ngũ Hội pháp sư.

Từ đó đại sư tinh tấn tu hành, ngày đêm không trễ. Một đêm nọ ngài thấy vị Phạm Tăng khi trước là Phật Đà Ba Ly hiện đến bảo:

-Hoa sen công đức của ông nơi ao thất bảo ở cõi Cực Lạc đã thành tựu. Ba năm sau là đúng thời kỳ hoa nở, ông nên chuẩn bị.

Đến kỳ hạn, đại sư gọi tăng chúng lại căn dặn rằng:

-Ta về Cực Lạc, mọi người phải gắng tinh tu!

Nói xong, ngài ngồi ngay yên lặng mà tịch.

THIỆU KHANG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG NGŨ TỔ)

Thiếu Khang đại sư họ Châu, người đời nhà Đường, ở vùng núi Tiên Đô xứ Tấn Vân. Từ buổi sơ sanh, ngài im lặng không nói. Năm bảy tuổi nhân lễ trai hội, ngài theo mẹ vào chùa lạy Phật. Bà chỉ tượng Phật hỏi đùa rằng: "Con có biết đó là ai chăng?" Ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn!". Biết con mình có duyên lành với Phật pháp, cha mẹ ngài liền cho đi xuất gia. Căn cơ linh mẫn, đến mười lăm tuổi ngài đã thông suốt được năm bộ kinh.

Niên hiệu Trinh Ngươn năm đầu, đại sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ để sách trong đại điện phóng quang, ngài lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn Tây Phương Hóa Đạo của Thiện Đạo hòa thượng, ngài liền khấn rằng: "Nếu tôi có nhân duyên với Tịnh Độ, nguyện tập văn này phóng quang một lần nữa!" Vừa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu ra rục rỡ, trong ấy ẩn hiện hình dạng các hóa Bồ Tát. Ngài chấp tay nói: "Kiếp đá có thể mòn, nguyện này thề không dời đổi!".

Nhân đó, đại sư đến Trường An, chiêm lễ di tượng của Thiện Đạo hòa thượng. Đang khi lễ, tượng của nhị Tổ bỗng bay lên, bảo ngài rằng: "Ông nên y theo lời dạy của ta mà phổ độ chúng sanh, ngày kia công thành, sẽ sanh về Cực Lạc!". Đi ngang qua Giang Lăng, ngài gặp một sư cụ

bảo: "Ông muốn hoằng hóa, nên sang xứ Tân Định, cơ duyên ở nơi đó!" Nói xong bỗng biến mất.

Sau thời gian ấy, đại sư đến Tân Định, thấy người xứ này chưa biết niệm Phật là gì. Dùng phương tiện, ban sơ ngài quyên tiền dẫn dụ trẻ con niệm Phật. Nếu đưa nào niệm Phật được một câu; ngài liền thưởng cho một đồng tiền. Như thế hơn một năm, rồi không cần thưởng tiền, chúng nó cũng niệm. Tập quán dần quen, về sau lúc gặp đại sư ở trong nhà hay đi chơi ngoài đường, chúng cũng vẫn niệm. Từ đó, nam nữ, già trẻ, hễ thấy ngài, đều niệm: A Di Đà Phật! Nhân sự việc này, dân chúng vùng ấy lần lượt phát tâm thờ cúng niệm Phật rất nhiều.

Thấy cơ duyên đã có phần thuận thực, đại sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng ở Ô Long Sơn, xây đàn tam cấp. Cứ đến ngày trai, thiện nam tín nữ đều họp nơi đó để niệm Phật nghe pháp. Thường thường số người họp có trên ba ngàn. Mỗi khi thăng tòa, ngài chấp tay to tiếng niệm Phật, thì đại chúng ở dưới đều xướng niệm hòa theo. Có lúc đại sư xưng một câu Phật hiệu, hội chúng thấy một đức Phật từ miệng ngài bay ra. Niệm đến mười câu, trăm, ngàn câu đều có mười, trăm, ngàn vị Phật bay ra, liên tiếp như xâu chuỗi. Đại sư bảo: "Quý vị đã được thấy Phật, chắc chắn đều sẽ vãng sanh!". Mọi người nghe nói đều có cảm niệm vui mừng an ủi.

Năm Trịnh Ngươn thứ hai mươi một (647), vào tháng 10, đại sư họp hết hàng đạo tục đến dặn bảo rằng: "Các vị

nên phát tâm chán lìa cõi Ta Bà ác trược, ưa thích miền Tịnh Độ an vui, mà cố gắng tu hành tinh tấn. Giờ phút này ai thấy được quang minh của ta, kẻ ấy mới thật là hàng đệ tử". Nói xong, ngài phóng vài tia sáng lạ đẹp dài, rồi ngồi yên lặng mà tịch.

Đại chúng xây tháp ngài ở Đài Nham, tôn hiệu là Đài Nham Pháp Sư.

DIÊN THỌ ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG LỤC TỔ)

Diên Thọ đại sư, tự Xung Huyền, người đời Tống, con của họ Vương ở Tiên Đường. Lúc thiếu thời, ngài thích tụng kinh Pháp Hoa, cảm đến bày dê quỳ mọp nghe kinh.

Lớn lên, Xung Huyền được Văn Mục Vương tuyển dụng, cho làm quan trông nom về thuế vụ. Nhiều lần ngài lấy tiền công quỹ đến Tây Hồ mua cá trạnh phóng sanh. Việc phát giác ra, bị Pháp ty thẩm định, xử ngài vào tội tử hình. Lúc sắp đem đi chém, Văn Mục Vương bí mật cho người rình xem, nếu thấy ngài nhan sắc thản nhiên, không tỏ vẻ buồn rầu lo sợ, thì phải đem về trình lại. Thấy ngài trước sau vẫn an điềm. Sứ giả trao sắc chỉ cho quan Giám trảm, rồi dẫn về diện kiến vua. Khi Vương hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi tư dụng của công, thật đáng tội chết. Nhưng toàn số tiền đó, tôi dùng mua cứu được muôn ức sanh mạng, thì dù thân này có chết, cũng được vãng sanh về cõi Liên Bang, vì thế nên tôi không lo sợ". Văn Mục

Vương nghe qua cảm động, ra lệnh tha bổng. Ngài xin xuất gia, Vương bằng lòng.

Sau đó, ngài đến quy đầu với Thúy Nham thiền sư ở Tứ Minh. Kế lại tham học với Thiệu quốc sư ở Thiên Thai, tỏ ngộ tâm yếu, được quốc sư ấn khả, ngài từng tu Pháp Hoa Sám ở chùa Quốc Thanh. Trong lúc thiền quán thấy đức Quán Thế Âm Bồ Tát rưới nước cam lồ vào miệng, từ đó được biệt tài vô ngại. Do túc nguyện muốn chuyên chú về Thiền hoặc Tịnh mà chưa quyết định, ngài đến thiền viện của Trí Giả đại sư, làm hai lá thăm, một lá đề: Nhất tâm Thiền định; còn lá kia là: Trang nghiêm Tịnh Độ. Kế lại chí tâm đánh lễ Tam Bảo sám hối, cầu xin gia bị. Đến khi rút thăm, luôn bảy lần đều nhằm lá Trang Nghiêm Tịnh Độ. Từ đây ngài nhất ý tu về Tịnh nghiệp.

Năm Kiến Long thứ hai đời Tống (961). Trung Ý Vương thỉnh ngài trụ trì chùa Vĩnh Minh, tôn hiệu là Trí Giác thiền sư. Ngài ở đây trước sau mười lăm năm, độ được một ngàn bảy trăm vị Tăng. Đại sư lập công khóa, mỗi ngày đêm hành trì một trăm lễ tám điều. Và hai điều đặc biệt trong đó, là tụng một bộ kinh Pháp Hoa, và niệm mười muôn câu Phật hiệu. Ban đêm khi ngài qua gộp núi khác niệm Phật, những người ở gần nghe tiếng loa pháp cùng thiên nhạc trầm bổng du dương. Về kinh Pháp Hoa, trọn đời ngài tụng được một muôn ba ngàn bộ. Đại sư thường truyền giới Bồ Tát, mua chim cá phóng sanh, thí thực cho quỷ thần, tất cả công đức đều hồi hướng về Tịnh

Độ. Ngài có trứ tác một trăm quyển Tông Cảnh Lục, hội chỉ thú dị đồng của ba tông: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Duy Thức.

Đại sư lại soạn ra tập Vạn Thiện Đồng Quy. Trong đây lời lẽ chỉ dạy về Tịnh Độ rất thiết yếu, đại lược như sau:

Hỏi:

-Cảnh duy tâm Tịnh Độ đầy khắp mười phương sao không hướng nhập, mà lại khởi lòng thủ xả, cầu về Cực Lạc gởi chắt ở đài sen. Như thế đâu hợp với lý vô sanh, và đã có tâm chán uế ưa tịnh thì đâu thành bình đẳng?

Đáp:

-Sanh duy tâm Tịnh Độ là phần của các bậc đã liễu ngộ tự tâm, chứng được pháp thân vô tướng. Tuy nhiên, theo kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới, thì những bậc chứng Sơ địa vào duy tâm độ, cũng nguyện xả thân để mau sanh về Cực Lạc. Thế thì biết ngoài tâm không pháp, cảnh Cực Lạc đâu ngoài duy tâm? Còn về Phần "Lý vô sanh và môn bình đẳng" tuy lý thuyết là như thế, nhưng kẻ lực lượng chưa đủ, trí cạn tâm thô, tập nhiễm nặng, lại gặp cảnh trần lôi cuốn mạnh mẽ, dễ gì mà chứng nhập được. Những kẻ ấy cần phải cầu sanh Cực Lạc, nhờ cảnh duyên thắng diệu ở đó, mới mau chứng vào Tịnh Độ duy tâm và thực hành đạo Bồ Tát.

Thập Nghi Luận cũng nói: "Bậc trí tuy liễu vô sanh, song vẫn hăng hái cầu về Tịnh Độ, vì thấu suốt sanh thể như huyễn không thể tìm được. Đó mới thật là chân vô

sanh. Còn kẻ ngu không hiểu lý ấy, bị nghĩa sanh ràng buộc nghe nói sanh thì nghĩ rằng thật có tướng sanh, nghe nói vô sanh lại tưởng lầm là không sanh về đâu cả. Do đó, họ mới khởi niệm thị phi chê bai lẫn nhau gây thành nghiệp tà kiến báng pháp. Đáng thương thay!

Hỏi:

-Kinh luận nói: "Ngoài tâm không pháp, Phật không khứ lai". Nhưng sao người tu Tịnh Độ lại thấy Thánh tướng và việc Phật đến rước là như thế nào?

Đáp:

-Kinh Bát Chu nói: "Như người nằm mơ thấy bảy thứ báu, hàng thân thuộc đều cùng vui mừng. Đến lúc thức tỉnh nghĩ lại, chẳng biết cảnh sang giàu ấy ở đâu? Sự việc niệm Phật cũng như vậy". Thế thì biết các cảnh đều như huyễn, do duy tâm hiện, tức có mà không, tuy hiện tướng khứ lai song thật không có đến đi. Cho nên, thánh cảnh tuy như huyễn, song chẳng phải không có huyễn tướng, việc đến đi tuy không thật, song chẳng ngại gì có tướng khứ lai. Đó là lý trung đạo. Huyền sắc tức chân không, chính huyền sắc, có và không đều vô ngại. Tất cả sự và cảnh chúng sanh đang sống ở thế gian này, cũng đều như thế.

Thật ra, chân cảnh của duy tâm, không có đông tây cùng các phương hướng, không có đến đi qua lại, cũng không có một pháp nào ngoài tâm. Nhưng với bậc đã dứt trừ nghiệp hoặc, chúng Vô sanh nhẫn, vào thật tướng của

pháp thân, mới dám đương sánh huyền lý trên đây. Còn hàng sơ tâm mới tu, chớ nên lầm tự nhận.

Hỏi:

-Theo Quán kinh thì phải nhiếp tâm vào định, quán y báo chánh báo cõi Cực Lạc rõ ràng, mới có thể về Tịnh Độ. Tại sao kẻ chưa vào định, tu môn Trì danh cũng được vãng sanh?

Đáp:

-Chín phẩm sen ở Cực Lạc gồm nhiếp tất cả công hạnh thấp cao, song không ngoài hai điểm: Định tâm và Chuyên tâm.

1. Định tâm hay định thiện, là những vị tu tập quán pháp thành công, hoặc trì danh hiệu được vào tam muội. Các vị này sẽ sanh về thượng phẩm.

2. Chuyên tâm hay tán thiện, là những người chỉ niệm danh hiệu chưa được vào tam muội, hoặc tu các công đức lành khác trợ giúp, rồi phát nguyện hồi hướng. Hạng người này cũng được dự vào các phẩm thấp hơn. Nhưng cần phải trọn đời quy mạng Tây Phương và chuyên cần tu tập. Lúc ngồi nằm thường xây mặt về hướng Tây. Khi niệm Phật, lúc phát nguyện, phải chí thành không xao lãng. Tâm niệm khẩn thiết ấy ví như kẻ bị gông xiềng tù ngục cầu mau thoát ly; người lâm cảnh lửa cháy, nước trôi, hoặc giặc cướp rượt đuổi mong được khỏi nạn. Lại phải vì sự sống chết, phát lòng Bồ Đề, cầu sanh Tây Phương, mau thành Thánh đạo để đền đáp bốn ân, nói

thành Tam Bảo, độ khắp muôn loài. Chí thành như thế, quyết chắc sẽ được kết quả.

Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, sức tín nguyện yếu kém, tâm không chuyên nhất, sự tu hành không tương tục thì khó hy vọng thành công. Bởi kẻ biếng trễ như thế, e khi lâm chung bị nghiệp chướng trở ngại, chẳng gặp bạn lành, lại thêm thân thể đau nhức, tâm thức hôn mê, không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi hiện tại là nhân, khi lâm chung là quả. Cần phải nhân cho chắc thật, quả mới không hư luống, như tiếng hòa nhã thì vang dịu dàng, hình ngay tắt bóng thẳng vậy. Nếu muốn khi sắp chết mười niệm thành công, thì ngay lúc hiện tại phải một lòng chí thiết tinh tấn tu hành, tất không còn điều chi lo ngại.

Đại khái, chúng sanh bởi tâm chia thiện ác, nên báo có khổ vui. Do nơi ba nghiệp tạo thành, mới khiến sáu đường luân chuyển. Nếu tâm sân hận, tà dâm, đó là nghiệp Địa ngục. Tâm tham lam, bòn xén là nghiệp Ngạ quỷ. Tâm ngu si, tà kiến là nghiệp Súc sanh. Tâm ngã mạn, tự cao là nghiệp Tu la. Giữ bèn Ngũ giới, là nghiệp Người. Tiên tu Thập Thiện là nghiệp Trời. Chứng ngộ nhân không, là nghiệp Thanh Văn. Rõ thấu duyên sanh là nghiệp Duyên Giác. Tu trọn Lục độ, là nghiệp Bồ Tát. Chân từ bình đẳng là nghiệp Phật.

Nếu tâm thanh tịnh niệm Phật, thì hóa sanh về Tịnh Độ, ở nơi bảo các hương đài. Như ý mê tối đục nhờn, tất

gởi chất cõi uế bang, nương cảnh nồng gò hầm hổ. Cho nên lìa nguồn tự tâm không còn biệt thể, muốn được quả tịnh, phải chùng nhân mẫu. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên, lý thể tất nhiên, có chi mà ngờ vực!

Đại sư lại vì người đương thời còn phân vân giữa Thiền và Tịnh, chưa biết tu môn nào được kết quả chắc chắn, nên làm kệ Tứ Liệu Giản để so sánh sự lợi hại như sau:

Có Thiền không Tịnh Độ
Mười người, chín lạc lộ.
Ấm cảnh khi hiện ra
Chớp mắt đi theo nó.

Không Thiền, có Tịnh Độ
Muôn tu, muôn thoát khổ.
Vãng sanh thấy Di Đà
Lo gì chẳng khai ngộ?

Có Thiền, có Tịnh Độ
Như thêm sừng mãnh hổ.
Hiện đời làm thầy người
Về sau thành Phật, Tổ.

Không Thiền, không Tịnh Độ
Giường sắt, cột đồng lửa!
Muôn kiếp lại ngàn đời

Chẳng có nơi nương tựa.

Niên hiệu Khai Bảo thứ tám, ngày 26 tháng 2 vào buổi sáng sớm, đại sư lên chánh điện đốt hương lễ Phật. Lễ xong, ngài họp đại chúng lại dặn dò khuyên bảo, rồi ngồi kiết già trên pháp tòa mà thị tịch, thọ được bảy mươi hai tuổi.

Về sau, có vị Tăng từ Lâm Xuyên đến, trọn năm kính hành lễ tháp của đại sư. Có người hỏi duyên cớ, vị Tăng đáp:

"Năm trước tôi bệnh nặng, thần thức vào cõi u minh, thấy bên tả đại điện có thờ tượng một vị hòa thượng. Minh Vương đang cung kính lễ bái tượng ấy. Tôi thưa hỏi nguyên do, mới biết đó là tượng của Diên Thọ thiền sư ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng Châu. Ngài đã vãng sanh về phẩm thượng thượng nơi cõi Cực Lạc. Minh Vương trọng đức nên kính thờ".

Theo truyện ký, vào thời Ngô Việt Vương, tại Hàng Châu có hòa thượng Hành Tu, trụ trì chùa Pháp Tướng. Ngài vốn con nhà họ Trần ở Tuyên Nam, sanh ra có tướng lạ, hai tai dài chấm tới vai, đến bảy tuổi vẫn không nói. Một hôm có người đùa hỏi, ngài bỗng ứng tiếng đáp: "Nếu không gặp bậc tác gia, nói cho lắm chỉ xô phá lều khói mà thôi!".

Sau ngài xuất gia ở chùa Ngõa Quan tại Kim Lăng, tham phỏng với Tuyết Phong thiền sư, ngộ được tâm ấn.

Từ đó mãnh thú gặp ngài đều thuận thực, từng nổi tiếng là ông Tăng có nhiều sự phi thường, linh dị. Có một đại đức hỏi:

"Thế nào là ý nghĩa của đôi tai dài?"

Ngài không đáp, chỉ kéo dài hai tai mà biểu thị. Lại hỏi:

"Chót núi phương Nam có khó đến chăng?"

Ngài đáp:

"Chỉ tại chưa từng đi đến".

Hỏi:

"Sau khi đến rồi như thế nào?"

Đáp:

"Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao".

Ngô Việt Vương nhân khi đến chùa lễ Phật, có hỏi ngài Vĩnh Minh:

"Bạch tôn đức! Thời nay có bậc chân Tăng nào khác chăng?"

Đại sư đáp:

"Có hòa thượng Hành Tu, đôi tai dài, chính là Phật Định Quang ứng thân đây!".

Vương tìm đến ngài Hành Tu cung kính đánh lễ, tôn xưng là Định Quang Như Lai ra đời. Ngài bảo:

"Vĩnh Minh đại sư thật khéo nhiều lời. Ông ta cũng chính là Phật A Di Đà ứng thân đó".

Nói xong, ngồi yên mà hóa. Ngô Việt Vương vội vã trở về chùa Vĩnh Minh định gạn hỏi hết, thì đại sư cũng đã thị tịch.

Do đó, người đương thời truyền nhau: Vĩnh Minh đại sư là Phật A Di Đà ứng hóa. Và hàng Tăng tục mới lấy ngày sanh nhật của đại sư - ngày 17 tháng 11 là lễ vía kỷ niệm Phật A Di Đà.

TỈNH THƯỜNG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẤT TỔ)

Tỉnh Thường đại sư, tự Thửu Vi, người đời Tống, con nhà họ Nhan ở Tiền Đường. Khi lên bảy, ngài gặp duyên lành xuất gia và mới mười bảy tuổi đã thọ giới cụ túc.

Trong niên hiệu Thuần Hóa, đại sư đến trụ trì chùa Chiêu Khánh. Vì mến di phong của Lô Sơn, ngài tạo tượng Phật A Di Đà kết hợp bạn sen, thành lập Liên Xã. Sau đó, ngài lại chích máu tả phâm Tịnh Hạnh trong Kinh Hoa Nghiêm. Do nhân duyên ấy lại đổi tên Liên Xã thành Tịnh Hạnh Xã. Hàng sĩ phu dự vào hội niệm Phật được một trăm hai mươi người. Ngoài ra các hàng nam nữ thiện tín khác có đến hàng vạn, đều xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Trong đây quan Tướng quốc Vương Văn Đán làm hội thủ. Riêng phần tỳ kheo tăng, đại sư độ được hơn một ngàn người, đều tu môn niệm Phật.

Năm Thiên Hy thứ tư, ngày 12 tháng giêng, theo thường khóa đại sư ngồi kiết già niệm Phật. Giấy lát, bông

nói to lên rằng: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!". Rồi ngồi yên mà hóa, thọ 62 tuổi.

Trong giờ ngài thị tịch, đại chúng thấy mặt đất biến thành sắc vàng ròng, rất lâu mới hoàn phục như cũ.

Lời phụ:

Kinh dạy: "Tâm tịnh thì cõi Phật thanh tịnh". Đại sư đã tu nhân niệm Phật thanh tịnh, tất phải cảm tịnh quả. Nhưng vì tịnh quả quá mãnh liệt nên không đơi sanh về Tây Phương mà ảnh hưởng đến cảnh uế địa này tạm biến thành sắc hoàng kim. Đây là một bằng chứng cho biết cảnh đất vàng cây báu ở Tịnh Độ là có thật, vì "Tất cả pháp do tâm tạo".

Quả vị của đại sư tất ở ngôi thượng thượng phẩm.

CHÂU HOẰNG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG BÁT TỔ)

Châu Hoằng đại sư, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Trầm, ở xứ Nhân Hòa tại Hàng Châu. Năm mười bảy tuổi ngài đã được bổ làm giáo thọ, nổi tiếng là người học hạnh kiêm toàn.

Láng giềng có bà lão, mỗi ngày niệm Phật vài ngàn câu, lấy làm thường khóa. Nhân lúc rỗi rảnh sang chơi, ngài hỏi duyên có, bà đáp: "Ông nhà tôi lúc sanh tiền chuyên lo niệm Phật đến khi sắp chết, không đau bịnh chi, vui vẻ vòng tay cáo từ mọi người mà qua đời. Do đó, tôi

biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!". Ngài nghe nói cảm động, từ đó hằng đề ý đến pháp môn Tịnh Độ. Lại viết bốn chữ: "Sống chết việc lớn" dán nơi vách đầu bàn để tự răn nhắc.

Năm ba mươi hai tuổi, ngài xuất gia, rồi đi tham phỏng các bậc danh đức. Sau cùng đến học đạo với Tiểu Nham Nguyệt Tâm thiền sư, tham câu "Niệm Phật là ai?". Một hôm, đang đi tham cứu bồng chọt tỉnh ngộ, làm bài kệ rằng:

Hai chục năm qua việc đáng nghi

Ngoài ba ngàn dặm gặp sao kỳ!

Đốt hương, liệng kích dường như mộng.

Ma, Phật, tranh sông thị lẫn phi!

Niên hiệu Long Khánh thứ năm, đại sư đi khát thực ngang qua đỉnh Vân Thê, thấy cảnh nước non cực kỳ u nhã, quyết ý cất am ở tu. Trong núi ấy có nhiều cọp, ngài hành phép Du Già thí thực, từ đó các loài thú dữ không còn khuấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh vùng đến am cầu xin đảo võ. Ngài đáp: "Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!". Mọi người vẫn nài nỉ cố thỉnh. Đại sư cảm lòng thành của dân chúng, ra thảo am gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của ngài đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau hiệp sức xây cất điện chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao

lâu chỗ ấy thành cảnh đại tông lâm trang nghiêm thanh tịnh.

Đại sư tuy đã tỏ thiên cơ, nhưng xét thấy căn lực người thời mạt pháp kém yếu, kẻ nói lý thì nhiều song ngộ lý thật rất ít. Vì muốn lợi mình và người, nên ngài chủ trương Tịnh Độ, cực lực bác bỏ cuồng thiên. Bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao do ngài trứ tác, dung hòa cả sự lý, gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất là uyên áo. Về trước, các bậc tôn đức trong Phật giáo, tuy hoằng truyền Tịnh Độ, nhưng vẫn không bỏ Thiên tông. Đến phiên đại sư là người được chánh truyền tâm ấn từ ngài Tiểu Nham thuộc dòng Lâm Tế, lại chỉ hoằng dương Tịnh Độ. Vì thế, các nhà thiên học đương thời rất không bằng lòng. Ông Tào Lỗ Xuyên, một vị học Phật, hai phen gửi thơ đến Vân Thê gạn hỏi. Ngài cũng hai phen phúc đáp, mà vài đoạn có liên quan đến Tịnh Độ, sẽ được trích thuật ở phần sau.

Đại sư bình thời cũng tu các công đức để phụ trợ tịnh nghiệp, như truyền giới pháp, khai những ao phóng sanh. Ngài lại thâm định nghi Thủy Lục, hành Du Già Diệm Khẩu để cứu khổ u minh, truyền bá văn giới sát, khiến người quy hóa làm lành rất nhiều.

Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi, cuối tháng 6, đại sư vào thành từ biệt các đệ tử và những người cố cựu, nói: "Tôi sắp đi nơi khác!". Rồi ngài trở về chùa thiết tiệc trà từ giả đại chúng. Mọi người không hiểu là duyên có gì. Đến

chiều mừng một tháng bảy, ngài vào Tăng đường bảo: "Mai này tôi sẽ đi".

Qua chiều hôm sau, đại sư kêu mệt rồi vào tư thất ngồi kiết già nhắm mắt. Chư tăng, các đệ tử tại gia và những người cố cựu trong thành đều hội đến. Ngài mở mắt ra nhìn mọi người nói: "Các vị nên chân thật niệm Phật, đừng làm điều chi khác lạ, và chớ phá hoại quy củ của tôi". Nói xong, hướng về Tây chấp tay niệm Phật mà qua đời. Thọ được tám mươi một tuổi.

PHỤ VẤN ĐÁP

(Lược trích)

Thơ hỏi: -Kẻ hèn này từ lâu giữ miền Đông Lỗ, đối với các kinh điển Nho và Phật, đã làm con một sách từ bốn mươi năm qua. Lại thường phụng giáo với những hàng thức giả, cũng uân sức được một đôi phần. Nay nhân sư Đoạn Phàm đến Vân Thê, xin gửi mấy lời để mong sự hiệu chính nơi ngài là bậc thiện tri thức.

1. Trong Phật pháp có ba tạng, mười hai phần giáo, đức Thế Tôn khi xưa đã giảng nhiều thứ lưới nơi bể sanh tử sâu rộng để tùy phần vớt các loài cá như thiên lớn nhỏ đưa lên bờ Niết Bàn. Nhưng nên nói lớn để gồm nhỏ, đâu thể cứ một mà bỏ nhiều! Gần đây, tôi nghe có kẻ bảo: nhiều kiếp thành Phật tất là Tiệm chớ không phải Đốn. Và Tiệm giáo cũng là Phật dạy, chưa từng không đúng, song dùng Tiệm để bỏ Đốn giáo, phải chăng thật đã sai lầm?

Tôn giả bên trong ẩn giấu sự tỏ ngộ đốn viên, ngoài thì hiển bày pháp môn Tịnh Độ. Việc này chư Phật cũng có như thế, không đủ để hiềm nghi. Nhưng học chúng của ngài lại chỉ trọng một đức A Di Đà mà bỏ hết mười lăm vì Vương tử, muốn tôn một kinh Tịnh Độ mà bỏ hết ba tạng mười hai phần kinh. Đó là điều kẻ hèn này không muốn nghe! Hiện nay tuy nhằm thời mạt pháp, song con người há chỉ có độn tánh mà không lợi căn? Như đức Thích Tôn vì Ca Diếp, Kiều Trần Như thì nói pháp này; vì Thiện Tài, Long Nữ lại nói pháp khác. Chỗ thuyết giáo của Phật tùy cơ biến đổi, thật tròn trặn như trên mặt nước lăn trái hồ lô, nếu như cắm cọc đóng đinh, giữ cây chờ thỏ, làm sao lợi ích hàng non thiên được? Rất mong tôn giả tùy cơ thuyết pháp, khi gặp hàng lợi căn nên vì nói thượng thừa, để họ ngộ lý viên dung không còn thiên trệ khiến cho đại bàng cùng chim én đều được thích nghe. Như thế há chẳng là điều rất lành rất tốt ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm là Nhứt Thừa Viên Giáo, là vua trong các kinh. Trong bộ Di Đà Sớ Sao, tôn giả lại đem kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, điểm ấy tự hồ chưa thỏa đáng. Đã thế, có người lại còn nhân đó mà làm luận đưa cao Tịnh Độ, đè nén Hoa Nghiêm, khiến cho màu tím sắc chu thành ra lẫn lộn! Mong tôn giả vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm, đừng chê nhau cũng chớ lạm nhau, mới thật là lưu thông Phật pháp.

Thơ đáp: -Tiếp được tờ mây, biết cư sĩ đại lượng bao
la muốn đem hết chúng sanh trong pháp giới đưa vào biển
tánh nhưt thừa. Đó là nguyện lớn của đức Phổ Hiền, riêng
lòng thật lấy làm kính ngưỡng!

1. Theo lời cư sĩ bảo: Tôi nên tùy cơ diễn giáo, đó là ý
kiến rất hay! Nhưng tùy môn cơ mà dẫn dạy, đó là việc
của chư Phật ra đời. Điều ấy kẻ hèn này chưa làm được.
Như khi xưa Lục Tổ ở Tào Khê chuyên dạy môn thiền
Trực Chỉ, đâu phải ngài không thông các giáo pháp khác?
Và như Viên Công ở Lô Sơn riêng mở Bạch Liên Xã, gồm
các bậc cao tăng danh sĩ, há chỉ tiếp độ kẻ độn căn? Đến
như năm tông: Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy
Ngưỡng, Lâm Tế, tuy đồng ra một nguồn, nhưng sự tiếp
độ của mỗi tông đều có phần sai khác. Những điều trên là
sự thi thiết riêng của chi phái môn đình, đó cũng là lẽ tất
nhiên, chẳng lấy chi làm lạ! Chư Tổ Sư khi xưa đều như
thế, huống nữa là kẻ phàm thường này ư? Nếu không tự
lượng bắt chước theo Phật, nay nói pháp này, mai diễn
pháp khác thì thành ra mờ mịt chẳng có sự thừa. Đó tuy
nói là lợi người, kỳ thật làm cho người lầm lạc. Tại sao
thế? Bởi Phật là đấng Pháp Vương, đối với các pháp đều
tự tại. Còn kẻ dân thường mà tiếm xưng Thiên Tử là điều
nguy hiểm, há chẳng nên kiêng dè ư?

2. Kinh Hoa Nghiêm đúng là Nhưt Thừa Viên Giáo,
gồm vô lượng môn; cầu sanh Tịnh Độ là một trong vô
lượng môn của Hoa Nghiêm. Theo căn cơ thời nay, nên do

một Tịnh Độ mà vào Hoa Nghiêm, không phải nêu Tịnh Độ mà bỏ Hoa Nghiêm. Cư sĩ bảo do tôi đem kinh Di Đà sánh với Hoa Nghiêm, nên mới có kẻ làm luận đưa cao Tịnh Độ, đè nén Hoa Nghiêm. Xin hỏi bộ luận ấy ở đâu, do ai trứ tác? Nhưng tôi cũng chưa từng đem kinh Di Đà sánh ngang với Hoa Nghiêm. Trong văn Sớ Sao của tôi chỉ nói: "Kinh Hoa Nghiêm cực viên, kinh Di Đà được một ít phần viên". Đó là bảo kinh Di Đà chỉ thuộc một phần pháp quyền của Hoa Nghiêm, có chi gọi rằng đồng bậc? Và lại khi nói Hoa Nghiêm, đã gồm Tịnh Độ và nói Tịnh Độ cũng thông với Hoa Nghiêm. Thế thì kẻ diễn Hoa Nghiêm tự nói Hoa Nghiêm, người nói Tịnh Độ tự diễn Tịnh Độ, vẫn đồng hành mà không trái nhau. Người thời nay chỉ biết Hoa Nghiêm rộng hơn Cực Lạc, song không rõ đức Di Đà chính là Phật Giá Na. Ngài Long Thọ truyền bá kinh Hoa Nghiêm mà nguyện sanh Cực Lạc. Đức Văn Thù, Phổ Hiền đồng phụ tá Phật Tỳ Lô Giá Na, hiệu là Hoa Nghiêm Tam Thánh, cũng phát nguyện về cõi Liên Bang. Cư sĩ khuyên tôi vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm. Xin hỏi các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là bậc người nào? Những vị Bồ Tát ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là căn Tịnh Độ hay Hoa Nghiêm? Cư sĩ lâu nay vẫn truyền dương kinh Hoa Nghiêm, mà trái với đức Văn Thù, Phổ Hiền, Long Thọ là điều tôi chưa hiểu nổi!

Thật ra, cư sĩ với tôi đều là bạn lành trong Hoa Tạng thế giới. Nay lão hủ lại muốn mời cư sĩ cùng làm huynh đệ ở Liên Bang. Mong cư sĩ xét suy, đừng xem tôi là người bên ngoài vậy.

Thơ hỏi: -Đại đức Đoạn Phạm có đem thơ phú đáp của tôn giả. Duyệt xem thấy lời và ý ân cần, thật rất cảm lòng chiếu cố! Nhưng nỗi riêng chưa tỏ hết, còn xin có mấy điểm trình bày:

1. Kinh Pháp Hoa, trong phần khen công đức thọ trì có dẫn: "Nếu người nữ nào thọ trì phẩm này sẽ thoát hẳn nữ thân, sanh về Cực Lạc". Như thế sự vãng sanh Tịnh Độ, phải chăng là nhân quả của nữ nhơn? Lại nữa, kinh Lăng Nghiêm, trong phần tuyển lựa viên thông, đức Văn Thù đã bác môn Niệm Phật của ngài Thế Chí là vô thường, sanh diệt. Vậy ý tôn giả nghĩ như thế nào?

2. Tề Kỳ thiên sư, khi các học giả đọc đến hai câu kệ của ngài Thiện Đạo: "Duy có đường tắt tu hành. Chỉ niệm A Di Đà Phật" đã quát to: "Vẫn còn quanh lối cũ, niệm được cái gì?" Thiên sư lại bảo: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, khổ thay A Di Đà Phật!" Lời của một bậc ngộ đạo nói như vậy, há không có ý vị ư?

3. Bởi thế bậc thức đạt đã bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành không bằng một niệm ngộ Vô sanh pháp nhẫn". Người trí cần phải vượt khỏi môn quyền học tam thừa, không còn ngã và ngã sở. Nay sự vãng sanh Tịnh

Độ, ta là người hay sanh, Cực Lạc là chỗ sanh về, thì năng, sở, người cảnh còn phân biệt rõ ràng, đâu gọi là cứu cánh?

4. Nếu như nói: "Hoa nở thấy Phật ngộ vô sanh". Đây tất phải đợi sau khi vãng sanh thấy đức Di Đà mới được ngộ đạo, phải chăng là quá chậm trễ xa vời?

5. Trong thơ trước, tôi đã khuyên tôn giả: "Vì căn Tịnh Độ nói Tịnh Độ, với cơ Hoa Nghiêm nói Hoa Nghiêm" thật đã vì ngài mà tỏ bày hết tâm não. Tôn giả lại không lưu ý, nên vừa rồi thính chúng nơi pháp hội của ngài từ Hàng Châu sang đất Tô, vị nào cũng nôn nao cầu về chín phẩm. Nhân khi cùng nói chuyện, tôi vừa đề cập đến thượng thừa thì họ đều sững mắt, kinh lòng! Đó là lỗi của thầy, hay của hàng đệ tử? Đáng đại trượng phu khí lượng phải xung thiên, nay ngài đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, sao không đủ tác lực của bậc đại nhơn, mà chỉ bắt chước hành động những ông già bà cả ăn chay ở đầu làng ngõ xóm? Nếu một mai bị bậc lạnh lợi thông suốt hỏi đến, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc Đẩu, hay chui thân vào núi Thiết Vi ư?

6. Thế thì việc tôn giả muốn vời tôi cùng làm bạn sen nơi Cực Lạc, khác nào bảo kẻ này gánh gai bỏ vàng, đuổi theo vật mà chạy vào mê lộ? Há chẳng nghe nói: Nếu là chim đại bàng kim sủy, mới giương cánh đã vượt cao chín tầng mây; ngựa nhiếp ảnh thân câu vừa cất vó đã lướt ra ngoài vạn dặm. Hạng này không còn theo lớp mà ăn uống,

cũng không tùy tiện chịu vùi thân. Người xưa bảo: "Nếu muốn cứu cánh việc ấy, phải đứng trên chót vót đỉnh non cao, đi sâu tận lòng đáy biển thẳm. Như chưa bỏ được sự êm ấm của khuê phòng, thì có chỗ nào dùng được!".

Cho nên, Phật pháp là việc lớn, không phải phạm thường. Mong ngài nghĩ lại!

Thơ đáp: -Mấy điều huệ cổ của cư sĩ, lời hay lẽ diệu, luận biện điệp trùng, thật là đáng ngợi khen, đáng ngưỡng vọng. Nhưng trộm nghĩ: "Lòng thương tôi tuy sâu, song tiếc đã lắm lời phí uổng!"

Nếu cư sĩ quả muốn tuyên dương Thiên tông, ức chế Tịnh Độ thì không cần nói chi nhiều. Sao chẳng bảo: "Chư Phật trong ba đời bị miệng ta nuốt mất hết cả. Một đức Phật còn chẳng lập, có ai là A Di Đà?" Lại sao không bảo: "Nếu người biết được tâm, đại địa không tác đất. Một tác đất đã không, nơi nào là cõi Cực Lạc?". Chỉ dùng hai lời ấy thôi, đủ gồm nhiếp hết những điều cư sĩ muốn nói. Nay nghĩ nếu mỗi mỗi đều thù đáp, e phạm lỗi đấu tranh. Nếu hãnh không trả lời, vì đạo pháp có tương quan, lại chẳng thể im lặng. Vậy xin tỏ bày ước lược như sau:

1. Cư sĩ dẫn kinh Pháp Hoa, nói sự vãng sanh Tịnh Độ là nhân quả của người nữ. Thế thì việc Long Nữ thành Phật, cũng là nhân quả của người nữ ư? Lại dẫn kinh Lăng Nghiêm nói: Đức Văn Thù bác niệm Phật là vô thường, sanh diệt, không viên thông. Thế tại sao ngài Kiều Trần

Như tỏ ngộ hai chữ KHÁCH TRẦN có thể gọi là suốt lý vô thường, hợp lẽ bất sanh diệt, lại chẳng được chọn là pháp viên thông? Nếu quả thật: Đức Quán Âm đồ cao, ngài Thế Chí thi rớt, thì sao cư sĩ chẳng nghe biết điều thí dụ: "Cửa rông chạm trán" là lời của kẻ quê mùa miền Đông Dã ở nước Tề?

2. Về những điều của Tề Kỷ thiên sư bảo, cư sĩ đã học Thiên, sao chẳng biết đó là các nhà tông sư vì người cời chấp mở trói, ý ở ngoài lời, lại cứ theo văn tự hiểu thành sự thật, mà chịu chết dưới câu nói như thế? Nếu quả vậy, thì cô đức bảo: "Đạp trên đỉnh đầu Phật Tỳ Lô mà đi" cũng là đạp thật sự hay sao? Những cơ phong ấy trong các Ngũ lục có đến ngàn muôn ức. Lão hủ bốn mươi năm về trước cũng đã từng dùng đến để cho lời nói cao siêu xuất cách, câu văn mạnh mẽ hùng hào. Về sau xét lại biết hổ thẹn, không còn dám theo lẽ lối cũ, nay chợt nghĩ đến hãy còn đỏ mặt. Như Tề Kỷ thiên sư nói: "Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương khổ thay A Di Đà Phật!" Xin cũng dùng chuyện ngữ đối đáp: "Nay chính thật như con nhớ mẹ, trở lại quê xưa, vui thay A Di Đà Phật!" Thử đem cân lường câu nói này với lời ngài Tề Kỷ, xem bên nào ít nhiều nặng nhẹ, và có bao khoảng cách xa?

3. Trong thơ lại dẫn lời cô nhơn bảo: "Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô sanh pháp nhãn". Xin hỏi: "Cư sĩ đã chứng được Vô sanh pháp nhãn chưa?" Nếu chứng được thì không nên cho rằng: Ta là

người hay sanh, Tịnh Độ là chỗ sanh về. Tại sao? Bởi tâm tức là cảnh, ai là người hay sanh? Cảnh tức là tâm, đâu là chỗ được sanh? Vì không còn thấy năng sở, nên tuy vắng sanh mà chưa từng có sanh. Đó mới thật là chân vô sanh. Nếu cho không sanh về đâu mới là vô sanh thì thành ra lỗi đoạn diệt, thiên không vậy.

4. Cư sĩ bảo: Nếu đợi hoa nở thấy Phật mới ngộ vô sanh là chậm trễ xa vời. Kẻ hiểu Thiên tông sao chẳng biết: từ mê được ngộ như giấc chiêm bao dài mới thức tỉnh? Người niệm Phật tùy theo căn cơ, có vị trong hiện đời đã kiến tánh. Đó là hoa sen nở trong giây phút. Có kẻ sau khi vắng sanh mới kiến tánh. Đó là hoa nở về lâu. Bởi căn cơ có sáng tối, công phu có trễ siêng, nên hoa nở mới có sớm muộn, đâu được nhất khái cho là sai chậm ư?

5. Trong thơ còn đề cập đến mấy vị tăng ở núi hoang nào đó khi hỏi tới thượng thừa thì đều sững mắt kinh lòng! Cư sĩ khuyên tôi với căn Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, với cơ Tịnh Độ thì đàm Tịnh Độ. Nay những kẻ ấy thuộc về hàng độn căn, chính nên giảng Tịnh Độ, sao cư sĩ không tùy bệnh cho thuốc, lại luận thượng thừa với họ làm chi?

Cư sĩ lại bảo tôi đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, mà không đủ tác lực của bậc đại nhơn. Lão hủ chưa từng dám đương với danh dự ra ứng thế, nên tự ứng không có tác lực của bậc đại nhơn. Điều này hãy tạm gác qua, không cần bàn luận. Nhưng nếu bị người tu Tịnh Độ

là hạng ông già bà cả ăn chay quê mùa, thật ra không phải chê các vị đó đâu, mà chính là bỉ đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy! Đâu riêng gì những vị Bồ Tát ấy, mà chư Tổ như Huệ Viễn, Thiên Đạo, Thiên Thai, Vĩnh Minh, chư đại thiện tri thức, các hàng danh nhơn niệm Phật, theo cư sĩ, cũng là hạng quê mùa cả ư? Song hạng quê mùa nếu niệm Phật được vãng sanh, sẽ lên ngôi Bất thối chuyển, cũng đâu nên xem rẻ khinh chê? Những ông già bà cả ăn chay niệm Phật cũng đáng khen là họ biết giữ theo quy củ quê mùa của chính mình. Còn hạng thông minh tài biện, ăn thịt uống rượu, vọng nói Bát nhã, hôm sớm cứ tìm chư tăng gạn thiên nói đạo thì thế nào?

Đến như việc các ông già bà cả khi bị kẻ lạnh lợi thông suốt hỏi đến thì chẳng cần lên sao Bắc Đẩu, vào núi Thiết Vi làm chi cho cao xa. Họ chỉ cần đặt giường nằm nơi cỏ hòng, trải tòa ngồi trên đôi mắt của các vị lạnh lợi thông suốt ấy. Làm như thế để chi? Để dạy chúng hãy tạm đóng môn tam muội nơi cửa miệng, biết nhắm mắt hồi quang phản chiếu xét trở lại chính mình đó thôi!

6. Cư sĩ cho rằng việc khuyên niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là điên đảo, đuổi theo vật vào mê lộ, là gánh gai bỏ vàng, làm khuất nhục đến mình. Nhưng các thí dụ ấy còn chưa thân thiết. Nay lão hủ xin đem một thí dụ khác thay thế:

Có một lão nông chân thật gởi thiệp vào cửa vị phú trưởng giả, mời đến nhà ở đồng ruộng của mình viếng

cảnh. Mọi người nghe nói đều cười. Lão nông lại quét dọn đường sá sạch sẽ, đến mời thỉnh lần nữa. Người gác cửa nhà phú trưởng giả cười bảo: "Chủ nhơn lần trước không quở trách ông là may lắm rồi. Ông định làm mặt dày hay sao?" Lão ông đáp: "Tôi thấy trong các nhà giàu, có kẻ làm giàu mà bất nhơn. Có người ngoài giàu nhưng trong nghèo. Có kẻ chưa giàu song tỏ ra kiêu mạn trước. Có người chỉ giữ kho, giữ sổ sách ở nhà giàu, mà tự cho là mình giàu. Vả lại cảnh giàu sang như Kim cốc, My ô, nay còn đâu ư? Tôi là một lão già ở đồng ruộng, an hưởng sự vui thái bình nên quên phận thấp kém của mình, mới thương xót mà mời thỉnh. Thôi từ nay cũng xin tự biết lỗi rồi!" Nói xong cùng nhau cười rộ mà chia tay.

TRÍ HỨC ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG CỬU TỔ)

Trí Hức Đại sư tự Ngẫu Ích, người đời Thanh, họ Chung, nhà ở Ngô huyện. Thân phụ thọ trì chú Đại Bi và Bạch Y, mộng thấy đức Quán Âm đại sĩ trao cho một đứa bé trai mà sanh ra ngài.

Thuở niên thiếu ngài học Nho, từng viết sách bác Phật. Sau nhân xem bộ Trúc Song Tùy Bút Lục của Liên Trì đại sư, liền đốt quyển sách của mình viết. Năm hai mươi tuổi, ngài đọc kinh Địa Tạng Bản Nguyên phát ý xuất trần, mỗi ngày hằng niệm Phật.

Niên hiệu Thiên Khải năm đầu, ngài hai mươi bốn tuổi, sau khi nghe một pháp sư giảng kinh, bỗng phát nghị tình, dụng công tham cứu. Ít lâu sau, được tỏ ngộ, liền đóng cửa nhập thất ở Ngô Giang. Thời kỳ ấy ngài đau nặng, mới quyết chí niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Bệnh vừa bớt, liền kết đàn trì chú Vãng sanh một thất, đốt ba liều nơi cánh tay, thề phát lòng Bồ đề cầu sanh Cực Lạc, để mau chứng đạo quả, sớm độ chúng hữu tình.

Về sau, đại sư trụ trì trải qua các nơi: Ôn Lăng, Chương Châu, Thạch Thành, Thánh Khê, Trường Thủy và Tân An, rộng truyền giáo pháp Thiên Thai và môn Niệm Phật. Thời bấy giờ, những nhà tu thiền ở các nơi, phân đông cho pháp môn Tịnh Độ là quyền giáo; khi gặp người niệm Phật, tất bảo tham cứu chữ Thủy. Riêng đại sư lại nhận định pháp Trì danh chính là tâm tông viên đốn. Có ông Trác Tả Xa, một nhà tu thiền, đem những huyền lý bên Thiền gạn hỏi Tịnh Độ, ngài liền trả lời một cách thỏa đáng. Sau đó, đại sư về dưỡng lão ở Linh Phong.

Bình thời, đại sư từng khai thị rằng:

- Pháp môn Tịnh Độ không có chi lạ kỳ đặc biệt, yếu điểm chỉ là tin sâu, nguyện thiết và gắng sức thật hành mà thôi. Phật dạy: "Nếu người nào chuyên niệm A Di Đà, chính là Vô thượng thâm diệu thiên". Trí Giả đại sư bảo: "Niệm Phật tam muội là vua trong các môn tam muội". Tổ Vân Thê cũng nói: "Một câu A Di Đà Phật bao trùm tám giáo, tròn nhiếp năm tông".

Đáng tiếc người thời nay xem niệm Phật là cạn cợt tầm thường, bảo đó là công hạnh của hạng ngu phu, ngu phụ. Bởi thế nên lòng tin không chắc, chẳng gắng sức thật hành, trọn ngày lơ là, công phu khó thành tựu. Có kẻ lại lập phương tiện khéo bảo: "Muốn đi sâu vào niệm Phật tam muội phải tham cứu chữ Thù". Họ đâu biết rằng: Một tâm niệm hiện tiền, vốn đã tự rời tứ cú, tuyệt bách phi, chẳng cần phải tác ý rời và tuyệt. Một câu niệm Phật hiện tại, cũng vốn vượt tình lìa kiến, cần chi nói diệu nói huyền? Chỉ quý tin cho chắc, giữ cho vững, rồi buông bỏ hết mà niệm. Hoặc mỗi ngày đêm niệm một muôn, ba muôn, năm muôn, bảy muôn, mười muôn câu lấy sự nhất định không thiếu làm tiêu chuẩn. Như thế quyết giữ đến suốt đời, thề không biến đổi. Và nếu đúng như thế mà không được vãng sanh, thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ. Một khi được về Cực Lạc, vĩnh viễn không còn thối chuyển, tất cả pháp môn đều lần lượt hiện tiền.

Rất kiêng kỵ kẻ không có chủ trương, nay vậy mai khác. Khi gặp nhà thuyết giáo, thì muốn tầm chương trích cú, học luật học kinh. Gặp người tu thiền lại mong tham cứu thoại đầu, theo cơ phong chuyển ngữ. Gặp bậc trì luật, ưa thích ôm bát khát thực, tu hạnh đầu đà. Thế nên sự sự không rời, điều điều chẳng trọn. Đâu biết rằng khi câu Phật hiệu niệm được thuần thực, thì ba tạng, mười hai phần kinh gồm ở trong đó; một ngàn bảy trăm công án, cơ

quan hướng thượng đều ở trong đó; ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, tam tụ tịnh giới cũng ở trong đó.

Người chân thật niệm Phật, buông bỏ cả thân tâm thế giới là đại bố thí. Niệm Phật không khởi tham sân si là đại trì giới. Niệm Phật không quản nhân ngã thị phi là đại nhẫn nhục. Niệm Phật không gián đoạn, không tạp vọng là đại tinh tấn. Niệm Phật không còn vọng tưởng thô tế là đại thiên định. Niệm Phật không bị các pháp khác mê hoặc cuốn lôi là đại trí huệ. Thử kiểm điểm lấy mình, nếu chưa quên thân tâm thế giới, chưa dứt niệm tham sân si, chưa tuyệt lòng thị phi nhân ngã, chưa hết gián đoạn tạp vọng, chưa trừ vọng tưởng bông lông, chưa khởi bị pháp khác cuốn lôi mê hoặc, thì chưa phải là người chân thật niệm Phật.

Nếu muốn đến cảnh giới Nhất tâm bất loạn, cũng không có cách gì lạ. Khi mới tập niệm, dùng chuỗi ký số rành rẽ, và khắc định thời khóa dừng để cho thiếu sót. Như thế lâu ngày, công phu tự thuần thục, không niệm mà vẫn tự niệm. Chừng đó, muốn ký số hay không ký số cũng được. Nếu bước đầu, vội muốn lộ vẻ mình hay giỏi, muốn tỏ ra không trước tướng, muốn học lối viên dung tự tại, rốt niệm lực khó thành. Đây tổng yếu bởi tin chưa sâu, thực hành chưa hết sức.

Người như thế, dù cho giảng thông thuộc ba tạng mười hai phần kinh, thấu suốt một ngàn bảy trăm công án, cũng

đều là việc bên bờ sống chết luân hồi mà thôi. Kẻ ấy đến lúc lâm chung, quyết định không dùng chi được!...

Năm Thuận Trị thứ hai, vào cuối Đông, đại sư cảm bệnh nhẹ, ngài di chúc mọi việc và dặn các đệ tử, sau khi trà tỳ, phải tán nhuyễn xương trộn với bột hòa thành viên, chia thí cho loài cá chim để kết duyên Tịnh Độ với chúng. Sang đầu năm, ngày 21 tháng giêng, đại sư sáng dậy sớm, sắc diện tươi khỏe như người không bệnh. Đến đúng Ngọ, ngài đoan tọa trên giường, xây mặt về Tây chấp tay niệm Phật mà tịch, thọ được 57 tuổi.

Ba năm sau, các môn nhân hội lại, định y pháp làm lễ trà tỳ. Lúc mở bảo tháp ra, thấy toàn thân đại sư vẫn còn nguyên vẹn, tóc ra dài phủ hai tai, sắc mặt tươi tỉnh như sống. Đại chúng không nỡ tuân lời di chúc, xây tháp thờ toàn thân ở chùa Linh Phong.

HÀNH SÁCH ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP TỔ)

Hành Sách đại sư, tự là Triệt Lưu, người đời nhà Thanh, con của Tướng Toàn Xương, một bậc lão Nho ở vùng Nghi Hưng. Cha ngài là bạn phương ngoại với Đức Thanh hòa thượng, tức Hám Sơn đại sư.

Niên hiệu Thiên Khải thứ sáu, sau khi Hám Sơn đại sư thị tịch được ba năm, một đêm Tướng Toàn Xương nằm mộng thấy ngài Hám Sơn vào nhà mình. Cũng trong đêm ấy, Hành Sách đại sư sanh ra, nên nhân đó ngài lại được

cha đặt cho ngoại hiệu là Mộng Hám. Đến khi khôn lớn, cha mẹ kế tiếp qua đời, ngài cảm sự thế vô thường, có ý niệm thoát tục.

Năm hai mươi ba tuổi, ngài thế phát xuất gia với Nhượng Am hòa thượng ở chùa Lý An. Tu hành tinh tấn không đặt lưng xuống chiếu trải năm độ nắng mưa, ngài tỏ suốt nguồn chân, ngộ vào pháp tánh. Sau khi Nhượng Am hòa thượng thị tịch, đại sư trụ trì chùa Báo Ân. Thời gian này, ngài được bạn đồng tham là Túc Am thiền sư khuyên tu Tịnh Độ, lại gặp Tiều Thạch pháp sư hướng dẫn duyệt lãm về Thiên Thai Giáo Quán. Kế đó, ngài cùng Tiều Thạch pháp sư đồng nhập thất tu môn Pháp Hoa tam muội. Nhân đây, túc huệ của đại sư khai phát, ngộ suốt đến chỗ cốt tủy của Thai giáo.

Niên hiệu Khang Hy thứ hai, ngài cất am ở núi Pháp Hoa, bên bờ sông Tây Khê tại Hàng Châu, chuyên tu Tịnh Độ. Nhân đó lại đặt tên chỗ ở của mình là Liên Phụ Am. Đến năm Khang Hy thứ chín, đại sư trụ trì chùa Phổ Nhân ở Ngưu Sơn, đề xướng thành lập Liên Xã. Học giả các nơi hưởng ứng tu tập rất đông. Ngài từng làm bài văn khuyên phát lòng tin chân thật rằng:

-"Phân đông người tu tập xưa nay, đều ưa thích niệm Phật tam muội. Tuy nói quả cao để tu tiến, mà kẻ sau ít được thành công. Ấy bởi do tín nguyện không chuyên, nên chẳng thể đồng về cảnh Tịnh. Nay đã họp nhiều liên hữu, cùng nhau tu tập tịnh nhân, nếu không xét kỹ chỗ phát

tâm, đâu biết rõ lối đường thoát khổ. Đồng nhân chúng ta dựa vào pháp hội, lòng tin chí nguyện phải thật phải chân. Nếu không chân chính, tuy ăn chay niệm Phật, tu phước phóng sanh, chỉ là người lành thế gian, duy hưởng nhân thiên phước báu. Lúc hưởng phước vui, dễ bề tạo nghiệp, đã tạo nhiều nghiệp ác, phải đọa khổ luân hồi. Điều này dùng chánh nhãn xét xem: Chỉ hơn bọn xiển đề một bước! Nếu lòng tin như thế, đâu được gọi là chân? Vậy chân tín là thế nào?

Thứ nhất phải tin: Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai khác. Chúng ta là Phật chưa thành. Di Đà là Phật đã thành. Giác tánh đồng một vẫn không có hai. Ta tuy điên đảo mê lầm, giác tánh chưa từng mất. Ta tuy nhiều kiếp luân chuyển, giác tánh chưa từng động. Nên nói: Khi một niệm hồi quang đồng về nơi bản đắc là như thế.

Thứ hai phải tin: Chúng ta là Phật danh tự, Di Đà là Phật cứu cánh, tánh tuy không khác, ngôi cách vực trời. Nếu không chuyên niệm đức Phật kia, cầu về cõi Tịnh; tất phải chịu theo nghiệp lưu chuyển, chịu khổ vô cùng! Đây gọi là pháp thân lưu chuyển sáu nẻo, không được thành Phật, mà vẫn cam phận chúng sanh.

Thứ ba phải tin: Chúng ta dù nghiệp sâu chướng nặng, sống lâu nơi cảnh khổ, vẫn là chúng sanh trong tâm của Di Đà. Di Đà tuy muôn đức trang nghiêm an vui ở cõi Tịnh, cũng là vị Phật trong tâm của chúng ta. Đã rõ chân tâm

vốn không hai, tất biết cảm ứng tự giao tiếp. Như đá nam châm hút sắt, việc này đâu lựa phải nghi? Đây gọi: nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền hoặc tương lai, quyết định sẽ thấy Phật, cách Phật chẳng xa vậy.

Đủ lòng tin chân thật như trên, tuy chút phước điểm lành như hạt bụi mảy lông, đều có thể hồi hướng Tây Phương, trang nghiêm Tịnh Độ. Huống nữa trì trai giữ giới, bố thí, phóng sanh, đọc tụng đại thừa, cúng dường Tam Bảo, tu các hạnh lành, há chẳng đủ làm tư lương Tịnh Độ ư? Chỉ e lòng tin chẳng chân thành, mới khiến bị chìm nơi hữu lậu. Cho nên trong việc Tịnh tu, không chước chi lạ. Muốn công không luống uổng, quả được tròn nên, thì ngày đêm khi hành đạo, không rời ba điều tin trên mà thôi!".

Đại sư thường tổ chức những kỳ đả thất, để khuyến khích đại chúng tinh tấn thêm. Trong các kỳ thất, ngài khai thị đại ý rằng:

-“Bảy ngày trì danh, quý nơi giữ một lòng không loạn, chớ để trần lụy xen vào, không phải niệm mau niệm nhiều là hay. Cách trì danh, cần không hưỡn không gấp, bền bỉ chắc chắn, khiến cho câu Phật hiệu hiện rành rõ nơi tâm. Khi đi đứng nằm ngồi, ăn cơm mặc áo, nên giữ câu hồng danh liên tục chẳng dứt, không tán loạn hôn trầm dường như hơi thở ra vào nối tiếp. Trì danh như thế gọi là nhất tâm tinh tấn về phần sự.

Nếu thể cứu được sâu vào, thì muôn pháp đều như, nguyên không hai tướng. Đó là chúng sanh cùng Phật, mình cùng người, nhân với quả, y báo với chánh báo, như cùng sạch, khổ cùng vui, ưa với chán, lấy với bỏ, Bồ Đề cùng phiền não, sanh tử cùng Niết Bàn... các pháp ấy đều không hai, đều đồng một tướng, đồng một thể thanh tịnh. Như thế cứ thể cứu một cách thiết thật, không cần phải gắng gượng an bài. Thể cứu đến lúc cùng cực bỗng nhiên khế hợp với bản tâm. Chừng đó mới biết mặc áo ăn cơm cũng là tam muội, cười đùa giận mắng đều việc độ sanh. Khi ấy nhất tâm hay loạn tâm trọn thành hý luận, ngày đêm sáu thời tìm một mảy tướng khác cũng không thể được. Liều đạt như thế, mới chân chánh là người học đạo. Và trì danh như thế, gọi là nhất tâm tinh tấn về phần lý.

Sự nhất tâm như trước tựa khó mà dễ. Lý nhất tâm như sau tựa dễ mà khó. Chỉ nhất tâm được như trước, quyết chắc dự phần vãng sanh. Nếu kiêm thêm cảnh nhất tâm sau, tất có thể lên ngôi Thượng phẩm. Nhưng hai thứ nhất tâm đây, đều là phần việc kẻ bác địa phạm phu, người hữu tâm đều có thể tu học. Khắp khuyên các hàng đạo tục trong Liên Xã, đều phải sách tấn thân tâm. Gần trong bảy ngày, xa suốt một đời, nếu thường tin và tu như thế, thì dù không chứng quả, cũng mạnh nhân sen. Ngày kia gởi chát Liên Trì, tất không thuộc phẩm Trung hạ vậy”.

Đại sư trụ trì chùa Phổ Nhân được mười ba năm. Niên hiệu Khang Hy thứ hai mươi một, ngày mùng chín tháng bảy, ngài thoát hóa, thọ 55 tuổi.

Khi ấy có ông Tôn Hàn bị cấp bịnh tắt hơi, hôm sau bỗng sống lại nói: "Tôi bị Minh ty bắt giam cầm nơi điện Diêm La. Bỗng đâu trong chỗ tối tăm, thấy ánh sáng rực trời, hương hoa đầy khắp hư không. Vua Diêm La quỳ mọp xuống đất, đưa một vị đại sư về Tây Phương. Tôi thưa hỏi đại sư nào, được đáp là ngài Triệt Lưu. Nhờ ánh sáng của đại sư chiếu đến, tôi mới được tha trở về. Đồng ngày ấy có con nhà họ Ngô chết, qua một đêm sống lại, cũng thuật việc mình nghe thấy y như ông Tôn Hàn.

THẬT HIỀN ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP NHẤT TỔ)

Thật Hiền đại sư, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, người đời Thanh, con nhà họ Thời ở Thường Thục.

Từ thuở bé ngài không ăn cá thịt. Sau khi xuất gia, tham cứu câu Niệm Phật Là Ai? Được tỏ ngộ, và nói: "Tôi đã tỉnh giấc mơ!".

Kế tiếp, đại sư đóng cửa thất ba năm ở chùa Chân Tịch, ngày duyệt ba tạng kinh, đêm chuyên trì Phật hiệu. Mãn thất, ngài đến Mậu Sơn lễ Xá lợi ở tháp A Dục Vương. Nhằm ngày Phật Niết Bàn, đại sư họp nhiều hàng đạo tục sắm lễ cúng dường, rồi đốt ngón tay trước Phật, phát bốn mươi tám điều đại nguyện. Lúc ấy cảm Xá lợi

phóng ánh sáng rực rỡ. Đại sư làm bài văn " Khuyên phát lòng Bồ Đề" để khuyến khích tứ chúng, nhiều người đọc đều rơi lệ. (Phụ ký nơi đoạn sau).

Lúc lớn tuổi, ngài về trụ trì chùa Tiên Lâm tại Hàng Châu. Năm Ung Chánh thứ bảy, đại sư lập Liên Xã, làm văn phát thệ giữa đại chúng, lấy trọn đời tinh tấn tu tịnh nghiệp làm kỳ hạn. Ngài chia nhật khóa làm hai mươi phần, mười phần trì danh, chín phần quán tưởng, một phần lễ sám. Có nhà tu thiền hỏi về chỉ thú niệm Phật, đại sư dùng lời kệ khai thị rằng:

Một câu A Di Đà,
Là việc đầu công án.
Không thương lượng chi khác,
Thẳng ngay liền quyết đoán.
Ví như đồng lửa lớn,
Nhảy vào liền cháy tan.
Lại như gươm Thái A,
Xông vào liền đứt đoạn.
Sáu chữ gồm nhiếp thấu,
Tám muôn tư pháp tạng.
Một câu giải quyết xong,
Ngàn bảy trăm công án.
Mặc ai không thích nghe,
Ta tự tâm tâm niệm.
Xin bắt tất nhiều lời,
Gắng một lòng không loạn.

Niên hiệu Ung Chánh thứ hai, ngày mùng tám tháng chạp, đại sư bảo chúng rằng: "Tháng tư sang năm ta sẽ đi xa". Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày niệm Phật mười muôn câu. Sang năm, ngày 12 tháng 4, đại sư bảo môn đồ rằng: "Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tây Phương Tam Thánh, chắc là đến lúc vãng sanh!". Nói xong, liền làm kệ già từ đại chúng. Qua hôm sau, đại sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng. Đến canh năm tắm rửa thay y áo. Bữa ấy tức là ngày 14, gần giờ Ngọ, đại sư lại nhắm mắt dạy về Tây ngò yên lặng. Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ. Đại sư bỗng mở mắt nói: "Tôi về Cực Lạc không bao lâu sẽ trở lại. Thoát ly sống chết là việc lớn, mỗi người nên cố gắng thanh tịnh niệm Phật!".

Dặn dò xong, chấp tay xưng hồng danh Phật rồi thị tịch. Thọ được 49 tuổi.

BÀI VĂN KHUYÊN PHÁT LÒNG BỒ ĐỀ (THẬT HIỀN ĐẠI SƯ SOẠN)

Từng nghe: Cửa yếu vào đạo, phát tâm làm đầu. Việc gấp tu hành, lập nguyện ở trước. Nguyện lập, tất chúng sanh có thể độ. Tâm phát, thì Phật đạo mới kham thành. Nếu không phát tâm rộng lớn, lập nguyện vững bền, thì trái kiếp số như vi trần, vẫn còn trong vòng sanh tử. Dù có tu hành siêng khổ, chỉ luống công khó nhọc mà thôi!

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Nếu quên mất tâm Bồ Đề mà tu các pháp lành đó là nghiệp ma". Quên mất còn như thế, huống là chưa phát ư? Cho nên, muốn học Như Lai thừa, trước phát Bồ Đề nguyện. Điều này vẫn không thể lần lựa vậy.

Nhưng sự sai biệt của tâm nguyện, tướng trạng có rất nhiều. Nay xin vì đại chúng, mà ước lược tỏ bày. Phát tâm gồm tám tướng là: tà, chánh, chân, ngụy, cùng đại, tiểu, thiên, viên. Tám tướng ấy như thế nào?

1. Trong đời có người tu, chỉ một bề hành theo sự tướng, không xoay vào tham cứu chân tâm. Hoặc theo việc bên ngoài, ưa thích hư danh, mong cầu lợi dưỡng. Hoặc đắm mê huyễn cảnh, tham dục lạc hiện tại, cầu phước báu đời sau. Phát tâm như thế gọi là Tà.

2. Bậc không cầu lợi dưỡng, cũng chẳng thích hư danh, vui hiện thế không màng, phước vị lai chẳng tưởng. Chỉ vì sự sống chết, mong cầu đạo Bồ Đề. Phát tâm như thế gọi là Chánh.

3. Niệm niệm trên cầu Phật đạo, tâm tâm dưới độ chúng sanh. Nghe thành Phật lâu xa chẳng khiếp lui, thấy chúng sanh khó độ không chán mỏi. Như leo non cao muôn dặm, quyết trèo tận đỉnh. Như lên tháp báu chín cấp, đến ngọn chót cùng. Phát tâm như thế gọi là Chân.

4. Có tội không sám hối, có lỗi chẳng biết trừ. Trong trước mà ngoài thanh, trước siêng nhưng sau trễ. Tuy có

lòng tốt, song xen lẫn với lợi danh. Dù tu pháp lành, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế gọi là Ngụy (Dối).

5. Chúng sanh độ hết, bản nguyện mới cùng. Phật đạo tròn nên, thể nguyện mới mãn. Phát tâm như thế gọi là Đại.

6. Xem ba cõi như tù ngục, nhìn sống chết tợ oan gia. Chỉ mong tự độ, không muốn độ người. Phát tâm như thế gọi là Tiểu.

7. Thấy ngoài tâm có chúng sanh, mình phải độ. Hiểu ngoài tâm có Phật đạo, rồi nguyện thành. Công tu tập chẳng sạch quên, sự kiến giải không tiêu mất. Phát tâm như thế gọi là Thiên (Lệch).

8. Biết chúng sanh là tánh mình, nên nguyện độ thoát. Rõ Phật đạo là tánh mình, nên nguyện viên thành. Lìa ngoài nguồn tâm thể, không thấy có pháp chi. Rồi dùng tâm rộng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng như hư không. Kết cuộc chứng quả vô chứng đặc như hư không, cũng chẳng thấy có tướng "không". Phát tâm như thế gọi là Viên.

Tám lối phát tâm trên đã biết rành rẽ. Nên tự xét kỹ, xem mình phát tâm thuộc về cách nào? Nếu thấy là Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên, phải lập tức sửa đổi. Như thuộc Chánh, Chân, Viên, Đại, nên bền chắc thêm lên. Như thế mới gọi là chân chánh phát Bồ Đề tâm.

Bồ Đề tâm này là vua trong các pháp lành, phải có nhân duyên mới phát khởi được. Nhân duyên ấy đại ước có mười thứ:

1. Vì nghĩ đến ơn Phật:

Đức Thích Tôn ta, khi mới phát tâm, vì độ chúng ta, tu Bồ Tát đạo, trải vô lượng kiếp chịu đủ sự khổ. Lúc ta tạo nghiệp, đức Phật xót thương, phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta đọa ác đạo, Phật lại càng thương, muốn thay chịu khổ. Nhưng ta nghiệp nặng, không thể cứu vớt. Ta sanh làm người, Phật dùng phương tiện, khiến gieo căn lành, nhiều kiếp theo dõi, lòng không tạm bỏ. Phật mới ứng thế, ta còn trầm luân, nay được thân người, Phật đã diệt độ. Tội chi mà sanh nhằm mặt pháp. Phước gì mà dự tăng luân? Chướng chi mà không thấy kim thân? May gì mà được gặp Thánh tượng?

Rồi tự suy nghĩ: Nếu đời trước chẳng trồng căn lành, thì làm sao được nghe Phật pháp? Không nghe chánh pháp, đâu biết mình thường thọ Phật ân? Ân đức này, bề thăm khôn cùng, non cao khó sánh! Nếu không phát tâm Bồ Đề, tu hạnh Bồ Tát, giữ vững chánh pháp, cứu độ chúng sanh, thì dù nát thịt tan xương, cũng không đền đáp được! Đây là nhân duyên thứ nhất.

2. Vì nhớ ơn cha mẹ: - Than ôi cha mẹ, sanh ta khó nhọc! Mười tháng mang thai mới nặng, ba năm bú sữa mớm cơm. Khi được nên người, chỉ mong ta nối dõi tông đường, tự thừa tiên tổ. Ngờ đâu ta đã xuất gia, lạm xưng

Thích tử, không dâng cơm nước, chẳng đỡ tay chân. Cha mẹ còn, ta không thể nuôi dưỡng thân già. Cha mẹ mất, ta chưa thể dứt diu thân thức. Chừng hồi tưởng lại thì, nước trời đà cách biệt từ dung, mồ biếc chỉ hắt hiu thu thảo. Như thế, với đời là sự tồn lớn, với đạo lại không ích chi, hai đường đã lỗi, khó tránh tội khiên!

Nghĩ như thế rồi, làm sao chuộc lại? Chỉ có trăm kiếp ngàn đời, tu Bồ Tát hạnh, mười phương ba cõi, độ khắp chúng sanh. Được như vậy, chẳng những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời, đều nhờ độ thoát. Chẳng những cha mẹ một người, mà cha mẹ nhiều người, cũng được siêu thăng. Đây là nhân duyên thứ hai.

3. Vì tưởng ơn Sư trưởng: - Cha mẹ tuy sanh dục sắc thân, nhưng nếu không có thầy thế gian, thì ta chẳng hiểu biết nghĩa nhân. Không có thầy xuất thế, tất ta chẳng am tường Phật pháp. Không biết lễ nghĩa liêm sỉ, nào khác chi loài cầm thú? Không tường nhân quả Phật pháp, đâu khác gì hàng ngu mê? Nay ta biết chút ít lễ nghĩa, hiểu đôi phần Phật pháp là nhờ đâu? Huống nữa, thân giới phẩm đã nhuận phần đức hạnh, áo cà sa thêm rạng vẻ phước điền, thực ra đều do ân sư trưởng mà được.

Đã biết như thế, nếu ta cầu tiêu quả thì chỉ có thể lợi riêng mình. Nay phải phát đại tâm, mới mong độ các loài hàm thức. Như vậy thầy thế gian mới dự hưởng phần lợi ích, mà thầy xuất thế cũng thỏa mãn vui lòng. Đây là nhân duyên thứ ba.

4. Vì nghĩ ân thí chủ: - Kẻ xuất gia hôm nay, đồ mặc thức ăn, đều nhờ tín thí, thuốc men giường chiếu, cũng của đàn na. Người nhọc sức cấy cày, vẫn còn kém thiếu. Ta ngồi không thọ hưởng, sao nỡ an lòng? Kẻ dật may gian khổ, chẳng kể đêm hôm. Ta y phục dư thừa, há không mếm tiếc? Người nhà lá vách phen, trọn đời bận rộn. Ta nền cao đèn rộng, thông thả quanh năm. Đem công cụ nhọc để cung cấp cho ta sự an nhàn, lòng nào vui được? Lấy tài lợi riêng để giúp cho ta được no đủ, lý có hợp không?

Thế nên tự nghĩ: Phải vận lòng bi trí, tu phước huệ trang nghiêm để đàn tín được phước duyên, chúng sanh nhờ lợi ích. Bằng chẳng vậy thì chút hạt cơm tác vãi, đèn đáp có phen; thân nô dịch súc sanh, nợ nần phải trả. Đây là nhân duyên thứ tư.

5. Vì biết ơn chúng sanh: - Ta cùng chúng sanh từ vô thỉ đến nay, kiếp kiếp đời đời thay đổi làm quyến thuộc, kia đây đều có nghĩa với nhau. Nay dù cách đời đời thân, hôn mê không nhớ biết, song cứ lý suy ra, chẳng thể không đền đáp.

Vật loại mang lông đội sừng ngày nay, biết đâu ta là con của nó trong kiếp trước? Loài bướm ong trùng蝶 hiện tại, biết đâu đó là thân sinh tiền thế của mình? Đến như tiếng rên siết trong thành ngọc quý, giọng kêu la dưới cõi âm ty, ta tuy không thấy chẳng nghe, họ vẫn van cầu cứu vớt. Ngoài kinh ra, nơi đâu bày tỏ việc này? Không Phật

nói, chẳng ai hiểu rành điều ấy! Cho nên Bồ Tát xem ông kiến là cha mẹ quá khứ, nhìn thú cầm là chư Phật vị lai. Thương nẻo khổ lâu dài, hằng lo cứu vớt. Nhớ nghĩa xưa sâu nặng, thường tưởng báo ân. Đây là nhân duyên thứ năm.

6. Vì tướng khổ sanh tử: Ta cùng chúng sanh, nhiều kiếp đến nay hằng trong vòng sanh tử, chưa từng được thoát ly. Khi ở cõi này, lúc thế giới khác, khi sanh thiên cảnh, lúc sống nhơn gian, siêu đọa phút giây, xuống lên muôn nẻo. Cửa quỷ sớm đi rồi chiều lại; âm ty nay thoát bỗng mai vào. Lên non đao rừng kiếm thân thể đứt rời. Nuốt sắt nóng dầu sôi, ruột gan rã cháy. Khóc than trong lửa, rên siết trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây phút khổ đau bằng thế kỷ! Lúc ấy dù biết tội khổ, nhưng ăn năn sao kịp! Khi ra khỏi vội liền quên mất, vẫn tạo tội như thường. Tâm không hằng như lữ khách ruổi dong. Thân chẳng định dường cửa nhà thay đổi. Cát bụi cõi Đại thiên, không tính nổi số thân luân chuyển. Nước đầy trong bốn bể, chẳng nhiều bằng giọt lệ biệt ly! Nếu không lời Phật, việc này ai thấy ai nghe? Ví chẳng xem kinh, lý ấy đâu hay đâu biết? Thảng hoặc luyến mê như trước, chỉ y cứ luân hồi. Rồi ra muôn kiếp nghìn sanh, khó hỏi một làm trăm lần. Giờ tốt vội qua mà chẳng lại, thân người dễ mất nhưng khó tìm. Âm cảnh mịt mờ, xót nỗi biệt ly dài đặc! Tam đồ ác báo, thương cho thống khổ ai thay?

Vậy phải dứt nguồn sanh tử, cạn bể dục si, độ thoát mình người, đồng lên giác ngộ. Muôn đời siêu hoặc đọa, quan hệ ở phút này, không thể bê trễ được! Đây là nhân duyên thứ sáu.

7. Vì tôn trọng tánh linh: - Tâm tánh của ta cùng Thích Ca Như Lai không hai không khác. Tại sao đức Thích Tôn đã thành chánh giác sáng suốt tự tại, mà ta vẫn còn là phàm phu điên đảo hôn mê? Lại đức Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông trí huệ, công đức trang nghiêm. Còn chúng ta thì đầy vô lượng phiền não nghiệp duyên, lụy trần ràng buộc?

Tâm tánh tuy vẫn đồng một, vì mê ngộ nên cách vực trời. Ví như hạt bảo châu vô giá vùi dưới bùn nhơ, người xem dường đất đá. Cho nên phải dùng vô lượng pháp lành, đối trị phiền não, để tánh đức hiển bày. Như bảo châu được rửa sạch lau khô, treo để trên tràng cao, liền phóng quang rực rỡ. Thế mới không uổng công Phật giáo hóa, chẳng phụ tánh linh mình, xứng đáng bậc trượng phu. Đây là nhân duyên thứ bảy.

8. Vì sám hối nghiệp chướng: - Kinh nói: "Phạm một giới nhỏ, phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ thiên vương". Lỗi nhỏ còn như thế, huống chi tội nặng ư? Chúng ta mỗi ngày, một cử một động thường sai giới luật, lúc ăn lúc uống hằng phạm Thi la. Tính kỹ trong một ngày cũng đã nhiều tội, huống chi trọn đời, cho đến vô lượng kiếp về trước! Cứ lấy ngũ giới mà xét, thì mười người đã

hết chín phạm, ít phát lộ nhiều giấu che. Năm giới còn như thế, huông là giới Sa di, Tỳ kheo và Bồ Tát ư?

Nay ta phải phát lòng thương mình, thương người, lệ rơi theo tiếng, thân khẩu thiết tha, cùng với chúng sanh, ai cầu sám hối! Chẳng thế thì ngàn đời muôn kiếp, ác báo khó trừ, làm sao thoát khổ? Đây là nhân duyên thứ tám.

9. Vì cầu sanh Tịnh Độ: - Ở cõi này tu tập, việc tiến đạo khó khăn; về Cực Lạc hành trì, sự thành Phật dễ thuận. Vì dễ thuận, nên một đời liền đắc quả. Bởi khó khăn, nên nhiều kiếp vẫn chưa thành. Cho nên Thánh trước Hiền sau, người người xu hướng. Ngàn kinh muôn pháp, chỗ chỗ chỉ quy. Sự tu hành giữa thời mạt pháp, thật không chi hơn pháp môn này. Như kinh nói: - Ít căn lành khó được vãng sanh, nhiều phước đức mới về cõi tịnh. Nhiều phước đức không gì bằng chấp trì danh hiệu. Nhiều căn lành chẳng chi hơn phát ý Bồ Đề. Tạm trì Phật hiệu, thắng hơn bố thí trăm năm. Một phát đại tâm, vượt quá tu hành nhiều kiếp. Bởi niệm Phật vẫn mong thành Phật, đại tâm không phát, thì niệm Phật để làm chi? Còn phát tâm vốn để tu hành, Tịnh Độ chẳng cầu, dù phát cũng dễ thôi chuyển. Cho nên gieo hạt giống Bồ Đề, cày lưỡi cày niệm Phật, đạo quả tự nhiên tăng tiến. Nương chiếc thuyền đại nguyện, vào biển mầu Tịnh Độ, Tây Phương quyết định sanh về. Đây là nhân duyên thứ chín.

10. Vì hộ trì chánh pháp: - Đức Thế Tôn ta từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng ta mà tu đạo Bồ Đề. Ngài đã

làm việc khó làm, nhịn điều khó nhịn, công tròn quả mãn, thành đấng Như Lai. Sau khi thành Phật, duyên giáo hóa đã xong liền vào Niết Bàn. Nay chánh pháp đã qua, tượng pháp đã hết, chỉ còn mặt pháp, có kinh giáo mà không kẻ đắc thành. Thời nay tà chánh chẳng phân, thị phi lẫn lộn, tranh đua như nhơn ngã, đeo đuổi lợi danh. Tam Bảo chẳng còn thật nghĩa, suy tàn tội tệ không nỡ thốt lời. Khi nghĩ đến đây, khó cầm giọt lệ!

Ta là Phật tử, không báo được ân, trong không ích cho mình, ngoài không ích cho người, sống không ích dương thế, chết không ích đời sau. Suy nghĩ như vậy, đau lòng xót dạ, vội phát Bồ Đề, nguyện nguyện độ sanh, tâm tâm cầu Phật, thề hết báo thân, sanh về Cực Lạc. Những mong sau khi chứng quả, trở lại Ta Bà, khiến cho Phật nhật rạng soi, pháp môn rộng mở. Tang hải đẹp thanh nơi cõi trước, nhân dân tu đức ở phương Đông. Kiếp vận nhờ đó mà tiêu trừ, chánh pháp do đây được bền vững. Đây là nhân duyên thứ mười.

Như trên tám cách đã thông, mười duyên đã biết, phát tâm có chỗ, xu hướng có nơi. Trông mong đại chúng, đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu chưa phát thì nay phát, đã phát nên tăng trưởng, đã tăng trưởng khiến tương tục. Chớ thấy khó mà thôi khiếp, chớ thấy dễ mà khinh thường. Chớ dục tốc mà chẳng bền lâu, chớ biếng trễ mà không tiến ích. Cũng đừng vì tội dốt mà một mặt vô tâm, đừng vì trí cạn mà tự hiềm vô phận. Ví như trồng

cây, trồng lâu thì rễ cạn lần sâu. Lại như mài dao, mài bền thì lưỡi lụt lần bén. Đâu nên vì rễ cạn mà bỏ khô không vun xới, dao lụt mà để luống thành phế hư!

Còn nếu cho tu hành là khổ, tất chưa biết biếng trễ lại càng khổ hơn! Tu hành tuy siêng nhọc nhứt thời, nhưng an vui mãi mãi.

Biếng trễ chỉ tạm nhàn một kiếp, song khổ lụy đời đời. Huống chi dùng Tịnh Độ làm thuyền bè, đâu lo gì thói chuyể²n? Lại được vô sanh làm sức nhẫn, há còn sợ gian nan? Chớ bảo ý niệm vô thường, nguyện suông vô ích. Phải biết tâm chân thì sự thật. Nguyện rộng tất hạnh sâu. Hư không chẳng rộng lớn bằng nguyện tâm, kim cương không cứng bền bằng nguyện lực.

Đại chúng nếu không chê bỏ lời này, thì xin nguyện cùng làm quyến thuộc Bồ Đề, bạn lành Tịnh Độ. Nguyện đồng sanh Cực Lạc, đồng thấy Di Đà, đồng hóa chúng sanh, đồng thành Chánh Giác.

TÊ TỈNH ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP NHỊ TỔ)

Tê Tỉnh đại sư, tự Triệt Ngộ, hiệu Nạp Đường, người đời Thanh, con nhà họ Mã ở huyện Phong Nhuận. Thuở bé ngài đã thông thuộc kinh sử. Sau khi xuất gia, lại đi tham học các nơi, rộng suốt cả hai tông: Tánh và Tướng. Chỗ tâm đắc nhất của ngài là chỉ thú Thập Thừa Tam Quán của Kinh Pháp Hoa. Kế đó, ngài lại tham phỏng với

Tụy Như Thuần thiền sư ở Quảng Thông, tỏ ngộ thấu suốt, được truyền tâm ấn. Sau Thuần công về an dưỡng ở chùa Vạn Thọ, đại sư kế nhiệm tại Quảng Thông, sách tiến hàng hậu lai, tông phong rất thanh.

Bình nhật, đại sư thường bảo: "Ngài Vĩnh Minh nguyên là bậc long tượng trong thiền môn, mà còn quy tâm về Tịnh Độ. Huống nay là thời mạt pháp, chúng ta cũng phải tuân theo". Do đó, ngài chuyên tu tịnh nghiệp, chủ trương Liên tông. Mỗi ngày hạn thời giờ dạy chúng hoặc tiếp khách nội một cây hương. Ngoài ra chỉ chuyên lễ sám niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu, đại sư sang trụ trì chùa Giác Sanh. Kế đó lại lui về ngụ chùa Tư Phước ở Hồng Loa Sơn. Tăng chúng các nơi mến đức nương về ngày càng đông, khiến chỗ ấy trở thành đại tông lâm. Đại sư vì pháp lợi sanh lòng không chán mỏi, tất cả đều dùng Tịnh Độ làm chỗ quy thú. Mỗi khi giảng đến ân cứu khổ ban vui của Như Lai, thường lệ rơi theo tiếng. Thính chúng ngồi nghe đều cảm động sa nước mắt. Trong hai quyển Ngũ Lục của ngài, lời khuyên hóa lại càng chí thiết. Đại lược như sau:

- "Đầu mối quan hệ trong vòng sống chết của chúng ta, duy có hai thức: Tâm lực và Nghiệp lực. Tâm lực là tâm niệm có nhiều mối, khi lâm chung đi theo mối nặng nhất. Nghiệp lực ví như người mang nợ, chủ nợ mạnh lôi kéo trước tiên. Nghiệp lực tuy lớn, nhưng tâm lực lại càng lớn hơn. Bởi nghiệp không tự tánh, hoàn toàn nương nơi tâm,

nên khi tâm chú trọng thì làm cho nghiệp thêm mạnh. Nếu ta dùng trọng tâm mà tu Tịnh Độ, tất tịnh nghiệp mạnh, khi lâm chung quyết định sanh về Tây Phương. Ví như cây to tường cao, nghiêng hướng về Tây, ngày kia khi ngã đổ tất cũng hướng về Tây vậy.

Thế nào là trọng tâm? Chúng ta tu Tịnh Độ, lòng tin quý ở nơi sâu, chí nguyện quý ở nơi thiết. Do tín nguyện sâu thiết, nên tất cả tà thuyết không thể lay động, tất cả cảnh duyên không thể kéo lôi. Giả sử đang khi ta niệm Phật, bỗng Tô Đạt Ma hiện ra, bảo phải bỏ Tịnh tu Thiền có thể liền giác ngộ, thì cũng từ tạ không dám tuân lời. Hay dù đức Thích Ca hiện thân, bảo có pháp môn khác hơn Tịnh Độ, dạy ta phải bỏ niệm Phật để tu môn kia, ta cũng đánh lễ mà từ khước. Giữ vững như vậy, mới gọi là lòng tin sâu chắc.

Về phần nguyện, ví như có vòng sắt nóng đỏ xoay vắn trên đầu, ta cũng không vì sự khổ ấy mà thôi thất chí vãng sanh. Lại như có cảnh dục lạc màu nhiệm nhất của Chuyển Luân Vương hiện đến, ta cũng không vì sự vui sướng đó mà quên tâm niệm cầu về Cực Lạc. Gặp những cảnh duyên nghịch thuận cùng cực như thế, mà vẫn không đổi lòng, mới gọi là chí nguyện tha thiết.

Lòng tin sâu, chí nguyện thiết ấy, gọi là trọng tâm. Dùng tâm này mà niệm Phật thì tịnh nghiệp mạnh và lần lần thành thực. Khi nghiệp thanh tịnh Cực Lạc thành thực, tất duyên nhiễm Ta Bà phải dứt. Như thế, lúc lâm chung

dù có muốn cảnh luân hồi hiện ra, cảnh Tịnh Độ cùng đức Di Đà chẳng hiện tiền, cũng không thể được. Nhưng tín nguyện sâu thiết ấy lúc bình thời phải rèn luyện cho thành, khi lâm chung mới khởi lạc vào nẻo khác. Như cổ đức lúc sắp mạng chung, chư Thiên ở sáu cõi trời trời nhạc cầm tràng phan, kế tiếp đến rước, mà vẫn cố từ, một lòng chờ Phật, đợi khi Phật hiện đến mới chịu đi. Lâm chung là cảnh tứ đại sắp phân tán, chư Thiên đến rước là cảnh tốt đẹp tuyệt vời! Nếu bình thời tâm tín nguyện chưa được mười phần vững chắc, thì khi lâm chung gặp phải cảnh ấy, làm sao tự chủ được!"

Có nhà tu thiên hỏi:

-Tất cả các pháp, đều như mộng huyễn. Cõi Ta Bà cố nhiên vẫn huyễn, song cảnh Cực Lạc cũng lại là mộng. Như thế, niệm Phật cầu về Cực Lạc nào có ích chi được?

Đại sư đáp:

- Không phải thế đâu! Các bậc Bồ Tát từ đệ Thất địa trở về trước, đều tu hành trong huyễn mộng. Đến như bậc Đẳng Giác vẫn còn ở trong mộng lớn vô minh. Duy có Phật mới là bậc Đại Giác, hoàn toàn thức tỉnh. Đang lúc còn trong mộng, thì cảnh vui cùng khổ vẫn uyển nhiên! Như thế, cam chịu cảnh mộng khổ ở Ta Bà, sao bằng về hưởng cảnh mộng vui nơi Cực Lạc? Phương chi, mộng ở Ta Bà là từ mộng vào mộng, lần lượt đi sâu đến chỗ chìm mê. Mộng ở Cực Lạc là từ mộng ra khỏi mê, lần lượt đến ngôi Đại Giác. Cho nên mộng cảnh tuy vẫn đồng, mà kết

quả ở đôi nơi rất khác xa, vì thế phải niệm Phật cầu về Cực Lạc!

Niên hiệu Gia Khánh thứ mười lăm, vào tháng hai, đại sư dự biết ngày lâm chung, chẳng còn bao xa, đi từ giả những người ngoại hộ, dặn rằng: "Duyên hư huyễn chẳng bền lâu, giờ sống thừa nên quý tiếc. Các vị hãy cố gắng niệm Phật, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!". Đến ngày mùng hai tháng chạp, đại sư cảm bệnh nhẹ, đang chí tâm niệm Phật, bỗng thấy có vô số tràng phan từ phương Tây bay đến, liền nhìn môn đồ nói: "Cảnh Tịnh Độ đã hiện, ta sắp về Tây Phương!". Rồi bảo đại chúng, luân phiên trợ niệm. Sang ngày 17, vào giờ Thân, ngài nói với chúng rằng: "Hôm qua tôi thấy ba vị đại sĩ: Văn Thù, Quán Âm, và Thế Chí. Hiện giờ lại được đức Phật tự thân đến tiếp dẫn. Tôi đi đây!". Đại chúng nghe nói, niệm Phật càng chí thiết, đại sư ngồi thẳng, chấp tay hướng về Tây, bảo: "Xưng một câu hồng danh, thấy một phần tướng hảo!". Dứt lời, liền kiết ấn mà tịch.

Lúc ấy, tất cả chúng đều nghe mùi hương lạ ngào ngạt. Để lộ khám bảy ngày, dung sắc đại sư tươi như sống, tóc bạc biến thành đen. Lúc trà tỳ, được hơn một trăm hạt xá lợi lóng lánh. Đại sư thọ được bảy mươi, tặng lập bốn mươi chín.

ẤN QUANG ĐẠI SƯ (LIÊN TÔNG THẬP TAM TỔ)

Ấn Quang đại sư, húy Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm, người khoảng cuối đời nhà Thanh sang kỷ nguyên Dân Quốc, con nhà họ Triệu ở Hiệp Tây. Thuở bé ngài học Nho, lớn lên lấy việc duy trì đạo Khổng làm trách nhiệm, nên theo thuyết của Hàn Dũ, Âu Dương Tu, bài bác Phật Pháp. Sau bị bệnh mấy năm, tự xét biết lỗi lầm, liền cải hối tâm niệm trước.

Niên hiệu Quang Chử thứ bảy đời Thanh, vừa sang hai mươi một tuổi, căn lành thành thực, ngài xuất gia với Đạo Thuần hòa thượng tại chùa Liên Hoa Động ở núi Chung Nam. Ít lâu sau, lại được duyên thọ đại giới nơi chùa Song Khê, huyện Hưng An, với luật sư Ấn Hải Định.

Ngài từng bị đau mắt khi sanh ra vừa sáu tháng, sau tuy lành bệnh nhưng mục lực đã suy kém. Mắt vừa hơi đỏ, thì chỉ nhìn thấy cảnh vật mờ mờ. Lúc thọ giới Cụ túc, vì ngài cẩn thận và viết chữ khéo, nên được cử làm chức Thơ ký. Do viết chữ quá nhiều, đôi mắt lại phát đỏ như huyết. Lúc trước nhân khi phơi kinh được xem bộ Long Thơ Tịnh Độ, biết rõ công đức Niệm Phật, nên kỳ thọ giới này, ban đêm sau khi chúng an nghỉ, ngài vẫn ngồi niệm Phật. Ban ngày cho đến lúc viết chữ, tâm cũng không rời Phật. Nhờ đó tuy đôi mắt phát đỏ, vẫn có thể gắng gượng biên chép. Khi giới đàn vừa mãn bệnh đau mắt cũng được lành.

Do đây, ngài biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Và nhân duyên này cũng là đầu mối khiến ngài quy hướng Tịnh Độ và khuyên người niệm Phật. Từ đó, đại sư tiến bước trên đường tu học trải qua các danh lam: Từ Phước Tự, Long Tuyên Tự, Viên Quang Tự và sau cùng đến chùa Pháp Võ ở Phổ Đà Sơn.

Trong thời gian ấy, khi thì tham học, lúc duyệt Tam tạng kinh, khi lại nhập thất, nên ngài ngộ sâu đến thượng thừa, lý sự đều vô ngại, đại sư kiến thức cao siêu, làm việc cẩn mật nên hai phen được Hóa Văn hòa thượng và Đệ Nhàn pháp sư mời làm đồng bạn đến để đô thỉnh ba tạng kinh cho Pháp Võ Tự ở Phổ Đà Sơn và Đầu Đà Tự tại Ôn Châu. Cảm mến hạnh đức, Hóa Văn hòa thượng thỉnh ngài về ở lầu Tàng Kinh tại chùa Pháp Võ để tĩnh tâm tu niệm. Tính đến cuối đời nhà Thanh, trong hơn ba mươi năm xuất gia, đại sư trước sau mai danh ẩn tích, không thích cùng người tới lui giao tiếp để hôm sớm yên tu, cầu chứng Niệm Phật tam muội.

Nhưng chuông trống tuy đánh bên trong, tiếng thanh vẫn vang ra ngoài. Cao tăng dù muốn ẩn mình, Thiên long cũng đưa duyên phổ hóa. Niên hiệu Trung Hoa Dân Quốc năm đầu, cư sĩ Cao Hạp Niên nhân khi hành hương đến chùa Pháp Võ, lúc trở về đem vài bài văn của đại sư đăng lên Phật Học Tông Báo ở Thượng Hải, dưới đề tên là Thường Tâm. Tuy chưa biết đó là ai, nhưng văn tự Bát Nhã đã khiến cho độc giả phát khởi căn lành, nhiều người

đua nhau dò hỏi chỗ ở. Lúc ấy, đại sư vừa đúng năm mươi hai tuổi. Mấy năm sau, tung tích cũng bị người tìm biết được; lần lượt kẻ vượt bể lên non cầu lời khai thị, người mượn tin hồng nhận hỏi lỗi nam châm. Cư sĩ Từ Huát Như sưu tập văn tín của ngài in thành bộ Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, tái bản và tặng đính nhiều lượt, truyền bá cả trong đến ngoài nước.

Ban sơ, khi Từ cư sĩ đem mẹ lên núi cầu xin quy y, đại sư còn bền giữ chí ẩn tu không chịu chấp nhận, bảo sang quy y với Đệ Nhàn pháp sư ở chùa Quán Tông tại Ninh Ba. Đến năm Dân Quốc thứ tám, cư sĩ Châu Mạnh Do đem quyền thuộc lên núi, ba bốn phen đánh lễ cầu khẩn, xin thầy làm đệ tử tại gia. Đại sư quán xét cơ duyên, lý khó khước từ, bất đắc dĩ phải chấp thuận. Tính đến năm ấy, ngài được năm mươi chín tuổi, mới thầy đệ tử quy y lần đầu. Từ đó, hàng thiện tín kẻ viết thư cầu làm đệ tử, người lên non xin được quy y, tất cả đều y giáo phụng hành, ăn chay niệm Phật. Trong một đời giáo hóa, đệ tử tại gia của đại sư, từ hạng quyền quý giàu sang, danh nhân học sĩ đến kẻ thôn dã thường dân, số lên đến gần ba trăm ngàn người. Có nhiều vị niệm Phật tu hành được sanh về cõi Cực Lạc.

Đại sư trì giới tinh nghiêm, giữ mình rất kiệm ước. Đồ phục dụng tốt đẹp, cùng thức ăn uống ngon quý người đem đến dâng, nếu không từ khước được, cũng chuyên tặng cho những vị xuất gia khác. Còn phẩm vật thông thường,

thì đều chuyển giao cho nhà kho của chùa, để đại chúng cùng thọ hưởng. Bao nhiêu số tiền của dân tín cúng dường riêng cho mình, ngài đều đem in kinh sách, hoặc cứu tế các nạn tai, hay giúp vào những cơ quan từ thiện. Riêng mình chỉ giữ phần cơm thô áo vải đến trọn đời. Đại sư tánh không thích phô trương, có vài Phật tử mến đức tìm tới tận quê nhà, sưu tập sự tích từ khi ngài còn bé qua giai đoạn xuất gia và ra đời hoằng hóa, viết thành tuyệt ký, rồi gửi đến xin hiệu chính, để ấn tống lưu truyền rộng ra. Ngài đều khước từ, gửi nguyên bản trả lại, khuyên xin vì mình mà dẹp bỏ đi. Hai vị hiền quan: Đào Tị Đông và Hoàng Hàm Chi có viết thư đem đạo hạnh của đại sư trình lên Tổng thống Trung Hoa Dân Quốc. Ngài được Từ Tổng thống phong tặng tám biển đề "Ngộ Triệt Viên Minh", sai đoàn đại biểu đem đến tận chùa Phổ Đà, cùng hiến dâng nhiều hương hoa phẩm vật. Hàng đạo tục nghe thấy đều ngợi khen, song riêng ngài vẫn thản nhiên dường không hay biết. Đại sư có ba điểm đặc biệt khác hơn những vị xuất gia đương thời. Một là không lãnh làm trụ trì tự viện lớn, vì cho mình kém đức, e chướng ngại đến sự thanh tu. Hai là không thâm đệ tử xuất gia, vì xét thấy vào thời mạt pháp đã sâu, người xứng đáng với bốn phận xuất gia rất ít, nên không muốn gây nhiều hệ lụy. Ba là không quyên mộ khuyến hóa, bởi thẹn thấy nhiều kẻ vì lợi danh mà làm mất sự thanh khiết của nhà tu.

Về duyên hoằng hóa, đại sư quán xét vào thời mạt vận đạo đức lặn suy, nhọn căn hầu hết đều kém yếu. Phần đông chỉ ở trình độ giữ Tam quy, Ngũ giới, niệm Phật ăn chay mà thôi. Như thế cũng gọi là đã có nhiều căn lành rồi. Còn hạng siêu xuất thì thật ra tuyệt ít. Vì thế, đại khái ngài chỉ khuyên giữ trọn luân thường, tin chắc nhân quả, lánh dữ làm lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người đáng chiết phục, dù bậc thiên túc cự nho, đạt quan danh sĩ, cũng thẳng thắn chỉ trích. Kẻ đáng nhiếp thọ, tuy hạng sơ học hậu sanh, nông công nô bộc, cũng từ ái dạy khuyên. Cách giáo hóa của ngài, chỉ đem những sự lý thiết thật bình thường để khuyến ích, tuy chính mình hiểu sâu tông giáo, song không chuộng huyền luận cao đàm. Đại sư thường tán trợ vào các hội niệm Phật phóng sanh, khuyên giúp vào các viện Từ áu, Dưỡng lão. Ngài cũng sáng lập ra Hoằng Hóa Xã, giao cho người coi sóc, mình lãnh phần chỉ đạo, để ấn tống hoặc phát hành kinh sách và tượng Phật. Trong hơn hai mươi năm, nơi đây đã lưu hành trên một triệu bức tượng Phật, Bồ Tát và hơn năm triệu bộ kinh sách thích ứng với thời cơ.

Về công trình hộ pháp, lúc Âu chiến lần thứ nhất, chính quyền có nghị định cho dời những kiêu dân người Đức vào ở các chùa. Đại sư cố gắng vận động với các bậc quyền thế, khiến cho bỏ qua việc đó. Từ năm Dân Quốc thứ hai đến năm Dân Quốc thứ hai mươi lăm, đã nhiều phen chính phủ theo lời đề nghị của những nhà đương

quyền có óc duy vật, lần lượt đăng báo muốn sung tài sản chùa chiền vào công quỹ, chiếm các tự viện làm trường học. Đại sư họp sức cùng chư tăng sĩ và các cư sĩ hộ pháp, lập cách giải cứu, khiến cho đều được nạn khỏi tai qua. Ngoài ra, các tiểu tiết khác, ngài chỉ tùy thời dùng đôi lời nói, hoặc một phong thơ; đều tiêu trừ kiếp nạn.

Về phần linh cảm, năm đại sư bảy mươi tuổi được tăng chúng thỉnh về chùa Báo Quốc. Vào cuối mùa hạ, nơi đây sanh ra loài rệp rất nhiều. Từ gói chăn màn nệm, đến cửa sổ án kinh, đâu đâu cũng thấy chúng bò lai vãng. Hàng đệ tử thương ngài tuổi già sợ không kham chịu sự quấy nhiễu, xin vào để tìm cách tiêu diệt. Đại sư không chấp thuận, chỉ yên tâm niệm Phật cầu nguyện cho chúng đi, không bao lâu loài rệp đều tuyệt tích. Ngoài thời niệm Phật, ngài thường tụng chú Đại Bi gia trì vào tàn hương, gạo, hoặc nước, để cứu những bệnh nặng mà các y sĩ đều bó tay. Mỗi lần như thế đều được ứng nghiệm kỳ lạ. Một hôm, nơi lầu Tàng Kinh chùa Báo Quốc, phát hiện vô số mối trắng. Ngài hay được liền trì chú Đại Bi trong nước, bảo đem đến vẩy rưới vào chúng. Loài mối đều kéo nhau bỏ đi nơi khác. Cư sĩ Cao Hạp Niên có lời tự thuật: - Sở dĩ ông biết Ấn Quang đại sư là bậc cao tăng, bởi ngài nói những lời rất thông thường, nhưng càng suy gẫm càng thấy đúng với hiện cảnh và sau đều có ứng nghiệm. Kỳ lên núi Phổ Đà lần thứ nhất, lúc nhà Thanh hãy còn, nhân ở

ngụ tại chùa lâu ngày, cư sĩ có hỏi đại sư về cuộc diện mai sau. Ngài ứng khẩu đáp bằng một bài thi:

Tuần hoàn kiếp số rất bi thương!
Thoát khổ đâu hơn Cực Lạc bang?
Gắng niệm Di Đà về bản cảnh,
Đừng mê trần lụy lạc tha hương.
Bụi hồng nghiệp trước đời hư mộng,
Lửa đỏ ngày sau nước họa ương.
Khuyên sớm xa nơi nhiều kiếp nạn,
Cùng nhau dạo bước đến Liên phương.

Trong bài thi, ngài ám chỉ nạn binh hỏa về sau, và khuyên người niệm Phật vậy.

Năm Dân Quốc thứ mười bảy, đại sư thành lập Tịnh Độ đạo tràng tại chùa Linh Nham, soạn ra chương trình quy củ giao cho Chân Đạt hòa thượng nhiếp chúng trụ trì. Từ đó ngài về ở tịnh thất tại Tô Châu. Sau thời niệm Phật, đại sư họp cùng cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh, tu chỉnh bốn quyển Danh Sơn Chí, nói về linh tích các núi: Phổ Đà, Thanh Lương, Nga Mi, Cửu Hoa. Năm bảy mươi bảy tuổi, vì chiến cuộc bức bách, ngài từ Tô Châu dời về Linh Nham, an cư niệm Phật ba năm.

Năm Dân Quốc thứ hai mươi chín, ngày 24 tháng 10, đại sư dự biết kỳ vãng sanh, cho triệu tập chư tăng và cư sĩ về chùa Linh Nham. Trong buổi hội đàm, ngài suy cử Diệu Chơn hòa thượng kế nhiệm trụ trì, dặn dò các việc mai sau, và bảo: "Pháp môn niệm Phật không có chi đặc

biệt lạ kỳ. Chỉ cần khẩn thiết chí thành, thì không ai chẳng được Phật tiếp dẫn". Qua ngày mùng 4 tháng 11, đại sư cảm bệnh nhẹ, song vẫn tinh tấn niệm Phật. Niệm xong, bảo đem nước rửa tay, rồi đứng lên nói: "Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn, tôi sắp đi đây. Đại chúng phải tin nguyện niệm Phật cầu về Tây Phương!". Nói đoạn, bước lại ghé ngòai kiết già, chấp tay trì danh theo tiếng trợ niệm của đại chúng rồi an lành viên tịch. Lúc ấy, đại sư tăng lạp được sáu mươi, thể thọ tám mươi tuổi.

Rằm tháng hai năm sau, nhằm thánh tiết Phật nhập Niết Bàn, cũng vừa đúng kỳ đại sư vãng sanh được một trăm ngày. Hàng đạo tục các nơi hội về Linh Nham trên hai ngàn người, sắp đặt lễ trà tỳ. Lúc ấy bầu trời hốt nhiên sáng tạnh trong trẻo. Khi Chân Đạt hòa thượng cầm đuốc cử hỏa, khói bay lên trắng như tuyết, hiện ra ánh sáng năm sắc. Hôm sau Diệu Chơn hòa thượng cùng đại chúng đến nơi khám nghiệm, thấy xá lợi hiện ra nhiều hình dáng, đủ các màu, có thứ gồm ngũ sắc. Tất cả đều cứng như khoáng chất, gõ vào phát ra tiếng trong thanh. Đại chúng lựa chia thành sáu phần:

1. Nha sĩ xá lợi, gồm ba mươi hai cái răng.
2. Ngũ sắc xá lợi châu, nhiều hạt tròn sáng.
3. Ngũ sắc tiểu xá lợi hoa, hình như các đóa hoa nhỏ.
4. Ngũ sắc đại xá lợi hoa, hình như những đóa hoa lớn.
5. Ngũ sắc huyết xá lợi, do huyết nhục hóa thành.

6. Ngũ sắc xá lợi khối, gồm những khối có nhiều hình dáng, màu sắc.

Tất cả đều để vào lồng kiếng, trân tàng tại bản sơn.

Kế tiếp hàng tăng ni và đệ tử lễ bái thỉnh cầu, vị nào có thành tâm khi bới tro tìm kiếm đều được xá lợi. Như Quảng Hiệp pháp sư ở Tân Gia Ba, Pháp Độ thượng nhơn ở Ngũ Đài, cư sĩ Ngô Quốc Anh ở Phi Luật Tân, cư sĩ Nhạc Huệ Võ ở Thượng Hải, mỗi vị đều được xá lợi màu xanh, màu vàng, huyết sắc hoặc ngũ sắc. Đại sư lúc bình thời, ngôn hạnh chân thật, không biểu thị điều chi kỳ lạ, nên chẳng thể biết ngài chứng đắc đến đâu. Song hàng tăng tục xét qua đạo hạnh, sự hoằng hóa thuở còn sanh tiền, đến việc quy Tây và lưu xá lợi khi viên tịch, đều nhận định ngài là bậc Thánh nhân tái lai để tùy cơ độ sanh và hộ trì chánh pháp. Vì thế, nhân ngày kỷ niệm một năm viên tịch, các liên hữu tăng tục đồng suy tôn đại sư làm vị tổ thứ mười ba của Liên tông.

Lời phụ

Tịnh Độ không có sự truyền thừa như chư Tổ bên Thiên tông. Sở dĩ có chư Tổ Tịnh Độ, là do các vị tăng tục tu môn niệm Phật đời sau, hợp lại chọn những bậc siêu xuất mà suy tôn. Sự siêu xuất ấy biểu lộ trên ba quan điểm:

1. Về phần kiến thức, phải là bậc hiểu sâu cả Tông lẫn Giáo, ngộ đến Thượng thừa.

2. Về phần đạo hạnh, phải giới phẩm tinh nghiêm, tu hành tinh tấn. Khi lâm chung có triệu chứng vãng sanh.

3. Về phần hoằng hóa, phải có công tuyên dương Tịnh Độ, hộ trì chánh pháp, khuyến đạo ngàn muôn người niệm Phật.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục chỉ ghi có mười một vị Tổ tông Tịnh Độ. Về sau nơi đạo tràng Linh Nham, ngài Ân Quang họp các liên hữu tăng tục, suy tôn Hành Sách đại sư làm vị Tổ thứ mười, đưa Thật Hiền đại sư lên hàng thứ mười một, và Tế Tĩnh đại sư lên hàng thứ mười hai. Sau khi Ân Quang đại sư vãng sanh, chư liên hữu xét thấy ngài hạnh đức trang nghiêm có công lớn với Tịnh Độ, mới họp lại đồng suy tôn lên làm vị Tổ thứ mười ba.

Thiền tông tuy có y bát truyền thừa, nhưng mục đích dùng để biểu tín với quần chúng. Sau đời Lục Tổ, chỉ truyền pháp không còn truyền y bát, vì lúc ấy thiền hóa đã thành hành. Bên Tịnh Độ, chư đại sư cũng thuần vì bi trí lợi sanh, không tự gọi mình là Tổ. Chỉ sau khi các ngài viên tịch, người đời sau mới suy tôn lên. Nhưng thật ra, xét kỹ qua mọi phương diện, các vị đều là bậc Thánh nhơn ứng hóa, xứng đáng được tôn là Tổ. Những bậc cao tăng thông thường không thể làm được như vậy.

Trong mười ba vị Tổ của Tịnh Độ, đã có bảy ngài nguyên là Thiền sư được chánh truyền. Các vị ấy là: Thừa Viên, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích, Hành Sách, Tĩnh Am và Triệt Ngộ. Tại sao các ngài đã ngộ thiền mà không

hoàng Thiên, trở lại hoàng Tịnh? Trong đây có ba nguyên yếu:

1. Về pháp môn: - Trục chỉ thiên, chỉ có lợi cho bậc thượng thượng căn, hàng trung, hạ khó bề thể nhập. (Phi thượng thượng căn, Thận vật khinh hứa Tổ ngữ). Còn môn Tịnh Độ thì lợi khắp cả ba căn. Hàng thượng thượng căn tu Tịnh Độ, có thể hiện đời ngộ được bản tâm, chứng Niệm Phật tam muội, khi mạng chung sanh về Thượng phẩm. Dù kẻ tối hạ căn nếu chuyên niệm Phật, cũng được đởi nghiệp vãng sanh, lên ngôi Bất thối. Khi đã vãng sanh, kẻ cận Di Đà, gần gũi Thánh chúng, thọ mạng vô biên kiếp, lo gì không ngộ chân tâm, chứng Thánh quả! Vì sự lợi ích rộng rãi chắc chắn như thế, các ngài mới khuyên tu Tịnh Độ!

2. Về thời tiết: - Trong thời Chánh pháp, có thật hành phần nhiều đều chứng quả, hoặc đi sâu vào thiền định, để làm cơ bản cho những kiếp tu sau. Qua thời Tượng pháp, sự ngộ đạo còn có ít người hướng chi là chúng! Đến thời Mạt pháp, như kinh Đại Tập nói: "Ức ức người tu hành, song khó tìm một người ngộ đạo". Dù được ngộ đạo, nhưng chưa phải chứng, phiền não nghiệp tập hãy còn, khi luân hồi bị phước báo làm mê, mười người đã thối chuyển hết chín. Do đó, từ cuối thời Tượng bước sang Mạt pháp, chư đại thiện tri thức lần lần chuyển hướng dạy người tu Tịnh Độ. Vì bấy giờ thiên hóa còn thanh hành, các ngài phải thị hiện phương tiện, trước triệt ngộ thiên cơ, sau

hoàng dương Tịnh Độ, mới được người đường thời tín nhiệm tuân hành.

3. Về cơ duyên: - Từ đầu Mật pháp trở về sau, căn cơ của quần chúng hầu hết là hạng trung, hạ. Muốn thật hiện mục đích lợi sanh trong thời đại này, chư Bồ Tát phải tùy cơ duyên mà chủ trương Tịnh Độ. Các tông khác tuy cũng rất cần chân hưng, nhưng chỉ thuộc phần thứ yếu, bởi sự lợi ích không được phổ cập. Từ trước chư Tôn túc trong các tông khác cũng xét biết điều này, nên tuy vẫn hoàng dương bốn môn, mà phần nhiều đều quy hướng Tịnh Độ. Như Chân Yết Liễu thiên sư nói: "Những vị dưới tông Tào Động đều mật tu Tịnh Độ, bởi Tịnh Độ thấy Phật còn dễ hơn Thiên tông". (Động hạ nhất tông giai cụ mật tu, dĩ Tịnh Độ kiến Phật vuu giản vị ư tông môn).

Về như thời cận đại, Đế Nhàn pháp sư tuy truyền bá tông Thiên Thai, song vẫn niệm Phật. Khi sắp viên tịch, ngài đọc lời kệ khuyến tấn đại chúng:

Tôi nhờ niệm Phật.

Tịnh Độ hiện tiền.

Thọ dụng chân thật.

Chúng gắng tinh chuyên!

Ấn Quang pháp sư trong bức thư gửi cho Thế An hòa thượng, có nói: "Trong mấy mươi năm lịch duyệt bắc nam, đi về hàng muôn dặm, tôi kinh nghiệm thấy những vị thông minh hiểu suốt tông giáo, khinh thường Tịnh Độ, khi lâm chung phần nhiều mê loạn, đôi khi có trạng thái

kêu la. Còn những người chân thật niệm Phật, dù tín nguyện chưa chí thiết, không có thoại ứng lúc lâm chung, nhưng họ chết đều yên ổn cả".

Cho nên, từ lúc sanh tiền đến khi quá vãng, môn niệm Phật đích thật là con thuyền cứu khổ nhơn sanh trong thời buổi này vậy.

*

PHẦN BA TỨ CHÚNG VÃNG SANH

HUỆ VĨNH ĐẠI SƯ

Huệ Vĩnh đại sư, người đời Tấn, họ Phan quê ở Hà Nội. Năm 12 tuổi ngài xuất gia, theo thừa sự sa môn Trúc Đàm Hiên. Ban sơ, đại sư tu thiền định ở Hằng Sơn. Kế lại cùng với ngài Huệ Viễn y chỉ tu học với Đạo An pháp sư.

Niên hiệu Thái Nguyên năm đầu, đại sư đến Lô Sơn. Quan Thứ sử Đào Phạm mến hạnh đức, giở nhà mình đem lên núi xây cất thành ngôi Tây Lâm để cúng dường. Ngài giữ nét thanh đạm từ hòa, mặc áo vải, ăn cơm rau, đoan nghiêm kiệm ước sửa mình, mặt thường lộ vẻ tươi cười, lời nói không thương tổn đến người cùng vật loại.

Về sau, đại sư để cảnh Tây Lâm cho chúng tu tịnh hạnh ở, riêng mình dời lên đánh Lô Sơn, dựng một ngôi tịnh thất lợp tranh, để thiền tư và niệm Phật. Khách lên non viếng thăm, đến trú xứ của ngài, thường nghe mùi hương lạ nhẹ nhàng thanh thoát. Nhân đó, hàng đạo tục thời bấy giờ gọi chỗ ở của đại sư là Hương Cốc. Không bao lâu, có con mãnh hổ tới lưu trú nơi tịnh thất của ngài, để hầu hạ và giữ gìn. Những tục khách vắng cảnh làm huyền não, và các thú khác đến, đều bị hổ đuổi đi.

Có một độ đại sư nhân Phật sự phải xuống núi, lúc trở về thì đã xế chiều. Khi đến Ô Kiều, gặp vị tướng chủ binh trại ở đó say rượu, cưỡi ngựa đón đường không cho đi. Thấy trời sắp tối, ngài cầm tích trượng chỉ con ngựa, ngựa bỗng sợ hãi lòng lên, hất viên tướng té xuống cầu. Đại sư bước tới đỡ dậy an ủi, bảo quân hầu cận đưa về dinh. Nhân đó vị tướng cảm bệnh, khi lành mạnh vội lên non sám hối. Đại sư bảo: "Đó không phải là chủ ý của bản đạo, mà chính là thần Hộ giới xui nên đấy!". Lại một lúc nọ, Trần Nam tướng quân Hà Vô Kỵ, cho bộ tốt mời ngài đến nhiệm sở ở Tầm Dương, ý muốn vấn nạn. Nhưng khi thấy đại sư mang dép cỏ, ôm bát, cầm tích trượng tới nơi, thần thái thanh nhã phiêu diêu, nét mặt đoan nghiêm điềm tĩnh, tướng quân bỗng sanh lòng nể sợ cảm phục, tiếp đãi một cách ân trọng, rồi cho quân sĩ hộ tống đưa về. Hàng đạo tục nghe biết chuyện đó quy hướng ngày thêm đông nhiều.

Bình thời, đại sư siêng năng tinh tu, không nài khổ nhọc, chí nguyện mãn báo thân được sanh về Cực Lạc. Niên hiệu Nghĩa Huy năm thứ mười, ngài xuống Tây Lâm, kể liền cảm bệnh nhẹ. Vài hôm sau, đại sư đang nằm, bỗng ngồi dậy vén áo tìm dép muốn bước đi. Đại chúng hỏi, ngài đáp: "Tây phương Tam Thánh đã đến!". Nói xong đứng chấp tay niệm Phật mà hóa. Thọ được 83 tuổi.

Khắp ngôi Tây Lâm, mùi hương lạ bay ngào ngạt, bảy hôm sau mới lần tan.

HUỆ KIỀN PHÁP SƯ

Đời Tấn, Huệ Kiền pháp sư, họ Hoàng Phủ, người ở Bắc Địa. Ngài xuất gia thuở bé, nghiêm giữ giới hạnh, tiết tháo cứng cỏi. Tuổi trung niên, lên Lô Sơn nương ở với Viễn Công hơn mười năm. Thấy đạo đức của Viễn Công cũng đủ chấn hưng đạo phong ở vùng ấy, Huệ Kiền phát tâm du hóa các xứ Ngô, Việt để hoằng dương chánh pháp.

Vào đầu niên hiệu Nghĩa Hy, pháp sư về trụ trì chùa Gia Tường ở Sơn Âm, khuyến hóa hàng Tăng tục, tinh khổ hướng dẫn đại chúng tu hành. Như thế, trải qua năm độ nắng mưa, ngài nhiễm bệnh, tự biết mình sắp mãn phần, chí thành niệm cầu với Đức Quán Thế Âm, nguyện sanh về An Dưỡng.

Phía Bắc vùng Sơn Âm có một ni tự, trụ trì là sư cô Tịnh Nghiêm, nguyên bậc người đạo đức giới hạnh. Một đêm, sư cô nằm mộng thấy Đức Quán Thế Âm từ cửa thành Tây đi đến, tướng đẹp màu, phóng ánh sáng trong suốt rực rỡ hơn vàng nhật nguyệt. Trước sau tùy tùng các hàng Thánh chúng, tràng phan, hoa cái hiển hiện trang nghiêm. Sư cô đánh lễ thưa hỏi rằng: "Kính bạch đại sĩ! Chẳng hay pháp giá quang lâm về đâu?". Bồ Tát đáp: "Ta đến chùa Gia Tường đón rước Huệ Kiên pháp sư". Bên này, Kiên công cũng trông thấy Thánh tướng, tuy đau nhiều, vẫn tinh tấn trì niệm, thần sắc như thường. Lúc ấy, thị giả và đại chúng đều nghe mùi hương lạ. Giây lát, pháp sư chấp tay viên tịch.

Hàng đạo tục nghe biết việc này, đều ngợi khen hâm mộ.

TẶNG TẾ PHÁP SƯ

Tặng Tế pháp sư, người đời Tấn, chưa rõ xuất xứ từ đâu. Sau khi thọ đại giới, ngài lên Lô Sơn gia nhập Bạch Liên Xã, theo Viên Công tu học. Pháp sư ngộ sâu đến chỗ tinh yếu, hạnh giải siêu quần.

Hơn 30 tuổi, ngài thường xuống núi, đi khắp các thôn ấp khai giảng, hóa đạo quần chúng niệm Phật tu hành, được người đương thời xem như hàng sư tượng. Viên Công hằng khen ngợi rằng: "Cùng với ta hoằng dương đại pháp, hẳn là Tặng Tế này chăng?".

Về sau, pháp sư đau nặng, khẩn thiết niệm Phật, tưởng thánh tướng cõi Tây Phương. Viễn Công đến thăm, trao cho một cây đuốc, dạy rằng: "Ông nên vận tâm tưởng niệm về An Dưỡng!". Tăng Tế vâng lời, cầm đuốc nương nơi ghé, thỉnh chúng tụng kinh Vô Lượng Thọ, tự mình nhìn đuốc, định tâm chuyên tưởng không tán loạn. Đến canh năm, pháp sư trao cây đuốc cho đệ tử là Nguyên Bặc, dặn bảo theo chúng tu hành. Kế đó ngài tạm nằm nghỉ, mộng thấy mình cầm đuốc bay lên hư không về Tây Phương, được Đức A Di Đà tiếp dẫn để trên bàn tay, đưa đi dạo khắp mười phương quốc độ. Tỉnh giấc, pháp sư mừng bảo chúng: "Tôi chỉ quán niệm có một đêm, liền được Phật tiếp dẫn, hiện tại thân không còn bệnh khổ nữa!".

Đêm sau, ngài đang ngồi bông đứng dậy, chăm chú nhìn lên hư không rồi bảo Nguyên Bặc rằng: "Thánh tướng hiển hiện rất đẹp màu. Phật đã đến rước, ta đi đây!". Rồi ngài đứng xây mình hướng về Tây, chấp tay mà tịch. Lúc ấy nhằm thời tiết nóng bức, quần đở ba ngày mà thi thể không biến đổi, mùi hương lạ vẫn bay thanh thoát. Pháp sư thọ được bốn mươi lăm tuổi.

HUỆ CUNG

Đời Tấn, Tăng sĩ Huệ Cung, người ở đất Dự Chương, huyện Phong Thành. Mến hạnh đức của Viễn Công, ông

kết bạn với chư sư: Tăng Quang, Huệ Lan, lên Lô Sơn cùng gia nhập Bạch Liên Xã, nương ở với đại chúng đồng tu học.

Hai vị kia tuy sức học không bằng Huệ Cung, song hạnh tu Tịnh Độ lại chuyên thiết chí thành hơn. Huệ Lan thường bảo Cung rằng:

-Thầy tuy học rộng nghe nhiều, tài năng biện luận thông suốt, nhưng há không nhớ trong kinh có lời dạy: "Như kẻ điếc tấu âm nhạc cho mọi người thưởng thức, mà chính mình không tự nghe hay sao?".

Huệ Cung chỉ mỉm cười, không mấy tin nhận để ý.

Bảy năm sau, Tăng Quang và Huệ Lan kế tiếp nhau vãng sanh, khi lâm chung đều có điềm lạ ứng hiện. Bóng quang âm không dừng nghỉ, lại qua năm độ xuân sang, Huệ Cung bỗng cảm bệnh nặng. Chừng ấy, sư chợt tỉnh ngộ, tự than rằng: "Cuộc luân hồi sáu nẻo, bánh xe sống chết quay mãi lên xuống không dừng, ta sẽ đi về đâu?". Nói xong, rơi lệ như mưa, gắng gượng đến trước bàn Phật sám hối. Đoạn, quyết chí xả thân liêu chết, niệm Phật không xen hở. Hơn hai mươi hôm sau, sư bỗng mộng thấy Phật A Di Đà bung đài vàng đến rước, tự thân nhẹ bay lên kim đài. Lại thấy Tăng Quang, Huệ Lan ngồi trên đài sen, ở trong ánh quang minh, bảo rằng: "Trưởng lão vãng sanh tât vào ngôi thượng phẩm, chúng tôi khôn xiết an ủi vui mừng! Chỉ hận đã chìm lâu nơi cõi trược, duyên bạn lành tương hội hơi trễ muộn đó thôi!".

Tỉnh giấc, Huệ Cung bạch lại với đại chúng, rồi chấp tay vui vẻ phân chân niệm Phật mà tịch. Bấy giờ, vào khoảng niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ mười một.

LƯU TRÌNH CHI

Cư sĩ Lưu Trình Chi, người đời Tấn, hiệu là Trọng Tư, cư ngụ tại Bành Thành. Ông mồ côi cha từ bé, thờ mẹ rất có hiếu.

Lớn lên, cư sĩ theo học Nho, kiêm thông về thuyết Lão – Trang, tánh ngay thẳng, không chiều uốn theo thời tục. Ban sơ, ông làm chức Tham quân tại phủ nhà. Hàng công khanh thấy là người có tài cán, trước sau đua nhau tiến cử, nhưng Lưu Trình Chi đều khước từ. Về sau, nghe Huệ Viễn pháp sư ở chùa Đông Lâm tại Lô Sơn, đang tu môn Niệm Phật tam muội, nhân thân mẫu quá cố, hiếu sự đã xong, cư sĩ lên non xin nương ở. Viễn công hỏi: "Đường quan lộc của ông hãy còn cao xa, tại sao không tiến bước?". Trình Chi đáp: "Nhà Tấn không được bền vững như đá bàn, lòng người lại dễ rã tan như trứng vỡ, tôi chẳng muốn rơi vào vòng hệ lụy!". Từ trước, ông đã có tánh bất khuất như thế, nên Lưu Dũ, một danh sĩ, từng đặt cho ngoại hiệu là Dị Dân.

Lúc ấy lại có các thanh tín sĩ như: Tông Xác, Châu Tục Chi, Trương Dã, Lôi Thứ Tôn, Trương Thuyên, Tất Vĩnh... lần lượt đến Lô Sơn. Khi số người câu hội đã khá đông, Viễn Công kiến lập Bạch Liên Xã, suất lãnh đại

chúng đối trước tượng Tây Phương Tam Thánh, nguyện đồng tu tịnh nghiệp, và giao cho Trình Chi làm văn phát thệ chạm vào bia đá.

Về sau, cư sĩ qua Tây Lâm, cất một am nhỏ bên bờ suối Bắc, nghiêm giữ tịnh giới, kiêm hạnh thiền tụng niệm Phật. Được nửa năm, trong định ông thấy ánh sáng của Phật chiếu xuống mặt đất đều thành sắc vàng ròng. Lại qua mười lăm năm, trong khi đang niệm Phật, cư sĩ thấy Đức A Di Đà phóng ánh sáng từ tướng bạch ngọc hào soi đến mình, duỗi cánh tay vàng buông xuống như tiếp dẫn và khuyến tấn an ủi. Trình Chi thưa: "Ước chi được Như Lai tay vàng xoa nơi đánh, áo pháp phủ nơi thân con!". Đức Phật mỉm cười, xoa đầu và kéo áo cà sa phủ trên mình ông. Kế đó không bao lâu, cư sĩ lại mộng vào ao thất bảo, thấy nước lạnh dường lóng lánh trong suốt, hoa sen các sắc nở đua rực rỡ. Một vị đầu hiện viên quang, ngực có chữ vạn chỉ nước ao bảo: "Hãy uống đi! Chính là bát công đức thủy đây!". Trình Chi vâng lời vốc nước uống, cảm thấy vị thơm ngon. Lúc thức tỉnh mùi hương lạ phát ra từ các lỗ chân lông. Cư sĩ thuật lại các điều ấy, và nói với đại chúng rằng: "Duyên Tịnh Độ của tôi nay đã đến thời kỳ thành thực!". Kế đó sắm lễ, thỉnh chư Tăng tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, riêng mình lễ Phật và quỳ xuống niệm hương khẩn nguyện rằng: "Do di giáo của Đức Bổn Sư, con mới biết được y chánh cõi Tây Phương. Nén hương này xin trước cúng dường Đức Thích Ca Như

Lai, kể đó cúng dường Đức A Di Đà Chánh Giác, và sau cúng dường kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Con được vãng sanh Tịnh Độ nhờ công đức niệm Phật và trì tụng kinh này. Xin nguyện cùng tất cả hữu tình đồng sanh Cực Lạc!".

Khóa tụng hoàn mãn, cư sĩ già biệt đại chúng, lên giường nằm nghiêng về Tây, chấp tay yên lặng mà hóa, thọ được 59 tuổi. Lúc ấy nhằm năm thứ sáu niên hiệu Nghĩa Hy.

TRƯƠNG KHÁNG

Trương Kháng, người thời Thạch Tấn, chưa được rõ xuất xứ. Vào triều đại bấy giờ, ông làm quan đến chức Hàn lâm học sĩ.

Tuy thân nơi hoạn lộ, song chí ở Liên Trì, ông tụng chú Đại Bi mười muôn biến nguyện sanh về Cực Lạc. Khóa tụng vừa đủ số, cư sĩ vương bịnh, chỉ chuyên trì Phật hiệu. Một hôm, ông bỗng gọi gia nhor bảo: "Cảnh Tây Phương Tịnh Độ rất gần, chỉ ở bên phía Tây mái nhà này. Ta thấy Phật A Di Đà ngồi trên hoa sen, còn thằng Ông Nhi ở trên đất kim sa nơi ao thất bảo, đang chơi đùa và lễ Phật". Nói xong, xướng Phật hiệu liên tiếp, giây lát ngưng niệm yên lặng mà vãng sanh.

Ông Nhi là cháu nội của Trương Kháng, tuổi còn bé, đã niệm Phật và mãn phần trước đó ít lâu.

KHUYẾT CÔNG TẮC

Khuyết Công Tắc, người ở nước Triệu. Đời Võ Đế nhà Tấn, ông cư ngụ tại Lạc Dương, tánh tình phóng khoáng điềm đạm, mỗi ngày thường tụng kinh Chánh Pháp Hoa.

Sau khi ông mãn phần, một thân hữu đến chùa Bạch Mã, lập trai hội để truy tiến cầu siêu cho. Đêm lại, khi chừ Tăng tụng kinh xong, bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói. Tất cả đều ngước lên xem, thấy một vị hình tướng sáng đẹp trông xuống bảo: "Tôi là Khuyết Công Tắc, hiện đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay cùng với chừ Thượng thiên nhơn đến đây nghe kinh!".

Có ông Vệ Sĩ Độ ở Cấp Quận, lúc trước theo học với Khuyết Công Tắc. Mẹ ông vẫn thường đến chùa cúng dường chừ Tăng. Khi đó bà cũng phụ việc trai cúng trong pháp hội cầu siêu. Hôm sau, vừa sắp đến giờ ngọ, bà bỗng thấy một cái bát từ hư không sa xuống trước mặt. Bà cùng ông Vệ Sĩ Độ nhìn kỹ, thì đó là cái bát mà Khuyết Công Tắc vẫn thường dùng lúc sanh tiền. Trong bát đựng đầy hương phạm, mùi thơm bay khắp trai đường. Mỗi người thử ăn một muống, kết quả bảy ngày sau đều không thấy đói, các lỗ chân lông bay ra hơi thơm. Danh sĩ Chi Đạo Lâm nghe biết việc ấy, làm bài tán khen ngợi rằng:

Cao cả thay Khuyết Công!
Lặng sáng mà hiển linh.
Chánh niệm thần về miền Lạc cảnh.
Giác mê tích ứng tại Đông Kinh.
 Trong mây dường rõ tiếng
 Nét ngọc khó quên hình!
Nhiệm mầu khen nói khôn cùng tận!
Phật Thánh ai rằng chuyện mộng minh?

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Sang hèn niệm Phật chẳng hoài công
Đều được thần thông tướng tốt đồng.
Rải diệp sắc hoa làm Phật sự
Khắp vi trần cõi nổi hương phong.
Quang minh soi đến thân điềm lạc
Âm nhạc nghe rồi ngộ khổ không.
Tựa ngọc lan can xem bảo thọ
Không ngăn cõi Phật hiện bên trong.

*

Kinh hành nhẹ gót đất kỳ trần
Cỏ lạ hoa tươi mỗi bước xuân.
Thanh tịnh đã không ba ác đạo
Trang nghiêm thường có các thiên nhân.
Trông treo quán nhật khi chiều xuống
Cảnh Phật tùy tâm thấy hiện lần.

Vô thi kiếp mê chừ mới tỉnh
Quê xưa nào cách điếm tiêm trần!

*

Ao báu lâu đài khắp chốn thanh
Mây lành ánh thoại diệt rồi sanh.
Đã không tử sắc lìa phiền não
Dù có thiên ma chẳng đấu tranh.
Khát uống cam tuyền loan phụng múa
Nhàn nghe nhạc thọ đức tâm thành.
Những mong gởi chất hoa sen ngọc
Dạo đất lưu ly lắng tiếng oanh.

*

Bọt bóng bèn chi chút huyễn thân!
Sao còn buông thả niệm tham sân?
Đường tu thẳng tắt mau tìm đến
Lối mộng mờ mê gắng thoát lần.
Giữ giới đồng như băng tuyết sạch
Gìn tâm cho được Thánh Hiền gần.
Nẻo về Tây cảnh không xa lắm!
Một niệm quay đầu thấy tánh chân.

*

TẶNG DUỆ PHÁP SƯ

Tặng Duệ pháp sư, người vào thời Nam Bắc Triều, ở
Ngụy Quận thôn Trường Lạc. Từ thuở bé, ngài đã mến

hạnh xuất gia, nhưng đến mười tám tuổi mới đạt chí nguyện. Sau khi xuống tóc, ngài nương theo Tăng Hiền đại sư làm đệ tử. Ngoài hai mươi tuổi, pháp sư rộng thông kinh sử, đi du hóa các danh đô, tùy xứ diễn thuyết giáo pháp.

Pháp sư thông ngộ tuyệt thế, những bậc thầy dạy như Tăng Lăng thượng nhơn khi giảng kinh Phóng Quang Bát Nhã, phải nhiều phen đối đáp khó khăn trước lời hỏi của ngài. Lúc giảng diễn giữa đại hội, pháp sư trả lời thông suốt, biện luận tuôn tuôn như suối trào qua những lời vấn nạn, khiến thính chúng đều khuynh phục. Diêu Hưng, vua nhà Tần, hỏi quan Tư Đồ là Diêu Tung rằng: "Duệ Công nhơn phẩm như thế nào?". Đáp: "Đó là cây tòng bá cao lớn nơi vùng Nghiệp, Vệ!". Tần chúa cho triệu thỉnh đến, các hàng công khanh đều tập họp, ý muốn xem tài khí của ngài ra sao. Pháp sư ngôn luận cao nhã uyên thâm, khiến vua Tần nhìn Diêu Tung và các triều thần bảo: "Đây là bậc tiêu lãnh trong bốn biển, nào phải chỉ riêng cây tòng bá ở vùng Nghiệp, Vệ đâu!".

Sau ngài theo La Thập thượng nhơn đến Quan Trung. Thượng nhơn trao cho ba quyển kinh Thiên Pháp Yếu Giải. Pháp sư xem rồi, y theo đó ngày đêm tu tập, tinh luyện Ngũ môn, khéo vào Lục tĩnh. Những kinh của thượng nhơn phiên dịch, Tăng Duệ cùng các bậc danh đức khác đều có tham dự vào ban khảo chính. Trong 3000 môn đồ của ngài La Thập: Tăng Duệ, Tăng Triệu, Đạo

Sinh, Đạo Dung, vì hạnh giải siêu tuyệt, nên được người đương thời tôn là Tứ Thánh. Kế đó, pháp sư lại tới Lô Sơn nương theo Viên Công tu tịnh nghiệp.

Về sau, ngài đến kinh đô, trụ nơi chùa Ô Y, giảng thuyết các kinh, thính chúng đều tin phục. Pháp sư nghiêm giữ giới hạnh, khéo nhiếp oai nghi, hoằng dương chánh pháp, chuyên tinh niệm Phật, nguyện đem các công đức ấy hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Khi nằm ngò, ngài đều không dám xây lưng về phương Tây.

Vào năm Nguyên Gia thứ 16, một hôm không đau bệnh chi, ngài bỗng cho hộc tãng chúng, ngỏ lời từ biệt. Kế đó đi tắm gội, rồi đắp y lên đại điện đốt hương lễ Phật. Đoạn trở xuống ngò ngay gần nơi thiên tọa, day mặt về Tây chấp tay mà hóa.

Hôm ấy, cả chùa đều thấy khói thơm năm sắc từ phòng ngài bay ra. Pháp sư thọ được 67 tuổi.

HUỆ SÙNG ĐẠI SƯ

Huệ Sùng đại sư, người ở Lương Châu, thời Ngụy Võ Đế. Ngài là bậc đạo hạnh uyên thâm, được quan Thượng thư Ngụy triều là Hàng Vạn Đức tôn làm môn sư. Đại sư cùng danh tăng Thích Huyền Cao mà hàng tăng tục lúc ấy mến đức xưng tụng là Thế Cao, đồng được người đương thời tôn trọng kính ngưỡng.

Sau Ngụy Võ Đế nghe lời sàm tấu của quan Tư đồ Thôi Hạo và đạo sĩ Khâu Khiêm Chi, hạ lệnh hủy diệt Phật pháp. Thái tử Hoảng vì thông tin trước cho chư tăng hay để trốn tránh cùng cất giấu kinh điển và pháp khí, nên bị đắc tội. Việc ấy liên lụy đến ngài Huyền Cao và Huệ Sùng, nên cả hai đều bị gia hình.

Bấy giờ, có tăng sĩ Pháp Đạt vốn hâm mộ đức hạnh của ngài Huyền Cao, nghe được tin ấy tuyệt thực thương khóc mấy ngày. Đang lúc bi ai, bỗng thấy Huyền công từ hư không bay đến. Pháp Đạt đánh lễ, nhân hỏi ngài cùng Huệ Sùng đại sư hiện sanh về nơi nào? Huyền Cao đáp: "Ta nguyện sanh ở nơi cõi trược để cứu độ chúng sanh, hiện đã chuyển thế. Còn Sùng công thường cầu về Cực Lạc, nay ý nguyện cũng đạt thành!". Nói xong liền ẩn mất.

ĐÀM GIÁM PHÁP SƯ

Thích Đàm Giám, họ Triệu, người thời Nam Bắc Triều, ở Ký Châu. Ông xuất gia thuở bé, thờ ngài Trúc Đạo Tổ làm thầy. Tánh thanh đạm, pháp sư ăn cơm rau, mặc áo vải, giữ luật hạnh rất tinh khổ. Sau lại du phương đi khắp nơi hoằng pháp độ người. Khi tới Kinh Châu, ngài dừng bước tịnh tu ở ngôi Tân tự tại Giang Lăng. Bấy giờ xuân thu đã hơn sáu mươi tuổi.

Bình sanh, nếu có làm chút điều lành, pháp sư đều hồi hướng cầu về Tây phương, nguyện được thấy Phật. Một

hôm, trong khi thiền định, ngài thấy Phật A Di Đà thân tướng rất cao đẹp trang nghiêm, cầm hoa sen rưới nước nơi đầu và mặt, dùng Phạm âm trong thanh vi diệu bảo: "Ta rưới pháp thủy gội rửa trần cấu, làm cho tâm người thanh tịnh, khiến cả ba nghiệp đều được nghiêm sạch!". Nói đoạn, lại lấy một cành hoa sen trong bình báu trao cho.

Sau khi xuất định, pháp sư tỏ bày sự sống chết vô thường cùng đại chúng, và dặn dò hậu sự. Đêm đã khuya, chư tăng đều lui về liêu phòng, ngài đi chậm rãi nơi hành lang niệm Phật đến canh năm, tiếng càng lúc càng khẩn thiết. Đến sáng, đệ tử y thường lệ vào phòng thăm hỏi, thấy pháp sư ngồi ngay thẳng bất động, lại gần xem thì đã viên tịch. Lúc ấy ngài hưởng thọ được bảy mươi tuổi.

Thời bấy giờ, lại có Thích Đạo Hải ở Giang Lăng, Thích Huệ Khám ở Bắc Châu, Thích Đàm Hoàng ở Hoài Nam, Thích Huệ Cung ở Đông Châu, Thích Đạo Quảng ở Đông Viên, Thích Đạo Quang ở Hoàng Nông, cùng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc, khi lâm chung đều có điềm lành. Sự vãng sanh của chư đại đức kể trên, gây rất nhiều tín tâm cho hàng đạo tục.

ĐẠO TRẦN PHÁP SƯ

Thích Đạo Trân, chưa được rõ xuất xứ. Vào đầu đời nhà Lương, pháp sư tu ở Lô Sơn, tập quán tướng Đức A Di Đà, nhưng chí vãng sanh còn chưa nhất quyết.

Một đêm, ngài mộng thấy có nhiều người ngồi thuyền lướt nhẹ trong biển cả, hỏi đi đâu, đáp rằng: "Về cõi Cực Lạc". Đạo Trân ngỡ ý muốn xin theo, một vị trong thuyền bảo: "Ông chưa làm nhà tắm cho chư tăng và tụng kinh A Di Đà, tịnh nghiệp chưa thành, làm sao đi được?". Tỉnh giấc, pháp sư lo công đức làm nhà tắm cho chư tăng, và tụng kinh A Di Đà trải nhiều năm không gián đoạn. Về sau, đang ngồi quán tưởng trong phòng, ngài bỗng thấy có vị tăng bung đài bạc đến nói: "Khi báo thân mãn, pháp sư sẽ ngồi đài này. Xét theo công hạnh, ngài đáng ngồi đài vàng. Nhưng vì khi mới phát nguyện, tâm ngài còn do dự, nên chỉ được ngàn ấy mà thôi!". Lúc xuất quán, Đạo Trân có niềm vui, song không nói lộ ra, chỉ ghi việc ấy vào nhật ký cất kỹ trong hòm kinh.

Sau ngài mãn phần vào lúc giữa đêm, người trong làng thấy như có vài ngàn cây đuốc thấp sáng từ lưng chừng núi trở lên. Họ nghĩ: Chắc có lẽ vị vương hầu nào đó lên non lễ Phật. Sáng ra hỏi lại, mới biết là điềm lạ lúc Đạo Trân pháp sư viên tịch. Hàng đệ tử nhân mở hòm kinh, tìm thấy nhật ký, mới biết đó là thoại ứng về sự vãng sanh.

ĐÀM LOAN PHÁP SƯ

Đời Bắc Ngụy, Đàm Loan pháp sư người ở Nhạn Môn, tỉnh Sơn Tây. Thuở niên thiếu, nhân du lãm cảnh Ngũ Đài Sơn, thấy thần tích linh dị, ngài phát tâm xuất gia.

Về sau, trong khi đọc kinh Đại Tập, thấy văn nghĩa sâu mầu, pháp sư nguyện chú giải ra cho mọi người đều thông hiểu. Nhưng sự nghiệp ấy mới được nửa chừng, ngài bỗng phát bệnh nặng, thay thầy đổi thuốc nhiều phen. Sau khi đã tạm thuyên giảm, pháp sư than rằng: "Mạng người rất mong manh, con vô thường khó định. Ta nghe bậc thần tiên có phép tu trường sanh. Có lẽ trước nên cầu pháp ấy cho thân thể được kiện Khang, sau mới hưng sùng Phật giáo!".

Nghĩ đoạn, ngài qua Giang Nam tìm các nhà đạo học như Đào Ân Cư, Đạo Hoằng Cảnh, khẩn cầu về Tiên thuật. Các vị ấy trao cho 10 quyển Tiên kinh. Ngài vui vẻ mang trở về.

Giữa đường, đến Lạc Dương, pháp sư gặp Bồ Đề Lưu Chi Tam tạng, nhân hỏi: "Trong đạo Phật có pháp trường sanh bất tử như Tiên kinh này chăng?". Lưu Chi thượng nhơn nói: "Ở phương này làm gì có pháp trường sanh bất tử? Mười quyển kinh mà ông mang theo, nếu tu tập, chỉ có hiệu năng tạm thời không chết, kéo dài mạng sống. Nhưng đến khi Tiên báo mãn, nghiệp lực hiện, kết cuộc vẫn xoay vần trong nẻo luân hồi. Như vậy, có chi gọi rằng quý? Luận về trường sanh bất tử, kỳ thật chỉ có Phật pháp mà

thôi!". Nói xong, Tam tạng lấy trong đây ra quyển kinh Thập Lục Quán trao cho và bảo: "Tu học theo đây, thì không còn luân chuyển trong sáu đường, thoát ly hẳn ba cõi. Sự vinh hư thành bại, đường họa phước xuống lên, cũng không còn ràng buộc được. Nói về thọ lượng, thì số kiếp như cát sông Hằng chẳng thể sánh ví bằng. Đây mới đích thật là phép trường sanh của đấng Kim Tiên chúng ta vậy".

Ngài Đàm Loan nghe nói cả mừng, tiếp nhận và cảm tạ. Sau khi tham duyệt và so sánh kỹ hai pho sách, pháp sư liền đốt bỏ Tiên kinh, chuyên tu theo Quán kinh. Từ đó ngài quán triệt được nghĩa sâu của pháp môn Niệm Phật, đem Thập Lục Quán kinh ra hoằng hóa. Lại soạn văn lễ Tịnh Độ nối tiếp kệ văn của Tổ Long Thọ, và trứ tác bộ Vãng Sanh Luận Chú truyền trong đời. Ngụy chúa rất mến trọng, vời tới cung đình, tứ hiệu là Thần Loan. Kế đó, lại sắc cho pháp sư đến trụ trì ngôi đại Già lam tại Tinh Châu, sau thuyên chuyển sang Huyền Trung tự ở Phần Châu.

Niên hiệu Hưng Hòa thứ tư, một đêm ngài đang thiền quán, bỗng thấy có vị Phạm tăng đi đến bảo: "Ta là Long Thọ, đã về Tịnh Độ từ lâu. Vì ông đồng chí, nên nay đến thăm viếng và báo cho hay là tịnh duyên đã thành thực".

Xuất định, pháp sư tự biết đã đến kỳ vãng sanh, tập họp tăng chúng lại răn dạy và bảo: "Nẻo luân chuyển rất xa vời, kiếp trần lao nhiều mối nhọc. Sự khổ nơi địa ngục rất đáng kinh sợ, duyên sen cõi Cực Lạc cần phải gắng

tu!". Nói xong, dạy hàng đệ tử cao tiếng niệm Phật. Ngài bước xuống tòa, nghiêm kính dạy về Tây rập đầu cúi lạy mà viên tịch.

Lúc ấy, đại chúng thấy tràng phan, bảo cái hương hoa thơm đẹp từ Tây Phương nhiều như mây bay đến. Nhạc trời rền vang nổi giữa hư không giây lâu mới dứt. Tin đồn đến triều, vua sắc cho dựng bia, xây tháp ngài tại Văn Cốc ở miền Tây Phần Châu. Dân chúng đương thời gọi pháp sư là Đàm Loan Bồ Tát.

ĐẠO DŨ

Thích Đạo Dũ, chưa rõ xuất xứ, thường ở chùa Khai Giác, chuyên niệm Phật. Sư có tạo tượng Đức A Di Đà bằng gỗ chiên đàn, cao độ ba tấc mộc. Mỗi khi trì niệm, hăng để tượng Phật trên đầu.

Một hôm, trong khi tĩnh định, thần thức đến Cực Lạc, sư thấy một hiền giả mới sanh về đó đi nhiều quanh hoa sen đẹp ba vòng, cánh sen liền nở ra. Hiền giả bước vào ngồi giữa đài hoa. Sư cũng y theo, đến một đóa sen nhiều ba vòng, nhưng hoa không nở. Sư dùng tay kéo cánh hoa, song tất cả bông đều héo rũ. Vừa lúc ấy, Phật A Di Đà hiện thân bảo: "Nghệp chướng của ngươi hãy còn, hãy trở về thành tâm sám hối mới có thể vãng sanh được! Tại sao ngươi tạo tượng ta quá nhỏ như thế!". Đạo Dũ thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Tâm lớn Phật lớn, tâm nhỏ Phật nhỏ". Nói

xong, liền thấy thân Đức A Di Đà to lớn đầy khắp hư không. Phật bảo: "Người hãy về tắm gội, khi sao mai mọc Ta sẽ đến rước". Xuất định, Đạo Dữ tắm gội sạch sẽ, thành tâm lễ Phật sám hối thật lâu. Xong, thuật lại mọi việc khuyên đại chúng tinh tu và ngỏ lời từ biệt. Đến thời, sư ngồi niệm Phật giữa tiếng trợ niệm của chư Tăng. Tất cả đồng thấy Phật đến rước, quang minh chiếu rọi rõ, trong tịnh thất sáng như ban ngày. Khi ánh sáng tắt, đại chúng lại xem thì sư đã viên tịch.

Lúc ấy nhằm niên hiệu Khai Hoàng thứ tám.

TRÍ KHẢI ĐẠI SƯ

Trí Khải đại sư, họ Trần, tự Đức An, quê ở Vĩnh Xuyên thuộc Kinh Châu, tỉnh Hồ Bắc. Đại sư ứng thế vào khoảng các đời Lương, Trần, Tùy. Bà mẹ mộng thấy mây thơm năm sắc hiện ra đoanh vây nơi thân rồi vào bụng, mà cảm mang thai ngài. Đêm đại sư đản sanh, trong nhà hương thơm bát ngát, thần quang chiếu sáng rực rỡ.

Ngài sanh ra đã bả́m tướng lạ: mày thanh tú, mắt dài sáng, mỗi tròng mắt có hai con người nằm ngang. Nơi hai tay, mỗi cùi chỏ đều có bốn cục xương gu. Khi nằm tắt nghiêng bên hữu, cháp hai tay. Lúc ngồi thì thường kiết già day mặt về Tây. Vừa hơi lớn, thấy tượng Phật liền lạy; gặp người xuất gia, tỏ dáng cung kính.

Năm lên bảy, ngài theo mẹ vào chùa Quả Nguyên, nghe một vị tăng tụng phẩm Phổ Môn, liền đọc lại thuộc lòng, như đã có học tập từ trước. Lúc mười bảy tuổi, đang khi lễ Phật rồi quỳ xuống thệ nguyện xuất gia, ngài bỗng như vào mộng, thấy cảnh giới biên rộng mênh mông, nước ngâm trong vắt. Gần mé biển có một tòa non cao chón chở, mây phủ lưng chừng, mặt trời chiếu sáng. Khi ấy ngài thấy mình đứng dưới núi, trên đỉnh có vị tăng cúi xuống đưa cánh tay dài kéo lên, dẫn vào một ngôi già lam, bảo: "Về sau, ông sẽ trụ nơi đây để hoằng hóa".

Năm mười tám tuổi, ngài nương theo Pháp Chử thượng nhơn ở Quả Nguyên tự, tại Sương Châu xuất gia. Kế đó, lại đến chùa núi Đại Hiền học tập Luật tạng, tụng kinh Vô Lượng Nghĩa, kinh Pháp Hoa, và tu Phổ Hiền quán. Vào đầu niên hiệu Thiên Gia, nghe danh đức của Huệ Tư thiên sư ở núi Đại Tô tại Quảng Châu, đến tham bái. Huệ Tư vừa nhìn thấy ngài liền bảo: "Ta với ông xưa kia đồng nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở Linh Sơn đại hội, túc duyên đeo đuổi, nay lại gặp nhau!". Nhân đó thiên sư khai thị về Tứ an lạc hạnh, và dạy cách kiến nhập Phổ Hiền đạo tràng. Đại sư lãnh giáo, nương tại đây nhập quán tu Pháp Hoa tam muội. Vừa được hai thất, khi tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Dược Vương câu: "Thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai...", thân tâm chợt rỗng không, lặng lẽ vào định. Trong định, ngài thấy hội Linh Sơn vẫn còn hiển hiện đông đảo chưa tan, liền thấu

suốt ý chỉ Pháp Hoa và các pháp tướng, tức thông thâm phát. Đại sư đem sở chứng bạch với ngài Huệ Tư. Thiên sư than thở ngợi khen bảo: "Chỉ riêng ông mới chứng, duy có ta mới biết! Định cảnh ấy thuộc về tiền phương tiện và Pháp Hoa tam muội. Chỗ phát tức thông thuộc Sơ Triền Đà Ra Ni môn. Từ đây về sau, dù cho ngàn muôn vạn tự pháp sự, cũng không thể làm cạn nguồn biện luận của ông được!".

Niên hiệu Đại Kiến năm đầu đời Trần, ngài đến chùa Ngõa Quan ở Kim Lăng khai giảng Pháp Hoa. Vua sắc chỉ đình triều một ngày, bảo quần thần tề tựu lại chùa nghe giảng đề kinh. Năm Đại Kiến thứ bảy, đại sư đến núi Thiên Thai ở miền duyên hải để tránh duyên an dưỡng. Đi tới ngọn núi phía Nam, ngài trông thấy cảnh bồng bôi hồi xúc động. Nơi đây có vị thần tăng hiệu là Định Quang đã cư ngụ từ ba mươi năm trước. Khi gặp nhau, thần tăng bảo: "Ông còn nhớ điềm ta đưa lên núi chãng? Ở sơn lãnh phía Bắc có một nơi ngân địa, hãy lên đó kiến lập già lam độ chúng". Đại sư y lời đến xem thấy cảnh đúng như điềm ứng trước, liền xây dựng chùa, trồng cây thông, dẫn nước suối, khiến cho ngôi tự viện càng thêm u nhã. Từ đó ngài giảng diễn các kinh giáo đại thừa như: Pháp Hoa, Kim Quang Minh, luận Ma Ha Chỉ Quán, rộng mở về thiên pháp, hàng tăng tục nường về ngày càng thêm đông. Về phần chư Thần quy hướng, như cha con Quan Thánh và

Võ An Vương đều hiển linh cầu thọ giới, xin làm đệ tử hộ pháp.

Không bao lâu, đại sư lại nhận lời thỉnh của vua nhà Trần, trở về Kim Lăng giảng kinh Pháp Hoa Văn Cú tại chùa Quang Trạch. Nhà Trần mất, ngài vào Lô Sơn, kể lại châu du các miền Kinh, Dương hoằng pháp. Năm Khai Hoàng thứ mười bốn đời Tùy, lại trở về núi Thiên Thai.

Công nghiệp lợi sanh của đại sư rất nhiều, nơi đây chỉ thuật phần đại khái. Trước sau, ngài tạo 36 ngôi chùa lớn, tổ chức cho biên chép 15 pho đại tạng kinh, độ hơn 14.000 vị xuất gia, trong đó có 32 bậc cao đồ đắc pháp, tạo 800.000 tượng Phật, Bồ Tát bằng vàng, đồng, cây chiên đàn, hoặc những thứ gỗ khác, khai 63 ao phóng sanh ở các vùng Hộ, Khê, Lương dài khoảng 300 dặm, soạn thuật các tập Chư Pháp Hoa Huyền Nghĩa, Tịnh Độ Thập Nghi Luận, Ma Ha Chỉ Quán, Kim Quang Minh Văn Cú, Quán Kinh Sớ cùng nhiều kinh luận khác, mở những đàn truyền giới và các khóa diễn giảng khuyến hóa ngư dân miền duyên hải bỏ nghề chài lưới, cùng viết biểu tâu với vua nhà Trần xin xuống chỉ cấm việc sát sanh quanh vùng bờ biển núi Thiên Thai. Tóm lại, trong hai đời Trần và Tùy, ngài là bậc đại pháp vương hộ trì chánh giáo. Thái tử Tấn Vương Quảng (Dạng đế) từng thỉnh ngài đến hoàng cung cầu xin thọ giới Bồ Tát và tôn hiệu là Trí Giả đại sư. Sau ngài lại về quê cũ ở Kinh Châu, kiến thiết chùa Ngọc Tuyền, giảng dạy kinh pháp để báo ân người hương lữ.

Về ý nghĩa pháp môn Tịnh Độ, trong Thập Nghi Luận, đại sư đã khai thị yếu lược như sau:

- “Muốn quyết định được sanh về Cực Lạc, phải có đủ hai hạnh: Yêm ly, Hân nguyện, nghĩa là chán bỏ và vui cầu.

- Yêm ly là thế nào? Nên xét nghĩ: hàng phàm phu chúng ta từ kiếp vô thủy đến nay, vì đắm say tự ràng buộc theo năm điều dục lạc là: sắc đẹp, tiền của, danh vị, ăn uống và ngủ nghỉ, mà bị luân hồi trong sáu đường, chịu đủ không ngần sự khổ não. Nếu chẳng khởi tâm chán bỏ thì biết chừng nào mới được thoát ly? Phải quán xét thân giả tạm này, bề ngoài chỉ một lớp da mỏng manh che phủ, bên trong chứa đầy các thứ tanh hôi như: ruột, gan, óc, phổi, xương, thịt, máu, mủ, đờm, dãi, nước tiểu, phân ứ. Cứu khiêu lại thường tiết ra những thứ không sạch, các lỗ chân lông hằng ra mồ hôi bợn nhờn. Kinh Niết Bàn nói: "Thân này như vòng thành nhờn ứ, loài quỷ La Sát ngu si hằng tham trước nương ở trong đó. Người có trí ai lại đắm luyện huyễn thân?". Lại trong kinh bảo: "Thân này không bền lâu, là chỗ nhóm họp của các thứ khổ, các thứ nhờn nhờn; là nơi sanh khởi các thứ ung nhọt ghẻ lác, các bệnh trong và ngoài. Thân này do phiền não dâm dục sanh ra, là nghiệp chủng không sạch: do tinh cha huyết mẹ hòa hợp, là mầm giống không sạch. Ở trong thai mẹ chật hẹp tối tăm nhờn nhờn, là chỗ trụ không sạch. Khi còn trong thai dùng chất máu huyết để sống, là sự ăn uống không sạch.

Do sản môn sanh ra, là chỗ sanh không sạch. Từ bé đến già bề ngoài bao lớp da mỏng, bên trong đầy thứ tanh nhờn, lại đủ các sự suy yếu bệnh khổ, là cả thân không sạch. Lúc chết rồi lại sinh thối nát rã, vùi tửa lúc nhúc, là kết cuộc không sạch. Thường quán sát bảy điều không sạch như thế, tất sẽ sanh niệm chán lìa. Dù chưa thể liền dứt được nghiệp vợ chồng, thì phiền não ái dục cũng lần lần nhẹ bớt. Lại phát nguyện mong sớm bỏ thân nhờn nhờn khổ não, cầu sanh Cực Lạc, được thân bằng chất báu ngọc kim cương đủ 32 tướng tốt, lần lần tiến chứng vào thân pháp tánh sáng suốt lạng trong.

- Còn Hân nguyện là thế nào? Nên nghĩ: nay ta cầu sanh Tịnh Độ, trước là để được sống trong cảnh lầu các, cây hoa, ao hồ, âm nhạc, chim lạ, đủ vô lượng thứ báu, vô lượng sự trang nghiêm vui đẹp ở Liên Bang. Sau đó, tiến tu để độ mình, thân bằng quyến thuộc, cùng tất cả chúng sanh trong vòng mê khổ. Nay ta nghiệp chướng nặng dày, đạo lực yếu kém, nếu không biết tự lượng, mê ở cõi đời như ác, cảnh duyên phiền não mạnh, tất sẽ bị sóng nghiệp cuốn lôi chìm đắm, sự độ mình không rồi, nói chi độ chúng? Như thế biết chừng nào mới thoát ly khỏi kiếp sa đọa luân hồi? Nếu được về Cực Lạc, tất cả ở cõi thom sạch trang nghiêm, sống lâu vô lượng kiếp, gần gũi chư Phật, Bồ Tát, đủ các thuận duyên tiến tu, không còn lo thối chuyển. Khi đã chứng quả vô sanh, phân vô lượng thân vào các cõi trước, độ vô biên loài hàm thức, nào có

muộn gì? Cho nên phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tức là phát tâm Bồ Đề, tức là phát tâm cầu Phật quả, tức là phát tâm độ chúng sanh, tức là phát tâm nhiếp hóa chúng sanh về cõi Phật vậy”.

Năm Khai Hoàng thứ bảy đời Tùy, khi hóa duyên đã mãn, sắp nhập diệt, đại sư tập họp chúng bảo tụng các kinh Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ, rồi khen ngợi rằng: "Lành thay Diệu Pháp Liên Hoa kinh, cha mẹ của pháp môn, bản tích rộng lớn, mầu nhiệm khó lường! Lành thay Vô Lượng Thọ kinh, 48 nguyện trang nghiêm Tịnh Độ, ao sen cây báu, dễ vãng sanh mà ít kẻ nguyện cầu! Người tạo ngũ nghịch thập ác tướng địa ngục hiện, một niệm cải hối còn được sanh về, huống là bậc giữ giới chuyên tu, tất công phu không luống uổng vậy!". Hàng đệ tử là Trí Lãng pháp sư thưa thỉnh rằng: "Xin mở lượng từ bi, giải tỏ niềm nghi hoặc. Chưa rõ tôn đức chúng đến ngôi vị nào và khi mạng chung sẽ sanh về đâu?" Đại sư đáp: "Nếu ta không lãnh chúng, tất chúng vị Thanh tịnh lục căn. Vì tôn mình lợi người, nên chỉ đến ngôi Ngũ phẩm. Hiện thời các hàng thầy bạn theo hầu Phật và Đức Quán Âm, Thế Chí đến rước ta vãng sanh!". Nói xong, hướng về Tây chấp tay xưng niệm A Di Đà Phật, Bát Nhã, Quán Âm rồi lặng lẽ như vào tam muội mà tịch.

Lúc ấy, nhằm ngày 24 tháng 11, đại sư thọ được 67 tuổi. Khi sắp đưa linh quan về ngọn Phật Lũng để nhập tháp, mưa to xối xả không dứt. Các đệ tử cầu nguyện, mưa

liền tạnh ráo, bầu trời trở nên trong sáng, gió thông vi vút tợ kêu thương, nước suối tràn reo như bi cảm. Lúc đưa linh quan đến tháp, trời mưa hương hoa lả rơi lác đác, mọi người cầu nguyện đều được cảm ứng. Đại khái như Thích Huệ Diên ở chùa Thiên Hương, tả kinh Pháp Hoa cầu đại sư xin xác nhận đã sanh về cõi nào? Đêm lại, nằm mộng thấy ngài theo Đức Quán Âm từ phương Tây đi đến bảo: "Ta về cõi Cực Lạc ở Hoa Tạng thế giới, ông đã dứt hết lòng nghi chưa?". Đại sư là Sơ Tổ tông Thiên Thai, lịch đại truyền thừa, đến nay môn phong hãy còn thịnh.

TRÍ THÔNG PHÁP SƯ

Trí Thông pháp sư, họ Trình, quê ở tỉnh Hà Đông. Từ thuở bé, ngài đã mộ đạo, thường cầu xin xuất gia. Cha mẹ lấy làm lạ, cuối cùng đều vui lòng chấp thuận, bảo hãy đợi hơi khôn lớn, qua mười tuổi sẽ cho xuống tóc.

Sau khi chí nguyện đạt thành, pháp sư kính thuận thờ thầy không nài khổ nhọc, nghiêm giữ giới hạnh. Ngày đêm, lúc nào rồi rảnh lại siêng năng niệm Phật tụng kinh. Sau ngài đến học kinh luật với Diên pháp sư và Tuấn luật sư. Học nghiệp đã thành, về chuyên tu Tịnh Độ tại chùa. Ngoài ra ngài còn kiêm tạo các phước lành như truyền giới, thuyết pháp, lập nhà Dưỡng lão, viện Cô nhi, thật hành cả tài thí lẫn pháp thí.

Năm Đại Nghiệp thứ bảy đời Tùy, vào tháng 10, pháp sư nhiễm bệnh, dạy thị giả trợ niệm hồng danh A Di Đà Phật, một lòng hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Được vài hôm, ngài bỗng chợt ngồi dậy, mở mắt nhìn chăm chú về Tây giây lâu, rồi bảo: "Cảnh màu đẹp không thể nghĩ bàn!". Vị tăng thị giả là Đảnh Cái hỏi, pháp sư đáp: "Ta thấy lọng hoa, tràng báu cùng điện tháp rất trang nghiêm!". Đến tối bỗng hỏi: "Làm gì mà đốt đèn đuốc quá sáng chói như thế?". Rồi liền bảo tắt đèn. Giây lâu lại bảo: "Ồ lạ! Sao ánh sáng càng thêm rực rỡ?". Đảnh Cái thưa: "Đó tất là tướng tịnh nghiệp của thầy hiển lộ, không có chi lạ!". Trí Thông nghe nói, chấp tay niệm Phật đến sáng, rồi bảo: "Xin già từ đại chúng, tôi sanh về Tịnh Độ". Nói xong liền viên tịch.

Lúc bấy giờ bỗng nhiên đất núi đều rung động, cửa song rách nứt. Vị tăng tại bản tự là Đạo Huệ đang nằm mơ màng, mộng thấy nơi đánh non sau chùa hiện lên lầu đài điện các, từ từ nhẹ nhàng hư không bay thẳng về Tây.

PHÁP TRÍ

Đời Tùy, Thích Pháp Trí, chưa rõ xuất xứ, xuống tóc ly gia hội còn thơ ấu. Lớn lên sư thường đến các hội giảng diễn lưu ý ghi nhớ các lời thuyết pháp.

Lúc tuổi già, sư nghe nói: tu hành thẳng tắt không chi hơn niệm Phật, liền đến thưa với một vị cao đức rằng: "Tôi thấy luật dạy: phạm giới điều nhỏ phải bị đọa địa

ngục trải qua một trung kiếp, thì có thể tin. Nhưng như kinh nói: chí thành niệm một câu A Di Đà Phật, diệt được tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử, lại chưa thể tin nhận!". Vị ấy bảo: "Đó đều là lời Phật dạy, tại sao ông lại sanh niệm tà kiến, tin điều này mà phủ nhận điều kia?". Sư nghe nói như chột tỉnh ngộ, đến Đâu Suất Đài ở chùa Quốc Thanh, ngày đêm chuyên cầu niệm Phật.

Một hôm đang trì niệm, sư bỗng thấy hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân. Lại ngày khác, cảm ánh sáng từ bình báu nơi thiên quan của đức Đại Thế Chí soi chiếu đến thân. Khi sắp mãn phần, Pháp Trí đi từ giả các hàng đạo tục và bảo: "Tôi sắp về cõi Phật, các vị có chi để tiễn đưa chăng?". Theo lời ấn định, chúng hẹn sau 3 ngày sẽ đến chùa thết tiệc tiễn hành. Đến kỳ, sau bữa ngộ trai, trong đại chúng có nhiều vị ở nghỉ lại phòng của sư để chờ xem.

Nửa đêm ấy, Pháp Trí đang ngồi niệm Phật nơi giường, chúng bỗng thấy ánh sáng kim sắc từ phương Tây chiếu đến, soi rộng xa ước vài trăm dặm. Lại xem, thì sư đã viên tịch. Lúc bấy giờ người trong các thuyền ở trên sông vùng gần đó, đều lầm tưởng rằng trời đã sáng. Nhưng giây lát trời bỗng tối lại, chờ đợi thật lâu mới thấy rạng đông. Hỏi ra, trong chùa bảo đó là điềm lành khi sư vãng sanh về Cực Lạc.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Người ngự sen lành, ao bảo trân,
Long lạnh nước bạc chiếu kim thân.
Tâm nhuần pháp diệu tiêu trần cấu,
Chí độ hàng mê thoát khổ luân.
Hoa Tạng bẻ mầu chơi dạo khắp
Niết Bàn nhân đẹp đủ mùi phân.
Ta Bà biết mấy quang âm đổi?
Cực Lạc thường hằng một kiếp xuân!

*

Cõi tịnh mong về bất tử hương,
Ráng mây chiều tối ngắm tàn dương.
Hoa quỳnh cây bích tươi muôn vẻ,
Điện ngọc lầu châu đẹp khác thường.
Sen báu lung lay theo nhạc gió,
Nước ngân thấp thoáng bóng oan ương.
Lắng nghe bổng ngộ Vô sanh khúc,
Tên họ ghi lên Tuyên Phật trường.

*

Đôi phen mộng đến cảnh Liên Bang,
Lối cũ quê xưa đã rõ ràng.
Phơ phát phươn châu muôn nguyệt sáng,
Lửng lơ lọng báu ức mây vàng.
Chim lành tắm gội ao kim thủy,
Hoa lạ đua tươi vẻ ngọc lan.

Đang giấc chợt như ai gọi thức,
Lò hương khói thoảng trống canh tàn!

*

Đài dao đầy gió, nước đầy ao,
Muôn đóa sen lành tốt đẹp sao!
Không tước thanh hòa kêu nhã điệu,
Thân tâm lặng lẽ thoát trần lao.
Ca sa đâu dụng đường kim tuyến,
Anh lạc sáng tuôn ánh ngọc hào.
Lễ Phật vô vàn thân tướng hảo,
Đạo màu ngộ pháp Tông trì cao.

*

PHÁP HỖ VÀ THỌ HỒNG

Đời Tùy, Thích Pháp Hỷ, chưa rõ xuất xứ, chỉ thấy thường đi khắp nơi tham phỏng các bậc tri thức. Sự tu học của sư có thể gọi là tinh cần không chán mỏi.

Năm 60 tuổi, sư mới được duyên lành gặp ngài Trí Giả ở núi Đại Tô, một phen nghe pháp âm liền được thâm ngộ. Từ đó Pháp Hỷ song tu thiền huệ và niệm Phật. Một thời kỳ, sư đang thực hành môn Phương đẳng tam muội, trong định bỗng thấy có con chim trĩ đến kể oan khúc đòi nợ mạng. Vừa lúc đó, thần Hộ pháp hiện thân quở chim trĩ rằng: "Pháp sư sắp sanh về Tịnh Độ, trong tương lai khi

chúng đạo sẽ tế độ cho. Người hãy lui đi, không nên khuấy rối!".

Khi gần mãn phần, sư đau bệnh, phát nguyện đem công đức tu một đời, hồi hướng cầu sanh Cực Lạc. Rồi xả bỏ tất cả, chí tâm niệm Phật. Lúc lâm chung, sư thấy Đức Phật, hai vị Bồ Tát, và chư Thánh chúng đến rước, liền ngồi ngay ngắn mà thoát hóa.

Cùng thời gian ấy, có sư Thọ Hồng, người ở Phần Dương, hằng chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Khi lâm chung sư thấy các thiên đồng ở cung trời Đâu Suất đem phước lọng, tấu âm nhạc xuống rước. Thọ Hồng từ khước nói: "Tôi cầu về Cực Lạc, không muốn sanh lên cõi Trời!". Đoạn liền nhờ chúng cao tiếng niệm Phật. Giây phút, sư lại bảo: "Đức A Di Đà từ phương Tây đã đến!". Nói xong, liền chấp tay mà viên tịch.

HAI SA DI

Đời Tùy, tại Văn Châu, có hai sa di, chưa rõ người ở đâu, đồng tâm nguyện tu môn niệm Phật. Trải qua năm độ nắng mưa, vị lớn tuổi hơn trong cơn bệnh chết ngất, thần thức đến Tịnh Độ, thấy Phật đánh lễ và thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Có em sa di nhỏ tuổi đồng tu với con, không biết sẽ được vãng sanh chăng?". Phật bảo: "Do y khuyến khích, người mới phát tâm. Nay người hãy tạm trở

về, gắng tu hành tinh tấn, ba năm sau cả hai sẽ đồng đến đây".

Đúng kỳ hạn, hai sa di thấy Phật và Thánh chúng từ Tây Phương đến rước. Lúc ấy cõi đất rung động, hoa trời rơi xuống phơ phất lượn bay. Chúng xem lại, cả hai đồng chấp tay ngồi thoát hóa.

ĐẠO KIỆT PHÁP SƯ

Đạo Kiệt pháp sư, họ Dương, người An Ấp tỉnh Hà Đông, thuở còn bé đã có tâm xuất thế. Đời Tùy, năm Khai Hoàng thứ 11, ngài nương theo Quýnh đại sư xuống tóc, thọ giới cụ túc. Kế lại đến Thanh Châu, nghe Hà Ký luận sư giảng về Thành Thật Luận.

Khi thầy thế độ mãn phần, ngài lại châu du sang nước Tề, sưu tầm về Luận học. Pháp sư hằng mở các khóa diễn giảng, được số đông đại chúng nương theo tín phục. Thời gian lâu sau, ngài bỗng suy nghĩ rằng: "Từ trước đến nay ta chỉ chuyên theo ngôn từ lý thuyết, nên đường chân tâm hãy còn mịt mờ. Muốn phát khởi trí huệ vô sanh, tất cần phải do nơi thiên định". Nghĩ đoạn, bèn đình việc diễn giảng, sang Ma Cốc nương theo Chân Huệ đại sư học tham thiền. Lâu ngày, pháp sư ngộ sâu vào lý duyên khởi, được ngài Chân Huệ tán thán khen là bậc lợi căn.

Đạo Kiệt tánh người thiếu dục ít nói, lạnh nhạt lợi danh, sự ăn mặc rất là thanh đạm. Những cảnh vui hoặc khổ xô đến, pháp sư vẫn điềm nhiên. Về sau, ngài làm tòa chủ chùa Thê Nham. Niên hiệu Trinh Quán năm đầu đời Đường vào ngày 28 tháng 7, pháp sư viên tịch tại bản sơn, thọ 55 tuổi.

Đương thời có cư sĩ Phần Xước ở Tang Tuyên, trước kia nguyên là vị Tăng, nhân vua nhà Châu phế hủy Phật giáo, phải về tục. Tuy làm kẻ bạch y, cư sĩ vẫn thường tham dự các pháp hội, được Đạo Kiệt pháp sư rất quý trọng. Sau khi cư sĩ từ trần, một hôm hai cô con gái đồng nằm mơ thấy cha từ hư không bay đến bảo: "Ta đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nay biết Đạo Kiệt pháp sư sắp mãn phần, nên đến đón rước về Liên Bang". Nói xong, đi thẳng qua hướng chùa Thê Nham.

Hôm ấy, Đạo Kiệt vì đau bệnh nên đình giảng. Khi lâm chung, ngài thấy Thánh chúng và cư sĩ Phần Xước đứng giữa hư không tiếp dẫn. Cả chùa đều nghe mùi hương lạ và tiếng thiên nhạc rền vang.

QUÁN ĐÁNH ĐẠI SƯ

Quán Đánh đại sư, họ Ngô, người đất Chương An, huyện Lâm Hải. Ngài sanh ra vừa được ba tháng, đã có thể xưng danh hiệu Tam Bảo. Khi lên bảy tuổi, vào chùa Nhiếp Tĩnh xuất gia. Niên hiệu Trí Đức năm đầu đời Trần, ngài đến yết kiến Tổ Trí Giả ở chùa Tu Thiên, nghiên tập

quán pháp mong được ấn khả. Nhân đó ngài theo làm thị giả, những pháp của Tổ nói, đều có thể lãnh ngộ.

Trong niên hiệu Khai Hoàng đời Tùy, Tổ Trí Giả viên tịch, Quán Đảnh đại sư thay thế truyền dương giáo pháp Thiên Thai, siêng tu định huệ. Mỗi khi ngài ngồi tụng kinh, thường có thiên hoa phơ phất rơi xuống gần bên mình. Một độ nọ, đại sư đang giảng kinh Niết Bàn tại chùa Nhiếp Tĩnh, bỗng có một toán cướp tràn tới hò hét sắp hành hung. Vừa khi ấy nơi cửa chùa hiện lên thần binh cao lớn hơn một trượng, cờ xí kiếm kích rạng ngời. Bọn cướp kinh hãi, tan rã bỏ chạy.

Niên hiệu Trinh Quán thứ sáu đời Đường, ngày mùng 7 tháng 8, đại sư viên tịch tại chùa Quốc Thanh. Khi ngài mới nhiễm bịnh, nơi tịnh thất thoảng bay mùi hương lạ. Lúc lâm chung, đại sư dạy đệ tử rằng: "Hãy đốt nhiều danh hương, ta sắp đi đây!". Nói xong, bỗng đứng lên chấp tay như cung kính ai, ba lần xưng Nam Mô A Di Đà Phật nhan sắc tươi vui. Kê đó về chỗ nằm mà tịch. Khi đã vãng sanh, nơi đánh của đại sư còn nóng suốt ngày, thọ 72 tuổi.

ĐẠO NGANG PHÁP SƯ

Đời Đường, Đạo Ngang pháp sư quê ở Ngụy Quận. Ngài sanh ra, phong thần thanh sáng, huệ giải như đã sẵn

tu tập từ kiếp trước. Lớn lên nương theo Linh Dũ thượng
nhơn xuất gia, nghiên tâm giáo điển, tu tập chuyên cần.

Một hôm, ngài đang giảng Hoa Nghiêm Địa Luận tại
chùa núi Hàng Lãng, vào lúc hoàng hôn, trời bỗng âm u
sụp tối, không kịp thắp đèn đuốc. Pháp sư đưa cao bàn tay
lên, liền phát ra dị quang chiếu sáng rục cả giảng đường.
Đại chúng thấy thế đều kinh lạ. Người bảo: "Ánh sáng ấy
vẫn hằng ở nơi tay tôi và khắp chỗ, đâu có chi là ly kỳ!".
Bình thời, pháp sư rộng kết duyên bạn sen cùng nguyện
sanh về An Dưỡng. Về sau, ngài ngụ tại Báo Ứng Tự, dự
biết ngày vãng sanh, cho báo tin cùng các hàng thân tri,
dặn khoảng đầu tháng 8 đến chùa để giã biệt.

Đến kỳ hạn, đại chúng tề tựu, thấy pháp sư vẫn như
thường, không đau bệnh chi cả. Trong lúc mọi người còn
phân vân, ngài an nhiên đáp y lên tòa cao, khuyến dẫn
chúng thọ giới Bồ Tát, lời và ý đều khẩn thiết, thính giả
vừa kính sợ, vừa cảm động. Gần đến giờ ngọ trai, bỗng có
tiếng thiên nhạc du dương thanh diệu nổi rền rang giữa hư
không. Pháp sư ngược mắt nhìn lên rồi bảo chúng: "Chư
thiên cung Trời Đâu Suất vân tập đông đảo đến đón rước
tôi. Nhưng thiên đạo vẫn còn trong nẻo luân hồi, không
phải là điều riêng ưa thích. Tôi hằng cầu Tịnh Độ, sao tâm
nguyện vẫn chưa thấy đạt thành?". Nói xong, âm nhạc và
Thiên chúng từ từ ẩn mất lên cao, trong giây phút đều lặng
lẽ. Vừa lúc ấy, hương hoa cùng kỹ nhạc từ Tây Phương
đầy dẫy như mây, bay đến xoay vờn trên đầu ngài, cả

chúng đều nghe thấy. Pháp sư bảo: "Linh thoại ở Liên Bang đã ứng hiện đón rước, đại chúng ở lại yên ổn, tôi đi đây!".

Nói xong, chiếc thủ lô từ nơi tay rơi xuống. Pháp sư ngồi vắng sanh ngay nơi bản tọa. Lúc ấy, nhằm năm Trinh Quán thứ bảy, ngài thọ được 69 tuổi.

ĐẠO XƯỚC THIÊN SƯ

Đạo Xước thiên sư, người đời Đường, họ Vệ, quê ở Văn Thủy tại Tinh Châu. Thuở bé ngài đã có tánh cung kính khiêm nhường, hàng hương lý đều mến chuộng. Ngài xuất gia hồi 14 tuổi, sau khi học giáo điển, lại theo Tăng thiên sư tập tham thiền.

Về sau, ngài trụ trì chùa Huyền Trung tại Thạch Bích thuộc miền Văn Thủy. Chùa này do Đàm Loan pháp sư kiến lập từ trước. Đạo Xước mến hạnh tu Tịnh Độ của Loan pháp sư, hằng lặng lòng quán tưởng, khi ngồi thường hướng về phương Tây, sáu thời lễ kính không thiếu sót. Ngài định khóa mỗi bữa niệm Phật bảy muôn câu. Có một vị tăng, trong định thần thức dạo đến cảnh trang nghiêm ở Tây Phương, thấy Đạo Xước tay lần tràng hạt sắc sáng đỏ, số hạt chuỗi rất nhiều, cao như non thất

bảo. Ngoài ra, còn các điềm thoại ứng khác của ngài không thể thuật hết. Thiên sư thường vì đại chúng giảng kinh Vô Lượng Thọ và Thập Lục Quán đến vài trăm lượt. Sau khi giảng xong, thính chúng mỗi vị đều lần chuỗi niệm Phật, tiếng vang như sóng biển dâng trào. Có lúc chúng lại tản mát xung quanh niệm Phật, âm hưởng vang động rừng núi.

Bình thời, ngài khuyến khích đại chúng tu tịnh nghiệp, ý vị sâu sắc, lời lẽ như suối tuôn. Thính chúng đều cảm động, nhiếp niệm quên duyên, một lòng niệm Phật. Đôi khi có kẻ tà kiến lên non muốn kích bác, nhưng khi thấy oai dung của ngài, đều lặng lẽ ra về. Thiên sư có trứ tác hai quyển An Lạc Tập, bao gồm những điểm thiết yếu của các ngài: Long Thọ, Thiên Thân, Huệ Viễn, Đàm Loan, được người đương thời trân trọng.

Năm Trinh Quán thứ hai, vào ngày mùng 8 tháng 4, ngài biết thọ số không còn bao lâu, cáo tri trước cho khắp hàng đạo tục xa gần. Hôm ấy đại chúng đến chùa chật nức cả trong ngoài. Sau thời khuyến dụ, đại chúng đều thấy Đàm Loan pháp sư ngồi trên thuyền thất bảo giữa hư không, bảo Đạo Xước rằng: "Điện các ở cõi Tịnh Độ của ông đã hiện thành, chỉ còn dư báo tại Ta Bà chưa dứt đó thôi!". Chúng lại thấy Hóa Phật trụ giữa hư không, thiên hoa từ trên lác đác rơi xuống. Các hàng thiện tín lấy vạt áo hứng được, thấy cánh hoa trơn đẹp đáng yêu, nhiều màu sắc lạ. Có kẻ thử cắm trên đất, đến 7 ngày vẫn chưa héo.

Đại chúng đều vui mừng ngưỡng mộ, than thở khen là điềm rất ly kỳ. Từ ngày ấy trở đi, báo thân của thiền sư thêm khỏe mạnh, dung sắc càng tươi tắn. Ít lâu sau, ngài vãng sanh, thọ hơn 80 tuổi.

Bây giờ có Thích Đạo Phủ cùng ngài Đạo Xước đồng chí hướng, mỗi khi gặp nhau đều lấy sự vãng sanh Tịnh Độ làm ước hẹn. Sau khi thiền sư viên tịch ba hôm, Đạo Phủ nghe tin, than thở bảo: "Ta thường hẹn sẽ vãng sanh trước ông, nay kết cuộc lại đi sau. Nhưng cũng chẳng ngại chi, chỉ cần gia công thêm một chút, tất sẽ theo kịp!". Nói xong tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật, lễ nguyện trì niệm một lúc lâu. Kế đó lui ra, ngồi kiết già nơi thiền tọa chấp tay mà hóa.

TẶNG HUYỀN PHÁP SƯ

Đời Đường, Tăng Huyền pháp sư, người ở Tinh Châu, rộng thông giáo điển, hạnh giải tương ưng. Đến 96 tuổi, ngài theo Đạo Xước thiền sư giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ, lại được xem hai quyển An Lạc Tập, mới phát tâm niệm Phật. Có kẻ bảo là tu hành trễ muộn, mạng sống còn chẳng bao lâu, tịnh nghiệp khó thành thực, e không được vãng sanh. Pháp sư đáp: "Kinh nói: Khi lâm chung hồi tâm niệm mười niệm cũng được vãng sanh về Tịnh Độ. Tôi còn rộng ngày giờ hơn thế, lo gì không được vãng sanh?".

Vì e thọ số sắp mãn, mỗi ngày đêm pháp sư lễ Phật 1000 lạy, niệm Phật chín muôn câu. Trải qua 5 năm như thế, một lòng hành trì không biếng trễ. Một hôm, ngài cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử bảo rằng: "Tây Phương Tam Thánh đã đến, thân tướng trang nghiêm, quang minh rực rỡ. Đức A Di Đà Thế Tôn trao cho ta áo cà sa thơm đẹp. Hóa Phật hiện đầy khắp cả hư không. Các ông hãy cố gắng tinh tu, ta đi đây!". Nói xong, ngài chấp tay mà hóa. Mùi hương lạ thanh thoảng 7 ngày vẫn chưa tan.

Bấy giờ, có hai vị pháp sư là Khải Phương, Viên Quả mục kích việc ấy, phát tâm về chùa Ngô Chân ở huyện Lam Điền, kiết kỳ chuyên niệm Phật. Cả hai cùng bẻ một cành dương đem để trong tay tượng đức Quán Thế Âm, khẩn rằng: "Nếu chúng con đồng được vãng sanh, xin nguyện cho cành cây này trong 7 ngày không héo". Qua 7 hôm, cành dương đã không rũ héo mà còn thêm xanh tươi. Hai vị đều vui mừng từ đó ngày đêm quán niệm không biếng trễ. Trải qua 5 tháng như thế, một hôm trong khi tịnh quán, cả hai đồng thấy mình đến ao báu ở Tây Phương. Vô số hoa sen đẹp lạ đủ màu sắc đua tươi, phóng ánh sáng vi diệu. Giây phút Bồ Tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đồng đến an tọa trên hai hoa sen báu lớn. Kế đó đức A Di Đà Thế Tôn từ hướng Tây bay đến, ngồi trên đóa sen cực to ở giữa hai vị Bồ Tát. Ánh sáng của hoa đẹp và Tam Thánh dung hòa, nhiệm màu rực rỡ. Khải Phương, Viên Quả đánh lễ thưa rằng: "Kính bạch! Chúng sanh ở

cõi Diêm Phù Đề y theo kinh niệm Phật, có được sanh về đây chăng?". Phật bảo: "Tùy theo nhân hạnh cao thấp, đều quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc. Điều ấy các người chớ nên nghi ngờ!". Cả hai lại nghe Phật Thích Ca Mâu Ni cùng Văn Thù Bồ Tát đang khen ngợi kinh Pháp Hoa. Phía trước lại hiện ba đạo thêm báu đồ về Liên Trì, trên ấy có nhiều vị đang đi đến. Một con đường toàn là hàng bạch y ngoài đời. Một đường xen lẫn người tăng kẻ tục. Một con đường chỉ có chư tăng ni. Các vị ấy đều nói: "Chúng tôi là những người niệm Phật mới sanh về đây!".

Sau khi xuất định, Khải Phương, Viên Quả thuật lại rành rẽ cảnh giới ấy cho đại chúng biết. Không bao lâu, hai vị pháp sư đều được vãng sanh.

DUY NGẠN PHÁP SƯ

Duy Ngạn pháp sư, người ở Tinh Châu, bình sanh thường tu Phương Đẳng sám pháp và niệm Phật, hồi hướng cầu về Tịnh Độ. Khi có hơi đau yếu, lại càng tinh tấn không xen hở.

Một ngày nọ, pháp sư thấy hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí hiện thân giữa hư không. Ngài rập đầu đánh lễ, sa nước mắt thưa: "Duyên may nhục nhãn được thấy Thánh dung. Chỉ buồn cho người đời sau, không do đâu mà được biết kim tướng, cầu xin Bồ Tát từ bi gia hộ, cho ý nguyện con muốn hội họa tôn tướng được đạt thành!". Hôm sau,

pháp sư cho mời họa công đến, tả rõ sắc tướng hai vị Bồ Tát, song không ai vẽ được. Vừa đâu có hai người tự bảo mình từ Tây kinh đến, muốn qua non Ngũ Đài, nay gặp duyên, xin vẽ tượng hai vị Bồ Tát. Họa xong, Thánh tướng tươi đẹp trang nghiêm, giống y như ngài Duy Ngạn đã thấy. Nhưng hai người ấy bỗng đi đâu mất.

Biết đó là hai vị Bồ Tát hóa thân gia hộ, và duyên Tịnh Độ của mình cũng đã thành thực. Pháp sư cho họp hàng đệ tử lại bảo rằng: "Nay ta vãng sanh về Cực Lạc, có ai muốn cùng đi theo chăng?". Một đồng tử cúi lạy thưa: "Con xin đi theo sư phụ!". Ngài Duy Ngạn bảo nó trở về giã từ cha mẹ. Đồng tử vâng lời. Cả nhà thấy đứa bé về nói như thế đều không tin, trách cho là lời bông đùa. Đồng tử không biện minh, lặng lẽ trở lại chùa tắm gội thay y phục, vào đạo tràng ngồi niệm Phật mà hóa. Pháp sư hay tin, đến vỗ vai nó và bảo: "Lành thay! Bé con đi trước ta ư?". Rồi xuống giảng đường lấy bút làm bài tán, đề nơi tượng hai vị Bồ Tát, tán rằng:

Quán Âm xa đón từ Tây Cảnh,
Thế Chí dìu đưa bước vãng sanh.
Hóa Phật lò kim đỉnh,
Thiên quan hiện bảo bình!
Cõi Phật mười phương đồng thưởng ngoạn,
Đài sen chín phẩm tiếp hàm linh.
Tay vàng thương xót đỡ,
Dìu dắt đến Liên kinh!

Đề xong, từ biệt các đệ tử, vào đạo tràng lễ Phật, bảo chúng xướng hồng danh trợ niệm. Pháp sư ngồi kiết già niệm theo, giây phút chấp tay nhắm mắt mà hóa. Hưởng thọ được 80 tuổi.

Lúc ấy nhằm ngày mùng 7 tháng giêng, vào niên hiệu Thùy Cũng năm đầu đời Đường.

HOÀI NGỌC PHÁP SƯ

Hoài Ngọc pháp sư, họ Cao, người đời Đường, quê ở Đơn Khâu. Ngài giữ giới luật rất tinh nghiêm, mặc áo vải thô, ngày chỉ dùng một bữa ngô, thường ngồi không nằm. Tuy suốt thông giáo lý, tiết hạnh thanh cao, song pháp sư vẫn thường sám hối, mỗi ngày niệm Phật năm muôn câu, bình sanh tụng kinh A Di Đà được 30 vạn quyển.

Vào ngày mùng 9 tháng 6 niên hiệu Thiên Bảo năm đầu, ngài nghe thấy tiếng thiên nhạc thanh tao, giữa hư không vô số tràng phan bảo cái trang nghiêm rực rỡ. Thánh chúng cõi Tây Phương hiện thân nhiều như Hằng sa. Trong ấy một vị bung đài bạc đến trước đón rước, pháp sư nói: "Hoài Ngọc một đời niệm Phật thề chiếm đài vàng, nay sao lại chẳng được như thế?". Thánh chúng và

các âm thanh sắc tượng liền ần mất. Từ đó ngài càng gia công tinh tấn.

Một hôm, pháp sư nghe giữa hư không có tiếng gọi bảo: "Trên đầu đã hiện viên quang, xin khi trì niệm ngồi ngay kiết án để chờ Phật đến tiếp dẫn!". Trải 3 ngày sau, quang minh lạ hiện ra càng lúc càng tăng, sáng rực cả thất. Ngài bảo chúng: "Nếu nghe mùi hương thanh diệu tất báo duyên ta sắp mãn". Liền nói kệ rằng:

Sạch trong sáng đẹp không trần cấu,
Đài sen phẩm thượng là sanh mẫu.
Luân chuyển tu hành trải mười kiếp,
Sống ở Diêm Phù, nhàm các khổ.
Một đời tinh tấn vượt mười kiếp,
Ta Bà nhẹ thoát về Liên Độ.

Pháp sư nói kệ vừa xong, chur tăng nghe mùi hương lạ bát ngát. Tất cả nhìn lên, thấy Thánh chúng hiện thân đầy khắp hư không. Đức A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí thân sắc tử kim, ngồi tòa kim cương đến tiếp dẫn. Vô số tràng phan bảo cái lại hiện tiếng tiêu cầm màu nhiệm trôi lên. Một vị Thánh bung đài vàng bay xuống đón rước. Pháp sư mỉm cười, từ giã đại chúng, chấp tay niệm Phật mà qua đời.

Nghe việc này, quan Thái Thú bản quận là Đoàn Hoài Nhiên, làm bài kệ khen ngợi rằng:

Thầy ta một niệm lên Sơ Địa
Nhạc đón hai phen, phước vạn tầng!
Trước thất hòe xưa sà nhánh biếc

Đài vàng máng nặng khiến nên chãng?

HUỆ NHỰT

Huệ Nhựt đại sư, họ Tân, người ở Đông Lai. Ngài đắc độ vào thuở vua Trung Tôn đời Đường. Buổi thiếu thời, rất mến hạnh sang Tây Vực thỉnh kinh của Nghĩa Tịnh tam tạng.

Sau đó, đại sư theo thương khách nương thuyền vượt biển sang Ấn Độ. Trải qua 3 năm ngài đến xứ Thiên Trúc, đi khắp nơi lễ thánh tích của Phật, và tìm thỉnh các bản kinh chữ Phạn. Cuộc hành trình ghi đậm nhiều kinh lịch gian khổ, khiến đại sư rất nhàm chán cõi Ta Bà. Do đó ngài tham phỏng khắp các vị tam tạng pháp sư ở Thiên Trúc, xem cõi nước nào thuần vui không khổ, và pháp hạnh nào mau được thấy Phật. Các vị ấy đều khuyên nên tu Tịnh Độ, cầu về Cực Lạc. Đại sư đánh lễ, nguyện xin tin nhận thật hành.

Cuộc du hành đưa ngài lần đến xứ Kiền Đà Ca thuộc miền Bắc Ấn Độ. Phía Đông Bắc thành vua nước ấy có tòa núi to, trên núi có đền thờ Bồ Tát Quán Thế Âm. Tương truyền, nếu kẻ nào đến trước tượng chí thành đánh lễ cầu thỉnh, Bồ Tát sẽ hiện thân dạy bảo cho những điều cần thiết. Đại sư đến nơi đánh lễ 7 ngày, rồi tuyệt thực niệm thánh hiệu đại sĩ, liều chết cầu được ứng nghiệm. Tới đêm thứ 7, Quán Thế Âm Bồ Tát hiện thân sắc tử kim

cao hơn một trượng ngời trên đài sen báu giữa hư không, duỗi cánh tay xuống xoa đầu ngài rồi bảo: "Người muốn hoằng pháp, lợi mình lợi người, cần phát tâm niệm Thánh hiệu Đức A Di Đà, nguyện về thế giới Cực Lạc ở phương Tây. Khi đến cõi ấy sẽ thấy Phật và ta, được sự lợi ích lớn. Người nên ý thức pháp môn Tịnh Độ rất màu nhiệm, vượt hơn tất cả hạnh tu!". Nói xong, liền ẩn mất.

Lúc bấy giờ do tuyết thực lâu, đại sư đã khốn bại. Nhưng sau khi nghe Bồ Tát dạy bảo, tinh thần ngài bỗng phấn chấn, sức khỏe lần phục hồi. Từ đó lòng đã kiên quyết, nguyện nhứt tâm hành trì không thối chuyển.

Sau khi ấy, ngài vượt ngọn Thông Lãnh, trở về Trung Quốc. Đến niên hiệu Khai Nguyên thứ bảy đời Đường, mới về tới Trường An. Cuộc hành trình trước sau kể có 18 năm, trải qua hơn 70 nước. Lúc vào kim điện triều kiến, dâng lên tượng Phật và các bản kinh, đại sư được vua tứ hiệu là Từ Mẫn tam tạng. Từ đó ngài tinh tấn niệm Phật, hoằng truyền về môn này, trứ tác quyển Vãng Sanh Tịnh Độ Tập, lưu hành nơi đời.

Đến năm Thiên Bảo thứ bảy, đại sư viên tịch. Trước giờ lâm chung, ngài thấy hoa sen lớn hiện ra trước mặt, sáng chói rực rỡ như vàng mặt trời.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Nhật lặn lòng mơ hướng Lạc Bang,

Đường về quê thẳng tợ dây đàn!
Giữa trời nhạc đón nhiều thanh điệu,
Trên nước sen chào mỗi sắc quang.
Cây bích cảnh dao trời báu lạ,
Áo châu com ngọc cảnh vui nhân.
Năm mươi niên trải nhiều luân lạc,
Tiếp dẫn cha trao đại bảo tàng.



Một đóa sen hàm một Thánh thai,
Công thành nở đẹp cánh hoa tươi.
Nơi thân anh lạc tùy tâm hiện,
Đầy bát hương tô ứng niệm bày.
Kim điện chói ngời mờ nhật nguyệt,
Ngọc lâu sáng sạch tuyệt trần ai.
Pháp vương chỉ rõ đường chân đế,
Ánh giác đài tâm tỏa rộng khơi.



Châu thành điện các, ngọc viên lâm,
Ngôi đứng kinh hành đất bảo kim.
Xá lợi vang hòa tuyên diệu kệ,
Tần già thanh thốt trôi Tiên âm.
Soi lòng tỏ ngộ vô sanh lý,
Luyện tánh tròn linh bất động tâm.
Chạm mắt nơi nơi đều Tịnh Độ,
Xưa nay trong sáng dứt suy tâm!



Cõi lành, câu Phật kết nhân duyên,
Hai sáu thời gian giữ hiện tiền!
Mỗi xuống hoàng hôn thêm hương niệm,
Xa theo trời lặn đến Tây Thiên.
Phật Đà tay báu xin xoa đánh,
Đại sĩ thân vàng nguyện hóa duyên.
Chẳng mượn bào thai thành chất huyễn,
Quê xưa đã sẵn ngọc trì liên.

TÈ HÀNG PHÁP SƯ

Tề Hàng pháp sư, tự Đẳng Chí, họ Trâm, người ở Hồ Châu. Ngài xuất gia tại chùa Vĩnh Định, vào niên hiệu Thiên Bảo thứ tám đời Đường.

Pháp sư tánh tình trầm lặng sâu kín, thân tâm không quan thiệp đến việc đời, tông tích lánh xa trường danh lợi. Ngài thường ở riêng một tịnh thất, ngoài việc trì niệm, chuyên sớ giải các pho về Tướng tông. Đối với kinh Pháp Hoa lại liễu ngộ rất tinh tường, ít người sánh kịp. Quanh năm một thân một bóng, chỉ lo việc sớ kinh tu niệm, trong thất hằng lặng lẽ dường như không người.

Sau ngài ra thất, chủ trì các giới đàn ở Tô Châu, Hồ Châu. Đến năm Đại Lịch thứ mười, lại dự vào đạo tràng niệm Phật ở Lưu Thủy. Đang khi khóa tụng, trong khoảnh

khắc tịnh tâm, pháp sư thấy rõ cảnh tượng trang nghiêm ở Tịnh Độ, liền làm bài ca rằng:

Lưu Thủy nước động chừ, sóng gợn lăn tăn,

Hoa sen vô số chừ, sáng đẹp muôn vàng!

Một niệm trong lặng chừ, tức tâm Tịnh Độ.

Quang đài về Tây chừ, ấy ai lương bằng?

Không bao lâu pháp sư vương bệnh, gọi đệ tử bảo: "Nhiều chim đẹp lạ từ hư không bay xuống, liệng quanh trước ta, các ông có thấy chằng?" Đệ tử hỏi: "Hòa thượng sắp xả thọ, tại sao lại mang bệnh?". Ngài đáp: "Thân huyễn phải suy tàn, dù bậc Thánh cũng không khỏi!". Rồi xây mình ngồi chấp tay hướng về Thánh tượng niệm Phật mà tịch. Thọ được 68 tuổi.

TỰ GIÁC

Đời Đường, Thích Tự Giác, người ở Bắc Lãng, xuất gia tại chùa Khai Nguyên lúc còn trẻ. Niên hiệu Trí Đức thứ hai, sư sang chùa Thiên Pháp ở huyện Linh Thọ, học tập kinh, luật, luận. Trải chín năm cần khổ, hạnh giải đều đến chỗ tinh vi.

Niên hiệu Đại Lịch năm đầu, Tự Giác qua huyện Bình Sơn, ngụ tại Trùng Lâm viện ăn tu niệm Phật. Từ đó, mỗi ngày sư chỉ dùng một bữa ngộ, cơm rau áo vải, sư ăn mặc rất là thanh đạm. Gặp năm trời hạn lâu, quan Tiết độ sứ ở Hằng Dương là Trương Công nghe tiết hạnh sư, tự thân

vào núi thỉnh cầu đảo võ. Tự Giác thành tâm tụng niệm, khẩn cáo với chư vị long thần. Nhiều cơn mưa to liên tiếp tục rơi xuống. Trương công cùng dân chúng đều cảm đức mến trọng.

Ban sơ Tự Giác muốn đúc tượng Đại Bi Quán Âm và xây dựng chùa. Sau cơ hội đảo võ, cửa đàn tín đến nhiều, sư mới thật hành bản nguyện, tạo tượng Bồ Tát cao 49 thước, phạm tướng rất nghiêm đẹp. Đến cuối năm ấy, ngôi chùa cũng lạc thành. Mọi việc an bài, Tự Giác lên bảo điện quỳ phát nguyện, xin nhờ Phật lực được sớm sanh về Tịnh Độ. Đến canh ba, sư thấy kim quang chiếu đến rực rỡ, Tây Phương Tam Thánh hiện trong ánh sáng, đức A Di Đà Thế Tôn đưa tay vàng xoa đầu Tự Giác và bảo: "Giữ chí chớ đổi, lợi sanh trước tiên, hoa sen ao báu, sẽ hợp tâm nguyện!".

Đêm rằm tháng hai năm Trinh Nguyên thứ 11, sư thấy thần nhơn hiện nửa mình trong mây, cúi xuống gọi bảo: "Hạn kỳ Tây quy đã đến, nên sớm chuẩn bị!". Tự Giác chấp tay đưa lên tỏ dấu tạ ơn. Đến ngày 14 tháng 6, sư từ biệt chúng, lên chánh điện ngồi trước tượng Quán Âm, niệm Phật mà qua đời.

Tượng Đại Bi Bồ Tát của sư tạo, mọi người cầu nguyện đều được ứng nghiệm. Đầu niên hiệu Hiền Đức đời nhà Châu Võ Đế, sắc lệnh hủy phá tất cả tượng đồng trong dân gian. Khi thợ phá đến tôn tượng này, tất cả đều

bị uông tử. Đến đời nhà Tống, Thái Tổ sắc lệnh đúc lại tượng ấy tại ngôi chùa cũ.

TRI TUYỀN PHÁP SƯ

Tri Tuyền pháp sư, tự Hậu Giác, họ Trần, người ở My Châu, huyện Hồng Nhãn. Năm lên 7 tuổi vào tiết xuân thấy cây hoa trước nhà đang tươi nở, nội tổ bảo vịnh một bài thi, ngài liền khẩu chiếm rằng:

Hoa nở đầy cây hồng,
Hoa rụng muôn cảnh không.
Chỉ còn lưu một đóa,
Ngày mai theo gió đông!

Nội tổ nghe xong chẳng vui bảo: "Ta hy vọng lớn lên sẽ đoạt khôi nguyên, nối giòng khoa hoạn, nào ngờ ý hướng mi lại vào chốn Không môn!". Lại một hôm, ngài theo mẹ đến chùa Ninh Di nghe giảng kinh Niết Bàn, liền thông suốt dường như đã học tập sẵn từ kiếp trước. Đêm ấy, nằm mơ thấy Phật đưa cánh tay sắc vàng xoa nơi đánh đầu. Năm 11 tuổi, ngài xuất gia. Thầy dạy cho kinh, luật, luận, đều thông đạt đến chỗ mâu nhiệm. Năm 13 tuổi đã lên pháp tòa giảng kinh, hàng thính chúng xuất gia đều tin phục.

Triều Tuyền Tôn đời Đường, pháp sư được sắc chỉ mời đến kinh đô. Sau cuộc hỏi đạo, vua cả đẹp, ban cho áo Tử ca sa. Ngài tâu xin trùng tu các ngôi chùa hư phế trong

thiên hạ, được chuẩn tấu. Kế đó pháp sư trở về non cũ tu hành.

Lúc ở kinh sư, trọ nơi ngôi chùa nọ, ngài có quen với một vị tăng. Vị ấy mang bệnh cùi, đại chúng đều xa lánh, riêng pháp sư vẫn thân hậu không tỏ vẻ chán, lại thường săn sóc hỏi han. Lúc chia tay, vị tăng cảm mến hạnh, căn dặn rằng: "Ngày sau ông gặp nạn, nên tìm tôi nơi Cửu Lũng Sơn, tại Bành Châu, đất Tây Thục. Chỗ tôi trú là ngôi chùa ở gần bên hai cội thông cao lớn!".

Triều Hy Tôn, pháp sư lại được triệu đến kinh đô, trụ trì chùa An Quốc. Vua mến trọng đạo đức, phong cho ngài hiệu là Ngô Đạt quốc sư. Đến triều Ý Tôn, ân sủng lại càng hậu, vua thân lâm pháp tịch nghe giảng kinh, ban cho ngài tòa trầm hương để ngồi. Từ đó, nơi đầu gối của pháp sư bỗng sanh ra ghẻ mặt người, đủ cả mày, mắt, mũi, miệng, răng. Dem vật thực đưa cho, ghẻ há miệng mà ăn, giống như người không khác. Các danh y đều bó tay, không chữa trị được. Đang lúc đau đớn, pháp sư bỗng nhớ lời vị tăng khi trước, liền rời chùa đi tìm. Đến Cửu Lũng Sơn, sắc trời đã tối, ngài còn đang bàng hoàng nhìn xung quanh, bỗng thấy hai cội thông cao to ẩn xa xa trong vùng mây khói, liền rảo bước đến. Tới nơi, gặp ngôi già lam rất lớn, lầu cao điện rộng, màu kim sắc bích ánh sáng giao xen, vị tăng khi xưa đứng đón chờ nơi cổng. Sau khi mừng rỡ hỏi chào, vào chùa uống trà tiếp chuyện. Pháp sư đem cảnh bệnh khổ tỏ bày. Vị tăng bảo: "Không ngại chi,

bên chùa có dòng suối, sáng ngày ra đó rửa, tất sẽ được lành!". Rạng mai, vị tăng sai đồng tử dẫn pháp sư ra suối. Khi ngài sắp vốc nước để rửa, bỗng nghe ghẻ mặt người nói: "Hãy khoan, ngài là bậc thức đạt sâu xa, từng đọc các sách thời Tây Hán, có nhớ chuyện Viên Án và Triều Thố chăng?". Pháp sư đáp: "Đã có đọc qua". Ghẻ nhờn diện nói tiếp: "Ngài từng biết Viên Án tâu xin chém ngang lưng Triều Thố nơi cửa chợ Đông, sự oan ức ấy là thế nào rồi chứ! Ngài là thân sau của Viên Án, còn Triều Thố là tiền kiếp của tôi. Từ đó đến nay, tôi mãi theo ngài để chờ dịp báo thù. Nhưng trải qua 10 kiếp, ngài đều làm cao tăng, giới hạnh tinh nghiêm, nên tôi không báo oán được. Kiếp này ngài thọ ân sủng của vua quá hậu, móng khởi niệm lợi danh, đối với đức hạnh có tổn, nên tôi mới được dịp làm hại. Nay nhờ bậc Thánh tăng là Ca Nặc Ca Tôn giả dùng nước tam muội rửa sạch tiền khiên, nên tôi cùng ngài từ đây về sau không còn oan trái nữa!".

Pháp sư nghe qua kinh động, hồn bất phụ thể, vội vốc nước lên rửa, cảm thấy đau nhức tận xương tủy, liền ngã xuống chết giắc. Giây lâu rồi tỉnh, nhìn lại ghẻ nhờn diện đã biến mất, chỗ đầu gối lạnh lặn như xưa. Trong khắp xung quanh ngôi chùa, hai góc thông, cả dòng suối đều ản dạn. Ngài ngẫm nghĩ biết vị tăng đó là A La Hán Ca Nặc Ca, cảnh trí ấy do sức thần thông của Tôn giả hóa hiện. Pháp sư cảm ân cứu độ, lập ngôi am tại đây để lưu niệm, về sau lần lần thành cảnh chùa to. Đến đời nhà Tống được

vua sắc phong là Chí Đức Thiên Tự. Nhắc đến sự việc này, hậu non có thi bình luận rằng:

Đầu non Cửu Lũng tìm tri thức,
Dưới cội song tùng gặp Nặc Ca.
Lành dữ đến đầu, khôn lẩn tránh,
Khuyên ai đừng kết, giải oan gia!

Sau khi ấy, Ngô Đạt quốc sư hồi kinh. Xót vì nợ tiền khiên đeo đẳng, pháp sư soạn ra bộ Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, để hằng ngày tự sám hối. Ngài nghĩ lo sợ mình đã 10 kiếp làm bậc cao tăng, tham thiên lễ tụng, mà không giải được túc nghiệp, liền phát tâm niệm Phật hồi hướng cầu sanh về Cực Lạc. Pháp sư tánh thiếu dục, biết vừa đủ, quá ngộ không ăn, sáu thời hành đạo. Vì thế nên hằng cảm được điềm lành. Một hôm, ngài nghe giữa hư không có tiếng bảo: "Quyết định được sanh về Cực Lạc!". Hỏi ai nói, đáp là Phật. Lại một hôm trong cơn định, ngài thấy có vị Bồ Tát tướng đẹp trang nghiêm giáng xuống giữa sân, dặn dò khen ngợi và thuyết pháp rất mau. Phủ dụ xong, đại sĩ liền ẩn mất.

Lúc lâm chung, pháp sư di chúc dạy đem bỏ tử thi bố thí cho loài chim cá, và nói: "Từ lâu, ta đã ước hẹn ngày về Tây Phương Tịnh Độ, nay đã đến thời!". Nói xong, nằm nghiêng bên phải, day mặt về Tây mà tịch. Thọ được 73 tuổi.

HÙNG TUẤN

Sư Hùng Tuấn, họ Châu, người ở Thành Đô, giảng thuyết hay, nhưng không giới hạnh. Sau ông hoàn tục theo quân ngũ, rồi cạo tóc trở lại làm tăng. Xét bốn phạm mình, sư cũng biết hổ thẹn ăn năn, nên thường niệm Phật.

Trong niên hiệu Đại Lịch đời Đường, Hùng Tuấn đau bệnh chết ngất, thần hồn xuống âm phủ. Diêm chúa quở trách, sai quỷ áp giải vào địa ngục. Sư kêu to lên rằng: "Trong Quán kinh nói: kẻ tạo tội ngũ nghịch, khi sắp chết niệm mười niệm cũng được vãng sanh. Tôi tuy tạo tội, song không phạm ngũ nghịch, cứ theo công quả niệm Phật, đáng được sanh về Tịnh Độ. Nếu chẳng thế, thì chư Phật trong ba đời đều thành vọng ngữ!". Nói xong chấp tay niệm Phật, bỗng thấy bảo đài ánh sáng hiện giữa hư không, Diêm chúa liền tha cho về để tiếp tục tu niệm.

Sau khi sống lại, Hùng Tuấn liền vào Tây Sơn chuyên tâm trì niệm. Được 4 năm, một hôm sư từ biệt đại chúng, ngồi chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

DUY CUNG

Đời Đường, sư Duy Cung người ở Kinh Châu, giới hạnh kém, thường uống rượu đánh bạc. Lúc rảnh rỗi cũng tụng niệm, hồi hướng cầu về An Dưỡng. Trong chùa có sư Linh Quy thường a dua bắt chước theo. Hàng lân lý thấy thế, đặt lời hát rằng:

Duy Cung tạo nghiệp dữ,

Linh Quy làm bạn lũ.

Địa ngục muôn tầng vào,

Đừng trách chi qui sứ!

Duy Cung nghe được, nói: "Mồ tuy tạo tội, song nương nhờ Phật lực mười niệm vãng sanh, há lại đọa vào ác đạo ư?". Một hôm sư đau bệnh, Linh Quy có việc ra khỏi chùa, thấy hai thiếu niên, một vị tay cầm nhạc khí. Hỏi từ đâu đến, đáp rằng: "Chúng ta từ Tây Phương tới đón rước Cung thượng nhơn!". Vị kia lấy trong áo ra một hoa sen, cánh hoa khép mở buông tỏa ánh sáng lạ. Cả hai hướng về chùa rảo bước.

Linh Quy đứng bồi hồi suy nghĩ, rồi vội vã trở lại chùa. Vừa đến cửa đã nghe tin Duy Cung mãn phần. Nhân đó, sư cảm ngộ sám hối, chí thiết tu hành, sau thành một bậc danh đức.

CHÍ THÔNG

Thích Chí Thông, họ Trương, người đời Thạch Tấn, quê ở Phụng Dương. Sau khi xuất gia, sư vân du miền Lạc Hạ, gặp Tam tạng Phạ Nhựt Ra, liền đánh lễ thừa sự theo học giáo pháp Du Già.

Thời Văn Mục Vương, Chí Thông lại đông du sang miền Ngô Việt, vào núi Thiên Thai viếng đạo tràng của ngài Trí Giả. Xem truyện Tịnh Độ Linh Thoại, sư phát nguyện niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc. Từ đó lập hạnh

ngồi không xây lung về hướng Tây, không day về phương Tây khắc nhỏ. Một hôm Chí Thông lên gộp đá Chiêu Thủ Nham ở phía núi gần chùa, tụng 48 đại nguyện của Phật, nguyện mau sanh về Tịnh Độ, rồi gieo mình xuống. Nhưng thân hình lại rơi nhằm các cành cây có dây leo giăng quấn mềm mại, nên không bị tổn. Sư lại trèo lên chỗ cũ, thề rằng: "Nguyện rộng lớn đã phát, kiếp sống thừa đáng nhảm! Cúi mong Thánh chúng đồng đến tiếp dẫn!". Nói xong, lại gieo mình rơi xuống nhằm nơi cỏ dây rậm, thân hơi xây xát, bị bất tỉnh. Giây lâu hồi sinh, vừa lúc chúng tăng tìm đến, dìu đỡ về chùa.

Khi sức khỏe bình thường, Chí Thông nghĩ mình tịnh duyên chưa thành thực, nếu liêu thân e trái với lý nhân quả, nên sang Việt Châu, vào núi Pháp Hoa, chuyên tâm niệm Phật. Về sau, lúc đang tịnh tu, sư thấy chim bạch hạc, khổng tước giăng thành hàng bay đến. Kế lại thấy hoa sen to đẹp sáng chói rực rỡ, khép nở trước mặt. Sư hạp chúng thuật lại điềm ấy và bảo: "Bạch hạc, khổng tước là cảnh Cực Lạc, hoa sen ánh sáng là duyên thọ sanh. Nay tịnh nghiệp của tôi đã thành, nên tướng Tịnh Độ ứng hiện. Xin già biệt đại chúng, nguyện đồng nên tinh tấn tu hành". Nói xong, lên đại điện hành lễ niệm Phật, ngồi chấp tay mà hóa.

Khi trà tỳ có mây lành năm sắc đoanh vây trên ngọn lửa. Thiêu hóa xong, chúng kiểm đếm thấy xá lợi rất nhiều.

NGỘ ÂN

Ngộ Ân pháp sư, tự Tu Kỳ, họ Lộ, quê ở Thường Thục. Năm lên 13 tuổi, ngài nghe tụng kinh A Di Đà, lòng bỗng cảm ngộ, liền vào chùa Hưng Phước cầu xin xuất gia.

Niên hiệu Trường Hưng thời Hậu Đường, pháp sư qua chùa Huệ Tụ ở Côn Sơn học Nam Sơn luật, và nghe giảng các kinh Pháp Hoa, Kim Quang Minh, luận Chỉ Quán. Do đó, huệ giải của ngài lần lần đến chỗ tinh vi. Pháp sư nghiêm trì giới luật, ngày chỉ dùng một bữa cơm, không lìa y bát, chẳng giữ hóa vật tiền tài. Khi nằm thì nghiêng về bên mặt, ngồi tất đoan chính kiết già. Mỗi kỳ Bồ tát, thường ngậm ngùi rơi lệ, khuyên dạy chúng pháp Viên đôn nhứt thừa và Tây Phương tịnh nghiệp. Ngài sở đắc về kinh Pháp Hoa, nên mở khóa giảng diễn bộ ấy hơn hai mươi lượt.

Niên hiệu Ung Hy thứ ba đời Tống, vào đêm rằm tháng tám, pháp sư thấy một đạo bạch quang từ dưới giếng bay lên cao. Ngài liền họp môn nhơn lại bảo: "Bạch quang bay lên hướng về Tây, là điềm báo thân ta sắp mãn!". Rồi tịnh khẩu tuyệt thực, một lòng niệm Phật. Mấy hôm sau, mộng thấy một vị sa môn bung kim lư hương thơm bay tỏa, đi nhiều quanh thất ba vòng và nói: "Ta là Quán Đảnh đã sanh về Tịnh Độ. Nay vì mến trọng hạnh tu của ông,

nên đến đây đón rước!". Tỉnh giấc, pháp sư gọi các đệ tử tới, chúng còn nghe mùi hương lạ bay thoảng. Đến ngày 25, pháp sư họp chúng giảng cặn kẽ về lý Nhứt tâm tam quán. Giảng xong, ngồi nghiêm chỉnh day mặt về Tây mà hóa. Thọ được 75 tuổi.

Lúc ấy đại chúng đồng nghe tiếng quản huyền thanh tao dìu dặt nổi lên giữa hư không. Giây lâu nhã nhạc mới lần lần ảm mất về phương Tây. Khi trà tỳ, được xá lợi vô số. Văn Bị pháp sư, đệ tử của ngài, lãnh hội hết huyền lý nơi thầy, tọa thất niệm Phật 30 năm. Niên hiệu Ung Hy thứ hai, trước khi thầy tịch một năm, sư cảm bệnh nhẹ tướng Tịnh Độ hiện ra trước mắt, ngồi nghiêm chỉnh mà vãng sanh.

TRI LỄ ĐẠI SƯ

Tri Lễ đại sư, tự Ước Ngôn, người đời Tống, con nhà họ Kim ở Minh Châu. Cha mẹ lễ Phật cầu tự, mộng thấy Thần tăng bồng một đứa bé trao cho và bảo: "Đây là Phật tử La Hâu La. Nên trân trọng!". Không bao lâu, đại sư được đản sanh.

Năm lên 7 tuổi, ngài mất mẹ, thương khóc mãi, rồi thưa với cha cầu xin xuất gia. Từ đó, ngài đắc độ với Hồng Tuyền thượng nhơn tại chùa Hưng Quốc ở Thái Bình. Được vài năm, đến chùa Bảo Vân nương theo ngài Thông pháp sư học về Thiên Thai giáo quán, một phen

nghe qua, tỏ suốt ý nghĩa viên đốn. Trong niên hiệu Thuận Hóa, Thông pháp sư quy tịch, ngài được thỉnh làm tọa chủ chùa Càn Phù. Kế đó, lại đến viện Bảo Ân hoàng dương về giáo quán, học chúng các nơi nghe danh hội về đông đảo.

Vùng Minh Châu bị hạn lâu, đại sư cùng ngài Từ Vân họp nhau tu Quang Minh sám pháp, hẹn nếu ba ngày không mưa, sẽ tự đốt một cánh tay. Đúng kỳ hạn, quả nhiên mưa to tiếp tục đổ xuống. Trong ba năm, từ niên hiệu Đại Trung đến Tường Phù, ngài trùng kiến viện Bảo Ân. Khi lạc thành, được vua ban cho hiệu Sắc Tứ Diên Khánh Tự. Năm Tường Phù thứ sáu, đại sư lập hội Niệm Phật Thí Giới, thân làm sơ văn để khuyên rằng:

"Vẫn nghe: Một niệm dung thông, muôn pháp không ngại, nhân gây có khác, quả cảm thành sai. Cho nên, thuận tánh tu hành, thì hiện mười phương Tịnh Độ. Theo tình tạo nghiệp, tất trôi sáu nẻo luân hồi! Xét nghĩ cảnh duyên ở Ta Bà, phần giải thoát rất kém ít khó khăn, số đọa lạc lại dễ dàng đông đảo. Nên kinh nói: "Được thân người như đất ở móng tay, đọa đường ác như đất miền đại địa!". Tu đến ba thừa hạnh đủ, mới lìa bốn loại thọ sanh. Bởi trần cảnh mạnh thô, não phiền lừng lẫy, tự lực giải thoát, phỏng được bao người? Nếu sanh về Cực Lạc, thì cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh, thẳng đường thành Phật, chẳng đọa tam đồ. Kinh nói: "Danh từ ác đạo còn không, hưởng chi có thật!". Lại bảo: "Chúng hữu tình

sanh về nơi đây, đều là bậc A bệ bát trí". Cho nên, muốn về An Dưỡng, phải niệm Di Đà, tu hạnh tinh tấn từ bi, tất được Phật nguyện nhiếp thọ. Đến khi xả báo thân, quyết sanh về Cực Lạc, đúng như lời kinh dạy, chẳng dám tự đặt bày.

Nay kết muôn người, để làm một xã, lòng lòng khẩn niệm, buổi buổi hạn kỳ. Mỗi tiết trọng xuân, họp về một chỗ, đồng nghe Phật pháp, đồng tu cúng dường, hiệp muôn lòng làm một chí, thành tịnh nghiệp thế vãng sanh. Huống nữa mạng người trong kiếp trước, như ngọn đuốc giữa phong sương, một hơi thổi chẳng vào, ba nẻo đường hiện trước. Đâu nên tự buông lung, không nghĩ điều nghiệp báo. Phải gắng theo lời Phật, chớ thuận với tình đời. Duyên trần nguyện dứt kể từ nay, hiệu Phật chuyên trì đừng thôi chuyền".

Từ đó, mỗi năm vào ngày rằm tháng 2, chúng liên hữu đều câu hội lại chùa đồng tu tịnh nghiệp. Đại sư từng họp 10 vị tăng, cùng tu Pháp Hoa sám pháp 3 năm, hẹn ngày hoàn mãn, sẽ tự thiêu để cúng dường kinh và cầu sanh Tịnh Độ. Đến kỳ bị chúng cực lực ngăn trở, nên chí nguyện không thành. Sau ngài lại họp 10 vị tăng, đồng tu Đại Bi sám 3 năm, đốt 3 ngón tay cúng dường Phật. Niên hiệu Thiên Hy thứ tư, phò mã Lý Tuân Học dâng sớ tâu trình về cao hạnh của ngài, vua sắc phong cho hiệu là Pháp Trí đại sư, dạy nên trụ thế để hoằng dương chánh giác. Đại sư nghĩ chừ Tổ đời trước, khi xiển dương Tịnh

Độ, phần nhiều nói về sự tướng, ít chỉ dạy quán môn, nên duy tạm ứng thời cơ, chưa tỏ cùng tột lý viên đôn. Nhân đó, ngài soạn ra bộ Diệu Tông Sao gồm vài muôn lời, giải nói cùng cực lý uẩn nhiệm màu của Quán kinh, theo tông chỉ Thiên Thai giáo quán.

Đến năm Thiên Thánh, đại sư dựng ngôi Nhật Quán Âm, thường đến đó quán tưởng để cầu sanh Tây Phương. Về sau, khi khóa giảng kinh Duy Ma Cật hoàn mãn, ngài quyết biệt đại chúng, giao giảng tòa lại cho hàng cao đệ là Tổ Thiệu, làm thi tạ duyên, hẹn kỳ quy tịch. Năm sau, vào đầu niên hiệu Đạo Nguyên, ngày mùng 8 tháng 10, đại sư nhiễm bệnh, khước từ thuốc thang, họp chúng lại nói lược về pháp yếu. Kế đó ngài dạy thỉnh tượng Tây Phương Tam Thánh đến đánh lễ, rồi đốt hương quỳ chúc nguyện với đại Bồ Tát rằng: "Con xét thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, ngàn trước không từ đâu đến, muôn sau cũng chẳng về đâu, cùng mười phương chư Phật, đồng trụ nơi thật tế. Nguyện xin cùng Phật và Đại Thế Chí Bồ Tát, chứng minh một nén hương của con, trước khi con về Cực Lạc!". Đến chiều tối, đại sư sửa oai nghi ngồi nghiêm hướng về Tây. Chúng hỏi: "Tôn đức sẽ sanh về nơi nào?". Đáp: "Thường Tịch Quang Tịnh Độ!". Rồi im lặng thoát hóa, thọ 69 tuổi. Lúc ấy nhiều người thấy ngôi sao to rơi xuống đỉnh Linh Thứu Phong, ánh hồng quang rực rỡ.

HUỆ TÀI PHÁP SƯ

Đời Tống, Huệ Tài pháp sư, họ Vương, quê ở Lạc Thanh, huyện Vĩnh Gia. Ngài đắc độ vào đầu năm Tường Phù. Mới 13 tuổi, vì hạnh giải kiêm ưu, được chư tôn túc cho thọ đại giới. Xong, lại đến tham học với ngài Tứ Minh.

Tuy thông tuệ, nhưng pháp sư còn thẹn mình căn độn chưa đi đến chỗ triệt ngộ, nên thường trì chú Đại Bi. Một đêm, ngài mộng thấy vị Phạm tăng cao vài trượng, cởi áo ca sa đắp lên mình. Tỉnh dậy, bỗng khoát nhiên tỏ ngộ, những học vấn từ trước đều suốt thông đến chỗ diệu huyền. Sáng ra, ngài lên tòa diễn giảng, tùy hỏi tùy đáp, lời nói viên dung tuôn tràn như suối chảy. Về sau, pháp sư đến yết kiến Từ Vân sám chủ, được mong ấn khả, sớm hôm siêng cần phục dịch, hết mục chí thành. Đầu năm Trị Bình, ngài trụ trì ngôi Pháp Huệ Bảo Các, được vua tứ hiệu là Quảng Từ. Không bao lâu, lại lui về ẩn tu dưới tháp Lô Phong.

Để tỏ sức kiên thành, pháp sư thường đứng một chân tụng 108 biến chú Đại Bi, lấy đó làm nhật khóa. Ngài lại từng đứng co chân một ngày đêm niệm thánh hiệu A Di Đà. Đêm nọ, pháp sư nằm mơ thấy mình đến cảnh lầu các châu báu, nghe có tiếng bảo: "Ông sẽ được sanh về trung phẩm ở Tịnh Độ!".

Mùa xuân, niên hiệu Nguyên Phong năm đầu, ngài truyền Bồ Tát giới cho hàng đạo tục gồm 1000 người tại cảnh tịnh viện tháp Lô Phong. Đang khi làm phép Yết ma

truyền giới, nơi đánh tượng đức Quán Thế Âm bỗng phóng quang minh rực rỡ, lấp áp lu mờ cả ánh sáng đèn nến và mặt trời. Thủ Nhất thiên sư ở chùa Tịnh Từ nghe chuyện ấy, có làm bài Giới Quang ký.

Niên hiệu Nguyên Phong thứ sáu, vào ngày 21 tháng 5, pháp sư đắp y lên tòa ngai, viết bài kệ khen Phật xong, gọi chúng bảo: "Tôi quyết định được sanh về Tịnh Độ!". Rồi ngai yên mà hóa, thọ 86 tuổi.

TÔNG TRÁCH THIÊN SƯ

Tông Trách thiên sư, người ở Tương Dương, mồ côi cha thuở còn bé. Mẹ là Trần thị, bỗng về nương ở nhà người cậu nuôi cho đến khôn lớn. Lúc thiếu thời, ngài học Nho, rộng thông các sách thế tục. Khi đến hai mươi chín tuổi, lễ Trường Lô Tú thiên sư cầu xin xuất gia. Sau thời gian học tập kinh luật, ngài tham thiền chưa bao lâu đã đến cảnh giới đại triệt đại ngộ.

Trong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, thiên sư được thầy truyền y bát, giao cho trụ trì chùa Trường Lô. Nghĩ đến công sanh dưỡng, ngài lập ngôi tịnh thất ở phía Đông phương trượng, rước mẹ về phụng dưỡng. Kế đó, thiên sư họp chúng làm lễ xuống tóc xuất gia cho thân mẫu, khuyên bà chuyên tâm niệm Phật. Bảy năm sau, một đêm ngài nằm mơ thấy thân mẫu sắc tướng tươi đẹp trong sáng

như ngọc. Sáng ra, khi thiên sư sang thăm viếng, bà mẹ bảo: "Hôm nay, tôi được Phật tiếp dẫn về Cực Lạc!". Rồi trong trạng thái không bệnh, bà ngồi niệm Phật mà vắng sanh.

Từ đó, bước đạo đã vững, ân sâu đã đền, nghĩ đến sự độ sanh, thiên sư tuân theo quy củ ở Lô Sơn, chiêu tập số đông tăng tục, lập ra Liên Hoa Thắng Hội. Theo pháp nghi tu hành, các liên hữu trước tiên quán tưởng, kế đó trì danh, và sau hồi hướng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc. Ngài có làm bài văn khuyến đạo như sau:

"Mảng nghe: Lấy tâm có niệm mà niệm Phật, lấy sự có sanh để cầu sanh, là chỗ sơ thất của người chấp Thường. Cho không niệm Phật là vô niệm, cho không cầu sanh là vô sanh, là điều lầm lạc của hàng tà kiến. Niệm Di Đà mà không niệm, sanh Cực Lạc mà không sanh, đó mới là Đệ nhất nghĩa môn.

Thế nên, chỗ lý thật tế, tất không vương nhiễm một mảy trần. Dù niệm Phật cầu sanh, trên không thấy thật có Phật Di Đà để niệm, dưới không chấp thật có cảnh Tịnh Độ để sanh. Bởi Phật tướng và tịnh cảnh đều là chân không như huyễn. Nhưng trong hành môn Phật sự, quyết chẳng thể bỏ một pháp. Cho nên nhiếp các căn để trì danh, chính là yếu thuật về nguồn, là Niệm Phật tam muội, là mở đường vắng sanh lên ngôi Bất thối vậy. Biết được lý này, tuy trọn ngày niệm Phật, vẫn không trái với ý nghĩa vô niệm. Tuy hờn hờ cầu sanh, mà thích hợp với tông chỉ

vô sanh. Rõ được nghĩa đây, thì phạm cùng thánh đều ở ngôi vị của mình, mà đạo cảm ứng giao thông. Đông và Tây chẳng qua lại nhau, mà thức thần về định cảnh.

Kinh dạy: "Nếu kẻ nào nghe nói A Di Đà Phật, niệm giữ danh hiệu, cho đến... người ấy khi lâm chung lòng không điên đảo, liền được sanh về quốc độ Cực Lạc của Phật A Di Đà". Xét nghĩ: Đức Thích Ca với Di Đà, tuy chia ra hai môn Chiết phục và Nhiếp thọ hiện ở hai cảnh Uế Độ cùng Tịnh Bang, đâu phải bản ý hai ngài cho cảnh Cực Lạc bấu màu là đáng ưa, cảnh Ta Bà như ác là đáng chán! Ấy cũng bởi, kẻ mới phát tâm vào đạo, sức an nhẫn chưa thuần, nên phải quyền mở cảnh đẹp vui, để làm duyên tăng tiến đó thôi!

Tại sao thế? Ở Ta Bà quốc độ, đức Thích Ca đã nhập diệt, Phật Di Lạc chưa giáng sanh. Miền Cực Lạc liên bang, đáng A Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp. Ở Ta Bà quốc độ, đức Quán Âm, Thế Chí, luống khát ngưỡng danh lành. Miền Cực Lạc liên bang, hai vị Bồ Tát trên, đều là bạn tốt. Ở Ta Bà quốc độ, các ma khuấy động, làm não loạn người tu. Miền Cực Lạc liên bang, trong ánh đại quang minh, quyết không ma sự. Ở Ta Bà quốc độ, tiếng tà khiến loạn, sắc đẹp mê tâm. Miền Cực Lạc liên bang, chim nước rừng cây đều tuyên pháp diệu. Chánh báo và Y báo nơi ấy đều đẹp màu thanh tịnh, không có người nữ, toàn chất kỳ trân. Thế thì duyên tu hành dễ thuận, không chi hơn cõi Tây Phương! Tiếc cho những kẻ cạn hẹp đức

tin, làm lạc sanh tâm nghi báng! Xin lấy theo thường tình sau đây để nghị luận:

Người mộ đạo ở phương này, ai chẳng thích cảnh chùa am yên tĩnh, chán nơi nhà tục rộn phiền? Cho nên khi thấy có kẻ nào bỏ tục xuất gia, thì ân cần khen ngợi! Nhưng nỗi khổ ở Ta Bà, đâu chỉ những sự rộn phiền của nhà tục; niềm vui miền Cực Lạc, há duy riêng cảnh thanh tịnh ở chùa am? Biết xuất gia là tốt, mà không nguyện vãng sanh, đó là điều làm thứ nhất. Ở cõi này, người học đạo muôn dậm nhọc siêng, đi xa tìm bậc tri thức, để cầu tỏ ngộ huyền tâm, giải quyết sự sống chết. Nơi miền kia, đức A Di Đà Thế Tôn nghiệp sắc tâm thù thắng, sức bi nguyện rộng sâu, một phen diễn nói viên âm, người nghe đều tỏ ngộ. Chẳng nài xa nhọc tham phỏng bậc tri thức, mà không muốn cầu vãng sanh để thấy Phật, đó là điều làm thứ hai. Ở cõi này, người học đạo đều ưa chung ở cảnh tòng lâm pháp quyến đông nhiều, những chùa chiền ít chúng thì không muốn nương tựa. Nơi miền kia bậc Nhất sanh bổ xứ rất đông đảo, các hàng Thượng thiện như đều hội về một nơi. Muốn gần gũi tòng lâm, mà không mên hải chúng thanh tịnh, đó là điều làm thứ ba. Ở cõi này, tuổi thượng thọ không quá một trăm, xét lại khi thơ ấu đại khờ, lúc suy già yếu, sự hôn mê ngủ nghỉ, đã chiếm hơn phân nửa. Và lại, bậc Bồ Tát còn mê khi cách âm, hàng Thanh Văn còn muội lúc ra thai, tác bóng nghìn vàng mười phần mất chín, mà chưa lên ngôi Bất thối, thật đáng

kinh lòng! Nơi miền kia, chúng sanh tuổi thọ vô biên, một phen gởi chất thai sen, đã thoát ly sự khổ sanh già, bệnh chết, thẳng lên ngôi Bất thối, liên tục tu hành cho đến khi chúng quả đại Bồ Đề. Cam nổi chìm giữa Ta Bà mạng sống ngắn ngủi, mê mờ không cầu miền Cực Lạc vui đẹp trường xuân, đó là điều lầm thứ tư. Nơi cõi này, hành giả nếu là bậc Bồ Tát đã lên ngôi Bất thối, chúng quả Vô sanh, không động dục trong cảnh dục, chẳng nhiễm trần giữa mùi trần, mới có thể khởi lòng từ vô duyên, vận đức bi đồng thể, qua lại chôn trần lao, hòa lẫn cùng ngũ trược. Nếu như với sức hiểu nông huệ cạn, hoặc tu hành có đôi chút tương ưng, đã cho mình thoát khỏi lầm mê, không còn thối chuyển, vội chê bai Tịnh Độ, đấm luyên Ta Bà. Những kẻ ấy, đến khi nhắm mắt, lại trở về không, y cũ luân hồi, ngang vai hàng súc thú, gần gũi chôn tam đồ. Không biết tự lượng mình, dám sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, đó là điều lầm thứ năm.

Cho nên kinh nói: "Phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia!". Những kẻ không tin lời thành thật của sáu phương chư Phật, chẳng nguyện cầu sanh về Liên Bang, há chẳng mê lầm ư? Nếu như tin lời Phật mà cầu về Tịnh Độ, thì sóng kiếp trược không còn nhận đấm, dây trần giới chẳng thể buộc ràng, từ bỏ tám khổ ở nhơn gian, dứt hẳn năm suy nơi thiên thượng, danh từ ác đạo hãy không nghe, cảnh đọa tam đồ đâu có vướng! Khi về cõi ấy, quy y một thể Tam Bảo, phụng sự mười phương Như Lai, Phật

quang chiếu thân, tiêu trừ muôn hoặc. Chùng đó, nếm mùi vui pháp vị, chúng trọn đủ lục thông, hiện ba mươi hai ứng thân đi vào lục đạo, nhập Hằng hà sa tam muội độ khắp mê căn. Rồi tự tại rưới nước định cõi tam thiên, dẫn chúng sanh nơi hỏa trạch, sự lợi mình lợi người thấy đều viên mãn. Thế thì cầu Tịnh Độ là yếu môn giải thoát, niệm Di Đà là đường tắt tu hành. Cho nên kinh giáo liễu nghĩa thượng thừa, thấy đều chỉ quy về Tịnh Độ. Các bậc Hiền sau Thánh trước, mình người đồng nguyện vãng sanh. Phàm muốn độ người, phải chăng trước nên tự độ đó ư?

Than ôi! Người không lo xa, tất có buồn gần! Một khi mất thân người, muôn kiếp sâu hồi hận! Tha thiết mong đại chúng đều phát tâm niệm Phật từ ngàn cho đến muôn câu, rồi hồi hướng nguyện sanh Cực Lạc. Xin đồng kết bạn pháp minh nơi kim địa, về thắng hội chôn Liên Trì, nương tựa cùng tu, mãi Bồ Đề nguyện. Từ đây, dong thuyền theo nước thuận, lại thêm sức chèo buồm. Thế là mười vạn ức đường xa, tất đến nơi chẳng nhọc vậy!".

Một đêm, Tông Trách nằm mơ thấy có vị khăn đen áo trắng, phong mạo thanh đẹp, tuổi độ ba mươi, đến vòng tay thưa rằng: "Tôi muốn vào Liên Hoa Thắng Hội, xin ngài ghi tên cho!". Thiên sư liền lấy sổ bộ ra, rồi hỏi: "Hiền giả tên họ chi?" Đáp: "Tôi là Phổ Huệ". Khi thấy ghi xong lại nói: "Gia huynh cũng cầu xin thụ danh". Hỏi: "Xin cho biết tên họ của lệnh huynh?" Đáp: "Anh tôi là Phổ Hiền". Nói đoạn liền ẩn. Sau thiên sư đem điềm mộng

ấy thuật lại, các bậc tôn túc bảo: "Trong phẩm Ly Thế Gian kinh Hoa Nghiêm có hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ, giúp Phật tuyên dương chánh pháp. Nay ông lập Liên Hoa Thắng Hội để lợi lạc quần sanh, nên thăm cảm hai vị đại sĩ đến xin ghi tên, để tỏ lòng tán trợ đó!". Nghe nói, ngài đề tên hai vị Bồ Tát vào hàng hội thủ. Từ đó xa gần đều cảm hóa hưởng ứng. Về sau, khi lâm chung, thiên sư đã niệm Phật vãng sanh với nhiều điềm lành.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Sức người tu nguyện đủ công năng,
Ngồi được đài sen phẩm thượng tăng.
Một niệm phàm tâm sanh tánh Phật,
Sát ba thủy quán hóa thành băng.
Cây châu ngay lối đường vàng thẳng,
Dây báu làm ranh đất ngọc giăng.
Mấy thiên hoa đầy giỏ quý,
Mười phương cảnh Phật mặc phi đăng!



Thương chúng Ta Bà dạ héo hon,
Bồ Đề nguyện lớn thưở nao tròn?
Khéo lời cõi tịnh tùy tâm tịnh,
Khôn dứt tình con chút nghiệp con!
Câu Phật niệm thường lòng vắng lặng,
Tràng châu lần mãi chường tiêu mòn.

Mây mù tan sạch trời trong sáng,
Trước mắt chân thường lộ nước non.



Một cỡi trang nghiêm, một Bảo vương,
Không chiều không sớm, nổi tường quang.
Ni câu cây bích, cảnh say quả,
Ưu bát hoa quỳnh, nhụy tỏa hương,
Thê chói ánh ngời phi nhật nguyệt,
Chất tươi xuân đẹp tuyệt băng sương.
Dạo chơi cỡi Phật khi về đến,
Tay áo hơi thơm hãy vấn vương.



Tây trì hội pháp lễ kim tiên,
Theo gió hương đưa nọ bảo liên.
Mái tóc biếc xanh, người tự tại,
Vóc thân vàng ánh, tướng phiêu nhiên.
Lưới châu lớp lớp che lầu ngọc,
Phan báu từng từng tiếp cỡi Thiên.
Cây nước lâu đài đều hiện bóng,
Cảnh tươi kỳ diệu khắp muôn miền.



KHẢ CỬU

Đời Tống, Thích Khả Cửu, bình thời thường ở Minh Châu, chưa được rõ quê quán. Sư hằng tụng kinh Pháp

Hoa nguyện sanh Tịnh Độ, nên được người đương thời gọi là Cửu Pháp Hoa.

Năm Nguyên Hựu thứ tám, sư 81 tuổi, một hôm ngồi thoát hóa. Ba ngày sau, bỗng mở mắt ra bảo người xung quanh rằng: "Tôi dạo chơi Tịnh Độ, thấy các thắng cảnh đúng y như lời kinh nói. Người ở phương này tu tịnh nghiệp, nơi đài sen tại bảo trì cõi Cực Lạc đều có nêu tên. Tôi thấy ba hành giả có tên ghi nơi kim đài. Một vị là Huân Công ở Quảng Giáo Viện tại Thành Đô. Một vị là Tôn Thập nhị lang ở Minh Châu. Và kế đó là Khả Cửu. Có một vị ở Minh Châu là Từ đạo cô được ghi tên nơi ngân đài". Nói xong, liền nhắm mắt vắng sanh.

Năm năm sau Từ đạo cô mãn phần, ngày lâm chung hương lạ đầy nhà. Mười hai năm sau Tôn Thập nhị lang vắng sanh, nhạc trời trôi giữa hư không. Lời Khả Cửu nói đều ứng nghiệm.

TÔNG BẢN ĐẠI SƯ

Tông Bản đại sư, tự Vô Triết, họ Quán, người ở Thường Châu, huyện Vô Tích. Sau khi xuất gia, ngài tham phỏng Thiên Y Hoài thiên sư, môn Niệm Phật tam muội được đại ngộ. Kế đó, lại về làm tọa chủ chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu.

Một năm, trời đại hạn, đến cuối thu nước hồ và giếng trong vùng đều khô cạn. Chư tăng trú tại chùa có hơn ngàn

vị, sắp lâm cảnh khốn đốn. Đại sư lên chánh điện chí thành tụng niệm, cầu đảo với chư vị long thần. Hôm sau nơi mé Tây chùa, một vòi nước ngọt phun lên. Theo dòng suối tràn, có con lươn vảy vàng lội quanh, khiến nước xoáy đất nơi đó sụp thành một cái giếng sâu. Chúng tăng trong chùa và người phụ cận nhờ đó mới có đủ nước dùng.

Họ Trương ở gần chùa có cô con gái mới chết, linh cữu còn quàn bên chái nhà. Bà mẹ nằm mộng thấy con gái mình hóa thành rắn. Thức giấc bà thấy dưới quan tài có con rắn đang nằm, liền cầm giỏ đến giỏ nắp ra và vái rằng: "Nếu mi quả thật là con gái ta, hãy chun vào giỏ này". Dứt lời, rắn chậm chậm bò vào giỏ. Bà đem nó lại chùa thuật duyên có, xin đại sư cứu độ. Tông Bản liền đến thuyết pháp và niệm Phật chú nguyện. Con rắn bỗng biến mất. Bà về đến nhà thấy trên linh cữu cô gái có con ve đèn bay quanh liền khẩn: "Nếu mi là con ta đã chuyển kiếp, hãy bay vào giỏ". Nói xong, con ve liền y như lời. Bà xách giỏ đem đến chùa Tịnh Từ lần nữa. Đại sư cũng thuyết pháp và chú nguyện cho. Xong, con ve lại ẩn mất. Đêm ấy bà nằm mơ thấy con gái đến tạ ân và khóc nói: "Con đã thoát hai kiếp làm bàng sanh!". Bà mẹ nhân đó hỏi: "Việc quả báo luân hồi có thật chẳng, và làm thế nào mới được khỏi?". Cô gái thưa: "Sự chuyển sanh trong bốn loài sáu nẻo, cứ mãi xoay vần như cái trục quay trên giếng nước, không một ai thoát ly. Chỉ có tu pháp xuất thế của Như Lai, là tham thiền hoặc niệm Phật, mới được giải thoát.

Muốn biết rõ việc ấy, xin mẹ hãy đến hỏi vị pháp chủ chùa Tịnh Từ!". Sự hiển hóa của ngài đại khái có nhiều việc ứng nghiệm như thế.

Về sau, danh đức đồn xa, đại sư được vua triệu tới Đông Kinh, cho trụ trì chùa Huệ Lâm. Nhiều phen ứng đối hợp với thánh tâm, ngài được vua phong thưởng ca sa, pháp khí, và ban cho hiệu là Viên Chiếu thiền sư. Bình thời, bên ngoài đại sư nổi truyền tông phong, bên trong lại mật tu Tịnh Độ. Bấy giờ có Lô Phong Tài pháp sư nhập định, thần thức dạo chơi ở Cực Lạc, thấy một cung điện rất đẹp, nghe có tiếng nói: "Đây là ngôi bảo điện của Viên Chiếu Bản thiền sư". Lại một hôm, ngài Hy Công trụ trì ngôi Tư Phước Lan Nhã đến chùa Huệ Lâm chơi, xin yết kiến đánh lễ nơi chân Viên Chiếu Bản thiền sư, dâng cúng vàng rồi ra về. Có người hỏi duyên cớ, ngài đáp: "Tôi nhập định đến cảnh giới Tây Phương, thấy có đóa kim liên to đẹp ánh sáng rực rỡ. Một vị Bồ Tát bảo đó là đài của Viên Chiếu Bản thiền sư ở chùa Huệ Lâm. Xung quanh hoa đài ấy, có rất nhiều hoa sen khác nhỏ hơn doanh vây. Bồ Tát bảo đó là hoa đài của những người được thiền sư hóa độ khuyến niệm Phật, cũng sẽ vãng sanh về đây. Trong các hoa sen ấy có mấy đóa hoa rũ héo, tôi lại hỏi, được cho biết đó là những người niệm Phật nửa chừng thôi lui biếng trễ".

Lúc lớn tuổi, đại sư về ẩn chùa Linh Nham tại Tô Châu. Trong niên hiệu Ngươn Phù, trước khi sắp tịch, đại

sư tắm gội thay y phục sạch, rồi nằm nghiêng bên mặt, hướng về Tây. Hàng đệ tử vây quanh, xin viết kệ lưu niệm. Đại sư chăm chú nhìn rồi bảo: "Các si tử! Bình thường ta còn lười viết kệ, nay lại làm kệ gì? Bình thường ta tự tại muốn nằm thì nằm, nay cần chi phải ngồi kiết già trước khi thị tịch?". Nói đoạn, bảo đem giấy bút ghi phú chúc việc mai sau, giao cho môn đồ là Thủ Vinh. Xong, buông bút nhắm mắt mà vắng sanh, trạng như người nằm yên say ngủ.

HỮU NGHIÊM PHÁP SƯ

Đời Tống, Hữu Nghiêm pháp sư họ Hồ, người ở Thái Châu, huyện Lâm Hải. Năm lên sáu, ngài theo đại sư Linh Thứu Tùng xuất gia. Mười bốn tuổi, thọ giới cụ túc, rồi sang Đông Sơn học với Thần Chiêu đại sư, khế ngộ ý chỉ Nhứt tâm tam quán, tu môn Pháp Hoa tam muội. Không bao lâu, lại được thỉnh làm tòa chủ chùa Xích Thành.

Trong niên hiệu Thiệu Thánh, pháp sư về ẩn nơi ngọn Đông Phong, chỗ ngụ kê bên gốc cây tra to lớn, nhân tự hiệu là Tra Am. Ngài giữ giới luật rất kỹ, bên mình chỉ ba y một bát, không cất chứa món chi. Ngoài thời tu Pháp Hoa tam muội, ngài lại chuyên niệm Phật, thường cảm được nhiều điềm lành. Những sách soạn thuật của pháp sư, phần nhiều đều khuyến dụ về sự vắng sanh.

Có kẻ nói: "Muốn sanh cõi trời Dục giới, phải tu nhân Thập thiện. Muốn sanh lên Sắc giới, phải tu nhân Thiên định. Muốn sanh về Tịnh Độ, tất phải tu môn Vô sanh diệu quán mới có thể thành công. Hàng học Phật thời nay đều mê ý kinh, bảo sanh lên cõi trời khó, sanh về Tịnh Độ dễ, thì làm sao tin được?".

Ngài đáp: - "Pháp không khó dễ, khó dễ bởi người. Khó là do có lòng nghi, thì dù trong gang tấc cũng cách xa muôn dặm. Dễ bởi nhờ tín niệm, tuy muôn dặm chỉ trong khoảng tấc gang. Nói tu Vô sanh diệu quán được vãng sanh, đó chỉ là một môn thuộc Thượng phẩm vãng sanh mà thôi. Nhưng không thể mở một môn mà ngăn đóng nhiều môn. Trong An Lạc Tập có nói: "Được sanh về Tịnh Độ có hai tâm: Một là tâm Hữu tướng, nghĩa là mền trước cảnh tướng trang nghiêm ở Cực Lạc, mà niệm Phật cầu sanh. Hai là tâm Vô tướng, nghĩa là tu định huệ khế hợp với lý quán".

Xét kỹ người đời nay, phần nhiều thuộc về hạng trung, hạ căn, mê sâu chướng nặng. Nếu đòi hỏi phải tương ưng với lý quán, chắc ít kẻ được vãng sanh. Đức Thế Tôn tâm đại từ bi viên mãn tiếp độ loài hữu tình, nên mở nhiều môn phương tiện. Trong ấy có: Định thiện - Tán thiện - Phật lực - Pháp lực - Tu phước hồi hướng - Cầu cứu khi lâm chung. Những loại như thế nhiều đến muôn ngàn, chỉ nương một duyên, quyết được vãng sanh Cực Lạc.

* Định thiện là thế nào? Như người dùng định tâm tu mười sáu phép quán. Hoặc tu môn Nhứt tâm tam quán, Thủ Lăng Nghiêm định, rồi cầu vãng sanh.

* Tán thiện là thế nào? Như trong kinh Vô Lượng Thọ nói dùng mười niệm Phật, cũng được về Cực Lạc.

* Phật lực là thế nào? Đức A Di Đà có nguyện lực đại bi, nhiếp thủ những chúng sanh niệm Phật. Chúng sanh y theo lời kinh dạy tu hành, nương nơi sức nguyện của Phật liền được vãng sanh. Ví như kẻ yếu kém nương theo Kim Luân Vương, trong một ngày đêm có thể đi khắp bốn châu thiên hạ. Đó không phải là sức mình, mà chính nhờ thế lực của Chuyển Luân Vương.

* Pháp lực là thế nào? Như Phật Bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ Tát niệm Tỳ Lô Quán Đảnh Quang Minh chân ngôn, gia trì trong đất vàng hoặc cát, rồi đem rải trên mộ hoặc trên thân người chết. Vong giả dù có đọa vào nẻo Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, cũng được nương nhờ chú lực vãng sanh Cực Lạc.

* Tu phước hồi hướng là thế nào? Như các hành giả thọ trì trai giới, từ bi hiếu thuận, bố thí làm lành, niệm chú hoặc tụng kinh đại thừa, rồi đem các phước lành để hồi hướng, cũng được sanh về Tịnh Độ.

* Cầu cứu khi lâm chung là thế nào? Người tạo tội nặng, lúc sắp chết tướng hỏa xa của địa ngục hiện. Kẻ ấy quá sợ hãi, đem hết lòng chí thành niệm Phật cầu cứu. Do công năng phước trí nguyện lực của Phật, lửa dữ hóa

thành gió mát, đương như được đức A Di Đà hiện thân tiếp dẫn về Cực Lạc.

Như Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quý, một phen xưng hiệu Phật, đều được sanh Tịnh Độ đó vậy.

Cho nên kinh nói: "Những bậc tiểu hạnh Bồ Tát và người tu công đức nhỏ, nhiều không thể tính kể, đều được vãng sanh". Phật bảo về Cực Lạc dễ, trái lại ông nói sanh Tây Phương khó. Trong hai phương diện ấy, lấy chánh lý mà luận, cần thuận theo kinh giáo nói dễ vãng sanh, để mở cửa giải thoát cho mọi người. Chớ nên chấp mê nói khó sanh về, mà lấp đường Bồ Đề của nhân loại!".

Vào tháng tư niên hiệu Kiến Trung, một hôm ngài thấy Thiên thần hạ giáng nơi không trung gọi bảo: "Tịnh nghiệp của pháp sư đã thành tựu!". Kế tiếp, ngài lại mộng thấy hoa sen to đẹp nơi bảo trì, nhạc trời vi nhiễu. Sáng ra, pháp sư làm thi "Tự tiến hành", hội đại chúng lại khai thị về pháp yếu. Bảy hôm sau, ngài ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

TÔNG ĐẢN PHÁP SƯ

Đời Tống, Tông Đản pháp sư, họ Thân, người ở Lộ Châu, huyện Lê Thành, xuất gia năm 16 tuổi. Sau khi thọ giới cụ túc, ngài đi tham học các bậc danh sư, rộng thông về tam tạng giáo nghĩa.

Từ đó về sau, trong 50 năm, pháp sư đi giảng kinh khắp nơi, tiếng tăm lừng lẫy. Lúc tuổi già, lại chuyên giảng các kinh Tịnh Độ khuyên người niệm Phật cầu sanh An Dưỡng. Thính chúng hội về đông như mây, tất cả đều tu tịnh nghiệp. Sau ngài về Trấn Thanh Đài ở Đường Châu, sớm hôm tinh tấn quán tưởng trì danh, cầu sanh Cực Lạc.

Niên hiệu Chánh Hòa thứ tư, vào tiết Mạnh hạ, ngày 27, pháp sư nằm mơ thấy Phật A Di Đà hiện thân bảo: "Người thuyết pháp thêm sáu ngày nữa, sẽ được sanh về Tịnh Độ!". Thức giấc pháp sư đem điềm ấy thuật lại cho chúng biết. Hôm sau, ngài thăng tòa giảng diễn liên tiếp. Tới cuối đêm mùng 4 tháng 5, pháp sư biết thời khắc đã đến, đánh chuông nhóm chúng dạy rằng: "Nhân duyên tan họp, vẫn tự có thời. Tịnh Độ duyên mau, chẳng nên luống uổng! Xin đại chúng đồng chấp tay niệm Phật, đưa tôi về Tây Phương". Liên nói kệ rằng:

Bảy mươi sáu tuổi hưởng duyên lành,

Tứ đại phân ly một niệm thanh.

Tịnh Độ cõi mau về lễ Phật,

Thoát tam giới khổ, chúng Vô sanh!

Thuyết xong, an nhiên ngồi thoát hóa giữa tiếng niệm Phật. Lúc ấy mây trắng hiện ra che khắp mặt đất, tiếng sấm liên tiếp nổ vang cả trong ngoài. Mây lành từ phương Tây kéo đến bao phủ tịnh thất, ba ngày sau mới tan.

Lời bình:

- Phật pháp ý nghĩa bao la rộng rãi như mây. Lời pháp có công năng thức tỉnh mê tình, như tiếng sấm to làm cho mọi người cảnh giác. Cho nên tiếng pháp cũng gọi là Vân lôi âm. Người trước có câu: "Vang chuông dạ nguyệt nơi thiền viện. Dậy tiếng vân lôi chốn mộng thành!". Ngài Tông Đản nhiều năm thuyết pháp với tâm nguyện giác ngộ quần sanh. Do nhân lành ấy nên khi lâm chung cảm quả mây hiện sấm nổ, được sanh về Tây Phương. Điềm này chứng tỏ thuyết: "Các pháp do tâm tạo" trong đạo Phật.

NGUYÊN CHIẾU LUẬT SƯ

Nguyên Chiếu luật sư, tự Trạm Nhiên, họ Đường, quê ở Dư Hàng. Ban sơ, ngài nương theo Huệ Giám luật sư chuyên học về tạng Tỳ Ni. Kế đó lại y chỉ với Thần Ngô Khiêm pháp sư học về Thiên Thai giáo quán, nghiên cứu kinh Pháp Hoa. Trong khi thọ giới Bồ Tát với Quảng Từ Tài pháp sư, giới quang chiếu phát rục rở. Do đó, ngài mới nghiên cứu về Nam Sơn luật tông, thường mang bát cầm tích trượng đi khất thực nơi chợ.

Về sau, luật sư chủ trì chùa Linh Chi 30 năm, truyền giới độ tăng đến 60 hội. Ngài hằng chuyên cần tu tịnh

ngiệp, thường nói: "Khi sống hoằng hóa Luật tông, lúc chết sanh về Cực Lạc!".

Bình sanh sở đắc của ngài chỉ có hai pháp môn: Luật và Tịnh. Luật sư có soạn ra quyển Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi, tự làm lời tựa rằng:

"Nguyên Chiếu tôi từ khi xuất gia, đã mến ưa Luật học. Nhưng vì bản tánh thấp kém, nên hạnh kiểm hãy còn sơ. Sau gặp Thần Ngộ pháp sư ở Thiên Thai dạy dỗ dặt dìu, mới lần trừ tánh cũ. Từ đó sâu tìm Tổ giáo, rộng xét Phật thừa. Rồi phát thệ lớn, nguyện thường sanh giữa đời ác năm trước ở Ta Bà, làm bậc Đại Đạo Sư, dẫn độ chúng hữu tình, khiến đều vào Phật đạo. Lại xem Cao Tăng truyện, thấy ngài Huệ Bồ pháp sư nói: "Cõi Tây Phương tuy nghiêm tịnh, nhưng không phải là sở nguyện của tôi. Giả sử hưởng vui trong hoa sen mười hai kiếp, đâu bằng cứu chúng sanh tội khổ ở tam đồ!". Do đó lại càng giữ chặt kiến chấp mê lầm của mình. Trải qua nhiều năm, đối với pháp môn Niệm Phật không sanh lòng quy hướng. Khi thấy những người tu Tịnh Độ, lại sanh tâm khinh rẻ chê bai. (Ghi chú: Theo Cao Tăng Truyện, Huệ Bồ pháp sư là bậc Bồ Tát thị hiện chứng đệ tam quả A na hàm. Vì thế ngài có lời nói ấy).

Sau Nguyên Chiếu tôi đau nặng, sắc lực kém gầy, thức thần mê muội, vận dụng hết công năng tu hành lúc bình thời, vẫn không thể tự chủ được. Nghĩ lại nếu lúc ấy yếu mạng, chắc không biết sẽ lạc về đâu? Đến khi bình lành, tỉnh ngộ lỗi trước, cảm buồn hối hận, thương khóc trách

mình. Tự nghĩ chí nguyện tuy rộng lớn, nhưng đạo lực hãy chưa kham! Tìm xem quyển Thập Nghi Luận của Tổ Thiên Thai, thấy nói: "Bậc Bồ Tát mới phát tâm chưa chứng Vô sanh nhẫn, phải thường không xa rời Phật". Tổ lại dẫn Trí Độ Luận nói: "Hạng phàm phu còn đủ nghiệp ràng buộc, mà muốn phát tâm đại bi, nguyện sanh trong đời ác để cứu khổ cho chúng sanh, là chuyện xa vời vô lý! Ví như trẻ thơ không được vội lìa cha mẹ, lại như chim non yếu chỉ có thể chuyền cành!". Từ đó, tôi bỏ hết sở kiến thuở bình thời, nghiên cứu giáo môn Tịnh Độ. Hơn 20 năm, duyệt xem sách cổ kim, xét tỏ tường giáo lý, các mối nghi tiêu tán, lòng tin hiểu tăng sâu. Lại thấy Tổ Thiện Đạo dẫn giải hai môn tu Chuyên và Tạp như sau: "Nếu chuyên tu thì trăm người vãng sanh đủ trăm. Còn tạp tu trong trăm người chỉ vãng sanh được ba bốn! Tại sao thế? Vì tâm hạnh bị chia chẻ rối loạn, nên niệm lực khó thành!". Bởi thế nên tôi quyết ý chuyên trì bốn chữ hồng danh, giữ không thay đổi. Cảm thương mình kiếp trần mãi luân lạc, nay mới biết nẻo về! Lại đem sở tu khuyên hàng đồng đạo, nguyện tán dương Tịnh Độ cùng kiếp vị lai! Đường về đại Bồ Đề tuy nhiều môn phương tiện, nhưng phải có đức tin mới được vào. Như Đại Thế Chí Bồ Tát dùng tâm niệm Phật vào Tam ma địa, chứng ngộ viên thông. Xét kỹ lại mình, về trước đã tạo vô lượng tội, nay lại không tin Tịnh Độ, hủy báng người, nhân nghiệp đã gây, quả khổ khó tránh! Nên đem lòng thẹn sợ, đối trước

đài sen, năm vóc đầu thành, một lòng sám hối. Lại phát bi thệ, sưu tập cổ văn, lập ra nghi quỹ. Xin nguyện: "Khắp nhiếp chúng sanh tu Tịnh Độ, đồng sanh An Dưỡng chúng Bồ Đề!"...

Mùa thu năm Chánh Hòa thứ sáu, một hôm luật sư bảo đệ tử cao tiếng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ và phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Ngài ngồi ngay thẳng nghiêm cẩn lắng nghe. Sau thời tụng niệm, chúng xem lại thì luật sư đã nhắm mắt viên tịch. Lúc ấy, chư tăng và ngư dân ở Tây Hồ đều nghe hương lành thanh thoảng, nhạc trời diu dặt giữa hư không.

NHUỘC NGU PHÁP SƯ

Nhược Ngu pháp sư họ Mã, quê ở Hải Diêm. Ngài học kinh giáo với Biện Tài Tịnh pháp sư, rồi về tu tại vùng Long Tỉnh.

Sau pháp sư đến Tiên Đàm, một giải hồ rộng lớn cảnh trí tươi đẹp, cất tịnh viện để tiếp đãi tăng chúng. Nơi viện có lập tòa lầu to rộng gọi là Vô Lượng Thọ Phật Các, cho hàng tăng tục hội về niệm Phật. Chúng thường trú ở đó được vài trăm vị. Trong vòng 30 năm, các liên hữu dự hội niệm Phật, khi lâm chung phần nhiều đều cảm điềm lành.

Có kẻ đem đạo hạnh của pháp sư tấu trình, ngài được vua tứ cho hiệu là Pháp Giám đại sư.

Đương thời có Tác Chương thiền sư, kết bạn với ngài đồng tu tịnh hạnh. Sau khi thiền sư quy tịch, ngài mộng thấy thần như bảo: "Bạn đồng học với pháp sư là Thích Tác Chương, chúng được Phổ Hiền Hạnh Nguyện Tam muội, đã về Tịnh Độ, đang mong chờ ngài vãng sanh!". Tỉnh giấc, pháp sư tắm gội thay y phục, dạy chúng tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, tự ngồi kiết già đoan chính lắng nghe. Chúng tụng xong, ngài bảo: "Cảnh Tịnh Độ hiện rõ trước mặt, ta sắp vãng sanh". Rồi cầm bút viết kệ lưu lại mà hóa. Kệ rằng:

Vân tự không nhà để trở về,
Bên trời mây tỏ lối hương quê!
Hồ Tây ánh lạng vàng ngân xé,
Này lúc Tiên Đàm tỉnh giấc mê!

Hoa màu lưới báu dệt hư không,
Thất bảo ao sen sáng đẹp hồng!
Đạp được Tây quy đường lối ôn,
Niềm nghi tiêu tán sạch nơi lòng!

Bây giờ nhằm tháng 9 niên hiệu Tĩnh Khang năm đầu đời Tống, pháp sư thọ 72 tuổi. Lúc làm lễ trà tỳ, được xá lợi vài trăm hạt.

TỀ NGỌC PHÁP SƯ

Đời Tống, Tề Ngọc pháp sư, họ Mạc, người ở Tề Xuyên. Ngài xuất gia thuở còn bé, tánh cường ký, mỗi ngày có thể ghi nhớ vài ngàn lời. Trước tiên, pháp sư tham học với ngài Thần Trí ở chùa Tường Phù. Kế đó nương theo ngài Từ Biện, lãnh thọ ý chỉ Nhứt tâm tam quán. Sau về chủ trì chùa Bảo Tạng ở Thiều Khê.

Pháp sư tu hành tinh tấn, lập ra Tịnh Nghiệp Xã, mỗi năm sang tiết đông chí, hàng tăng tục hội về niệm Phật nhiều như mây. Sau vì muốn chánh pháp được phổ cập, ngài lại ứng duyên mời thỉnh, đến Hoàng Sơn xây dựng già lam, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh cao một trượng sáu, khuyến khích hàng đạo tục tu hành. Mỗi đêm trước thời tịnh khóa, pháp sư khai thị vấn tắt cho đại chúng thêm tinh tấn. Trong ấy có những lời chí thiết như sau:

"Khi chúng ta chưa biết niệm Phật tu hành, đã làm tạo vô lượng nghiệp ác. Phạm một lỗi nhỏ, như tội Đột kiết la (Ác tác, ác thuyết) còn thọ khổ nơi địa ngục 900.000 năm, huống chi là các tội nặng trong Ngũ thiên, Thất tụ ư? Duy chí tâm niệm Phật, thì trong mỗi niệm mới có thể diệt được tội nặng trong 80 ức kiếp sanh tử. Thế thì biết niệm Phật có công năng thoát ly địa ngục tam đồ, thành tựu các sự trang nghiêm ở cõi Nhơn Thiên và Tịnh Độ. Lại nghĩ: Cha mẹ sanh dưỡng ta công lao rất khó nhọc, nay cho ta xuất gia, chỉ mong chờ ta độ thoát. Nay ta không cố gắng tu hành, đem công đức hồi hướng để báo ân nặng, mà trở

lại phá giới biếng trễ, thì sao còn được gọi là đạo làm con và đạo làm người!".

Đại chúng nghe lời dạy thiết tha ấy đều cảm động, chí thành sám hối. Có kẻ gieo mình đánh lễ sám niệm đến khan cả tiếng, đầu trán bị tổn thương. Năm Tuyên Hòa thứ sáu, pháp sư lại được mời về chủ trì Thượng Trúc thiền viện. Ngài thường tỏ ra tinh tấn, mỗi nửa đêm đầu đội Thánh tượng, miệng cao tiếng niệm Phật. Có một vị tăng phạm thanh quy, pháp sư quở rằng: "Đã răn dạy nhiều lần, mà ông thật là ngờ nghệch không biết chi cả chẳng khác gì loài súc sanh!". Kẻ đó liền phản tỉnh tự hối rằng: "Kẻ kia tuy lỗi lầm, nhưng dù sao cũng là một vị tăng, ta nói như thế thành ra điểm nhục ngôi Tam Bảo!". Từ đó, ngài đối trước Tam Bảo sám hối về tội ấy đến 3 năm.

Mùa thu niên hiệu Kiến Diêm năm đầu, pháp sư gọi Thủ tọa Tu Huệ bảo: "Trước giường tôi hiện ra tháp Đa Bảo rất trang nghiêm, nhưng chẳng phải là sở nguyện bình sanh. Tôi chỉ mong được Phật A Di Đà tiếp dẫn. Xin vì tôi họp đại chúng lại niệm Phật!". Vị Thủ tọa đánh chuông, chư tăng hội đến hơn trăm người đồng thanh tụng niệm. Giây lát, pháp sư bỗng ngược lên hư không cung kính nói: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã đến!". Rồi ngài đoan chính chấp tay mà hóa.

Lời bình:

- Người xưa nghe lời lành thì chấp tay cung kính, hoặc cúi mình đánh lễ. Khi được ân cần dạy bảo, lại gieo mình

lễ niệm đến khan cả tiếng, đầu trán bị tổn thương. Người học đạo đời nay, phần nhiều đầy ngã mạn tự cao, lúc phạm lỗi không biết ăn năn sám hối. Khi được răn nhắc cảnh tỉnh, lại thản nhiên lơ là, đôi khi còn tỏ vẻ bất mãn giận hờn, thốt lời chống đối. Cũng đồng hàng đệ tử Phật, hơn tâm xưa và nay sao mà khác xa nhau như vậy!

UẨN TÈ

Thích Uẩn Tề, tự Thanh Biện, họ Châu, người ở Tiền Đường. Lúc thiếu thời, trong khoa kinh thí, sư đắc độ, và sau đó được truyền môn Thiên Thai giáo quán nơi ngài Hội Hiền ở chùa Pháp Minh.

Sư từng bị chứng lao dịch, trăm thứ thuốc trị không lành. Bệnh khổ quá lắm, cuối cùng xả bỏ tất cả, hôm sớm chỉ chuyên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Một đêm, sư mộng thấy có người nữ đến mổ hông, đổi trái tim, rồi dung tay xoa khắp nơi chỗ bị thương. Tỉnh dậy có cảm giác an ổn, vài hôm sau bệnh lành hẳn. Từ đó sức thông tuệ bộc phát, những kinh sách xem về trước thấy đều ghi

nhớ và thông hiểu, hạ bút thành văn, lời nói thanh nhã và có điển cứ.

Sau sư lần lượt chủ trì các ngôi già lam ở Tô Châu, Hàng Châu. Lúc tuổi già lại về ẩn tu nơi chùa Thượng Phương ở Thường Thục. Niên hiệu Kiến Diêm thứ tư, vào tháng giêng sư họp chúng tụng kinh A Di Đà, sang đến đoạn niệm Phật, ngồi yên chấp tay mà hóa. Sau khi trà tỳ, chúng kiểm đếm được xá lợi, đem xây tháp thờ tại chùa.

Đồng thời, có sư Đạo Ngôn cùng chuyên tu tịnh nghiệp. Trước khi lâm chung vài ngày, sư thấy hai vị thần hiện thân bảo: "Đã sắp đến lúc mạng chung, sao ông còn lơ là không buộc tâm nơi câu niệm Phật?". Nghe nói, sư tập họp các liên hữu tăng và tục niệm Phật luôn đêm ngày. Đến đêm thứ ba, vì đại chúng sám hối, rồi lên tòa thuyết pháp. Tới sáng, ngồi ngay nơi tòa niệm Phật mà vãng sanh.

TU TỀ ĐẠI SƯ

Tu Tề đại sư, họ Dụ, quê ở Tiền Đường. Trên bước hành đạo, ngài thọ học kinh Pháp Hoa với đức Tạng Anh pháp sư. Kế đó tinh tấn tu tịnh nghiệp, mỗi ngày khóa tụng Quán kinh, rồi ngồi yên lặng lòng quán tưởng, kế tiếp niệm hồng danh Phật A Di Đà.

Niên hiệu Đại Quán năm đầu đời Tống, đại sư lập ngôi tịnh xá ở cửa Bắc ải Phủ Trị. Mượn nhân duyên đó, ngài

tiếp đãi tăng chúng các nơi, tạo phước nghiệp, trai tăng đến ba trăm vạn người. Về sau nơi ấy được mở rộng, đổi thành cảnh chùa thập phương. Đầu niên hiệu Tuyên Hòa, gặp cơn binh lửa tràn lan, đại sư tự đến chỗ giặc, nguyện đem thân mình thế mạng sống cho dân chúng trong thành. Tướng giặc kinh sợ và cảm động, dời binh đi nơi khác.

Đại sư có hoa tay vẽ rất khéo, nên được nhiều người nhờ họa tượng Phật. Mỗi lần sắp vẽ, trước tiên ngài vào ngòai yên trong thất niệm Phật, rồi quán tưởng Thánh tướng rất lâu, sau mới hạ bút. Một hôm sau khi họa xong tượng A Di Đà cao một trượng sáu, ánh sáng từ nơi tượng Phật chiếu ra rực rỡ. Đại chúng trong chùa nghe biết đều đến chiêm lễ. Lễ xong, trong giây phút quang minh mới tắt. Do đó người đương thời xưng ngài biệt hiệu là Dụ Di Đà.

Có vị tăng hỏi: "Đã là bậc danh đức, tại sao đại sư lại không tham thiền?" Ngài đáp bằng một bài kệ:

Bình sanh niệm Phật, quán mi hào,
Chẳng học tham thiền, đã có sao?
Chỉ được năm hồ trăng gió mát,
Thái bình khởi dụng đến gươm đao!

Mùa đông năm Thiệu Hưng thứ bảy, đại sư ngòai nghiêm chỉnh, yên lặng quán tưởng Phật luôn suốt 7 ngày. Đến bữa cuối, bỗng đứng lên đốt hương cúng dường Phật, rồi trở lại tòa ngòai kiết già mà hóa. Trải qua 7 ngày, nơi đánh còn nóng, hương lạ không tan.

TỬ NGUƠN ĐẠI SƯ

Tử Nguơn đại sư, con nhà họ Mâu, quê ở Bình Giang, huyện Côn Sơn. Mẹ là Sài Thị nằm mơ thấy một đức Phật vào nhà hôm sau sanh ra ngài, nhân đặt tên là Phật Lai. Lớn lên, ngài đến chùa Diên Tường xuất gia, tu tập về môn Chỉ Quán. Một hôm, trong định nghe tiếng quạ kêu, ngài bỗng nhiên đại ngộ.

Từ đó, đại sư quy tâm về miền An Dưỡng, tự hiệu là Vạn Sự Hưu, trong cảnh thuận nghịch, ghét thương, chưa từng động niệm. Mến phong thái Bạch Liên Xã của Viễn Công ở Lô Sơn, ngài khắp khuyên người quy y Tam Bảo, thọ trì Ngũ giới, niệm Phật năm câu để chứng minh năm giới và kết tịnh duyên. Đó là ý của đại sư muốn cho mọi người tịnh Ngũ căn, đắc Ngũ lực, thoát khỏi cảnh đời Ngũ trược về nơi Tịnh Độ vậy. Ngài rút tuyển những yếu ngôn trong Đại Tạng, biên soạn thành quyển Thần Triêu Sám Nghi, thay thế chúng sanh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sanh Cực Lạc. Sau đại sư đến ven hồ Điện Sơn, lập ra Bạch Liên Sám Đường, suất lãnh hàng tăng tục đồng tu tịnh nghiệp. Trong khi ấy, lại soạn thuật quyển Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ, để khai thị phần nhân mục của Liên tông. Ngài có làm bài kệ khuyên người phát tịnh nguyện như sau:

Muôn pháp từ tâm sanh,

Muôn pháp từ tâm diệt.
Đức Phật đại sa môn,
Xưa đã từng tuyên thuyết.
Trì giới không Tín, Nguyễn,
Chẳng được sanh Tịnh Độ.
Duy được phước Nhơn, Thiên,
Phước hết luân hồi khổ.
Xem kinh không mắt huê,
Chẳng rõ Phật thâm ý.
Đời sau được thông minh,
Tâm loạn khó thoát ly.
Sao bằng niệm Phật tốt,
Khỏi danh lợi bôn ba.
Đi ngồi hằng tịnh niệm,
Chính là A Di Đà.
Nếu giữ giới tu phước,
Hồi hướng lại càng tốt.
Như thế sanh Tây Phương,
Ngàn người chẳng sót một.
Thuyết giáo có Thích Ca,
Nhiếp thọ, đức A Di.
Chư Phật đều hộ niệm,
Chư Thiên khéo hộ trì.
Niệm Phật được gần Phật,
Công đức chẳng chi hơn.
Sẽ ngồi nơi đạo tràng,

Chuyến bánh xe pháp lớn!
Ví như gái nhà nghèo,
Thai nghén vua Chuyển luân.
Chư Thiên thường mến hộ,
Gái nghèo chẳng biết mừng.
Trong bụng có con quý,
Ngự tri khắp quần lê.
Nay người niệm Phật đây,
Ý cũng đồng như thế!
Nhớ Phật, thường niệm Phật,
Không lâu sẽ thành Phật.
Phật hộ niệm giữ gìn,
Phải nên tự biết mình.
Đừng mơ ước đời sau,
Được sang giàu tốt số.
Bởi niệm Phật phước to,
Sẽ sanh về Tịnh Độ!
Ví như nhà kẻ nghèo,
Dưới đất có kho báu.
Tặng thần hằng giữ gìn,
Chẳng cho mất trân bảo.
Người nghèo không tự biết,
Nhà mình có báu châu.
Đi khắp nơi làm mướn,
Lo cơm áo khổ cầu!
Niệm Phật cũng như thế

Đầy đủ tạn Như Lai.
Mà mong cầu việc nhỏ
Đó là ý niệm sai.
Lại như nhà người bệnh
Có trữ sẵn thuốc tiên.
Bệnh nhơn không biết thuốc
Làm sao được lành yên?
Ngày đêm nằm trở trăn
Đau nhức hằng khóc kể
Niệm Phật nguyện sai lầm,
Ý cũng đồng như thế!
Phải biết tâm niệm Phật,
Hay diệt tham sân si.
Hay làm kho báu lớn,
Hay làm đại lương y.
Hay thành Pháp Vương tử,
Hay thành đấng Như Lai.
Che chở và tế độ,
Cứu khổ khắp muôn loài.
Đừng nghĩ mình phạm phu,
Không được sanh Tịnh Độ.
Chỉ giữ giới trì trai,
Sau làm người đắc ngộ.
Lần lượt gắng tiến tu,
Mới được sanh về Tây.
Thấy nhiều kẻ tu hành,

Thường nói như thế ấy.
Chẳng hợp thệ nguyện Phật,
Không hợp ý trong kinh.
Tà kiến che mê tâm,
Luân hồi tự khổ mình!
Đời này không vãng sanh,
Một lầm, trăm ngàn lầm.
Nên người niệm Phật phải,
Tin Di Đà nguyện tâm!
Lời Phật hằng chân thật,
Không một điểm dối hư.
Phải tinh tấn phát nguyện,
Đừng tưởng nghĩ tà tư.
Niệm Phật, cầu vãng sanh,
Như gió giúp sức lửa.
Chẳng khó nhọc nên công,
Chư Phật đều ấn hứa.
Gặp báu lại chịu nghèo,
Gặp cơm cam đói khổ.
Quê thay kẻ mê lầm!
Làm sao được tế độ?
Nay viết kệ phụng khuyến
Xin lần lượt truyền thay.
Vì mọi người lưu thông,
Làm sứ giả Như Lai.
Đó mới là con Phật,

Mới thật báo Phật ân.

Đồng tu tín nguyện hạnh

Về Cực Lạc trường xuân !

Năm Càn Đạo thứ hai, đại sư phụng chiếu tới điện Đức Thọ giảng thuyết về pháp môn Tịnh Độ, được vua tứ hiệu là Từ Chiếu Tông Chủ. Đến ngày 23 tháng ba, ngài bảo các môn đồ rằng: "Hóa duyên đã mãn, ta sắp về Tây!". Rồi chấp tay từ biệt đại chúng, lặng lẽ mà thị tịch. Tới ngày 27, sau khi làm lễ trà tỳ, được xá lợi vô số. Đại sư có tập Di Đà Tiết Yếu lưu hành nơi đời.

Lời bình:

Tử Ngươn đại sư là bậc Cổ Phật nương bi nguyện tái lai để độ sanh, thị hiện xuất gia tham thiền được đại triệt đại ngộ. Nhưng một đời ngài chỉ thuyết hóa bình thường giản dị, khuyên người giữ giới niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Như thế đủ chứng tỏ lời cổ đức dạy: "Pháp môn Tịnh Độ cao siêu mầu nhiệm, duy Phật với Phật mới rõ biết cùng tận. Pháp môn này khế hợp với bản hoài độ khắp chúng sanh của chư Phật".

ĐẠO NHÂN PHÁP SƯ

Đạo Nhân pháp sư, tự Thảo Am, họ Tiết, người ở Minh Châu. Năm 17 tuổi, ngài đã thọ giới cụ túc, rồi theo học với Minh Trí Lập đại sư. Học nghiệp thành rồi, khi thì

ngài vào thiền thất tĩnh tu, lúc lại ra diễn giảng, như thế lần lượt du hóa trải qua khắp các nơi.

Pháp sư xem quyển Thập Bát Nhị Môn Chỉ Yếu Sao của Pháp Trí tôn giả, tỏ ngộ đến chỗ sâu sắc, nên xa hướng về chùa Tứ Minh, đánh lễ tôn giả kính làm bậc thầy. Sau đó, ngài lần lượt trải qua làm tòa chủ các chùa: Vĩnh Minh, Bảo Vân, Quảng Thọ, Trị Bình, đến lúc lớn tuổi lại về trụ trì chùa Diên Khánh. Mỗi nơi, ngài đều hoằng dương chánh pháp, hàng tăng tục quy hướng về rất đông.

Ngày 17 tháng 4, năm Càn Đạo thứ ba đời Tống, trước khi viên tịch, pháp sư họp đồ chúng lại từ biệt, rồi bảo: "Cảnh giới Hoa Nghiêm rộng suốt sáng lạng, rất thích hợp với lòng ta. Nay bản tăng sắp về cõi Cực Lạc trong Liên Hoa Tạng thế giới!". Liên dạy chúng đồng thanh tụng bài tán A Di Đà của mình đã làm như sau:

Quốc độ không ngần khắp hải không,
Hải không toàn là Liên Hoa cung.
Hoa cung đầy khắp trong không hải,
Không hải riêng hiệu Di Đà dung!
A Di Đà Phật chẳng sanh diệt,
Khó vớt khôn tìm vàng thủy nguyệt!
Tuyệt phi lìa cú, thân chân như,
Như thế cảm thông, như thế thuyết!
Ta cùng Di Đà vẫn không hai,
Vọng giác vừa sanh bỗng thành sai.

Từ nay quét sạch trần không, hữu,
Thiên tánh cha con gặp mặt mày!
Ba phước thề tu, sáu niệm cần,
Giữ gìn tam nghiệp sạch trong ngần.
Một câu Thánh hiệu không rời chán,
Nguyện thấy Di Đà chứng pháp thân!

Đọc bài tán xong, dẫn chúng niệm Phật độ vài trăm câu, rồi tiếp tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ. Khi tụng đến chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, pháp sư liền nhiếp niệm mà tọa hóa. Trải qua ba ngày, đánh và chân đều còn nóng.

HỮU BẰNG ĐẠI SƯ

Hữu Bằng đại sư, tự Mục Am, người ở Kim Hoa, học nhiều nhớ giỏi. Ngài theo y chỉ với pháp sư Xa Khê Khanh, sớm hôm tham phỏng, không bao lâu đã lãnh thọ được hết chân truyền.

Kể đó, đại sư đến Tiên Đàm giảng về môn Chỉ Quán. Vừa lúc ấy Thiên Y Trì pháp sư khát thực tới nơi, vào chùa nghe, kinh dị nói: "Chỗ tổ ngộ thật rộng rãi sâu sắc, hôm nay ta mới được nghe thấy lần đầu!". Rồi cung kính đánh lễ mà đi.

Cô vợ người họ Tiết gần đó mất sớm, thường hiện hình trong nhà. Gia quyến làm trai hội thỉnh 1000 vị tăng đến cúng dường, và xin tụng kinh Kim Cang Bát Nhã để siêu độ. Trai cúng xong, lại cầu đại sư giảng đại lược về ý kinh. Tối hôm ấy, vong nơn dựa vào người nhà nói: "Xin cúi lạy cảm tạ ân song thân và quyến thuộc. Con nhờ công đức một quyển kinh, nay đã được siêu thoát!". Cha chồng hỏi: "Cả ngàn vị tăng đồng tụng, sao con lại nói chỉ có một quyển kinh? Và ai đã tụng quyển ấy?". Vong linh cô dâu thưa: "Đó là quyển kinh của Hữu Bằng đại sư!".

Sau đó, đại sư về trụ trì chùa Năng Nhân, lúc tuổi già lại làm tọa chủ chùa Diên Khánh. Đi đến đâu, sự thuyết hóa cũng hưng thịnh. Ngày mùng 3 tháng chạp năm Càn Đạo thứ tư đời Tống, đại sư trải tọa cụ ngồi ở hiên Thanh Ngọc, bảo đồ chúng tụng Quán kinh. Đến chương Chân Pháp Thân Quán, dạy chúng niệm Phật, rồi lưu kệ mà vãng sanh.

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU

PHẦN MỘT - THÁNH NHÂN KHUYẾN HÓA

Mã Minh Đại Sĩ 5

Long Thọ Đại Sĩ 7

Thiên Thân Luận Sư.....	12
Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát.....	17
PHẦN HAI- LIÊN TÔNG CHƯ TỔ	
Huệ Viễn đại sư (Liên Tông Sơ Tổ).....	24
Thiền Đạo đại sư (Liên Tông Nhị Tổ)	37
Thừa Viễn đại sư (Liên Tông Tam Tổ)	42
Pháp Chiếu đại sư (Liên Tông Tứ Tổ).	45
Thiếu Khang đại sư (Liên Tông Ngũ Tổ).....	51
Diên Thọ đại sư (Liên Tông Lục Tổ)	53
Tĩnh Thường đại sư (Liên Tông Thất Tổ)	62
Châu Hoằng đại sư (Liên Tông Bát Tổ)	63
Phụ vấn đáp (Lược trích).....	66
Trí Húc đại sư (Liên Tông Cửu Tổ)	76
Hành Sách đại sư (Liên Tông Thập Tổ)	80
Thật Hiền đại sư (Liên Tông Thập Nhất Tổ)	85
Bài Văn khuyên phát lòng Bồ Đề	87
Tế Tĩnh đại sư (Liên Tông Thập Nhị Tổ)	97
Ấn Quang đại sư (Liên Tông Thập Tam Tổ)	102

PHẦN BA - TỨ CHÚNG VÃNG SANH

- Huệ Vĩnh đại sư.....	114
- Huệ Kiên pháp sư.....	116
- Tăng Tế pháp sư.....	117
- Huệ Cung.....	118
- Lưu Trình Chi.....	120
- Trương Kháng.....	122
- Khuyết Công Tắc.....	123
- Tăng Duệ pháp sư.....	125
- Huệ Sùng đại sư.....	127
- Đàm Giám pháp sư.....	128
- Đạo Trân pháp sư.....	129
- Đàm Loan pháp sư.....	130
- Đạo Dũ.....	133
- Trí Khải đại sư.....	134
- Trí Thông pháp sư.....	141
- Pháp Trí.....	142
- Pháp Hỷ và Thọ Hồng.....	145
- Hai Sa Di.....	146
- Đạo Kiệt pháp sư.....	147
- Quán Đảnh đại sư.....	148

- Đạo Ngang pháp sư	149
- Đạo Xước thiên sư.....	151
- Tăng Huyền pháp sư.....	153
- Duy Ngạn pháp sư	155
- Hoài Ngọc pháp sư	157
- Huệ Nhựt đại sư.	158
- Tề Hàng pháp sư.....	162
- Tự Giác	163
- Tri Tuyên pháp sư	164
- Hùng Tuấn	168
- Duy Cung	169
- Chí Thông.....	170
- Ngô Ân	171
- Tri Lễ đại sư	173
- Huệ Tài pháp sư	176
- Tông Trách thiên sư	178
- Khả Cửu	185
- Tông Bản đại sư	186
- Hữu Nghiêm pháp sư	189
- Tông Đản pháp sư	192

- Nguyên Chiêu luật sư.	194
- Nhược Ngu pháp sư	197
- Tề Ngọc pháp sư	198
- Uẩn Tề	201
- Tư Tề đại sư.	202
- Tử Ngươn đại sư.	203
- Đạo Nhân pháp sư	209
- Hữu Bằng đại sư.....	211

Dịch giả: HT. THÍCH THIỀN TÂM

Mấy điệu

Sem thanh

TẬP 2

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

MẤY ĐIỀU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 2

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH
Phật Lịch: 2542 --1998

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì

lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhơn đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÁY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện

tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

***“Nương mình tựa án xem người cổ
Ẩn bóng trong gương ngắm chuyện đời”.***

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN BA
TỨ CHÚNG VÃNG SANH
(tiếp theo)

PHÁP NHÂN

Pháp Nhân thiền sư, tự Khô Tâm, họ Cố, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ngài học với pháp sư Thảo Am Nhân, lãnh thọ hết yếu chỉ, nên được người đương thời xưng tụng là Tiểu Am Nhân.

Sau thiền sư chủ trì chùa Quảng Thọ ba mươi năm, tuy ngộ Thiền tông, nhưng lại hướng về Tịnh Độ. Ngoài thời tu, ngài thường giảng diễn kinh pháp, trọn đời chưa từng bước chân đến cửa nhà quyền quý. Cửa đàn tín cúng dường, nếu không khước từ được, thiền sư chỉ nhận một ít phần. Ngồi tịnh thất cư trú quá đơn sơ, có kẻ khuyên cất sửa lại, ngài nói: “Thân này hãy còn vô thường bận tâm chi nhiều đến ngoại vật!”.

Vào tháng tám năm Thiệu Hy thứ tư đời Tống, thiền sư nhiễm bệnh, trong định thấy cảnh Tịnh Độ và hai vị Bồ Tát. Xuất định, ngài gọi môn đồ nói: “Đạo tràng Pháp Hoa hiện ra rất trang nghiêm, cùng với chỗ ta thấy lúc bình thời khác nhau xa lắm! Các con cố gắng thầy sắp đi đây!”. Liên dạy hạp chúng lại tụng Quán kinh, niệm Phật. Một vị tăng xin lưu kệ, thiền sư cầm bút viết kệ rằng:

**Ta cùng Di Đà vẫn không hai,
Hai cùng không hai đều là ngay.
Như thế ta thấy Vô Lượng Quang,
Đạo giao cảm ứng khó nghĩ bàn!**

Viết xong buông bút, ngồi ngay thẳng kiết ấn mà vắng sanh.

Đồng thời, có Hiền Siêu thượng nhơn, người ở Bắc Châu, thọ chú pháp Uế Tích Kim Cang với Kim Cang Tổng Trì Tam Tạng, thượng nhơn thường dùng chân ngôn ấy cứu bịnh giải oan, được của cúng dường đến năm vạn xâu tiền, đều đem dâng vào kho thường trụ chùa Vĩnh Thọ. Tất cả công đức trì chú độ người, ngài hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ.

Sau thượng nhơn cảm bịnh nhẹ, thấy hoa sen đầy khắp hư không, âm nhạc nổi lên vi diệu, Phật và Bồ Tát hiện thân đến rước. Hàng đệ tử tăng tục gieo mình đánh lễ khóc thương, cầu xin lưu thọ để cứu khổ chúng sanh. Các cảnh tượng Tịnh Độ lần lần ẩn mất. Ngài lại sống thêm mười lăm năm nữa, dùng chân ngôn cứu người. Một hôm, thượng nhơn bỗng nghe nhạc trời hương lạ ngược nhìn lên, Phật và Thánh chúng đều hiển hiện giữa hư không, thánh cảnh lại hiện ra thù thắng hơn trước. Ngài liền từ giã đại chúng, ngồi kiết già xây mặt về Tây mà hóa.

ƯU ĐÀM

Ưu Đàm đại sư, họ Tướng, quê ở Đơn Dương, gia thế hằng thờ Phật. Mười lăm tuổi, ngài xuất gia nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Về sau, được mời chủ trì chùa Diệu Quả ở tại Đơn Dương.

Niên hiệu Chi Đại năm đầu đời nhà Nguyên, vua xuống chiếu bãi bỏ Liên Tông. Đại sư cả sợ nói: "Ta phụng thừa môn này gần ba mươi năm. Nay nữ nào để pháp mâu của Như Lai bị mai một nơi đời ta ư?". Liền quỳ trước bàn Phật phát thệ, nguyện phục hưng môn Niệm Phật. Rồi ngài đem hết tâm tư soạn thuật ra mười quyển Liên Tông Bảo Giám. Trong ấy có những đoạn cảnh sách rất thiết yếu như sau:

* Phàm người niệm Phật, điểm chánh yếu là giải quyết vấn đề sống chết, chẳng phải lơ láo qua ngày! Nên nghĩ đến cơn vô thường mau chóng, thời khắc chẳng chờ người, hằng chăm chú lo cho thành tựu một việc ấy mới được. Nếu nửa lui nửa tới, tợ tin tợ nghi, kết cuộc không chắc thật, thì từ nay trở đi, phải quyết phát lòng đại đồng mãnh, đại tinh tấn! Khi đi đứng nằm ngồi, chỉ nắm giữ một câu A Di Đà Phật, như tựa vào tòa núi Tu Di, đẩy xô không lay chuyển. Chỉ chuyên tâm nhứt ý mà niệm, gác qua việc thông hiểu hay chẳng thông hiểu, thấy tánh hay không thấy tánh. Cách hành trì đều tùy theo sức khỏe căn cơ, hoặc tham cứu mà niệm, quán tưởng mà niệm, mền nhớ mà niệm, hoặc dùng pháp thập niệm, lễ niệm, mặc niệm, kim cang niệm, đê thanh niệm, cao thanh niệm. Mỗi niệm hằng giữ cho hiện tiền, quên cả quá khứ vị lai, thường nhớ thường niệm, sớm cũng niệm, tối cũng niệm, gấp cũng niệm, hưỡn cũng niệm, mọi oai nghi động tác đều niệm.

Trong mỗi ngày mỗi giờ, buộc niệm không xen hở, câu Phật chẳng rời tâm, nhật nhật nhiệm nhiệm, như gà ấp trứng giữ cho hơi ấm nối tiếp nhau, đó gọi là: "tịnh niệm tương kế". Nếu gia thêm trí tuệ chiếu soi, thì biết Tịnh Độ tức tâm, tâm tức Tịnh Độ. Đây là công phu tu tiến của bậc thượng trí vậy. Chủ trì được, giữ chắc được, ổn định được như thế, thì dù gặp cảnh thuận, nghịch, khổ, vui đưa tới, vẫn chỉ chuyên một câu A Di Đà Phật, không một niệm thay đổi, không một niệm biếng lui, không còn xen tạp tưởng. Niệm như thế đến trọn đời, giữ không đổi chí nguyện, chỉ quyết tâm cầu sanh về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Nếu quả dụng công được như thế, thì vô minh nghiệp chướng nhiều kiếp tự nhiên tiêu tan, tập khí trần lao tự nhiên trừ sạch, thân thấy Đức A Di Đà vẫn không rời bỏ niệm. Chừng đó công thành hạnh mãn, nguyện cùng hạnh nương giúp nhau, đến khi mạng chung, quyết định sanh về Thượng phẩm.

* Người niệm Phật, khi trần nhơ chưa sạch, niệm xấu ác khởi lên, phải tự cảnh giác dứt trừ ngay. Những niệm: tham tiếc, bòn sẻn, giận hờn, si ái, ganh ghét, khi dối, hơn thua, tự cao, dua mỵ, tà kiến, khinh mạn, năng sở, tư tưởng quá khứ, tư tưởng hiện tại, tư tưởng vị lai, tất cả mọi tâm ô nhiễm không lành nổi lên, phải gấp cao tiếng xưng hiệu Phật, nhiếp về chánh niệm. Chớ để tâm xấu ác hư vọng nối nhau, phải quét sạch liền, vĩnh viễn không cho sanh khởi.

Những tâm: tin sâu, chí thành, phát nguyện, hồi hướng, từ bi, khiêm hạ, bình đẳng, phương tiện, nhẫn nhục, giữ giới, hỷ xả, thiên định, tinh tấn, giác ngộ, tất cả tâm lành, cần phải giữ gìn. Lại nên lìa sự nhiễm dục, dứt hạnh thô ác, chớ nuôi gia súc, những nghiệp săn bắn chài lưới, cho đến các nghề có can phạm đến sanh mạng, đều không được làm. Phải biết chur thượng thiện như ở Cực Lạc, đều do bỏ duyên ác, tu nghiệp lành, mới được sanh về đó, và được không thối chuyển đạo Bồ Đề. Cho nên người niệm Phật phải học theo Phật, lấy sự bỏ ác tu thiện làm nhiệm vụ.

* Người niệm Phật muốn sanh về Tịnh Độ, phải tưởng nghĩ tất cả sự vật ở thế gian đều vô thường, thành tất có hoại, sống tất có chết. Nếu không nghe Phật pháp, thì bỏ thân này thọ thân khác, luân chuyển trong tứ sanh, xuống lên nơi lục đạo, chẳng biết chừng nào mới giải thoát. Ta nay có duyên được nghe chánh pháp, được tu tịnh nghiệp, thì phải tinh cần niệm Phật. Đến khi xả thân này, mới được sanh về Cực Lạc, gởi chất thai sen, hưởng các điều vui thoát hẳn sống chết luân hồi, không thối chuyển nơi quả Phật. Đây là việc tốt đẹp, và điều tối cần yếu thuở bình sanh của bậc đại trượng phu vậy. Lúc vừa có bệnh, phải rũ sạch thân tâm, một lòng niệm Phật cầu sanh, không được ngờ vực nghĩ vơ vẩn. Nên ngồi ngay thẳng hướng về phương Tây, chuyên tưởng Phật A Di Đà, Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, cùng vô số Hóa Phật hiện ở trước, một lòng

xung niệm Nam Mô A Di Đà Phật, câu tiếng nói nhau chẳng dứt. Với tất cả việc thế gian, không nên nghĩ tới, chẳng được tham luyến. Nếu bỗng nhiên khởi nghĩ, phải mau xung niệm Phật, thì trong mỗi niệm sẽ trừ diệt tội chướng, tăng trưởng phước huệ. Giữ nhứt tâm như thế, tất được vãng sanh. Nếu số mạng chưa dứt, bình tự an lành. Dè dặt chớ nên khởi niệm lưu luyến thế gian, căn mạng còn sẽ tự còn, đến số chết mặc cho chết, chỉ chuyên việc vãng sanh, cần gì lo ngại! Hiểu được lẽ này, thì sự xả thân cũng như bỏ áo cũ rách, thay áo tốt đẹp, bỏ thân phàm lên cõi Phật, há chẳng đáng cao quý ư?

* Việc chân chánh tu hành có tin sâu, nguyện thiết, là tối yếu phải được sanh về Cực Lạc. Nên chuyên lòng nhứt ý, giữ một câu niệm Phật. Chỉ một niệm này là bản sư của ta. Chỉ một niệm này là Hóa Phật đến tiếp dẫn. Chỉ một niệm này là viên mãn tướng phá địa ngục. Chỉ một niệm này là gươm báu chém các yêu tà. Chỉ một niệm này là ánh sáng soi phá cảnh tối tăm. Chỉ một niệm này là thuyền lớn vượt qua biển khổ. Chỉ một niệm này là phương thuốc quý màu chữa trị bệnh luân hồi sanh tử. Chỉ một niệm này là đường tắt thoát ly ba cõi sáu đường. Chỉ một niệm này là bản tánh Di Đà. Chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh Độ. Điều cần yếu là phải ghi khắc một câu A Di Đà Phật nơi lòng, chớ cho lạc mất, mỗi niệm thường hiện tiền, mỗi niệm chẳng rời tâm. Không việc cũng niệm như thế, có

việc cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bình khổ cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế! Một niệm rõ ràng không mê mờ như thế, lại cần chi phải tìm người hỏi đường trở về quê cũ ư!

Sách soạn thành, đem cầu chứng khắp các phương cao đức, không ai có thể thay đổi một chữ. Đại sư lại đem sách ấy dâng lên Nhân Tôn hoàng đế, cầu xin phục hưng giáo pháp Tịnh Độ. Vua chuẩn y, dạy ngài làm giáo chủ, ban cho hiệu là Hồ Khê tôn giả. Đến năm đầu niên hiệu Thuận Hóa, đại sư an tường ngồi niệm Phật mà vắng sanh.

HOẰNG TẾ

Hoàng Tế đại sư, họ Dao, tự Đồng Chu, người ở Dư Diêu. Lúc thơ ấu, ngài đã để chóp vào ở chùa Bảo Tích trong thôn ấp. Năm mười sáu tuổi, mới hoàn toàn xuống tóc, thọ giới sa di. Tuổi đúng hai mươi, lại được thọ Cụ túc giới.

Đại sư giữ luật rất nghiêm cẩn, nương theo pháp sư Bản Sơn Toàn học tập Thiên Thai giáo quán. Không bao lâu, sự tu học đã đến mức thông suốt tinh vi. Ngài thường hành trì các sám pháp như: Tịnh Độ, Pháp Hoa, Kim Quang Minh. Một hôm trong định, đại sư thấy Tứ Minh tôn giả trao cho cây Tê giác như ý, từ đó biện tài lưu loát như suối tuôn trào.

Đời nhà Nguyên, nhằm Thái Định ngưng niên, ngài được mời trụ trì chùa Viên Giác ở huyện Vạn Thọ. Năm sau, tại huyện Diêm Quan gần đó giông bão dữ dội, đê biển sắp bị sóng đánh vỡ, dân chúng quanh vùng đều nơm nớp e sợ. Thừa tướng Thoát Hoan cũng lo lắng, cho quan địa phương thân mời đại sư đến chỗ đê biển, lập Thủy lục đại trai đàn để cầu nguyện. Ngài tới nơi, nhập Từ tâm tam muội, lấy cát biển tụng chú Đại Bi, rải dọc theo bờ đê. Gót chân đến đâu, đê điều nơi đó đều được ổn cố, sóng gió cũng dịu dần rồi dứt hẳn. Mọi người đều khen tặng là thần kỳ! Sau đại sư lần lượt chủ trì các ngôi đại già lam: Tập Khánh, Hiền Từ, Viễn Thông. Lúc lớn tuổi lại trở về chùa Bảo Tích ở quê nhà, chuyên tu Niệm Phật tam muội.

Niên hiệu Chí Chánh thứ mười sáu, ngày mừng ba tháng mười, đại sư cảm bệnh nhẹ, cho vời các đệ tử đến, khai thị về ý nghĩa Duy tâm Tịnh Độ. Trong chúng có kẻ chưa thông hiểu, ngài cao giọng nghiêm trách nói: "Bờ sanh tử rất nguy hiểm, khó nổi ở yên, sao còn chưa tỉnh ngộ?". Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà hóa.

THIÊN NHƯ

Thiên Như thiên sư, họ Đàm, tự Duy Tắc, người ở Vĩnh Tân. Sau khi xuất gia, ngài đi tham học các nơi, cuối cùng lãnh thọ tâm ấn và nối dõi pháp tịch cho Trung Phong Minh Bản thiên sư.

Niên hiệu Chí Chánh năm đầu đời nhà Nguyên, thiền sư chủ trì chùa Sư Tử Lâm nơi thành Tô Châu. Các bậc tế quan trưởng giả trong thời ấy, phần nhiều đều đến học đạo với ngài. Vua thường xuống chiếu vời hỏi, ngài đều lấy duyên có bệnh cáo từ. Thiền sư đã mật khế thiên cơ, lại nối dõi theo tông chỉ của Tổ Thiên Thai và Vĩnh Minh, kiêm hoàng dương giáo pháp Tịnh Độ. Ngài có viết ra quyển Tịnh Độ Hoặc Vấn, phá tan các điều nghi, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nay xin được trích ra những đoạn răn nhắc có phần thiết yếu như sau:

- **Hỏi:** - Phương tu viên quán, niệm duy tâm, dường như là hành môn của bậc thượng căn. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là công dụng của bậc đại trí. Trên đường tu, nếu căn cơ cùng giáo pháp không hợp, e cho công hạnh khó thành. Nay tôi xét lại căn tánh mình, chỉ nên chuyên trì danh hiệu, thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Chẳng hay tôn ý như thế nào?

- **Đáp:** - Tốt lắm! Ông biết tự lượng đó.! Lời ông nói hợp với thuyết Chuyên tu vô gián của Tổ Thiện Đạo. Vô gián tu là: Thân chuyên lễ Phật A Di Đà, không lễ tạp. Miệng chuyên xưng danh hiệu Phật A Di Đà, không xưng tạp. Ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, không tưởng tạp.

Có người trì danh lại kiêm quán tưởng hoặc chuyên trì danh hay chuyên quán tưởng. Trong hai điều trên, muốn dễ thấy Phật, phần nhiều pháp Trì danh là hơn. Cách xưng

đanh, cần phải buộc tâm đừng cho tán loạn, mỗi niệm nói nhau duyên theo hiệu Phật, từng câu từng chữ rõ ràng. Lại xưng danh hiệu Phật, chớ quản ít nhiều, duy một tâm một ý, chí thành niệm niệm nói nhau. Như thế, mỗi câu mới diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Nếu chẳng vậy, trong mỗi câu sức diệt tội sanh phước rất kém ít, và nghiệp chướng khó mau tiêu trừ.

- **Hỏi:** - Người xuất gia còn phải lo việc cất chùa độ chúng, làm nhiều Phật sự. Như thế làm sao nhứt tâm để niệm Phật?

- **Đáp:** - Trừ bậc Bồ Tát nương theo bi nguyện tái lai để hoằng hóa, còn hạng phàm phu tăng, điều chánh yếu là phải gắng tu hành lo giải quyết vấn đề luân hồi sanh tử. Ngoài ra các việc khác đều thuộc phần thứ yếu. Nếu chẳng thế, ngày kia nghiệp khổ luân hồi đến, độ mình chưa được, còn nói độ ai? Vả lại, việc đời như mộng, dâu bể đổi thay. Biết bao chùa cảnh triều vua trước. Mà đến nay còn thấy nữa đâu? Dù cho tạo lăm chùa chiền, rộng làm Phật sự, chỉ e phải kết thân với bậc sang giàu thế lực, rồi khởi lòng đấm lợi tranh danh, chạy theo quyền vị. Những tưởng rằng mình đã nhiều việc tốt, song đâu biết đó là trái với gốc đạo, phạm đến điều răn dạy của Tổ sư. Cổ đức bảo: " Công nghiệp hữu vi, sanh nhiều tội lỗi, thiên đường chưa tạo, địa ngục trước thành, khó liễu tử sanh, đều thành gốc khổ. Dưới lớp ca sa thân người dễ mất, trong vòng thiết hỏa,

phải chịu lửa gươm !. Tổ sư đã định ninh dạy bảo như thế, dù kẻ lòng gang dạ sắt, nếu biết xét nghĩ, nghe rồi cũng phải rơi lệ. Cho nên, nếu chẳng lấy sự giải thoát làm chánh yếu, ngày sau hối hận cũng không kịp !

- **Hỏi:** - Kinh nói: Một đời tạo ác, khi lâm chung dùng mười niệm xưng danh hiệu Phật, cũng được đời nghiệp vãng sanh”. Thế thì bây giờ, tôi cứ buông thả theo duyên đời, đợi lúc sắp chết sẽ niệm Phật, có được chăng ?

- **Đáp:** - Làm thay ! Khổ thay ! Lời này đã làm hại chính mình, lại gây hại cho hàng tăng, tục, nam, nữ trong đời nữa! Kinh vẫn nói vẫn không sai, nhưng trong ấy còn có mật ý sâu xa mà duy bậc trí huệ mới hiểu thấu suốt. Phải biết kẻ phạm phu nghịch ác khi lâm chung niệm Phật được, là do kiếp trước đã có căn lành, nên khiến cho gặp bậc thiện tri thức chỉ bảo, mới được sự may mắn trong muôn một ấy thôi. Luận Quán Nghi nói: “Có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được:

1. Khó gặp bạn lành, nên không người khuyên niệm.
2. Đau bệnh, nghiệp chướng làm khổ thân tâm, nên không an ổn rồi rảnh để niệm Phật.
3. Trúng phong cứng họng, nói không ra tiếng.
4. Cuồng loạn mất sự sáng suốt.
5. Thành linh gặp tai nạn nước, lửa.
6. Bỗng bị ác thú vồ ăn thịt.
7. Bị bạn ác phá hoại lòng tin.

8. Hôn mê mà chết.

9. Thoạt chết giữa quân trận.

10. Từ nơi chỗ cao té xuống.

- Những việc trên đây trong đời thường có, bất luận tăng hay tục. Đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, bỗng nhiên xảy ra, không kịp trốn tránh. Nếu chẳng may gặp một trong mười việc trên đây, thì lúc thiếu duyên lành hay bất cập đó, làm sao mà niệm Phật? Chừng đó dù cho có Đức Phật sống cũng không cứu nổi, phải tùy nghiệp chịu khổ đọa trong cảnh bát nạn tam đồ. Bây giờ muốn nghe danh niệm Phật. Cũng không dễ gì được!

Nếu không bị những ác duyên trên, thọ bệnh sơ sai mà qua đời, e cho khi lâm chung thân tứ đại ly tán, chịu sự đau đớn vô hạn, dường như con cua rớt vào lửa, hay con đom đóm sống bị đập nước sôi gổ vảy. Trong lúc thống khổ bức bách, bồi rối kinh hoàng ấy, đâu có rỗi rảnh để niệm Phật?

Ví như không bị đau bệnh mà mẫn phần, lại e duyên đời chưa dứt, niệm tục khó quên, tham sống sợ chết, tâm tình rối loạn không yên. Thêm vào đó, việc nhà chưa phân minh, chuyện sau chưa sắp đặt, vợ con khóc than kêu gọi, trăm mối lo sợ đau buồn, như thế làm sao niệm Phật được?

Lại ví như trước khi chưa chết, chẳng may vướng chút bệnh khổ nơi thân, đã rên rỉ đau đớn, chạy thuốc tìm thầy, lo việc khẩn cầu cúng tế, tạp niệm rối ren, làm sao niệm Phật được?

Giả sử trước khi chưa đau bệnh mãn phần, thì bị sự khổ suy già lụm cụt, nhiều mối áo não buồn lo, e cho an bài những việc trên cái thân suy lão còn chưa xong, vị tất an lòng để niệm Phật?

Lại giả sử trước khi chưa già, còn đang trẻ trung khỏe mạnh, hoặc như tâm cao vọng chưa tiêu dứt, việc thế tục buộc ràng, rong ruổi đông tây, suy vầy tính khác, nghiệp thức mênh mang, cũng không niệm Phật được!

Cho giả sử kẻ được an nhàn mạnh khỏe, có chí tu hành, nếu không nhìn thấu cảnh đời là huyền mộng, thân tuy được yên, nhưng tâm còn bán loạn. Trong cảnh nhìn chưa thấu, nắm chưa chắc, đạp chưa vững, không thể buông bỏ muôn duyên ấy, khi gặp việc đến chẳng thể tự chủ, theo cảnh mà đảo điên, cũng không thể niệm Phật được!

Ông thử xét lại, đừng nói chi lúc sắp chết hay già bệnh, ngay trong khi còn trẻ trung khỏe mạnh, được no ấm nhàn nhã có chí tu hành, nếu chưa sáng suốt dứt khoát, bị một việc đeo đẳng nơi lòng, còn không niệm Phật được thay, huống chi là đợi đến lâm chung ? Lại còn bảo cứ buông thả theo duyên đời, ông thật là người mê nói việc si, chỗ dụng tâm còn rất lạc lảm nông nổi!

Cho nên ông phải xét nghĩ kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nháng thân đá, như chớp giựt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế

sự, rửa sạch thân tâm, được một ngày quang âm, lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh, tu một khắc công phu. Như thế đến lúc lâm chung mọi việc an bài, trời Tây cũng sẵn mở lối đường quang đặng! Bằng chẳng thế đến khi duyên nghiệp đối đầu, chừng ấy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

Hỏi: - Lời ngu giả đã tu thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt lại kịp ! Nghe qua mấy điều đại sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng ! Hiềm vì nổi lòng người tuy dễ tinh tấn song cũng dễ thôi lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì đồng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại, lại giải đãi ngã theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi, còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên có thích đáng, trong sự thôi tâm biếng trễ của người tu?

Đáp: - Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

1. Ngày đêm thường được tất cả chư Thiên, Đại lực thần tướng và hàng sa quyến thuộc ủng hộ.

2. Thường được hai mươi lăm vị đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo ủng hộ bên mình.

3. Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm. Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.

4. Tất cả ác quỷ như Dạ xoa, La sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.

5. Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạn tử.

6. Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhờn giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục.

7. Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành, hay thấy sắc thân trắng diệu của Phật A Di Đà.

8. Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.

9. Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.

10. Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm mầu.

Mười điều lợi ích như trên, chính do kim khẩu của Như Lai nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy, thì đó chính là pháp khẩn yếu trong môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

Đại sư ngoài việc hoằng pháp lợi sanh, còn tự tu hành rất tinh tấn. Ngài nhập diệt vào năm Hồng Võ ngươn niên

đời nhà Minh. Khi tịch điền lành hiện ra rất nhiều, thọ được 71 tuổi.

TÂY TRAI TỊNH ĐỘ THI

Cõi thanh đạo quả dễ tròn nên
Tập quán hèn thô tự đổi liền.
Cá lợi bể khơi lìa lưới rập
Nhạn bay trời rộng thoát cung tên.
Luân hồi đã dứt đường sanh tử
Phiền não còn đâu niệm đảo điên?
Một điểm không tâm là Cực Lạc
Nhiệm mê khó dự bảo trì liên.

Vô biên cảnh đẹp vịnh khôn cùng
Tầm mắt du quan chẳng chán trông!
Hạt thóc chứa bao trời đất rộng
Mười phương thu lại chót đầu lông
Trong đèn châu ngọc giăng cùng khắp
Ngoài các lan can bọc giáp vòng
Chậm bước còn đang nghe nhạc lạ
Từ đâu loan phụng liệng hư không?

*

Lâu đài bảo thọ ngắm mênh mang
Niệm Phật thiên tư giữa cảnh nhàn!

Cây báu sắc xen đâu chỉ một
Chim linh điệu xường có muôn ngàn.
Tô đà thơm diệu đầy ngân trản
Cam lộ ngọt thanh khắp ngọc bàn.
Chẳng giống Tuyết sơn nhiều thuốc lạ
Kẻ vô phước biến vị tân toan.



Ba cõi đã hay chẳng ổn lành
Quyết tìm Cực Lạc chứng vô sanh
Ví không niệm Phật công phu chắc
Đâu được đài sen nguyện lực thành?
Ngút tỏa lầu cao lòng diệu sắc
Gió đùa cây biếc nổi cầm thanh!
Từ nay chân, giả không làm lạc
Mắt cá, trần châu nhận rõ lành.

HUỆ MỘC

Tỳ kheo ni Huệ Mộc, người đời Lưu Tống, họ Phó, năm mười một tuổi đã xuống tóc xuất gia. Sau thời gian tu học trải qua các ni tự. Sư cô về thường trụ nơi một ngôi chùa ở thôn Trúc Vực tại Lương Quận. Mỗi ngày, theo thường khóa, cô thọ trì kinh Đại Bát Nhã và Niệm Phật, hằng cảm được nhiều điềm lành.

Một hôm, sư cô mộng đến Tây Phương, thấy ao báu mênh mang rộng lớn, các sắc hoa sen đua nhau tươi nở. Trên đài hoa, những người hóa sanh ngồi kiết già, thân tướng tốt đẹp đoan nghiêm. Sau khi thức giấc, sư cô phát tâm cầu thọ giới Bồ Tát. Lúc vào đàn giới, trong phút chốc, cô bỗng thấy trời đất đều thành sắc hoàng kim chói sáng rực rỡ. Ngày nọ, sư cô cùng đại chúng lễ Phật Vô Lượng Thọ, rồi cúi mọp xuống đất không ngược lên. Thấy lâu, một vị tỳ kheo ni sẽ đưa chân di động có ý cảnh giác. Sau thời lễ, chúng hỏi duyên cớ, Sư cô đáp: "Đang lúc tôi cúi xuống, bỗng thấy mình đến cõi Cực Lạc. Đức A Di Đà vì nói kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã, tôi đã nghe được bốn quyển. Thành linh bị cảnh giác, thẳng tướng tan mất, thật rất lấy làm tiếc!".

Niên hiệu Nguyên Gia thứ mười bốn, Huệ Mộc vẫn còn, lúc ấy đã được sáu mươi chín tuổi. Không rõ chung cuộc như thế nào, nhưng chắc chắn sư cô sẽ được vãng sanh.

CHÂN TỊNH

Tỳ kheo ni Chân Tịnh, người đời Đường, thường ở chùa Tích Thiện tại Trường An. Càng lớn tuổi, sư bà càng giữ giới hạnh tinh nghiêm, hằng mặc nạp y hoại sắc đi khất thực. Về phần tu hành, sư bà niệm Phật rất tinh tấn, tụng kinh Kim Cang được mười vạn quyển.

Trước khi lâm chung, sư bà gọi hàng đệ tử bảo: "Trong vòng năm tháng nay, ta đã mười phen thấy Phật, hai lượt thấy đồng tử chơi đùa trên hoa sen báu. Hiện tại ta được vãng sanh ở ngôi thượng phẩm!". Nói xong ngôi kiết già mà hóa, ánh tường quang rực rỡ khắp chùa.

CHÂU CẨM

Tỳ kheo ni Châu Cẩm, tự Thái Tô, họ Thang, người ở Hàng Châu. Lúc còn tại tục, cô được gả về bên chồng là Trầm giáo thọ, tức sau này là Liên Trì đại sư vậy.

Khi Trầm giáo thọ xuất gia, cô mới mười chín tuổi. Có người thấy niên canh hãy còn quá trẻ, khuyên cô ngăn cản đừng cho chồng xuất gia tu hành. Cô đáp: "Không nghe y thường nói: "Sống chết luân hồi là việc lớn" hay sao? Nếu tôi ngăn trở là đưa y vào đường lầm lạc, việc ấy không nên làm!".

Về sau đến năm bốn mươi bảy tuổi, Châu Cẩm cũng xuất gia. Sau khi thọ đại giới, cô giữ hạnh luật trang nghiêm, siêng tu tịnh nghiệp. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai đời Minh, Châu Cẩm cảm bệnh. Trước giờ lâm chung, sư bà bỗng gọi thị giả bảo: "Kinh nói: Khi sắp chết chí tâm xưng hồng danh mười niệm, sẽ được vãng sanh. Hãy mau đỡ ta dậy!". Sau khi đã ngôi kiết già đoan chính, liền chấp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa. Lúc ấy sư bà đang trụ tại am Hiếu Nghĩa, thọ được 67 tuổi.

QUẢNG GIÁC

Tỳ kheo ni Quảng Giác, họ Cũng, quê ở quận Sùng Minh tại Tô Châu. Năm 12 tuổi, căn lành sớm phát, cô đã trường trai, tụng kinh trì chú và lễ Phật rất tinh cần. Vừa tới tuổi cập kê, nhiều nơi dạm hỏi, nhưng cô thề quyết không lập gia đình. Đến 28 tuổi, cô sang Hàng Châu nương theo thầy là ni sư Thái Tổ ở am Hiếu Nghĩa, xuống tóc xuất gia tu hành.

Từ đó, cô giữ giới hạnh trang nghiêm, siêng năng tu tập. Tuy thể chất vẫn yếu, nhưng sư cô chí tâm khắc khổ chuyên tu chẳng nài mỏi nhọc. Mấy năm sau cô lâm bệnh, liền khước từ thuốc thang, một lòng niệm Phật chờ chết. Bệnh càng nặng chỉ còn hơi thở mong manh, sư cô vẫn động môi trì niệm mãi không thôi. Được vài hôm sau, Quảng Giác bỗng gắng gượng ngồi dậy, xây mặt về Tây, gọi người đem tượng tiếp dẫn đở phía trước, rồi chấp tay chú tâm nhìn quán niệm. Kế đó, lại bảo đem nước đến, rửa tay lau mặt, thay áo sạch, đối trước Phật cầm chuỗi nhắm mắt như vào thiên định. Chúng đồng bạn sợ té ngã, lấy gối đở kèm hai bên, rồi vây quanh niệm Phật, sư cô mở mắt ra, khoát tay bảo: "Không cần phải kèm gối, tôi tự có chủ trương, chẳng dám làm phiền nhọc đến đại chúng!". Rồi ngồi niệm Phật nho nhỏ suốt hai ngày đêm, đến hơi thở mòn lặn, lặng lẽ mà thoát hóa.

Lúc ấy nhằm ngày mùng 7 tháng 2, năm Vạn Lịch thứ 39. Sư cô được 33 tuổi.

THÀNH TỊNH

Tỳ kheo ni Thành Tịnh, tự Thật Tu, người đời Minh, quê ở Đông Cương tại Quảng Châu.

Từ thuở bé, cô đã phát tâm giữ gìn trai giới. Khi xuất gia thọ cụ túc xong, sư cô thường tụng chú Đại Bi và niệm Phật không lúc nào biếng trễ. Sau lại cùng hàng Phật tử tu công đức tạo tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quán Thế Âm bằng gỗ chiên đàn. Tượng hoàn thành, vài năm sau sư cô cảm bệnh nhẹ, dự biết giờ lâm chung, bảo đồ chúng rằng: "Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiện thân đến tiếp dẫn. Thầy sắp đi đây!".

Nói xong chấp tay niệm Phật, nhắm mắt mà vãng sanh.

TRIỀU ÂM

Tỳ kheo ni Triều Âm, họ Kim, người đời Thanh, quê ở Tô Châu huyện Thường Thục. Khi còn tại gia, cô được cha mẹ gả về nhà họ Cũng. Mấy năm sau chồng mãn phần, cô sương cư giữ tiết hạnh, kế lại cùng với con trai là Đoan Ngô đồng phát tâm xuất gia. Đoan Ngô vừa xuống tóc làm tăng, Triều Âm cũng đến thành Tô Châu, lễ sư bà Chân Như cầu làm thầy thế độ.

Sau khi thọ đại giới, sư cô về quê sửa nhà cũ thành ngôi tịnh am, chuyên tâm tu hành. Ngày đêm sáu thời, người trong xóm hằng nghe tiếng cô gõ mõ niệm Phật lòng lộng. Lúc tuổi già, một hôm Triệu Âm cảm bệnh nhẹ, bảo thị giả nấu nước tắm gội xong, đắp y ngồi lâm râm trì niệm trước bàn Phật. Tối trưa bỗng nói: "Giờ vãng sanh đã đến!". Liền xếp tay kiết định ấn, ngồi ngay mà hóa. Thọ được 73 tuổi.

Lời bình:

Chư ni thuở xưa tu tịnh nghiệp vãng sanh được truyền văn, chỉ nghe biết độ vài ba mươi vị. Chẳng rõ do sự ghi chép có thiếu sót thất lạc, hay bởi phần nhiều nổi chìm theo dòng tục, mà không tự phấn chấn trên bước tu hành chẳng? Nhưng đại khái người nào tin nguyện chắc trì niệm bền, khi lâm chung đều có thoát ứng và được vãng sanh tất cả. Nơi đây chỉ ghi chép một ít vị, để làm khuôn mẫu chơn chánh cho người tu Tịnh Độ về sau.

DƯƠNG KIỆT

Cư sĩ Dương Kiệt, tự Thứ Công, người đời Tống, ở huyện Vô Vi, nên tự hiệu là Vô Vi Tử. Trong niên hiệu Nguyên Phong, ông làm quan Thái thường, ban sơ mến thích Thiền tông, hằng đến pháp hội của Thiên Y Hoài thiền sư, tham cứu về cơ ngữ của Bàng cư sĩ. Đến khi phụng chiếu đi tế ở đỉnh Thái Sơn, thấy vàng hồng mọc lên như chiếc mâm tròn rực rỡ, bỗng nhiên đại ngộ.

Cuối năm Hy Ninh, ông cư tang mẹ ở quê nhà, nhân lúc rảnh duyệt tạng kinh, liền quy hướng về Tịnh Độ. Cư sĩ vẽ tượng Phật A Di Đà cao một trượng sáu, hằng đem theo mình để quán niệm. Thuở bình sanh có những trứ thuật, phần nhiều đều chỉ đạo về Cực Lạc. Ông từng viết lời tựa trong quyển Tịnh Độ Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai như sau:

"Ái tâm chẳng nhiếp nặng, thì không sanh ở Ta Bà. Niệm Phật chẳng chuyên nhứt tất không sanh về Cực Lạc. Ta Bà là cõi ác nơ, Cực Lạc là miền đẹp sạch. Mạng sống ở Ta Bà có hạn. Thọ số ở Cực Lạc không cùng! Nơi Ta Bà đủ các sự khổ, ít có niềm vui. Miền Cực Lạc phiền khổ chẳng còn, an vui vô lượng. Ở Ta Bà theo nghiệp luân hồi, không biết lúc nào được thoát ly. Cõi Cực Lạc một khi được sanh, tất không thôi chuyên, lần lượt chứng đến quả đại giác. Nếu muốn hóa độ mười phương, tùy ý tự tại, không còn bị nghiệp buộc ràng. Xét qua hai cõi, các sự: ác nơ, đẹp sạch, phiền khổ, an vui, mạng sống ngắn ngủi, thọ số dài lâu, mãi luân hồi, mau chứng ngộ, đều trái khác nhau. Như thế, mà chúng sanh mê mờ không biết, há chẳng đáng thương xót lắm ru?"

Đức Di Đà là bậc nhiếp thọ tiếp dẫn ở Cực Lạc. Phật Thích Ca là vị chỉ đạo Tịnh Độ ở Ta Bà. Cho nên trong các giáo điển đại thừa của ngài, phần nhiều đều hết lời căn kẽ khuyên bảo vãng sanh. Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí theo

phụ trợ đức A Di Đà, cùng nương thuyền đại nguyện vào biển luân hồi, chẳng trụ bờ bên này bên kia cùng giữa dòng, mà làm việc tế độ. Cho nên kinh A Di Đà nói: "Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào, nghe nói Phật A Di Đà, niệm giữ danh hiệu, hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn. Kẻ đó đến lúc mạng chung, được Phật A Di Đà cùng các Thánh chúng hiện ra ở trước. Người ấy khi mạng chung lòng không điên đảo liền được vãng sanh về cõi nước Cực Lạc của Phật A Di Đà!". Kinh Vô Lượng Thọ cũng bảo: "Chúng sanh ở mười phương nghe danh hiệu ta, trông các cõi đức, hết lòng hồi hướng muốn sanh về nước ta, nếu chẳng được vãng sanh, ta thề không thành Chánh giác!". Cho nên khi xưa ở viện Vô Thường tại Kỳ Hoàn tinh xá, Phật dạy người bệnh nằm day mặt hướng phương Tây, tưởng sanh về Tịnh Độ. Tại sao thế? Bởi đức A Di Đà phóng ánh sáng soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không bỏ sót. Vì thánh phàm đồng một tâm thể, nên cơ cảm hợp nhau, có niệm tất có ứng. Cho nên chúng sanh trong tâm chư Phật, nếu biết quay về, mỗi niệm đều là Tịnh Độ. Chư Phật trong tâm chúng sanh, ánh linh soi khắp, mỗi chỗ đều là từ bi.

Lấy đây mà xét: người trí tuệ dễ vãng sanh, vì dứt trừ nghi hoặc. Người thiên định dễ vãng sanh, vì lòng không tán loạn. Người trì giới dễ vãng sanh, vì xa các nhiễm ô. Người bố thí dễ vãng sanh vì xả bỏ của trần. Người nhân

nhục dễ vãng sanh vì không cư mang oán hận. Người tinh tấn dễ vãng sanh, vì mau thành tựu tịnh niệm. Người không tạo thiện không tạo ác cũng dễ vãng sanh, vì một lòng quy hướng thuần nhất. Người làm các điều ác, nghiệp báo đã hiện, cũng dễ vãng sanh, nếu biết thẹn sợ mà niệm Phật. Trái lại, kẻ tuy tạo các công đức lành, nếu không có lòng tin nguyện hồi hướng, tất không được vãng sanh vậy!

Ôi! Hiệu Di Đà rất dễ niệm, cõi Tịnh Độ rất dễ sanh! Chúng sanh không muốn niệm, không cầu sanh, Phật dù xót thương cũng chẳng biết làm sao được? Và chẳng: tạo ác nghiệp đọa đường khổ, niệm Di Đà sanh cõi vui, hai điều ấy đều là lời Phật dạy. Chúng sanh chỉ lo sợ đọa địa ngục, mà nghi ngờ sự vãng sanh, há cũng chẳng mê lầm ư?

Trong năm Nguyên Hựu, ông làm quan Đề hình tại Lương Triết, rồi mãn phần ở đó. Khi lâm chung, nói kệ rằng:

Sống vẫn không chi luyến,
Thác cũng không chi xả.
Giữa khoảng thái hư không,
Mặc chi hồ giả dã!
Đem làm đến sai khác,
Cõi Tây phương Cực Lạc!

Trước đó, quan Hữu tư tham quân là Vương Trọng Hồi, người lân lý với Thứ Công, vẫn từng theo ông thọ học pháp môn Niệm Phật, có hỏi rằng: "Làm thế nào để được

không gián đoạn?". Ông đáp: "Sau khi đã tin chắc chẳng còn nghi, tức là không gián đoạn!". Trọng Hồi nghe nói lãnh ngộ, vui mừng khắp khởi, từ tạ ra về. Năm sau, Thứ Công làm quan ở Đơn Dương, một đêm mơ thấy Trọng Hồi đến thưa rằng: "Trước kia nhờ ngài chỉ dạy về Tịnh Độ, nay tôi đã được vãng sanh, nên đến đây tạ ân!". Nói xong đánh lễ rồi lui. Mấy hôm sau, ông được thơ cáo phó của con Vương Trọng Hồi. Trong ấy, kể rõ cha mình dự biết ngày vãng sanh, có đi khắp nhà thân hữu từ biệt. Khi Thứ Công đã mãn phần, có Kinh Dương phu nơn nằm mộng dạo chơi đến cõi Tây Phương, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm ngồi trên hoa sen, đội mão ngọc, đeo anh lạc, tà áo phát phơ theo gió nhẹ. Bà hỏi là ai, được cho biết là Vô Vi Tử Dương Kiệt.

CHUNG LY CẢN

Cư sĩ Chung Ly Cản, người đời Tống, quê ở Cối Kê. Bà mẹ là Nhậm phu nơn tinh tu Tịnh Độ, khi lâm chung khuyến tấn ông gắng niệm Phật. Chung Ly Cản từ đó cảm ngộ tu hành, nguyện mỗi ngày kiêm làm hai mươi điều thiện.

Sau ông làm quan ở Triết Tây, hằng cùng ngài Tuân Thức ở chùa Từ Vân luận về chỉ yếu vãng sanh, sự tu hành lại càng tinh tấn. Nhậm phu nơn có lưu lại tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, mà bà thường đội trên đầu để hành đạo,

cur sĩ cũng tiếp tục noi theo gương của mẹ. Một hôm khi ông đang chiêm lễ, nơi giữa đôi mày của tượng Phật bỗng tuôn ra mấy hột xá lợi.

Không bao lâu, ông được thuyên chuyển làm Tri Phủ ở Khai Phong. Đêm nọ, vào lúc canh ba, cư sĩ bỗng thức dậy gọi người nhà bảo rằng: “Mẹ ta về báo mộng, bảo giờ vãng sanh đã đến. Đoạn, ông dạy nấu nước tắm gội, thay y phục, ngồi kiết già niệm Phật mà qua đời. Trước đó một ngày, cả nhà đều nằm mộng thấy Chung Ly Cản ngồi trên hoa sen xanh, nhạc trời vi nhiễu, nường nơi hư không mà bay về Tây.

Sau khi cư sĩ mãn phần, con ông là Cảnh Dung làm quan đến chức Triều Thỉnh đại phu, cũng thường tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, tu niệm Phật tam muội. Không bao lâu, Cảnh Dung từ quan, về cát am tranh ở nơi vườn Đông tu niệm. Ông từng nói kệ rằng:

Biết được Di Đà, A Di Đà, A Di Đà!

Không biết Di Đà, làm sao mà, làm sao mà?

Không biết Di Đà, Di Đà ngoài phương Tây xa,

Biết được Di Đà, Di Đà chỉ tại nhà ta!

Một đêm, Cảnh Dung thỉnh vị tăng là Diệu Ứng tụng phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Ông ngồi nghe xong, khi cây hương vừa tàn, ông bái biệt từ giã rồi hai tay kiết ấn mà hóa.

Cháu nội của Chung Ly Cận là Tôn Tùng, ngụ ở Tô Châu, cùng Bảo Tích đại sư kết liên xã niệm Phật. Sau Tôn Tùng cũng không bịnh, ngòai kiết già hướng về Tây chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

MÃ VU

Cư sĩ Mã Vu, tự Trọng Ngọc, người đời Tống, quê ở Lư Châu, huyện Hiệp Phi. Cha ông là Trung túc công Mã Lượng, khi còn làm quan ở Hàng Châu, từng được Từ Vân sám chủ truyền dạy cho pháp môn Tịnh Độ. Nhân đó cả nhà đều thờ Phật.

Trong năm Nguyên Phong, Mã Vu gặp vị tăng là Quảng Sơ trao cho quyển Thiên Thai Nghi Luận, xem xong mừng bảo: “Nay ta tìm được lối về rồi!”. Từ đó hơn hai mươi năm, ông tu theo pháp Thập niệm hồi hướng. Sau lại được duyên tới lui thân cận cùng cư sĩ Vương Cổ, sự niệm Phật càng tin tấn. Ông lần lượt làm quan trải qua mấy nơi: Truy Châu, Tân Định, hằng dùng đức từ huệ trị dân. Mỗi ngày cư sĩ đều tụng kinh chú và niệm Phật, lấy làm thường khóa. Ngoài ra hằng tu phóng sanh bố thí dùng để trợ hạnh.

Bấy giờ, Kinh Dương phu nhơn, mộng đến cảnh Liên Trì, thấy một vị thân tướng đoan nghiêm, hỏi biết là Dương Kiệt; một vị nữa mặc triều phục ngồi trên hoa sen, hỏi ra là Mã Vu. Lúc ấy Dương Kiệt đã vãng sanh, Mã Vu

hãy còn khỏe mạnh. Trong niên hiệu Sùng Ninh năm đầu, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật mà hóa. Khi đó người nhà đều thấy có vàng khói mây như chiếc lọng xanh, bay thẳng lên hư không mà đi. Đêm kế, toàn gia hơn mười người đồng nằm mơ thấy Mã Vu về nói: "Ta đã được sanh ngôi Thượng phẩm ở Tịnh Độ!".

Mùa thu năm ấy, có đứa trẻ gái trong nhà cũng nằm bệnh niệm Phật mà vắng sanh. Con của cư sĩ là Mã Vĩnh Dật tu theo môn Thập lục quán và Thập niệm pháp hơn ba mươi năm. Sau Vĩnh Dật thọ bệnh, thấy Phật A Di Đà và hai vị Bồ Tát đến tiếp dẫn, ngồi ngay kiết ấn mà qua đời. Lúc ấy, hương thơm ngào ngạt đầy nhà. Khi tàn liệm xong, trên linh cữu mọc lên hoa lạ năm sắc rực rỡ.

VƯƠNG CỔ

Cư sĩ Vương Cổ, tự Mẫn Trọng, người đời Tống, ở Đông Đô, nguyên là tăng tôn của quan Tướng quốc Vương Văn Đáng. Gia tộc bảy đời đã giữ giới bất sát, đến phiên cư sĩ lại phát tâm phóng sanh một trăm muôn vật mạng.

Khi ông làm quan ở Giang Tây, từng cùng các bậc lão sư như: Hối Đường, Dương Kỳ nghiên tập về Thiên tông. Cư sĩ có trứ tác quyển Trục Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, hoằng dương môn Niệm Phật. Lúc rồi rảnh, tràng chuỗi chẳng rời tay, đi đứng nằm ngồi hằng tu tịnh quán không

xen nghĩ. Ông có viết bài tựa quyển Tịnh Độ Bảo Châu Tập như sau:

"Chúng sanh tâm tịnh, thì cõi Phật tịnh, Pháp tánh vô sanh mà vẫn hằng sanh. Nay có đức Thế Tôn, hiện ở cõi Cực Lạc. Phật đó đang thuyết pháp, hiệu là A Di Đà. Nơi quốc độ ấy, duyên thắng màu đẹp, kiếp thọ lâu dài. Vị hóa chủ kia, bi nguyện rộng sâu, tiếp dẫn quần loại. Đức Phật ánh sáng vô biên, nhiếp thọ mười phương hàm thức. Cảnh trí nhiệm màu đẹp sạch, trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn! Lưới châu giăng sáng giữa hư không, cây báu bày hàng trên mặt đất. Nước ao hàm tám đức, sen ngọc phóng muôn màu. Sáu thời nghe thiên nhạc thanh tho, ức cõi đem diệu hoa rải cúng. Chư Phật sáu phương đồng khen ngợi, chúng sanh mười cõi niệm nguyện nương về. Hàm thức trong tâm vô lượng, niệm niệm vắng sanh. Di Đà nơi tâm chúng sanh, hằng hằng nhiếp hóa. Chát gỏi hoa sen, không lìa đương xứ. Thần chơi cõi tịnh, chẳng ngoại tự tâm. Như gương hàm muôn tượng, mà không có đến đi. Tợ trăng ẩn ngàn sông, đâu phải là lên xuống! Pháp độ cơ viên đốn, đều là bậc Bồ xứ nhất sanh. Cửa mở nẻo quyền thừa, bày sắp lớp Liên hoa cứu phẩm. Niệm Vô Lượng Quang trong bản tánh, xưa nay không niệm. Sanh An Dưỡng quốc của duy tâm, vốn thật chẳng sanh. Thoát vòng mê khổ, mười niệm siêu đến cảnh Liên Trì. Về cõi chân như, ba thừa kết chúng ngôi Diệu giác. Đá to nhờ chuyên chở mà khỏi bị

đắm chìm. Thuyền nhẹ thuận nước buồm, tất không điều trở ngại. Lúc mê mờ, đường tuy gần mà xa. Khi tỏ ngộ, nẻo không xa chẳng cách.

Thương ôi! Những kẻ học ít chương nhiều, nghi sâu huệ cạn, hoặc bài bác niệm Phật cho là môn quyền tiểu, hoặc mê mờ Tịnh Độ chẳng rõ có hay không? Họ đâu biết rằng: chê niệm Phật là chê chư Tổ Vĩnh Minh, Trí Giả; bác Tịnh Độ là bác đại sĩ Long Thọ, Mã Minh! Những người ấy, không tin mình sẽ được thọ ký Bồ đề, không chịu trở lại quê hương xưa bản giác. Thế rồi thân chim lồng cá chậu, vẫn mê mãi nhớn nhơ; kiếp được gió bóng câu, làm tưởng mơ bèn bĩ. Báo thân khi mãn, còn đâu là cuộc vui trần. Luân chuyển không cùng, uổng chịu vào nơi khổ thú! Đâu nghĩ đến: đáng Giác hoàng khuyên dạy, giọng kim khẩu hết lời. Mà để được: bạn Thánh hiền trong sát na, đủ tướng hảo trong khoảnh khắc. Trước thọ lạc xa lìa ngũ trược, sau bị tăng cứu vớt tam đồ. Việc này mà thờ ơ, thật là đáng thương xót!".

Triều vua Huy Tôn, ông làm quan Hộ bộ Thị lang, bị vu cáo mất chức, kể đó niệm Phật mà thoát hóa. Một vị tăng thần thức dạo chơi Tịnh Độ, thấy có Vương Cổ cùng Cát Phiền đồng ngồi nơi hoa sen. Cát Phiền người ở Trùng Giang, làm quan đến chức Triều Tán đại phu. Khi tại công thự hoặc tư gia, ông đều để một gian tịnh thất riêng thờ Phật. Một hôm đang lúc lễ tụng, xá lợi từ hư không rơi

xuống. Sau ông không bệnh, ngồi ngay thẳng day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời.

HỒ YÊN

Cư sĩ Hồ Yên, tự Đạt Phu, quê ở Tiền Đường. Đời Tống, ông làm quan Tuyên nghĩa lang. Lúc lớn tuổi trí sĩ, thường cùng Thanh Chiếu luật sư tới lui tham luận về đạo lý.

Một hôm ông cảm bệnh, sai con mời ngài Thanh Chiếu đến. Khi luật sư tới thăm, có nhắc nhở rằng: "Bình sanh Đại phu đã cùng Huệ Hanh này thân cận nhau, há chẳng rõ một việc lớn sau rốt đó ư?". Hồ Yên nói: "Có phải là tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh chăng?". Thanh Chiếu bảo: "Trong tất cả thời, cư sĩ đã được không một niệm nhiễm ô chưa?". Ông đáp: "Chưa được!". Luật sư nói: "Nhu thế thì đâu có thể luận đến việc tâm thanh tịnh cõi Phật thanh tịnh!". Hồ Yên hỏi: "Kinh nói: Xưng một câu A Di Đà Phật, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sanh tử, là thế nào?". Thanh Chiếu đáp: "Đức A Di Đà có thế nguyện sâu, oai đức lớn, phước huệ ánh sáng và thần lực đều không thể nghĩ bàn! Do đó nên khi xưng danh hiệu ngài, tội chướng tự tiêu. Như vàng nhứt rạng chiếu giữa trời, tuyết sương đâu còn nữa! "

Hồ Yên nghe nói cảm ngộ lớn, một lòng chí thiết xưng danh hiệu Phật. Lại sai con thỉnh chư tăng đến trợ niệm.

Độ một tháng qua, cuối cùng Thanh Chiêu luật sư lại tới thăm. Cư sĩ bảo: "Ngài đến sao muộn thế?. Đã phiền hai vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí giáng lâm từ lâu rồi!". Luật sư nghe nói liền cùng chư tăng xung danh hiệu Phật trợ niệm. Được một lúc, cư sĩ an nhiên mà qua đời.

NGÔ BÌNH TÍN

Cư sĩ Ngô Bình, tự Tử Tài, người đời Tống, quê ở Minh Châu. Trong năm Thiệu Hưng, ông làm quan tại triều, đối nghịch với Thừa tướng Tần Cối, bị biếm truất, bèn từ chức về cát ngôi tĩnh am ở phía Nam đô thành để tu dưỡng.

Từ đó, cư sĩ gác bỏ mọi việc, hôm sớm khi thì lễ Phật tụng kinh, lúc lại ngồi yên tĩnh niệm. Ông sắm sẵn một chiếc quan tài, ban đêm sau thời khóa tụng, lại vào đó nằm, để nhớ rằng mình là người sắp chết mà chí tâm tu niệm. Cư sĩ có đặt lời ca, cắt phạt sự cho một đồng tử y theo đó mà gọi mình thức dậy. Mỗi tinh sương cứ đến canh năm, đồng tử tới gõ vào quan tài, ca lên rằng:

Ông Ngô Bình Tín,

Tĩnh mộng về ngay!

Ba cõi không yên chẳng nên ở,

Tây phương Cực Lạc có liên đài!

Ông Ngô Bình Tín,

Tĩnh mộng về ngay!

Nghe gọi, cư sĩ liền thức dậy tụng niệm. Khi Tần Cối chết vua xuống chỉ triệu ông làm quan Lễ bộ thị lang, kế đó cải nhiệm sang trấn Thường Châu. Đến năm thứ 26 đương triều, lại bị triệu về kinh. Khi xe đến nhà trạm tại Túc Sơn, cả đoàn tạm dừng nghỉ. Giây phút, gia nhơn và kẻ tùy tùng bỗng nghe tiếng nhã nhạc du dương trên trời. Ông nhìn quanh bảo: “Ta vốn ở cõi thanh tịnh, vì sai một niệm lạc đến nơi này. Đài vàng đã chờ đón giữa hư không, ta sắp đi đây!”. Nói xong chấp tay niệm Phật mà hóa.

LỤC NGOẠN

Cư sĩ Lục Ngoạn, tự Tử Ngươn, người ở Cối Kê, huyện Sơn Âm. Ông từng làm quan tại triều tới chức Thái phủ tự thừa, sau do lời sàm tấu của kẻ ganh ghét, đắc tội bị thuyên chuyển trấn nhậm bên ngoài.

Lúc lớn tuổi, Lục Ngoạn xin trí sĩ, về cất nhà bên dòng suối Hoàn Khê tại Minh Châu, thường tụng Kinh Pháp Hoa. Mỗi sáng sớm, ông thức dậy bảo nấu nước tắm gội sạch sẽ, rồi thay y phục, đốt hương lễ Phật, trước tiên đọc bài kệ rằng:

**Sáng sớm rửa tay sắp chuyển kinh,
Chẳng cầu phước lợi, khỏi tai tinh.
Duyên đời đáng dứt thì cho dứt,
Nhà lửa phù sinh tạm múa hình!**

Kế đó, giở kinh ra tụng, tiếng không hưỡn không gáp, liên tiếp như tràng chuỗi, mỗi ngày xong một bộ. Như thế giữ bền đến ba mươi năm. Khi được tám chục tuổi, mỗi ngày tụng tăng lên ba bộ kinh Pháp Hoa, lại kiêm niệm Phật, quyết chí cầu về Tây Phương. Đến tám mươi lăm tuổi, một hôm ông ốm gọi thay y phục, ngồi niệm Phật mà hóa. Lúc ấy từ mũi miệng đều bay ra hương sen thơm bát ngát, trọn ngày mới dứt. Bảy giờ nhằm niên hiệu Thiệu Hy thứ năm đời Tống.

TIẾNG GỌI VÔ THƯỜNG

XUÂN KHÚC

Mưa xuân phới nhẹ, khí xuân hòa,
Liều biếc đào hồng sắc thắm khoe.
 Bướm tím bay vờ vẩn,
 Ong vàng gọi nhẩn nhe!
 Cách mái hoàng oanh hót,
 Bên rừng du khách mơ!
Xuân có lúc tàn, người sẽ côi!
Sớm chày rồi đến chớ thờ ơ!

HẠ KHÚC

Tiết hạ hồ Tây sen nở hoa,
Nở theo hỏa lựu sáng bên nhà!
 Gió sớm hây hây thổi,

Mưa chiều đậm đậm sa!
Sáng tối mau như thoáng,
Trẻ thơ mấy lúc già.

Cảnh vật, thân người thay đổi mãi,
Bến thuyền giải thoát kíp sang qua.

THU KHÚC

Thu đến trời quang cảnh sắc thanh,
Mây nhàn lơ lửng dãy non xanh.

Bóng nhạt về quê cũ,
Hơi quyên gọi cuối cành.
Rừng lau ngời bạc trắng,
Khóm cúc nụ vàng anh.

Tiết muộn khuyên người trong cảnh muộn,
Quay đầu tỉnh mộng thoát mê thành!

ĐÔNG KHÚC

Gió đông vi vút, khí đông hàn,
Muôn dặm rừng cây lá rũ tàn.

Nước non màu lặng lặng,
Sương tuyết trắng mang mang.
Dẫn đôi chim nha gọi,
Lạnh lòng ông lão than!

Thời tiết chuyên xoay người cũng thế,
Sanh, già, bệnh, chết sớm lo toan!

TRẦN TOẢN

Cư sĩ Trần Toản, tự Đình Lỏa, người ở Giang Nam, xứ Thường Thục. Ông đỗ Tiến sĩ vào năm Gia Tĩnh thứ ba mươi lăm đời Minh, làm quan Hình khoa cấp sự trung. Sau do thẳng lời can gián, bị bãi chức.

Về nhà, ông một lòng tu tịnh nghiệp, sớm hôm siêng cần tụng niệm. Ngày nọ, có vị thiên khách đến thăm, quả rằng: “Ông không nghe đức Lục Tổ Huệ Năng luận về lý bình đẳng của duy tâm Tịnh Độ đó ư? Tại sao lại còn chán cảnh nhơ cầu cảnh sạch như thế?”. Cư sĩ đáp: “Lý duy tâm Tịnh Độ tuy thốt lời từ Lục Tổ, nhưng không phải ngài nói ra trước tiên. Khi xưa Đức Thích Tôn cũng đã từng bảo: - Tâm này làm Phật, thì tâm này chính là Phật. Lục Tổ sợ người đời đem tâm không thanh tịnh mà cầu Tịnh Độ, nên mới nói lời ấy, chớ chẳng phải quốc độ không có cõi nhơ và sạch đâu! Vả lại chỗ đáng ưa thích của cõi Cực Lạc, chẳng phải chỉ có mưa hoa lầu ngọc, sen nở ao quỳnh, chim nói pháp âm, lưới châu reo nhạc, mà còn bạn cùng Thánh Hiền ngao du học đạo. Trên được Phật, Bồ Tát phóng quang gia bị, thọ số trái vô lượng kiếp, mau chứng Vô sanh pháp nhẫn, sớm thành tựu đạo Bồ Đề. Rồi khởi lòng bi nguyện hiện thân trong vô biên cõi nước, độ vô số chúng sanh. Đó mới thật là điều đáng vui ưa vậy! Ngài dùng môn thiên của ngài ưa cõi nhơ, tôi lại dùng môn thiên của tôi thích cõi sạch. Về thiên thì không phân biệt ngài và

tôi, về ưa thì không thật có như cùng sạch. Cho nên, ngài không có lý chi để chê trách tôi được”.

Đầu năm Long Khánh, ông được triệu về kinh giữ chức Lại khoa. Trong niên hiệu Vạn Lịch, thăng đến chức Hình bộ thị lang. Tháng bảy năm thứ mười sáu niên hiệu ấy, ông cảm bệnh. Theo lệ các quan Cố sự đại thần ở kinh sư từ tam phẩm trở lên, vào mùa nắng mỗi ngày vua có ân tứ cho một khối băng to để thanh lương. Khi đem khối băng để trước giường ông, người nhà cùng kẻ hầu cận đều thấy trong ấy nổi lên tháp báu bảy tầng, cửa ngọc linh lung, xung quanh có câu lơ bao bọc. Giây phút băng lần tiêu, bóng tháp lần nhỏ. Khi băng tan tháp mất, xem lại thì cư sĩ đã qua đời.

Chuyện lạ này được người ở kinh đô truyền tụng một thời.

NGU THUẦN HY

Cư sĩ Ngu Thuần Hy, tự Trưởng Nhu, người ở Tiên Đường, lúc mới sanh ra nằm giữa tỉnh táo không nhắm mắt. Khi lên ba tuổi, miệng niệm Phật chẳng ngớt, thường thấy hoa sen cây báu hiện ở trong nhà. Thuần Hy đem cảnh giới ấy thuật lại, thì bà nội bảo: "Đó là tướng đẹp lành ở Tây Phương!". Rồi nhân đó bà dạy cho tập định. Từ đấy ông thường ngồi kiết già ngay thẳng, sụp đôi mi mắt. Em là Thuần Trinh, tự Tăng Nhu, cũng có căn lành Phật

pháp, lúc tuổi trẻ cùng ông rất tương đắc. Khi thọ tang mẹ, cả hai đồng tu pháp Thiên Thai Chỉ Quán.

Lớn lên, Thuần Hy làm thầy dạy trẻ trong làng, thường chỉ bảo học trò tập môn Tỷ quán. Việc này làm cho người chủ nhà trọ bất mãn, nhưng ông chẳng mấy để tâm. Kế đó đỗ kỳ thi Hương, rồi dời đến Tỷ sơn dạy học. Ông từng cùng bạn đồng xã tụng Lương Hoàng Sám, cảm mây lành đoanh trong nhà, ánh sáng lạ chiếu vào thất, cam lộ rơi phơi phới ướt vách, trời mưa xuống lúa vàng nếp đen cùng hương trầm thủy. Lúc ấy đang tiết đông mà trăm hoa đều đua nở xung quanh. Thuần Hy cảm điềm linh dị, tu tập định lực càng bền chắc, nên có thể dự biết trước mọi việc. Vân Thê đại sư nghe được chuyện ấy, răn nhắc rằng:

-Đó chỉ là cảnh giới lành tạm hiện, nếu tự cho là chứng đắc, tất sẽ lạc vào lưới ma?

Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, vì tang cha, về cát lều bên mộ thủ hiếu ba năm. Nhân dịp rảnh, lại đến thọ quy giới cùng ngài Vân Thê. Lúc ở nhà mộ gần núi, mỗi ngày ông đều đem cơm canh thí cho loài nai thỏ, có hồ báo đến liền thét quở đuổi đi. Khi mãn tang, cư sĩ tỵ chức, làm quan Phương ty chủ sự. Không bao lâu, lại xin cáo thối, lên non Thiên Mục ngồi trước tử quan của Cao Phong Diệu thiên sư thuở xưa, ngày đêm tham thiền. Đến ngày thứ hai mươi một, trong người mệt mỏi vừa muốn tạm nằm nghỉ, chợt như mơ thấy Cao Phong

Đại sư chém đứt cánh tay trái, bỗng rỗng rang đại ngộ. Ông đem cánh giới ấy cầu chúng với ngài Vân Thê. Đại sư bảo:

-Phàm người mới thức tỉnh, nếu không chỗi dậy chải gỡ bụi khăn, mà còn nằm yên trong chần gối, tất trở lại mơ màng. Kẻ mới ngộ đạo cũng thế, nếu chẳng gắng tự trang nghiêm, mà còn gàn nơi uế trược, tất sẽ mê trở lại. Măng non dễ bị bẻ gãy, hoa sen gàn lửa dễ bị héo. Ông phải tự lo liệu, chớ vì được một điểm ánh sáng nhỏ, mà làm trở ngại sự tiến tu của mình!

Nhân đó, đại sư khuyên cư sĩ nên niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ, để nối tiếp nhân lành đời trước. Thuần Hy lễ tạ, nguyện trọn đời tuân hành.

Có kẻ đến chơi, bảo mình không tin sự niệm Phật. Cư sĩ nói:

-Giác ngộ mình, giác ngộ người, hạnh giác ngộ đầy đủ, gọi là Phật. Niệm Phật, chính là niệm giác ngộ vậy. Mỗi niệm không thường giác ngộ, mà dễ thường mê, như thế có nên chăng! Chim đỗ nơi gò nông cây cao, người ở trong xóm làng đất nước. Không đậu nơi đất lạnh, mà ở nơi chẳng lạnh, như thế có nên chăng? Sự niệm Phật và cầu về Cực Lạc, chính là đi đến chỗ giác ngộ cùng sanh nơi đất lành để bảo đảm sự giác ngộ đó vậy!

Kẻ ấy như chợt tỉnh, bái tạ ân cần hỏi về cách thức niệm Phật. Cư sĩ đáp:

-Trong mỗi câu hồng danh phải đề tỉnh chánh niệm, cứ giữ tiếp tục như thế mà thôi. Bởi trăm ngàn phương tiện, cũng chỉ ở một chữ "giác". Nếu cứ giữ mỗi niệm A Di Đà, tức Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, thì làm sao chẳng vào được tri kiến của Phật? Người học đạo chính vì cầu thoát ly sự sống chết luân hồi. Nếu mỗi niệm cứ giữ như thế, thì làm sao không thoát ly được?

Không bao lâu, ông lại được triệu giữ chức Chủ khách ty viên ngoại lang. Kế đó cải tiến lên chức Tư huân. Nhưng được một lúc cư sĩ cũng lại xin về, cùng em là Thuận Trinh ẩn dật di dưỡng tánh tình, ngao du sơn thủy. Bảy giờ ngài Vân Thê đang giảng kinh Viên Giác ở Nam Bình. Đại sư xưng lập Phóng Sanh Xã, quyên tiền đào Vạn Công Trì. Hàng tăng tục vài muôn người đều nường về hiệp trợ, tiếng tụng kinh niệm Phật vang dội núi rừng. Anh em Thuận Hy có công lớn trong việc xưng suất số đông hàng danh nho thanh sĩ, tham dự pháp hội ấy. Kết cuộc công thành, đào được ba đầm phóng sanh có bờ đê ngăn giữ và cất được nhiều nhà gác, để thả các loài chim cá.

Xong mọi việc, Thuận Hy vào ẩn trong núi Nam Bình. Thuận Trinh cũng ẩn cư nơi non Linh Thú. Hai anh em quyết dùng khoảng đời dư thừa, chuyên niệm Phật để thành tựu sự vắng sanh không còn xuất hiện nữa.

THÁI THỪA TRỰC

Cư sĩ Thái Thừa Trực, tự Hòe Đình, người ở Nhu huyện, tỉnh Hồ Quảng. Ông tánh tình cô tịch, hằng lợt lạt với lợi danh. Khi tuổi hơn hai mươi, đã biết trường trai thờ Phật. Cư sĩ thường tụng kinh Tam Thiên Phật Danh, mỗi ngày ghi nhớ ba danh hiệu, đến ba năm đã thuộc lòng tất cả, trọn đời không quên.

Năm Vạn Lịch thứ mười một đời Minh, ông đỗ Tiến sĩ, được bổ làm Thái thú tại Thiệu Hưng. Tuy ở chức quan, nhưng mỗi ngày cư sĩ vẫn tụng vài quyển Kim Cang Bát Nhã. Trong tịnh thất không chứa đồ vật chi quý, chỉ có lò hương bàn kinh mà thôi. Ông từng trùng tu chùa Cổ Lăng Nghiêm, cảm dân gian sát sanh tế thần. Lúc rảnh rỗi, thường đến hỏi Phật pháp nơi ngài Vân Thê và chuyên tu Niệm Phật tam muội. Sau lần được thăng đến chức Thái thường tự khanh, rồi dâng sớ xin về hưu dưỡng.

Lúc lớn tuổi, cư sĩ cất ngôi thảo am, để làm cơ sở cho hội Niệm Phật, dẫn dắt hàng nông công ở thôn quê đồng hội hướng về Tịnh Độ. Ông có làm bài kệ từ tạ kẻ thăm viếng như sau:

**Lữ khách nhớ quê An Dưỡng,
Hủ nho ngự bến sông Tương.
Chẳng quản nay mai đặc thất,
Chỉ chờ tin tức Tây Phương.
Thất nhỏ tùy duyên tạm ở,**

**Canh rau đạm bạc quen thường.
Trâu ngựa mặc ai chê gọi,
Nơi lòng tuyệt niệm ghét thương!**

Mấy năm suy yếu sắp mãn phần, ông tự hiệu là Bất Cử đạo nhơn. Đến lúc vương bệnh, cư sĩ bảo người nhà vớng mình tới chùa, thỉnh chư tăng làm lễ xuống tóc. Khi về tới ngọ thất, ông thấy Thánh chúng bung đài bạc đến tiếp dẫn, liền chấp tay liên tiếp xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, rồi qua đời. Cư sĩ có soạn mấy quyển Tịnh Độ Thi và Nhân Quả Tập, được lưu hành ở đời.

VIÊN HOẰNG ĐẠO

Viên Hoằng Đạo, tự Trung Lang, hiệu Thạch Đầu cư sĩ, người ở huyện Công An, tỉnh Hồ Bắc. Anh là Tông Đạo, tự Bá Tu, hiệu Hương Quang cư sĩ. Em là Trung Đạo, tự Tiểu Tu, hiệu Thượng Sanh cư sĩ. Ba anh em đồng một mẹ, lúc thiếu thời đều nổi tiếng văn tài, lớn lên cùng ưa thích Thiên tông. Trong niên hiệu Vạn Lịch đời Minh, ba anh em trước sau lần lượt đều đỗ Tiến sĩ. Bá Tu làm quan đến chức Hữu giá tử. Tiểu Tu làm quan đến chức Lễ bộ lang trung. Sau hai anh em đều xin về quê hưu dưỡng, sớm hôm siêng cần lễ tụng.

Riêng phần Trung Lang, tức Hoằng Đạo, sau khi thi đỗ, được bổ làm Tri huyện ở Ngô Giang. Ông xử việc án tụng rất sáng, lẹ quyết đoán. Khi rảnh việc công, lại ưa ngao du

son thủy. Sau được thăng lên chức Lễ bộ chủ sự, chẳng bao lâu cáo bệnh xin về nghỉ. Cư sĩ có lập một khu vườn ở thành Nam, trồng cả muôn cây liễu xanh tốt. Khi gió thổi qua, đứng trên lầu cao, thấy ngọn liễu uốn dợn như ngàn đợt sóng, tiếng chim oanh cùng các phi cầm đua nhau kêu hót bên trong. Ông gọi cảnh trí là “Liễu lãng đầu oanh”, thường cùng các văn nhơn thiên khách du lãm trong đó, khi thì uống rượu ngâm thi, lúc lại luận bàn đạo lý. Ban sơ, cư sĩ học thiên với Lý Trác Ngô, tin giải thông suốt, biện tài không ngại. Sau tự nghiệm xét, thấy dù huyền luận dọc ngang, cũng chỉ là lời nói suông, không có lợi ích thiết thật, mới hồi hướng về Tịnh Độ, sớm hôm sám hối lễ niệm, kiêm giữ gìn giới cấm. Bá Tu và Tiểu Tu cũng đồng thời phát tâm niệm Phật. Cư sĩ tuyển trong các kinh giáo, viết ra bộ Tây Phương Hiệp Luận. Trong ấy bàn tánh tướng đến chỗ viên dung, đi sâu vào pháp môn Bất Nhị. Xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

"...Trong năm thứ Hành môn, thứ nhất là Tín tâm hạnh. Kinh nói: "Niềm tin là bước đầu vào đạo, là mẹ các công đức". Thế nên đức tin là chánh nhân của tất cả hạnh. Cho đến khi tròn mãn quả Bồ đề, cũng chỉ hoàn thành tín căn ấy mà thôi. Như mọt măng non khi thành cây tre cao vút, trước sau cũng chỉ là một gốc. Các Bồ Tát mới phát tâm, không vị nào chẳng nương nơi sức tin mà được thành tựu.

Trong Liên tông, lòng tin lại là cội gốc. Vậy phải tin như thế nào?

-Một là tin Căn bản trí và Bất động trí của Phật A Di Đà cùng mình không khác. Như khoảng thái hư, mặt trời rọi thì sáng, mây kéo che thì râm tối, nhưng hư không vẫn không có tánh sáng tối. Lại nên hiểu mặt trời cùng mây chẳng ngoài thể của hư không.

-Hai là tin Phật A Di Đà tu tập các hạnh trong vô số kiếp, làm những việc khó làm, nhẫn những điều khó nhẫn, ta cũng có thể làm được. Tại sao thế? Bởi từ trước trong vô số kiếp, khi ta bị chìm đắm ở ba ác đạo, chịu vô lượng sự khổ về thân tâm, khi thì mang lông đội sừng, lúc lại đọa nơi vạc dầu giương lửa. Những sự khổ vô ích như thế, ta đã từng trải qua và nhẫn chịu được; huống chi là muôn hạnh độ mình độ chúng sanh của Bồ Tát, ta há chẳng thể làm ư?

-Ba là tin Phật A Di Đà có vô lượng trí huệ, thần thông, thành tựu vô lượng nguyện lực cùng mọi việc, ta cũng sẽ được... Bởi trong tự tánh phương tiện của Như Lai, có đủ những việc không thể nghĩ bàn như thế. Lại bởi ta cùng Như Lai đồng một thể tự tánh thanh tịnh vậy.

-Bốn là tin Phật A Di Đà không đi không lại, ta cũng không đi không lại, cõi Cực Lạc và Ta Bà chẳng cách một đầu lông, muốn thấy liền thấy. Tại sao thế? Vì hai cõi đồng

ở trong một thể chân tâm không phân biệt kia đây. Lại vì tất cả chư Phật đều lấy pháp tánh làm thân và độ vậy.

-Năm là tin Phật A Di Đà tu hành trải qua vô lượng vô biên kiếp cho đến khi thành đạo, vẫn không lìa một sát na, ta cũng không lìa một sát na mà địa vị ngang hàng với chư Phật. Tại sao thế? Bởi thời gian là huyền hóa không thật, nhiếp về nghiệp hư vọng phân biệt. Trong biển pháp giới, tìm cái thật của nghiệp không thể được. Tin hiểu như thế là sơ tâm bước vào đạo, là tin hạnh Tịnh Độ của tất cả chư Phật.

*... Thứ ba là Lục độ hạnh. Khởi Tín Luận nói: "Bồ Tát hiểu sâu sự tu hiện tại của mình vốn lìa tướng. Vì biết thể của chân tâm lìa tham lam bôn sển, nên tùy thuận tu hành Bồ thí ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không ô nhiễm, lìa sự lỗi lầm của năm điều dục lạc, nên tùy thuận tu hành Trì giới ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không khổ, lìa phiền não giận hờn, nên tùy thuận tu hành Nhẫn nhục ba la mật. Vì biết thể của chân tâm không có tướng thân tâm, lìa sự biếng trễ, nên tùy thuận tu hành Tinh tấn ba la mật. Vì biết thể của chân tâm yên tĩnh, không tán loạn, nên tùy thuận tu hành Thiền định ba la mật. Vì biết thể của chân tâm sáng suốt, lìa vô minh, nên tùy thuận tu hành Bát nhã ba la mật". -Người tu Tịnh Độ trong một câu niệm Phật, có đủ cả sáu môn như thế. Niệm niệm xả lìa, tức là Bồ thí. Niệm niệm thanh tịnh, tức là Trì giới. Niệm niệm vắng

lặng không phân biệt kia đây, người và cảnh, tức là Nhẫn nhục. Niệm niệm nối tiếp không gián đoạn, tức là Tinh tấn. Niệm niệm qui nhứt, tức là Thiên định. Niệm niệm trong sáng, tức là Bát nhã. Sáu hành môn này đều từ câu niệm Phật mà lưu xuất, chánh và trợ không hai, sự cùng lý chẳng khác. Cho nên hạnh niệm Phật gồm tất cả hạnh, vì đó là Nhứt tâm pháp môn, vì ngoài tâm không có các hạnh vậy. Nếu bỏ các hạnh, tức là bỏ tâm, bỏ sự tức chẳng thành lý...".

Không bao lâu, Hoằng Đạo được triệu giữ lại chức cũ, lần thăng tiến đến ngôi Huân ty lang trung. Ít lúc sau cáo bệnh xin nghỉ. Về nhà chẳng mấy ngày, liền vào thành Kinh Châu ở trợ trong chùa tăng tu niệm, rồi không bệnh mà qua đời.

Trung Đạo tức Tiểu Tu, sau khi về hưu, sớm hôm tinh cần niệm Phật. Một đêm, nhằm ngày rằm tháng mười năm Giáp Dần, vào niên hiệu Vạn Lịch thứ bốn mươi hai, khi khóa tụng xong, ông tĩnh tọa, cảm biết hình thần thanh sáng. Bỗng chợt có trạng thái như vào định, thần thức vượt lên khỏi nhà, nương mây bay đi. Hai bên có hai đồng tử phò trợ, bảo: "Hãy theo chúng tôi!". Rồi đưa đi về phương Tây lẹ như chim bay. Trông chung quanh, ánh trăng vẫn sáng tỏ, gương nga lồ lộ giữa trời. Nhìn xuống dưới thấy núi, đầm, ruộng nương, thành ấp, làng xóm, nhỏ như đống đất, chén nước, chòm ong, tổ kiến. Khi sa thấp xuống một

chút, nghe mùi tanh hôi từ dưới bốc lên, liền gắng sức vượt thẳng trên cao mới cảm thấy thanh nhẹ. Lần lần bay nhanh như chớp, trải qua không bao lâu, hai đồng tử bỗng hô lên bảo: "Dừng lại!" rồi cùng đáp xuống đất.

Tiểu Tu nhìn quanh, thấy đường ngay như dây giăng, mặt đất bằng phẳng sáng chói trơn nhuận, chẳng phải chất cát đá. Dọc theo bên đường có đầm ao bề ngang rộng hơn mười trượng, thêm ao bằng bảo thạch có lẫn như viên chạm. Trong ao hoa sen năm sắc đua nhau tươi nở, thơm đẹp khác thường. Dài theo bờ ao có hàng cây sáng chói, các thứ chim lạ hòa nhau kêu thanh. Cách khoảng lại có cầu bằng vàng ngang qua ao làm ranh giới. Cầu lớn liên tiếp làm mé thành cầu. Sau hàng cây bên bờ kia, có lầu các xinh lạ khó sánh ví. Người trong lầu tướng mạo đều thanh sáng, tươi đẹp như thiên tiên, nhìn Tiểu Tu mà mỉm cười. Hai đồng tử đi mau, cư sĩ đuổi theo không kịp, vội kêu lên rằng: "Xin tạm đứng trên cầu đợi tôi một chút!". Hai đồng tử y lời, ông mới bước theo kịp, cùng tựa lan can báu của cầu tạm dừng nghỉ. Tiểu Tu vòng tay hỏi: "Xin được hân hạnh cho biết hai vị là ai? Đây là nơi nào?". Một đồng tử đáp: "Chúng tôi là thị giả của Linh Hòa tiên sanh, ngài muốn cùng ông gặp gỡ nói đôi chuyện, nên bảo đến đón tiếp". Cư sĩ lại hỏi: "Tiên sanh là bậc người thế nào?". Đáp: "Ngài chính là lệnh huynh, Viên Hoảng Đạo tỵ Trung Lang đây. Sau khi gặp mặt ông sẽ tự biết, hiện thời chúng

ta phải kíp đi đến nơi!". Nói xong cùng qua cầu theo đường tới một khu có hơn ngàn cội cây to, lá chất phỉ thúy, hoa cánh hoàng kim. Sau vùng cây có ao to rộng, qua cầu ao có cửa bằng bạch ngọc, một đồng tử đẩy cửa tiến vào trước. Đồng tử kia dẫn Tiểu Tu đi qua hơn hai mươi lớp lầu các, kim sắc chói rực rỡ, hoa linh cỏ lạ phơ phất bên thềm. Khi tới dưới tòa lầu nọ, có một vị thần thái tợ Trung Lang, mặt sáng như ngọc, áo tợ ráng mây, cao hơn trượng, bước đến đón rước, mừng rỡ bảo: "Em đã tới đó ư?" rồi dắt tay lên lầu, trên đó có bốn năm vị tướng trạng như thiên nhơn, ngồi xung quanh Trung Lang nói:

-Đây là cảnh biên địa ở Tây Phương. Những hành giả niệm Phật, tín giải chưa thành, giới châu chưa trọn, phân nhiều sanh về chốn này. Nơi đây cũng gọi là Giải Mạn Quốc (xứ của người tu còn bê trễ). Phương trên có lầu đài của Hóa Phật, trước lầu có ao to rộng hơn trăm do tuần, trong ao có sen báu.

Chúng sanh mười phương sanh về gởi chắt nơi hoa sen ấy, đúng kỳ hoa nở, chia nhau đi ở các lầu đài, cùng những bạn tu tịnh có duyên tụ hội nhau. Do không có mỹ sắc dâm thanh, nên thắng giải dễ thành, chẳng bao lâu tu tiến lên sanh vào chánh quốc ở Cực Lạc!

Tiểu Tu thầm nghĩ: "Cảnh đẹp như thế, mà hãy còn là biên địa ư?". Nhân đó hỏi: "Anh sanh về chỗ nào?", Trung Lang đáp: "Anh tịnh nguyện tuy tha thiết, song tình nhiễm

chưa dứt trừ, ban sơ sanh về nơi đây ít lâu, nay thì đã được Tịnh Độ. Nhưng do thừa gấp giới huân, nên chỉ thuộc hàng địa cư, không được cùng bậc đại sĩ ở lâu các giữa hư không, còn phải tiến tu thêm nữa. Rất may lúc còn tại Ta Bà, nhờ trí huệ mãnh lợi, anh từng soạn bộ Tây Phương Hiệp Luận, khen ngợi công đức độ sanh không thể nghĩ bàn của Như Lai nên cảm báo được bay đi tự tại, dạo chơi các quốc độ. Chư Phật nói pháp, đều được đến nghe, đây thật là điều thù thắng!"

Nói xong, nắm tay Tiểu Tu bay lên hư không, phút chốc vượt ngàn muôn dặm, rồi đáp xuống một chỗ. Nơi đây không ngày đêm nhật nguyệt, ánh sáng rực rỡ chẳng bị ngăn che. Đất lưu ly trong ngoài chói suốt, trụ đây hoàng kim thất bảo giao xen ngăn chia ranh giới. Cây đều là thứ chiên đàn, cát tường, hàng hàng đối nhau, gốc gốc trông nhau, vài muôn ngàn lớp. Mỗi mỗi lá mọc ra các hoa đẹp màu, màu sắc dị bảo. Bên dưới cây là ao báu, vô lượng đợt sóng gợn, tự nhiên phát ra tiếng pháp mâu. Đáy ao lót thuần bằng cát kim cương. Trong ao sen báu muôn màu phóng ánh sáng dị sắc. Dọc theo hàng cây bờ ao, lầu các nguy nga quanh lộn ẩn hiện, hiên thềm nhô ra, cột đỡ mái cong, cửa lớn cửa song giao chiếu, câu lơ báu doanh vây bao bọc, thấy đều đầy đủ. Xung quanh lầu các có treo vô lượng nhạc khí, tự khua động diễn các pháp âm. Những điều ghi chép trong kinh A Di Đà và Vô Lượng Thọ, so

với đây mười phần chưa được một. Ngược nhìn lên, nhiều lâu các lơ lửng giữa hư không, đẹp huyền ảo giữa những vàng mây rắng. Trung Lang bảo: "Chỗ em thấy là quang cảnh của hàng địa cư chúng sanh ở Tịnh Độ. Qua khỏi chốn này là nơi ở của chư Pháp thân đại sĩ, cảnh trí còn đẹp màu ngàn muôn phần gấp bội hơn đây. Thần thông của các vị ấy cũng ngàn muôn phần bội hơn. Anh nhờ huệ lực có thể đến dạo chơi, mà không được ở. Khỏi nơi đó là chỗ cư trú của bậc Thập địa cùng Đẳng Giác Bồ Tát, anh không thể đi đến và hiểu biết được. Xa hơn nữa, là cảnh giới của đấng Diệu Giác, duy Phật cùng Phật mới có thể thấy biết!".

Nói xong, lại cùng bay đến một chỗ, điện các chói sáng khác thường, chẳng biết làm bằng chất gì. Cảm thấy hoàng kim bạch ngọc sánh với thứ báu này, dường như là sắc đất. Nơi đây không thành quách, chỉ có lan can bao bọc. Hai người cùng ngồi dưới lâu trò chuyện. Trung Lang nói: "Anh không ngờ cảnh đẹp lại vui cùng cực như vậy! Giả sử khi ở Ta Bà, anh giữ giới luật thêm tinh nghiêm, thì sự thọ lạc chẳng phải như thế mà thôi đâu! Đại đề trước nhất, thừa giới đều gấp, sanh phẩm rất cao. Thứ nữa, là giới gấp, sanh phẩm rất ổn. (Thừa gấp: tâm giải ngộ sâu sắc. Giới gấp: sự giữ giới tinh nghiêm). Nếu có thừa mà không giới, phần nhiều bị sức nghiệp lôi kéo, sanh vào hàng Bát bộ quỷ thần. Những bạn đồng tu lâm vào cảnh

này, anh đã trông thấy rất nhiều. Về phần em, khí phần Bát nhã tuy sâu song sức giới định rất kém. Nếu giải ngộ lý mâu mà không sanh giới định, cũng thuộc về loại cuồng huệ mà thôi! Khi trở về Ta Bà, em phải nhân lúc còn mạnh khỏe mà thật ngộ thật tu, giữ tịnh nguyện cho tha thiết, siêng làm phương tiện giúp người, thương xót tất cả, chẳng bao lâu sẽ có lúc cùng hội ngộ. Nếu lơ là để lạc vào đường khác, thì thật là đáng kinh đáng sợ! Như chưa thể giữ giới hoàn toàn, hãy tuân hành theo pháp Lục trai của ngài Long Thọ cũng được. Trong các giới, sát giới rất quan yếu. Xin gởi lời nhắn nhủ bạn đồng tu: Chưa có ai mỗi ngày tay cầm dao giết, miệng tham vị ngon, mà được sanh về cõi Cực Lạc! Dù cho có tài thuyết pháp như mưa sa mây cuốn, đối với sự tinh tu nếu không thật hành, cũng là vô ích! Anh cùng em từ thuở Phật Không Vương đã nhiều đời làm huynh đệ, cho đến khi luân hồi sáu cõi cũng đều như thế! Nay may mắn anh đã được về chỗ tốt, sợ em bị lạc vào ác đạo, nên phải dùng sức thần thông phương tiện, đem đến đây khuyên bảo. Bây giờ báo nghiệp giữa hai cõi tịnh và uế khác nhau, em không thể ở lâu được!".

Tiểu Tu vội hỏi về chỗ sanh của Bá Tu cùng các đồng bạn đã mãn phần. Trung Lang đáp: "Nơi sanh của anh Tông Đạo và các bạn đều tốt, về sau em sẽ tự rõ!". Nói xong, liền vượt lên hư không mà bay đi. Tiểu Tu đứng lên bước chậm rãi theo bờ ao ngoạn cảnh, bỗng như trượt té

xuống nước, kinh hãi giựt mình tỉnh lại. Lúc ấy cả thân xuất hạn, nhìn lại ngọn đèn tàn còn trên giá, ánh trăng sáng vẫn chiếu song, thời khắc đã sang canh tư. Liền vội lấy giấy bút ghi chép thiên "Tịnh Quốc Du Ký" này.

Trước kia, Tông Đạo có con trai tên Viên Đăng mới mười ba tuổi, bị bệnh uất hơi sắp mãn phần. Đứa bé nói với Hoàng Đạo rằng: "Cháu sắp chết, chú làm sao cứu cháu?". Trung Lang bảo: "Cháu chỉ chuyên niệm Phật, tất sẽ được sanh về cõi Cực Lạc. Nơi đây là cảnh ngũ trược không đủ để luyến tiếc!". Đứa bé liền chấp tay liên tiếp niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hàng quyến thuộc cũng đồng thanh trợ niệm. Giây phút nó cười nói: "Cháu thấy một hoa sen sắc hơi đỏ". Niệm thêm giây lát, lại bảo: "Hoa đã lần lần lớn, sắc tươi sáng, đẹp không thể tả!". Trong khoảnh khắc, lại nói: "Đức Phật đã đến, tướng tốt quang minh, thân cao lớn chật cả nhà!". Giây phút, nó thở hơi gấp. Tông Đạo bảo: "Để người nhà trợ niệm, con chỉ xưng một chữ "Phật" sau chót cũng được". Viên Đăng xưng Phật vài tiếng, chấp tay mà qua đời.

KIM QUANG TIỀN

Cư sĩ Kim Quang Tiền, người đời Thanh, gốc Mãn Châu, xuất thân trong hàng quân ngũ. Ông ưa làm điều thiện, hằng răn cấm các binh sĩ:

1. Không được chém giết bừa bãi.

2. Không được hiếp dâm phụ nữ.
3. Không được cướp một món đồ vật của ai.
4. Không được đốt nhà của dân chúng.

Nếu phạm pháp, sẽ theo quân luật nghiêm trị.

Vợ ông là Cũng thị, biết chữ nghĩa, thường thích tụng kinh.

Năm Thuận Trị thứ mười đi bình định tỉnh Phước Kiến, đường ngang qua Hàng Châu, cư sĩ nghe biết Cự Đức hòa thượng đang thuyết pháp tại chùa Linh Ân. Hai vợ chồng liền đến tham bái, được hòa thượng khai thị về pháp môn Tịnh Độ. Từ đó cả hai đồng tinh tấn niệm Phật và đều có chỗ tâm đắc. Mùa hạ năm Thuận Trị thứ mười hai, sau khi từ miền Bắc trở về tạm ngụ bên sông Tiên Đường, Kim Quang Tiên bỗng nhiễm bệnh. Cũng thị định sai người tìm rước lương y, ông ngăn lại bảo: "Thuở trước ta cùng phu nhơn đã đi tham phỏng ở Linh Ân. Nay nhân đây chỉ muốn chuyển thân về cõi an lành, cần chi dùng thuốc!". Cũng thị cả cười nói: "Chẳng dè tướng công cũng được đến địa vị ấy, thật là hân hạnh!". Liền sai sắm hai chiếc quan tài, rồi bảo: "Thiếp cũng sẽ đi, nhưng xin chậm lại để lo liệu hậu sự cho tướng công mà thôi!". Quang Tiên nghe nói, liền chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

Cũng thị sai gia nhơn đem lễ vật đến Linh Ân, cầu xin thắp hương đèn cúng Phật, cúng trai tăng tu sám để truy tiến cho hai vợ chồng. Đến 7 hôm lễ xong, phu nhơn tuyệt

âm thực, ngày đêm chẳng nằm, chỉ một lòng niệm Phật. Lại trải qua 7 hôm nữa, vào lúc xế, phu nhơn tựa quan tài nhắm mắt dưỡng thần, giây phút tỉnh lại bảo: "Thời khắc đã đến!". Liền ngồi ngay niệm Phật mà hóa.

Lời bình:

Soạn giả cố ý sắp hàng quan liêu được vãng sanh ở trước, vì so với thường dân, bậc quan quyền vào đạo rất khó. Phần đông, người đời gấp về công danh, lấy sự học hành đỗ đạt làm trước. Và kẻ đã bước vào cửa quyền quý, đa số lại cho sự thanh tu là khổ. Nếu chẳng phải những người kiếp xưa đã trồng sẵn căn lành, giữ chắc tâm nguyện giải thoát, thì mấy ai trước mùi chung đỉnh mà biết quay đầu? Như các vị trên đây, ở cảnh trần lao, hướng về Tịnh quốc, há chẳng đáng gọi là hiện thân tể quan mà thuyết pháp đó ư! Xét lại các vị: Liễu Tử Hậu, Bạch Lạc Thiên, Tô Đông Pha, Triệu Tử Ngang, tuy cũng quy y tu niệm, song khi lâm chung, chẳng thấy điềm lành. Ấy cũng bởi: trí năng lạc theo nhiều môn, căn bình sanh nơi niệm ái. Tập quán của tài tử văn nhơn từ xưa vẫn thế, khi vô thường chợt đến, khó nổi cầu may! Bậc quân tử đời sau, cần nên biết răn dè vậy!

TỈNH GIÁC MỘNG ĐỜI

I

DẪN NHẬP

Non xanh lặng lẽ tợ ngùi than !
Kiếp tạm phù du, chớp điện quang.
Người theo nhau mất, non còn đó
Kết cuộc Nam Kha giấc mộng vàng !

II

MỘNG NAM KHA

Nam Kha mộng
Mộng Nam Kha !
Nam Kha mộng tưởng biết bao la !
Quyền thuộc của tiền đều bỏ lại
Tay không theo nghiệp đến Diêm La !
Từ đây tỉnh
Chớ dần dà !
Niệm Phật về Tây biển ái qua.

III

MỘNG XUÂN TIÊU

Xuân tiêu mộng
Mộng xuân tiêu !
Xuân tiêu mơ mộng tới mai chiều !
Ngày trước tuổi thơ dong ngựa trúc
Hôm nay mái tóc điểm sương tiêu.

Từ đây tỉnh
Chớ mê nhiều !
Một kiếp thăng trầm chỉ bấy nhiêu !

IV *MỘNG DƯƠNG ĐÀI*

Dương đài mộng
Mộng Dương đài !
Mộng trần ai nghĩ thoát trần ai ?
Kẻ chết kinh hoàng theo tội nghiệp
Người thân mờ mịt luống bi ai !
Từ đây tỉnh
Gác sầu hoài.
Gặp nhau âu chỉ mộng Dương đài !

V *MỘNG TRANG CHU*

Trang Chu mộng
Mộng Trang Chu !
Trang Chu mộng hóa bướm ngao du !
Đậu tưởng Trang Chu thành cái bướm
Ai hay cái bướm thật Trang Chu !
Từ đây tỉnh
Chớ mê cầu !
Mưa qua nắng lại Hạ rồi Thu.

VI
MỘNG HOÀNG LƯƠNG

Hoàng Lương mộng
Mộng Hoàng Lương !
Một giấc Hoàng Lương mộng đẹp dường !
Áo tím đai vàng mờ bóng cũ
Mồ xanh cỏ ấy bạc màu sương !
Từ đây tỉnh
Chớ lo lường !
Phú quý công danh cũng mộng trường !

VII
MỘNG VU SƠN

Vu sơn mộng
Mộng Vu sơn !
Vu sơn mơ mộng nặng thương hờn !
Vợ yêu con quý rồi ly biệt
Phách lạc hồn mê cách cõi dương !
Từ đây tỉnh
Gắng tìm đường.
Niệm Phật về Tây thoát khổ ương !

TÔN TRUNG

Cư sĩ Tôn Trung, người đời Tống, ở Minh Châu, sớm mộ hạnh Tây Phương, thường ăn chay giữ giới. Ông cất nhà ở phía Đông phủ thành, bên trong có đào hai cái ao, trồng hoa sen trắng. Giữa hai ao dựng một ngôi Tĩnh các, mỗi tháng họp nhiều người lại, tổ chức thành hội Niệm Phật.

Một hôm, cư sĩ thấy Phật thân hiện giữa hư không, gọi hai con cùng chạy ra, đồng chấp tay chí thành lễ bái. Giây lâu, Thánh tướng mới ẩn. Nhân đó, người đời sau gọi chỗ ấy là xóm Phật Trụ. Năm Nguyên Hựu thứ tám đời Tống, Thích Khả Cửu đã sanh về Tây Phương, trải ba ngày trở về báo rằng: "Tôi thấy có đài vàng ghi tên Tôn Trung!". Nói xong lại thoát hóa. Không bao lâu, cư sĩ mang bệnh, thỉnh hàng tăng tục một trăm người làm hội Niệm Phật. Trong lúc chúng đang tụng niệm, cư sĩ bỗng ngược nhìn lên hư không, chấp tay tỏ dáng kính thành. Rồi hai tay kiết hai ấn, an vui mà thoát hóa. Bảy giờ người trong thành đều nghe tiếng nhạc trời, ngửi thấy mùi hương lạ. Lần lần thiên nhạc thanh thoả ẩn mất về Tây.

Hai người con Tôn Trung đều kế nghiệp cha, chuyên cần tu niệm. Sau cả hai cũng ngồi hướng về Tây, chấp tay niệm Phật mà mãn phần.

VƯƠNG ĐIỀN

Cư sĩ Vương Điền, tự Vô Công, người đời Tống, quê ở Minh Châu, huyện Từ Khê. Ông rất thông tuệ, sức học uần súc, nhưng thi Tiên sĩ hai lần đều không đỗ. Từ đó, tâm danh lợi như tro tàn, ăn chay mặc áo vải, nơi nào có giảng kinh đều đến tham học. Lúc lớn tuổi, cư sĩ chuyên tu Niệm Phật tam muội, có trứ tác quyển Tịnh Độ Tự Tính Lục, tự làm lời tựa rằng:

“... Chỗ nhiệm mầu đặc biệt về pháp môn Tịnh Độ, mà đức Thế Tôn đã chỉ dạy, có thể dùng một lời để tổng quát là: "Đưa chúng sanh từ địa vị phàm phu, vượt tít lên ngôi Bất thối chuyển!". Tại sao thế? Ở cõi này tu hành khi chứng bậc Sơ tín của Viên giáo, hoặc ngôi Sơ quả của Tiểu thừa, thì tà kiến là tam độc mới vĩnh viễn không sanh khởi. Đó là cảnh giới Đoạn hoặc phát ngộ (Nghiệp mê làm tiêu dứt, phát sanh sự tỉnh sáng), thẳng vào dòng Thánh, dù chuyển kiếp cũng không mê lạc chỗ sở chứng. Địa vị này siêu khởi bốn ác thú (Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Tu la), chẳng mất thân Trời, Người. Còn tất cả hàng phàm phu, dù là bậc Sơ tâm Bồ Tát tu đến địa vị Phục hoặc phát ngộ (Nghiệp mê làm chìm lắng xuống Tầng thức, phát sanh sự tỉnh sáng), một phen trải qua cảnh biến chuyển phi thường của sự sống chết, liền quên mất chỗ sở chứng sở tu. Cho nên hạng người này, gặp cảnh duyên có thể bị thối chuyển và đọa lạc tam đồ.

Riêng cõi Phạm thánh đồng cư Tịnh Độ ở cõi Cực Lạc, tuy cũng đủ giai tầng của tam giới, song chỉ có hàng Nhơn, Thiên. Thế nên tất cả loài hàm thức sanh về đó, đều từ hẳn bốn thú, thoát khỏi luân hồi. Lại thêm trợ duyên đầy đủ, thọ số vô cùng, nên dù là kẻ độn căn, một kiếp tu hành, đều thành Thánh quả. Thế thì làm sao lại có sự thối chuyển được? Bản ý khuyên, khen của chư Phật, chẳng qua cũng chỉ như thế. Nếu bậc thượng căn phát tâm chuyên niệm Phật, đó là tịnh nghiệp tối thượng, sẽ dự vào phẩm cao. Như hàng tối đốt quē mùa, nếu biết chí thành niệm Phật phát nguyện, thì không ai chẳng được vãng sanh cả.

Than ôi! Xét nghĩ qua môn Tịnh Độ, thì biết Phật không bỏ sót một chúng sanh nào! Những hạng giữ cái không si mê, bắt chước hạnh vô ngại, rồi tự cao tự đại muốn ngăn dứt sự niệm Phật của kẻ khác, há chẳng đáng thương xót lắm ư?”.

Vào đầu đêm ngày Đinh Mão, tháng tư, năm Thiệu Hưng thứ mười sáu, hương lạ bỗng lan đầy nhà. Cư sĩ nhìn hàng học pháp là sa môn Tư Tề, bảo rằng: "Đây là tịnh nghiệp của lão phu chiêu cảm vậy!". Nói xong, tấm gội thay y phục, ngồi ngay hướng về Tây chấp tay mà vãng sanh. Khi làm lễ thiêu hóa, được xá lợi bằng hột lúa một trăm lẻ tám viên.

VƯƠNG NHỰT HỮU

Cư sĩ Vương Nhựt Hưu, tự Hư Trung, người ở Lu Châu. Triều vua Cao Tôn đời Tống, ông thi đỗ quốc học tiến sĩ, nhưng khước từ quan chức, về ở ẩn nơi quê nhà mà dạy học trò. Kế đó lại xếp bỏ việc giáo huấn, ăn chay trường, mặc áo vải, chuyên tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày cư sĩ khóa lễ Phật một ngàn lạy rồi niệm hồng danh. Ông có trứ tác tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, được lưu hành rộng nơi đời. Trong ấy lời lẽ giản dị, bao gồm nhiều thí dụ, khuyên hóa từ bậc vương công, quan liêu, sĩ tử, cho đến hàng thứ dân, đồ tể, nô tỳ, xường kỹ, đều quy y niệm Phật. Cách lập luận của cư sĩ rất rõ ràng, tâm ý rất thành khẩn, khiến cho nhiều người cảm hóa tuân hành.

Năm Quý Tỵ trong niên hiệu Càn Đạo, ông Lý Ngạn Bạc ở Lu Lăng đau bệnh nguy ngập, mộng thấy một vị tự xưng là Long Thơ cư sĩ, bảo rằng: "Khi thức dậy người nên dùng cháo trắng, sẽ được an lành. Người còn nhớ một thiện hữu là Khuyết Trọng Nhã đã khuyên về lối tu thẳng tắt chăng?". Ngạn Bạc thưa: "Văn bối đã tuân hành theo, mỗi ngày đều có niệm Phật!". Sau khi thức giấc, ông bảo nấu cháo trắng ăn, quả nhiên bệnh thuyên giảm. Ngạn Bạc liền dạy các con đến tìm Vương Nhựt Hưu để thọ huấn. Không bao lâu, các con trở về thưa:

-Long Thơ cư sĩ đã vãng sanh về Phật quốc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ đi từ biệt khắp các thân hữu, khuyên họ tinh tấn tu hành, bảo mình sắp đi xa, không còn

gặp nhau nữa. Tới ngày ông cho họp các môn sinh cũ lại giáo huấn, rồi khóa tụng như lệ thường. Đến canh ba, cư sĩ bỗng to tiếng niệm Phật vài câu, bảo: "Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi!". Rồi đứng ngay thẳng mà hóa...

Lý Ngạn Bạc thấy bức chơn dung của Vương Nhựt Hưu do các con mượn đem về, giống tạc người mình đã gặp trong giấc mộng, sanh lòng cảm kích, liền rước thợ khắc hình tượng Long Thơ cư sĩ, lại đem việc ấy truyền bá xa gần. Từ đó hàng thiện tín ở vùng Lư Lăng đều phát tâm niệm Phật.

Trong năm Hàm Hựu, có ông Lữ Nguyên Ích khắc lại bản Long Thơ Tịnh Độ Văn. Khi khắc đến thiên Chúc Nguyễn, nơi bản bỗng nổi lên ba viên ngọc xá lợi. Chú của ông là Lý Sư Thuyết có ghi chép việc ấy đặt ở đầu thiên này.

DIÊM BAN VINH

Cư sĩ Diêm Ban Vinh, người đời Tống, ở Trì Châu, huyện Thanh Dương. Đến tuổi trung niên, ông có duyên lành gặp một vị tăng khuyển trì chú vãng sanh và niệm Phật. Từ đó, cư sĩ phát tâm quy y, ăn chay trường, mỗi ngày hướng về Tây Phương tụng chú 1080 biến. Ông lại khuyển con cái trong nhà, đều đồng thanh trì chú niệm Phật theo. Trải hơn hai mươi năm, mỗi ngày đều khóa tụng y như thế.

Niên hiệu Thiệu Hy năm đầu, vào ngày mùng một tháng giêng, sau khi xem kinh Đại Bát Niết Bàn vừa xong, cư sĩ than rằng: "Kiếp người như huyễn mộng, ta còn luyến tiếc làm chi?". Do đó niệm giải thoát càng thêm tha thiết! Đến ngày mùng một tháng ba năm ấy, người trong nhà nghe mùi hương lạ lan tỏa bát ngát trọn ngày không tan. Các con của cư sĩ đều mộng thấy đức Phật A Di Đà phóng ánh sáng lớn, soi khắp nhà cửa thành sắc hoàng kim. Năm hôm sau vào lúc khuya, Ban Vinh thức dậy trì niệm theo thường lệ. Khóa tụng xong, ông nhìn người nhà bảo: "Ngày hôm nay ta sẽ đi. Nên dè dặt đừng khuấy động làm mất chánh niệm của ta". Nói xong, ngồi kiết già day mặt về Tây nhắm mắt thâm trì tụng. Đến quá Ngọ, bỗng đứng lên nói: "Ta đi đây!". Rồi thong thả tiến vài bước, hai tay kiết ấn, mỉm cười mà qua đời.

DƯƠNG GIA VỸ

Cư sĩ Dương Gia Vỹ, tự Bang Hoa, quê ở Kiết An, huyện Thái Hòa, là hàng Chư sanh trong niên hiệu Vạn Lịch đời nhà Minh.

Thuở bé ông hiếu học, xem rất nhiều kinh sách, kể đó, lưu tâm nghiên cứu về nội điển nhà Phật. Năm 13 tuổi, cư sĩ giữ giới Bát sát rất nghiêm, không dám làm tổn thương đến loài ruồi muỗi, rận rệp. Đến hơn 20 tuổi, vào trường Quốc tử giám ở Nam Kinh. Không bao lâu, cư sĩ mang

bịnh, mộng thấy xuống cảnh địa ngục, tham lễ Địa Tạng Bồ Tát ở điện Minh Vương. Sau đêm ấy, ông mua vật mạng phóng sanh, thỉnh chư tăng tụng kinh siêu độ phân âm, riêng mình thì chuyên trì danh hiệu Phật.

Được ít lâu, một hôm cư sĩ bảo người nhà rằng: "Tôi sắp về Tây Phương. Trước mắt tôi, hoa sen xanh to lớn hiện ra, phóng quang rực rỡ. Đó há không phải là thắng tướng ở Tịnh Độ ư?" Từ giờ phút đó, ông niệm Phật không dứt. Đến tối bảo kẻ phục dịch tắt hết đèn đuốc, nói: "Tôi thường ở trong ánh đại quang minh, chẳng cần ánh sáng thế gian". Người xung quanh hỏi: "Có thấy tướng trạng chi chằng?" Cư sĩ đáp: "Cảnh hoa sen bốn sắc nơi bảo trì hiện rõ ràng trước mặt!". Lại hỏi: "Có được thấy Phật không?" Đáp: "Đức A Di Đà hiện thân cao ngàn trượng, tướng tốt rực rỡ trang nghiêm, Bồ Tát Quán Thế Âm cũng hiện thân cao bằng Phật. Chỉ không thấy đức Đại Thế Chí mà thôi!" Nói xong bỗng lộ vẻ vui mừng, đứng lên đốt hương, bảo: "Công đức kinh A Di Đà bất khả thuyết bất khả thuyết! Tôi đã được sanh về Thượng phẩm!" Rồi chấp tay yên lặng mà hóa.

CỔ NGUYÊN

Cổ Nguyên, tự Thanh Phủ, hiệu Bảo Tràng cư sĩ, quê ở Ứng Thiên, là hàng Chư sanh trong niên hiệu Gia Tĩnh đời Minh. Thuở thiếu thời tánh ông hào sảng, văn thi hay, hội

họa khéo, chữ viết cứng đẹp, được nhiều người cậy nhờ mền chuộng. Nhưng đến năm 40 tuổi, ông bỏ hết tập nghề cũ, dứt hẳn rượu thịt, tạo một gian lều nhỏ, thường ở trên đó tinh tu về thiền quán. Bên mình chỉ có một tiểu đồng để sai khiến, hàng phụ nữ và người nhà ít khi được thấy mặt ông.

Mỗi đêm cứ vào canh năm, cư sĩ đánh mõ lớn tiếng niệm Phật. Ở trong xóm có anh đồ tể, mỗi khi nghe tiếng mõ thì thức dậy giết heo. Một hôm anh say rượu dậy trễ, giận hờn trách vợ. Người vợ bảo: "Ông không nghe tiếng đánh mõ niệm Phật của vị tu hành kia sao? Tự mình không biết tội, còn giận trách tôi là thế nào?" Anh đồ tể ngạc nhiên như sự tĩnh, từ đó dẹp bỏ con dao sát sanh, lo làm lành niệm Phật. Nhiều bạn đồng nghiệp của anh cũng noi theo gương đó mà đổi nghề. Cố Nguyên vẫn quen thân với Vân Cốc thiền sư ở chùa Thê Hà, cùng nhau kết bạn sen cầu sanh về Cực Lạc. Một ngày nọ, Hám Sơn Đức Thanh đại sư đến Thê Hà chơi, thấy một vị mặc áo tràng đi ngang qua, tướng nhàn nhã như chim hạc, đôi mắt nhìn thẳng không chớp động, dường như quên hẳn ngoại vật thế trần. Người ấy vào điện Phật, lễ tháp Xá lợi, rồi đứng yên chấp tay chiêm ngưỡng. Giây phút nơi đánh tháp bỗng hiện ánh sáng năm sắc rực rỡ trong suốt. Hám Sơn đại sư lấy làm lạ, đem hỏi ngài Vân Cốc, thiền sư nói: "Đó là Bảo Tràng cư sĩ. Ông ta đang vào pháp Tây Phương Quán đây!".

Sau Cố Nguyên cảm bệnh nhẹ, thỉnh vài vị tăng đến cùng niệm Phật. Sau thời khóa, nội nhân của ông chạy lên nói: "Hiện thời mùi hương sen thơm đầy cả nhà!" Chúng đều kinh lạ mừng rỡ. Cư sĩ vẫn điềm nhiên bảo: "Hơn nửa tháng nay tôi đã ngồi trên đài liên hoa, thấy chơn thân của đức A Di Đà khắp hư không, thế giới đều thành kim sắc. Phật tươi cười nhìn xuống và lấy áo cà sa phủ trên đầu tôi. Như thế quyết định tôi sẽ được sanh về Cực Lạc!". Mấy người con sa nước mắt thưa: "Cha về Tây Phương là điều vạn hạnh, còn bọn chúng con sẽ ra thế nào?" Cư sĩ mỉm cười bảo: "Các con nghĩ rằng ta chết thật ư? Há chẳng thấy mặt trời chìm xuống phương Tây rồi mọc trở lại phương Đông, như thế đâu phải là lặn mất".

Rồi cho biết trước ngày giờ vãng sanh. Đến thời, cư sĩ tắm gội thay y phục, ngồi kiết già mà thoát hóa. Mùi hương sen sực nức cả trong ngoài, ba ngày mới tan hết.

TRƯƠNG THỦ ƯỚC

Cư sĩ Trương Thủ Ước, người đời Minh, huyện Tú Thủy, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo mà ưa bố thí, hằng dùng trăm ngàn phương tiện khuyến gọi các vị đạo tâm rộng làm việc lợi ích.

Lúc lớn tuổi, ông tạ tuyệt duyên đời, bữa cháo bữa rau, mỗi ngày thường chuyên niệm Phật. Cư sĩ từng phỏng theo

ngài Hàn Sơn, làm 300 bài thi, khuyến tấn mọi người quy hướng về Tịnh Độ. Xin lược trích mấy bài như sau:

Cao cả nguyện Di Đà,
Rộng mầu môn Niệm Phật.
Muôn kiếp khổ luân hồi,
Đời nay mới tường tất.
Nên sanh tướng khó gặp,
Dè chớ mê lạc mất.
Niệm niệm cầu vãng sanh,
Tâm tâm quý chuyên nhất.

Hôm qua đến nhà Phật,
Niệm niệm lòng sâu thiết!
Ngày nay ở nhà lửa,
Tâm phiền rối bận việc.
Nếu chẳng vững đạo căn,
Khó khỏi chìm mê kiếp.
Cho nên bậc hiền xưa,
Ở non tu tịnh nghiệp.

Cõi tạm gởi huyễn thân,
Tùy duyên mọi việc tất.
Không vương nửa điếm trần,
Chỉ niệm một câu Phật.
Tánh mềm dịu tợ bông,

Nguyện cứng bền như sắt.
Nếu theo việc vắn vơ,
Đáy nước tìm trăng thật.

Thượng phẩm thấy Phật sớm,
Hạ phẩm thấy Phật chầy.
Sớm chầy tuy sai khác,
Duyên trần đã thoát ly.
Tham thiền ngại chấp tướng,
Niệm Phật quý dứt nghi.
Xác thật có Tịnh Độ,
Xác thật có Liên trì!

Bảy chục xưa nay ít,
Trước mắt chẳng nhiều ngày!
Phải mau cầu giải thoát,
Tìm gởi chắt liên thai.
Ngang trái cho ngang trái,
Vạy ngay mặc vạy ngay.
Đâu rảnh đôi kẻ xấu,
Phân biệt phải cùng sai.

Vợ Thủ Ước là Đào thị, từ khi về nhà chồng, mỗi ngày cũng tụng kinh niệm Phật. Khi ông đến non Phổ Đà lễ Quán Âm đại sĩ, Đào thị bảo hai con rằng: "Mẹ bình nhứt tu trì đã tỏ ngộ tông chỉ 'Tâm này làm Phật, tâm này là

Phật'. Ngày nay Ta Bà duyên mãn, mẹ sắp về cảnh Tịnh Độ an vui!". Nói xong, ngời niệm Phật mà hóa. Hôm sau Thủ Ước về đến nhà thì việc tân liệm đã xong. Bỗng trên nắp hòm của Đào thị mọc lên năm cánh sen màu xanh. Mọi người đều ngợi khen kinh lạ.

Về sau, Thủ Ước cũng được thoát ứng khi lâm chung.

HOÀNG THỪA HUỆ

Cư sĩ Hoàng Thừa Huệ, tự Ngươn Phù, quê ở Tiền Đường tại Hàng Châu. Ông tánh tình khảng khái, thờ mẹ có hiếu, lại ưa hạnh bố thí. Hàng lân lý kẻ rét không áo, liền cởi áo mình trao cho. Gặp người nghèo đói, trút hết tiền trong túi giúp đỡ. Em vợ là Văn Khải Sơ lấy làm lạ về tiết hạnh thanh khổ của anh rỏ mình, hướng dẫn đến chùa Vân Thê. Thừa Huệ dùng lễ đệ tử ra mắt, được Liên Trì đại sư quy y cho, và đặt pháp danh là Tịnh Minh.

Sau cư sĩ mang bệnh thổ huyết trải 3 năm không lành. Lúc đau nặng, Văn Khải Sơ đến thăm, khuyên niệm Phật. Đang lúc quá thống khổ, ông chưa tỉnh ngộ. Khải Sơ lớn tiếng bảo: "Lúc anh nhắm mắt rồi, cái biết đau đớn hiện tại ở nơi đâu?" Thừa Huệ kinh sợ hỏi: "Vậy phải làm thế nào?" Khải Sơ đáp: "Không chi hơn niệm Phật!" Hỏi: "Em bảo niệm đức A Di Đà ở Tây Phương hay Phật A Di Đà tự tánh?" Đáp: "Anh cho hai phương diện ấy là khác nhau?" Cư sĩ chợt như tỉnh ngộ, điềm đầu. Khải Sơ thỉnh Huệ

Văn pháp sư đến, trần thiết tượng Phật, xin vì anh nói nhân duyên Tịnh Độ. Thừa Huệ nghe xong vui vẻ, nhờ pháp sư xuống tóc và truyền giới sa di cho mình. Đoạn ông dứt trừ tất cả sự tiếp xúc, chuyên niệm Phật. Kế lại thăm tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa trong 7 ngày. Khóa tụng vừa xong, người trong nhà đều nghe mùi hương sen bát ngát. Ông mỉm cười nói kệ rằng:

Một vật không đem đến,

Một vật chẳng đem đi.

Trên đánh non cao vàng nguyệt sáng,

Là chân diện mục tánh A Di!

Kế lại bảo người nhà sắm đồ chay cúng Phật, và thỉnh chư tăng đến tụng kinh. Khi chúng tăng tụng kinh niệm Phật rồi đọc đến bài văn phát nguyện, câu: "Đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn, duỗi tay dắt dìu..." Thừa Huệ bỗng vui vẻ ngồi dậy nghiêm chỉnh, chăm chú nhìn tượng Phật mà qua đời.

VĂN KHẢI SƠ

Cư sĩ Văn Khải Sơ, tự Tử Dư, pháp danh Đại Thành, người đời Minh, cùng Hoàng Thừa Huệ đồng hương lý. Thuở bé ông hay đau yếu, chí muốn thoát sự sống chết luân hồi, đến chùa Vân Thê thọ pháp môn Niệm Phật.

Khi Liên Trì đại sư thị tịch, ngài Hám Sơn tới điều, Khải Sơ làm lễ bạch rằng: "Con nguyện xin xuống tóc làm

đệ tử xuất gia". Hám Sơn đại sư bảo: "Thân tứ đại không thể bó buộc Phật tánh, râu tóc há làm chướng ngại được ư? Huông chi người còn lão thân tại nhà, việc ấy chưa thể được". Khải Sơ nghe nói mới thôi. Không bao lâu cư sĩ lâm bệnh, bảo mọi người rằng: "Tôi sẽ thẳng về Tây Phương, bệnh không đáng ngại". Khi bệnh quá nặng, thần chí hôn mê không thể tự chủ, ông cả sợ, vội bảo người nhà thỉnh chư tăng đến trợ niệm. Trải qua một ngày, vẫn hôn loạn như cũ. Khải Sơ quả quyết bảo: "Cội gốc sanh tử, không phải người khác nhờ cho ta được!". Liền bảo nấu nước, gượng trở dậy tắm gội thay y phục, đối trước Phật đốt liêu hương nơi cánh tay, khóc cầu sám hối. Cư sĩ chí thành sám lễ như thế suốt đêm, như quên mọi mệt.

Nhờ công đức sám hối ấy, đến sáng thần chí an định, cảnh Tịnh Độ hiện tiền. Cư sĩ nhờ chư tăng xuống tóc, rồi đắp y ca sa, từ biệt mọi người, niệm Phật mà qua đời. Đức Thanh đại sư nghe chuyện ấy, than thở khen ngợi rằng: "Dũng mãnh thay Văn Sinh, có thể gọi là bậc liệt trượng phu vậy!".

CHÂU LỘ

Cư sĩ Châu Lộ, tự Bạch Dân, vốn hàng Chư sanh ở Ngô Giang. Ông là bậc danh tài, không may cha mẹ mất sớm, liền bỏ khoa cử theo học thuật trường sanh. Sau có duyên tham phỏng với Liên Trì đại sư, hiểu được Phật pháp, lại

chuyển sang niệm Phật cầu về Tịnh Độ. Khi đại sư viên tịch, cư sĩ nhân đến chùa Vân Thê lễ tháp của ngài, liền làm bài kệ rằng:

Thuở trước viếng đại sư,
Hỏi tham thiên, niệm Phật.
Phải chăng dung thông được?
Ngài liền ứng khẩu đáp:
Nếu Thiên, Tịnh là hai,
Làm sao nói dung thông?
Lành thay một lời ấy,
Khiến người lòng vui đẹp!
Thường đem thuật với người,
Các nơi đều truyền thuyết.
Người niệm Phật không cùng,
Ý này cũng không tận.
Hội Linh Sơn chưa tan,
Lưỡi Liên Trì thường sống.
Cung kính làm kệ này,
Dâng cúng Vô phùng tháp.

Kế đó cư sĩ cùng bậc quyền danh là Vương Tại đi du ngoạn ở Kinh Sơn. Nơi đây ông dựng một tiểu hiên tạm cư ngụ để duyệt kinh Đại Bát Nhã. Sau về ở dưới ngọn Liên Hoa Phong tại Tô Châu, cùng vài vị sơn tăng tu môn Niệm Phật tam muội, tự hiệu là Tây Không cư sĩ. Lúc 80 tuổi,

ông dự biết trước ngày vãng sanh, viết kệ từ thế, rồi tắm gội thay y phục mà qua đời.

NGÔ MINH HỒNG

Cư sĩ Ngô Minh Hồng, tự Thúc Bảo, người đời Minh, quê ở Thái Thương. Ông gia thế dư dã, ưa bố thí, nhưng không thông hiểu Phật pháp.

Đến hơn 60 tuổi, một hôm ông bỗng tắm gội, đi từ biệt mọi người, rồi thỉnh Ấn Sư pháp sư ở chùa Long Phước đến truyền thọ tam quy ngũ giới cho mình. Sau khi thọ quy giới xong, ông ngồi xuống chắp tay hô lớn ba lần: "Mau thoát ly!". Rồi nhắm mắt mà qua đời. Khi người nhà còn đang vây quanh, cùng hàng xóm hay tin chạy tới thăm, cư sĩ bỗng mở mắt ra bảo: "Tôi vừa phát nguyện thoát ly trần thế, đồng mãnh thâm niệm A Di Đà Phật, thì cảnh Liên Hoa thế giới đã hiện ra trước mắt. Tự xét mình bình sanh không có tu hành chi, nay chỉ niệm Phật mấy câu, tại sao lại được quả báo thắng diệu như thế? Vậy xin khuyên các vị nên cố gắng tu hành!". Nói xong, bảo người nhà đem một chậu nước lại, soi mặt nhìn chăm chú vào trong.

Giây phút, bỗng như tỉnh ngộ, bảo: "Đời nay là Ngô Thúc Bảo, kiếp trước là Từ Hòa Thượng! Lành thay! Vui thay!". Rồi chắp tay niệm Phật mà mãn phần. Lúc ấy mùi hương lạ phát ra đầy nhà.

HOÀNG PHỦ SĨ PHƯƠNG

Hoàng Phủ Sĩ Phương, tự Tử Nghi, người ở Tiền Đường, gia thế chuyên nghề y sĩ. Lúc trẻ tuổi Sĩ Phương đọc quyển Long Thơ Tịnh Độ Văn, giật mình tỉnh ngộ, quy hướng về Phật pháp. Từ đó ông cùng Tư Tề đại sư làm bạn phương ngoại, đồng tu tịnh nghiệp. Bình thời cư sĩ viết về Tịnh Độ rất nhiều, nay xin lược trích vài đoạn thiết yếu như sau:

"... Môn Tịnh Độ rất cao siêu mầu nhiệm, cũng rất giản dị dễ thật hành. Nếu kẻ nào phát tâm trì danh, cầu sanh về Cực Lạc, thì không luận sang hèn, trí ngu, nam nữ, trẻ già, đều được toại nguyện. Nhưng tiếc vì hàng phàm phu phần đông mê tối, căn trí thấp kém, nên sanh nhiều niệm do dự nghi nan. Đại khái như nghi: mình từ kiếp trước đến đời này, tạo nhiều nghiệp bất thiện, công phu niệm Phật chẳng bao nhiêu, mà cảnh Tịnh Độ lại quá mầu đẹp, e không đủ phước để vãng sanh. Họ không biết tánh của tội chướng từ vô thủy kiếp đến nay vốn hư giả. Nếu chuyên trì danh hiệu Phật, tất sẽ mau tiêu trừ những tội nặng trong nhiều kiếp sống chết. Ví như mây đen dù dày đặc, song gió lớn thổi liền tan. Và như gian nhà tuy tối, nhưng đèn đốt lên liền sáng. Mây đen với cảnh tối tăm vốn hư giả, nếu biết dùng gió mát và ánh sáng của tâm thanh tịnh mà niệm Phật, tất cảnh mây đen cùng tối tăm ấy sẽ tiêu trừ. Lại ví như tảng đá dù to, được thuyền chở có thể sang đến bờ bên kia. Và

tội lỗi dù nặng, quyền lực của hoàng ân có thể tha bổng. Sức tu hành của mình và sức nguyện của Phật đều rộng lớn, khó nghĩ bàn, đại để cũng như thế.

... Kẻ học Phật nông cạn, thường đọa lạc vào cái "không" thiên lệch, chấp theo lý mà bỏ sự. Họ cho rằng cõi Tịnh Độ là quyền thuyết, tâm thanh tịnh tức là Tịnh Độ. Họ chưa hiểu các kinh Đại Thừa đều nói ở mười phương có hằng sa vô biên cõi Phật. Tâm cùng các cõi chẳng phải một, chẳng phải khác, các cõi do tâm sanh, một tâm đủ các cõi. Cảnh diêu hữu mười phương tức là chân không, chân không là diêu hữu. Cõi Cực Lạc do công đức của tịnh tâm tạo thành, cõi Ta Bà do nghiệp trược ác của uế tâm hiển lộ. Cảnh Cực Lạc phương Tây cũng hiện hữu như cảnh Ta Bà phương Đông, đều ở trong thể rộng lớn của chân tâm, và cũng đều là hư danh, giả huyễn. Nghiệp ái luyến nặng thì đọa ở Ta Bà, tâm niệm Phật chuyên tất sanh về Cực Lạc. Tâm có nhớ sạch, thì tùy theo chỗ ứng hợp của nó mà sanh về. Như vàng trắng soi khắp các dòng nước, nước trong thì trắng tỏ, nước đục tất trắng mờ. Trắng ví như tâm bản lai, nước ví như các thế giới. Một tâm bao hàm muôn cõi, đừng nghĩ là có hay không, hư hoặc thật, bởi vì sự cùng lý xưa nay vốn viên dung không ngại...”

Cư sĩ có làm 12 bài theo điệu khúc để khuyến tấn người niệm Phật, gọi là Thập nhị thời tụng. Các bài ấy như sau:

Sáng sớm giờ Dần

Thường thời khóa tụng phải chuyên cần
Một khắc công phu môn Thập niệm
Hay siêu sanh tử thoát trầm luân.

Pháp ít có

Diệu khôn phân!

Vãng sanh toàn bởi tín làm nhân
Nếu như tin nhận không nghi hoặc
Là kẻ duyên sen đã có phần!

*

Nhứt hiện giờ Mão,
Sương sớm dễ tan, người dễ lão
Thử đem tính lại bạn quen thân
Mồ xanh nhiều kẻ chôn phương thảo

Sớm tu hành,

Mong đảm bảo!

Tác bóng trên châu giờ quý báu!
Khi nhàn chẳng chịu niệm Di Đà
Sao khỏi lâm chung nhiều áo nã!

*

Nhứt lên giờ Thìn
Ở đời lựa xóm tựa người lành
Chớ hướng Trời, Người cầu phước báo
Phước tan sáu nẻo lạc loài thân!

Sanh Đạo Lợi

Làm Chuyên Luân

Tạm thời khoái lạc phải đâu chân?
Khắp khuyên niệm Phật về Tây cảnh
Vĩnh viễn tiêu dao thoát tục trần!

*

Bóng cao giờ Ty
Nấu cơm khói khắp nhà hèn quý
Mình ăn khỏi đói chính mình no
Mình tự tu trì khỏi sanh tử

Đạo cảm thông

Mầu vô tỷ!

Con mẹ nhớ nhau rồi toại chí
Đem hết thân tâm thấy Nguyệt Vương
Mười vạn - tác gang trong ý nghĩ.

*

Đứng bóng giờ Ngọ
Phật nhựt khắp nơi đều sáng tỏ.
Đường ngay bằng thẳng ít người đi
Cứ lồi quanh co tìm chịu khổ!

Không nói Thiên

Chẳng sánh Tổ

Niệm Phật mỗi câu hằng tự chủ
Thân hình tuy chữa thoát Ta Bà
Thức thần đã ở Liên Hoa độ.

*

Chên bóng giờ Mùi

Thân nhờ, cảnh ác có chi vui?
Nổi chìm lên xuống đã bao kiếp
Trong đục khôn phân chịu lập vùi!

Phải mạnh tiến

Chớ nhác lui!

Vô thường chợt đến cũng tay xuôi
Lông mày chữ "Chết" treo ngang mãi
Niệm Phật chừng ni mới biết mùi?

*

Xé bóng giờ Thân
Thương nổi kiếp sinh mãi chuyển vần!
Thân này chẳng tính đời nay độ
Còn đợi khi nào mới độ thân?

Tu kịp lúc

Chớ hện lần

Lâu dài ác đạo dễ trầm luân!
Ngàn Phật tuy thương khôn cứu vớt
Trần sa kiếp đọa khổ muôn phần.

*

Nhặt lặn giờ Dậu
Tàn dương sắp tắt màn đêm rữ
Tử sanh việc lớn biết chẳng ai?
Kẻ ngu tầm mắt nhìn gần gũi.

Luyện tiền tài

Thích trà rượu

Dong ruỗi Đông Tây đâu biết đủ?
Bôn ba chẳng rảnh niệm Di Đà
Già chết kê bên đành thúc thủ!

*

Hoàng hôn giờ Tuất
Dĩa đèn le lói soi u thất
Lên giường từ biệt dép cùng giày
Hồn mộng mê mờ tối như mực
Gẫm thân người
Thương dễ mất!
Muốn thoát luân hồi mau niệm Phật
Vô biên tội chướng một thời tiêu
Phật huệ sáng như ngàn mặt nhật.

*

Cảnh yên giờ Hợi
Danh lợi sang giàu đâu vẫn mãi?
Giấc đẹp hoàng lương chữa tỉnh mơ
Ngàn năm ước tính dường si dại?
Chút dần dà
Thành trể nải!
Hơi thở chẳng vào nhiều kiếp hối!
Luống phụ Tây Phương đáng Nguyễn Vương
Tay vàng chờ đón ân sơn hải!

*

Nửa đêm giờ Tý

Đôi côi sạch như còn mộng寐
Lò khở Ta Bà chẳng luyện nung
Đâu tắt lửa lòng chán sanh tử?

Biết chán là

Phải dừng nghỉ!

Cảnh đẹp Liên Bang vui khó ví!
Nã phiền trước mắt bởi từ đâu?
Nẻo sáng trời Tây mau liệu lý.

*

Gà gáy giờ Sửu

Đã quyết về Tây nên khéo hiểu.

Cảnh khở là duyên giúp tiến tu

Miệng niệm tâm nghe rành Phật hiệu

Gác dở hay

Quên đủ thiếu!

An lòng biết đủ tùy duyên liệu

Hoa sen đâu mọc ở gò cao

Trong bùn sắc ngọc hương thanh nhiều!

Cư sĩ niệm Phật rất tinh tấn. Về sau ản tu, không biết sự
lâm chung như thế nào?

TRẦM BÌNH

Cư sĩ Trầm Bình, tự Kính Phù, người đời Thanh, quê ở Trường Châu. Năm 15 tuổi, ông mang bệnh suyễn. Qua 30 tuổi, bệnh thêm nặng, nhân phát tâm xuất trần, niệm Phật

tha thiết. Đến tuổi 50, bệnh càng tăng, từ tháng giêng đến tháng năm, chỉ còn một hơi thở thoi thóp. Thấy mình nghiệp nặng cái chết kề bên, ông bèn phát thệ trường trai.

Đồng bạn là Dương Quảng Văn đến thăm, dìu đỡ dậy, đọc kinh Kim Cang cho ông tụng theo. Quảng Văn ở lại ba ngày, Trầm Bính tăng lên mỗi bữa tụng được ba quyển. Như thế được nửa tháng, bệnh an lành. Từ đó về sau, mỗi ngày ông tụng ba quyển Kim Cang, kế tiếp niệm Phật. Lần lần thâm nhập, mỗi đêm ông thường ngồi tụng niệm đến sáng. Do đó bệnh suyễn dứt trừ, nhưng lưng còn hơi khom. Tu hành như thế được năm độ nắng mưa, đêm nọ trong khi đang ngồi, ông tự phát thệ: "Nếu chẳng thành chánh giác, nguyện không dừng nghỉ trên bước đường tu!". Phát thệ vừa xong, nơi xương sống bỗng phát lên một tiếng cụp, thân hình ngay thẳng như người thường. Kế đó, Trầm Bính đến thọ ngũ giới nơi ngài Lữ Đình Tế Hội. Cư sĩ thường nói: "Muôn pháp ở thế gian sanh diệt không dừng, duy chỉ có một câu A Di Đà Phật là chỗ nghỉ ngơi rất yên ổn. Công phu niệm Phật của tôi, trong khi bệnh lại càng đặc lực. Mặc cho cơn đau đốn dày vò, tôi cố gắng quên tất cả, chỉ còn giữ một câu niệm rành rẽ, rõ ràng, không từng lạc mất!".

Vào đầu tháng 11 năm Càn Long thứ 46, cư sĩ cảm bệnh nhẹ vài hôm. Đến ngày rằm, sớm mai ông thức dậy súc miệng rửa mặt xong, bệnh suyễn lại tái phát. Cư sĩ mặc áo tràng, ngồi kiết già day mặt về Tây, lâm râm niệm Phật. Bà

vợ thấy đau bịnh, tỏ vẻ lo lắng đứng một bên, ông khoát tay ra dấu bảo đi. Niệm được một lúc rồi lặng yên, người nhà coi lại thì cư sĩ đã mất phân. Trong tờ di chúc để lại, ông dặn nên tận liệm vào bảo khám và làm lễ trà tỳ như chur tăng. Vợ ông cũng trường trai niệm Phật, sau việc hậu sự của chồng, liền xuất gia làm ni.

VIÊN LIỆT TINH

Viên Liệt Tinh người ở Côn Sơn, thường ngụ nơi vùng Tây Khê tại Hàng Châu, nhân tự hiệu là Tây Khê cư sĩ. Thuở thành đồng, ông học tập về nghiệp khoa cử, một hôm nghe bà ngoại tụng kinh Kim Cang đến đoạn "Vô tứ tướng", liền có chỗ khế nhập.

Sau cư sĩ gặp Duyệt Sơn thiền sư, mỗi ngày tinh tấn tham cứu về đường lối hướng thượng. Vừa đầu Bạch Tung lão nhơn từ Tuyết Phong đến Côn Sơn, Liệt Tinh đôi ba phen tham khấu, ngộ suốt tánh bản lai, liền được truyền tâm ấn. Từ đó đạo phong của cư sĩ mỗi ngày một thịnh, tùy cơ tiếp dẫn, huệ biện không ngại, vừa đề xướng Nhứt thừa, lại kiêm hoằng Tịnh Độ. Bấy giờ ông thấy các đồng bọn, thích mển khô thiền, ưa tu tiên thuật, phần nhiều không tin Tịnh Độ, nên viết lời hiệu dụ rằng:

"Pháp môn Tịnh Độ tròn thông rộng lớn, từ trước đến nay tôi đã thâm tu mật chứng, nhưng không dám vội đem

nói với người. Đó là vì thời tiết chưa đến, nói ra e vô ích, chớ không phải cố ý giấu kín chỗ tu.

Bởi môn Niệm Phật là pháp tạng rất sâu của chư Phật, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật thuộc Nhị thừa còn có những kẻ không tin. Đó là do các vị ấy đã trụ cảnh Niết Bàn thanh tịnh, đã chứng thân thông diệu dụng, nhưng chỉ thấy biết trong phạm vi một cõi Đại thiên, nên không rõ biển đại trang nghiêm của Tịnh Độ hiện thành ở khắp mười phương. Cho nên chư Phật đã quở các vị cố chấp theo cảnh giới Nhị thừa là tà, là đọa vào hầm hố vô vi, là say men rượu tam muội! Rất đáng than thở cho người tu thiên đời nay, còn chưa đến được cảnh giới Niết Bàn thanh tịnh của Nhị thừa, mà vội bụng trống lòng cao, chưa đắc cho rằng đắc, chưa chứng cho là chứng. Trong lúc họ ngồi yên tĩnh đến chỗ sáu căn chưa động, lộ bày một chút quang cảnh, liền vội cho rằng mình đã tỏ ngộ. Rồi từ đó ngênh ngênh ngang ngang, chê bai Tịnh Độ, thật đáng thương xót!

Giả sử các vị ấy quả thật đại triệt đại ngộ, đã rời được chót mũi của bà mẹ bản lai, thử hỏi có đứng ngoài được bốn cảnh Tịnh Độ từ cõi Phạm Thành Đồng Cư đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ chăng? Nếu họ lập luận: "Dù biết được bốn cõi ấy, cũng gác bỏ qua một bên!". Nói như thế, chư vị ấy há không nhớ lời của bậc tôn túc là Mật Vân thiên sư đã bảo: "Các ông muốn gác bỏ qua một bên, quả

thật là điều: đối trước người si lại càng không thể tỏ ra việc mộng!". Cổ đức nói: "Kẻ tham thiền đời nay lấy sự thấu suốt pháp thân làm điều tất yếu, mà không biết thấu suốt rồi lại phải làm thế nào? Giả sử sau khi thấu suốt, còn thấy có một bóng dáng chi, cũng là cái bệnh!". Đại khái người tham thiền đời nay đều không thoát khỏi cảnh ma chướng sở tri nhỏ nhiệm, trở lại bác các hành giả Tịnh Độ là ngu dốt, chẳng cũng lầm lạc lắm ư!

Vả chẳng khắp cõi hư không có mười pháp giới, mà Tịnh Độ của chư Phật là pháp giới bậc nhất, nên chín giới kia đều nương về. Tu Tịnh Độ ở cõi người rất dễ, còn các cõi địa ngục, ngạ quỷ do nổi khổ bức bách, hoặc không biết danh hiệu Phật, nên khó thật hành. Chư Phật thương xót hằng dùng sức oai thần phóng ánh sáng thanh tịnh đến cứu độ, nhưng các chúng sanh ấy bị sức nghiệp che lấp, nên không nhìn thấy. Phải chờ đến khi nghiệp hết tâm khai, nghe biết và niệm được một câu Phật, thì cảnh địa ngục, ngạ quỷ mới liền biến thành cảnh thanh lương được. Còn loài Bàng sanh thì si mê tăm tối, hàng Tu la lại sân hận lẫy lừng, cũng khó trông thấy từ quang. Riêng hàng chư Thiên do thọ hưởng sự dục lạc rất thắng diệu, nên cũng khó tu môn Niệm Phật.

Nhưng xét kỹ lại, chẳng chịu tu môn Tịnh Độ, không chi hơn hàng Thiên tiên. Các vị ấy chẳng phải không biết Tịnh Độ là đẹp màu, nhưng họ đã được thân thông diệu

dụng, biến hóa bay đi, cùng tự tại ẩn hiện ra vào cảnh có hoặc không. Họ có thể phóng ra các thứ ánh sáng, huyền hiện các hình tượng chư Phật, Bồ Tát cùng các cảnh vật trang nghiêm. Do đó hàng Thiên tiên cho rằng sự vui ở Tịnh Độ chẳng qua cũng chỉ như thế nên không chịu hưởng về. Họ đâu biết rằng mình bị đọa vào huyền thức các cảnh giới giả hiện đều do tinh khí thần hòa hợp biến thành! Đức Phật đã bảo: Hàng Thiên tiên không tu theo chánh giác, chưa phải là vô vi, khi quả báo hết phải tùy nghiệp đọa vào các nẻo! Cảnh thiên chân vốn tự hiện thành, chẳng phải luyện mà được. Nếu tu luyện mà thành tức là có sanh, tất sẽ không tránh khỏi sự biến diệt. Nguyên tinh, nguyên khí chẳng ngoài nguyên thần, mà nguyên thần chính là tên riêng của nghiệp thức. Bậc đại trượng phu phải trở về tánh bản lai, dứt trừ thần thức, chém đứt mạng căn, tại sao lại tu luyện thành một thứ nguyên thần không ngoài vòng nghiệp thức? Có kẻ tuy luyện thành, đến nửa chừng năng lực suy kém, có khi chưa tới kiếp hỏa mà đã hoại trước. Dù có thể củng cố nguyên thần được bền lâu, nhưng lúc đại tai của kiếp lửa đến cũng bị tiêu tán. Bởi kiếp hỏa chẳng những phá thể hữu hình, mà cũng đốt cháy luôn thể vô hình. Đừng tự an ủi rằng: đạo ta như hư không, chẳng thể tiêu hoại! Phải biết hư không cũng là nghiệp thức huyền hiện, bậc chứng được đạo nhãn vô thượng mới soi thấu. Chư Thiên tiên dù có thể

hóa hiện các thứ thắng cảnh, nhưng kết cuộc chẳng được mười phần sáng suốt, và mười phần chánh đại. Đâu bằng chư Phật, Bồ Tát và tất cả chánh báo y báo ở Tịnh Độ đồng ở trong cảnh quang minh rực rỡ thấu suốt còn hơn trăm ngàn mặt trời? Những bậc tu theo Phật giáo khi đắc quả, thấy thời gian không gian đều như huyền, nên có thể hiện cõi Bảo Vương nơi một đầu lông, ngồi chuyển pháp luân ở trong điểm bụi. Cảnh giới ấy chẳng phải hàng Thiên tiên có thể sánh được trong muôn một. Cho nên người tin sâu môn Tịnh Độ mà chuyên tu, tức đã vượt hơn hàng Thiên tiên trăm ngàn ức lần. Nếu chưa thể dứt trừ quan niệm học tiên, chính là chưa phân biệt rõ sự chân giả lớn nhỏ giữa Phật và Tiên vậy.

Pháp môn Tịnh Độ là chỗ quy hướng của tất cả thánh hiền. Khi được sanh về Cực Lạc, tu phước huệ đầy đủ, rồi trở lại Ta Bà, gặp tiên độ tiên, gặp người độ người, gặp ma quỷ độ ma quỷ, cho đến gặp duyên ân oán đều có thể tế độ. Đó mới thật là năng sự của bậc đại trượng phu! Nếu các vị tin chắc môn Tịnh Độ mà quyết chí thật hành, thì hoa sen nơi ao báu ở Cực Lạc sẽ tươi nở ghi tên. Ngay trong hiện tại khi niệm Phật được thanh tịnh, thì tất cả cảnh đẹp, tiếng pháp, hương màu, vi diệu, ánh sáng, lý chân, đều tràn ngập cả mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của các vị. Chừng ấy ngay chính bản thân của chư vị đã thành một đấng Cổ Phật rồi đấy!".

Vào tháng hai, niên hiệu Khang Hy thứ năm mươi đời Thanh, cư sĩ niệm Phật rồi an lành vãng sanh ở am Bảo Thọ, hưởng được sáu mươi hai tuổi. Hàng môn như kết hợp những di ngôn làm thành quyển Tây Khê Cư Sĩ Tập.

---o0o---

VƯƠNG CUNG

Cư sĩ Vương Cung, tự Lễ Ngôn, người đời Thanh, quê ở Thái Thương. Ông tánh điềm đạm ít thị dục, có văn tài nhưng phóng khoáng không thích nghiệp khoa cử. Cư sĩ cất nhà ở Nam viên thuộc về khu biệt dã của Văn Túc Công. Nơi đó trúc biếc thanh u, gộp đá chồng chất, hoa nở suối reo, cảnh trí sum nghiêm mát mẻ. Ông thường cùng các bạn tụ hội tại đây, uống rượu ngâm thi, lấy làm tự đắc.

Đến hơn 50 tuổi, ông bỏ việc ngâm vịnh, trường trai tu tịnh nghiệp, tự hiệu là Phá Hữu cư sĩ. Một đêm, ông mộng thấy đạo chơi cõi Cực Lạc, thức dậy làm thi để lưu ký rằng:

Lòng tin đã chắc khỏi thương lượng,
Mộng đến Liên Bang cảnh lạ thường!
Đây các thiện như bàn tánh tướng,
Kìa chư thiên tử rải hoa hương.
Cầm chim nhạc lưới nhiều thanh điệu,
Gác ngọc lầu châu thấy phóng quang.
Gang tác nguồn tiên từng chẳng cách,

Đừng cho lạc lối tiếc ngư lang!(1)

Tuyết Sơn lão tử khéo bi tình,
Chỉ điếm đường Tây rất bạch minh.
Vô trụ ngại chi nơi đây trụ,
Không sanh khéo đến cảnh này sanh.
Giống lành bẻ tục nhân gieo sấn,
Duyên đẹp trời sen quả tự thành.

Chuyên bước Đài Sơn về cõi ngọc, (2)

Dặm nghìn thôi chẳng hỏi Bồng, Dinh. (3)

Lúc bảy giờ cư sĩ đã 72 tuổi. Mùa hạ năm sau, ông nằm dưỡng bệnh nơi hiên Đàm Ảnh ở Nam viên. Trước hiên có ao sen, một cành hoa to chưa nở mọc lên cạnh mé gộp đá. Một hôm, hoa hướng về phía giường ông nằm mà khoe nở, sắc tươi đẹp hương thanh nhẹ. Hai ngày sau, cư sĩ niệm Phật như thường khóa. Niệm xong, kiết ấn mà qua đời, cành hoa cũng vừa rũ héo. Bảy giờ nhằm ngày mùng 8 tháng 5, niên hiệu Càn Long thứ 47.

Không bao lâu, có người ở Lưu Hà lập đàn cơ cầu tiên. Nhân dịp đó, con của Vương Cung đến hỏi thăm về tin tức của cha. Giây phút cơ động viết thành mấy chữ lớn: "Ta là Phá Hữu chủ nhơn đây!" Hỏi: "Nay cha ở đâu?" Đáp: "Việc trần tục đâu còn chi tưởng nhớ". Người con cố hỏi về việc nhà đôi ba lần, cơ đều đáp: "Nam Mô Phật!" Rồi yên lặng.

Ghi chú:

(1)Đời Tấn có chàng ngư phủ thấy nhiều cánh hoa đào tươi đẹp, từ một con suối trôi ra sông, liền bơi thuyền ngược dòng tìm. Đến nơi thấy một vùng non xanh nước biếc, hoa đào đua nở, lầu đài quang cảnh xinh đẹp khác tục trần. Hôm sau chàng lại tìm định dời nhà đến đó ở, thì lại lạc mất lối cũ, trong lòng lấy làm bàng hoàng mẩn tiếc. “Nguồn tiên” trong câu chuyện, ám chỉ cho cảnh Cực Lạc. Đây ý nói cõi Ta Bà và Cực Lạc đều ở trong thể chân tâm. Nếu niệm Phật thanh tịnh thì dung hòa vào chân tâm. Ta Bà và Cực Lạc không cách xa gang tấc. Như niệm Phật mà tâm còn vọng tưởng loạn động, tất sẽ lạc lối cách xa Cực Lạc, như chàng ngư phủ lạc lối Đào nguyên, mẩn tiếc cũng đã muộn!

(2)Cư sĩ La Đài Sơn tu Tịnh Độ, nhưng niệm trần còn, nguyện vãng sanh chưa chắc, nên chuyển kiếp trở lại hưởng sự phú quý. Ý nói mình tin nguyện chắc chắn, khác hẳn với Đài Sơn, giả sử hiện tại có gặp Đài Sơn mình cũng lôi kéo ông ta chuyển bước hướng về Cực Lạc.

(3)Bồng Đảo, Dinh Châu là cảnh đẹp của tiên. Ý nói mình đã biết cõi Cực Lạc đẹp màu ức bội phần hơn cảnh tiên, thì không cần chi tìm hỏi về cõi Bồng, Dinh xa xôi nghìn muôn dặm nữa!

TRƯỜNG CHUNG QUỲ

Trương Chung Quỳ, người đời Đường, nhà ở chợ Trường An, làm nghề giết gà bán thịt. Khi sắp chết, ông thấy một vị mặc áo lụa đỏ, đuôi bầy gà đến, bảo: "Cho phép các người báo thù!" Bầy gà liền xúm đến thi nhau mổ. Hai mắt và khắp mình Trương đều đổ máu. Chung Quỳ đau đớn chịu không nổi, rên siết kêu la. Người lân cận nghe biết, đều tụ đến nhìn xem, lộ sắc kinh hãi.

Vừa lúc ấy, có Sa môn Hoằng Đạo đi ngang qua, thấy chuyện huyền ảo, liền ghé vào, bày Thánh tượng, khuyên Chung Quỳ cấp thiết niệm Phật. Trương vâng lời, chấp tay chí tâm niệm lớn, bỗng nghe mùi thơm đầy nhà, bầy gà tan rã bỏ đi. Ông tiếp tục niệm một lúc, rồi ngồi ngay thẳng mà mãn phần.

TRƯƠNG THIÊN HÒA

Trương Thiên Hòa, người đời Đường, chuyên nghề giết trâu bò bán thịt. Khi sắp chết, ông thấy loài thú ấy kéo đến đầy nhà, nói tiếng người rằng: "Mi đã giết chúng ta, hôm nay phải đền tội!" Thiên Hòa kinh hãi, vội gọi vợ mau tới chùa gần bên, thỉnh chư tăng hộ trợ.

Giây phút, một vị tăng đến, bảo rằng: "Kinh nói: Nếu có chúng sanh nào tạo nghiệp chẳng lành, sắp đọa ác đạo, nên chí tâm niệm Nam Mô A Di Đà Phật mười hơi. Như thế, trong mỗi câu hồng danh sẽ trừ được tội nặng trong 80 ức kiếp sống chết, liền được sanh về thế giới Cực Lạc!".

Thiện Hòa nói: "Tướng hỏa xa ở địa ngục đã hiện tới rất gấp! Mau đem hương lại đây!". Rồi không kịp bung lấy lư hương, sảng sốt tay trái bốc than lửa, tay mặt cầm hương đốt, xây mặt về Tây lớn tiếng niệm Phật. Trương vừa niệm hơn mười câu, bỗng reo lên nói: "Đức Phật A Di Đà hiện đến, đã trao tòa sen báu cho tôi!". Nói xong, liền qua đời.

KIM THÍCH

Kim Thích, người bình dân lam lũ, chưa rõ xuất xứ. Trước tiên ông chài lưới buôn bán cá để sinh nhai, sau tự giác ngộ sợ ác báo, đổi sang nghề khác. Kế tiếp, ông trường trai tu hành, mỗi ngày niệm Phật đủ muôn câu, không thêm bớt thay đổi.

Một hôm, Kim Thích bảo người nhà rằng: "Tôi đã thấy đức Phật A Di Đà cùng Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, và được cho biết sắp sanh về Cực Lạc!". Hôm sau lại nói: "Có hoa sen vàng từ hư không bay đến rước tôi!". Nói xong đốt hương ngồi ngay thẳng, rồi kiết ấn mà hóa. Lúc ấy tiếng nhạc thanh thoai dìu dặt nổi lên giữa hư không, hương lạ bát ngát trọn ngày không tan.

Bây giờ nhằm niên hiệu Chánh Hòa thứ 6 đời Tống.

PHÙNG MÂN

Phùng Mân, người đời Tống, ở xứ Thượng Ngu, thuở bé thích võ nghệ, lớn lên ưa săn bắn. Vùng ấy ở gần rừng

núi, có con rắn cực to thỉnh thoảng bò ra ăn thịt gia súc, dân làng đều nơm nớp lo sợ.

Phùng Mân lập thể bắn giết được ác xà, nhưng từ đó rắn thường hiện hình tác quái làm cho trong nhà không yên. Ông lo ngại nó báo thù nên nương về Phật pháp, sám hối làm lành, và chuyên tâm niệm Phật. Tu hành như thế được mười năm, một đêm nọ ông mời nhiều bạn đồng tu đến nhà cùng tụng kinh A Di Đà và niệm Phật.

Khi tụng đến bài sám Phổ Hiền, tiếp qua kệ nguyện vãng sanh, ông ngồi ngay thẳng chấp tay nhắm mắt mà qua đời.

NGÔ QUỲNH

Ngô Quỳnh, người trong hạng thường dân, chưa được rõ xuất xứ. Trước tiên ông xuất gia làm tăng, rồi hoàn tục đi nấu bếp cho người. Mỗi khi xắt thịt, miệng ông xưng Phật hiệu không ngớt và thường dạy người trong làng tụng kinh tu sám, niệm A Di Đà Phật.

Về sau, dưới mí mắt Ngô Quỳnh đột nhiên sanh một bướu bọc lớn bằng trứng gà. Ông kinh sợ, giao tất cả việc nhà cho vợ con, rồi cất một túp am tranh, ngày đêm chuyên niệm Phật. Mùa thu năm Thiệu Hưng thứ 23 đời Tống, ông đi khắp nơi thăm viếng và bảo người trong làng rằng: "Ngày mai vào giờ Tuất, Ngô Quỳnh sẽ về Tây

Phương!" Mọi người nghe nói đều cười. Chiều tối hôm sau, ông lại đi mời các bạn đồng tu, nói: "Đã sắp đến giờ vãng sanh, xin hoan hỷ tới trợ niệm cho tôi!" Khi các đạo hữu tề tựu, ông mặc áo vải, vòng tay từ giã mọi người, kể rót rượu ra chén bung uống hết, rồi viết bài kệ lưu lại như sau:

Nâng chén rượu không không,

Còn hỏi chi Thiên tông?

Ngày nay xin trân trọng,

Gió mát lại trăng trong!

Viết xong, ngồi kiết già ngay thẳng, chấp tay niệm Phật. Các đạo hữu cũng đồng niệm theo. Độ giây phút, ông bỗng to tiếng nói: "Đức Phật A Di Đà đã đến!" Liên nhắm mắt mà thoát hóa.

HOÀNG SANH

Hoàng Sanh, người đời Tống, quê ở Đàm Châu. Gia thế vốn nghèo, ông làm nghề thợ rèn để sanh sống.

Một hôm có vị tăng đến nhà khát thực. Ông vội vã mời ngồi uống nước, và đem thức ăn ra cúng dường. Vị tăng thấy là người hảo tâm, khuyên niệm Phật tu hành. Ông thưa: "Con làm nghề này, từ hừng sáng đã thức dậy, kéo lửa đập sắt đến tối mịt, gân sức mỗi mòn, còn thì giờ và năng lực đâu để tu niệm?" Vị tăng bảo: "Không ngại chi, việc tu hành phải tùy phương tiện. Trong mỗi cử động khi kéo ống thổi lửa và đập sắt, ông niệm một câu Nam Mô A

Di Đà Phật. Mỗi ngày cứ hành trì như thế, cũng là một cách thức tu niệm, và sẽ được Phật tiếp dẫn về Tây Phương". Hoàng Sanh nghe qua vui vẻ, từ đó y theo lời dạy mà tuân hành.

Một ngày nọ, ông mời người bạn quen nhà lân cận đến, đọc bài kệ như sau, bảo ghi chép:

Cong cong cang cang,
Luyện lâu thành gang.
Thái bình kê cận,
Ta về Tây Phang!

Người bạn biên xong, ông lại bảo: "Xin lưu bố bài kệ này, để khuyên mọi người tu hành". Nói xong chấp tay niệm Phật ít câu, rồi nhắm mắt mà vãng sanh.

NGÔ MAO

Ngô Mao nguyên là đứa ở của một thế gia cũng họ Ngô tại Thanh Dương, nên được người xung quanh gọi là Tiểu Ngô. Bình thời, Tiểu Ngô ăn chay trường niệm Phật làm lành, và rất trung thành với chủ. Lúc làm công việc, miệng cũng lâm râm niệm Phật không dứt.

Khi binh của Tả Lương Ngọc tràn qua sông đến Thanh Dương, cả nhà họ Ngô đều bỏ trốn đi, chỉ để một mình Tiểu Ngô ở lại gìn giữ. Binh giặc đến nơi cướp bóc lục soát, bắt Tiểu Ngô tra hỏi, rồi đâm 7 thương giết chết. Giặc kéo đi hết nhà chủ trở về thấy Tiểu Ngô bị đâm chết, cho

mời người anh lại để làm bằng chứng. Khi người anh đến, Ngô Mao bỗng tỉnh lại nói: "Tôi vì ác nghiệp đời trước, đáng lẽ phải chuyển kiếp làm thân heo 7 lần. Nhưng nhờ đời này biết trai giới niệm Phật, nên chỉ chịu 7 thương để trả xong 7 kiếp làm heo. Hiện thời, Phật A Di Đà đứng chờ ở hư không để tiếp dẫn tôi về Tây Phương". Nói xong, chấp tay nhắm mắt mà vãng sanh.

Việc này ở vào năm đầu niên hiệu Thuận Trị đời Thanh.

VƯƠNG NGƯỠNG TUYỀN

Vương Ngưỡng Tuyền, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu, làm nghề giết dê bán thịt. Trong thời gian hành nghề, ông giết dê rất nhiều, không biết số là bao nhiêu.

Về sau Ngưỡng Tuyền đau bệnh, thấy bầy dê đến đòi mạng, đứng chật cả trong ngoài. Khi bệnh lành, ông quá sợ hãi, liền đổi nghề, trường trai thờ Phật. Từ đó Ngưỡng Tuyền ngày đêm tụng kinh Kim Cang đủ số ba tạng (1500 biến), rồi tiếp sang lễ bái kinh Pháp Hoa và chuyên niệm Phật.

Lúc được tám mươi một tuổi, ông thấy quỷ sứ tới đòi lôi xuống Minh ty đối chất về vụ án mạng, liền kháng cự rằng:

- Đợi Phật đến tôi mới đi!

Rồi chấp tay niệm Phật chí thiết suốt cả ngày đêm. Đến năm hôm sau, Ngưỡng Tuyên thấy Phật A Di Đà hiện thân cao lớn giữa hư không, duỗi tay xuống tiếp dẫn. Ông thuật lại cho người nhà biết, rồi chấp tay vui vẻ mà qua đời.

---o0o---

LƯƠNG DUY CHÂU

Lương Duy Châu, quê ở Thiệu Hưng, làm người chấp sự tại am Long Đàm. Đến 40 tuổi, ông mù cả đôi mắt, không còn làm việc để sanh sống được, muốn tự tử.

Có vị tăng ở trong am khuyên ngăn rằng: "Buồn phiền mà chết như thế, chỉ thêm nghiệp chớ không được giải thoát. Ở thế giới Cực Lạc phương Tây có đức Phật hiệu A Di Đà. Nếu ông chí tâm thường trì niệm hồng danh, thì sẽ vĩnh viễn thoát khổ, sanh về cõi an vui. Vậy sự đui mù có chi mà đáng ngại? Như ông chịu làm y theo lời, tôi nguyện xin khát thực để giúp đỡ!" Duy Châu cảm tạ, nguyện xin tuân hành.

Ông chí thiết niệm Phật được 3 năm, đôi mắt bỗng nhiên sáng lại. Hơn nửa tháng sau, ông bảo chúng rằng: "Tôi sắp đi xa!" Qua ba hôm, vào giờ Ngọ, Duy Châu ngồi chấp tay day mặt về Tây niệm Phật mà thoát hóa. Lúc ấy nhằm năm Càn Long thứ 38.

Lời bình:

Từ truyện Trương Chung Quý đến đây, hoặc bởi những người không quy y Tam Bảo, hoặc do sự hiện tích có vẻ ly kỳ, nên soạn giả không sắp vào hàng tứ chúng, mà liệt vào hạng tạp lưu vãng sanh.

Cảnh luân nghiệp quả đáng bi thương, kiếp phù sinh vẫn như mộng huyễn. Bao nhiêu nỗi khổ vui, vinh nhục, đắc thất đã trải qua: việc lo toan về bản thân, gia đình, xã hội chưa thấy ổn, mà cái chết đã kề cận một bên rồi! Môn Niệm Phật đối với người tại gia rất cần thiết! Bởi thân đắm vào lò lửa trọc trần, tâm chìm trong ngục tù phiền não, khi một hơi thở chẳng vào thì nghiệp tam đồ kế tiếp. Nếu không nhờ sức Phật, làm sao đối địch nổi với cảnh này? Với những kẻ tạo nghiệp chẳng lành đang bị ác báo, thì công đức của Phật hiệu, sự hộ trì của tha lực lại càng khẩn yếu. Đại khái như Chung Quý và Duy Châu, nếu chẳng nhờ một câu hồng danh thì làm sao được giải thoát? Thế mới biết bi nguyện của Phật thật vô cùng rộng sâu, chẳng bỏ sót một chúng sanh nào cả!

---o0o---

XÓA SẠCH DUYÊN TRẦN

(Phóng dịch "Thất Bút Câu" của ngài Liên Trì)

I. XÓA SỰ HIẾU DƯỠNG THEO ĐỜI

Công ơn sanh dưỡng
Biển thăm non cao
Gấm vóc trần tu đáp được nào?
Cha mẹ lìa trần cầu
Đạo con mới thành tựu
Ôi chà chà!
Giải thoát xuất trần nhân lớn lao
Phàm tình đâu đã hiểu!
Cháu hiền cùng con thảo
Chân không, lẽ diệu mau tham cứu!
Bởi thế nên đem
Năm sắc kim chương xóa sạch làu!

II. XÓA TÌNH VỢ CHỒNG AN ÁI

Vợ chồng duyên đẹp
Loan phượng mền yêu
Mối dây ân ái thưở nào tiêu?
Mộng tình theo lẽ dẽ
Duyên hết lìa đôi nẻo!
Ôi chà chà!
Vấn vương vui hết lại buồn đau
Tam đồ thêm khổ não!
Xét rõ phá oan gia
Tìm cửa đạo màu mau thoát tháo.
Bởi thế nên đem

Cả nước duyên kia xóa sạch lầu!

III. XÓA LÒNG QUYẾN LUYẾN CON CHÁU

Cháu con đeo đẳng
Nhu thịt bấu thừa.
Vì con cháu chịu kiếp trâu lừa!
Họ Đậ non Yên xưa
Ngày nay còn đâu nữa?
Ôi chà chà!
Nghĩ lo trăm kể lại ngàn mưu
Cũng về nơi Ô hữu!
Trở lại tánh Bản lai
Dẫu rằng vạn kiếp trường xuân hảo!
Bởi thế nên đem
Con cháu kim lan xóa sạch lầu!

IV. XÓA BỎ NIỆM CÔNG DANH

Công danh khoa bảng
Riêng chiếm ngao đầu
Vui mừng đắc ý buổi thanh thu!
Ăn vàng ngồi tinh đầu
Danh đẹp thơm trường cửu
Ôi chà chà!
Bao nhiêu thanh thiếu những mong cầu
Tóc xanh thành bạch thủ!

Khi tỉnh giấc hoàng lương
Một tiếng cười khan đời mộng ảo!
Bởi thế nên đem
Quý hiển công danh xóa sạch lầu!

V. XÓA BỎ SỰ THAM SANG GIÀU

Của tiền giàu có
Xe ngựa nhà lầu.
Lấy lòng thanh thế sánh vương hầu.
Khi cầu nhiều kiếp khổ
Lúc được lo nghiêng đổ!
Ôi chà chà!
Đạm thanh biết đủ thặng trần tu!
Áo gai dường cảm tú!
Khoảng trời đất tiêu dao
Nhà rộng của nhiều đâu đủ báu?
Bởi thế nên đem
Tài sản điền viên xóa sạch lầu!

VI. XÓA TÂM MÊ ĐẮM SẮC TÀI

Cầm kỳ văn họa
Tài sắc phong lưu
Gieo vàng tỏ ngọc vẻ tươi màu!
Cờ thi hòa rượu đấu
Cầm ca diu dặt tấu!

Ôi chà chà!
Gấm hoa xán lạn suốt canh thâu
Nhã nhạc lừng ngưi đầu!
Già chết chột đến nơi
Cấp cứu trăm luân ai đảm bảo?
Bởi thế nên đem
Tài sắc văn chương xóa sạch lầu!

VII. XÓA TÁNH ỦA THÍCH DU NGOẠN

Dạo chơi thắng cảnh
Thu đẹp xuân kiêu!
Túi thi đàn rượu khắp ngao du!
Non nước vài thân hữu
Mưa khói mờ hoa liễu!
Ôi chà chà!
Ráng hồng suối bạc sánh phong lưu
Đâu nghĩ ngày mai hậu?
Sáng tối thoáng qua mau
Thắng thốt quay đầu suy, bịnh, lão!
Bởi thế nên đem
Phong nguyệt tình vui xóa sạch lầu!

VIỆT QUỐC PHU NHƠN

Việt quốc phu nhơn Vương thị, nguyên là vợ của Kinh Vương. Kinh Vương lại là chú của Triết Tôn hoàng đế đời

Tổng. Phu nhơn chuyên niệm Phật ngày đêm không gián đoạn, lại hướng dẫn các hàng tỳ thiếp đều tu Tịnh Độ cầu sanh Cực Lạc. Trong hàng tỳ thiếp ấy, có một cô thường hay biếng trễ. Phu nhơn gọi lên bảo: "Không thể vì một mình người, mà phá hoại quy củ của ta!". Rồi liền đuổi ra khỏi đoàn thể.

Người thiếp sợ hãi ăn năn, phát tâm tinh tấn niệm Phật không nài mỗi nhọc. Một hôm, cô bảo bạn đồng sự rằng: "Em sắp đi xa!". Đêm lại mùi hương lạ bay đầy phòng, cô không bình chi mà qua đời. Cách vài hôm sau, cô bạn đồng sự thưa với phu nhơn rằng: "Đêm vừa rồi, con mơ thấy người thiếp mãi phân nhờ chuyển lời kính xin cảm tạ ân đức vô lượng của phu nhơn. Bởi nhờ phu nhơn răn trách, mà cô đã được sanh về Cực Lạc!". Phu nhơn bảo: "Nếu nó có thể ứng mộng cho ta biết thì ta mới tin!". Đêm ấy, phu nhơn nằm mộng thấy người thiếp quá cố đến tạ ân như lời đã nói, liền hỏi: "Cõi Tây Phương có thể đến được chăng?". Cô đáp rằng: "Được!", rồi dẫn phu nhơn bay đi. Độ giây phút, đến một bảo trì to rộng mênh mang, ánh sáng giao hòa chói suốt. Trong ao báu, hoa sen lớn nhỏ xen lẫn gồm nhiều màu sắc và quang minh, có đóa hoặc tươi hoặc héo. Phu nhơn hỏi duyên cớ, người thiếp thưa: "Chúng sanh ở Ta Bà vừa phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi đây liền hóa sanh một hoa sen. Nếu đương nhơn mỗi ngày tinh tấn tu niệm, thì hoa càng thêm lớn và

tươi đẹp. Trái lại nửa chừng lần lần biếng trễ, tất hoa sẽ héo. Như không tiếp tục tu hành, hoa liền tàn rồi ản mất. Còn phát tâm tinh tấn niệm Phật trở lại, thì một hoa sen khác mọc lên. Nếu công tu lâu ngày vẫn không thôi chuyển, tất tịnh quả sẽ thành thực. Khi đương nhơn bỏ báo thân ở Ta Bà, thần thức sẽ nương gởi vào thai sen ấy, đợi đến khi hoa nở thấy Phật". Nhìn ra xa, trên một đài hoa có vị đầu đội mào ngọc, cổ đeo chuỗi anh lạc, phục sức và thân tướng trang nghiêm, phu nhơn hỏi: "Ai đây thế?". Người thiếp thưa: "Đó là Vô Vi cư sĩ Dương Kiệt. Vị ấy vừa mới vãng sanh về đây". Phu nhơn thấy một người khác mặc triều phục, ngồi trên đóa sen hơi kém hơn, lại hỏi thăm. Cô thiếp đáp: "Đó là cư sĩ Mã Vu, chờ khi công thành quả mãn, cũng lại sắp vãng sanh về đây". Phu nhơn hỏi: "Còn ta sẽ sanh về chỗ nào?". Người thiếp liền dẫn bà bay đi độ vài dặm. Nơi ấy có một hoa tòa to lớn, cánh bích ngọc, đài hoàng kim, phóng ánh sáng rực rỡ. Người thiếp chỉ đóa hoa nói: "Đây là chỗ sanh của phu nhơn, thuộc về kim đài thượng phẩm!".

Khi thức dậy, phu nhơn ghi nhớ rõ điềm mộng, nỗi vui mừng bi cảm lẫn lộn, càng tinh tấn tu hành. Đến hơn tám mươi tuổi, nhằm ngày sinh nhật, sáng sớm bà thức dậy, hai tay bung lò trầm hương nhỏ, khói thơm bay tỏa, nghiêm kính đứng hướng về phía Quan Âm Các. Tất cả tỳ thiếp y phục chỉnh tề, sắp thành hàng bước đến định làm lễ

chúc thọ. Nhưng khi nhìn xem lại, thì phu nhơn đã thoát hóa.

Lời bình:

Ấn Quang pháp sư nói: "Tác dụng của thần thức và nghiệp lành dữ đều không thể nghĩ bàn! Có kẻ tạo ác, tuy còn sống ở trên dương thế, mà một phần hình thần đã thọ khổ nơi địa ngục. Lại có hành giả tu Tịnh Độ, tuy hiện đang ở cõi trược, mà một phần thần thức đã sanh về Liên Bang". Trường hợp của Mã Vu trên đây cũng như thế.

Người nữ sinh về Cục Lạc, đều chuyển thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt trang nghiêm. Nhưng cô thiếp lại hiện ra thân nữ cho đồng bạn và Kinh Vương phu nhơn trông thấy cũng chỉ là phương tiện hóa hiện, để người quen dễ được nhận thức đó thôi. Điều này độc giả nên thông hiểu và đừng lấy làm nghi hoặc.

TẦN THỊ

Tần thị có chồng là họ Vu, làm nghề đánh cá ở sông Tiền Đường. Con của bà chơi bời theo du đảng, phạm hình luật bị bắt đến quan, khiến cho sản nghiệp đều tiêu tán. Tần thị sầu khổ, đến mé sông muốn tự trầm.

Vừa may đâu, bà gặp một vị tăng là Từ Chiêu pháp sư ở chùa Tịnh Trụ hỏi thăm biết duyên cớ, khuyên bảo rằng:

“Người đời khi bị những cảnh khổ bức bách, đó đều là nghiệp duyên kiếp trước. Vậy nên cố gắng an lòng nhẫn chịu. Nếu quản trí mà tự tử, tất gốc tội nghiệp càng sâu. Muốn giải trừ nghiệp khổ, chỉ có con đường duy nhất là làm lành niệm Phật!”. Tần thị nghe nói tỉnh ngộ, liền đốt một ngón tay trước bàn Phật để cúng dường, và phát nguyện ăn chay trường tu Tịnh Độ. Bà hành trì như thế hơn mười năm không biếng trễ. Khi gặp mọi người, đều chấp tay xưng là Phật tử.

Một hôm Tần thị thỉnh chư tăng đến nhà tụng kinh Quán Vô Lượng Thọ, còn mình thì ngồi lần chuỗi niệm Phật. Khi tụng đến chương Quán Tượng, bà yên lặng mà thoát hóa.

PHỤNG THỊ

Phụng thị, tên Pháp Tín, người đời Tống, quê ở quận Quảng Bình. Bà nguyên là vợ của quan Thừa tuyên sứ Trần Tư Cung. Thuở nhỏ phu nhơn vốn hay đau yếu, khi về nhà họ Trần, bệnh càng nhiều.

Bảy giờ Từ Thọ Thâm thiên sư đang hoằng pháp ở Vương Thành. Bà đến nơi đánh lễ, cầu xin chỉ dạy phương pháp trừ bệnh tật. Thiên sư bảo phải trì trai và niệm Phật. Phu nhơn tin nhận, về nhà chưa đầy một tháng, liền bỏ đồ trang sức, ăn chay trường, mặc áo vải, mỗi ngày hằng tụng kinh niệm Phật. Khi làm các công đức, bà đều hồi hướng

cầu sanh Tây Phương. Không bao lâu, bệnh hoàn toàn lành mạnh. Tuy vẫn lo liệu việc nhà như cũ, nhưng phu nhơn không bỏ thời khóa tu trì.

Hành đạo như thế hơn mười năm, bà không lộ dáng biếng trễ, chẳng tỏ vẻ kiêu căng, thể mạnh tâm an, thần khí càng thêm hưng vượng. Một hôm phu nhơn cầm bút viết kệ rằng:

Duyên nghiệp cuốn lôi xót những ngày!

Từ lâu uổng chịu kiếp trâu cày.

Buộc vàm xỏ mũi nay đà thoát,

Rủ sạch thân tâm lại cõi Tây.

Hàng tùy thuộc thấy lời kệ, đều lấy làm lạ. Phu nhơn bảo: “Ta từ thanh tịnh giới, vì sai một niệm nên lạc đến chốn này. Nay duyên Chi-na sắp mãn, quả Liên quốc hầu kê, rất thích hợp với nguyện ta, có điều gì mà kỳ lạ?”. Tháng chín năm ấy, phu nhơn nhiễm bệnh. Vào ngày đầu tháng mười một, bà gọi thị nữ bảo: “Thần thức ta dạo chơi Tịnh Độ, lễ cần Đức A Di Đà Thế Tôn, Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí dùng con mắt từ bi hoan hỷ, ngắm nhìn. Trăm ngàn muôn ức Phật tử thanh tịnh đều cúi đầu chào mừng ta được sanh về cõi ấy. Đến như rừng quỳnh ao báu, cung ngọc lưới châu, ánh sáng vẻ đẹp, đều đúng y như kinh Thập Lục Quán đã nói. Cảnh trí kỳ diệu không cùng, đến đó mới biết, không thể diễn tả cho hết được!”. Thị nữ mời

Trần Tư Cung tới thuật lại, rồi đồng cùng nhau chấp tay niệm Phật.

Đến sáng hôm sau, phu nhơn nằm nghiêng mình bên mặt mà mẫn phần. Ba ngày kể mới nhập liệm, người trong nhà vẫn còn nghe mùi hương lạ. Khi sắp trà tỳ, gia nhơn còn quyến luyến giở ra nhìn, gương mặt còn tươi như lúc sống. Phu nhơn hưởng dương ba mươi sáu tuổi.

NGÔ THỊ

Ngô thị, người đời Tống, nguyên là vợ quan Đô viên ngoại lang Lữ Hoằng. Viên ngoại lang vẫn là bậc thông suốt Phật lý, cùng vợ đồng chí hướng thanh tu.

Phu nhơn có hai vị thị nữ, cũng trường trai tu niệm như bà. Một cô ưa Thiên tông, sau mang bệnh song vẫn thản nhiên cười nói, và ngời thoát hóa xem rất tự tại. Cô kia giữ giới khắc khổ, nhiều khi trọn ngày không ăn, chỉ uống một chén nước gia trì chú Đại Bi của phu nhơn mà thôi. Ngày nọ, cô thấy ba vị đứng trên ba đài sen báu hiện ra trước mắt, nhưng chỉ lộ những bàn chân. Vài hôm sau thấy đến đầu gối. Đôi ba bữa nữa, thấy tới thân mình. Rồi lần lần đầu mặt, viên quang, các tướng tốt đều hiện ra đầy đủ. Trước mắt, nghiêm nhiên là diệu tướng của Tây Phương Tam Thánh, đức A Di Đà đứng giữa, hai bên là Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí. Không bao lâu, đất vàng, ao báu, lầu đài, rừng cây, chim lạ, các nam tử thanh tịnh ngời thiên

hoặc đi kinh hành, đều lần lượt hiện ra đầy đủ rõ ràng, như nhìn đường chỉ trong lòng bàn tay. Cô thấy như thế suốt ba năm, chớp mắt cũng không ngăn cách, hằng đem cảnh giới ấy thuật lại cho mọi người biết. Đôi ba kẻ hỏi: “ Cô có nghe được Phật thuyết pháp chăng ? ”. Đáp: “Tôi chỉ được thiên nhãn, chưa đắc thiên nhĩ, nên không nghe được lời thuyết pháp của Phật và chư Bồ Tát !”. Ít lâu sau, cô tự biết trước ngày vãng sanh, từ biệt người quen thân, rồi niệm phật mà hóa.

Riêng phần phu nhơn, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Trên bàn Phật, bà để vài mươi chiếc bình đựng đầy nước sạch. Mỗi khi phu nhơn trì chú Đại Bi, thường thấy đức Quán Thế Âm phóng ánh sáng vào bình. Ai đau bịnh, bà đem nước ấy cho uống đều được an lành. Có điều lạ, qua tiết đông nước trong bình không hóa thành băng, và dù để lâu sắc vị cũng chẳng biến đổi. Do những sự việc trên, người trong vùng đều gọi phu nhơn là Quán Âm huyện quận. Sau bà trì chú niệm Phật rồi an lành mà vãng sanh.

DIÊU BÀ

Diêu bà, chưa được rõ tên và nguyên quán. Bà chuyên tu Tịnh Độ, quán và niệm Phật không xen hở. Một buổi chiều, đang ngồi hướng về Tây trì niệm, bà bỗng thấy nơi

vàng nhựt, đức Phật A Di Đà hiện thân, tướng tốt trang nghiêm đầy đủ. Bà đem việc đó thuật rõ với Tư Tịnh đại sư, xin họa cảnh tượng ấy. Có vị tăng là Pháp Di, làm bài kệ tán như sau, để dưới bức tượng:

Thế giới Cực Lạc có phương sở.

Ở chỗ mặt trời lặn mỗi ngày.

Vì thế Phật dạy Vi Đề Hy.

Quán vàng nhựt lặn như huyền cổ.

Lành thay Diêu Thị một lão bà!

Dùng được tâm này cầu Tịnh Độ.

Sáng tướng tối tướng qua nhiều năm

Đi niệm ngồi niệm quên lao khổ.

Di Đà lần từ tâm tịnh sanh,

Hốt nhiên trước mặt kim dung lộ.

Bấy giờ hư không chẳng chút mây.

Ngọn dâu bóng xế ngự ngàn cây.

Rực rỡ Phật huy mờ ánh nhựt.

Ngọc hào, mắt biếc tướng màu đây.

Mừng vui kinh lạ lẫn thương bi!

Bà liền đến chùa bạch Đại sư.

Thuật rành chỗ thấy diêm hy hữu

Xin vẽ kim dung cảnh tượng này.

Tôi khen việc lạ, khi nghe rõ

Khai thị người mê dùng kệ tỏ.

Đức Phật, Tây Phương vốn chẳng xa

Xiển đề đầu hiểu sự lý đó.
Mười muôn ức cõi tuy cách nhau,
Một niệm vượt qua nguyên chẳng khó.
Nếu muốn tìm đường hỏi lối Tây
Tây Phương thẳng lối từ tâm nọ.

VƯƠNG THỊ

Vương thị, người đời Tống, quê ở Minh Châu, mỗi ngày thường trì tụng kinh Kim Cang. Cô mang thai đã hai mươi tám tháng mà chưa sanh, thân hình càng lúc càng gầy. Ngày nọ, ngẫu nhiên đứng tựa cửa, một bậc dị tăng đi ngang qua, chăm chú nhìn, rồi bảo: “Người có căn lành, sao chẳng ấn thí kinh Kim Cang một ngàn quyển?”. Vương thị y theo lời, lại trai tăng ngàn vị và tụng ngàn quyển kinh Kim Cang. Việc hoàn tất canh ba đêm hôm ấy, cô mộng thấy vị thần cầm kim cang bảo xử chỉ vào bụng. Khi thức dậy đã sanh hai đứa con trai nơi giường từ lúc nào mà không hề hay biết.

Từ đó Vương thị trì trai tụng kinh không thôi nghỉ. Đến năm sáu mươi một tuổi, cô bị bạo bệnh chột tất hơi, thấy hai sứ giả dẫn xuống ra mắt Minh Vương. Sau khi trình bày mình đã tụng kinh Kim Cang từ lúc tuổi trẻ, cô được Minh Vương cho ngồi nơi giường bằng vàng bên mé điện, và bảo thử tụng qua một biến kinh. Vương thị vâng lời tụng xong, vua hỏi: “Sao chẳng niệm chú bồ khuyết?” Cô

đáp: “Trên dương thế không thấy có bản chân ngôn ấy?”. Minh Vương sai phán lại soạn trong Đại Tạng, lấy bản chú ra trao cho Vương thị và bảo: “Khi trở lại dương gian, nên lưu thông bản chú này đừng sơ sót. Về sau người mãn phần, sẽ được sanh thẳng sang thế giới Cực Lạc, không còn trở lại đây nữa!”.

Sau khi hoàn sanh, Vương thị làm y theo lời chỉ dạy. Đến năm chín mươi một tuổi, không bệnh mà tọa hóa. Chân ngôn bồ khuyết ấy như sau: “Um ! Hô rô hô rô xá duệ mục khế xóa ha”.

VỢ TƯỚNG THẬP BÁT

Vợ Tướng Thập Bát, người đời Tống, quê ở Hải Diêm. Đến tuổi trung niên, cô khuyên chồng cùng mình dứt trừ ái dục, hợp chí tu hành. Mỗi ngày vợ chồng đều tụng Kinh Đại thừa và niệm Phật. Hai người hành trì như thế trải hơn bốn mươi năm.

Một hôm, cả hai tắm gội thay y phục, rồi đốt hương lễ sám niệm Phật. Kế đó, đều lưu lại một bài tụng mà vãng sanh. Tướng Thập Bát viết bài tụng rằng:

Chát thân hư huyễn này
Bốn đại hợp thành đây!
Sẽ tan về gốc cũ
Rồi tiếp tục vắn xoay.
Các huyễn khi đã diệt

Tro bay khói cũng tuyệt.
Nhu khoảng không cơn gió
Tợ trời xanh bóng nguyệt.
Đã chẳng chi ngăn cách
Lại một màu sáng sạch.
Tất cả đều dứt trừ
Không nghĩ bàn biện bạch!
Năm qua hơn bốn chục
Xa lìa các thị dục.

Chỉ xiển dương Đại thừa
Sớm chiều niệm tụng đọc.

Ngày nay buông xả trở về Tây
Tự có duyên lành quả cụ túc!

Bài tụng của vợ Tướng Thập Bát như sau:
Tụng quá Liên kinh muôn bốn thiên,
Bình sanh hương hỏa có nhân duyên.
Tây Phương là chỗ ta về đến,
Trăng gió đồng nương Bát nhã thuyền!

CHÚC THỊ

Chúc thị, người đời Minh, quê ở Công An, nguyên là vợ của Cũng Trọng Thuần. Cô có mấy người cháu là anh em Viên Hoảng Đạo thường luận bàn về Phật lý, nên được nghe hiểu, tin nhận và hành trì theo Pháp môn Tịnh Độ. Ngoài việc niệm Phật, cô còn kiêm tụng kinh Kim Cang.

Một hôm, Chúc thị bảo các con rằng: “Phật dạy ba ngày nữa sẽ đến rước mẹ!”. Đến kỳ hạn, cô tắm gội, mặc lễ phục ngồi trước bàn Phật. Người trong thân quyền đều đứng sắp hàng hai bên. Giây phút, cô tự nói: “Đức Phật đã đến, phóng ánh sáng nơi bạch hào xa vài trượng”. Lại nói: “Tôi thấy một vị tăng tướng tốt trang nghiêm, tự xưng là Tu Bồ Đề. Trong khoảnh khắc ngài phân thân ra hơn một trăm vị khác”. Một thân quyền ở gần bên bảo: “Kinh Kim Cang điệp lại một trăm ba mươi tám lần Tu Bồ Đề, có phải là sự cơ cảm đầy chãng?”. Đoạn các quyền thuộc đều đốt hương cầm nơi tay, xưng danh hiệu Phật. Chúc thị mỉm cười mà qua đời.

Lúc ấy trong nhà có một tỳ nữ mới chín tuổi, đang nằm ngủ gật nơi đất bỗng tự kêu to lên rồi đứng dậy ôm mặt khóc. Gạn hỏi, nó thưa: “Con thấy mấy vị thần mặc giáp vàng rất cao lớn, cầm tràng phan đưa bà đi. Cán phướn đung trúng mặt, con đau quá nên bất giác kêu lên thất thanh”. Người nhà kiểm tra lại thấy dấu bầm còn hiện rõ nơi mặt. Đến lúc tản liệt xong, khách tới thăm viếng đều nghe từ quan tài mùi hương lạ tỏa ra bát ngát.

LƯ THỊ

Lư thị, tên Phước Trí, vợ của Trình Quý Thanh, trước tiên ở Huy Châu, sau cả nhà thiên cư về Hồ Châu.

Quý Thanh thờ Phật rất kính thành, gắng sức tu phước nghiệp. Lư thị cũng đem hết tài sản phụ giúp vào việc ấy.

Cô ăn chay trường mỗi ngày niệm Phật ba muôn câu, kiệm ước phần mình, rộng giúp kẻ dưới, chưa từng mắng người. Niên hiệu Sùng Trinh thứ năm đời Minh, cô đau nặng, thỉnh pháp sư Cổ Đức đến thọ năm giới. Sau khi nghe lời pháp yếu về Tịnh Độ, cô bèn quyết ý vãng sanh. Quý Thanh vì vợ tụng kinh Hoa Nghiêm, đến đoạn Thiện Tài tham phỏng năm mươi ba bậc thiện tri thức, mỗi mỗi đều giải thích rành rẽ. Lư thị lãnh ngộ được tất cả. Quý Thanh lại sách tấn về việc vãng sanh, bảo rằng: “ Trăm kiếp ngàn đời, quan trọng ở giờ phút lâm chung này. Cô phải gắng sức thẳng về Tây Phương, chớ nên do dự!”. Lư thị nghe xong, phát tâm mạnh mẽ như quên cả đau bệnh, cao tiếng niệm Phật liên tiếp cả đêm ngày, như thế suốt cả nửa tháng. Bà mẹ và con gái đến thăm hỏi, cô đều từ tạ bảo đi nơi khác, xin đừng làm rối loạn tâm mình.

Ngày mừng tám tháng mười một năm ấy, Lư thị bỗng thấy hoa sen hiện ở trước mắt, Hóa Phật duỗi tay xuống tiếp dẫn. Nỗi vui mừng tràn ngập cả thân tâm, cô bảo người nhà mau nấu nước thơm đem đến cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, cô nằm nghiêng bên mặt, chấp tay hướng về Tây, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà qua đời. Lúc ấy vừa đúng giờ Ngọ. Đến chiều người nhà thử rờ nơi đánh, còn cảm thấy nóng ran cả bàn tay. Cô hưởng dương được ba mươi chín tuổi. Ngẫu Ích

đại sư vì cô viết truyện ký, có phụ thêm lời khen ngợi rằng:

Thương chúng sanh ba cõi,
Ái dục sâu thành căn.
Gốc ái nếu chẳng nhỏ,
Làm sao được vãng sanh.
Cõi hoa sen sáng sạch,
Lìa hẳn các trần tình.
Duyên ái này dứt được,
Chất ngọc kia mới thành.
Mạnh mẽ thay Phước Trí,
Bậc nữ lưu hùng anh!
Suốt ngày đêm nửa tháng,
Công tịnh niệm ân cần.
Mẹ con, niềm ái luyện,
Như khô mộc, hàn băng.
Hoa hiện, Phật tiếp dẫn,
Mắt nhìn thấy rõ ràng.
An lành năm xả báo,
Vĩnh viễn từ khổ luân.
Nay ta xin tùy hỉ,
Nguyện cùng các đồng nhơn.
Dứt trừ lưới ái ân,
Chúng nhập Diệu huyền môn!

PHÍ THỊ

Phí thị, vợ của Trầm Xuân Giao, nhà ở trấn Song Lâm tại Hồ Châu. Bà góa chồng sớm, làm nghề dệt vải để sanh sống. Cảm xúc về thân thể mình, bà phát tâm ăn chay trường tu niệm, nhà có thờ tượng vẽ Tam Thế Phật và tượng cốt Quán Âm bằng gỗ chiên đàn. Mỗi ngày bà tụng một quyển kinh Kim Cang, niệm Phật ngàn câu, cứ giữ mực thường như thế không hề thiếu sót.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ mười một, binh dịch hoành hành khắp vùng ấy. Chàng rể là Trương Thế Mậu, rước và tản cư về ở nhà mình. Phí thị đem theo cốt tượng Quán Âm, thờ riêng ở một gian lều nhỏ để chiêm bái trì tụng. Mỗi ngày trong thời khóa lễ, bà đều khấn nguyện cho khói hương bay đến chỗ thờ tượng Tam Thế Phật ở ngôi nhà cũ. Như thế trải qua ba năm, một hôm giữa hư không bỗng có khói hương nhiều quanh gian lều nhỏ vài ngày. Kế tiếp nơi bức tường quét vôi trên chỗ thờ tượng Quán Âm, nổi hiện lên tượng Tam Thế Phật rất trang nghiêm tịnh diệu, hình nét màu sắc đều rõ ràng. Kẻ gần xa nghe chuyện ấy, đến chiêm lễ mỗi ngày một đông. Có người thử dùng khăn sạch lau mạnh chà xát, màu nét càng hiện lên sáng rõ.

Đến năm thứ tư, một hôm Phí thị bảo chàng rể rằng: “Mẹ muốn trở về thăm ngôi nhà cũ, để viếng tượng Tam Thế Phật”. Vừa về đến nơi xưa, bà liền quét dọn rửa lau sạch sẽ, rồi đốt hương lễ Phật tụng kinh. Đến sáng sớm

ngày thứ ba, Phí thị tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng niệm Phật. Đến giờ Ngọ, bà bỗng to tiếng bảo: “Đức Phật A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn. Mọi người ở lại cố gắng tu hành. Tôi đi đây”. Nói xong, liền nhắm mắt mà vãng sanh, hưởng thọ bảy mươi ba tuổi.

TỪ THÁI NGHI NHƠN

Từ Thái Nghi Nhơn là mẹ của cư sĩ Từ Hạo Hiên ở Tiền Đường. Bình sanh bà chuyên tu Tịnh Độ, thờ cúng rất nghiêm cẩn. Ở chùa có cho thỉnh bức họa đồ Tây Phương công cứ, chính giữa in hình tượng Phật, xung quanh gồm vài ngàn vòng tròn, niệm đủ ngàn câu ghi một điểm son vào giữa vòng ấy. Thái Nghi Nhơn niệm Phật theo bức Tây Phương công cứ đó, mỗi khi ghi số đầy đủ xong một họa đồ, liền đem cất vào túi vải vàng. Bà niệm hết bức này sang bức khác như thế được mấy năm.

Niên hiệu Khang Hy thứ ba mươi bốn đời Thanh, Thái Nghi Nhơn mãn phần. Khi tần liệt xong, người nhà đem túi vải vàng đốt ở trong bồn. Bỗng một tiếng nổ nhẹ nổi lên, nơi bồn chiếu ra ánh sáng năm sắc. Mọi người lại gần xem, thấy túi vải biến thành màu nâu, trên đó hiện lên nét lầu các câu lơnh khắp xung quanh. Chính giữa nổi lộ rõ vài mươi đóa hoa sen, mỗi đóa hoa có một Đức Phật chấp tay ngồi kiết già. Trên hoa lại hiện hình các thiên nữ đang cung kính vi nhiễu. Mỗi nét của bức họa rất tinh vi, màu

trắng như sắc phấn. Ai trông thấy cũng đều kinh lạ thờ than khen ngợi. Rạng ngày khẽ vạch tro ra, thấy hình tượng hiện nơi lưng túi vải cũng giống như bề mặt không khác. Duy phía sau mỗi đức Phật lại có một lão bà cầm phất trần đứng hầu.

Cư sĩ Từ Hạo Hiên viết truyện ký về thân mẫu, có ghi rõ việc này.

TÔN THỊ

Tôn thị có chồng họ Dư, sương cư sớm, quê ở Từ Châu, và nguyên là mẹ của Chiêu Minh hòa thượng. Khi hòa thượng chủ trì chùa Cao Môn ở Dương Châu, rước thân mẫu về phụng dưỡng nơi một gian tịnh thất bên chùa.

Tôn thị lúc mới đến ở, rất đôi nhớ nhà. Mỗi khi cùng hòa thượng tiếp chuyện, bà thường đề cập đến việc quê hương gia sự. Hòa thượng vì mẹ nói về các pháp: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã, khuyên bà nên xả bỏ tất cả, nhứt tâm niệm Phật để cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng nói mãi Tôn thị vẫn chẳng tỉnh ngộ. Hòa thượng liền ẩn bóng chuyển lời bảo: “ Nếu muốn được gặp mặt, phải ráng niệm Phật!”. Bà mời gọi mãi cũng chẳng đến. Cuối cùng không biết làm sao, bà phải gắng gượng trì danh hiệu Phật, nhưng bước đầu còn khó khăn, chưa thể liên tục. Được ba năm, công tịnh niệm càng thuần, bà phát lòng tin sâu, xin thọ giới Bồ Tát, rồi sớm hôm lễ niệm rất tinh cần. Lúc ấy hòa

thượng mới đến thăm và hỏi: “Mẹ còn nhớ nhà chăng?”. Bà đáp: “Niệm Phật rất tốt, tôi không còn nhớ nhà nữa!”.

Một hôm Tôn thị ngồi trước sân, đối diện với tháp chùa mà niệm Phật. Bỗng nhiên tâm nhãn mở sáng, bà thấy thế giới Kim Sắc hiện ra, quang cảnh trang nghiêm chói rục rỡ không ngăn mé. Lúc ấy tường vách núi rừng dường như tan rã tiêu trầm. Bà cả mừng, đứng lên sấn bước muốn đi tới, đột nhiên tất cả đều ảm mất. Từ đó, sáu căn của bà lặng lẽ, khi động tịnh ăn ở câu Phật hiệu thường hiện khởi, không sanh ra vọng niệm khác. Trải qua khoảng thời gian lâu như thế, đêm nọ Tôn thị mộng thấy đi đến một ngôi nhà lá, có người đàn bà đang nằm chỗ sắp sanh. Bà kinh hãi tự nghĩ: “Mình chí nguyện cầu về Tây Phương, tại sao lại đến chỗ này? Vả lại sự luân hồi, hết ra bào thai này, lại vào bào thai khác, thật rất đáng sợ!”. Nghĩ xong, vội chạy trở ra, bỗng giật mình thức giấc. Sáng ngày, bà đem việc ấy thuật với Chiêu Minh hòa thượng và nói: “Duyên đời của tôi đã mãn. Xin tập hợp chư tăng trợ niệm để đưa tôi về Tây Phương!”. Hòa thượng y như lời. Bà ngồi day mặt về Tây, chấp tay niệm Phật theo chư tăng mà vắng sanh.

Lúc bấy giờ nhằm niên hiệu Càn Long thứ hai mươi bảy.

DƯƠNG THỊ

Dương thị, người đời Thanh, nhà ở trên gò Đá Vôi phía cửa Bắc thành Hàng Châu. Hơn năm mươi tuổi bà đau bệnh phong, nằm rên la suốt đêm ngày.

Một hôm có vị tăng là Lữ Đình từ kinh sư trở về núi Thiên Mục, đi ngang qua nhà. Con trai của bà mời vào nấu đồ chay cúng dường, nhân tiện thỉnh bước sang phòng bên thăm mẹ mình. Dương thị chau mày kêu rên rồi hỏi:

-Tôi đau nhiều lắm, sư có phương thuốc nào làm cho lành mạnh chăng?

Ngài Lữ Đình đáp:

-Có, nhưng sợ e bà không chịu uống!

Bà nói:

-Nếu quả thật có phương hay, tại sao tôi lại không chịu uống?

Sư bảo:

-Bệnh từ nơi thân mà sanh. Thân này lại do bốn đại giả hợp, nhân nơi nghiệp mà có. Nếu bà có thể xả bỏ thân, bệnh sẽ tự dứt trừ.

Bà hỏi:

-Trừ ra khi chết, chớ làm sao mà bỏ thân được?

Sư dạy:

-Cách bỏ thân là bà phải xả tất cả, đừng nghĩ đến thân đau hay mạnh, chỉ một lòng hướng về Tây Phương chuyên niệm A Di Đà Phật. Đức A Di Đà là bậc đại y vương, có thể trừ tất cả bệnh của chúng sanh. Bà nên đem

hết lòng thành khẩn mà niệm Phật, đức Phật A Di Đà sẽ đến cứu độ!

Dương thị hỏi:

-Đức Phật quả thật sẽ đến đây chăng?

Sư nói:

-Chắc chắn sẽ đến, chỉ e bà niệm không chí thành tha thiết mà thôi!

Sau đó, sư từ giã ra đi. Dương Thị chí thành hướng về phương Tây chuyên trì danh hiệu Phật, mỗi ngày càng thêm khẩn thiết. Độ năm tháng qua, bà gọi con bảo:

-Đức Phật A Di Đà đã đến. Bốn hôm sau, mẹ sẽ về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Con hãy đi thỉnh sư Lữ Đình, để mẹ từ biệt và cảm ân giáo hóa của Ngài!

Bảy giờ sư đang ở núi Thiên Mục không đến được. Tới kỳ hạn, người con thỉnh mười vị sư tăng khác đến nhà tụng kinh niệm Phật hộ trợ. Dương thị tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay hướng về Tây niệm Phật mà vãng sanh.

DƯ THỊ

Dư thị, pháp danh Chân Tu, là vợ của cư sĩ Châu Vĩnh Phù ở đất Ngô. Năm ba mươi hai tuổi cô góa chồng, đến năm ba mươi sáu tuổi phát tâm trường trai thờ Phật.

Lúc hơn năm mươi tuổi, Dư thị đem hết việc nhà giao phó cho con trai và con dâu, rồi chuyên tu Tịnh Độ. Đến tuổi bảy mươi, vào lúc cuối hạ sang thu, đêm nọ bà nằm

mơ thấy mình đi dạo tới một bờ hồ to rộng mênh mang. Trong hồ có chiếc thuyền chở mười mấy người gồm chư ni và các nữ Phật tử. Trong số ấy có một vị đưa tay vờn thỉnh nói: “Mau đi theo về Tây Phương!”. Dư thị tự nghĩ: “Lúc bây giờ chưa thuận tiện, đợi đến cuối năm sẽ đi!”. Vị đó liền nói: “Thôi, hãy đợi chuyến sau!”. Đến ngày mùng sáu tháng chín, bà lại mộng thấy Phật A Di Đà hiện thân tiếp dẫn. Thức giấc, Dư thị tự biết đã tới thời kỳ vãng sanh, sáng ra cho người thỉnh thầy quy y là pháp sư Văn Kỳ đến lễ từ biệt. Bà có xin một cành sen nơi chùa, nhưng lúc ấy hoa đã tàn, nên pháp sư chỉ đem cọng lá sen đến trao cho. Dư thị vui mừng tiếp lấy, niệm Phật càng chí thiết. Khi đó mọi người đều nghe mùi hương lạ bay, thơm cả trong ngoài. Tới sáng sớm ngày mười một, bà bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội, thay y phục mới sạch. Xong đâu đấy, bà ngồi ngay thẳng niệm Phật độ một lúc, rồi nằm nghiêng bên mặt mà qua đời.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ ba mươi sáu.

Lời Bình:

Cõi Tịnh Độ ở mười phương, chỉ thuần là hóa sanh, không có người nữ. Khi xưa, Vi Đề Hy phu như vì con ác nghịch phát tâm chán lìa cõi Ta Bà, được Phật thuyết pháp và thọ ký cho vãng sanh về miền Cực Lạc. Trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật cũng huyền ký cho người nữ thọ trì kinh này sẽ được sự lợi ích khi vãng sanh. Thế nên biết

hàng phụ nữ ở Ta Bà có nhân duyên lớn với cõi Tây Phương Cực Lạc. Từ khi Liên tông thành hành, những bậc hiền lưu trong khuê các phần đông đều phát lòng tin, chuyên chí niệm Phật, và được sự lợi ích giải thoát trong một đời. Những vị mang hình dáng trượng phu, xem gương ấy há không hổ thẹn ư?

CHIM ANH VÕ

Đời Đường, nhà họ Bùi ở Hà Đông có nuôi một con Anh Võ. Vì trong kinh Di Đà có nói đến loại chim này, nên Bùi thị thường dạy nó niệm Phật và phép tu Lục trai. Đến ngày trai kỳ, nếu quá Ngọ có ai đem thức ăn đến, suốt buổi chim không ngó tới. Có kẻ bảo nó khi niệm Phật, phải từ nơi “có niệm” đến chỗ “không niệm”, thì chim ngược đầu dương cánh dờng như nhận thức.

Đến sau thấy nó thường im lặng, có kẻ nói đùa: “Anh Võ không còn niệm Phật nữa!”, chim liền phát thanh xuống: “Nam Mô A Di Đà Phật”. Khi mùa hè gió mát, lúc đêm vắng trăng trong, Anh Võ thường cất giọng cao thấp hòa nhã, thanh thoai như cung đàn tiếng sáo, niệm Phật liên tục không dứt. Mọi người nghe thấy đều khen ngợi và phát tâm cảm ngộ.

Tháng bảy, niên hiệu Trinh Nguơn thứ mười chín, chim có vẻ tiêu tụy ử rũ. Bùi thị đã nuôi dưỡng quen, biết nó sắp chết, liền cầm khánh ra và bảo rằng: “Phải chăng con sắp

muốn về Tây Phương? Vậy con hãy giữ chánh niệm, nương theo tiếng khánh mà niệm Phật!”. Nói xong, liền đánh khánh niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Anh Võ cũng niệm theo. Được một lát, chim xếp cánh đứng yên, an lành mà vắng sanh. Sau khi thiêu hóa xác nó, Bùi thị bới tro kiểm lại, được hơn mười hột xá lợi. Quan Tiết đạt sứ Vi Cao có viết truyện ký về chim Anh Võ này.

Đời nhà Minh, một thổ dân ở Lĩnh Nam cũng có nuôi con chim Anh Võ trắng, thường dạy nó tụng đọc. Mỗi buổi sáng sớm, chim đều tụng Bạch y thần chú, rồi kế tiếp niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Nó cũng đọc thuộc bài Quy Khứ Lai Từ, phú Xích Bích, và nhiều thi hay của Lý Bạch. Nếu thời khóa sớm mai chưa xong, dù ai có đem thi văn ra dạy bảo, chim cứ tiếp tục trì niệm không nghe theo. Sau Anh Võ cũng niệm Quán Âm rồi thoát hóa.

CHIM CÙ CÁP

Trong niên hiệu Nguyên Hựu đời Tống, một người ở quận Trường Sa có nuôi con chim Cù Cáp (một loại giống như chim Cu, Bồ câu) và đặt tên nó là Bát Bát Nhi. Một hôm ngẫu nhiên nghe vị tăng niệm Phật, chim liền ứng thanh niệm theo. Nhà chủ liền đem nó tặng cho tăng sĩ ấy. Về chùa, chim niệm Phật từ sáng đến tối không dứt. Lâu ngày, Cù Cáp chết, vị tăng đem xác nó chôn sau chùa. Vài hôm, nơi chỗ chôn có một cành hoa sen mọc lên. Bới đất

tìm, thấy cọng sen phát xuất từ nơi mỏ chim. Một văn nơn làm bài thi khen ngợi việc ấy rằng:

“Có một linh cầm Bát Bát Nhi
Biết theo tăng dạy, niệm A Di
Chết chôn nơi đất sen lành mọc
Nghe chuyện người đời cũng nghĩ suy!”

* Một vị tăng nơi chùa Chánh Đẳng tại Hoàng Nham ở núi Thiên Thai, cũng có nuôi một con Cù Cáp. Mỗi ngày vào thời khóa tụng, chim đều tùy theo chư tăng niệm Phật. Một hôm nó đứng chết trong lồng, vị tăng đem xác ra đào đất mà chôn. Vài ngày sau, từ nơi mỏ chim mọc lên một cành hoa sen màu tím vượt cao khỏi mặt đất. Đại Trí luật sư làm bài kệ khen ngợi chuyện đó, trong ấy có hai câu:

“Lồng son đứng hóa âu thường sự
Sen tím mọc lên mới diệu kỳ!”

GÀ BIẾT NIỆM PHẬT

Trong niên hiệu Sùng Trinh đời nhà Minh, có quan Tư Lý ở Phước Châu là Ngô Tuyết Nhai thờ Phật rất thành kính. Chư tăng nơi chùa Khai Nguơn trong vùng ấy, phần nhiều ăn thịt, không giữ giới hạnh. Ông liền tới chùa quở trách và dựng bia đá răn cấm.

Một hôm Tuyết Nhai đến chùa du ngoạn, bất ngờ gặp một con gà đang cất tiếng niệm Phật. Ông bảo kẻ tùy tùng

ví bắt được, rồi đem vào chùa gạn hỏi chư tăng rằng: “Các sư bảo trong chùa từ lâu không nuôi sanh vật, tại sao lại có con gà này? Nay tôi thấy gà là loại súc sanh mà còn biết niệm Phật, xét lại các sư mang hình thức xuất gia song phá giới, thì còn thua nó rất nhiều!”. Chư tăng ở đó nghe qua hồ thẹn, từ đây lập thế quyết giữ gìn trai giới. Tuyết Nhài đem con gà về nuôi trong dinh thự, nó thường niệm Phật không dứt.

Sau ông được thuyên chuyển làm quan ở Đơn Dương, thấy am Hải Hội ở gần đó là nơi tiếp chúng đông đảo, mới đưa con gà đến am, để cho người tới lui nghe thấy phát lòng tín hướng. Sau khi về am một thời gian, ngày nọ gà đứng niệm Phật mà thoát hóa. Hàng thiện tín cảm ngộ, chung nhau xây tháp cúng dường để lưu niệm.

*

* Lại một chuyện : Sư Giác Viên ở Trung Châu phát tâm muốn trai tăng nơi chùa Đông Lâm ở Lô Sơn, liền gởi tờ Phở khuyến mộ các nơi, và nhập thất ba năm để cầu nguyện. Vị tăng hộ thất đi khát thực nơi nhà họ Hoa, thì có con gà ở nhà ấy theo ông mãi. Về nửa đường, vị tăng sợ mang tiếng, bắt con gà đem giao trả nhà họ Hoa bảo đóng cửa nhốt nó lại. Nhưng gà vẫn vượt lên xà nhà tìm chỗ chui ra, bay theo vị tăng về tới tịnh thất. Sư Giác Viên an thất ba năm, gà cũng quanh quần đứng ngoài thất ba năm để nghe niệm Phật. Sau sư ra thất, đem nó đến chùa Đông

Lâm đề cho quy y thọ giới. Khi đại chúng lên chánh điện niệm Phật, gà cũng đi theo. Đến cuối năm, việc trai tăng xong xuôi, gà liền đứng mà thoát hóa. Chư tăng chú nguyện và đem chôn bên chùa.

*

* Lại truyện chép: Ở Giang Tây có con rắn biết nghe kinh. Nơi Lô Châu có con mèo ngồi thoát hóa. Tại Hiệp Trung có con khỉ nghe kinh rồi ngồi thoát tục. Ở Sào huyện có chim sẻ đứng hóa. Và quan Đại tham Hoàng Đình Thúy đem con heo vào chùa phóng sanh sau nó cũng ngồi thoát hóa. Các chuyện linh dị như thế không thể thuật hết được.

Lời Bình:

Cổ đức nói: “Súc sanh nguyên cũng là người. Xưa nay người, súc luân hồi đổi thay!”. (Súc sanh bản thị Nhơn lai tổ. Nhơn súc luân hồi cổ đảo kim). Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Các súc thú trong đời trước, khi còn làm người, có nhiều loại đã gieo hạt giống Phật. Nhưng vì ác nghiệp quá nặng, chúng mới bị lôi cuốn trong nẻo luân hồi. Thế nên trong ba ác đạo từ Địa ngục, Ngạ quỷ đến Bàng sanh, nếu có chúng sanh nào nhớ lại tiền căn, hướng về Phật pháp, niệm hồng danh Đức A Di Đà, đều được sanh về Cực Lạc. Kinh nói: “Thà chịu khổ địa ngục. Được nghe hồng danh Phật, chẳng muốn hưởng phước trời. Mà không nghe Phật hiệu!”. Kinh cũng bảo: “Tu hành đồng mãnh

một ngày ở cõi khổ Ta Bà, công đức thù thắng hơn tu ở Tịnh Độ một trăm năm”. Các súc sanh như trên, một niệm hướng về Phật còn được giải thoát, huống nữa loài người ư?”.

MỘT TRĂM BÀI KỆ PHẬT (Của Triệt Ngô Thiên sư)

Hán:

**1. Nhứt cú Di Đà
Ngã Phật tâm yếu
Thụ triệt Ngũ thời
Hoàng cai Bát giáo:**

Việt :

Một câu A Di Đà
Tâm yếu của Phật ta.
Dọc năm thời thấu suốt
Ngang tám giáo trùm xa.

Lược giải:

Một câu niệm Phật là tâm yếu của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tâm yếu, cũng gọi là tâm tông, là yếu chỉ tức sắc tức không của cảnh giới chân tâm, không thể dùng lời nói và tư tưởng để luận bàn suy nghĩ được. Năm thời là: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, và

thời Pháp Hoa. Tám giáo là: Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí mật và Bất định giáo. Dọc là chỉ cho chiều cao thuộc thời gian. Ngang chỉ cho chiều rộng thuộc không gian. Ý nói câu niệm Phật rất màu nhiệm, về nghĩa lý bao trùm Năm thời Tám Giáo, về cao rộng suốt cả Thời gian, Không gian.

*

Hán :

2. Nhứt cú Di Đà

Ý chỉ như hà ?

Tri âm thường thiếu

Mộc nhĩ thiên đa !

Việt:

Một câu A Di Đà

Ý chỉ diệu bao nhiêu ?

Bạn tri âm thường ít

Kẻ tai gỗ riêng nhiều !

Lược giải:

Như bài kệ trên đã dẫn, ta thấy đại khái ý chỉ của câu niệm Phật cao diệu như thế nào! Cho nên Thành Thời đại sư đã nói trong một bài Đề Từ: " Mà trong A Di hồng danh thâm. Nghìn muôn khôn tìm ra tri âm! Thiên Như lòng từ soi chân đấng. Đưa người mau ra vòng mê

làm... Ôi câu hồng danh màu thâm xa. Sâu cùng chư
tông làng thiên na. Buông ra thâu vào đều như như. Tương
tư mơ đầy trời Liên hoa!". Diệu đàn niệm Phật cao
siêu màu nhiệm như thế, trừ ra bậc tri âm, chớ kẻ tai gỗ
làm sao nghe thấu? Vì thế nhiều kẻ đã lầm đánh giá Niệm
Phật là pháp thấp kém, chỉ để cho kẻ ngu dốt, hạng người
già cả tu hành. Thật đáng cảm xót vì cảnh ít tri âm, như lời
một bậc tiền bối đã than:

**Nga nga hồ chí tại cao sơn
Dương dương hồ ý tại lưu thủy !
Đàn Bá Nha ít kẻ tri âm
Những nghe qua xót trộm lại đau thâm
Chung Kỳ mất đập cầm không khảy nữa!**

*

Hán:

**3. Nhứt cú Di Đà
Đại ý phân minh
Xà sanh cung ảnh
Dược xuất kim bình.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đại ý thật phân minh
Rắn sanh từ cung ảnh
Thuốc lấy ở kim bình.

Lược giải:

Một người tới nhà bạn thân chơi, cô giao rót trà ra chén mời uống. Lúc ấy vào khoảng đầu đêm, ánh đèn chập chóa in bóng cung treo gần bên vào chén giống như con rắn đang lăn quăn chao động. Trong lúc không kịp suy nghĩ, người ấy uống vội hết chén trà, rồi chợt sanh lòng nghi là mình đã nuốt mất con rắn nhỏ vào bụng, nhưng không dám nói. Về đèn nhà anh lo sợ, rồi phát bệnh. Sau bạn đến thăm, hỏi biết duyên cớ, mời đến nhà để đĩa đèn và chén trà chỗ cũ, chỉ cây cung treo gần bên, người ấy mới dứt hết mối nghi và lành bệnh. Thuở xưa người Ấn Độ khi luyện thuốc quý, thường dùng gương dây hoặc ngọc thủy tinh tụ ánh sáng mặt trăng để lấy nước. Luyện xong lại cất thuốc vào bình bạc hoặc bình vàng, cho tăng thêm hiệu lực linh nghiệm. Đây ý nói câu niệm Phật rõ ràng là pháp viên đốn đi thẳng vào chân tâm, ngay lúc niệm Phật tức đã thể hiện Phật tánh, ví như thuốc quý lấy ra từ bình vàng. Kẻ không biết làm hiểu niệm Phật là pháp Quyền giáo để dứt trừ vọng tưởng, hoặc pháp Tiệm giáo để gieo lằn thiện căn. Như thế có khác gì anh chàng lơ lạc nghi ngờ làm bóng cung là rắn đâu ?

*

Hán:

4. Nhứt cú Di Đà

**Danh dị phương tiện
Phổ nhiếp quần cơ
Bàng thông nhất tuyền.**

Viết :

Một câu A Di Đà
Phương tiện cực mau lạ
Nhiếp khắp hết căn cơ
Rẽ thông vào Bát nhã.

Lược giải:

Ấn Quang đại sư nói: "Tu các môn khác phải nhiều đời mới thoát luân hồi, và theo như Khởi Tín Luận thì phải trải qua một muôn đại kiếp tu hành liên tục mới vượt lên ngôi Bất thối chuyển. Ví như quan chức phải từ phẩm bậc nhỏ lần lượt thăng đến ngôi Tể tướng. Riêng môn Niệm Phật là phương tiện mau lạ để mau thành Phật, một đời được đởi nghiệp vãng sanh thoát khỏi luân hồi, một kiếp đã bước lên ngôi Bất thối chuyển. Ví như Thái tử khi mới sanh ra, đã tôn quý vượt hẳn quần thần "Môn Niệm Phật lại nhiếp tất cả căn cơ, dưới từ loài quý súc, hạng ngu tối dốt nát tật nguyên, trên đến bậc Đẳng giác Bồ Tát như Văn Thù Phổ Hiền cũng có lời nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chữ "Nhất tuyền" đây là chỉ cho môn thiền Trục chỉ, tức đường lối thẳng vào Bát nhã chân tâm.

Ngài Triệt Ngô dùng từ ngữ này, bởi ngài là một "đại thiên sư". Lại "Nhất tuyền" cũng hàm chỉ cho đường lối đặc sắc nhiệm mầu của môn Tịnh Độ.

*

Hán:

5. Nhứt cú Di Đà

Khai vãng sanh môn.

Thị đa phước đức

Phi thiếu thiện căn.

Việt:

Một câu A Di Đà

Mở đường lối vãng sanh

Đó là nhiều phước đức

Chẳng phải ít căn lành.

Lược giải:

Từ khi Vi Đề Hy phu nhân chán cõi đời trước ác, cầu sanh về thế giới đẹp an vui, đức Thích Tôn mới nói ra môn Tịnh Độ mở đường lối vãng sanh, để hành giả được dễ dàng thuận tiến trên bước đường giải thoát. Muốn làm một bậc thượng thiện nhân cao quý ở cõi đẹp mầu như thế giới Cực Lạc, phải là người có nhiều phước đức căn lành. Theo kinh Vô Lượng Thọ: Chúng sanh nào đời này nghe nói Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc, phát lòng tín nguyện, chí thiết niệm

Phật cầu vãng sanh. Những chúng sanh đó trong tiền kiếp đã từng gặp nhiều đức Phật, và gieo trồng nhiều phước đức căn lành rồi.

*

Hán:

**6. Nhứt cú Di Đà
Lâm chung Phật hiện
Tứ biện thân tuyên
Lục phương cộng tán.**

Việt:

Một Câu A Di Đà
Khi lâm chung Phật hiện
Tứ biện khó thân tuyên
Sáu phương đồng khen ngợi.

Lược giải:

Liên Trì đại sư nói: "Một câu A Di Đà gồm: Đại thiện căn, đại phước tiện, đại phước đức, đại trí huệ, đại giải thoát, đại từ bi. Câu niệm Phật đã có nhiều công đức lớn như thế, nên người niệm Phật mau diệt nhiều tội chướng, mau sanh nhiều phước huệ, khi lâm chung quyết định Phật sẽ hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc. Cho nên chư Phật sáu phương hiện ra tướng lưỡi rộng dài, tiêu biểu cho

sự tuyên thuyết pháp môn tối thượng thừa, mà ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Tịnh Độ. Đã là pháp môn công đức không thể nghĩ bàn; thì đức Thích Ca Mâu Ni và chư Phật dù đã dùng Tứ biện tài là: Pháp vô ngại biện, Nghĩa vô ngại biện, Từ vô ngại biện, Nhạo thuyết vô ngại biện, cũng không thể tuyên dương ngợi khen cho hết được !

*

Hán:

**7. Nhứt cú Di Đà
Thành Phật tiêu chuẩn
Dĩ niệm Phật tâm
Nhập Vô sanh nhẫn.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là thành Phật tiêu chuẩn
Dùng tâm hạnh niệm Phật
Chứng vào Vô sanh nhẫn.

Lược giải:

Niệm Phật chẳng riêng khi lâm chung được sanh về cõi Phật mà thôi. Trong hiện tại nếu hành giả nhiếp cả sáu căn, giữ cho tịnh niệm nối liền, có thể ngay đời này được ngộ

đạo, chúng vào Vô sanh pháp nhẫn. Cho nên gọi: Niệm Phật là tiêu chuẩn thành Phật.

*

Hán:

8. Nhứt cú Di Đà
Chứng tam Bất thối
Chỉ thử nhất sanh
Tiện bổ Phật vị.

Việt:

Một câu A Di Đà
Chứng ba ngôi Bất thối
Chỉ trong một đời này
Được bổ lên Phật vị.

Lược giải:

Ba ngôi bất thối chuyển là: Vị bất thối, Hạnh bất thối, và Niệm bất thối. Cứ theo Thiên Thai Giáo, chúng được đệ thất Bất thối tâm trụ, mới lên ngôi Vị bất thối. Chúng Thập hồi hương, lên ngôi Hạnh bất thối. Và khi chúng Sơ địa mới vào ngôi Niệm bất thối. Nhưng ước theo đường lối phổ thông của đại thừa giáo thì: Phá được Kiến tư hoặc mới lên ngôi vị Bất thối. Phục đoạn Trần sa hoặc, lên ngôi Hạnh bất thối. Và tiến phá Vô minh hoặc mới vào ngôi Niệm bất thối. Như thế chúng được ba ngôi Bất

thối thật không phải dễ! Theo các giáo môn khác, tất phải tu tập trải A tăng kỳ số kiếp mới chứng nhập được. Với pháp môn Tịnh Độ, khi được vãng sanh kể như vĩnh viễn không còn bị thối chuyển nữa. Điều này, theo kinh giáo, gọi riêng là Xứ bất thối. Từ Xứ bất thối, địa vị Tam bất thối đã cầm chắc trong tay, lần lượt sẽ tiến lên Phật quả. Cho nên kinh Di Đà nói: chúng sanh khi về cõi nước Cực Lạc, đều là bậc A bệ bạt trí (Bất thối chuyển)". Chư thiện nơn ở Cực Lạc sống lâu vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, chỉ trong một kiếp sanh về nơi đó, đã dư thời gian chứng lên ngôi Nhất sanh bổ xứ, được bỏ vào Phật vị rồi.

*

Hán:

**9. Nhứt cú Di Đà
Mãn thập đại nguyện
Khởi đắc Phổ Hiền
Thác giáo liễu biện !**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tròn đầy mười đại nguyện
Đâu phải đức Phổ Hiền
Dạy làm cho xong chuyện !

Lược giải:

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất Tư Nghì Giải Thoát Cảnh Giới, sau khi đức Phổ Hiền nói mười đại nguyện vương, ngài liền tự phát thệ và khuyên Thiện Tài đồng tử cùng hải chúng Bồ Tát trong biển thế giới Hoa Tạng, đều nên niệm Phật hồi hướng về Cực Lạc. Lời phát thệ ấy như sau:

**Tôi nguyện khi lúc sắp mạng chung
Đứt trừ tất cả điều chướng ngại
Diện kiến đức Phật A Di Đà
Liền được sanh về Cõi An Lạc.**

Tại sao thế ? Vì muốn vào cảnh giới Bất tư nghì giải thoát, muốn thành tựu các công đức, muốn chứng Phật quả phải thật hành mười Đại nguyện vương, và muốn không bị nhiều chướng duyên làm cho thối chuyển, muốn sớm mau hoàn mãn mười Đại nguyện vương ấy, tất phải cầu sanh Cực Lạc! Cho nên lời đức Phổ Hiền khuyên dạy chư Bồ Tát niệm Phật cầu về Cực Lạc, không phải là điều dạy bảo cạn cợt lạc lảm, nói suông rồi cho xong chuyện ! Mà chính đó là lời khuyên dạy tối quan yếu, bao gồm ý vị rất sâu sắc, phải suy gẫm nhiều mới thấu hiểu !

*

Hán:

10. Nhứt cú Di Đà
Bạch ngưu giá cảnh
Kỳ tạt như phong
Hành bộ bình chánh

Việt:

Một câu A Di Đà
Xe gác ách trâu trắng
Chạy lẹ như gió bay
Bước đi thật bằng vững.

Lược giải:

Câu niệm Phật, đối với bậc cao, thì có niệm đồng với không niệm. Và mặc dù không nghĩ rằng mình là người hay niệm, đức Phật là vị được niệm, tâm niệm hăng rỗng không, nhưng cũng chẳng ngại gì câu niệm Phật thường hiển lộ rành rẽ rõ ràng. Như chư Bồ Tát, Tổ sư vẫn đi đứng, nằm ngồi, vẫn ăn cơm mặc áo, vẫn thuyết pháp tụng kinh, mà không thấy có các tướng ấy. Các ngài làm pháp hữu vi mà tâm vô vi, tâm tuy vô vi song vẫn làm tất cả pháp hữu vi. Như thế mới chẳng đọa vào lỗi "không và có", tiến lên cảnh giới Đại thừa. Cho nên đức Lục Tổ đã bảo:

Không niệm, niệm mới chánh
Có niệm, niệm thành tà

Có, không đều chẳng tướng Ngồi được Bạch ngưu xa.

Cần nhận rõ: Không và Có trên đây, chẳng phải là không niệm Phật tụng kinh. Đây chính là niệm Phật đi vào cảnh giới chân không, chẳng tưởng nghĩ rằng mình có niệm hay không niệm. Với bậc kém hơn, tuy chưa thể ứng dụng được như thế, nhưng biết niệm Phật tức là đã tiến lên đường tu bằng phẳng, bước đi an ổn vững vàng, lần siêu vào cảnh giới Đại thừa. Như đã ngồi trên xe bạch ngưu, bước đi của nó thật bằng vững, không còn lo ngại chi nữa !

*

Hán:

**11. Nhứt cú Di Đà
Như Lai tạng tâm
Thủy ngoại vô lãng
Khí nguyên thị kim.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là tâm tạng Như Lai
Ngoài nước đâu có sóng
Xuyên, vàng vốn chẳng hai !

Lược giải:

Có một tu sĩ hỏi vị thượng tọa: "Niệm Phật để làm gì?". Ngài đáp: "Niệm Phật để thành Phật!". Tu sĩ ấy mỉm cười lui về, ý không công nhận. Tu sĩ đó không công nhận, vì ông chưa hiểu, và chưa ứng dụng được hạnh niệm Phật đi ngay vào Phật cảnh, tức vào tâm tạng của Như Lai. Theo trí phân biệt, ông chỉ chấp nhận và chỉ có thể ứng dụng câu niệm Phật để trừ vọng tưởng, lần lần chứng vào chân như mà thôi. Đó là quan niệm Tiệm giáo của nhị thừa. Nếu theo tâm chấp tướng phân biệt, người ta thấy sóng với nước, xuyên cùng vàng khác nhau. Nhưng thật ra, các thứ đó chẳng phải một, cũng chẳng phải hai. Nếu các hành giả niệm Phật từ thí dụ này để tìm hiểu, tất sẽ xóa tan niệm phân biệt, dung hòa tâm với cảnh, thể nhập pháp môn bất nhị, đi ngay vào tạng tánh của Như Lai. Câu niệm Phật là tâm tạng Phật, đại khái ý nghĩa như thế. Thuở xưa, một hành giả khi chứng ngộ vào cảnh giới này đã có bài kệ:

**Bước đường vô vị đã cùng rồi
Thấy sóng là đâu chỉ nước thôi !
Ông Triệu siêu quần chi lăm đó
Mặt mày trông cũng thể mà thôi.**

Hán:

12. Nhứt cú Di Đà

**Diệu chân như tánh
Xuân tại hoa chi
Tượng hàm cổ cảnh.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Lộ tánh diệu chân như
Sắc xuân nơi hoa sáng
Muôn tượng ản gương xưa.

Lược giải:

Thuở xưa, một vị tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: "Chư pháp tùng bản lai. Thường tự tịch diệt tướng" (Các pháp từ xưa nay. Tự tướng thường tịch diệt), bỗng sanh nghi không hiểu. Sau mấy năm tham thiền, ông chợt tỏ ngộ, liền viết tiếp thêm hai câu: "Xuân đảo bách hoa khai. Hoàng Oanh đề liễu biếc" (Xuân đến trăm hoa nở, Oanh vàng kêu liễu biếc!). Câu niệm Phật khi đã thuần, hành giả sẽ thấy tánh chân như màu nhiệm lồ lộ hiện bày, không thể dùng lời nói luận bàn, dùng tâm tư nghĩ suy phân biệt được. Cảnh trạng ấy như sắc xuân hiện nơi trăm hoa đua nở sáng tươi, như oanh vàng kêu hót líu lo trên cành liễu sanh biếc, chỉ dùng tâm thiên nhiên mới thể hợp được cảnh thiên nhiên. Nếu nghĩ suy phân biệt, tức là phiền não vọng động rồi, đâu còn chi là xuân nữa! Lại như chiếc

gương xưa tròn to sáng suốt, trong đó in cảnh non nước trời mây, gương cùng cảnh tượng dung nhập nhau, không nghĩ là đây là kia, là một là khác. Người niệm Phật khi ngộ vào tánh diệu chân như cũng như thế. Thời cận đại ở Trung Hoa, một đêm Hư Vân thượng nhân đang ngồi tịnh ngoài trời dưới ánh trăng sáng, vị Thiên sư đồng tham bước đến ướm hỏi thử:

**Mắt cá vẫn nhiều, châu khó nhận
Móng mây dễ lẫn ráng tươi hồng!**

Thượng nhân liền đáp:

**Gương hàm muôn tượng không kim cổ
Chẳng thuộc âm dương sáng đại đồng.**

Thiên sư nghe xong, gật đầu mỉm cười rồi bỏ đi.

*

Hán:

**13. Nhứt cú Di Đà
Thanh tịnh thật tướng
Tuyệt nghị, tuyệt tư
Nan danh, nan trạng.**

Việt:

Một câu A Di Đà

Cảnh thật tướng sạch trong
Tuyệt bàn, tuyệt suy nghĩ
Khó nói, khó hình dung.

Lược giải:

Lập lại ý trên, hành giả niệm Phật khi đi sâu vào tam muội, thể thật tướng của chân tâm lộ lộ hiện bày. Cảnh giới này chỉ đem tâm thanh tịnh khế hợp, không thể dùng lời nói diễn tả, dùng tướng niệm phân biệt để nghĩ ngợi phan duyên. Bởi thế nên khi Thủy Lạo hòa thượng đến tham khấu với ý niệm cầu hỏi về chân tâm, vừa mới cúi lạy đã bị đức Mã Tổ đập cho té lăn tròn. Thế mà hòa thượng tỏ ngộ, vỗ tay cười ha hả. Sự tỏ ngộ ấy chỉ đương nhân tự hiểu, như người uống nước lạnh nóng riêng mình biết lấy mà thôi. Cũng với ý chỉ này, thuở xưa một vị tôn đức đem bài kệ như sauướm hỏi các môn nhân:

**Có pháp không sau trước
Vô hình vốn lặng trang
Hay làm chủ muôn vật
Chẳng theo bốn mùa tàn.**

Một đệ tử nghe xong, vội ứng tiếng thưa: " Đó là chân tâm !". Liền bị tôn đức rầy quở bác phá.

*

Hán:

14. Nhứt cú Di Đà

**Viên dung pháp giới
Thục thể toàn chân
Giao la vô ngại.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Dụng thông tròn pháp giới
Soi lạng thể toàn chân
Xen giăng khắp vô ngại.

Lược giải:

Như trên đã nói, khi hành giả chứng Niệm Phật tam muội, căn trần dứt bật, tự tánh Di Đà dung thông tròn sáng khắp pháp giới. Cảnh tượng ấy lạng lẽ mà chiếu soi, chiếu soi mà lạng lẽ, toàn thể đâu đâu cũng là chân thật. Trong chân thể ấy, hằng sa vô biên thể giới xen giăng nhau, như vô số hạt châu nơi các mắt lưới của trời Đê Thích. Chân cảnh này rất đổi sâu mầu, trong Tứ pháp giới, thuộc về Sự sự vô ngại pháp giới, trong Thập huyền môn, thuộc về Nhân đà la võng cảnh giới môn.

*

Hán:

**15. Nhứt cú Di Đà
Đại viên trí cảnh
Thân độ ảnh hàm
Trùng trùng yêm ánh.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Gương Đại Viên trí cảnh
Thân độ bóng hàm nhau
Lớp lớp màu lấp lánh !

Lược giải:

Đây lại nói tiếp về công hạnh niệm Phật của hành giả khi chúng cùng cực chân cảnh tự tánh Di Đà. Chân cảnh này như thể gương tròn sáng không ngăn mé, bao gồm muôn tượng sum la, gọi là Đại viên cảnh trí. Trong thể Đại viên ấy, "Thân" thuộc về phần Chân như tịch chiếu môn. "Độ" thuộc về phần Thế giới sanh diệt môn, đều hàm chứa hình bóng lẫn nhau. Sự hàm ảnh đó như mỗi hạt châu nơi mắt lưới của trời Đế Thích, đều ngậm chứa hình bóng của vô số hạt châu khác. Cảnh hàm ảnh giữa Không với Không, Sắc cùng Sắc, Sắc và Không xen lẫn ngậm bóng nhau ấy, thật là lớp lớp tầng tầng, lấp lánh vô ngại nhiệm màu khó bề diễn tả.

*

Hán:

**16. Nhứt cú Di Đà
Không Như Lai tạng
Vạn pháp vị hình**

Nhứt chân tuyệt tướng.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là không Như Lai Tạng
Vạn pháp dứt hình dung
Nhứt chân tuyệt sắc tướng.

Lược giải:

Tiếp theo ý nghĩa trên, cảnh giới tuy nhiên sum la như thế, song hành giả phải một tâm lặng lẽ thể nhập vào Không Như Lai Tạng. Tâm cảnh này dứt cả muôn pháp, tuyệt cả sắc tướng, chỉ là một thể Nhất chân không còn phân biệt.

*

Hán:

**17. Nhứt cú Di Đà
Viên mãn Bồ Đề
Thiên cảnh vô thượng
Vân bất dữ tề.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tròn đủ Bồ Đề đạo
Ráng mây đều ở thấp
Khoảng không trời rộng cao.

Lược giải:

Khi hành giả đã thể nhập Không Như Lai Tạng, thì đạo Bồ đề tròn đủ, con đường giác ngộ đến mức cao tuyệt rồi. Cảnh giới ấy như trạng thái của người: "Một mình nằm nghỉ đỉnh non cao". Khi xưa ông Khâu Chuẩn đời nhà Tống, thưở bé theo cha lên núi Thái Sơn, đã đặc ý đọc lên bốn câu thi cũng mừng tượng như hai câu sau của bài kệ trên:

**Bất dữ quần phong ngữ
Cánh vô sơn dữ tề
Cử đầu hồng nhật cận
Hồi thủ bạch vân đề.**

Tạm dịch:

*Chẳng cùng muôn đánh đồng bạn
Lại không một núi dám qua
Ngước mắt vàng hồng kê cận
Cúi đầu mây bạc thấp xa!*

Nhưng đó chỉ là khẩu khí của một vị Tể tướng, vì trên còn có vàng hồng, còn có Thiên Tử. Chưa bằng vua Hồng Võ đời nhà Minh lúc du ngoạn núi này, cũng tức cảnh hai câu:

Nhứt thượng, nhứt thượng, cánh nhứt thượng

Vô hạn yên vân nhãn để thâu !

Tạm dịch:

*Lên cao càng lúc càng cao tí
Vô hạn trời mây dưới mắt nhìn !.*

Đây mới thật là khẩu khí của một bậc Thiên Tử, đứng trên muôn dân. Có thể mượn hai câu sau này để tạm hình dung cảnh giới giác ngộ tròn đầy cao tuyệt của một vị Pháp Vương đứng trên vạn pháp.

*

Hán:

**18. Nhứt cú Di Đà
Đại bát Niết Bàn
Nhất luân minh nguyệt
Vạn lý không hàn !**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là cảnh Đại tịch diệt
Muôn dặm trống thanh lương
Chỉ một vàng minh nguyệt !

Lược giải:

Khi đã vào thể nhiệm màu cao tuyệt của Không Như Lai tạng, hành giả niệm Phật ở cảnh giới mà nhà Thiền gọi là "Chẳng cùng muôn pháp làm bạn" (Bất dữ vạn pháp vi lữ). Cảnh giới này như vàng trắng tròn sáng, chiếu soi muôn dặm, vắng lặng thanh lương, là cảnh Đại tịch diệt hay Đại Bát Niết Bàn vậy. Đây cũng gọi là cảnh "Song vong", người chẵn và trâu đều mất, phiền não cùng pháp trừ phiền não không còn. Như lời xưa đã diễn tả:

**Soi lại người, trâu đã mất tung
Dặm ngàn vắng lạnh nguyệt linh lung !
Ý này đoan đích như ai hỏi
Cỏ biếc hoa tươi tự thắm hồng !**

*

Hán:

**19. Nhứt cú Di Đà
Khai Bát nhã môn
Thập hư vạn pháp
Nhứt khẩu bình thôn.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Mở toang cửa Bát nhã
Muôn pháp cõi thập hư
Một miếng nuốt tất cả.

Lược giải:

Bát nhã là trí huệ. Thập hư có nghĩa: cõi hư không ở mười phương. Một câu Phật hiệu, nếu niệm cùng cực, tất mở toang được trí huệ và bao hàm muôn pháp ở mười phương hư không. Muốn một tiếng nuốt trọn muôn pháp cõi thập hư, bên trong hành giả phải tiêu trừ bốn đại năm uẩn thuộc ngã chấp, bên ngoài xả bỏ sáu trần cùng thời gian, không gian thuộc pháp chấp. Khi chuyên giữ một câu Phật hiệu, xả trừ quan niệm chấp thân tâm và thế giới như thế, đến lúc sức cực công thuần, tâm của đương nhân bỗng mở rộng rang, bao trùm muôn pháp khắp mười phương, như bọt nước hòa tan đồng sức hàm chứa cùng biển rộng. Đó gọi là một miếng nuốt tất cả. Thuở xưa cư sĩ Bàn Uẩn đêm tham khấu đức Mã Tổ hỏi: " Thế nào là ý của Tổ Sư Đạt Ma từ Tây Phương đến ?". Mã Tổ đáp: " Đợi khi nào ông uống một hớp hết nước sông Tây Giang, ta sẽ nói cho biết !". Cư sĩ nghe xong bỗng đại ngộ. Hành giả niệm Phật nên theo dõi bước đại ngộ này, đừng quan thiệp vào lý giải.



Hán:

**20. Nhứt cú Di Đà
Hoa ốc môn khai
Tùng giả lý nhập
Khoái tùy ngã lai...**

Việt:

Một câu A Di Đà
Mở cửa nhà đẹp cao
Gọi các hàng tưng giả
Mau theo ta đi vào.

Lược giải:

Hoa ốc đây, chỉ cho cảnh trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng. Khi hành giả chứng được Niệm Phật tam muội rồi, tâm cảnh rộng rang, lần lần đi sâu vào biển thế giới Hoa Tạng, gồm vô biên quốc độ màu đẹp trang nghiêm. Tự mình giác ngộ chứng được đức trí, lại dùng vô lượng phương tiện khuyến dẫn kẻ hữu duyên đồng bước theo vào nơi hoa ốc để thật hiện đức Bi... Đây là bản nguyện cao cả của người học đạo.

*

Hán:

21. Nhứt cú Di Đà
Nhập vương tam muội
Tự địa quân kinh
Như thiên phổ cái.

Việt:

Một câu A Di Đà
Vào tam muội Bảo vương
Như đất đều nâng đỡ

Tợ trời che khắp miền.

Lược giải:

Niệm Phật tam muội cũng gọi là Bảo Vương tam muội. Khi chúng được tam muội này, diệt vô lượng tội chướng, tăng vô biên phước huệ, độ vô số chúng sanh, đức hóa lan rộng khắp mọi nơi như trời che đất chở. Từ nơi Niệm Phật Bảo Vương tam muội này, Bồ Tát rưới vô lượng mưa pháp độ khắp chúng sanh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Vân Bồ Tát đã bảo Thiện Tài đồng tử:

... "Thiện nam tử ! Chư đại Bồ Tát có vô biên hành môn trí huệ thanh tịnh. Đó là: Môn Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, thường thấy các thứ cung điện nghiêm sạch nơi tất cả quốc độ của chư Phật. Môn Linh Nhứt Thiết Chúng Sanh Niệm Phật, tùy nơi tâm ưa thích của các chúng sanh, đều khiến cho được thấy Phật và được thanh tịnh. Môn Lĩnh An Trụ Lực Niệm Phật, khiến cho được vào mười lực của Như Lai. Môn Lĩnh An Trụ Pháp Niệm Phật, khiến cho thấy vô lượng chư Phật được nghe pháp mầu. Môn Chiếu Diệu Chư Phương Niệm Phật, thấy trong tất cả thế giới, các Phật hải đều đồng nhau không sai khác. Môn Nhập Bất Khả Kiến Xứ Niệm Phật, thấy tất cả cảnh vi tế trong các việc thần thông tự tại của chư Phật. Môn Trụ Ư Chư Kiếp Niệm Phật, trong tất cả kiếp thường thấy các việc làm của Như Lai không tạm mất. Môn Trụ Nhứt Thiết Thời Niệm Phật,

trong tất cả thời thường thấy Như Lai đồng ở gần bên không xa lìa. Môn Trụ Nhứt Thiết Sát Niệm Phật, trong các quốc độ đều thấy thân Phật vượt hơn tất cả không chi sánh bằng. Môn Trụ Nhứt Thiết Thế Niệm Phật, tùy nơi tâm mình ưa thích, thấy khắp chư Như Lai trong ba đời. Môn Trụ Nhứt Thiết Cảnh Niệm Phật, khắp trong tất cả cảnh giới, thấy chư Như Lai lần lượt hiện thân. Môn Trụ Tịch Diệt Niệm Phật, trong một niệm thấy chư Phật trong tất cả cõi thị hiện vào Niết Bàn. Môn Viên Ly Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả Phật từ chỗ mình ở đi ra. Môn Trụ Quảng Đại Niệm Phật, tâm thường quán sát mỗi mỗi thân Phật đầy khắp tất cả các pháp giới. Môn Trụ Vi Tế Niệm Phật, khoảng một đầu lông có bất khả thuyết Như Lai xuất hiện, đều đến tận nơi mà thừa sự. Môn Trụ Trang nghiêm Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả cõi đều có chư Phật thành Đẳng Chánh Giác hiện sức thần biến. Môn Trụ Năng Sự Niệm Phật, thấy tất cả Phật hiện ra nơi đời phóng ánh sáng trí huệ, chuyển bánh xe pháp. Môn Trụ Tự Tại Tâm Niệm Phật, tùy tâm mình ưa thích, tất cả chư Phật đều biết và hiện ảnh tượng. Môn Trụ Tự Nghiệp Niệm Phật, biết tùy theo nghiệp lành chứa nhóm của chúng sanh, hiện ra ảnh tượng khiến cho giác ngộ. Môn Trụ Thần Biến Niệm Phật, thấy Phật ngồi trên hoa sen tươi nở rộng lớn đầy khắp pháp giới. Môn Trụ Hư Không Niệm

Phật, quán sát Như Lai có nhiều thân như mây, trang nghiêm pháp giới và hư không giới...".

Môn Niệm Phật xuất sanh nhiều tam muội và lợi ích khắp chúng sanh như thế, nên gọi là Vương tam muội, và như trời che đất chở.

DIỆU HIỆP

Diệu Hiệp đại sư, người ở huyện Cần tại Minh Châu. Ngài xuất gia khoảng cuối đời nhà Nguyên sang đầu triều Minh, nghiên cứu tinh tường về Thiên Thai Giáo quán, chuyên tu môn Niệm Phật tam muội. Đại sư có soạn thuật hai quyển Niệm Phật Trục Chi, trong đó thiên Trục Chi Tâm Yếu phá vọng hiển chân, biện giải đến chỗ tinh vi. Văn rằng:

"... Đức Thế Tôn thấy cõi Ta Bà có các sự khổ: sanh, già, bệnh, chết, nghiệp phiền não thiêu đốt buộc ràng, nên khuyên chúng hữu tình niệm Phật A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc. Nhưng cách Phật lâu xa, con đường Thánh đạo càng bị cỏ tranh khuất lấp. Nhiều người nghe nói: "Các pháp đều ở nơi tâm", liền lầm nhận nghiệp vọng tưởng thuộc bóng duyên sáu trần trong thân là tâm mình. Do đó nên bảo: "Phật ở nơi đây, cõi Cực Lạc cũng ở trong ấy, không cần tìm cầu đâu xa!". Họ không biết thể huyền bóng duyên sáu trần đó, thuộc về vọng tâm, vốn không bền

chắc. Nếu tiền trần tiêu tan, vọng tâm ấy liền diệt. Như thế, làm sao có cõi Cực Lạc ở trong đó được?

Có kẻ lại miễn cưỡng bảo: "Các bậc ngộ đạo thấy tánh đều nói cõi Phật ở nơi tâm. Đã thấy tánh, lẽ đâu còn chấp bóng duyên của sáu trần nữa!". Các người ấy đâu biết rằng sự ngộ đạo thấy tánh đó, là ngộ được bản tâm chân thật, chớ không phải là vọng tâm như họ tưởng. Muốn ngộ được chân tâm ấy, phải thấu suốt ở trong huyễn thân, huyễn thân lại ở trong thế giới, và tất cả thế giới sạch lành hoặc như ác đều ở trong hư không. Thế hư không ấy tuy bao gồm tất cả y báo chánh báo của mười phương, rộng lớn không ngần mé, nhưng lại ở trong chân tâm sáng suốt bất động vô cùng vô tận của ta, ví như một cụm mây nhỏ điểm lơ lửng giữa khoảng thái thanh bao la lạng lẽ. Chân tâm đã rộng lớn như thế, làm sao tất cả mười phương thế giới hoặc như hoặc sạch lại không ở trong tâm? Thế thì đức Phật hoặc các bậc ngộ đạo nói các pháp ở nơi tâm, là chỉ cho chân tâm đó, chớ không phải vọng tâm thuộc bóng duyên sáu trần trong huyễn thân này đâu! Chân tâm ấy vượt niệm hiểu biết, lìa sự thấy nghe, dứt hẳn các tướng sanh, diệt, thêm, bớt. Tất cả thế giới gồm thân chư Phật và chúng sanh đã ở trong chân tâm đó, thì cảnh Ta Bà cùng Cực Lạc đều là tâm của ta. Cho nên các hữu tình ở trong đó tùy ý bỏ Đông cầu Tây, chán cõi như thích cảnh sạch, dù có trước tướng, vẫn không lìa ngoài chân tâm.

Bởi thế, khi cảnh tướng đẹp của cõi Cực Lạc và đức A Di Đà hiện ra, tức từ tâm ta hiển lộ. Và khi tâm ta hiển lộ thì Đức A Di Đà hiện ra. Tâm ta là tâm đức Phật kia, đức Phật kia là Phật của tâm ta, đồng một thể không khác, nên gọi "Duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà". Cho nên khi nói duy tâm hay bản tánh, chẳng phải chỉ cho cái vọng tâm sanh diệt thuộc bóng duyên sáu trần trong huyễn thân. Và ở phương Tây chẳng phải không có cõi Cực Lạc cùng Đức A Di Đà, mà nói không cần tìm cầu. Cầu Đức Phật kia chính là cầu tâm mình, muốn sớm ngộ chân tâm mình, phải cầu đức Phật kia. Thế thì tại sao đời nay các nhà thức giả vừa mới biết chút ít lý thiên, những tăng sĩ nông cạn phá rồi Phật pháp, không nghiên tâm sâu chân lý để ngộ cảnh tức là tâm? Mà trở lại ở trong môn Bất nhị, họ chia trong bỏ ngoài, phân tâm phân cảnh, dạy người tìm trong bỏ ngoài, lìa cảnh để cầu tâm, khiến lòng thương ghét thêm rộng nhiều, niệm phân biệt càng sâu đậm? Khi phân chia cảnh, thì cho cõi Cực Lạc ở ngoài, dạy người chẳng nên cầu vãng sanh....

Và khi phân chia tâm, lại lầm nhận vọng thức là tâm, bảo cõi Cực Lạc ở trong đó. Càng sai lầm hơn nữa, họ cho chân tâm là rỗng không, lìa tất cả cảnh tướng nhân quả lành dữ tội phước, nên từ đó muốn tỏ ra mình là vô ngại, lại buông lung theo duyên đời, dạy người không cần lễ Phật. Tụng kinh sám nguyện, tu phước, bảo là trước tướng.

Đối với cảnh Thiên cung, Địa ngục và các cõi Tịnh Độ, tuy nghe trong kinh nói đến, nhưng vì mắt phàm không thấy, họ bác hẳn nói không có, cho lời kinh là quyền thuyết. Họ lại bảo cảnh vui hiện tại, hay một niệm vui tươi là Thiên đường, cảnh khổ trước mắt, hoặc một niệm phiền não là Địa ngục. Sự hiểu biết cạn cợt nông nổi như trên, thật đáng thương xót!

Phải biết tâm ta cùng tâm Phật đồng một chân thể. Đức A Di Đà chứng ngộ đầy đủ tâm ấy, nên phóng ánh sáng oai đức soi khắp mười phương, dùng sức nguyện thương xót rộng sâu nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Ta tuy đồng một tâm thể với Phật, nhưng bởi bị sức nghiệp vô minh phiền não che lấp buộc ràng, chưa chứng ngộ được bản tâm, nên cần phải tu tất cả hạnh lành, và niệm Phật để cầu sanh Cực Lạc. Vì tất cả pháp chẳng phải khác, nên muôn hạnh đều hướng về chân tâm, đều trôi về biển Phật. Bởi tất cả pháp chẳng phải đồng, nên tuy cùng một tâm thể, vẫn có thiện có ác, có uế có tịnh, thì ở địa vị phàm phu phải bỏ ác cầu thiện, bỏ uế cầu tịnh, phát nguyện cầu sanh để mau chứng ngộ chân tâm. Khi tu hành như thế, ví như một giọt nước gieo vào biển, tất cả sẽ đồng một vị một thể với biển cả. Lúc được chứng ngộ toàn thể chân tâm, thì trong ánh đại quang minh sẽ thấy tất cả cảnh tướng thiện ác như sạch ở mười phương thế giới đều như bóng như huyễn, sanh diệt không dừng. Sự thiện ác như sạch sanh

diệt như huyễn ấy, cũng tức là tâm, nhưng không làm ngại đến tâm thể đại quang minh, như một cụm mây nhỏ không làm ngại đến hư không bao la rộng rãi. Chứng ngộ được như thế mới có thể nói là vô ngại.

Đa số hàng thiện tín nơi thôn ấp quê mùa, tuy không thông hiểu Phật lý, nhưng vì tin có Phật và cõi Cực Lạc, chuyên tâm làm lành phát nguyện niệm Phật, nên khi lâm chung được sự lợi ích vãng sanh, lên ngôi Bất thối chuyển, mau chứng quả đại Bồ đề. Trái lại người có chút ít học thức thông minh, bởi chưa thấu suốt lý tánh, bác sự tướng, trệ vào thiên không, dù tu đạo hạnh, kết cuộc lại lạc vào vòng ngoại đạo, chìm trong nẻo luân hồi. Cho nên hàng Phật tử chân chánh, về chữ Tín phải tin có tội phước nhân quả, có địa ngục, thiên đường, có mười phương Tịnh Độ. Về chữ Nguyện, nên phát tâm cầu sanh Cực Lạc, để sớm thoát ly nỗi khổ ở Ta Bà, mau chứng ngộ bản tâm, khỏi sự luân hồi sống chết, rồi độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật quả. Về chữ Hạnh, phải hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ sư trưởng, tu các nghiệp lành, thọ trì tam quy, giữ gìn giới phạm, phát lòng Bồ đề, tụng kinh niệm Phật, khuyên người tu hành, đem tất cả công đức ấy hồi hướng về Tây Phương. Phải nghĩ mạng người vô thường, chỉ mong manh trong hơi thở, việc thế tục quanh quẩn buộc ràng, móc nối nhau không dứt. Nếu chẳng phát tâm mạnh mẽ, cắt một dao cho đứt đoạn, nhảy hết sức để vượt qua, thì biết chừng nào mới

được an nhàn giải thoát? Nay tôi thiết tha đánh lễ, kính khuyên các Phật tử, nên một lòng thật ngộ thật tu, nguyện ngày kia đồng làm bạn lành nơi cõi Liên hoa thế giới...”.

Về sau khi lâm chung, đại sư biết ngày giờ trước, an tường niệm Phật mà vãng sanh.

MINH CHỨNG

Thích Minh Chứng tự Vô Trần, họ Ngụy, quê ở Côi Khê. Tánh ông thuần giản ít nói, thuở bé không thích mùi tanh của thịt cá, thường muốn xuất gia. Đến 15 tuổi nhân sang viếng cảnh chùa làng gần bên, ông gặp một vị lão tăng mày lớn lông mi dài, mới diện kiến có cảm giác như đã quen biết nhau từ trước. Hỏi ra thì lão tăng ở non Ngũ Đài vừa đến, ông liền nương theo xin làm đệ tử. Lão tăng bảo: "Ba năm sau người mới có thể xuống tóc. Hiện thời phải gắng khổ hạnh làm công quả trong chùa, và học tập các kinh điển trước".

Từ đó Minh Chứng đến tòng lâm, làm các công việc nặng nhọc, học chú Lăng Nghiêm, mỗi ngày tụng thuộc lòng một chữ. Ban đêm thì lễ đức Quán Thế Âm, có khi lạy luôn tới sáng không nằm nghỉ. Trải 3 năm như thế, việc tụng chú vừa xong, bỗng bị bệnh 7 ngày, cả mình đau nhức dường như thay đổi gân cốt. Khi bệnh lành trí tuệ chợt mở sáng thì vị lão tăng ở non Ngũ Đài cũng vừa đến, vì xuống tóc, hội chúng lại, truyền cho giới Cụ túc, lại dạy

trọn đời phải tụng kinh Pháp Hoa. Minh Chứng liền giở kinh ra tụng, thấy thông suốt không trệ, dường như đã có học tập từ lâu. Kế tiếp tụng sang các kinh như: Hoa Nghiêm, Niết Bàn, cũng đều thông thuộc. Sư liền đến đánh lễ lão tăng và bạch rằng: "Con nguyện suốt đời đi khất thực cúng dường thầy để báo ân đức!". Nhưng ngay đêm ấy lão tăng bỗng đi đâu mất. Vâng theo lời thầy, mỗi ngày Minh Chứng đều tụng một bộ Pháp Hoa, ngoài y bát ra không chứa để món chi, có người cúng dường liền tùy duyên thí xả. Sư vốn ít nói, ai hỏi đến chỉ mỉm cười mà thôi.

Nắng lại mưa qua, tu hành một mực như thế trải đúng 30 năm. Một hôm sau khi tụng kinh xong, sư có vẻ ủ dột không vui, đệ tử hỏi duyên cớ, đáp rằng: "Ta trì tụng một đời mục đích cầu sanh Tịnh Độ, nay sao còn đọa vào vòng phước báu cõi hồng trần?" Do đó, lại tinh tấn tụng niệm thêm 3 năm nữa. Ngày nọ, sư bỗng vỗ bàn cười lớn bảo: "Ta đã được đến thế giới hoa sen, thoát ly cõi bụi hồng, từ nay không còn bị nghiệp duyên ràng buộc!". Hôm sau Minh Chứng liền đến chùa Vân Thê yết kiến Liên Trì đại sư. Khi trở về đến một bờ suối, sư gọi thị giả dặn: Con hãy đi thông tin trước cho hàng đệ tử biết, ngày mai thầy sẽ vãng sanh". Hôm sau khi các đồ đệ đã tập họp, Minh Chứng hỏi: "Hiện tại là mấy giờ". Một vị đáp: "Vừa đến giờ Ngọ!" sư liền bảo nấu nước cho mình tắm gội, xong

liền đáp y ngòì niệm Phật, rồi tụng sang danh hiệu Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, bỗng chột nhắm mắt nín lặng. Lúc ấy mọi người lại nghe giữa hư không có tiếng niệm: Nam Mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát, rất rành rẽ rõ ràng. Hàng đệ tử xem lại thì sư đã chấp tay viên tịch như vào thiên đình, mùi hương lạ bay thơm bát ngát.

Bảy hôm sau, các đệ tử mở bảo khám ra thấy dung nghi của sư còn tươi như sống. Bảy giờ nhằm năm Vạn Lịch thứ 21 đời Minh, sư hưởng dương được 50 tuổi. Một đệ tử của Minh Chúng là Chơn Đình, tự Tịnh Minh, cũng theo lời thầy dạy siêng năng niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Ngoài ra còn kiêm lễ bái các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, tạo tượng trai tăng, tu các khổ hạnh. Đến 70 tuổi, sư cũng biết ngày giờ trước, ngòì day mặt về Tây niệm Phật mà hóa.

KHÔNG CỐC

Không Cốc thiên sư, pháp danh Cảnh Long, tự Tổ Đình, con nhà họ Trần ở Tô Châu. Lúc thơ ấu ngài đã không chịu ăn thịt cá, ưa ngòì xếp vé ngay thẳng trạng như thiên đình. Lớn lên theo Lại Vân hòa thượng ở Biền Sơn, tham khảo về đạo pháp. Năm hai mươi tám tuổi xuất gia ở chùa Hồ Khâu.

Trong niên hiệu Hồng Hi đời Minh, thiên sư được cấp điệp làm tăng, y chỉ với Thạch Am hòa thượng ở chùa

Linh Ân tại Hàng Châu. Kế đó ngài lên núi Thiên Mục khắc khổ tham cứu, một hôm bỗng nhiên thức tỉnh, đem chỗ tỏ ngộ về cầu chứng với hòa thượng Lại Vân, được mong ẩn khả. Thiền sư đã đề xướng tông Trực Chỉ, lại kiêm hoằng dương môn Niệm Phật, từng làm thi Tịnh Độ một trăm lẻ tám bài. Có người hỏi ý kiến về Tứ liệu giản của tổ Vĩnh Minh. Ngài đáp: “Người tham thiền nắm giữ một câu thoại đầu, tự cho ngoài công phu thủ tịnh ra, không còn việc chi khác. Sự niệm Phật vãng sanh cho đến hai thời khóa tụng, họ đều chẳng thật hành. Đây gọi là: “Có Thiền không Tịnh Độ vậy. Lối tham thiền như thế cũng chưa phải là chánh khí, vì chỉ giữ chết câu thoại đầu chẳng khác gì ngói gỗ đất đá. Vướng mắc vào chứng bệnh này, trong mười người đã hết tám chín, không làm sao cứu vãn được! Bậc chân thật ngộ thiền cơ, thì ứng dụng không ngại, như trái bần trên mặt nước đụng đến liền lăn tròn, chẳng dính mắc vào đâu cả. Tham thiền như thế, không khinh sự niệm Phật vãng sanh, cũng không bỏ hai thời khóa tụng, xây qua day lại chỗ nào cũng là đạo. Đây gọi là: “Có Thiền có Tịnh Độ vậy!”.

Thiền sư lại bảo: “Pháp môn Niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả nên xét thân người chẳng bền, cuộc đời như huyễn, duy câu niệm Phật có thể nhờ cậy, cõi Cực Lạc là đáng nương về. Vì thế phải giữ chắc câu hồng danh như bốn mạng, hoặc niệm mau niệm chậm, cao tiếng

thấp tiếng, thân tâm nhàn đạm thâm niệm chẳng quên, động tịnh hưỡn gấp thường hằng không khác. Hành trì như thế ngày kia chạm cảnh gặp duyên bỗng ngộ tánh bản lai, mới biết Tịch Quang Tịch Độ không lìa hiện cảnh. A Di Đà Phật chẳng ngoài tâm mình. Nếu khởi tâm cầu tỏ ngộ lại trở thành chướng ngại. Chỉ dùng lòng tin làm căn bản, tất cả tạp niệm đều chẳng tùy theo. Niệm như thế dù không tỏ ngộ, khi mạng chung cũng được vãng sanh, theo giai cấp tiến tu, không còn bị thối chuyển”.

Về sau, vì không cơ duyên tham khảo, chẳng biết ngày lâm chung của thiền sư như thế nào?

ĐỨC THANH

Đức Thanh đại sư, tự Trùng Ân, lúc lớn tuổi lấy hiệu là Hám Sơn lão nhơn, con nhà họ Thái ở Kim Lăng. Bà mẹ nằm mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bồng đứa đồng tử trao cho mà mang thai ngài. Đến khi sanh ra, có hai lớp bọc trắng. Năm mười chín tuổi ngài xuất gia, chuyên tâm niệm Phật. Một đêm đại sư mộng thấy đức A Di Đà hiện thân đứng giữa hư không, về phía mặt trời lặn. Tướng Phật mày mắt rõ ràng, sáng suốt trang nghiêm, từ đó thường hiển hiện trước mặt. Kế tiếp ngài đến non Ngũ Đài, thiền ngộ được bản tâm, phát nguyện chích máu tả kinh Hoa Nghiêm và A Di Đà, mỗi nét bút niệm Phật một câu. Lâu ngày động tịnh đều như một.

Năm Vạn Lịch thứ mười đời nhà Minh, đại sư trụ tích tại Lao Sơn. Lý Thái hậu nghe danh mến đức, xuất tiền của cho người đến cất chùa, tứ bảng hiệu là Hải Ấn Tự. Bấy giờ Thái hậu thường sai quan Trung Sứ đi tu tạo chùa tháp các nơi. Trong hàng quyền quý có kẻ hiềm khích với quan Trung Sứ, lập mưu xúi nhóm đạo sĩ phái Đông Xưởng đánh trống đưa đơn đầu cáo, nói ông xâm chiếm đạo viện sửa làm cảnh chùa. Việc ấy gây liên lụy đến đại sư, ngài bị truất bỏ tăng phục, đày tới Lô Châu. Khi từ già đại chúng ra đi, ngài vẫn an nhiên, viết lời kệ tỏ ý chí rằng:

Cà sa cởi lớp đôi nhung trang,

Tùy tiện nơi đâu cũng đạo tràng!

Dẫu gặp cảnh duyên dường lửa đỏ,

Tấm lòng băng tuyết dễ chi tan?

Tùy chỗ đi đến, đại sư vẫn mang lớp tục trang thuyết pháp, lại phát nguyện hoàng dương kinh Đại thừa, số luận các bộ như: Lăng Nghiêm, Lăng Già, Viên Giác. Năm Vạn Lịch thứ bốn mươi hai, ngài được ân chiếu xá tội và cho hoàn tăng phục. Trên đường về qua Lô Sơn, đại sư thích cảnh thanh u, kết am ở dưới ngọn Ngũ Nhũ Phong, nơi theo gương Viễn Công, đào hồ trồng sen, phân định thời khắc tu Tịnh Độ rất tinh tấn.

Bấy giờ có vị tu thiền ở Hải Dương, trong khi cầu thọ giới pháp, nhân hỏi về yếu chỉ Tịnh Độ. Đại sư bảo:

- "Đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều phương tiện tu hành để ra khỏi vòng sống chết luân hồi, tiến lên Phật quả. Tựu trung duy có môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, là rất thiết yếu mau lẹ. Pháp môn này không ai thừa hỏi mà đức Phật tự nói, đủ thấy tầm mức quan trọng đến dường nào! Môn ấy trùm khắp ba căn, thấu cả bốn chúng, không phải quyền tiện vì bậc hạ căn mà lập ra. Kinh nói: "Muốn thanh tịnh cõi Phật, trước thanh tịnh tâm mình!". Cho nên người tu Tịnh Độ phải lấy tịnh tâm làm căn bản. Muốn tâm được thanh tịnh, điều cần nhất là giữ giới căn cho trong sạch. Các giới tuy nhiều, nhưng yếu ước lại không ngoài ba nghiệp của thân, bốn nghiệp của miệng và ba nghiệp của ý. Giữ mười nghiệp này sạch lành, là chánh nhân của Thiên cung, Tịnh Độ; trái lại là nhân của nẻo khổ tam đồ. Dùng tâm giữ giới thanh tịnh như thế, khởi lòng bi cảm, nhằm chán nỗi khổ như ác ở Ta Bà, phát nguyện cầu sanh Cực Lạc để mau thành đạo quả độ mình độ loài hữu tình, mà lập chánh hạnh niệm Phật. Cách thức niệm Phật lại tùy tiện theo căn cảnh của mỗi người, nhưng cần phải thật tâm thật hạnh mới đem đến hiệu quả thiết thật!".

Lại có cư sĩ Tịnh Tâm đến xin chỉ dạy, hỏi:

- "Tại sao có nhiều người niệm Phật không tinh tấn và khó thành một khối?".

Đại sư khai thị:

- "Điểm quan yếu bậc nhất của sự tu hành là: tha thiết vì thoát ly nỗi khổ sống chết luân hồi. Nếu không tha thiết nghĩ đến điều này, thì làm sao có thể niệm Phật tinh tấn và thành một khối được? Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, mỗi niệm buông theo vọng tưởng, gốc rễ tình ái bám sâu, ngay ở cõi người vui ít khổ nhiều, còn trong nẻo luân hồi thì sanh lên cõi nhơn thiên như đất nơi móng tay, đọa xuống ba đường ác như đất miền đại địa! Cổ nhơn đã bảo: "Tam đồ một đọa ngàn muôn kiếp. Tái phục nhơn thân biết lúc nào?". Nếu trong đời này không thống thiết vì sự khổ sống chết luân hồi, mỗi niệm vẫn theo tình nhiễm, muốn đem lòng tin hời hợt niệm Phật để cầu thoát ly, thì khác nào mong dùng một gáo nước để cứu muôn xe lửa đỏ? Tu hành như thế chỉ e khi mất thân người khó bề lại được, một phen bê trễ tiếc hận lâu dài! Vậy phải phát lòng tinh tấn, dùng hạnh niệm Phật vượt phá muôn ngàn vọng tưởng, tùy thời tùy chỗ đều giữ cho câu Phật hiệu được hiện tiền. Quyết tâm hạ công phu khổ thiết như thế, lâu ngày sẽ được thuần thực tương ưng, và câu niệm Phật tự thành một khối. Việc này toàn do nơi mình suy gẫm và hết lòng gắng sức. Nếu đem câu niệm Phật làm hình thức bên ngoài, chắc chắn khó mong có ngày được vãng sanh giải thoát!".

Đại sư ở Lô Sơn được mấy năm rồi sang trụ tích tại Tào Khê. Tháng mười niên hiệu Thiên Khải thứ ba, ngài cảm

bình nhẹ, bảo người rằng: "Lão tăng duyên đời đã sắp hết!", rồi tắm gội đốt hương, ngồi ngay thẳng mà viên tịch. Lúc ấy có ánh sáng chói hừng trời. Đại sư hưởng thọ được bảy mươi tám tuổi.

VÔ DANH TĂNG

Vô Danh Tăng người đời Thanh, thường ở huyện Hồ Quảng tại Hoàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Sư chuyên niệm Phật ngày đêm không dứt, gặp ai cũng đều xưng A Di Đà Phật.

Niên hiệu Sùng Trinh thứ 16, lúc quan Tổng binh Huỳnh Đảnh trấn thủ Hoàng Châu, sư lớn tiếng niệm Phật xông ra ngăn đường, bị quân lính bắt đem vào thành. Vừa đầu giặc Trương Hiến Trung đánh phá Hoàng Châu, nửa đêm sư ngồi trên tường thành cao tiếng niệm Phật. Quân sĩ ngủ không được, giận lắm trối liệng xuống thành. Giây phút nghe tiếng sư ngồi trên thành niệm Phật y như cũ. Như thế tất cả bốn lần, hễ liệng xuống thành Đông lại lên thành Tây, liệng xuống thành Nam lại lên thành Bắc. Quân sĩ đều kinh ngạc không dám xem thường, quan Tổng binh nghe biết liền mời đến kính lễ.

Ở vùng ấy năm đó thất mùa lớn, người ăn thịt lẫn nhau. Sư ra ngoài thành bị dân đói cầm dao rượt theo xin xả mạng. Sư cởi áo ra, bảo chúng rằng: "Xin hãy đợi tôi niệm Phật đủ một ngàn câu, rồi sẽ ăn thịt!" Nhưng khi vừa niệm

được 300 câu, chúng gấp muốn chém, bỗng thấy thần binh từ hư không bay xuống. Dân đói đang kinh hãi chạy tứ tán, thì quân sĩ đã thấy sư ở trong thành rồi.

Thọ săn ở núi gần đó bẫy được một con hổ rất to. Sư tìm đến muốn xin chuộc mạng phóng sanh. Họ đòi 30 lượng vàng, sư nói mình chỉ có 4 lượng. Thọ săn bảo: "Nếu ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thì hãy nắm tai con hổ này xoay ba vòng, chúng tôi sẽ giao nó cho, không lấy tiền". Sư thọ ký cho con hổ, rồi nắm tai nó xoay ba vòng. Thọ săn phải y theo lời hứa, giao cho rồi bỏ đi. Sư tháo cũi ra, con hổ quanh quẩn theo một bên, không chịu đi. Sư bèn dẫn nó vào hang động Kim Cang ở núi Hoàng Ma, cùng nhau nương ở. Tuần phủ Lưu Tượng Thăng cùng quan Đốc binh đi qua Hoàng Châu, tìm đến núi thăm viếng và muốn thấy con hổ. Sư gọi, nó thò đầu ra ngoài cửa song. Hai vị muốn thấy toàn thân, hổ liền rống to một tiếng nhảy ra. Quan Tuần phủ cũng nấp lễ xin làm đệ tử, rồi từ giã ra về. Một ngày nọ sư đi khát thực giữa đường, thấy con gà, liền cao tiếng niệm Phật, gà cũng tùy tiếng mà niệm theo.

Năm Thuận Trị thứ 7, sư sang Võ Lâm, đường đi trải qua cửa Bạch Môn, ngụ ở một gian phòng bên sông Tần Hoài. Lúc ấy nhằm tiết Đoan Dương, du thuyền qua lại tấp nập, tiếng ca nhạc vang lừng. Sư thấy trong một du thuyền có Tiên Sinh nguyên là đệ tử quy y của mình, liền lớn

tiếng gọi: "Tiền A Di Đà Phật!". Tiền Sinh nghe thấy liền ghé thuyền lên bờ chấp tay kính chào. Sư hỏi những bạn đồng du, sau khi biết tên họ, liền cất tiếng khóc lớn nói: "Chúng sanh lấy khổ làm vui, đến như thế ư?" Tiền Sinh khẩn cầu chỉ dạy đường yếu tu hành. Sư bảo: "Chỉ nên nhứt tâm niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc!" Lại dặn: "Khi ta đi rồi, nếu người có chỗ nghi nên đến hỏi đại sư Giác Lăng. Đó là bậc người đạo nhân sáng suốt!" Về sau, không biết chung cuộc của sư như thế nào?

Giác Lăng đại sư pháp danh Đạo Thạnh, từng chủ trì đạo tràng Thiên Giới ở Kim Lăng, chùa Sùng Quang ở Hàng Châu, tông phong rất hưng vượng.

ĐẠI KINH

Thích Đại Kinh tự Xung Phù họ Biên, người ở Thiệu Hưng, huyện Gia Khái. Lúc thơ ấu, ông xuất gia tại chùa Đại Hùng ở bản ấp. Lớn lên, nghe sự truyền giáo của ngài Liên Trì, sư vượt suối băng non tìm đến chùa Vân Thê đánh lễ cầu pháp. Cơ duyên hợp nhau, Đại Kinh nguyện trọn đời quy tâm Tịnh Độ.

Tuổi về già, sư trụ tích ở Thiên đường Đại Thiện. Tánh ưa thích kinh Hoa Nghiêm, hằng ngày mỗi thời đều tụng vài quyển rồi mới niệm Phật. Sư có làm 108 bài thi Hoài Tịnh Độ, nay xin trích lục 4 bài như sau:

I

Giống Phật tùy duyên vượt đất mê
Cài thêm câu niệm mãi đơn đề.
Luyện thân nhẹ được đồng tiên hạc
Cực Lạc bay ngang thẳng lối về!

II

Cười phận sơn tăng cũng thật thà
Nặng lòng lắm cảm tháng năm qua.
Gặp người duy nói đường tu Tịnh
Chỉ bảo đành rành một sát na.

III

Răng lười suối tuôn tiếng Phật hoài
Tuổi già khổ tận đến cam lai.
Đài vàng ít thấy điềm hòe cỏ
Lại gắng chuyên cần oán trách ai?

IV

Tâm yên bỗng khởi niệm Di Đà
Nước lặng đều đều gợn bích ba.
Muôn niệm tan về nơi chẳng niệm
Mà trong vô niệm, niệm hằng sa!

Tháng 11 năm Thuận Trị thứ 6, sư nhiễm bệnh, dự biết giờ lâm chung, cầm bút ghi lại dặn dò hậu sự. Đến thời, tám gọi thay y phục, ngồi hướng về Tây niệm Phật mà hóa.

KIẾN NGUYỆT

Kiến Nguyệt luật sư, pháp hiệu Độc Thê, họ Hứa. Tổ phụ ông quê ở Cú Dung miền Giang Nam, tòng quân tại Điền Sâm, do công trạng được làm Chỉ huy sứ, mới di cư về Sở Hùng. Ông không muốn tập ấm theo quan chức của cha, bỏ nhà đến Xích Đằng Nham tại Kiến Châu tu thân ba năm.

Một hôm ông gặp vị lão tăng trao tặng cho bộ kinh Hoa Nghiêm. Sau khi đọc xong, ông đại ngộ, liền xuất gia, thọ giới cụ túc nơi Tam Muội Quang luật sư. Ngài Tam Muội Quang là vị Sơ tổ về Luật tông chùa núi Bảo Hoa. Khi sắp viên tịch, ngài truyền y bát cho Kiến Nguyệt luật sư làm vị Tổ đời thứ hai. Luật sư từng tu môn Bát Chu Tam Muội, trong vòng 90 ngày đêm chuyên tâm niệm Phật, không ngồi, không nằm, không nương tựa vào vách. Hàng tăng tục bốn phương đều cảm phục nương về. Các nơi đến lễ thỉnh cầu mở đàn truyền giới, không tháng nào trống sót.

Ngày nọ, luật sư cảm bệnh nhẹ, gọi đồ chúng bảo: "Chớ lo việc thuốc thang. Sau 7 ngày ta sẽ đi xa!". Đến kỳ hạn, ngài yên lặng mà tịch, thọ 79 tuổi. Khi trà tỳ, đại chúng thấy hoa sen và tướng Phật từ trong ngọn lửa bay lên liên tiếp. Hôm sau, bới tro kiếm được hơn một thặng xá lợi năm sắc.

MINH HOẰNG

Thích Minh Hoằng tự Mai Phương, người đời Thanh, quê ở Hàng Châu. Lúc niên thiếu cha mẹ cưới vợ cho, ông bỏ nhà trốn đi. Bà mẹ thương khóc đến mù cả đôi mắt. Sau cha mẹ nối tiếp nhau qua đời, ông mới vào am Di Đà ở Kha Kiều mà xuống tóc xuất gia.

Từ đó sư đi tha phương hỏi đạo, học tập về Thiên Thai Giáo Quán. Kế tiếp chuyên tu thiền mấy năm, có chỗ tỏ ngộ. Sau sư duyệt xem tạng kinh tại chùa Vạn Niên ở núi Thiên Thai. Lâu ngày đôi mắt đều lao tổn, lần lần bị mù. Sư nói với đồng bạn: "Đây là quả báo do tôi trái với lòng từ ái của thân mẫu xui nên!". Từ đó Minh Hoằng một lòng chuyên niệm Phật, dù trái tiết lạnh nóng cũng không biếng trễ gián đoạn. Sư từng bảo: "Tôi nhân bị mù, mới càng tỉnh ngộ và được sự lợi ích rất lớn của môn Niệm Phật!". Bình thời sư chỉ một bát, một tích trượng, không ở chỗ nào lâu, được của cúng dường liền tùy duyên bố thí cho kẻ nghèo thiếu. Tư Tề thượng như quen biết sư nhiều, từng khen ngợi rằng: "Đại đức Minh Hoằng quyết định được sanh về Tịnh Độ, vì ông có ba điểm chân thật. Đó là: thật giải thoát, không quyến niệm vào đâu; thật sạch sẽ, không chứa giữ tiền của vật dụng; và thật tinh tấn, niệm Phật không hề gián đoạn trễ thời".

Tháng 9 niên hiệu Ung Chánh thứ năm, Tư Tề đại sư tổ chức kỳ Niệm Phật thất tại chùa Phạm Thiên, có mời Minh Hoằng tham dự. Trong kỳ thất sư bị bệnh kiết lỵ, nhưng

vẫn trì danh không một chút biếng trễ. Mãn kỳ thất, đến Trai Tăng Quán ở Vô Tích, bệnh càng thêm nặng. Một hôm sư cho khắp hàng thiện tín biết: ngày mai mình sẽ vãng sanh. Đúng thời, đại chúng các nơi tề tựu đến. Sư liền ngồi dậy chấp tay niệm Phật mà hóa.

VĂN NGÔN

Thích Văn Ngôn tự Siêu Nhiên, họ Phí, quê ở thôn Đồng, huyện Gia Hưng. Thuở bé, ông không thích mùi vị thức ăn huyết nhục, thường ưa ngồi kiết già. Lên bảy tuổi, vào am Kỳ Viên non Linh Ẩn xin xuất gia.

Sư tánh người thuần hậu chất phác, thọ giới Cụ túc nơi Vân Lâm thiên sư. Ngài Vân Lâm khuyên tham câu thoại đầu, sư thưa: "Con căn tính tối chậm, không thể tham cứu, chỉ biết niệm Phật mà thôi!". Thiên sư bảo: "Như thế cũng được, niệm Phật có thể mau thoát vòng sanh tử!". Từ đó, Văn Ngôn y theo lời dạy mà thật hành. Sư giữ giới luật tinh nghiêm, ngày đêm sáu thời chỉ trì danh hiệu Phật, không hỏi đến việc chi khác.

Ngày mùng 2 tháng 6 năm Càn Long thứ 2, sư bỗng gọi đồ chúng đến bảo: "Ta sắp vãng sanh, phiền các ông niệm Phật để hộ tống". Liền nói kệ rằng:

Bảy mươi bảy tuổi mãn duyên trần,
Tin tức quê xưa được thật chân.
Dứt cả hai đầu duyên đối đãi,

Liên Hoa thế giới gởi tinh thần!

Thuyết kệ xong, lại bảo: "Thế nào là tin tức chân thật?"
Rồi mỉm cười, chấp tay niệm Phật mà hóa.

ĐẠO TRIỆT

Thích Đạo Triệt, người ở Tiền Đường, xuất gia nơi chùa An Ẩn tại đỉnh Bán Sơn. Ban sơ, sư phỏng đạo với các bậc thiên lão ở chùa Cao Môn và Sùng Phước. Sau thời gian tham cứu, Đạo Triệt phát ngộ được tánh bản lai. Kế đó lại chuyển hướng chuyên tu về Tịnh Độ.

Thời gian sau, sư đến ở am Văn Thù gần cầu Đã Phạn ngoài cửa Bắc thành Hàng Châu 40 dặm. Nơi đây, Đạo Triệt đóng cửa định kỳ hạn nhập thất. Trong thất không để vật chi bề bộn, ngoài bàn Phật chỉ có một ghế, một giường nằm mà thôi. Kiệt thất được vài hôm, bỗng vướng bệnh càng lúc càng khốn đốn. Sư phấn chấn tự bảo: "Tu hành chính vì giải thoát sự khổ sống chết luân hồi, tại sao lại nhân chút bệnh mà ngưng bỏ. Rồi quyết liều mình buông xả thân tâm, niệm Phật rất chí thiết. Mấy ngày sau bỗng có kim quang chiếu sáng cả thất. Trong quang minh đức A Di Đà hiện thân, đưa tay vàng xoa đầu, cơn bệnh liền tiêu tan, thân thể thêm khỏe mạnh. Từ đó sư được Niệm Phật tam muội, đi đứng nằm ngồi đều không khởi vọng niệm. Sau 3 năm như thế, vào ngày rằm tháng 3, sư ra thất. Đại chúng thỉnh lên tòa thuyết pháp. Khai thị xong, sư bảo chúng

rằng: "Sau ngày rằm tháng 7 tới, tôi sẽ về Tây Phương. Vào thời gian đó, xin đại chúng đến niệm Phật để trợ duyên!".

Đến thời kỳ hạn chúng tề tựu về, thấy Đạo Triệt đang thiết lễ Vu Lan Bồn. Trong chúng có vài vị thay mặt đến nhắc lại lời nói khi trước. Sư bảo: "Việc ấy quả có, nhưng xin hãy đồng dự hội Vu Lan, nán đợi vài hôm nữa". Rạng ngày, Đạo Triệt cho mời vị tăng quen ở chùa Sùng Phước đến, xin thay làm trụ trì am Văn Thù. Ngày kế, thiết tiệc chay từ giã đại chúng. Đến giờ Ngọ, vào bảo khám ngồi nhắm mắt mà thoát hóa. Giây phút bỗng tỉnh lại, gọi chúng bảo rằng: "Nay tôi cùng chư vị vĩnh biệt, chẳng thể không có một đôi lời để niệm tình: Nỗi khổ ở Ta Bà vô cùng không thể nói hết, sự vui miền Cực Lạc cũng vô ngàn không thể diễn tả! Nếu các vị ghi khắc điều này, xin hãy gắng niệm A Di Đà Phật, tất ngày kia sẽ có cơ duyên gặp nhau. Như lầm lạc để lỡ qua kiếp này, thì phải sống trong đêm dài luân hồi sáu nẻo, thống khổ không cùng không tận! Hãy nhớ lấy! Nhớ lấy!". Nói xong liền viên tịch, hưởng dương 48 tuổi.

Lúc bảy giờ nhằm đời Thanh, niên hiệu Càn Long thứ 19.

THÀNH CHÚ

Thành Chú pháp sư tự Kiều Triệt, họ Quách, quê ở Đồng Sơn tại Từ Châu. Ngài xuất gia từ lúc ấu niên, đến 20 tuổi thọ giới Cụ túc nơi chùa núi Bảo Hoa. Sau khi đắc giới, pháp sư đi phỏng đạo các phương cao đức. Kế đó nói dối pháp sư cho Thạch Hấu thiền sư ở chùa Thiên Đồng. Không bao lâu lại phát tâm chuyên tu Tịnh Độ.

Niên hiệu Càn Long thứ 12, ngài trụ trì chùa Sư Lâm ở Tô Châu. Vua đi tuần du phương Nam có ghé lại chùa, sau khi đàm đạo, sắc phong cho ngài hiệu là Hoa Thiên. Mỗi ngày đêm pháp sư xuất lãnh đại chúng niệm Phật bốn thời. Thường khi nến tắt hương tàn chúng đều lui đi, riêng ngài vẫn còn ngồi niệm Phật không dứt tiếng. Lắm lúc pháp sư lại ứng lời cầu thỉnh đi ngồi đàn Du già thí thực khắp các nơi. Khi được của cúng dường, đều giao tất cả cho sư Giám viện lo việc tu tạo ngôi chùa. Chẳng bao lâu cảnh tự viện trong ngoài đều trở nên nguy nga trang hoàng rực rỡ, khôi phục lại phong thái hưng thịnh khi xưa.

Pháp sư không từng đặt lưng nằm nghỉ, mỗi nửa đêm đều tu Đại Bi sám pháp. Một hôm ngài đang kinh hành niệm Phật, chiếc mũ cầm tay chột rơi xuống đất, bống rỗng rang đại ngộ. Từ đó mỗi khi ứng khẩu nói ra đều thành lời kệ tụng, như đã có học tập từ lâu. Pháp sư từng khai thị rằng:

Đạp chắc nẻo vô sanh
Bốn bề mặt trở quanh

Lộ ra trước mọi người
Tỏ rõ chẳng bày phôi
Bản lai chân diện mục
Muôn việc đều cụ túc
Mắt chạm đến các chỗ
Nơi nơi siêu Phật, Tổ
Lại có niệm Phật gần
Phương Tây cảnh đẹp chân
Chỗ thai sen bảo dưỡng
Không cách điếm vi trần
Nếu thấu ý chỉ này
Nhọc chi tìm bên ngoài
Nghệp thức tiêu tan hết
Vãng sanh tức tâm đây
Hoa khai được thấy Phật
Muôn tượng vẽ xuân bày!

Khi cư sĩ đến hỏi pháp, ngài đều bảo: "Cõi Ta Bà như khổ, ông nên niệm Phật theo bản tạng về Tây Phương chăng?"

Tháng 4 niên hiệu Càn Long thứ 34, pháp sư bị bệnh hạ lỵ nằm luôn mấy ngày. Một hôm ngài gọi thị giả đến bảo: "Hãy đỡ ta ngồi dậy!". Lại sai đem nước vỏ quít cho mình uống. Xong ngồi ngay thẳng niệm Phật một lúc mà vãng sanh, hưởng thọ được 73 tuổi.

PHÁP CHÂN

Pháp Chân thiền sư tự Lăng Như, người ở Cao An tại Thoại Châu. Ngài đắc độ nơi Nguyên Văn hòa thượng ở Quán Khê, lúc còn trẻ tuổi. Sau khi thọ đại giới, thiền sư du phương đến miền Lĩnh Nam và trụ tích tại chùa Đơn Hà rất lâu.

Bình thời Pháp Chân tuy tham cứu thoại đầu, song vẫn mật tu Tịnh Độ. Ngày nọ ngẫu nhiên cùng một thiền giả luận đến công án chữ Vô, bỗng khởi mối nghi trong thời gian lâu, rồi rỗng rang tỉnh ngộ. Thiền sư liền đến chùa Hải Tràng lễ bái với Chánh Mục lão nhơn, cơ ngữ hợp nhau, được sự ấn chứng. Năm Càn Long thứ 20, ngài nhận lời chúng cầu thỉnh, làm tọa chủ chùa Hải Tràng, vừa đề xướng Thiền tông kiêm hoằng dương Tịnh Độ. Lúc lớn tuổi, thiền sư từ tạ mọi việc, đóng cửa nhập thất bên phía Đông chùa, chuyên tâm niệm Phật. Dù gặp tiết lạnh nóng, ngài vẫn tu hành không trễ thời, tinh tấn như thể trải qua tám năm. Sau khi ra thất, đại chúng họp lại cầu xin khai thị. Thiền sư chỉ nói kệ rằng:

Tiếng Phật tràng châu chuyển thán ngày,

Vượt bùn sen mọc tốt tươi cây.

Chuôi tràng buông xuống hoa sen nở,

Cổ Phật nguyên lai chẳng ở Tây.

Vào đầu tháng 9 năm Càn Long thứ 38, thiền sư cảm bệnh nhẹ, gọi đệ tử đến dặn dò hậu sự. Đến giờ ngọ hôm

sau, tập hợp chúng niệm danh hiệu Phật. Khi cây hương cháy vừa hơn 2 tấc, ngài ngồi yên lặng mà vắng sanh.

HẰNG NHỨT

Thích Hằng Nhứt tự Thánh Học, họ Trầm, quê ở Vũ Tấn tại Thường Châu. Sư xuất gia ở am Mâu Bồng nơi đỉnh Khung Lung. Ban sơ Hằng Nhứt phỏng đạo với các bậc thiên lão chùa Cao Môn tại Dương Châu. Kế đó lại nghiên tập Thiên Thai tông, thông suốt được tất cả giáo nghĩa.

Sư từng tịnh tu ở Văn Tinh Các tại Tô Châu. Sau mang bệnh lạc huyết, đến tỉnh dưỡng nơi viện Hiền Nghĩa tại Bán Sơn thuộc Hàng Châu. Bệnh không thuyên giảm, sư dự biết giờ lâm chung, mở tiệc chay từ biệt các liên hữu, rồi niệm Phật mà qua đời. Lúc còn sanh tiền, Hằng Nhứt từng thuật với các đồng bạn rằng:

"Có vị tăng ở am nọ buông lung không giữ giới. Một sư bạn đồng giới khuyên nhắc mãi, song ông cũng không nghe. Sau ông bệnh nặng, cho mời bạn đến sám hối nói: "Bởi tôi không nghe lời khuyên ngăn nên mới đến nỗi này! Bây giờ biết làm sao?" Tăng hữu bảo: "Đức A Di Đà ở phương Tây có sức bản thể. Nếu chúng sanh nào tạo nghiệp, xưng danh hiệu Ngài mười niệm, tất sẽ được tiếp dẫn. Vậy thầy có thể tin chăng?" Bệnh nhơn đáp: "Tin, nhưng ý chí năng lực suy bại, biết làm sao?" Tăng hữu nói:

"Không ngại chi, tôi tự có phương tiện!" Rồi trần thiết tượng Phật nơi đầu giường phía Tây, bảo bạn chăm chú nhìn chớ có di động. Còn mình thì đốt hương cao tiếng niệm Phật, cầm tay bệnh như dạn lẳng nghe theo. Như thế trải qua 3 ngày đêm. Bỗng người bệnh ngồi dậy tạ ơn bảo bạn rằng: "Mong ân đức Phật tiếp dẫn, tôi được sanh về Trung phẩm!". Nói xong, chấp tay giã biệt, rồi nhắm mắt mà vắng sanh".

PHẬT AN

Thích Phật An, tự Thệ Nguyên, người đời Thanh ở Tô Châu. Năm ông hơn 30 tuổi, nhà gần bên nhân đám cúng giết heo, khi mổ bụng ra, trên lá phổi con vật có hai chữ Tào Tháo. Thấy thế, ông kinh hãi tỉnh ngộ, tin sâu thuyết nhân quả luân hồi, phát tâm vào am Thiên Trúc ở Tân Kiều, xuống tóc làm tăng.

Sau thời gian xuất gia không bao lâu, Phật An đến chùa Đại Vương ở Bắc Hào, chuyên tâm niệm Phật. Khi được tiền cúng dường, sư liền mua hương hoa dâng Phật, hoặc phóng sanh các loài chim cá. Năm Càn Long thứ 41, vào tháng 3, Phật An vương bệnh, sai đệ tử đến chùa Sư Lâm thỉnh chư tăng lễ Tịnh Độ. Sám 3 ngày và lập một đàn Du già thí thực. Công việc hoàn mãn, sư thiết tiệc chay mời các tân khách đến giã biệt. Ngộ trai xong, sư cao tiếng niệm Phật, đệ tử hòa theo. Khi cây hương vừa tàn, Phật An

nói: "Tôi đi đây!" Liền ngồi ngay thẳng mà hóa. Bình sanh lúc ngẫu nhiên làm thi, sư đều có ý khuyên người niệm Phật. Có hai bài khi sắp viên tịch như sau:

I

Tây Phương màu đẹp bảo liên đài,
Trong tịnh sáng tươi một đóa khai.
Xanh đỏ trắng vàng phô sắc diệu,
Tâm tâm chỉ nguyện thấy Như Lai.

II

Khảy ngón kim kiều bước đến mau,
Ai rằng Cực Lạc cách xa nào?
Di Đà cười mỉm tay vàng đón,
Khen ở Ta Bà giới hạnh cao!

TÁNH TU

Thích Tánh Tu, chưa từng được nguyên quán. Trong năm Thuận Trị nhà Thanh, sư trụ ở am Viên Chiếu phủ Thường Đức. Bình sanh cơm rau áo vải, mỗi ngày niệm Di Đà một muôn câu, dù thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ.

Những năm mất mùa, Tánh Tu đem tiền gạo vải lụa trong am bố thí tất cả cho người đói lạnh cô khổ. Đồ chúng thi nhau hờn trách, sư chỉ ứa nước mắt niệm Phật mà thôi. Năm 70 tuổi, sư dự biết ngày giờ lâm chung trước một tháng. Đến kỳ hạn, già từ đồ chúng, mỉm cười mà vãng

sanh. Lúc ấy nhạc trời đón rước giữa hư không, tiếng thanh tao dìu dặt nghe khắp xa gần. Trong tịnh thất mùi hương lạ bay lan ngào ngạt, hơn một tháng vẫn chưa tan.

Lời bình:

Bồ thí không sên tiếc, là nghiệp tham đã hết. Ưa lệ niệm Phật là nghiệp sân đã hết. Tự sống kiệm ước là nghiệp si đã hết. Ba nghiệp hết thì vắng sanh phẩm vị tất cao. Nhạc trời, hương lạ, há không phải là cái nhân phạm hạnh thơm tho, tiếng lòng thanh thoát đó ư?

HÀNH TU

Thích Hành Tu họ Trần, con nhà nông ở thôn Sa tại Thái Châu. Ông nhà nghèo, dốt nát không biết một chữ, hoàn cảnh cùng quẫn khó bề sanh sống. Một hôm, ông đến mé sông nhảy xuống tự trầm, được một người áo trắng vớt đem lên, khéo lời khuyên bảo, nên có chỗ tĩnh ngộ. Năm 31 tuổi, ông vào chùa xuống tóc làm tăng.

Sau khi xuất gia, Hành Tu khổ hạnh mấy năm, tiết đông và hạ chỉ một manh áo. Sư từng hành cước đến non Phổ Đà triều lễ, giữa chừng lạc đường, gặp một lão nhơn dẫn về nhà đãi đằng và mời nơi nghỉ. Sáng ra nhìn quanh, thấy nơi đó chỉ là một gò đất hoang vu mà thôi. Khi trở về, sư đóng cái khám bằng gỗ đem vào vùng mả hoang ở ngoài cửa thành Nam hôm sớm ngồi tham thiền. Nhiều lúc sư tịnh tu đến năm, bảy ngày không ăn. Một đêm vào canh

ba, bỗng nghe tiếng người gõ vào khám nói: "Nếu có thể thọ pháp, phải cách khám thấy nơi sông có chiếc thuyền to, đèn đuốc sáng rõ, nhạc thổi rền vang đi ngang qua dưới cầu!" Nghe lời ấy, Hành Tu bỗng đại ngộ.

Sau sư dời về chùa Giác Ân, chuyên tu Tịnh Độ sáu năm. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ tư, Hành Tu bảo người rằng: "Ngày mùng 2 tháng 6 sang năm, tôi sẽ về Tây Phương!". Đầu mùa hạ năm sau, ai nấy đều tới dò la thăm hỏi. Quan Tri Châu e sư mê hoặc quần chúng, sai binh sĩ canh giữ và bảo: "Nếu đến kỳ hạn mà không ứng nghiệm, thì sẽ bắt tội khép vào luật pháp!". Mùng 1 tháng 6, Hành Tu vẫn an nhiên như thường. Nhiều người vì lo lắng sợ hãi. Rạng ngày mùng 2, sáng sớm sư thức dậy viết kệ lưu lại rằng:

Ánh huệ sáng soi khắp đại thiên,
Ngày cần lễ niệm, tối tham thiền.
Ngang mây treo sẵn Xuy mao kiếm,
Địa ngục, Thiên đường mặc xuống lên!

Viết xong, vào ngồi trong khám gõ, bảo người khiêng đến một cây cầu. Sư nhìn xung quanh đoạn bảo: "Không được! Chỗ này con người đều hình dáng súc sanh!". Rồi dạy khiêng tới cầu Đông Bá. Quần chúng và binh sĩ lũ lượt theo sau. Đến nơi sư bảo hướng mặt khám về phương Nam, tay gõ mõ, miệng niệm Phật. Giây lát một làn khói nhẹ từ chót mũi sư bốc lên, phút chốc biến thành khói lửa

đỏ bao trùm. Trong lửa tiếng mõ câu Phật vẫn rành rẽ vang tới mây. Bỗng nghe nổ bứt một tiếng, nóc khám văng ra xa ngoài trăm bộ rớt xuống đất. Khi lửa tàn, còn sót lại một vật hình như hoa sen màu trắng, cứng rắn đập không vỡ.

Lời bình:

Tự phát lửa đốt thân, không phải hạng tầm thường trang sức bề ngoài có thể làm được. Kẻ chưa đắc đạo, dè dặt chớ mong sanh vọng tưởng ấy, để khỏi bị ma dựa phát cuồng mà đọa vào ác đạo.

1 bộ (步, bu) = 5 xích = 1,66 m

THẬT VỊNH

Thật Vịnh đại sư tự Trần Huy, họ Trần, người ở huyện Hoát Khâu, phủ Phụng Dương. Khi ngài mới sanh ra, mùi hương lạ bay đầy nhà, ánh tường quang chiếu sáng cả xóm. Từ thuở bé trong thân đã có tướng lạ, da không bao giờ chịu dính bụi. Tánh ngài hay xót thương tha thứ, ưa nghe chư tăng tụng kinh. Vào trường học hành văn tự một phen qua mắt liền nhớ lâu thông suốt. Thầy dạy rất quý mến, bảo cha mẹ ngài rằng: "Đứa bé này không phải là hạng người trong dòng trần tục, mà chính là bậc pháp khí của Phật môn. Chớ nên để lạc làm, e rất uổng!". Cha mẹ nghe nói đều chấp thuận, cho ngài xuống tóc xuất gia với Tâm Khai hòa thượng ở am Đại Bi trong ấp.

Sau khi thọ giới Cụ túc, đại sư nghiên cứu các bộ kinh lớn như Hoa Nghiêm, Niết Bàn thấy đều thông thuộc như đã có học tập từ trước. Sau ngài dời về ở viện Long Đàm, một lòng chuyên tu Tịnh Độ, luôn luôn tinh tấn trải 30 năm như một ngày. Mùa xuân niên hiệu Khang Hy thứ 61 đời nhà Thanh, đại sư cảm bệnh nhẹ, tự biết trần duyên sắp mãn, dọn dò mọi việc trong viện xong, chỉ chú tâm về Tịnh Độ. Đến sáng sớm ngày mùng 4 tháng 3, đại sư dạy nấu nước nóng cho mình tắm gội, họp chúng đồng xưng Phật hiệu vài trăm câu rồi lặng lẽ mà hóa.

Lúc làm lễ trà tỳ, ánh lửa xông lên thành rắng mây năm sắc lan ra che trùm bốn bên núi. Đại sư hưởng dương 48 xuân thu, tăng lạp được 31.

THƯỜNG TRÍ

Thường Trí pháp sư tự Văn Huệ, người ở huyện Thuật Dương, phủ Hoài An. Lúc bé ngài rất thích lễ bái đức Quán Thế Âm. Lớn lên vào chùa Văn Tư xuất gia, không bao lâu được thọ đại giới.

Một hôm pháp sư tùy chúng tụng kinh đến câu: "Y Bát nhã Ba la mật đa cố tâm vô quái ngại", sự kết đọng nơi lòng bỗng nhiên tiêu tan, tâm lặng lẽ trong sáng. Từ đó ngài vượt suối trèo non đi tham phỏng bậc tri thức khắp các nơi danh sát. Sau pháp sư trở về chuyên tu tịnh nghiệp, giữ giới hạnh rất tinh nghiêm. Gặp người có lỗi, ngài ôn

tồn khuyên dạy, nếu kẻ nào tỏ vẻ bất kính, cũng uyển chuyển chiết trừ, không hề có sắc giận. Pháp sư từng cùng các bạn đồng chí kết liên xã sám hối niệm Phật. Tự biết ngày giờ lâm chung trước vài tháng, pháp sư dự báo khắp các liên hữu hay tin.

Đến kỳ hạn, ngài dạy nấu nước cho mình tắm gội, xong họp chúng lễ Phật, rồi ngồi kiết già mà vãng sanh. Lúc trà tỳ, một đóa hoa sen sắc tím lớn như cái đầu, từ trong ánh lửa bay lên. Trên hoa sen, ần ần trong vòng ánh sáng rực rỡ, có một vị ngồi kiết già trạng mạo như pháp sư. Hình tướng này trụ trên ngọn lửa, rất lâu mới tan, mọi người đều trông thấy.

Lời bình:

Người xưa từng nói: "Thầy lành không chi hơn đức Di Đà, bạn tốt có ai bằng hàng Bồ xú?" Hàng sa môn đời sau không biết ý tứ này, thường xem rẻ Tịnh Độ, cho là trước tướng Bồ Đề. Nếu chẳng phải bậc kiếp trước đã gieo sẵn tuệ căn, suốt thông đại đạo, tất khó tránh khỏi bị họ làm cho chuyên lay lâm lạc. Thường Trí pháp sư đi tham phỏng bậc tri thức khắp các danh lam, rồi kết cuộc cũng trở về với môn Niệm Phật, đủ chứng minh lời nói và kinh nghiệm cổ non là đúng.

BẢN ÁN

Tỳ kheo ni Bản Ân, tự Tòng Kỳ, người ở Ngô huyện. Thuở bé cô hay đau bệnh, nhân đó mà phát nguyện xuất gia. Đến năm 25 tuổi, cha mẹ đưa vào am Viên Thông ở trong thành cho xuống tóc, không bao lâu được thọ giới Cụ túc.

Sau khi ấy, sư cô mua vài gian nhà sửa lại làm am, đặt tên là Quán Huyền, để tiện bề niệm Phật tịnh tu. Bản Ân giữ giới hạnh trong sạch, thích tu phước nghiệp, thường đến các danh lam cúng Phật trai tăng, đem công đức hồi hướng về Tịnh Độ. Tháng tám năm Càn Long thứ 45, sư cô từ núi Cửu Hoa trở về, kiết kỳ lễ Đại Bi Sám. Được hơn vài thất, bỗng cảm bệnh nhẹ, gọi đồ đệ bảo: "Sanh duyên của ta sắp mãn chăng?" Rồi dứt sám hồi, chuyên niệm Phật. Đến sơ tuần tháng mười, sư cô nằm bệnh 7 ngày, nghiêng mình hướng về Tây, niệm Phật không xen hở. Kế đó gọi hàng đệ tử lại dặn dò hậu sự, bảo đồng thanh tụng kinh A Di Đà. Khi tụng đến lần thứ ba, sư cô lạng lẽ mà vãng sanh.

TOẠI KHÂM

Tỳ kheo ni Toại Khâm tự Việt Thành, người ở Vô Tích, xuất gia hồi chín tuổi. Lớn lên, cô gặp một ni sư khuyến khích, mới trì niệm danh hiệu Phật. Cô chuyên giữ hạnh này, khi đi đứng nằm ngồi thường mật niệm không xen hở.

Tuổi trung niên, cô đến chủ trì am Bạch Y ở Nam Viên thành Tô Châu. Từ đó cô niệm Phật càng tha thiết. Cảnh chùa điện cũng lần lần được trùng tu trang nghiêm tốt đẹp. Đến tuổi năm mươi, sư cô mới thọ giới cụ túc. Sang tuổi năm mươi lăm, vào tháng ba, một đêm lúc gà gáy sáng, sư cô gọi đồ đệ đến bảo: "Thầy sắp về Tây Phương!".

Hàng đệ tử thưa: "Thầy không đau bệnh chi, tại sao lại thốt ra lời ấy?" rồi sa nước mắt thương khóc.

Toại Khâm bảo: "Các con sao còn mê muội, khóc ta nào có ích chi? Hãy cố gắng nhận chơn mà niệm Phật tu hành!". Nói xong ngồi ngay thẳng hướng về Tây, cùng hàng đệ tử đồng thanh xưng danh hiệu Phật. Khi cây hương vừa tàn, sư cô cũng vừa thoát hóa.

Việc này ở vào niên hiệu Càn Long thứ 53.

PHẬT KỶ

Tỳ kheo ni Phật Kỳ tự Kiến Lâm, người ở huyện Trường Châu. Từ thuở nhỏ cô đã không muốn lập gia đình. Đến tuổi thành niên, bà mẹ đem cô đến am Vũ Hoa, ở ngoài cửa Viên Môn, cho xuống tóc xuất gia.

Thọ giới cụ túc không bao lâu, cô được ni sư Đạo Kiên mời kế vị làm tọ chủ am Sùng Phật. Sư cô từng quyên mộ được 1000 lượng vàng, tạo tượng Tây Phương Tam Thánh bằng gỗ chiên đàn, cao 8 thước. Mỗi năm tại am đều có kiết kỳ 7 ngày họp chúng nữ tu tổ chức hội Niệm Phật. Sư

cô thường đi khắp các danh sơn, cúng Phật trai tăng, lại quyên tiền tạo cho chùa Thiên Ninh ở Thường Châu 30 mẫu ruộng. Lúc lớn tuổi, Phật Kỳ chuyên tu tịnh nghiệp. Trước 3 ngày sắp lâm chung, sư cô thấy Bồ Tát hiện thân có hai đồng tử theo hầu. Chúng trong am đều nghe mùi thơm bát ngát, bảo là hương hoa cúc. Sư cô nói: "Không phải, đó là hương hoa sen xanh!".

Vào ngày rằm tháng tám niên hiệu Càn Long thứ 56, Phật Kỳ bảo cô thị giả đỡ mình ngồi dậy, rồi hơp chúng đốt hương đồng xưng danh hiệu Phật. Khi niệm độ 2000 câu, liền ngồi yên lặng mà thoát hóa.

Lúc ấy có tỳ kheo ni Liên Phương ở tại bản am, mục kích việc vãng sanh của Phật Kỳ cũng ân cần chuyên niệm Phật. Hơn 30 tuổi, cô thường đau yếu, nhưng giữ niệm lực càng bền chắc không thôi nghỉ. Vào năm Gia Khánh thứ 13, sư cô ngồi day mặt về Tây, an lành chấp tay niệm Phật mà vãng sanh.

LÃNG NHIÊN

Tỳ kheo ni Lãng Nhiên họ Trầm, quê ở Gia Thiện. Năm 18 tuổi, thấy chị dâu bị khổ vì sản nạn, cô tự thệ không lập gia đình. Kế đó ít lâu, cô xin cha mẹ vào xuất gia ở am Tịnh Trì tại Đào Trang.

Sau khi thọ đại giới, sư cô chuyên tu Tịnh Độ. Từ đó ngày đêm niệm Phật không biếng trễ, dù trải cảnh thuận nghịch khổ vui, đạo tâm chẳng hề lui sụt. Lúc tuổi già vào đầu năm Gia Khánh thứ 13, sư bà Lăng Nhiên bảo đệ tử là Phước Duyên rằng: "Trong ba tháng thầy đã 3 lần mộng thấy mình đến ao bấu ở Tây Phương, ngồi kiết già nơi hoa sen. Như thế tất sự vãng sanh đã có duyên phần. Các con nên gắng chí niệm Phật, ngày kia ao thành trăng hiện, chẳng uổng công phu. Dè dặt chớ để một đời luống qua vô ích!". Đến tháng ba, sư bà niệm Phật liên tiếp 5 ngày, rồi không bệnh ngồi an lành thoát hóa, thọ được 71 tuổi.

DIỆU THÀNH

Tỳ kheo ni Diệu Thành, con nhà họ Hà ở Cô Thành tại Hồ Châu. Cô sanh ra đã có huệ tánh, lúc bé dung mạo cử chỉ đều đoan trang, lời nói cũng khác với trẻ em cùng lứa tuổi. Gia thế vốn tin thờ Tam Bảo, mỗi khi cô thấy mẹ niệm Phật, liền chấp tay hòa xướng niệm theo.

Năm 21 tuổi, cha mẹ gả cho Vương Sanh, nhà cũng đồng xóm. Nhưng chưa được nửa năm, chồng mãn phần, lại phải cam cảnh góa bụa. Cha chồng cũng tin thờ Tam Bảo, hằng niệm Phật tụng kinh. Cô thấy gia cảnh nghèo nên chuyên lo may dệt để phụng dưỡng cha mẹ chồng. Mỗi hôm sớm cô đều khóa tụng kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật. Như thế trải hơn 10 năm, cha chồng xuất gia,

kế tiếp mẹ chồng cũng qua đời. Lúc đó cô mới vào am Quảng Nghiêm ở cửa Bắc thành Hồ Châu xuất gia làm ni.

Không bao lâu sư cô thọ giới cụ túc, giữ luật hạnh rất nghiêm trang, càng chuyên chí tụng kinh niệm Phật. Cam phần đạm bạc, tuyệt ý lợi danh. Diệu Thành tu hành tinh tấn không thối chuyển. Niên hiệu Gia Khánh thứ 19, sư cô cảm bệnh nhẹ, bảo thị giả rằng: "Duyên trần đã mãn, ba hôm nữa ta sẽ về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Các con nên gắng sức tu trì, mai sau hoặc có ngày hội ngộ. Nên tinh tấn, chớ quên lời ta!" Đến kỳ hạn, Sư cô đang ngồi ngay thẳng niệm Phật, bỗng ngược mắt nhìn lên rồi bảo: "Đức A Di Đà Thế Tôn đã quang lâm tiếp dẫn, ta đi đây!" Nói xong nhắm mắt mà hóa, hưởng dương 47 tuổi.

ĐẠO CÀN

Tỳ kheo ni Đạo Càn, tự Thế Thiên, con nhà họ Trần ở Song Khê tại Gia Hòa. Năm 17 tuổi cô xuất gia vào La Am ở Tú Châu. Tánh cô ưa thanh vắng, thích tịnh cư một mình. Duyệt xem cơ duyên của cổ đức, cô phát chí hướng thượng, hôm sớm chuyên cần tham cứu câu thoại đầu.

Sau khi thọ giới cụ túc, sư cô đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai, tham phỏng với ngài Bảo Lâm Trân. Lúc vào bái yết xong, liền hỏi: "Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?" Trân Công đáp: "Đợi chừng nào người trừ hết ngũ chương, tới đây ta sẽ nói cho!" Đạo Càn thưa:

"Phải đến như thế sao? Vậy thì đã che lằm Hòa Thượng rồi đây!" Bảo Lâm Trân nói: "Người học ở đâu được cái hư đầu thiên như thế?". Sư cô nghe nói, bất giác xuất hạn đằm mình, liền cúi xuống đánh lễ. Trân Công lại hỏi: "Thế nào là tướng đại nhơn?" Đạo Càn liền đứng giăng tay ra. Ngài Bảo Lâm Trân gật đầu ấn khả, kể đó truyền cho y pháp.

Khi đắc tâm ấn rồi, ni sư về ở nơi thảo am tại Nam Hồ. Ngôi am đã hư mục, song Đạo Càn vẫn thản nhiên, cứ giữ một mực chân thật tu hành, gặp cảnh thuận nghịch lòng không dao động. Ni sư lễ toàn bộ kinh Hoa Nghiêm trải qua 3 lượt, cứ mỗi chữ 1 lạy. Ngoài ra còn khóa tụng kinh Đại Bát Nhã gồm 600 quyển đến vài mươi bộ. Do đó đạo phong vang xa, của cúng thí hội về, ngôi am được kiến thiết lại thành cảnh điện lầu tráng lệ. Ni sư từng có bài kệ an cư rằng:

Năm tháng ân cần học đạo chuyên,
Có, không chẳng chấp, vượt trung, biên(1).
Về nhà chi nữ ngôi yên nghỉ,
Vì chúng cày gieo kiếp ngoại điền(2).

Trong am, ni sư lại lập ra Niệm Phật Đường, ngày đêm dẫn chúng tu hành, câu Phật tiếng mõ không dứt tuyệt. Gần 40 năm hóa độ như thế, vào mùa đông niên hiệu Gia Khánh thứ 25, ni sư cảm bệnh nhẹ. Đến ngày 11 tháng 11, gọi đồ chúng tới bảo: "Rạng mai vào giờ Dần, ta sẽ về Tây Phương!" Đến thời, lưu kệ rằng:

Tám mươi tám năm,
Không tham không luyến.
Nay trở về nhà,
Nước trong trăng hiện!
Rồi dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Được một lát,
ngồi an lành mà hóa.

Lời bình:

Từ xưa đến nay, bậc có thiên có tính trong hàng nữ chúng rất ít người. Như ni sư Đạo Càn, ở không cầu an, siêng cần tu tập, nghiêm nhiên đã đầy đủ tướng đại nhơn rồi. Nếu chẳng phải bậc chân thật thấu suốt muôn pháp như huyễn, làm sao có thể thần nhiên được như thế ư?

Ghi chú:

(1)Trung biên: tức là trung đạo và nhị biên. Ý nói thể nhập môn Bất nhị, không lạc vào hai bên cho đến chính giữa.

(2).Kiếp ngoại diện: Ruộng công đức vượt ngoài thời gian, tức chỉ cho chân tâm. Ý nói vì người mà mở lối vào chân tâm.

NI CÔ AM LAN NHÃ

Đời Thanh có ni cô ở Am Lan Nhã họ Trần, khuyết danh, nguyên là con gái của một nhà thế tộc ở quận Ninh Quốc. Một vị tăng ở chùa Tây Thiên, khi chưa xuất gia,

cha mẹ đã hỏi cô gái ấy cho làm vợ. Nhưng sau ông bỏ nhà trốn vào tu ở chùa, cô họ Trần cũng xuất gia làm ni nơi am Tam Thừa, sau mới dời về Lan Nhã.

Trần thị sau khi xuất gia, ban ngày theo chúng làm công việc nặng nhọc, ban đêm thì ngồi một mình niệm Phật. Tánh cô nhẫn nại, cam phần đấm bạc chuyên tu. Người anh đôi khi đem y phục và thức ăn tới cho, trước sau cô đều từ khước nói: "Em đã xuất gia, nếu theo tình đời thường cùng quyến thuộc quan thiệp qua lại, thì có khác chi người thế tục?" Sau ni cô niệm Phật ngồi thoát hóa. Bảy giờ nhằm thời tiết nóng nực, nhưng trong 7 ngày nhục thân của cô vẫn thoảng bay hơi thơm không có mùi chi khác lạ.

ĐẠO NGỘ

Tỳ kheo ni Đạo Ngộ tự Huệ Tâm, họ Uông, người ở thôn Hoa Đình tại Tòng Giang. Cô mất cha sớm, không anh em, nương ở với mẹ và bà nội. Nhà nghèo, cô làm vất vả để phụ việc sinh sống trong gia đình, giữ chí nguyện độc thân trinh khiết.

Không bao lâu gặp duyên lành, cô xuất gia nơi am Kiết Tường, kế dời đến ở viện Địa Tạng, và được thọ giới cụ túc. Sư cô giữ phạm thanh tu, niệm Phật rất tinh tấn. Năm Đạo Quang thứ 13, mẹ cô niệm Phật được vãng sanh, kế bà nội cũng tiếp tục qua đời. Vào ngày mùng 5 tháng 8

năm ấy, sư cô đến thưa với thầy truyền giới là Đạo Sanh hòa thượng rằng: "Việc bảo dưỡng cho bà nội và mẹ con đã xong, nay con muốn về Tây Phương. Xin nhờ ân sư cho con một cái bảo khám, và xin nương đức đại chúng niệm Phật một ngày để trợ duyên". Chiều hôm ấy, Đạo Ngộ nấu nước thơm tắm gội, sáng ra theo ni chúng niệm Phật suốt một ngày. Tối lại, cô chấp tay nói: "Tây Phương Tam Thánh đã đến tiếp dẫn!". Rồi ngồi kiết già mà vãng sanh.

Lời bình:

Có người bảo: "Thân nữ bị nhiều điều chướng ngại, làm sao có thể tiến tu để sanh về Tịnh Độ?". Đó là họ không biết thân chúng sanh đều do nghiệp tạo, cứ theo nghiệp nặng nhẹ mà phân ra nam nữ. Nếu thân nữ mà quyết chí tu hành, hoặc xuất gia thoát tục, thì nhứt định túc nghiệp sẽ tiêu trừ. Như thế làm sao lại không được về cõi thanh thái an vui, thành quả Bồ Đề giải thoát? Các pháp đều do tâm, quay về tịnh tâm tìm tướng nam nữ còn không thể được, lại có chi là chướng ngại ư?

TRƯƠNG SƯ THÀNH

Cư sĩ Trương Sư Thành, tự Tâm Hữu, hiệu Lan Chũ, quê ở thôn Quy An tại Hồ Châu. Cha mộng thấy vàng nhựt chiếu sáng vào cửa song, tỉnh giấc thì ông đã sanh ra. Mẹ mất sớm, Sư Thành thờ cha được tiếng khen là hiếu hạnh.

Ông đỗ tiến sĩ lúc còn trẻ, làm quan trải qua các miền biên cương, kể đó được thuyên chuyển về giữ chức Tuần phủ tại Giang Tô. Thấy dân chúng nơi đây tạo nghiệp sát rất nhiều, ông hằng đưa ra những điều khuyên giới ngăn dứt bớt. Máy chỗ sông hoặc ao hồ phóng sanh, Sư Thành đều sai quân dựng bảng nghiêm cấm không cho sát hại loài thủy tộc. Trong dinh thự không sát sanh, chẳng bày yến tiệc chiêu đãi khách. Kể đó ông trường trai thờ Phật, chuyên tu Tịnh Độ, tự hiệu là Nhứt Tây cư sĩ. Ông từng biên soạn những luận thuyết về Tịnh Độ của bậc tiên hiền, tập hợp lại thành một quyển gọi là Kinh Trung Kính Hựu Kính. Đoạn sau lại phụ lục thêm những ca vịnh về Tịnh Độ. Cư sĩ từng làm vài mươi bài khuyên hướng niệm Phật, lời lẽ hàm ý cảnh giác rất tha thiết. Nay xin lược chép ra 8 bài như sau:

I

Duyên lành may được biết hồng danh
Hỏa tốc về Tây một kiếp sanh!
Nếu chẳng quyết tâm dùng hết sức
Bào thai luân chuyển lạc mê thành!

II

Vừa đề hiệu Phật các ma xâm,
Hàng phục làm sao được nhứt tâm?
Miệng niệm, tai nghe, tâm tiếng hợp
Tràng châu rành rẽ mãi nghiên tâm.

III

Đường tu rất thiết mặc chê khen,
Danh lợi buồn vui cũng kém hèn!
Dây ái dứt trừ dùng huệ kiếm,
Vân Thê "Thất bút" vạn lần xem. (1)

IV

Thương mình xót chúng phát Bồ đề,
Thuyền nguyện thề dong độ bến mê.
Trước mượn cảnh sen nương cảnh Phật,
Cánh lông đầy đủ mặc bay về.

V

Chấp trì không hờ thệ gìn lòng,
Cần lúc lâm chung một niệm thông.
Tiếc bấy Đông Pha công cứ đó,
Chưa năng gắng sức những hoài công. (2)

VI

Rất sợ ngày quy nghiệp thức mê,
Hơi mòn khó niệm lười hầu tê.
Nếu như bình nhật không chuyên thiết,
Đâu được tư lương giúp trở về.

VII

Tự tánh duy tâm lẽ khó tin
Trời in nước lặng dụ này minh.
Một lòng niệm đến tâm hòa Phật
Giờ tới, tự nhiên Phật tiếp nghinh. (3)

VIII

Chút còn niệm ái dứt chưa rồi

E lúc lìa trần bị nghiệp lôi.

Muốn thoát Ta Bà trừ phải sạch

Thứ công danh luận rõ mười thôi. (4)

Năm Đạo Quang thứ 8, cư sĩ tuổi đã hơn lục tuần, xin hưu dưỡng về quê. Hằng ngày ông ở nơi gian tĩnh thất, một lòng chuyên niệm Phật. Hơn năm sau, cư sĩ qua đời. Lúc lâm chung, ông tụng kinh A Di Đà vừa xong tiếp sang niệm Phật. Đến câu thứ năm bỗng ngồi lặng lẽ mà hóa.

Ghi chú:

(1) Thất bút, tức bảy bài mệnh danh “Thất bút câu” của Vân Thê đại sư lúc còn tại tục, đã có phóng dịch ở tập trước.

(2) Tô Đông Pha đi đâu cũng thường mang theo bức tượng A Di Đà, gọi đó là Tây Phương công cứ của mình. Đến khi lâm chung bệnh trở nặng, thân hữu khuyên niệm Phật, ông thề thào bảo: “Cõi Cực Lạc và sự tiếp dẫn có thật, nhưng chỉ khổ lúc này tôi gắng sức không nổi!”.

(3) Nguyên văn dẫn thí dụ mặt gương đủ tánh nước và lửa, nhưng e độc giả khó hiểu, bút giả đổi lại chỉ dùng thí dụ nước. Nước đủ tánh trong lặng chiếu soi, ví cho chúng sanh sẵn đủ tánh Phật thường lặng thường chiếu. Khi nước lặng, ánh sáng nhật nguyệt và hiện tượng trời mây đều

thấu suốt in vào, dụ cho tâm chúng sanh nếu thanh tịnh thì sẽ được từ quang của Phật dung hòa nhiếp lấy. Như thế lúc lâm chung sự tiếp dẫn của Phật là điều tự nhiên dễ hiểu, không có chi là mờ mịt khó tin.

(4) Dương Thứ Công có lời nói mà tác giả khen là danh luận: “Nghiệp ái chẳng nặng, chẳng sanh Ta Bà, niệm Phật không chuyên không về Cực Lạc!”. Tuy nhiên, nếu tâm chúng sanh còn chút niệm ái trước, tức là bị dính mắc và ràng buộc, làm sao có thể niệm Phật chuyên nhứt và được vãng sanh? Cho nên ý tác giả muốn đổi lại là: “Nghiệp ái chẳng dứt trừ, chẳng ra khỏi Ta Bà. Niệm Phật không nhứt tâm, không sanh về Cực Lạc!” Như thế tự hồ lại càng tinh đáo hơn,

NGÔ NHƯ AM

Cư sĩ Ngô Như Am, người đời Thanh, nguyên quán ở Huy Châu, sau nhập tịch về huyện Nghi Hưng tại Thường Châu. Bình sanh ông tín hướng Phật thừa, được duyên tham phỏng hòa thượng Phát Trung, từ đó chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa hạ năm Khang Hy thứ 12, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, gọi con cái đến đưa cho mỗi người một tràng chuỗi, ân cần dặn bảo niệm Phật tu hành. Lúc ấy có hàng thân thích là Du Hữu Quang đến viếng thăm, nhân cùng bàn đến pháp môn Tịnh Độ. Như Am bảo: "Phép niệm Phật, cần phải lúc hưỡn gấp cũng niệm, thức ngủ cũng niệm, cho đến dù khi quỉ khóc thần gào cũng niệm. Như thế mới đích thật là

người chân niệm Phật. Muốn đạt đến trình độ chân niệm đó, chỉ ở nơi một chữ Tín. Vậy cần phải tin cho sâu thiết, tin được thấu đáo!". Liền nói kệ rằng:

Tham thiền, niệm Phật chẳng hai đường,
Tam Thánh tiếp nghinh nguyện xót thương!

Phụng khuyến đồng nhơn cần niệm Phật,

Sen lành cùng lại cảnh Tây Phương!

Rồi bảo người nhà cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ ngồi chấp tay mỉm cười mà vãng sanh.

DU HỮU QUANG

Cư sĩ Du Hữu Quang, người xứ Tân An, lúc nhỏ ở huyện Nghi Hưng, cùng với Ngô Như Am đồng tu tịnh nghiệp. Mỗi ngày ông tụng 3 quyển kinh Kim Cang, niệm Phật 5000 câu, phát nguyện vãng sanh về Cực Lạc.

Sau cư sĩ mục kích việc Như Am vãng sanh, lại càng tinh tấn, viết bốn chữ: "Niệm Phật Khẩn Yếu" dán nơi bên mặt giường nằm để tự răn nhắc. Ngày mùng 3 tháng 3 năm Khang Hy thứ 23, ông đi từ biệt khắp các thân hữu, rồi về nhà viết kệ rằng:

Tháng năm lần lửa niệm Di Đà,

Cõi tịnh phương Tây vốn thật nhà.

Vài tiếng khánh thanh, trắng sáng mọc,

Thân này ngồi vững bạch liên hoa.

Đến ngày mùng 8, cư sĩ cảm bệnh nhẹ, bảo người nhà rằng: "Lúc ta đi chớ nên lộ vẻ bi sầu khóc lóc, phải cùng niệm Phật để giúp sự vãng sanh!". Ngày 12, ông nhắm mắt ngồi yên lặng, quỵn thuộc vây quanh, bỗng lại mở mắt ra bảo: "Niệm Phật khẩn yếu". Nói xong liền qua đời, thọ 78 tuổi.

TÔ KHỞI PHỤNG

Cư sĩ Tô Khởi Phụng, tự Kỳ Sơn, người đời Thanh, quê ở Côn Sơn. Lúc tuổi trẻ, ông chí hướng về Thiên tông, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức, có chỗ ngộ nhập. Cư sĩ giữ giới sát rất nghiêm, không dám làm thương tổn đến loài trùng kiến.

Khi lớn tuổi ông chuyển sang tu Tịnh Độ, trong bốn oai nghi hằng thâm trì Phật hiệu. Năm Khang Hy thứ 38, cư sĩ tuổi đã 80, gặp tiết nghiêm hàn, quán chơn ngồi niệm Phật. Buổi trưa ngày 26 tháng 11, ông gọi cháu là Điện Phương bảo: "Duyên Tịnh Độ của ta đã thuận thực. Ba hôm trước ta thấy Phật đến, nhưng không muốn vội nói ra. Vào giờ Tý đêm nay, ta sẽ vãng sanh về Cực Lạc!". Hơn canh một, cư sĩ mặc áo tràng đốt hương nén, ngồi hướng về Tây dạy người nhà đồng niệm Phật, mình cũng niệm theo. Lúc sắp sang canh ba, tiếng ông tháp nhỏ lần, rồi ngồi lặng mà hóa.

Có cư sĩ Ngô Kính Sơn ở đồng xóm với Tô Khởi Phụng, cùng là bạn tu trong Liên xã, ông đã hơn 70 mà còn

phát nguyện đi tham học. Điện Phương cho là tuổi suy già, khuyên ông nên chuyên tu Tịnh Độ, có thể một đời được thành tựu. Kính Sơn tin tưởng nghe lời, ngày đêm niệm Phật không dứt. Chưa đầy một năm, người bạn chí thân của ông đến bảo Điện Phương rằng: "Sáng sớm hôm nay, thấy thần Hộ Pháp hiện thân tiếp dẫn vãng sanh. Lúc sắp qua đời, ông dặn tôi đến đây chuyển lời xin tạ ân, rồi ngồi an lành thoát hóa".

VƯƠNG TRINH SANH

Vương Trinh Sanh, người ở Côn Sơn, cha là Ngạn Phu rất sùng kính Tam Bảo. Riêng Trinh Sanh nghiệp còn nặng không mấy tin tưởng Phật pháp, hằng phóng đàng chơi bời.

Một hôm ông mang bệnh, thấy có con quỷ đen cao lớn bảo là oan cừu đời trước, đến tìm đòi mạng báo thù. Trinh Sanh cả sợ, phẩn chấn niệm Phật cầu sanh Tây Phương, quỷ liền ảm mất. Nhưng khi niệm Phật hơi lơ thì quỷ lại hiện hình làm dữ. Do đó ông càng tinh tấn cầu sanh Cực Lạc, không dám buông bỏ câu hồng danh. Niệm luôn đến mấy hôm sau, quỷ không còn hiện hình nữa. Khi sắp mãn phần, Trinh Sanh niệm Phật đến lúc hơi mòn sức hết, tiếng lặn lặn thấp nhỏ ảm ảm bay về phương Tây.

Lời bình:

Bạn lành khi lâm chung rất khó gặp. Trinh Sanh thấy ác quỷ tuy là oan cừ nhưng vì một niệm biết hướng về Phật, nó lại trở thành thiện hữu. Và lại ông đã vãng sanh, thì quỷ tất cũng sẽ được độ thoát. Chỉ một duyên niệm Phật mà được toàn vẹn cả hai, đáng gọi là hân hạnh vậy!

THÁI BẰNG CỬU

Cư sĩ Thái Bằng Cửu tự là Tư Vãn, người ở Đông Đình Sơn thuộc Tô Châu. Gia thế nhiều đời từng làm nghề buôn bán. Riêng Bằng Cửu thì ưa học thuyết Lão Trang, thường cùng bậc cao hơn dật sĩ kết giao đi du ngoạn nơi danh sơn thắng cảnh, như quên hẳn tháng ngày.

Sau ông gặp Duy Nhiên hòa thượng khuyên tu Tịnh Độ mới tụng kinh niệm Phật, lập hội phóng sanh. Kế đó lại quy y Tam Bảo, trường chay tu hành, tự hiệu là Hư Bạch cư sĩ. Không bao lâu ông mang bệnh, vào ngày mùng tám tháng tám năm Càn Long thứ 45, thọ chung nơi nhà. Trước đó một đêm, cư sĩ bảo nấu nước cho mình tắm gội. Đến gần sáng, tập hợp người nhà lại quyết biệt, nói rằng: “Quyển thuộc ở đời khi báo duyên mãn tất phải chia ly. Muốn tính sự bền lâu phải kết pháp duyên, niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Vậy tất cả đều nên phát tâm cố gắng!”. Mọi người nghe nói thương khóc. Ông bảo: “Chớ nên khóc, hãy vì ta đồng thanh niệm Phật!”. Lại dạy con rằng: “Cha trường trai đã được một năm. Trong đám tang khi đã

khách chớ nên dùng đồ mặn. Nếu con thương cha, phải thường giới sát phóng sanh. Được như thế mới gọi là con thảo. Hãy cố gắng!”. Nói xong day mặt về Tây niệm Phật mà qua đời. Khi sắp liệm, đem dờ thi thể nơi trang đường, mặt vẫn quay hướng về Tây như cũ, Người con quỳ khấn vái, mới day ngựa trở lại, cư sĩ hưởng dương được năm mươi tuổi.

Lời Bình:

-Muốn được vãng sanh, trước tiên phải giữ lòng từ không giết hại, trong kinh đã có văn nói rõ ràng. Những điều Bằng Cử trời dặn con, thật là xem thân mình như thân chúng sanh, hóa tâm mình thành tâm Bồ Tát. Bi cảm thay lời nói ấy.

LỤC SĨ THUYÊN

Lục Sĩ Thuyền, tự Cận Đường, quê ở Nguyên Hòa tại Tô Châu. Ban sơ ông làm đệ tử của Ngọc Đàn thuộc nhóm phò cơ theo thần tiên. Sau vì một đàn hữu cầu trị bệnh, thần dạy phải lễ Lương Hoàng Sám. Sĩ Thuyền nhân lễ sám phát tâm, đến am Thiên Ninh thọ giới Bồ Tát.

Vừa may gặp duyên lành, có Tịnh Căn Bồ Tát từ cõi Cực Lạc đến, phương tiện giảng nơi Ngọc Đàn, mở bày pháp môn Tịnh Độ. Bồ Tát thuyết pháp gồm 11 hội, khuyên mọi người thống thiết vì vấn đề sống chết luân hồi, dứt bỏ đường lối quanh co, chỉ một lòng niệm Phật. Do đó

những người dự hội mới biết hồi hướng về Cực Lạc, nhưng phần đông tập quán cũ còn chưa quên, khi hướng về Phật, lúc ngã theo thần tiên. Riêng có Lục Sĩ Thuyên một lòng trì danh tu quán tụng kinh Pháp Hoa. Ông trường trai được hai năm, nhân đau yếu lại khai giới tạm dùng đồ mặn. Nhưng bệnh càng trở nặng, Sĩ Thuyên tự biết sắp mãn phần, ăn năn sám hối rất tha thiết. Bảy ngày trước khi chết, ông dứt tuyệt đồ huyết nhục, một lòng chuyên niệm Phật. Sĩ Thuyên lại răn dạy đứa con gái mới hơn 10 tuổi, bảo phải ăn chay niệm Phật, và khi mình lâm chung đừng nên than khóc. Lúc bệnh ngặt, mắt ông nhìn thẳng lên hư không như thấy cảnh giới chi, miệng nói: "Có hoa sen trắng, bạch hạc và các bậc thượng thiện nhơn!". Rồi nằm nghiêng bên mặt, liên tiếp xưng danh hiệu Phật mà mãn phần. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà. Bấy giờ nhằm ngày 18 tháng 5, niên hiệu Càn Long thứ 52, ông hưởng dương được 39 tuổi.

Ít lâu sau, các thân hữu đến Ngọc Đàn phò cơ hỏi về chỗ sanh của ông. Một vị tự xưng là Vương Thiên Quân giáng đàn đáp rằng: "Sĩ Thuyên cơ hồ sắp bị đọa lạc, nhưng rất may mắn nhờ khi lâm chung giữ vững chánh niệm. Hiện thời ông đã được sanh về miền biên cảnh cõi Cực Lạc ở Tây Phương!". Năm sau, vào ngày mùng 1 tháng 5, Sĩ Thuyên lại giáng đàn, hiệu dụ rằng: "Có một việc rất thiết yếu không thể tránh khỏi, mà phần đông mọi

người đều quên, các vị có biết chăng? Hiện thời các vị tứ đại nhẹ nhàng, tinh thần cường tráng, đâu từng nghĩ rằng mai kia mình nằm bịnh nơi giường, không phân biệt đông tây nam bắc, thân tâm mê mết phách tán hồn ly! Chừng ấy đường trước mịt mờ, không chút chi cầm vững, theo nghiệp luân chuyển, thọ khổ vô cùng! Duy có những người bình sanh tu tịnh nghiệp, khi lâm chung tự thấy Phật đến tiếp dẫn, sanh trong hoa sen, hưởng các điều vui, sống lâu vô lượng. Nếu các vị thiết thật hồi tâm suy nghĩ, chí hướng về đường lối này, tôi sẽ xin cùng luận bàn về ba điều: Tín, Hạnh, Nguyện.

Về điểm Tín: là tin phương Tây có cõi Cực Lạc báu đẹp trang nghiêm, cũng như phía Tây thành này có dinh thự và công viên nguy nga tươi tốt. Cõi Ta Bà thuộc về phương đông, cũng như các xóm ấp lụp xụp ở phía Đông thành này. Cõi Ta Bà đã hiện hữu, thì cõi Cực Lạc cũng như thế, thật sự hiện hữu. Cả hai thế giới đều ở trong giác tánh sáng lạng bao la, khởi niệm thanh tịnh thì liền đến, cũng như đồng ở trong một thành cát bước có thể đi tới. Đã tin cõi Cực Lạc quyết định đến được, lại phải tin pháp môn Niệm Phật cần thiết như ăn cơm mặc áo. Ăn cơm khởi đói, mặc áo khởi rét, niệm Phật sẽ thoát khỏi sự khổ sống chết luân hồi. Trong niềm tin, nếu nay tin mai không tin, chưa gọi là thật tin. Trọn đời tin, một niệm bỗng không tin cũng chưa gọi là thật tin. Từ ngày nay cho đến lúc mãn phần, giữ một

lòng tin chắc chắn thấu đáo, không mảy may nghi hoặc mới gọi là thật tin.

Về phần Hạnh: đã tin có cõi Tây Phương phải thiết thật bước vào hành môn Niệm Phật. Cho nên cần phải theo lời Phật dạy mà thật hành, nếu chỉ khen nói suông thì đâu có ích lợi gì cho đường giải thoát? Hôm nay tin hôm nay liền thật hành, ngày mai tin ngày mai liền niệm Phật. Rất không nên lần lựa bảo: "Hiện thời tôi còn trẻ, đợi đến khi hơi lớn tuổi tu cũng chưa muộn!" Há chẳng nghe nói: "Đất vàng vùi lăm trang mảy biếc. Mồ quạnh chôn nhiều kẻ tóc xanh" hay sao? Cái chết xảy đến bất ngờ không hẹn, làm sao bảo đảm mà đợi cho tới lúc tuổi già. Lại cũng chẳng nên nói: "Việc cha mẹ chưa tròn, nợ con cái chưa xong, đợi đến lúc rảnh các duyên đó rồi sẽ tính!" Phải biết mạng người mong manh trong hơi thở, giả sử khi quý vô thường đến cửa, có thể đối với nó mà khát xin chờ hẹn như thế được hay chẳng? Có nhiều kẻ tu hành, lúc thì siêng năng khi lại biếng trễ, đó gọi là tánh không thường hằng. Ví như gà ấp trứng thường không lia ổ, khiến cho hơi nóng ấm nối tiếp nhau, thì mới có sự sanh nở. Nếu hôm nay ấp, ngày mai bỏ đi, làm sao thành tựu được? Việc hàm dưỡng thai sen cũng tương tự như thế.

Đến như chữ Nguyện, lại rất là khẩn yếu. Trong đời kẻ tin Phật niệm Phật, xét lại chẳng thiếu chi người. Nhưng có những vị cầu sự lợi lạc trong hiện tại, hoặc cầu phú quý

ở đời sau, hoặc nguyện sanh lên cõi trời hưởng sự vui nhiệm màu, hoặc mong chuyển kiếp làm người phước huệ đầy đủ, xuất gia tu hành, tráng niên ngộ đạo. Những tâm nguyện đó đều trái với bản ý của Như Lai. Đức Phật muốn cho chúng sanh thoát vòng sống chết, các vị lại mong vào nẻo luân hồi. Phật muốn cho chúng sanh thoát cõi Ta Bà, các vị lại không cầu về Cực Lạc. Như thế lòng tin và sự tu hành một đời đều buông trôi theo dòng nước! Ví như cày xong khoảng ruộng tốt lại gieo xuống hạt cỏ, mà mong cho sanh ra mạ lúa, việc ấy có lý chăng? Cho nên đã phát lòng tin, phải tu thật hạnh, đã tu thật hạnh, phải phát chân nguyện. Nguyện hết kiếp này không sanh trở lại cõi người hoặc lên cõi trời, chỉ quyết định được về Tây Phương Cực Lạc. Phát Tín, Hạnh, Nguyện như thế mới thuận với lời Phật dạy, không đến đổi uổng phí ngày tháng công phu. Mong các vị nên cố gắng!".

Bốn năm sau, Sĩ Thuyên lại giảng cơ nơi nhà Hoàng Kính Phu một lần nữa. Lời giáo huấn kỳ này của ông phân nhiều chí thiết, khuyên các đàn hữu cố gắng niệm Phật tu hành.

MÃ VINH TỔ

Cư sĩ Mã Vinh Tổ, tự Trữ Lương, quê ở Tú Thủy tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông tỏ ra có văn tài, lên mười lăm tuổi được bổ vào hàng chư sanh. Mẹ mất sớm, Vinh Tổ thờ kế

mẫu rất hiếu cần. Đến ba mươi tuổi, ông mang bệnh lạc huyết. Trái năm năm bệnh càng thêm nặng, ăn vào liền mửa ra.

Có tăng sĩ Tường Phong, khi chưa xuất gia là bạn quen với Vinh Tổ ghé viếng thăm. Lúc ấy sư vừa đi tham học trở về, túc huệ mở sáng, tín giải thông suốt. Vinh Tổ nghe lời sư luận giảng lấy làm lạ, nhân hỏi đến phương pháp trừ bệnh. Tường Phong đáp: "Bệnh của đạo hữu là do túc nghiệp, không phải thuốc thang chữa trị được. Nếu đạo hữu có thể buông bỏ muôn duyên chuyên lòng niệm Phật, lâu ngày công sâu, thì vô minh nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay lần lần dứt sạch. Chừng ấy căn bệnh luân hồi sống chết còn giải thoát được, huống nữa là thân bệnh nào đáng lo gì!". Vinh Tổ nghe nói giật mình tỉnh ngộ, bèn trường trai tu tịnh nghiệp. Từ đó bệnh cũng lần lần thuyên giảm.

Trước thời gian ấy, Mã Vinh Tổ nằm mộng thấy giữa hư không nổi lên vô số chữ Thọ, phóng ánh sáng rực rỡ. Ông duyệt xem sách Phật thấy nói: A Di Đà dịch là Vô Lượng Thọ, cũng gọi là Vô Lượng Quang. Bây giờ nghĩ lại thấy điềm mộng ứng hợp, càng tự mừng thầm, cho là mình có túc duyên với môn Tịnh Độ. Kế tiếp ông đọc qua kinh Pháp Bảo Đàn, khế hội được nguồn tâm, càng thêm nổi vui mừng cảm hối. Sau Vinh Tổ tới chùa Đại Giác Lâm ở Sơn Âm thọ tam quy ngũ giới, mỗi ngày đều tụng

kinh Kim Cang, Di Đà, niệm Phật ba muôn câu, lại kiêm tu tịnh quán. Lúc rảnh rỗi, cư sĩ lại mời các liên hữu tập hợp tại nhà, tổ chức niệm Phật suốt ngày đêm.

Niên hiệu Càn Long thứ năm mươi sáu, vào hạ tuần tháng giêng. Vinh Tổ từ Tô Châu trở về vừa đúng một tháng thì cảm bệnh. Đến đầu tháng ba cư sĩ đau nằm nơi giường không chỗi dậy được, bảo bạn thân rằng: "Tôi từ ba mươi lăm tuổi phát lòng Bồ đề, chỉ cầu nghiêm tịnh cõi Phật, lợi ích chúng sanh, sự vinh hoa của ngôi khanh tướng xem đồng như đôi dép rách. Nay thân tuy mang chứng trầm kha, song một tâm niệm an vui chưa từng biến cải. Hiện tại chỉ chuyên giữ chánh niệm, chờ khi mạng chung sanh thẳng về Tây Phương mà thôi!". Một ông bạn hỏi: "Anh mất đi rồi, trong nhà nheo nhóc vài miệng ăn, lấy ai giúp đỡ?". Cư sĩ đáp: "Đó đều thuộc về duyên phước của mỗi người, sức tôi không thể kham được!". Tới chiều ngày mười tám, ông bảo: "Ngày mai phải đại sám hối!". Sáng hôm sau, cư sĩ gắng gượng chỗi dậy mặc áo tràng lễ Phật sám hối, rồi ngồi hướng về phương Tây niệm Phật vài trăm câu, kế quỳ đọc bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì, mới trở về giường nằm. Ba hôm nữa, lại nói: "Tây Phương Tam Thánh hiện thân ở trước, vì tôi nói pháp. Tôi thường ở trong ánh sáng chói suốt rục rở!". Qua ngày sau lại bảo: "Bồ Tát dùng tịnh thủy rưới nơi thân gội rửa tíc khiên, khiến cho tôi được mát mẻ, sự an vui không thể

tả!". Tới chiều, một liên hữu là Trầm Hồng Điều viếng thăm, hỏi có niệm Phật không, và nhắc bảo đừng nên trước tướng. Cư sĩ đáp: "Vẫn niệm, tức tâm tức Phật có chi là trước tướng!". Kế đó lại tuyệt thực, mỗi ngày chỉ uống vài chén nước trà, hai hôm sau rớt duy nhất nước trong mát mà thôi. Ngày hai mươi chín tháng ba, vào giờ Ngọ, cư sĩ bảo người nhà rằng: "Đức Phật đã đến tiếp dẫn!". Nói xong liền tiếp niệm hồng danh, rồi nằm nghiêng bên hữu mà vắng sanh, hưởng dương được bốn mươi tám tuổi. Ông không con, di chúc cho lập hậu.

Bấy giờ hòa thượng Tường Phong bế quan tại Văn Tinh Các ở Tô Châu, đang tu môn niệm Phật tam muội. Mùa đông năm ấy, một đêm Ngài nằm mộng thấy ba vị vào thất, ngồi ở hướng Nam day mặt lại. Trong đó, chính giữa một vị xuất gia, hai bên là cư sĩ, phong nghi thần thái trang nghiêm, nơi đầu đều có viên quang bao phủ. Tường Phong đánh lễ rồi hỏi: "Ba tôn đức ở đâu lại đây?". Vị mặc tăng phục nói: "Chúng ta từ cõi Tây Phương đến!". Hòa thượng lại hỏi: "Có phải chư vị là người ở thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà chăng?". Vị tăng đáp: "Phải!". Tường Phong thưa hỏi danh tánh ba vị không đáp chỉ hỏi lại: "Người pháp danh là chi?". Hòa thượng đáp: "Đệ tử pháp danh Đạt Văn". Vị tăng bảo: "Sao lại vọng ngữ?". Tường Phong thưa: "Quả đúng như thế không phải vọng!". Vị tăng hỏi lại như trước. Hòa thượng cũng đáp y như vậy. Tăng sĩ

cũng bảo: "Vẫn còn vọng ngữ!" Tường Phong thưa: "Đệ tử nói thật chẳng phải giả dối, tại sao tôn đức lại bảo rằng vọng ngữ?" Vị tăng nói: "Tất cả chúng sanh lấy vọng làm chân, chấp giả làm thật, nên mới bị luân hồi. Nếu bậc có trí, biết muôn pháp đều là hư vọng giả danh, thì không còn luân chuyển. Người chớ tự mê muội để lạc mất chân tâm. Nên hiểu chân tâm không tâm, chân tri không biết, có hiểu biết tức là ma. Đức Phật là đấng linh tri vô tri, người nên tin nhận chớ đem lòng nghi hoặc!". Sau lời ấy, Tường Phong bỗng khai ngộ liền thưa: "Lời của tôn đức dạy, chính thật là pháp Phật không thể nghĩ bàn! Tôn đức từ cõi Cực Lạc đến, dám xin hỏi: đã từng thấy Phật A Di Đà chăng?". Vị bên tả đáp: "Nếu ta nói với người, chưa chắc người đã tin. Phải tự mình trông thấy mới được!". Kế đó cả ba đồng đứng dậy, mỗi vị đều vỗ nơi đầu Tường Phong một cái, và lần lượt nói kệ rằng:

Gắng siêng năng tinh tấn
Tu tịnh nghiệp không nhe.
Nhân chân thì quả thật
Dè dặt chớ nghi ngờ!

Các pháp từ tâm sanh
Lại hoàn từ tâm diệt
Chân tánh nguyên vẫn không

Lấy, bỏ chẳng thể được!

Người đã đôi phần thông
Phật, chúng sanh tâm đồng
Như huyễn tam ma đề
Ví như cảnh trong mộng.

Thuyết kệ vừa xong, bỗng thấy Mã Vinh Tổ nghiêm chỉnh oai nghi, đánh lễ ba vị. Cả ba liền vượt lên hư không hướng về Tây bay đi. Lúc ấy không trung nổi lên âm nhạc rền vang, tiếng niệm Phật bỗng trầm thanh thoát. Vinh Tổ lại hướng về Tường Phong lễ ba lạy rồi thưa: "Nhờ đại đức khuyến tôi tu tịnh nghiệp, quy y Tam Bảo, nên đã hân hạnh được sanh về Tây Phương, thọ sự an vui lợi ích lớn. Vì thế tôi thỉnh cầu Bồ Tát đến đây diễn nói diệu pháp, để đền đáp thâm ân!". Nói xong đánh lễ già từ ba lạy nữa, rồi chấp tay niệm Phật bay về Tây Phương. Vừa khi ấy tiếng chuông khuya nổi lên, Tường Phong giật mình thức giấc. Hòa thượng vội lấy giấy bút ghi lại điềm ấy, gọi là Kỳ Mộng Thiên.

Về sau Tường Phong hòa thượng ẩn tu nơi viện Phước Thành tại Lũ Giang. Khi lâm chung dự biết trước ngày giờ, ngồi niệm Phật mà thoát hóa.

Lời bình:

-Trước Cận Đường mượn duyên giáng đàn để khuyên đồng bạn. Nay Trử Lương lấy việc ứng mộng mà đáp thâm ân. Như thế, ai gọi khi sanh về An Dưỡng là vắng bật không tin tức đâu! Tuy nhiên, với kẻ cơ duyên chưa thuần, thì chẳng thể nhất khái đều đồng lệ được!

QUYÊN II CHUNG

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU	
PHẦN BA – TỨ CHÚNG VÃNG SANH (tiếp theo)	
- Pháp Nhân thiên sư	4
- Ưu Đàm đại sư	6
- Hoằng Tế đại sư	11
- Thiên Như thiên sư.....	12
- Huệ Mộc	21
- Chân Tịnh.....	22
- Châu Cầm.....	23
- Quảng Giác.....	24
- Thành Tịnh	25
- Triều Âm	25
- Dương Kiệt.....	26
- Chung Ly Cẩn	30
- Mã Vu.....	32
- Vương Cố	33

- Hồ Yên	36
- Ngô Bình Tín.....	37
- Lục Ngoạn	38
- Trần Toàn	40
- Ngu Thuần Hy	42
- Thái Thừa Trực	45
- Viên Hoằng Đạo.....	47
- Kim Quang Tiên.....	57
- Tôn Trung.....	62
- Vương Điền.....	63
- Vương Nhật Hựu	65
- Diêm Ban Vinh.....	67
- Dương Gia Vỹ	68
- Cố Nguyên.....	69
- Trương Thủ Ước	71
- Hoàng Thừa Huệ	73

- Văn Khải Sơ	75
- Châu Lộ	76
- Ngô Minh Hồng	77
- Hoàng Phú Sĩ Phương	78
- Trâm Bính	85
- Viên Liệt Tinh	86
- Vương Cung	91
- Trương Chung Quý	94
- Trương Thiện Hòa.....	95
- Kim Thích	95
- Phùng Mân	96
- Ngô Quỳnh	97
- Hoàng Sanh	98
- Ngô Mao.....	99
- Vương Ngưỡng Tuyên	99

- Lương Duy Châu.....	100
- Việt Quốc phu nơn	106
- Tần Thị	109
- Phùng Thị	109
- Ngô Thị	111
- Diêu Bà.....	113
- Vương Thị	114
- Vợ Tướng Thập Bát	115
- Chúc Thị.....	116
- Lư Thị.....	118
- Phí Thị	120
- Từ Thái Nghi Nơn.....	121
- Tôn Thị.....	122
- Dương Thị	124
- Dư Thị	125

- Chim Anh Vĩ	127
- Chim Cù Cáp	128
- Gà biết niệm Phật	129
- Một Trăm bài kệ niệm Phật.....	132
- Diệu Hiệp	159
- Minh Chứng	163
- Không Cốc.....	166
- Đức Thanh.....	168
- Vô Danh Tăng	171
- Đại Kinh	174
- Kiến Nguyệt	175
- Minh Hoàng.....	176
- Văn Ngôn	177
- Đạo Triệt	178
- Thành Chú	180

- Pháp Chân	182
- Hằng Nhứt	183
- Phật An	184
- Tánh Tu	186
- Hành Tu	187
- Thật Vịnh	188
- Thường Trí	189
- Bản Ấn	191
- Toại Khâm	192
- Phật Kỳ	192
- Lãng Nhiên	193
- Diệu Thành	194
- Đạo Càn	195
- Ni Cô Am Lan Nhã	198
- Đạo Ngộ	198

- Trương Sư Thành	200
- Ngô Như Am	203
- Du Hữu Quang	204
- Tô Khởi Phụng	205
- Vương Trinh Sanh	206
- Thái Bằng Cửu	207
- Lục Sĩ Thuyên	208
- Mã Vinh Tổ	212

Dịch giả: HT. THÍCH THIỀN TÂM

Mấy điệu

Sen thanh

TẬP 3

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

**MÁY ĐIỆU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 3**

Phật Lịch: 2542 –1998

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Túc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiều Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn

người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng Tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ nhơn đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÂY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ

điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

“Nương mình tựa án xem người cổ
Ăn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN BA
TỨ CHÚNG VÃNG SANH
(tiếp theo)

LAN ĐÀI

Lan Đài là biệt hiệu của cư sĩ Bành Hy Tốc, tự Lạc Viên. Ông ở huyện Nguyên Hòa tại Tô Châu, vốn là cháu họ của Bành Nhị Lâm cư sĩ. Năm 26 tuổi, ông đỗ Hương thí. Từ bé

Lan Đài đã thích ăn chay, đến tuổi thành đồng liền trường trai được 5 năm. Kế đó bị bệnh lạc huyết, mới trở lại dùng mặn. Nhưng do nhân duyên đau bệnh, Lan Đài phát tâm tín hướng Phật thừa, giữ lục trai, hằng tụng kinh Hoa Nghiêm. Mỗi ngày ông đều niệm Phật cầu vãng sanh, dù trong cảnh xe thuyền đi xa cũng chưa từng quên bỏ. Cư sĩ từng làm 10 bài thi Hồi hướng như sau:

I

Lên xuống luân hồi mãi khổ đau,
Kiếp trần giải thoát biết chừng nào?
Ân cần sám lễ đài sen ngọc,
Bất giác thương tâm lệ rạt rào!

II

Gió nghiệp đưa người khó tự do,
Huyền duyên vẫn khởi mối buồn lo!
Nạn tai ma bệnh thay đổi lớp,
Gần chót thương mình chẳng sớm tu!

III

Đã hay sắc tướng vẫn không hư,
Muôn kiếp tham si chữa dễ trừ!
Xét kỹ chi bằng chuyên niệm Phật,
Sáu căn thâm thập chẳng còn dư.

IV

Ruổi dong khéo tính vẫn thua nhàn,
Hơi thở mạng người sớm liệu toan!
Còn ngại tu hành sai đạo chánh,

Đường mê vạn nẻo tới mênh mang.

V

Tịnh quán ngồi lâu bóng nhật tà,
Cảm thông Cực Lạc lộ không xa.
Mười năm lãng tử lìa quê cũ,
Một niệm hồi quang thấy cảnh nhà.

VI

Rừng thưa gió lọt nổi tiêu cầm,
Chim hót đầu cành điệu nhã âm.
Trăm tám Bồ Đề ngày tháng niệm,
Giống sen mùi trượng chẳng căn thâm.

VII

Tâm tâm nối tiếp niệm Di Đà,
Muôn việc phù vân mặc trảy qua.
Đâu đợi mãn phần về tịnh cảnh,
Hiện tiền thân đã thoát Ta Bà.

VIII

Trần chương khi tan hiện pháp thân,
Hồ thu nguyệt lạnh sáng trong ngần!
Bể âm thanh rộng ba ngàn cõi,
Một niệm nghe vào dứt biệt phân.

IX

Sáu chữ trừ mê, giác cũng không,
Niệm tâm niệm Phật, Phật tâm đồng.
Ngàn đời phiền não tiêu tan sạch,
Tô lạc, Dương chi thâm mát lòng!

X

Trời người phước tạm sẽ không còn,
Xin phát Bồ Đề thệ sắt son.

Nguyện lớn Phổ Hiền đầy pháp giới,
Chưa sanh Cực Lạc dễ chi tròn!

Nhị Lâm cư sĩ thấy quyển Vãng Sanh Tập của ngài Vân Thê, sự và lời đều quá giản lược, muốn gom tìm lại những di tích vãng sanh xưa nay viết đầy đủ hơn để in ra. Lan Đài vui vẻ lãnh trách nhiệm phụ giúp, cùng vợ là Cố thị ra công sưu tầm, biên thành 9 quyển, lấy tên là Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, cho khắc bản để lưu hành. Cư sĩ lại tự tay tả một bộ kinh Pháp Hoa gần trọn năm mới xong. Ngày mùng 3 tháng 10 niên hiệu Càn Long thứ 58, ông bị bệnh rét thêm kiệt lý rất trầm trọng. Biết mình khó thoát qua, cư sĩ từ trong phòng lần đi đến giường nằm của thân mẫu, không đề cập đến việc nhà, chỉ khuyên mẹ niệm Phật và nói: "Xin cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ gặp nhau ở Tây Phương!". Ba hôm sau, trước khi mãn phần, ông cho mời Trùng Cốc hòa thượng đến nhà, cầu thọ tam quy ngũ giới và khẩn thiết phát nguyện sám hối. Cư sĩ tự nói: "Trong vài bữa trở lại đây, tôi được tịnh niệm hiện tiền, cảnh sen nơi bảo trì đã chắc có phần vin nắm!". Sáng sớm ngày 13, Lan Đài bảo người nhà dời giường nằm hướng về phương Tây, trước mặt thiết tượng Phật tiếp dẫn. Cư sĩ lại cho thỉnh Trùng Cốc hòa thượng đến và thưa: "Xin nhờ thầy xưng hồng danh và trợ niệm cho con!" Rồi nằm nghiêng bên hữu miệng lâm

râm niệm Phật theo, đến chiều tối mới qua đời. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà, ông mới vừa 33 tuổi. Nhị Lâm cư sĩ đến phúng điếu, đề tặng bài thi rằng:

Bát ngát sen thơm khắp một phương
Buông tay phút chốc lại hoàn hương.
Xương Lê chẳng biết đường Tây độ
Luống phụ năm xưa Thập nhị lang!(1)

Cô thi tên Uẩn Ngọc, cũng sớm thông tuệ, giỏi về thi văn. Năm 29 tuổi cô mang bệnh, ngồi kiết già niệm Phật mà vắng sanh.

Ghi chú:

(1) Hàn Tương Tử khi xưa, nguyên là cháu của Hàn Xương Lê tức là Hàn Dũ, tu tiên đắc đạo. Tương Tử thứ mười hai, nên cũng gọi là Hàn thập nhị lang. Biết chú mình sẽ mắc nạn, muốn cảnh giác trước để khuyên Hàn Dũ tu hành, Tương Tử đến nhà chơi, múc một chậu nước và làm phép. Giây phút nơi chậu mọc lên mười bốn cánh hoa, mỗi đóa đều có chữ, góp lại thành hai câu thi: "Vân hoành Tần lãnh gia hà tại? Tuyết ứng lam quan mã bất tiên!". Sau Hàn Dũ bị đày xa đến vùng đất Thục, ngoảnh lại thấy mây giăng ngang đỉnh non Tần, không nhìn biết quê nhà ở đâu. Trông tới trước thì tuyết phủ mờ biên ải, ngựa bị lạnh cóng chân không tiến bước được. Nhớ lại hai câu thi trước, nghiêm nhiên đúng với hoàn cảnh hiện thời, ông bỗng bàng hoàng hỏi hận!

BÀNH THIỆU THĂNG

Cư sĩ Bành Thiệu Thăng, pháp danh Tế Thanh, tự là Doãn Sơ, người đời Thanh, ở huyện Trường Châu, tại Tô Châu. Từ thuở bé ông đã thông tuệ, lên mười sáu tuổi được bổ làm Chư Sanh, năm sau đỗ Hương thi. Năm kế đó lại đỗ Tiến sĩ, trọn đời an dưỡng không ra làm quan.

Ban sơ cư sĩ không tin Phật, chỉ ưa văn tự thế gian, có chí muốn giúp đời. Một hôm ông bỗng tự cảnh giác nói: "Tâm địa ta chưa sáng tỏ, biết làm sao?". Có kẻ bảo cho phép tu luyện đạo Tiên, ông tập theo ba năm không kiến hiệu. Sau đọc đến sách Phật, chợt tỉnh ngộ bảo: "Chỗ về của đạo là đây!". Từ đó ông mới tín hướng Phật thừa. Cư sĩ mên phong cách của Cao Trung Hiếu ở Lương Khê và Lưu Di Dân ở Lô Sơn, nên lại tự hiệu là Nhị Lâm, vì chỗ tu học của hai ngài trên đều gọi là Đông Lâm. Tế Thanh tánh thuần hiếu, khi cư tang mẹ, ngủ bên nhà tần ba năm. Lúc cha mất, ông lập đạo tràng niệm Phật nguyện đem công đức tụng mười bộ kinh Hoa Nghiêm, một ngàn quyển kinh Di Đà, một ngàn quyển kinh Kim Cang và mười triệu câu Phật hiệu của mình đã tu, hồi hướng cầu cho thân phụ được sanh về Cực Lạc.

Kế đó không bao lâu, cư sĩ bỏ hết tập quán theo đời, chuyên tâm tu học Phật pháp. Ông rất thích những tác phẩm của hai ngài Phương Sơn, Vĩnh Minh, suy tôn ngài Liên Trì và Hám Sơn làm bậc tiền đạo của tông Tịnh Độ. Năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ ăn chay trường. Qua năm năm lại thọ

giới Bồ Tát nơi ngài Văn Học Định. Từ đó ông không còn gần đàn bà, tự xưng là Tri Quy Tử, từng nói: "Tế Thanh này chí ở Tây Phương, hạnh ở kinh Phạm Võng". Cư sĩ có lời văn quì phát thệ trước bàn Phật rằng: "Nếu Tế Thanh con, đã thọ giới rồi mà còn phá giới, tăng trưởng pháp ác, hủy hoại căn lành, xin Hộ pháp chư Thiên tru diệt ngay để làm gương cho thế tục. Như con nghiêm sửa thân tâm, giữ gìn giới phàm, thì hết kiếp này nguyện được sanh về An Dưỡng. Xin mười phương Tam Bảo chứng minh, khiến con mau đắc Niệm Phật Tam muội. Nguyện con khi lâm chung xa lìa trần cấu, thấy đức Di Đà, nhẹ thoát về Tây, không còn chướng ngại. Khi đó nguyện cho kẻ thấy người nghe đều phát tâm như con, cầu về Cực Lạc, chứng Vô sanh nhẫn, rồi cùng trở lại Ta Bà độ khắp loài hữu tình đồng thành Chánh giác!". Sau cư sĩ bế quan ở Văn Tinh các tu môn Nhất hạnh tam muội, đề chỗ ở là Nhất Hạnh Cư. Ông có làm mười bài thi bế quan như sau:

I

Lẩn quần phong trần tự bấy lâu,
Mà chân hạnh phúc những là đâu?
Ngày nay hồi hướng về An Dưỡng,
Kiếp mộng vô minh đã dải dầu!

II

Thân Phật bao la khắp thái hư,
Điểm trần lạng lẽ chẳng còn dư!
Chớ đem tri kiến nhiều phân biệt,

Một niệm hồi quang thấy Đại Từ.

III

Chuỗi lần trăm tám chẳng đuôi đầu,
Mỗi niệm tinh minh mỗi hạt châu.
Sáu chữ mở toang Vô tận tạng,
Như như buông thả lại hồi đầu.

IV

Cảnh vườn tịch mịch tợ thâm san,
Ngày vắng kia ai gõ bé quan?
Nhấn bặt đồng tu nên tự tỉnh,
Đừng theo ngoài cửa mãi mơ màng!

V

Dưới đỉnh Nghiêu phong ngập ráng mây,
Ngon mùi lê hoát dạ vui đầy!
Gió đông khéo mách niềm tâm sự,
Tiếng Phật thâm trầm quá gác tây.

VI

Rừng lạnh ngàn mai nở trắng phau,
Cành xuân chim hót giọng thanh thao.
Hương nguyên vì niệm Quan Âm hiệu,
Thinh sắc đường kia chớ lạc vào!

VII

Giữa đêm trừ tịch chốn môn đình,
Phá cảnh u trầm xướng kệ kinh.
Mãn khóa Pháp Hoa nhàn rồi việc,
Chén trà Long tỉnh uống với bình.

VIII

Ngược lên rồi lại cúi đầu trông,
Liên quốc đâu từng cách điếm lông?
Tiếng hát Ca lãng dà nói rõ,
Đây miền chân tịnh chớ mê lòng!

IX

Lại đối Ni Sơn hỏi cựa manh? (1)
Cung đàn réo rắt điệu vô sanh.
Trong bầu xuân sắc đi thông thả,
Dưới gót hoa luân nở một vành.

X

Hương Sơn lão tử rất thanh chân,
Lối rẽ nhiều phen phải hỏi thăm! (2)
Chớ xót nguồn hoa tin tức vắng,
Cảnh xưa bên suối vẫn đầy xuân! (3)

Cư sĩ lại thuê họa sĩ vẽ bức tranh Cực Lạc thế giới, căn cứ theo chánh báo y báo trang nghiêm của ba kinh Tịnh Độ. Bức đồ này sửa đi đổi lại tất cả bốn lượt, trải nửa năm mới hoàn thành. Tế Thanh tự đề lời kệ rằng:

Nếu người muốn biết rõ,
Chư Phật trong ba đời.
Nên quán tánh pháp giới,
Tất cả do tâm tạo.
Tôi đọc kệ Hoa Nghiêm,
Tin vào môn Tịnh Độ.

Do tịnh nguyện chư Phật,
Thành cảnh diệu trang nghiêm.
Tịnh nguyện như hư không,
Chẳng ngăn các hình tướng.
Nước công đức vô biên,
Nổi hiện hoa sen báu.
Mỗi hoa một chúng sanh,
Có đủ Như Lai tạng.
Bảo trì và bảo thọ,
Câu lơ lửng vây quanh.
Lớp lớp lâu các màu,
Đầy khắp hư không giới.
Hoặc tắm dòng hương thủy,
Hoặc hưởng vị diệu thân.
Hoặc ngồi thiền kinh hành,
Hoặc tụng kinh nghe pháp.
Hoặc giở đưng hoa đẹp,
Cúng dường Phật mười phương.
Hoặc bện lành hội họp,
Đồng vào Bồ Đề tràng.
Các chim cùng nhạc trời,
Phát xướng tiếng hòa nhã.
Từ Văn vào Tư, Tu,
Một niệm đều siêu việt.
Huống đức Vô Lượng Thọ,
Ngồi yên đài bảo hoa.

Mây từ che trời người,
Mưa pháp nhuần nhả khắp.
Nghe rồi được giải thoát,
Thẳng đến ngôi nhất sanh.
Việc lợi ích như thế,
Vô cùng, chẳng nghĩ bàn!
Cũng như họa sư kia,
Một tâm biến các cảnh.
Chẳng lia đầu lông nhỏ,
Hiện chỗ ở Bảo Vương.
Không phân biệt kia đây,
Một tức khắp tất cả.
Bức họa cùng người họa,
Kết cuộc chẳng có chi!
Nguyện những người nghe thấy,
Nhu tôi cùng phát tâm.
Nương niệm công đức này,
Lên ngôi Bất thối chuyển.
Đường vạn ức đâu xa,
Ngay đây đã đầy đủ!

Cư sĩ thương chúng sinh đời mạt pháp không đủ chánh nhãn chống báng lẫn nhau, viết ra quyển Nhứt Thừa Quyết Nghi Luận, dung thông quan điểm hai đạo Nho, Thích. Lại trước tác quyển Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam Muội Luận, hóa giải sự tranh chấp giữa Tịnh cùng Thiền. Và soạn thuật quyển Tịnh Độ Tam Kinh Tân Luận, phát huy những ý chỉ

từ trước nói chưa hết của Liên tông. Ngoài ra còn biên soạn các quyển: Cư Sĩ Truyện, Thiện Nữ Nhơn Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, tùy cơ tiếp dẫn. Những tác phẩm này được nhiều người truyền tụng và lưu hành rộng trong đời. Ông lại xuất ra muôn lượng vàng, phương tiện cho gây quỹ lấy lợi tức để tu tạo chùa, ấn tống kinh, trai cúng tăng, mở Cận Thủ Đường nuôi kẻ cô quả, đặt Nhuận Tộc Điền giúp hạng đói nghèo, dựng Truất Ly Hội trợ cấp người sương cư, lập Phóng Sanh Hội để châu toàn vật mạng. Những công đức ấy đều có văn phát nguyện hồi hướng cầu cho mình và các loài hữu tình đều sanh về Cực Lạc.

Cư sĩ nương các tăng xá thuộc vùng Tô, Hàng tịnh cư hơn mười năm, mỗi ngày đều có khóa trình tu niệm. Ông dự chế các điều khoản khi mình mạng chung, và không cho lập hậu. Mùa thu năm Càn Long thứ sáu mươi, cư sĩ bị nhiễm bệnh ở Văn Tinh Các. Sang tiết đông, tinh thần lần suy kém. Ông gọi cháu là Chúc Hoa giao cho quản lý các hội từ thiện, di chúc bảo duy trì đừng để suy mất. Một vị tăng là Chơn Thanh hỏi ông có thấy điềm lành chẳng? Cư sĩ đáp: "Đâu có điềm chi lạ, việc lớn của tôi ở vào ngày Khai ấn sang năm!". Qua xuân nhằm đầu niên hiệu Gia Khánh, ngày hai mươi tháng giêng, cư sĩ viết kệ từ thế rằng:

Thân số trầm luân tợ điểm trần
Duyên sao chìm nổi chốn mê tân?
Ngày nay thẳng hướng Liên hoa quốc
Chớp mắt thu về vạn kiếp xuân!

Viết xong, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát hóa. Lúc ấy quả nhiên nhằm ngày Khai ấn trong nhà. Ông hưởng dương năm mươi bảy tuổi.

Ghi chú:

(1) Ni Sơn, tức Ni Khâu Sơn, nơi sanh quán của đức Khổng Tử. Cựu manh, là lời ước hẹn cũ, có ý thâm trở cho tông chi đạo Nho. Một hôm, môn đệ của đức Khổng Tử đánh đàn, đến đoạn cuối khảy lên vài tiếng rền rang rồi chấm dứt. Ngài gọi thầy Tăng Tử bảo : "Này Tăng Sâm! Đạo ta một mà suốt tất cả!". (Sâm hô! Ngộ đạo nhất dĩ quán chi!). Câu này tự nhiên thâm hợp với ý "Một tâm hàm muôn pháp" của đạo Phật, nên cư sĩ gọi là cựu manh. Qua câu ấy, cung đàn kia chính là khúc điệu vô sanh vậy.

(2) Tuyết Sơn hay là Hương Sơn lão tử đều chỉ cho đức Thích Ca, vì cảnh Tuyết Sơn ở Ấn Độ có một vùng xanh tươi gọi là Hương Thủy. Hai câu trên ý nói đường tu nhiều lối rẽ, phải học hỏi Phật pháp mới đi đúng nẻo chánh.

(3) Nguồn hoa, tức là sự tích Đào Nguyên đã nói ở tập trước. Đây ý bảo: "Ngư lang chớ buồn xót vì lạc lối nguồn đào dẫn đến động Tiên, vì các pháp đều là Niết Bàn chân cảnh, nếu tâm thanh tịnh tất sẽ thấy nơi đâu cũng đầy vẻ xuân tươi đẹp cả".

LỮ HUÁT NHƯỢC

Cư sĩ Lữ Huất Nhược, người đời Thanh, quê ở Tiền Đường, ưa bố thí làm lành, siêng tu tịnh nghiệp. Ông trường trai hơn 20 năm, sớm hôm tụng niệm không lúc nào biếng trễ.

Năm Gia Khánh thứ 3, vào tháng 2, cư sĩ bỗng vương bệnh. Có người bạn là Chương Thuyên ở Thiều Khê, nhân việc cần đến Hàng Châu, ở trọ tại nhà. Đêm lại, Chương Thuyên mộng thấy một vị tăng ngồi kiết già ở trước sân xung Phật hiệu. Thuyên hỏi: "Su niệm Phật để làm chi?" Vị tăng đáp: "Lữ Huất Nhược có căn lành, chẳng còn mấy ngày nữa sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Nay ta niệm Phật để tiên đưa, việc ấy người chưa biết hay sao?". Chương Thuyên thức giấc lấy làm lạ, sáng ra đem thuật lại với con của Lữ là Văn Yên. Yên lộ vẻ bi ai thưa: "Cha cháu từ hạ tuần tháng giêng đã trời dặn việc sau, bảo ngày mùng 7 tháng 2 sẽ vãng sanh về Tịnh Độ. Nay bác đã mộng thấy điềm như thế, tất việc ấy đúng rồi!".

Đến đầu ngày mùng 6, nơi phòng nằm của Huất Nhược bỗng có hương sen lan tỏa thơm bát ngát, trải qua trọn đêm không tan. Sáng sớm hôm sau, hương càng ngào ngạt, Lữ Huất Nhược gọi người nhà bảo: "Đức A Di Đà cùng chư Bồ Tát đã đến tiếp dẫn!" Nói xong, ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời. Việc này Chương Thuyên có ghi rành rẽ thành thiên Truyện Ký.

TÀO THÁNH HỮU

Cư sĩ Tào Thánh Hữu, người ở Gia Thiện, thường bị bệnh phong, tay chân co giựt. Do bệnh khổ, ông đến dâng hương nơi chùa Thiên Trúc, ở thành Hàng Châu, phát thệ trước Tam Bảo, nguyện trọn đời niệm Phật cầu vãng sanh không thối chuyển. Từ đó đi đứng nằm ngồi tiếng Phật không dứt, niệm đến lúc tha thiết, lại rơi lệ khóc thương. Cư sĩ tu hành tinh tấn như thế suốt 10 năm.

Niên hiệu Gia Khánh thứ 16, vào ngày 11 tháng 7, Thánh Hữu bảo con đến am Địch Thu ở bến Bắc tỉnh sáu vị tăng về nhà trợ niệm. Ngày 14 chư tăng đến, ông thưa: "Mười sáu tới đây, tôi sẽ về Tây Phương. Xin các thầy xưng Phật hiệu trợ niệm cho ba ngày. Công đức ấy nguyện vô vàn cảm tạ!". Bắt đầu từ hôm đó, mỗi ngày chư tăng niệm Phật 10 cây hương, mỗi hương chia ra phân nửa ngồi, phân nửa đi kinh hành, Thánh Hữu cũng tùy chúng niệm theo. Tới chiều ngày 16, khi đang ngồi niệm Phật, hương cháy vừa được vài tấc, cư sĩ liền thoát hóa.

Lời bình:

Người xưa niệm Phật hằng cảm kích rơi lệ. Đời nay tu hành thường theo bề ngoài mà cầu danh lợi. Giả sử có tinh tấn được nhứt thời, tiếp theo đó lại sanh ra biếng trễ. Cho nên dùng sức nhiều mà thành công ít, chính là bởi nguyên nhân ấy. Vậy hành giả cần phải lưu ý dè dặt.

TRỊNH TRIỆU VINH

Cư sĩ Trịnh Triệu Vinh tự là Đình Huân, người ở thôn Thanh Trạch tại Ngô Giang. Ông ăn chay từ thuở bé, tánh ưa thích làm lành. Tới tuổi trung niên, buôn bán tại Hán Khẩu, gia thế lần phát và thiện tâm cũng lần tăng.

Trước đó có vợ của người bạn đồng nghiệp, trong khi đau yếu, các âm binh bắt hồn dẫn đến một đền nọ. Cô này bị thần quở trách là bất hiếu, muốn phạt cho chết để giam cầm xử tội. Cô khẩn thiết van xin thì thần bảo: "Người muốn khỏi tội, thì phải đến bậc thiện như là Từ Đại Quân thương thảo mới được!". Tỉnh lại, cô y theo lời, liền được miễn. Từ Đại Quân ưa làm lành, tu tịnh nghiệp, trước nay vẫn là hàng chí thích của Trịnh Triệu Vinh. Nghe được việc này, Triệu Vinh phát lòng tin tưởng niệm Phật, mỗi ngày càng gia công. Ông khẳng khái bỏ ra muôn lượng vàng, xây dựng Thiện đường để cứu giúp kẻ cô đơn nghèo khổ, nguyện đem công đức này hồi hướng về Tịnh Độ. Khi khách đến, nếu chẳng phải việc cần, liền ẩn mặt tu niệm, không giao tiếp một lời. Lúc lớn tuổi, ông đem cái thợ dưỡng sanh bằng gỗ sao của mình nhường lại cho người. Cư sĩ thường mang tiền và chuỗi tràng đến các xóm nhà nghèo bố thí, ân cần khuyên người niệm Phật. Vào mùa đông, gặp lúc nghiêm hàn, dù cởi áo giúp cho ai khỏi rét, ông cũng không từ nan sên tiếc.

Vào tháng chạp niên hiệu Gia Khánh thứ 18, cư sĩ cảm bệnh nhẹ. Đứa con có việc muốn xin tạm xa nhà ít hôm, ông bảo: "Nên sớm trở về, ta sẽ vắng mặt trong một ngày gần

đây!". Đến kỳ hạn, cư sĩ ngồi xây mặt về phương Tây, quỳn thuộc đứng vây quanh, ông bảo: "Mau xưng Phật hiệu trợ niệm, Bồ Tát đã giáng lâm rồi!" Mọi người vừa chấp tay niệm Phật, bỗng nghe mùi hương lạ bay ngào ngạt. Giây phút cư sĩ liền vãng sanh, thọ được 78 tuổi.

NGÔ LIÊM

Ngô Liêm tự Ty Mưu vốn là hàng Chư sanh ở Nguyên Hòa, cha ông thờ kính Tam Bảo, có quen một vị tăng ở chùa Sư Lâm. Lúc thân phụ bệnh, vị tăng thường đến thăm viếng và khai thị pháp môn niệm Phật. Ngô Liêm ở gần bên nghe được, bỗng chợt tỉnh ngộ, quy hướng về Tây Phương.

Cư sĩ tánh đơn giản thâm lặng, tuy niệm Phật không xen hở, nhưng người ngoài không ai biết. Đến hơn ba mươi tuổi, vì nhà nghèo phải làm nghề dạy học. Lúc đi thi được đỗ đầu, ông cũng không lộ sắc vui. Cư sĩ từng bảo thân hữu rằng: "Chí của tôi có chỗ khác lớn hơn, chớ không ở nơi khoa bảng!". Chẳng bao lâu, nơi dạ dưới của ông bỗng nổi một cục bứu chữa trị mãi không lành. Một hôm bứu vỡ ra, máu chảy nhiều, cư sĩ nhân cảm tác hai bài thi rằng:

I

Thịt thừa theo bám lấy thân thừa,
Mà kiếp tàn sanh đã chán chưa?
Bốn đại suy ra không ngã tướng,
Huyền thân tươi trẻ được bao mùa?

II

Chẳng lựa tìm thầy hỏi thuốc xa,
Bệnh duyên nhân biết chỉ mình ta.
Từ nay hôm sớm Di Đà Phật,
Chúng đến Kim Cang bất hoại mà!

Ngô Liêm nằm luôn hai tháng, bệnh khổ càng tăng, song niệm lực càng bền chắc. Ba hôm trước khi mãn phần, cư sĩ dự biết ngày giờ, dặn người nhà để cho mình thanh tịnh. Đến kỳ hạn, xin thỉnh vài bậc danh tăng trợ niệm, rồi trong tiếng Phật hiệu, ngồi chấp tay mà vãng sanh. Lúc ấy nhằm ngày hai mươi ba tháng hai, niên hiệu Gia Khánh thứ mười chín.

TRÂM ĐÌNH DU

Cư sĩ Trâm Đình Du, người đời Thanh, quê ở Gia Hưng. Tánh ông đoan nghiêm cẩn thận, khi hữu sự đều chính tự tay mình làm. Thường ngày cư sĩ niệm Phật không dứt tiếng, cả những lúc làm việc, hoặc đi đứng nằm ngồi. Nhiều người trêu cười, song ông không để ý đến. Cư sĩ tu trì như thế vài mươi năm, thường nói: "Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh!"

Đến 73 tuổi, một hôm ông cảm bệnh sơ sài, bảo người nhà rằng: "Đức A Di Đà đã đến, hãy thắp sáng đèn nến nơi bàn thờ!". Rồi đốt hương cầm nơi tay niệm Phật mà vãng sanh. Bấy giờ nhằm ngày 19 tháng 3 năm Gia Khánh thứ 19.

Lời bình:

"Niệm Phật càng thuần thực, xử sự càng tường minh", đó mới thật là cảnh động tịnh nhưt như, đi sâu vào tam muội. Kẻ theo danh lợi, thường nói: "Tôi bị nhiều việc phân tâm, không rảnh để niệm Phật!". Hoặc bảo: "Nếu chuyên niệm Phật, còn tâm tư đâu mà lo việc khác?". Đó là những lời nói chưa kinh nghiệm, cũng là trạng huống của tâm giải đãi. Nếu không tu hành, khi cái chết chợt đến, phải buông bỏ tất cả chỉ có tội tướng theo bên mình, đó là lỗi của ai ư?

TRƯƠNG HIẾU LÂM

Cư sĩ Trương Hiếu Lâm, hiệu Lộc Tuyên, người đời Thanh, quê ở Hoa Đình. Ông thờ Phật rất thành kính, ưa bố thí, ai có việc gấp đều tìm đủ cách giúp đỡ không ngại khó khăn. Mỗi ngày cư sĩ tụng kinh Kim Cang, A Di Đà và niệm Phật một muôn câu.

Niên hiệu Gia Khánh thứ 23, một hôm ông dậy sớm, bảo người nhà rằng: "Ta mộng thấy hoa sen đã nở!". Đến tháng giêng năm sau, một đêm cư sĩ đốt hương, ngồi xây mặt về Tây, tụng Di Đà, Tâm kinh qua một lượt rồi đánh lễ 3 lần. Xong lại ngồi chấp tay niệm Phật thắm đến nửa đêm, mỉm cười mà vãng sanh. Lúc ấy mùi hương lạ bay đầy nhà.

Trước khi ấy, con thứ tư của Hiếu Lâm là Ký Chung tu tịnh nghiệp cũng thích bố thí, giúp kẻ cấp nạn y như cha. Ông ăn cơm rau mặc áo vải, sống rất đơn giản, hiếu thuận với cha mẹ. Mẫu thân qua đời, Ký Chung thương khóc ốm gầy, thổ huyết vài chén, nói: "Cha còn có ba anh ở lại, con

xin đi!". Rồi ngồi bên linh cữu mẹ, niệm Phật lâm râm, trải qua 3 ngày, cầm chuỗi mà mãn phần. Gương hiếu thuận chân tu này được ghi chép vào Truyện Ký ở bản quận.

PHAN VẠN TÔN

Cư sĩ Phan Vạn Tôn, người ở cửa khẩu Lê Kinh tại Ngô Giang. Tuổi trung niên, đứa con trai duy nhất mãn phần, ông thương buồn phát tâm xuất thế, đến non Phật Đảnh ở Nam Hải cầu Tạng Ngô hòa thượng xuống tóc. Ngô công bảo: "Người còn mẹ già, việc ấy chưa thể được. Huống chi sự tu hành không phải ở nơi xuất gia. Được một người bạn lành lúc bất thường nhắc nhở cũng đủ để tiến đạo!". Vạn Tôn nghe nói mới thôi.

Từ đó ông quy y Tam Bảo, tinh tấn tu hành, lúc hơi lớn tuổi lại ăn chay trường. Cư sĩ vốn có bệnh ghẻ lác nơi hạ thể, đến thời gian đó chứng ấy bỗng phát nặng, lan lên khắp đầu mặt. Bị sự đau ngứa nhức nhối chịu không kham, ông tới mé sông muốn tự vận. Một bạn đạo là Định Xuyên biết được, theo ngăn lại bảo rằng: "Bệnh từ nơi nghiệp mà khởi, nghiệp lại do tâm sanh. Nếu đem lòng chán buồn hờn oán tự trầm, thì gốc mê càng sâu đời sau thêm khổ, điều ấy há không đáng sợ ư? Như anh xét biết nghiệp mình, hối ngộ tự trách, cố gắng nhẫn chịu, gia công tu hành, thì tai họa chính là cái duyên hay để tăng tiến phước huệ vậy. Thuở xưa có nhiều bậc càng tu nạn tai lại càng lắm, nhưng nhờ biết hối ngộ giữ chánh niệm, nên khi lâm chung đều có điềm tốt

vãng sanh. Cho nên nghiệp lực tuy mạnh, song tâm lực lại càng mạnh hơn, có sự chuyển biến khó nghĩ bàn là như thế ấy!".

Vạn Tôn nghe nói chột sáng suốt tỉnh ngộ, bỏ ý nghĩ quỳên sanh, niệm Phật càng siêng năng tha thiết. Hơn một năm sau, bệnh thuyên giảm dần rồi dứt hẳn. Niên hiệu Gia Khánh thứ tư, vào tiết Trọng Hạ, cư sĩ bỗng thấy nơi cửa tịnh thất mây đẹp nổi hiện xoay vần, trong ấy ẩn hiện một chiếc hồ lô phóng ánh sáng. Ngày mùng 1 tháng 10 năm đó, ông cảm bệnh nhẹ. Ba hôm sau, cư sĩ tắm gội thay y phục mới sạch, rồi ngồi ngay thẳng nơi giường, nhờ vợ xưng Phật hiệu để hộ trợ. Ông cũng lâm râm niệm theo, giây phút yên lặng mà thoát.

Sau khi cư sĩ vãng sanh, bà vợ đem y phục thiêu hóa. Lúc lửa tắt, nơi tro hiện ra tượng Tây Phương Tam Thánh, mày mắt rõ ràng, các nếp áo cũng lồ lộ đầy đủ. Ngày chiều hôm, người vợ đem đốt một chiếc áo lót, trong tro lại hiện ra vài mươi chữ lớn sắc đỏ. Nhưng rất tiếc bị kẻ không biết quét xóa đi. Người xa gần nghe chuyện này đều kinh lạ thờ than khen ngợi. Cư sĩ hưởng thọ được 66 tuổi.

TRÂM THƠ HOA

Cư sĩ Trâm Thơ Hoa, hiệu Trử Trà, vốn là một vị Hiếu Liêm ở Tiền Đường. Từ thuở bé ông đã biết kính tin ngôi Tam Bảo, gắng sức làm lành. Lớn lên thường in kinh Phật

và các sách khuyến thiện để ấn tống. Đến như các việc giới sát phóng sanh, lại càng thiết thật tuân hành.

Tuổi trung niên, cư sĩ thọ ngũ giới, trường trai thờ Phật, chuyên tâm về Tịnh Độ. Mỗi ngày ông đều tụng kinh A Di Đà, niệm Phật năm muôn câu, trải vài mươi năm như thế không hề thiếu sót. Lúc lớn tuổi, được tuyển làm giáo chức ở Ninh quận, song khước từ không nhận. Cư sĩ có tự vẽ một bức họa mình ngồi kiết già nơi hoa sen để nêu rõ ý chí. Một đêm vào khoảng cuối canh tư, ông bỗng thấy trong thất sáng tỏ, cho là trời đã rạng, vội trở dậy rửa mặt để lễ niệm. Nhưng được một lúc lại trở tối như cũ. Nửa tháng sau khóa lễ sáng vừa xong, cảm thấy trong người mỗi nhọc, cư sĩ lại giường thâm niệm Phật không dứt. Chiều hôm kế, chấp tay yên lặng mà qua đời. Lúc ấy nhằm ngày rằm tháng chạp, niên hiệu Gia Khánh thứ 24.

Lời bình:

Cổ nhơn có vị thấy ánh sáng trong suốt như gương hiện nơi vách, có vị thấy quang minh êm dịu tựa ánh trăng hiện trên ngọn tháp. Trong Vãng Sanh Tập cho đó là sự ứng nghiệm do thân tâm yên lặng sáng suốt hiện ra. Ánh sáng trong thất mà Thơ Hoa trông thấy, âu cũng là hiện tượng đó chăng?

HỨA NHÂN THỰC

Hứa Nhân Thực, người ở Nam Hương huyện Đan Đô. Cư sĩ tánh thuần hậu thông minh, lại rất hiếu thuận. Do cha

là Ngô Thành chuyên tu tịnh nghiệp, nên Nhân Thục cũng kính tin ngôi Tam Bảo, thường trì tụng chú Chuẩn Đề. Lên 15 tuổi, cư sĩ vào ở trọ trong thành học tập nghiệp khoa cử. Khi có tiền dư, lại phóng sanh giúp kẻ nghèo khổ. Thân phụ muốn tìm nơi hỏi vợ cho, ông đều từ chối.

Đến 22 tuổi, Nhân Thục ứng khoa Viện thí xong, mang bệnh lạc huyết. Vài năm sau, bệnh lâm vào cảnh trầm kha, nằm kê rên nơi giường bệnh. Ngô Thành hiểu dụ cho rằng: "Bệnh vốn do nghiệp trước chiêu cảm. Đức A Di Đà ở thế giới Cực Lạc là đáng vô thượng y vương. Nếu con phát tâm niệm Phật cầu sanh về cõi đó, thì nghiệp trầm kha vạn kiếp sẽ được thoát hẳn trong một sớm chiều". Nhân Thục nghe nói tỉnh ngộ, xin thỉnh Tuyết Cốc hòa thượng ở chùa Trúc Lâm đến nhà, cầu thọ Tam quy Ngũ giới. Kế đó cư sĩ phát lộ sám hối, quyết chí niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Đến ngày mùng 8 tháng 4, lại xin mời chư tăng tới nhà niệm Phật trong 7 hôm. Mãn kỳ hạn, liền nhờ xuống tóc, rồi mặc đồ tu. Quyển thuộc trông thấy đều sa nước mắt lộ vẻ bi cảm. Nhân Thục nói: "Xin tránh đi nơi khác, đừng làm loạn chánh niệm của tôi!". Từ đó cư sĩ càng gắng hết sức niệm Phật. Sang mùng 1 tháng 5, lại cầu thỉnh chư tăng niệm Phật thêm một kỳ hạn 7 ngày nữa. Trong khóa niệm, bệnh chuyển nặng, chỉ còn nằm ngửa nơi giường khó nổi dậy trở. Nhân Thục bèn dứt cả ăn uống chuyên lòng niệm Phật chờ vãng sanh. Đến chiều ngày thứ sáu, cư sĩ thưa với cha rằng: "Con sắp đi, đêm nay có thể viên mãn!". Ngô Thành hiểu ý,

thiết bàn Phật trước mặt bình nhơn, đốt hương lên đèn, xin chư tăng đứng hai bên trợ niệm. Tới nửa đêm, ngoài cửa song bỗng có ánh sáng đỏ chói trời, chớp lên vài lượt. Nhân Thục tự gắng sức nằm nghiêng bên hữu, chấp tay mỉm cười mà qua đời. Lúc ấy cư sĩ mới vừa được 25 tuổi.

Ngộ Thành tự là Tâm Tăng, có làm nhiều thi kệ vịnh đạo, được lưu hành nơi đời. Nay xin lục ra 4 bài như sau:

I

Chẳng trụ có, không, dứt biệt phân,
Một lòng nhàn tản tự phù vân.
Hoa vàng trúc biếc phôi mùi đạo,
Đề ý tìm cầu lạc lối chân.

II

Cần tu tịnh nghiệp thoát trần duyên.
Dẹp mối suy tư thấu lẽ huyền.
Nếu lại nghi ngờ sanh thức kiến,
Mây mù che khuất cảnh thanh nhiên.

III

Đàm tông nói giáo luận tuôn trào,
Tranh tỏ thông minh thấy hiểu cao.
Sao kịp bền tu, tâm hạnh thật,
Di Đà sáu chữ trăm ma đao.

IV

Muôn kiếp chìm mê hỏi ngộ chầy,
Đường tu lối rẽ thấy nhiều đây!
Trả xong duyên huyễn thành vô lậu,

Một đóa sen màu nở cõi Tây.

CHÂU QUANG

Châu Quang hiệu Tây Liên cư sĩ, vốn là hàng Chư sanh ở Giang Ninh. Ông bảm tánh thuần hậu, lạnh nhạt với lợi danh, tuy gia thế sang giàu, song tuyệt không thói khoe khoang khinh ngạo. Đến tuổi trung niên, cư sĩ trường trai thờ Phật, mỗi ngày tụng kinh Kim Cang, niệm Phật vài muôn câu nguyện sanh về Cực Lạc. Khi gặp bè bạn, sau vài lời hàn huyên liền đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khuyên nhắc tu hành. Ông từng xuất của mình và quyên góp tiền in kinh Di Đà Sớ Sao, tự tay kiểm duyệt, cho lưu hành khắp miền Giang Hoài. Lúc lớn tuổi, thần khí vẫn khỏe mạnh, niệm Phật càng tinh tấn.

Mùa thu năm Gia Khánh thứ 22, cư sĩ mang chứng sán khí rất nặng, song vẫn trì niệm không thôi nghỉ. Chẳng mấy lúc bệnh được lành, có người hỏi đến việc đó và khen ngợi, ông bảo: "Trong khi bệnh ngặt, ban sơ tôi cũng đau đớn khó nhẫn. Kế tưởng đến thân đã là giả, thì bệnh khổ cũng không phải thật. Huống chi thân đối với tâm, sự tinh thô chia cách rõ ràng, cứ để cho thân mặc nó đau đớn, tâm ta đừng nghĩ tới và chuyên niệm Phật. Như thế thân bệnh không làm ngại đến tâm ta được. Tôi theo ý nghĩ đó mà thật hành. Trước tiên dù cố quên thân chuyên niệm Phật, song vẫn còn cảm biết đau đớn. Kế đó lần lần quên đau, nhưng lại thấy có thân cùng tâm đối lập. Sau lần lần chỉ biết có tâm, chẳng

thấy có thân. Do đây không còn bị cơn đau đón hành hạ chi phối, và bệnh cũng được lành!". Về sau cư sĩ niệm Phật mà qua đời. Ông từng làm hơn 100 bài thi Tịnh Độ, cho khắc bản lưu hành nơi đời. Xin lược trích vài bài như sau:

I

Sớm về An Dưỡng mà ngời ngời,
Đừng đời Ta Bà luận có không.
Lửa nghiệp khi hừng dùng sức định,
Niệm trần lúc khởi gắng ra công.
Nén hương siêng lễ ba ngàn Phật,
Tràng chuỗi cần chuyên một tác lòng.
Cám nỗi mẹ hiền trông tựa cửa,
Hằng hờ du tử chạy Tây Đông.

II

Ta Bà cõi nghiệp sự tung hoành,
Nói đến Liên Bang mộng cũng thanh.
Hơi thở chẳng vào ngàn kiếp hận,
Tác dương dám trễ sáu thời danh.
Như gà ấp trứng liền hơi ấm,
Tợ lửa nung vàng luyện mới tinh.
Một niệm gốc tình trừ sạch hết,
Tánh chân lộ lộ khối viên minh.

Lời bình:

Đức Phật bảo: "Nỗi khổ không chi quá hơn có thân! Cho nên có thân là có tội nghiệp, có tội nghiệp tức có đau khổ. Nếu biết được thân là giả, khổ không thật, soi trở lại nguồn,

thì tội khổ tiêu tan, vọng tâm cũng mất". Biết hướng theo đường lối này, Tây Liên há chẳng phải là bậc trí đó ư?

LỘ KHÔN

Cư sĩ Lộ Khôn người đời Thanh, quê ở Giang Ninh. Ông tánh từ thiện, rất tin ngôi Tam Bảo. Lộ Khôn có người em làm quan, mỗi khi ông đến viếng thăm ở lại chơi, thấy trong nhà trù hăng ngày đều sát sanh rất nhiều. Cư sĩ thương xót, thường đem lý nhân quả tội phước ra khuyên dụ em, song nói mãi vẫn vô hiệu. Thấy thế, ông liền phát nguyện trường trai, rồi ở ngay trong dinh thự em, chích máu nơi lưỡi tả kinh A Di Đà, cầu sanh Tịnh Độ.

Sau khi đó, cư sĩ từ già trở về nhà, mỗi ngày đọc sách dạy con, lấy đạo làm vui. Khi con đã khôn lớn, ông bảo nó dạy học để tự nuôi sống. Từ đó cư sĩ chẳng hỏi đến việc nhà, một lòng niệm Phật, dù tiết lạnh nóng, lúc đau bệnh cũng không thôi bỏ. Ông giao hảo với Châu Quang, thường đem sự tịnh tu để sách tấn lẫn nhau. Lộ Khôn thân thể vốn mập mạp khỏe mạnh, song do tu trì khắc khổ, nên ngày lần ốm gầy. Lúc lớn tuổi hình tướng khô khan, nhưng khóa tụng càng tăng, tất cả công đức việc lành đều hồi hướng về Tịnh Độ. Ông rất thích kinh Kim Cang, mỗi ngày đều quỳ tụng trước bàn Phật, tuy lúc mệt mỏi khốn đốn, chưa xong quyền quyết không đứng dậy. Có một độ, cư sĩ bị bệnh nguy ngập sắp chết, người nhà đều dự bị sẵn đồ tẩm liệm. Trong cơn mê man, ông thấy tám vị Phạm tăng, thân đều cao lớn

hơn một trượng, đi vào nhà lập đàn tràng, vì mình làm Phật sự. Ông đang theo các vị ấy tụng kinh A Di Đà, bỗng nhiên chợt tỉnh, tiếng trì niệm còn văng vẳng nơi tai.

Sau khi đó, bình dương như mất hẳn. Không bao lâu, cư sĩ chẳng đau yếu chi, niệm Phật mà vãng sanh.

NGÔ DOÃN THĂNG

Cư sĩ Ngô Doãn Thăng, tự Thường Đạo người huyện Hấp ở Huy Châu. Lúc tuổi trẻ ông thường đi lại mua bán nơi vùng Tô, Hàng. Trong cuộc du ngoạn chùa núi Hồ Khâu, một vị tăng tình cờ gặp mặt ông nhìn kỹ đoạn bảo: "Người cũng có căn lành, song tiếc vì lúc hai mươi chín tuổi bị nạn chết đấm, biết làm sao?". Doãn Thăng nghe nói sợ hãi, cầu thỉnh phương pháp giải cứu. Vị tăng trầm ngâm giây lát rồi dạy: "Từ nay trở đi, người phải giới sát phóng sanh. Mỗi ngày đều nên chí thành trì chú Đại Bi và niệm Phật, may ra có thể thoát khỏi!". Doãn Thăng tin nhận thật hành, lại thường đem điều này khuyên người.

Đến năm hai mươi chín tuổi, cư sĩ từ Hàng Châu nương thuyền trở lại quê nhà. Bạn đồng hành được tất cả mười bảy người. Khi thuyền trương buồm ra đi độ vài mươi dặm, ngọn thủy triều chợt âm âm xô đến, sóng to nổi dậy thế rất nguy cấp. Doãn Thăng chợt nhớ lời vị tăng nói khi trước, vội chắp tay niệm Phật. Giây phút thuyền lật úp, ông và tất cả hành khách đều bị cuốn lôi theo sóng nước. Trong cơn hoảng hốt mơ màng, bỗng nghe tiếng nói: "Ngô Doãn

Thăng khuyên người niệm Phật có công, được thoát khỏi nạn này!". Cư sĩ vội mở mắt nhìn xung quanh thì thân đã nằm trên bờ, bên mình có những người chài lưới đang vục tỉnh. Kiểm điếm lại, mũ giày hành lý đều bị nước tuôn mất hết, duy có xâu chuỗi mười tám hạt bình nhật thường trì niệm hãy còn nắm chắc nơi tay. Còn mười sáu người kia đều bị trôi chìm không thấy tung tích. Từ đó ông càng tin công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cư sĩ không trở về quê, ở lại mở ngôi quán xem tướng, mượn nhân duyên này để nói lý nhân quả, khuyên người tu niệm.

Sau cơn hoạn nạn, Doãn Thăng hành trì càng tinh tấn. Ông đốt liêu hương nơi cánh tay thành bốn chữ "Cầu sanh Tây Phương" để nêu rõ hạnh nguyện của mình. Người ở Hàng Châu theo di phong của Tổ Liên Trì, phần nhiều đều tín hướng pháp môn niệm Phật. Song những kẻ thật hành, lại là người già cả, không có hạng thiếu niên. Mỗi tháng họ tập họp lại chùa niệm Phật, gọi là Lão Nhi Hội. Sự tập họp cũng không dám đi đông nhiều, vì sợ bị hiềm nghi là dị giáo mưu đồ chánh trị. Doãn Thăng khẳng khái tuyên bố với mọi người: "Môn niệm Phật không phân biệt nam nữ già trẻ sang hèn. Đạo Phật là chánh giáo được triều đình mến ưa công nhận, tại sao lại phải e sợ?". Lúc ấy Diên Kiểm Điền, một quan chức quyền quý, đang chủ duyệt kiểm tra về thuế muối ở Hàng Châu, cùng cư sĩ có tình cưu hảo. Nhân cơ hội, ông mở cuộc lạc quyên, trước tiên đến Diên công được ngài góp vào hai trăm lượng vàng để làm

thủ xưởng. Với số tiền quyên được, cư sĩ đặt thành quỹ phương tiện thâm lợi tức nhẹ mở mang hội niệm Phật tại chùa Bảo Thành ở núi Tử Dương và làm các việc từ thiện. Mỗi khi gặp ngày hội kỳ, ông vì quần chúng giảng giải Phật pháp, nói lý nhân quả. Kẻ chưa phát tâm khuyên cho phát tâm, người đã phát tâm khuyên tinh tấn tu niệm. Cư sĩ lại mở thêm chi hội nơi chùa Tiên Lâm ở trong thành cùng các chỗ khác để khuyến hóa. Kẻ tin tưởng niệm Phật ngày càng đông có đến số ngàn. Mỗi khi tập hợp, tất cả đều nghiêm trang kính cẩn, không buông lung rộn ràng huyên não. Tượng Tam Thánh cao một trượng sáu nơi điện Tây Phương tại chùa Tiên Lâm, cũng do người trong hội kiến tạo. Một buổi sáng đang lúc tập hợp niệm Phật, đại chúng thấy từ trong mũi tượng Đại Thế Chí Bồ Tát phóng ra một đạo bạch quang bay vòng quanh nơi điện đình hơn vài khắc mới tan mất.

Từ đó ở thành Hàng Châu phong thái niệm Phật thanh hành. Các vùng xung quanh cũng được ảnh hưởng cảm hóa, trẻ già trai gái tay cầm tràng, miệng niệm Phật, là chuyện thông thường không còn xa lạ. Danh hiệu Doãn Thăng đàn bà con trẻ đều biết. Mỗi kỳ hội, các nơi thay phiên nhau thỉnh cư sĩ đến diễn giảng. Ở Tây Hồ có chùa Linh Phong, nguyên là di tích của Phục Hồ thiền sư, hư phế đã lâu. Trong niên hiệu Đạo Quang năm đầu, Doãn Thăng phát nguyện trùng hưng, tu tạo vài năm mới lạc thành. Cư sĩ mãn phần lúc sáu mươi sáu tuổi. Khi lâm chung ông giữ chánh

niệm phân minh, tự nói: "Tôi thấy vô số Bồ Tát đi kinh hành ở trước mặt!". Rồi ngồi ngay lặng lẽ mà hóa. Bảy giờ nhằm ngày mừng một tháng năm, niên hiệu Đạo Quang thứ chín.

Lời Bình:

Lộ Khôn niệm Phật vốn cầu vãng sanh, mà kiêm thoát được bệnh khổ trong hiện tại. Doãn Thăng niệm Phật chỉ mong khỏi nạn, nhưng lại cảm điềm lành tốt lúc lâm chung. Thế thì ai bảo: "Công đức niệm Phật duy có lợi ích sau khi mãn phần ư?". Xem gương trên, hai vị đều gắng sức thật tu, tin chắc không đổi. Người đời nay đem công phu chút ít, cầu lợi ích quá phần, đến khi thấy vô hiệu, trở lại cho rằng Phật pháp không linh nghiệm, rồi bỏ hết việc tu hành há chẳng đáng ngậm ngùi thương tiếc lắm ru!

---o0o---

TỪ THỊ

Từ thị người ở Tòng Giang, gả về nhà chồng là Dương Phát Trai tại bản quận. Năm 32 tuổi, cô ăn chay trường niệm Phật kiêm chí thành trì chú Đại Bi cầu sanh Cực Lạc.

Mỗi bữa khuya, cô thức dậy sớm súc miệng rửa mặt, lên hương đèn, lễ bái tụng chú Đại Bi 21 biến, niệm Phật 1000 câu, rồi mới lo đến việc nhà. Cô tu hành một mực không đổi thay thiếu sót như thế, trải vài mươi năm. Mùa hạ niên hiệu Càn Long thứ 35, Từ thị cảm bệnh nhẹ. Đến ngày

mùng 8 tháng 6, cô theo lệ thường tụng niệm. Khi vừa trì chú được hơn một khắc, người nhà cảm nghe âm thanh lần thoát ra ngoài cửa. Tất cả chạy lại xem thì cô ta đã mỉm cười ngời thoát hóa. Bảy giờ, nhằm thời tiết nóng nực, để quàn ba ngày, nhan sắc vẫn tươi như sống. Đến khi thiêu hóa y phục, các ngọn lửa bốc lên, đều hóa thành hình hoa sen năm sắc. Mọi người trông thấy lấy làm lạ, thở than khen ngợi.

TÀO THỊ

Tào thị nguyên là mẹ của Bá Thiên Hựu ở Thường Châu. Thiên Hựu bình sanh ưa làm điều lành, thờ phụng Lữ Đồng Tân chơn nhơn rất nghiêm cẩn. Ông thường phò cơ hỏi về cách thức tu Tiên, khi thỉnh vấn xong lui ra lên bờ đoàn lạng lòng nhắm mắt ngồi tịnh.

Sau Thiên Hựu đến Tô Châu, có người trao cho quyển Tây Phương Xác Chỉ, trong ấy bài bác đạo Tiên, chỉ dạy Tịnh Độ, ông mới hồi hướng về Phật thừa. Tuy nhiên trong lòng còn chút nghi ngờ, ông đem điều ấy thưa hỏi Lữ Tổ. Chơn nhơn đáp: "Người chớ nên nghi ngờ, khi tam tai đại kiếp đến nơi, bọn Thiên Tiên chúng ta cũng không đường tránh khỏi. Cõi Tịnh Độ là nơi vui nhàn an ổn, dễ bề tiến đạo, người nên cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh!". Nhân lại bảo nên tụng thêm kinh Kim Cang Bát Nhã. Thiên Hựu nghe nói mới tin nguyện vững chắc, dứt hết lòng nghi.

Lúc ấy Tào thị đã 64 tuổi, cảm bệnh nhiệt rất nặng. Thiên Hựu nghe tin, từ Tô Châu trở về, thấy mẹ đã tắt thở, chỉ còn hơi ấm nơi ngực, người nhà lo sẵn quan tài và đồ tẩm liệm. Ông cảm xúc khóc rống, tụng Bạch Y Thần Chú một muôn hai ngàn (12.000) biến cầu với Quán Âm Đại Sĩ, xin giảm thọ số của mình một kỷ để cho mẹ được sống thêm. Hôm sau Tào thị bỗng tỉnh lại đòi uống nước, trải vài ngày mới hồi phục. Bà cho biết khi mình mới vừa chết, liền bị hai sứ giả dẫn đi, trải qua các ty Thổ Địa, Thành Hoàng, kể đến phủ Đông Nhạc. Phủ quan bảo: "Con của người đã vì mẹ chí thành cầu đảo, nguyện nương nơi sức Bạch Y Đại Sĩ xin giảm kỷ để tăng thọ cho mẫu thân. Bởi nguyên do ấy, nên ta cho người được hoàn sanh!". Rồi dạy mình quan đưa trở về. Thiên Hựu liền mượn nhân duyên đó, khuyên mẹ tu tịnh nghiệp. Tào thị bèn trường trai, mỗi ngày đêm chia ra 3 thời, lần chuỗi niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ. Mười hai năm sau, khi đến 76 tuổi, vào ngày rằm tháng 9, bà thức dậy sớm bảo Thiên Hựu rằng: "Mẹ sắp đi, con hãy mời hàng thân thuộc đến để giã biệt". Ba hôm sau Tào thị tắm gội thay y phục, rồi nằm nghiêng bên hữu mà qua đời.

Thiên Hựu có người cô là Hứa thị cũng trường trai niệm Phật mà chưa thể chuyên nhứt. Ông rước về nhà, khuyên cô buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Hứa thị y theo lời. Bảy giờ bà đã 65 tuổi, từ tháng 3 đến tháng 6 niệm Phật không xen hở. Một hôm bà đến trước Thiên Hựu cúi xuống lạy. Ông kinh hãi hỏi lý do, bà nói: "Cô hơn 60 năm điên

đảo trong vòng mộng tưởng, chưa từng được một ngày an vui. Từ khi được cháu dạy cho niệm Phật đến giờ, sáng niệm thoáng chốc đã đến tối, tối niệm giây phút đã thấy sáng, sự an vui trong đời còn chi hơn đây? Nếu chẳng nhờ cháu hướng dẫn thì đâu được như thế, cho nên cô mới đánh lễ tạ ơn!". Thiên Hựu nhân đó khen ngợi cõi Cực Lạc trang nghiêm và bảo: "Chỉ được nhưt tâm, cảnh Phật tự hiện. Khi Thánh cảnh hiện ra, cũng chớ sanh tham trước!". Lại trải qua ba tháng, một đêm Hứa thị đang ngồi niệm Phật, bỗng thấy kim liên hiện ra trước mặt, giây phút hóa thành trăm ngàn muôn ức hoa sen, ánh sáng chiếu rực rỡ không cùng tận. Sáng ra bà cũng lạy Thiên Hựu mà thuật rõ việc ấy. Từ đó dung sắc của bà sáng nhuận, tươi trẻ lại như người 30 tuổi. Trọn ngày Hứa thị không nói chi, ban đêm nằm nghỉ chừng một canh rồi thức dậy ngồi niệm Phật đến sáng. Chưa biết được ngày lâm chung của bà về sau như thế nào?

Lời bình:

Xem lời nói của Lữ Đồng Tân chơn nơn, thì biết tu Tịnh Độ là việc cấp thiết. Trong đời có kẻ chuộng Tiên thuật mà chê Phật pháp, kết cuộc chỉ tự khi dối mình mà thôi.

ĐÀO QUỲNH LÂU

Đào Quỳnh Lâu tự Khánh Dư, người đời Thanh, quê ở Tô Châu, xứ Trường Châu. Cô là vợ của Bành Hy Lạc,

người anh em của Bành Hy Túc, cả hai đều là cháu của cư sĩ Bành Nhị Lâm.

Quỳnh Lâu từ bé đã thông minh, am tường thi vận, thường cùng em gái là Đào Nhân sớm hôm hòa xướng. Tánh ưa thanh vắng, gặp cảnh non sông u nhã, liền có ý thoát tục quên đời, tâm niệm hằng lộ ra lời thi văn. Không bao lâu, Đào Nhân bị bạo bệnh rồi từ trần. Quỳnh Lâu mang đậm mối suy tư, từ đó thôi làm thi văn, chuyển sang nghiên cứu kinh Phật, mong tìm phương giải thoát. Xem đến kinh Đại Báo Ân, cảm nhân duyên khổ hạnh nhiều kiếp của đức Như Lai, cô liền phát đại nguyện cầu chứng Vô sanh pháp nhẫn. Quỳnh Lâu tự tay thơ tả kinh này, cùng các kinh Kim Cang, Di Đà, bút pháp rất đoan chánh tươi đẹp. Cô tu Tịnh Độ, mỗi ngày đều niệm Phật, có làm vài mươi bài Tàm úy ngâm, ý tứ gần với đạo.

Đến khi xuất giá, Quỳnh Lâu hằng nói pháp: Khô, Không, Vô thường, Vô ngã cho gia nhơn nghe. Mỗi buổi sáng là thời khóa tịnh nghiệp, rảnh rỗi lại duyệt các kinh đại thừa như Lăng Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm. Sự tìm hiểu về đạo lý của cô rất thâm thúy. Để đáp 10 bài thi bế quan của cư sĩ Bành Nhị Lâm, Quỳnh Lâu có sáng tác 10 bài như sau:

I

Vô tướng ánh màu lộ thể chân
Gió từ phơ phát bốn mùa xuân.
Một niềm vắng lặng thông tin tức

Lòng hướng Liên bang lễ niệm cần.

II

Xưa nay chẳng thật có đâu hư?
Luận đạo bàn thiên chuyện cũng dư!
Sáu chữ Di Đà không tự tánh
Ấy ai ta, Phật đây bây chừ?

III

Đầm trong ngân nước lặng hư huyền
In bóng trời mây ánh huệ viên.
Hạnh đủ công thành rồi sẽ rõ
Hoa thơm chim hót cũng màu thiên.

IV

Đình dựa thanh tuyền, thất dựa non
Trong vùng tươi biếc, cửa tùng im.
Về nhà sớm nhận ngay đường lối
Chớ để lâm chung trễ khó tìm.

V

Thần chơi cõi tịnh tuyệt mù mây
Nào đợi gậy lê ánh sáng bày (1)
Khéo luận đường xa mười vạn tám (2)
Hư không lâu các giữa trời Tây!

VI

Một dãy cây dường thất bảo lâm
Đầu cành nghe thoảng tiếng linh cầm?
Gió đông thổi lọt màn hoa lá
Diễn nói trăm ngàn diệu pháp âm!

VII

Niệm Phật ngày đêm tự phản quang
Mấy hồi sanh diệt thấy vô đoan.
Trước làng, sau tuyết hoa mai nở
Lộ vẻ xuân tươi sáng vũ hoàn!

VIII

Chín chục xuân quang khó mãi gìn
Dĩa đèn đêm vắng đối riêng mình.
Pha trà đâu phải vì hương vị
Khi hứng nào can uống một bình.

IX

Cõi trần gieo được giống hoa sen
Nước ngọc liên trì nhụy nẩy sanh.
Một niệm tinh thần siêu phẩm tục
Nhẹ nhàng cõi tịnh bước thanh thanh.

X

Phá được trùng quan thấy cảnh quê (3)
Từ nay chẳng lạc bước đường mê.
Xoay vần sáu chữ không sau trước
Nước chảy mây trôi tỏ lối về!

Qua mùa đông, Quỳnh Lâu cảm bệnh, tự biết khó lành, thường chuyên niệm danh hiệu Phật. Trước khi mãn phần, cô thỉnh mẹ đến từ biệt và nói: "Đại Hòa Thượng đã đến rước, con đi đây!". Đứa thị tỳ thưa: "Còn lão thân thì sao?". Đáp: "Cảnh Tây Phương đẹp, ngày kia cô sẽ về rước bà

đi!". Nói xong liền mất. Bảy giờ nhằm ngày 23 tháng giêng, niên hiệu Càn Long thứ 45, cô mới vừa được 25 tuổi.

Đến mùa xuân năm Càn Long thứ 49, có Tây Phương Đại Sĩ dùng phương tiện giáng cơ nơi Ngọc đàn, vì hàng thiện tín tuyên dương pháp môn Tịnh Độ. Một hôm, Bành Nhị Lâm cư sĩ đến đàn, thưa hỏi chỗ sanh của các vị sư hữu đã từ trần. Đại Sĩ mỗi mỗi đều phúc đáp rành rẽ. Trong ấy, một vị sanh về cung trời Đâu Suất, một vị hưởng phước báu cõi người, có 4 vị được sanh về Tịnh Độ. Đó là Hương Sơn lão nhơn hiệu Thật Định, Lữ Đình đại sư hiệu Tế Hội, Thệ Nguyệt tỳ kheo pháp danh Phật An và một vị cư sĩ là Trầm Bính hiệu Kính Phù. Sau rớt Bành cư sĩ hỏi đến Đào Quỳnh Lâu. Đại Sĩ đáp: "Đào thị đã sanh về miền biên cảnh ở Tây Phương". Giây lát Quỳnh Lâu giáng đàn, đề thi rằng:

Vũ yết nhàn giai phương thảo đa
Ngũ niên tiêu tức đẳng phao thoa!
Động trung thâm bế yên hà tích
Nhứt niệm huân phong tống khách qua!

Tạm dịch:

Mưa tạnh, thêm nhàn rợp cỏ thơm
Năm niên thấp thoáng tợ thoi dòn!
Ráng mây khóa kín người tiên động
Đề gió nam đưa khách lạc hồn!

Nhân đàn cơ, cô hiểu thị cùng đại chúng rằng:

-"Muốn sanh về Cực Lạc, các vị cần phải có tâm trường sắt đá, niệm Phật thành một khối, ngoài không bị sáu trần

nhiễm vào, trong không bị bảy tình khuấy động, thì nơi chốn bùn nhơ sẽ có hoa sen mọc lên. Khi ấy, niệm một câu Phật hiệu, liền có một đạo hào quang phóng ra, niệm ngàn muôn câu Phật hiệu thì có ngàn muôn đạo quang minh. Quang minh đó vẫn vô tướng, từ trong phát sanh, chớ chẳng phải từ bên ngoài mà được. Đức Phật A Di Đà luôn luôn ở trước mặt các vị, tùy chỗ xuất hiện. Nếu vừa có một mảy may vọng niệm, thì ánh sáng Phật ẩn mất không lộ bày. Khi niệm Phật, cần yếu phải thường thường soi vào trong, mới phát minh được lý: "Một niệm bất thôi". Tiếng niệm Phật lại cần phải theo tâm mà khẩn thiết, mới phát sinh được nguyện lực và sức niệm mạnh mẽ vô thượng. Tâm và tiếng nên dung hòa nhau, thì ánh sáng tự tâm sẽ chói suốt bốn bề, không chỗ nào chẳng phải Phật, và không lúc nào chẳng niệm Phật, mới là đặc lực! A Di Đà gọi là Vô Lượng, nên biết đó là trí huệ vô lượng, thần thông vô lượng, từ bi vô lượng, nhiếp thọ vô lượng. Nếu không phát thâm tâm vô lượng, đâu có thể thấy được tướng Vô kiến đánh của đức Cực Lạc Bôn Sư? Thương thay cho chúng sanh! Dục niệm chưa trừ, đạo căn lần mất. Phật tuy thương xót, nhưng biết làm sao? Vậy hãy nghe lời tôi khuyên, mau cố gắng niệm Phật!".

Cách hơn tháng sau, Nhị Lâm cư sĩ lại đến Ngọc đàn, hỏi Đào Quỳnh Lâu về các tình tiết lúc lâm chung, gồm mấy điểm như sau:

- "Được biết cô đã vãng sanh, rất mừng, rất tốt!

Nhưng các ông La Đài Sơn, Châu Trọng Quân, trai giới tinh nghiêm, hoằng thệ rộng lớn, mà còn bị lạc vào vòng phước báu cõi Nhơn Thiên. Phần cô, công phu chưa thuần, giới phẩm chưa vẹn, mà lại được vãng sanh là thế nào?

Vậy quang cảnh lúc cô vãng sanh ra sao?

Và sau khi vãng sanh sự hưởng thọ như thế nào?

Đã được thấy Phật chưa?

Chùng nào lên bậc Bất thối?

Xin cô giải bày rành rẽ, để mọi người nghe biết phát tâm mến tu hành. Đây tưởng cũng là một việc hợp với bản nguyện độ sanh của cô vậy!"

Ngày ấy, Tịch Căn Bồ Tát giảng đàn thay thế dạy rằng:

-"Tháng trước ta ở biên cảnh cõi Cực Lạc thuyết pháp rồi mới đến đây, nên Đào thị nương thần lực của ta mà cùng đến. Nay ta không ghé miền ấy, nên Đào thị không đến được.

Bình nhật tuy công phu của Đào Quỳnh Lâu không sánh kịp bọn ông La Đài Sơn, nhưng lúc lâm chung chánh niệm của cô hơn các vị đó rất xa, nên cảm được đức Quán Thế Âm Bồ Tát thân lâm tiếp dẫn.

Khi lâm chung Đào thị thấy kim liên hoa hiện tiền mà vãng sanh.

Nay cô đang ở miền biên địa thế giới thất bảo, sự ăn mặc đều tự nhiên hóa hiện.

Dù cô chưa được thấy Phật, song mỗi ngày chư Đại Bồ Tát ở Cực Lạc sang biên địa thuyết pháp hai thời. Người

ting tấn sẽ lần lần sanh lên 9 phẩm, kẻ giải đãi cũng hưởng thọ được 500 năm. Một ngày ở biên cảnh Tây Phương bằng 100 năm tại miền Diêm Phù Đề này. Từ khi vãng sanh đến nay, Quỳnh Lâu tinh tấn lắm, tương lai có thể ở vào bậc Thượng phẩm hạ sanh, lên hẳn ngôi bất thối chuyển. Thời gian ấy nơi đây là 2000 năm nữa".

Cứ theo giáo điển, Tịch Căn Bồ Tát là vị Đại Sĩ từng dự pháp hội Duy Ma và Vô Lượng Thọ, lúc đức Thích Ca Thế Tôn ứng thế thuyết pháp.

Ghi chú:

(1) Một vị tìm đạo lên núi gặp lão nhơn mặc áo bát quái, chống cây gậy lê dẫn vào động Tiên. Khi ấy trời đã hoàng hôn, đường vô hang đá lại càng tối mịt. Hốt nhiên từ đầu gậy lê phóng ra ánh sáng rực rỡ soi tỏ lối đi. Đây ý nói cõi Cực Lạc có ánh sáng thất bảo tự nhiên, không cần phải dùng gậy lê phóng quang như cảnh Tiên.

(2) Kinh Pháp Bảo Đàn bản cũ có câu: “Cõi Tây Phương cách đây mười muôn tám ngàn dặm”. Câu này ám chỉ: “Nếu diệt mười tám giới là sáu căn, sáu trần, sáu thức, tức sẽ đi đến cảnh Tây Phương của tự tâm”. Nhưng về sau chư tôn đức Phật giáo cho câu này là lời hậu nhơn thêm vào, chớ không phải của Lục Tổ nói, nên gạt bỏ. Bởi trong kinh A Di Đà, đức Thích Tôn bảo: “Thế giới Cực Lạc ở về phương Tây cách đây mười muôn ức cõi Phật”, chớ không nói: Mười muôn tám ngàn dặm.

(3) Người tu thiền từ nơi không mà vào, để tâm rỗng không, nên lần lần vọng niệm chẳng khởi, chỉ thấy một màu vắng lặng. Kế đó không cảnh hiện ra, tường vách non sông đều mất hết. Nhưng đó là cảnh tạm chớ chẳng phải là chơn cảnh của tự tâm, nếu nhận chân tức bị lầm lạc. Khi chân cảnh hiện ra, sẽ tỏ ngộ nước chảy mây trôi, hoa vàng trúc biếc, đều là quê hương xưa của tự tánh. Cổ đức bảo: “Chớ nhận vô tâm là thật đạo. Vô tâm còn cách một trùng quan!”. Phá trùng quan là vượt phá hiện tượng thiên không nói trên.

BÀ BÁT QUẢN

Bà Bá Bát Quản, người ở Hàng Châu, chưa được rõ danh tánh. Bà từng đến am Hiếu Từ hỏi Đạo Nguyên hòa thượng rằng:

"Bạch ngài! Tu theo pháp môn nào, một đời có thể thoát ly biển khổ?".

Hòa thượng đáp:

"Muốn được như thế, không chi hơn môn Niệm Phật. Nhưng niệm Phật chẳng khó, mà khó ở nơi bền lâu. Niệm bền lâu chẳng khó, mà khó ở nơi nhứt tâm. Nếu người có thể buông tất cả không quản đến, chuyên lòng trì danh, thì quyết định khi lâm chung Phật sẽ đến tiếp dẫn, liền được xa lìa biển khổ!".

Bà nghe nói vui vẻ lễ tạ, trở về đem việc nhà giao cho con và dâu, rồi mở một gian tịnh thất thờ Phật, trọn ngày tu niệm ở trong đó.

Hơn một năm, bà lại đến hỏi hòa thượng rằng:

"Đệ tử từ khi được nhờ ơn chỉ dạy, đã bỏ việc nhà chuyên lo niệm Phật. Tự xét lại sự tu trì bấy lâu chưa từng thiếu sót biếng trễ, nhưng chỉ khổ vì khó được nhứt tâm. Xin nhờ ngài xót thương khai thị thêm, cho được như ý nguyện!".

Hòa thượng bảo: "Đó là bởi người tuy gác bỏ việc nhà, song còn nhớ nghĩ đến cháu con quyền thuộc. Niệm ái kia chưa dứt, thì làm sao được nhứt tâm? Nay người nên cố gắng gia công, trước tiên nhổ trừ gốc ái, buông cả muôn duyên, tất ý nguyện sẽ đạt thành!".

Bà nghe nói than rằng:

"Lời ngài dạy quả rất đúng. Đệ tử tuy không quản đến thân, nhưng chẳng thể không quản đến tâm. Từ đây nguyện xin trăm việc đều không quản đến!".

Rồi bà trở về niệm Phật thêm chuyên cần. Khi tâm ái thoát khởi động, liền đem mấy chữ "Trăm việc không quản" để dẹp trừ.

Lúc có ai hỏi đến việc đời, việc nhà, bà cũng đều dùng mấy chữ đó đối đáp. Bởi thế tên Bá Bất Quản (trăm việc không quản) của bà được thành danh và truyền khắp hương thôn.

Tu hành như thế lại hơn một năm, ngày nọ bà đến am Hiếu Từ lễ tạ hòa thượng, thưa rằng:

"Lời của ngài dạy quả xác thật không hư dối. Đệ tử sắp về Tây Phương, nên đến đây lễ tạ ơn và xin giã biệt!".

Vài hôm sau, bà không bệnh mà qua đời. Lúc ấy nhằm niên hiệu Gia Khánh năm đầu.

Lời bình:

Bá Bất Quản chỉ là danh từ ước lượng. Suy ra rộng, thì từ trăm đến ngàn, từ ngàn cho đến muôn, thấy đều không quản. Nói gọn lại, tức một việc hãy còn không quản, huống chi trăm ngàn muôn? Được như thế, duyên trần mới có thể dứt. Làm theo đây, tịnh nghiệp mới có thể thành. Hỡi ơi! Ước chi kẻ tu hành trong đời đều được như bà Bá Bất Quản này ư!

UÔNG THỊ

Uông thị người đời Thanh, quê ở Hoa Đình. Cô được cha mẹ gả cho Châu Văn Vinh năm 16 tuổi. Bên chồng nghèo thiếu, Văn Vinh đi dạy học phương xa, Uông thị ở nhà làm nghề may thuê để sinh sống. Cô rất kính tin ngôi Tam Bảo, ăn chay trường, mỗi ngày đều có tụng kinh niệm Phật.

Sau Văn Vinh đến Hồ Bắc rồi chết nơi miền đất khách. Uông thị ở nhà lâu ngày vắng bật tin tức, gắng nuôi con trai là Phương Dung cho đến khi thành lập, mới sai tìm cha. Phương Dung vượt vài ngàn dặm, trải nhiều gian khổ, kết cuộc vác được hài cốt phụ thân đem về. Quan Học Sử nghe tiếng đồn mẹ tiết hạnh, con hiếu thảo, đem việc ấy trình thừa thượng cấp, nên tại nhà được treo bày biển khen tặng. Phương Dung viết và vẽ đều khéo, thêm được gần xa mến

trọng nét hiếu hạnh, nên nhiều người tranh nhau đặt làm những bức tự họa. Nhờ đó sự sanh sống trong nhà cũng tạm rộng rãi yên lành. Lúc lớn tuổi, Ưông thị niệm Phật càng siêng năng chí thành, nguyện cho cha mẹ mình, cha mẹ chồng và chồng đều sanh về Cực Lạc.

Trong niên hiệu Gia Khánh, bà hay đau yếu, nên thường đóng cửa niệm Phật, không hỏi đến việc nhà. Lúc sắp mãn phần bà gọi Phương Dung đến bảo: "Đêm rồi mẹ mơ thấy ông nội bà nội, ông ngoại bà ngoại và cha con, đều ở cảnh Liên Hoa thế giới. Hiện thời có mây lành năm sắc nâng đỡ một cánh sen to như chiếc thuyền. Có lẽ mẹ sẽ nương theo đó mà sanh về cõi Phật chăng?". Nói xong vui vẻ niệm Phật rồi thoát hóa. Lúc ấy trong nhà có mùi thơm như hoa lan, đến khi tàn liệm còn thanh thoảng chưa tan.

Lời bình:

Điềm mộng của Ưông thị kết cuộc phù hợp với lời phát nguyện khi trước. Thế thì công đức niệm Phật có thể siêu độ cho người quá cố, nơi đây đã thấy bằng chứng rõ ràng. Hàng tiết phụ trong đời chưa hiểu lẽ ấy, nên nhỏ thì bị thương thành bệnh, lớn đến quyền sinh theo chồng. Họ đâu biết rằng khi mãn báo thân, mỗi người trong quyền thuộc đều theo nghiệp lành dữ của mình mà sanh đi các nẻo. Dù cho có gặp nhau nơi chốn huỳnh tuyền, cũng chỉ nhìn tạm đồng như khách qua đường. Duy cõi Tịnh Độ ở phương Tây, các bậc thượng thiện đều hội về một chỗ, vĩnh viễn

làm quyển thuộc liên hoa. Sự hơn kém cách nhau vực trời ấy, mong người trí nên suy nghĩ mà chọn lối đi về.

VƯƠNG, TRƯƠNG, TRẦN

Vương thị người ở Thọ Kiều, thôn Đông, huyện Cần. Khi mới sanh ra, cô đã không chịu ăn thịt cá. Quy y Tam Bảo từ thuở bé, cô được thầy cho pháp danh là Tịnh Long. Lúc về nhà chồng, Vương thị mới bắt đầu tín hướng pháp môn Tịnh Độ, chuyên cần niệm Phật. Người chồng tánh thô bạo thường mạ nhục, cô chỉ biết làm thinh nhẫn chịu mà thôi.

Hơn 60 tuổi, Vương thị tu hành càng thêm tinh tấn. Một đêm bị người hàng xóm lén đốt nhà, bà hay được dập tắt kịp. Sau nhân đến dự Phật hội chùa Bảo Lâm, một vị tăng hỏi:

- "Nếu lúc ấy nhà bị cháy, bà sẽ làm sao?".

Vương thị đáp:

- "Thân này đáng nhàm chán, giả sử lâm vào hoàn cảnh như thế, tôi sẽ nương theo nhân duyên đó mà vãng sanh!".

Hơn một năm sau, người hàng xóm lại lén phóng hỏa, lần này lửa bốc cháy nhà dữ dội. Vương thị không trốn tránh, chỉ điềm nhiên gõ mõ niệm Phật, tiếng nghe rành rẽ rõ ràng. Những người ở cách sông, ban sơ thấy khói lửa bao phủ nhà bà. Bỗng đâu giữa ánh lửa hồng, một đạo kim quang tỏa rộng bay lên xông thẳng đến mây xanh. Trong đó phượng phát có hình bóng Vương thị đang ngồi kiết già.

Khi lửa tắt tro nguội, người nhà tìm thấy di cốt của bà còn ngồi ngay thẳng trên mặt đất.

*Lại ở ấp Hạ của huyện Cần có Trương thị, cùng với Vương thị đồng sư, pháp danh là Tịnh Âm. Lòng tín hướng niệm Phật và cảnh ngộ bất đắc ý với chồng của bà cũng tương tự như Vương thị. Tuy bị trăm điều biếm nhẽ, bà vẫn không lui sụt đạo tâm. Sau Trương thị bị chứng phong co rút, nằm trên giường bệnh vài năm, song niệm Phật không xen hở. Khi lâm chung, bà chấp tay chánh niệm mà vãng sanh, mùi hương lạ bay đầy nhà.

*Và ở Định Kiều thuộc huyện Cần có Trần thị, cũng đồng sư với Vương thị, pháp danh là Tịnh Thoại. Bà là người chơn chất thật thà, đối với sự niệm Phật cầu sanh không còn chút nghi ngờ. Bà thường bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!". Lúc lâm chung bà ngồi ngay thẳng, mỉm cười niệm Phật mà vãng sanh.

Lời bình:

Vương thị và Trương thị túc nghiệp rất nặng, nên từ khi sống đến lúc chết, trải qua nhiều nỗi tủi đau gian khổ. Tuy nhiên, nhờ lòng tín nguyện bền chắc, nên kết cuộc đều được thoại ứng lúc lâm chung. Thế nên biết nghiệp nhân kiếp trước, không làm lụy được thẳng quả trong đời này. Đến như Trần thị, túc chướng nhẹ nhàng, dễ thành đạo nghiệp, sức nhẫn so lại không bền chắc bằng hai bạn kia. Song ý chí

quyết cầu sanh như kẻ một đi không quay trở lại, cũng chẳng vì nhiều lối rẽ mà lạc mê đường, khiến cho người nhìn trông gương mà tinh thần sanh phần khởi. Đây có thể gọi là "một nhà ba kiệt khách" vậy.

CHÂU THỊ

Châu thị pháp danh Diệu Đức, người ở Gia Hưng. Cô vốn bị chứng đau huyết, gả về nhà họ Hứa, đến 28 tuổi chồng mãn phần, có một đứa con trai cũng lại yếu mạng. Từ đó cô làm nghề thuê may để tự sanh sống. Nhà tuy nghèo, song thấy kẻ đói rách liền trút hết tiền giúp đỡ.

Năm Đạo Quang thứ 6, Châu thị cùng bà cô pháp danh là Diệu Viên, và biểu muội là Lập Tu, đến chùa Tinh Nghiêm thọ ngũ giới, nguyện trường chay niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Một đêm cô lên Phật đường của Diệu Viên thêm dầu, thấy hoa đèn kết thành hình lá sen, trên lá có vị Phật đứng. Châu thị vội mời bà cô và Lập Tu lên xem, cả hai cũng đều trông thấy. Tháng giêng năm Đạo Quang thứ 9, nhân vì mẹ chết, cô quá bi ai, chứng đau huyết lại tái phát. Không may thuê được, cô thường thiếu ăn, song bởi tánh trong sạch, nên chẳng muốn van cầu. Người trong xóm biết được, thay nhau thỉnh cô tụng chú Đại Bi cầu an, rồi giúp cho tiền độ nhật. Đến ngày 18 tháng 7 năm ấy, bệnh cô chuyển nặng, Lập Tu đến thăm bảo: "Nhiều người nói chị niệm Phật tinh tấn, song em trộm nghĩ tâm chị chưa chí thiết, nên bệnh chẳng được lành, cũng không thấy Phật đến

tiếp dẫn!". Châu thị nghe nói thương khóc sấm hối, càng gắng sức tu hành. Từ đó ai đến thăm hỏi, cô đều không đáp, chỉ rơi lệ chấp tay niệm Phật. Cách mấy hôm sau, một đêm vào khoảng canh ba, cô bỗng cười bảo: "Tây Phương Tam Thánh đã quang lâm đứng giữa hư không!". Nói xong, vội tắt gọi thay y phục, đốt hương niệm Phật vài mươi câu rồi vãng sanh. Cô hưởng dương được 44 tuổi.

THIỆU THỊ

Thiệu thị không rõ quê quán ở đâu, vì thân thể nghèo, già, thêm cô quạnh, nên đến ăn nhờ ở trọ nơi nhà người thân thích. Nghĩ xót cảnh khổ của mình, ngày đêm bà niệm Phật rất siêng năng chí thiết.

Năm Đạo Quang thứ 7 đời Thanh, một đêm mùa thu, bà ngồi trong nhà tối day mặt về Tây thăm niệm Phật. Bỗng tâm nhãn chợt mở, Thiệu thị thấy cảnh Cực Lạc đẹp sáng, lầu quỳnh cây ngọc, hoa sen đua nở nơi ao báu, chim lạ bay liệng giữa hư không. Mùa thu năm kế, bà lại thấy thân vàng của chư Bồ Tát, ánh sáng rực rỡ nhiệm màu. Qua mùa hạ sau, vào ngày 14 tháng 5, bà bỗng cảm bệnh nhẹ rồi vãng sanh.

Lúc Thiệu thị mãn phần, mọi người không hay biết. Có y sĩ họ Phạm nhân vào thăm mạch, thấy ánh mắt bà tươi như sống, gương mặt còn lộ vẻ mỉm cười, nhưng hơi thở đã tắt. Họ Phạm lui ra than rằng: "Đây là cái chết đẹp lành. Cảnh này trong đời cũng ít thấy!".

DU THỊ

Du thị người đời Thanh, quê ở Thường Thục, nguyên là mẹ của cư sĩ Vương Hiệu Tăng. Tánh bà rất thuần hậu, hiền hòa. Hiệu Tăng kính thờ ngôi Tam Bảo, khuyên mẹ dứt trừ thức ăn huyết nhục. Du thị nghe theo lời, trường trai được 3 năm.

Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ 20, bà đau bệnh nằm liệt nơi giường. Sang tiết hạ, bệnh càng thêm nặng. Hiệu Tăng khuyên mẹ thâm quán cảnh Tây Phương. Nhân đó bà phát tâm niệm Phật, song chưa được chuyên nhứt. Lần lựa qua vài tháng, thần thức của bà đã mấy phen vào cảnh u minh. Ban sơ thì có hai đồng tử gọi quay về, lần kế gặp Bồ Tát bảo trở lại. Đến lượt cuối cùng, Du thị trong mộng nghe Phật mách bảo: Kiếp trước mình là một vị tăng, bởi mê túc nhân nên đọa làm thân nữ. Từ đó bà ăn uống giảm lần, kế tiếp chỉ còn hơi thở mong manh. Một đêm vào khoảng canh ba, Du thị bỗng niệm Phật lớn ba bốn câu, rồi chấp tay nhìn về phương Tây bảo: "Đức Phật đã quang lâm tiếp dẫn!". Nói xong nằm nghiêng bên hữu mà qua đời. Bảy giờ nhằm ngày 25 tháng trọng hạ.

Sau đưa cháu nội lớn mà Du thị hằng yêu mến, mộng đến một cảnh có nhiều cây cao lâu đẹp, không giống cõi nhân gian. Nó muốn đi vào song bị những hàng câu lơ bao bọc quanh co ngăn cản. Bỗng đâu thấy Du thị kinh hành đến, nó liền hỏi đường lối đi vào. Bà bảo: "Nếu cháu muốn

vào thì chỉ có cách siêng năng niệm Phật!". Vừa lúc ấy đứa bé chợt tỉnh, liền đem điềm mộng thuật lại cho người nhà biết.

TIỀN NHỰ NHƠN

Tiền Nhự Nhơn, tên là Thoại Vân, người ở Thường Thục. Chồng là Tạ Phụng Ngô đau bệnh, Nhự Nhơn cầu Phật nguyện trường trai nên bệnh được lành. Trong mấy năm về ở với Phụng Ngô, cô sanh được một trai một gái và chưa từng cho chúng nó ăn đồ mặn. Kế đó cô biết pháp môn Tịnh Độ, cùng chồng xin thọ tịnh giới, nguyện dứt trừ tình ái trần duyên.

Niên hiệu Đạo Quang thứ hai mươi hai, anh là Tiên Vạn Dật vãng sanh, cô mục kích rõ điềm lành, nên lòng tín hướng càng bền chắc. Mùa đông năm ấy, đứa con trai chết, cô quá đau buồn thương khóc, bỗng chợt nghĩ lại nói: "Hay là trời muốn dứt duyên ái của ta chăng?". Rồi lần lần nguôi lòng, không để ý đến. Trong phòng vợ chồng đối diện, chỉ sách tấn lẫn nhau tu hành mà thôi. Mẹ là họ Ngô có bệnh, bị y sĩ cho thuốc làm chuyển sang chứng trầm kha rồi chết. Trước khi bà mãn phần, Nhự Nhơn niệm Phật tống chung mẹ.

Tháng 6 năm Đạo Quang thứ 25, cô bị chứng lạc huyết bệnh ngày càng gia tăng, đứa con gái cũng đau bệnh. Phụng Ngô lo ngại cô lại móng khởi niệm ái, nên sách tấn Nhự Nhơn rằng: "Chưa có ai miệng niệm Phật, lòng còn quyến

luyện Ta Bà mà được vãng sanh. Vậy nàng phải nên cố gắng!". Nhụ Nhon giật mình tỉnh ngộ, làm lễ rồi thưa: "Nhờ phu quân khai thị, tôi đã biết cảnh giác!". Rồi hương về Tây rơi lệ sấm hối, ý rất khẩn thiết. Trong cơn đau yếu, nhiều lúc cô bỗng nghe mùi hương lạ ngạt ngào. Đến ngày 20 tháng 7, đưa con gái lại chết. Nhụ Nhon bảo: "Nay chướng duyên về nghiệp ái đã dứt. Ta trải nhiều nỗi khổ, bây giờ mới được tự tại. Từ đây an ổn để vãng sanh, há chẳng là điều vui vẻ lắm ư?". Rồi không dùng cơm cháo, khát chỉ ăn trái dưa.

Bệnh triền miên tới ngày mùng 9 tháng 8, trong người cực suy yếu chỉ còn hơi thở mong manh ra vào. Nửa đêm hôm ấy cô bỗng gọi chồng bảo: "Nghiệp chướng nặng, xin vì tôi đốt liêu hương sấm hối cúng Phật nơi cánh tay". Phụng Ngô y theo lời. Ban sơ cô còn như hôn trầm mê mết, kẻ đó ánh mắt lấp lánh, chánh niệm rõ ràng. Người thân hỏi: "Có được một lòng không loạn chãng?". Nhụ Nhon gật đầu hai lần, rồi nhờ đỡ mình ngồi dậy, đôi mắt nhìn lên hư không, niệm Phật mà qua đời. Lúc ấy cô mới 31 tuổi. Qua hôm sau khi nhập liệm, đánh đầu cô còn ấm, dung mạo tươi như còn sống.

LỤC AN NHON

Lục An Nhon, tên là Trục Mai, người huyện Nguơn Hòa thuộc Tô Châu. Cô về nhà chồng là Ngô Xương Liêm, sanh được một trai, chẳng bao lâu đưa con bị bệnh chết, đến 20

tuổi lại lâm cảnh góa bụa. Do đó cô đau buồn thành ra chứng lạc huyết. Một hôm có người bạn đem tập Long Thơ Tịnh Độ Văn trao cho. An Nhơn xem rồi phát tâm niệm Phật, hôm sớm tu hành đều có định khóa. Cô khuyên ngăn việc sát sanh trong nhà, gia nhân chỉ được dùng tam tịnh nhục. Cho đến loài trùng kiến cỏ cây, cô đều đem lòng ái hộ.

Năm Đạo Quang thứ 14, An Nhơn thụ tam quy ngũ giới nơi ngài Định Công, được cho pháp danh là Sư Thọ. Kế tiếp cô đến Mậu Sơn lễ tháp A Dục Vương, thấy xá lợi trong tháp hiện ánh quang minh, từ đó lại càng gắng sức làm lành. An Nhơn từng xuất ba muôn lượng vàng sửa chùa tạo tượng và làm các công đức. Đến như việc phóng sanh lại càng siêng năng, mỗi năm tốn ngàn lượng vàng cũng không tiếc. Có kẻ chê cười cho là lãng phí, cô đáp: "Tiền của không bền, thắng duyên khó gặp, tôi muốn đem công đức đó hồi hướng cùng bốn ân ba cõi sớm chứng đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như thế có chi là lãng phí và đáng luyến tiếc ư?".

Đến 34 tuổi, bệnh cũ tái phát, thuốc thang vô hiệu. Cô phát nguyện phóng sanh mười triệu mạng, cùng lập đàn thủy lục và đại trai đàn tại chùa Sư Lâm, để làm tư lương cho sự vãng sanh. Qua nửa năm, bệnh tự lành, An Nhơn lại đốt liêu hương nơi cánh tay, phát thệ trường trai dứt tuyệt món ăn huyết nhục, khi cúng tế tiên linh và thần thánh đều dùng thức rau trái. Ngày sanh nhật tuổi tứ tuần, cô thiết lễ

cúng Phật trai tăng nơi chùa Sư Lâm. Các thân hữu đến chúc hạ, đều đem các kinh đại thừa và sách Phật ra tống tặng. Mùa thu năm ấy, An Nhơn mộng thấy đến một chỗ nước bạc nhẹ trôi, hoa tươi đua nở, cảnh đẹp khác trần. Tự mình đứng trên một chiếc cầu vàng, hương thanh lạ từ đâu tỏa thơm bát ngát. Cô thầm nghĩ: "Đây là ao thất bảo chăng? Tại sao lại không thấy Phật?". Bỗng đâu kim dung tướng đẹp đức A Di Đà hiện nơi xa đầy khắp hư không. Cô cả mừng, vội cúi xuống đánh lễ bỗng giật mình thức giấc. Sáng ra, An Nhơn đem điềm ấy thuật lại với người nhà.

Không bao lâu bệnh lại phát, y sĩ khuyên dùng mận, cô không nghe theo. Đau yếu dây dưa vài tháng, triệu chứng ngày càng nặng thêm. An Nhơn gọi người thân bảo: "Chí ban sơ của tôi là xuất gia, nay đành không mãn nguyện. Khi tôi qua đời, xin đắp y ca sa để tẩn liệm, và đừng than khóc. Việc đãi khách trong đám tang nên dùng toàn đồ chay. Bây giờ xin rước sáu vị tỷ kheo ni đến niệm Phật để giúp sự vãng sanh cho tôi!". Người nhà y theo lời. Hai ngày trước khi mạng chung, cô nhờ thân nhân thay mình thọ giới Bồ Tát. Kế đó thần thức mê loạn không tự chủ được, An Nhơn cả sợ, xin thiết bàn Phật để trước mặt, rồi chăm chú nhìn quán tượng A Di Đà luôn một ngày đêm. Đến sáng sớm ngày mùng 4 tháng 5, cô gọi vội người đỡ dậy và nói: "Đại Hòa Thượng đã đến, tôi sắp về Tây Phương!". Rồi bảo mọi người đồng niệm hồng danh, còn mình thì tay cầm hương kính Phật. Có kẻ hỏi: "Đại Hòa Thượng ở đâu?". Cô đáp:

"Đang ngồi trên bàn thờ!". Rồi day mặt về Tây ngồi ngay thẳng kiết ấn mà hóa.

Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ 28, An Nhơn được 41 tuổi.

MỘT TRĂM BÀI THƠ KỆ NIỆM PHẬT

Hán:

22. Nhứt cú Di Đà
Đắc Đại tổng trì
Chuyên nhứt thiết vật
Sử thập nhị thì.

Việt:

Một câu A Di Đà
Khiến được Đại tổng trì
Chuyên hết tất cả vật
Sử dụng mười hai thì.

Lược giải:

Đại Tổng Trì là sự thông suốt nắm giữ tất cả pháp với tầm mức lớn lao rộng rãi. "Muốn được tất cả, phải bỏ tất cả". Ví như tấm gương sáng lớn mà đem vật gì che áng ở trước, dù là một bình hoa đẹp, tất chỗ đó mất sự chiếu soi tự tại. Chơn tâm của chúng ta là tấm gương Đại viên cảnh trí, nếu chấp giữ một pháp nào, dù đó là Phật lý cao siêu mầu

nhiệm, tất cũng sẽ bị kém mất sức chiếu soi tự tại, sự thông suốt tất cả pháp. Như thế làm sao được Đại tổng trì? Kinh nói: "Thấy biết mà giữ sự thấy biết là gốc vô minh. Thấy biết không giữ sự thấy biết, đó mới chính Niết Bàn". (Tri kiến lập tri, tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết Bàn). Cho nên chuyên nhứt câu niệm Phật, xả bỏ tất cả, hành giả quyết sẽ được Đại tổng trì, Đại tam muội.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu chuyển được vật, tức đồng với Như Lai". (Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai). Chúng sanh tâm thường hướng ngoại, không biết các pháp là huyền, cho nên bị cảnh lục trần xoay chuyển, như con trâu lâm cảnh xô vằm dắt đi, hằng chịu sự phiền não buộc ràng không được tự tại. Nếu quán xét các pháp là huyền, giữ một câu Phật hiệu xoay chiếu vào trong, thì tâm lần lần thanh tịnh tự tại, sẽ làm chủ được các pháp, không còn bị các pháp sai sử làm chủ nữa. Đó gọi là "chuyển vật" là đồng với Như Lai. Trái lại, tức là bị vật chuyển, đồng với chúng sanh vậy.

Ấn Quang pháp sư bảo: "Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn!" (Nhứt tâm vô trụ, vạn cảnh câu nhàn). Khi tâm trụ nơi các pháp, thì thấy thời gian có lâu mau, bị cảnh giới làm cho loạn động, sanh niệm ưa, chán, ghét, thương, khổ, vui, cùng vô lượng phiền não. Như trên, khi hành giả giữ câu niệm Phật thanh tịnh, không để cho vật chuyển, thì trong mười hai thời của ngày đêm, hằng được nhàn nhã tự

tại, tùy ý sử dụng mọi sự, việc nào đáng làm trước hoặc làm sau đều theo tuần tự, chẳng khác vị đông y sĩ tùy nghi sử dụng các học thuốc của mình.

Tóm lại, nếu khéo biết tu hành, thì cách tự tại sử dụng trong mười hai thời, sự làm chủ xoay chuyển các pháp, cho đến chứng đắc cảnh giới Đại tổng trì, then chốt đều do ở nơi câu niệm Phật.

Hán:

23. Nhứt cú Di Đà

**Tánh bản tự không
Tinh day cung Bắc
Thủy tận triều Đông.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tánh thể vốn tự không
Các sao châu Bắc đẩu
Muôn nước chảy về Đông.

Lược giải:

Một tín nữ đến thuật lại với bút giả: "Có vị sư cô bảo con bỏ hết đưng nên niệm Phật nữa, hãy để lòng yên lặng cho tâm không cảnh không, mới mau ngộ đạo!". Bút giả nói: "Các pháp đều như huyễn, câu niệm Phật cũng như huyễn, tự thể của nó đã là không rồi, cần gì phải bỏ? Nếu muốn

chúng được tâm không cảnh không, mà còn ngại câu niệm Phật, còn bác bỏ sự tướng, thì đó chính là thiên không hay ngoan không (cái không thiên lệch, trống rỗng, cứng chắc) của ngoại đạo, chớ chẳng phải ý nghĩa chân không của Phật pháp. Ý nghĩa chân không chân chánh của đạo Phật ở ngay nơi tất cả cái có thuộc mọi sự tướng, mà không chấp thấy là có (Chân không bất không, diệu hữu phi hữu). Chẳng phải riêng sư cô ấy lạc lầm, trong hiện tại có rất nhiều vị tu học Phật pháp đã sa vào hầm hố đó. Thật là điều không may và đáng thương cảm!". Nay nhân tiện xin tạm mượn sự việc trên để giải thích về ý nghĩa "Tự không" của câu niệm Phật.

Theo quan niệm địa dư xưa, người Trung Hoa cho rằng vùng đất của loài người ở là một châu lớn, chỗ họ cư trú thuộc Trung Quốc. Phía Đông của châu ấy là biển cả, muôn dòng nước ở lục địa đều chảy ra đó. Người Việt Nam hấp thụ văn hóa Trung Hoa, cũng đồng với quan điểm ấy. Bởi thế cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm mới có câu: "Hồng Nhật đông thăng tri đại hải. Bạch Vân tây vọng thị thân châu". Và theo thiên văn học xưa, người Trung Hoa bảo rằng các vì sao đều châu hướng về ngôi Bắc đẩu. Để dẫn giải cho Phật pháp, Triệt Ngộ đại sư cũng phương tiện mượn quan niệm thế gian ấy mà làm thí dụ. Bởi tất cả pháp đều từ nơi biển chân không lưu xuất, và đều tan về chân không. Bên tông Tịnh Độ gọi thể chân không đó là Tự tánh Di Đà. Bài kệ trên đại ý: Câu niệm Phật tánh vốn tự không, khi hành giả từ khởi điểm này tu tiên chứng thể tánh ấy một cách viên

mãn, sẽ thức ngộ muôn pháp từ nơi đó mà lưu xuất, lại cũng qui nhập về nơi đó. Như sao Bắc đẩu làm chủ muôn sao, muôn sao châu về Bắc đẩu, biển Đông dâng nước vào các sông ngòi, nước sông ngòi đều đổ về biển Đông vậy.

Hán:

24. Nhứt cú Di Đà

Pháp giới duyên khởi.

Tịnh nghiệp chánh nhân

Bồ Đề chủng tử.

Việt:

Một câu A Di Đà

Là duyên khởi pháp giới

Chánh nhân của tịnh nghiệp

Và chủng tử Bồ Đề.

Lược giải:

Phật Pháp chia thành hai hệ: Không tông và Hữu tông. Không tông đề ra thuyết Chân như duyên khởi; Hữu tông đề ra thuyết A lại da duyên khởi. Dung nhập vào trung đạo, tức Nhứt chân pháp giới, thì Không và Hữu chẳng khác, Chân như tức A lại da. Đây ý nói câu niệm Phật là huyễn hữu, cũng lại là chân không, duyên khởi điểm của nó từ nơi pháp giới mà có và cũng lại dung hòa tan về pháp giới. Vậy câu niệm Phật là Pháp giới duyên khởi, gồm Chân như cùng

Lại da duyên khởi, dung nhiếp cả Hữu Không. Bởi thế nên niệm Phật là chánh nhân của tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp đây gồm bốn Tịnh Độ mà tiêu điểm cuối cùng là cõi Thường Tịch Quang. Và niệm Phật cũng là hạt giống Bồ Đề đưa đến sự toàn giác, gồm giác ngộ mình, giác ngộ chúng sanh, hạnh giác ngộ đầy đủ.

Hán:

25. Nhứt cú Di Đà

Như cảnh chiếu cảnh.

Uyển chuyển hỗ hàm.

Trùng điệp giao ánh.

Việt:

Một câu A Di Đà

Như gương chiếu các gương.

Uyển chuyển ngậm bóng nhau

Điệp trùng giao chói sáng.

Lược giải:

Đời Đường, Hiền Thủ đại sư khi giảng kinh Hoa Nghiêm đến nghĩa: "Vô tận pháp giới trùng trùng Đế võng". Ngài phương tiện dùng mười mặt gương tròn lớn, để tám hướng và trên dưới mỗi chỗ một tám, cách nhau độ hơn trượng và đều cùng đối diện. Chính giữa lại an bài cốt Phật, rồi thắp một ngọn đèn sáng để soi. Lúc ấy học chúng đều

thấy trong mỗi mặt gương nổi hiện lớp lớp tượng Phật và ánh sáng. Nhân đó tất cả đều hiểu ý nghĩa: Biển quốc độ giao chiếu xen lẫn nhau lớp lớp điệp trùng, không cùng tận, không ngần mé. Đây là cảnh tượng trang nghiêm của Hoa Tạng thế giới hải. Bài kệ trên ý nói: Câu niệm Phật sẽ đưa hành giả vào cảnh đại trang nghiêm không cùng tận đó. Cho nên niệm Phật chẳng phải là pháp thấp kém thông thường. Đã có bài kệ khen ngợi.

Niệm Phật vào tướng thật
Chúng biết Phật với Phật.
Cảnh vô tận trang nghiêm
Môn Đại ba la mật!

Hán:

26. Nhứt cú Di Đà

**Tợ không hợp không.
Liễu vô ngân phùng
Khước hữu Tây Đông.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Nhu không hợp hư không.
Tuyệt không chút lẫn dẫu
Nhưng vẫn có Tây Đông.

Lược giải:

Đem một ly nước đổ vào chậu nước thì nước cùng nước dung hòa nhau, không làm sao tìm thấy lẫn dấu. Khi trút nước ra, khoảng hư không trong ly hợp với hư không bên ngoài, cũng tuyệt không lẫn dấu. Hành giả niệm Phật, nếu trong quên thân tâm, ngoài quên cảnh giới, chẳng thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, thì tâm rộng rang hồn nhiên, dung hợp với thể tánh chân không. Tâm cảnh ấy chẳng phải trống rỗng không có chi, vì như thế là lạc vào ngoan không của ngoại đạo. Trái lại, hiện tượng chân không ấy sáng suốt vô tận bao hàm muôn pháp, vẫn có đầy đủ màu sắc của cỏ cây, sông, núi, trời mây, vẫn có các phương hướng, cho đến cõi Ta Bà thuộc phương Đông, cõi Cực Lạc ở phương Tây. Đó mới đích xác tánh không chân chánh, cũng gọi là Như Lai nhứt thật cảnh giới.

Thuở xưa có vị cư sĩ đến hỏi đạo một cao tăng ở chốn sơn lâm. Bậc thượng nhân này không đáp duy trở mây trên trời cùng cái bình đựng nước của mình. Tuy nhiên tuệ căn đã sẵn, vị cư sĩ liền ngộ vào thể đạo, tức thật tánh chân không, liền làm bài kệ, trình lên rằng:

Luyện được thân hình tợ hạc hình
Ngàn thông tươi tốt mấy pho kinh.
Ta nay hỏi đạo không chi khác
Mây ở trời xanh, nước ở bình!

Niệm Phật đến chỗ vô niệm, sẽ dung hợp với tánh không bao la, tìm không thấy mỗi mang dấu vết, mà vẫn đầy đủ tất cả, không thêm bớt là như thế.

Hán:

27. Nhứt cú Di Đà

**Nhứt Đại tạng kinh
Tung hoành giao thái
Tuyệt đãi u linh.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một Đại tạng kinh
Dọc ngang giao chói sáng
Tuyệt đối, thể u linh.

Lược giải:

Có một độ, bút giả vừa tụng xong bộ kinh Hoa Nghiêm, tâm niệm bỗng vắng lặng quên hết điều kiến giải, hồn nhiên viết ra bài kệ sau:

Vi trần phâu xuất đại thiên kinh
Nghĩ giải thiên kinh không dịch hình!
Vô lượng nghĩa tâm toàn thể lộ
Lưu oanh hựu chuyên tịch thường thinh.

Bài kệ này có ý nghĩa: Chẻ hạt bụi cực vi để lấy ra tạng kinh rộng nhiều bằng cõi Đại thiên thế giới. Tạng kinh ấy đã từ điểm bụi cực vi nơi không tâm diễn ra, thì tìm hiểu nghĩa lý làm chi cho một tâm hình? Tốt hơn là nên trở về chân tâm, bởi tâm này đã sẵn đầy đủ vô lượng vô biên diệu nghĩa, lúc nào cũng lồ lộ hiện bày. Kìa chim oanh bay chuyền trên cành cây kêu hót, đang nói lên ý nghĩa chân thường vắng lặng ấy!

Câu niệm Phật cũng thế, nó bao hàm vô lượng vô biên nghĩa lý nhiệm màu, đâu phải chỉ một Đại tạng kinh? Gọi một Đại tạng kinh chỉ là lời nói ước lược mà thôi. Khi niệm Phật dứt hết vọng tưởng, đi thẳng vào chân tâm hay vô lượng nghĩa tâm, thì ánh sáng tự tâm phát hiện dọc ngang chói suốt bốn bề. Tâm cảnh ấy dứt hết sự đối đãi, u linh nhiệm màu không thể diễn tả!

Hán:

**28. Nhứt cú Di Đà
Nhứt Đại tạng luật.
Miết nhĩ tịnh tâm
Giới ba la mật.**

Việt:

Một câu A Di Đà

Là một Đại tạng luật.
Chớp mắt vào tịnh tâm
Đủ Giới ba la mật.

Lược giải:

Câu niệm Phật đã bao hàm đầy đủ nghĩa lý của một Đại tạng kinh, thì đối với một Đại tạng luật nó cũng như thế. Vì luật chẳng ngoài nhiếp giữ thân, khẩu, ý cho trong sạch. Và thân, khẩu, ý lại không ngoài tâm, nếu tâm thanh tịnh thì ba nghiệp cũng đều trang nghiêm thanh tịnh. Luật nói: "Phật chế tất cả giới, mục đích để trị tất cả vọng tâm. Nếu không có tất cả vọng tâm, thì cần chi dùng tất cả giới?" (Phật chế nhưt thiết giới, vi trị nhưt thiết tâm. Nhược vô nhưt thiết tâm, hà dụng nhưt thiết giới?)

Cho nên khi niệm Phật, thoáng chốc dứt hết vọng tưởng đi vào tịnh tâm, tức đã đầy đủ Giới ba la mật rồi. Ba la mật là "Bờ bên kia", là nơi giải thoát rốt ráo. Niệm Phật thanh tịnh, tức đã đầy đủ sự giữ giới đến bờ cứu cánh giải thoát vậy.

Hán:

29. Nhưt cú Di Đà
Nhưt Đại tạng luận.
Đương niệm tâm khai
Huệ quang như phúng.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một Đại tạng luận.
Đương niệm tâm mở thông
Ánh huệ tuôn vô tận.

Lược giải:

Như trên, câu niệm Phật đã bao hàm Kinh, Luật, tất nhiên đối với Luận cũng như thế. Kinh Viên Giác nói: "Trí tuệ sáng sạch vô ngại, đều từ nơi thiên định mà sanh". Niệm Phật thanh tịnh chính là thiên định, từ định phát sanh trí huệ. Đã có trí huệ thì nguồn biện luận sẽ vô cùng. Từ vô ngại biện cũng từ nơi niệm Phật thanh tịnh tâm cảnh mở sáng, mà tuôn trào như suối chảy.

Hán:

**30. Nhứt cú Di Đà
Nhứt tạng bí mật.
Phát bản thần thông
Cụ đại uy lực.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một tạng bí mật.
Phát nguồn cội thần thông
Đầy đủ uy lực lớn.

Lược giải:

Câu niệm Phật đã gồm ba tạng của Hiền giáo lại cũng đủ thần thông uy lực của bí tạng Mật giáo. "Bản thần thông" là thần thông sẵn có, phát sanh từ nguồn gốc chân tâm, không phải do tập luyện mà được. Niệm Phật công thuần đến mức thanh tịnh, cũng như người có sẵn tiền muốn mua món gì cũng được. Dùng công đức niệm Phật để cầu an, cầu siêu, trừ tai nạn, trị đau bệnh, hàng tà ma, sám tội chướng, cầu phước huệ duyên lành, nguyện sanh lên cung trời hoặc về cõi Phật, cho đến cầu Đại Niết Bàn cũng đều thành tựu. Tất cả uy lực thần thông cũng từ câu niệm Phật mà phát sanh. Như thuở xưa, Thiên Đạo đại sư khi niệm Phật, mỗi câu đều có một luồng ánh sáng phóng ra. Một đại sư về Tịnh tông bên Nhật Bản, mỗi câu niệm hồng danh, trong miệng bay ra một vị Phật. Liên Trì đại sư lúc dân chúng nhờ đảo võ, ngài chỉ ra ngoài đồng gõ mõ niệm Phật, đi tới đâu mưa rơi đến đó. Niệm Phật tùy ý phát ra thần thông uy lực là như thế.

Hán:

31. Nhứt cú Di Đà

Hồn toàn Đại tạng

Giới, định, huệ quang

Lưu xuất vô lượng!

Việt:

Một câu A Di Đà
Gồm toàn cả Đại tạng.
Giới, định, huệ ánh màu
Tuôn ra không hạn lượng!

Lược giải:

Bài kệ trên nói tổng quát về sự bao hàm các Đại tạng của câu niệm Phật. Các Đại tạng đây, gồm Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng, Tập tập tạng và Bí mật tạng. Tập tập tạng nói về các pháp Đại thừa cũng gọi Bồ Tát tạng. Bí mật tạng gồm các phương thức đàn, ấn, chú, mở một lối tu đặc biệt, gọi là Kim Cang thừa.

Đường lối chứng lên thánh đạo không ngoài căn bản giới, định, huệ, nhưng chỉ một câu niệm Phật đã gồm đủ. Niệm Phật nhiếp thân, khẩu, ý trong sạch là Giới. Niệm Phật thanh tịnh lòng không loạn động là Định. Niệm Phật sáng suốt dứt hết vọng tưởng điên đảo là Huệ. Hành trì như thế, công càng dày, niệm càng sâu, thì ánh nhiệm màu của giới, định, huệ, càng sáng tỏ và chiếu xa đến nơi vô cùng tận!

LUẬT TỊNH

Thích Luật Tịnh tự Minh Triệt, họ Tiền, người huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Ban sơ sư xuất gia nơi am Tứ Thánh ở Hàng Châu, kế đó qua am Đức Ninh tại Đông

Viên, chuyên tụng kinh Pháp Hoa làm nhứt khóa. Sư hành trì như thế suốt hai mươi năm không gián đoạn.

Một hôm có vị tăng đồng bạn là Giới Thừa bảo rằng: "Đạo tâm của thầy đã bền chắc như thế, nếu sau khi tụng kinh, thêm niệm Phật hồi hướng lại càng quý hơn. Thuở xưa Trí Giả đại sư đã chứng Pháp Hoa tam muội, còn cầu sanh về Tịnh Độ, sao pháp hữu chẳng lấy đó làm gương?". Nhân trao cho quyển Tịnh Độ Thập Nghi Luận để khuyến tấn. Luật Tịnh xem xong chột như tỉnh ngộ, từ đó sau mỗi thời kinh, đều niệm Phật hồi hướng về Tây Phương. Tu hành như thế lại hơn một năm, vào tháng bảy niên hiệu Gia Khánh thứ mười một, sư bảo đệ tử là Tăng Tú rằng: "Trước tiết Trung Thu, thầy sẽ sanh về Cực Lạc". Đến ngày mừng hai tháng tám, lại bảo: "Vào giờ Mão ngày mừng bảy là thời khắc vắng sanh". Hàng đệ tử hỏi duyên do đâu mà biết được, Luật Tịnh cười nói: "Ao thành trắng hiện!". Đến kỳ hạn, các môn đồ tập họp, thấy Luật Tịnh đã đắp y mới, ngồi kiết già nơi pháp tọa. Chư tăng ở gần quanh đều tới muốn trợ niệm, Luật Tịnh ngăn lại bảo: "Sự dụng công toàn do lúc bình nhứt, để khát nước mới đào giếng nào có ích lợi gì?". Rồi dời vào ngồi trong khám gỗ, lưu kệ rằng:

Cõi tạm tùy duyên sáu chín năm,
Này lời chân thật khắp khuyên răn.
Buông tay cùng thẳng về Tây độ,
Trăng thượng tuần lên sáng mặt đằm!
Viết kệ xong, chấp tay niệm Phật mà hóa.

Lời Bình:

Chư tôn đức khi xưa, lúc lâm chung đều bảo đại chúng cao tiếng xưng hồng danh Phật. Như thế đủ thấy rõ duyên trợ niệm rất là khẩn yếu. Lời của Luật Tịnh bảo chờ khát mới đào giếng là vô ích, chúng tỏ công hạnh của sư đã đến mức thuần thực, mục đích khuyên người lúc bình nhật phải gắng tinh tấn mà thôi. Những vị tam muội chưa thành, rất không nên mượn câu nói ấy để phô trương. Dù cho đã đắc tam muội, cũng cần đề xướng sự trợ niệm làm thành quy củ lợi ích khắp tất cả. Cho nên, lời nói trên tuy cao, nhưng không đủ để làm pháp tắc.

HUỆ MINH

Thích Huệ Minh, người đời Thanh, quê ở huyện Cần thuộc Ninh Ba. Sau khi xuất gia, sư thường trụ nơi chùa Báo Quốc tại Hàng Châu. Tánh sư ngay thật, duy biết trì câu hồng danh, mỗi khi niệm Phật tiếng liên tiếp tuôn tuôn như suối trào, nên tắt hương tàn dường như không hay biết. Được của cúng dường, Huệ Minh liền mua vật mạng phóng sanh, tùy xưng danh hiệu Phật hồi hương về Cực Lạc. Gặp người sư chẳng hỏi thăm chuyện hàn huyên, chỉ bảo: "Cái chết sắp đến gần, hãy mau gắng niệm Phật!".

Hàng tăng tục nơi miền đất Việt biết công hạnh của sư, mỗi khi gặp cơn nguy nạn hoặc yếu đau, thường rước đến niệm Phật để cầu nguyện. Có người hỏi chỗ sở đắc, sư đáp: "Tôi nhớ lúc trước bị bệnh nhiệt mỗi ngày càng tăng, cơ hồ

không tự gắng gượng nổi. Nhưng rất may trong ý căn danh hiệu Phật câu này đội câu khác mà tuôn ra liên miên chẳng dứt. Nhờ đây nên tiêu trừ ma bệnh, thân thể lần an lành. Từ đó về sau, không luận nói nín động tịnh, đều có hồng danh Phật câu này đội câu kia mà hiện ra". Năm Gia Khánh thứ mười hai, Huệ Minh đau ung thư phía sau cổ, song tuyệt chẳng rên than. Khi lâm chung nhan sắc hòa vui, tay lần như lần chuỗi, niệm Phật giây lâu rồi viên tịch.

Trước lúc ấy, một người ở thành Hàng Châu mộng thấy vị tăng quen biết đã mất phần là Huỳnh hòa thượng bảo: "Ta khuyên người quy y sư Huệ Minh, người lần lựa mãi nên không đi đến kết quả. Nay vị sư ấy sẽ sanh về Cực Lạc nội trong tháng này, nếu chần chờ tất không còn kịp nữa. Nên mau qua cầu thỉnh, pháp danh của người là Đại Thông đã định sẵn rồi". Thức giấc người đó lấy làm lạ, sáng ra tới chùa thăm dò, thì chứng ung thư của Huệ Minh phát hiện rất nguy kịch. Ông ta vội trở về mời năm người đồng bạn đến cầu xin quy y. Sư hứa nhận, đến khi trao cho pháp danh, tự tay biên năm chữ vào năm miếng giấy nhỏ vo tròn để bên đài đựng hương rồi bảo: "Ta bị bệnh nên không thể mỗi mỗi dặn dò. Chữ dưới của pháp danh đều là chữ Thông, còn chữ trên các người tùy duyên mà bắt thăm lấy một". Người đó bắt được chữ Đại, đúng như vị hòa thượng trong mộng đã cho biết trước".

KHỞ TÍN

Thích Khởi Tín, tự Hương Hải, họ Đan, người ở Phú Xuân. Cha là Hoa Tạng, rộng thông về nội điển, tỏ suốt việc hướng thượng, khuyến tấn Khởi Tín bảo xuất gia. Sau khi thoát bạch (bỏ y phục đời), sư qua Nam Bình cầu giới, thầy dạy tham cứu chữ "Thù". Khởi Tín dụng công hết sức hành trì, thường suốt đêm không ngủ, ngồi thẳng trên bồ đoàn như hình tượng gỗ.

Niên hiệu Gia Khánh năm đầu đời Thanh, vào ngày rằm tháng bảy, sư lên viếng cảnh Ngô Sơn. Lúc tới nơi vào khoảng đầu hôm, đèn đuốc thấp giăng như hội hoa đăng, ánh sáng rục rỡ chói lòa cả mắt. Xúc chạm cảnh ấy, Khởi Tín chợt tỏ ngộ, khi trở về đem trình lại với cha. Hoa Tạng ấn khả, lại bảo đi tham vấn khắp hàng tri thức. Sư vâng lời, đi lần đến Tô Châu, gặp ngài Nhất Truyền khai thị cho pháp môn Niệm Phật. Sau khi đó, Khởi Tín trở về Hàng Châu, đóng cửa nhập thất nơi am Cổ Mai, mỗi ngày niệm mười muôn câu Phật hiệu. Lúc ra thất, ngẫu nhiên làm thi, đều chỉ hướng về Tịnh Độ. Sư có bài Niệm Phật Ca như sau:

Niệm Phật mau

Duyên tới hảo!

Quét sạch trần tâm muôn vọng ảo

Trón cha mấy lúc ruỗi phong trần

Quán khách nhiều phen hôn mộng nảo!

Chẳng tham thiền

Không nghiên giáo!

Ngồi tịnh lò hương khói vi nhiễu
Hỏi tìm khắp chốn biết về đâu
Tham phỏng chừng nao ngày kết liễu?

Đừng cầu ngoài
Trong lặng chiếu!

Vật áo ma ni vô giá bảo
Tùy nơi hiện sắc rất phân minh
Sáu nẻo thân quang đâu chút thiếu!

Nước lững lờ
Non cao ráo
Trong tịnh nhìn xem đều cảnh diệu
Cười ai danh lợi luống bôn ba
Bỏ sự nhàn vui mê lối đạo!

Trăng lặng mờ
Chuông sáng báo
Cậy mình dung sắc chưa suy lão
Xưa nay hiện triết số hằng sa
Ai chẳng xương tàn vùi bích thảo?

Chỉ tâm này
Không thọ yếu
Thoát ly biển khổ vòng điên đảo
Trăm năm thân thể tợ không hoa

Khám phá không hoa đời cũng hảo!

Nương gậy bình

Mang bát áo

Thanh thân muôn duyên vui với đạo

Kiếp sanh định số đã an bài

Tánh Phật thiên chân đâu phải tạo?

Ăn am tranh

Bền tiết tháo

Quan khó khiến sai, vua khó triệu.

Trọn ngày ngồi tịnh dứt tâm cơ

Bích nhãn hồ Tăng nhìn chẳng thấu!

Mưa song mai

Trăng rèm liễu

Canh rau cơm đỏ tùy duyên liệu

Dám rặng đóng cửa mền thanh cao

Cũng chẳng nhìn ai hèm kém thiếu!

Sống ít quen

Chết chẳng điều

Hơi tắt dẫy da quàng mảnh chiếu

Vùi chôn thiêu hóa mặc tình người

Khỏi bận cháu con hiền, bất tiếu!

Vui vẫn điềm
Khổ chẳng yếu
Cõi mộng phù sanh đà thấu hiểu
Khắp khuyên quảng phút gánh ưu phiền
Cùng nhau ca khúc hoàn hương điệu!

Có đôi lời
Rất giản yếu

Đời người tợ lưới giăng phi điều.
Lưới giăng muốn thoát phải làm sao?
Niệm Phật về Tây, phương tối diệu!

Năm Gia Khánh thứ mười bảy, ngày mười chín tiết
Mạnh đông, Khởi Tín viên tịch nơi am Ân Tu ở Đông Viên.
Trước khi lâm chung, sư tắm gội thay y phục, rồi ngồi kiết
già niệm Phật mà qua đời, hưởng dương ba mươi bảy tuổi.
Người thân cận dò xem thấy đánh nóng tợ lửa. Lúc đem
liệm vào bảo khám, thi thể nhẹ như bông. Hoa Tạng đến
thăm, tặng đôi liễn khen ngợi rằng:

Nóng đánh quyết sanh An Lạc quốc
Nhẹ thân hiển rõ Niết Bàn tâm!

ĐÔNG QUA HÒA THƯỢNG

Đông Qua hòa thượng, họ Tôn, sót mất tên, người ở
Hàng Châu. Tánh ông ưa ăn trái đông qua (trái bí), nên
nhiều người gọi lâu thành tên. Ông xuất gia ở am Hoa
Nghiêm, tánh trầm lặng, suốt ngày đi dạo ở chợ phố, dù tiết

lạnh nóng cũng không mấy khi vắng mặt. Trải hơn mười năm như vậy, không ai lường biết là người thế nào? Hòa thượng thân thiện với vị tăng ở am gần bên là Huệ Chiêu. Trước khi viên tịch một tháng, ông bảo Huệ Chiêu rằng: "Ngày mùng sáu tháng giêng năm tới, tôi về cõi Cực Lạc, xin thầy niệm tình đến đưa nhau!". Tới kỳ hạn, hòa thượng đi phó trai nơi am Pháp Huệ trở về thấy Huệ Chiêu đã có mặt ở tịnh thất, liền hỏi: "Thầy đến đây có việc chi?". Chiêu cười đáp: "Ngài nói hôm nay về Tây Phương, nên tôi lại đây theo lời ước hẹn!". Hòa thượng bảo: "Thầy không nhắc, cơ hồ tôi quên mất!". Nói đoạn, vội tắm gội thay y phục, lễ Phật xong, bảo Huệ Chiêu rằng: "Đã về Phật, chẳng thể không có lời kệ để lưu niệm. Xin thầy vì tôi mà ghi chép!". Rồi đọc kệ rằng:

Trọn ngày đạo phổ phùng,
Trong lòng niệm Phật luôn.
Thế nhơn đâu biết được?
Riêng có một thiên đường?
Thuyết kệ xong, vui vẻ niệm Phật mà hóa.

Lời bình:

Tới ngày về Phật mà quên, sự sống chết sao tự do đến thế? Xét kỹ nguyên nhân, cũng không chi khác, đó là tâm cùng Phật tương ưng mà thôi! Công phu niệm Phật của người thời nay, mỗi ngày chỉ một ít giờ, tâm lại không thường được chuyên nhất. Như thế mà muốn khi lâm chung cảm thối ứng, chẳng cũng là chuyện khó hy vọng lắm ư!

NGỘ LINH

Thích Ngộ Linh, hiệu Huyền Như, con nhà họ Kim ở Hải Xương tỉnh Triết Giang. Từ thuở bé, sư đã có chí xuất trần, thấy Phật liền cúi lạy. Đến chín tuổi nhân hay đau yếu, xin với cha mẹ cho mình xuất gia. Được chấp thuận, sư xuống tóc nơi chùa An Quốc, lễ thượng tọa Tượng Lũng làm thầy. Về sau lại thọ giới cụ túc tại chùa Chiêu Khánh ở Hàng Châu.

Bấy giờ ngài Tất Đản Thuận đang mở hội Niệm Phật tại Lưu Thủy Cư ở Tô Châu. Ngộ Linh nghe biết đến xin tham dự, sáu thời trì niệm không biếng trễ. Kế tiếp sư tuần tụng các kinh: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, mỗi chữ một lạy. Thuận công thấy hai lòng bàn chân của sư đầy đặn bằng phẳng, liền truyền cho y phát. Đối với pháp môn Tịnh Độ, Ngộ Linh tin chắc không dời đổi nghi ngờ. Cha mất sớm, sư khuyên mẹ là Châu thị niệm Phật cầu vãng sanh. Sau quả nhiên bà mẹ không bệnh, niệm Phật mà thoát hóa. Người anh của sư là Liên Ân thấy thế, cảm động quyết chí xuất gia.

Sau khi Thuận công thị tịch, Ngộ Linh nối tiếp hoằng hóa ở Nam Thiên ba năm, rồi về qui ẩn nơi am Vi Đà tại Tòng Giang. Nơi đây sư cùng anh là Liên Ân nung nấu trong vài gian am tranh thanh vắng, lấy niệm Phật làm nhứt khóa. Một đêm đang khi thiền quán, Ngộ Linh thấy các ngôi sao trên trời từ bốn phương tụ họp lại thành bốn chữ

Úc Phật Niệm Phật. Mỗi chữ đều vuông rộng hơn một trượng, ánh sáng rực rỡ chói lòa. Từ đó đôi mắt của sư lấp lánh có thân quang, kẻ tăng tục cho đến hàng nông mục công thương, trông thấy đều sanh lòng kính mến. Số người cảm hóa niệm Phật theo không dưới vài ngàn.

Ngộ Linh đã chuyên chí nơi tịnh nghiệp, nghĩ đến sau khi bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ra đời, từ đó tới giờ bậc cao hạnh niệm Phật cũng nhiều, chẳng nên để cho mai một. Vì thế sư ra công sưu tầm dò hỏi các sự việc vãng sanh, góp lại viết thành một quyển nhan đề là Nhiễm Hương Tập. Tập này ghi chép từ đầu năm Gia Khánh trở về sau, những vị nhiễm hương niệm Phật được vãng sanh đều không bỏ sót, trải năm năm mới hoàn thành, và khắc bản cho lưu hành nơi đời. Mùa xuân niên hiệu Đạo Quang thứ tám, sư bị bệnh nấc hơi, biết mình không sống lâu, liền cho mời các hàng liên hữu đến khuyên tấn và định hạn kỳ giã biệt. Sư lại tự đặt cho mình hai câu đối để nơi Ảnh đường như sau:

Nê ngư hồng lạc giang tâm nguyệt

Mộc mã tê quy hải thượng vân.

(Ngựa gỗ hí gom mây mặt bể

Trâu bùn rông lọt nguyệt lòng sông).

Kế đó Ngộ Linh tuyệt thuốc thang, một lòng niệm Phật cầu sanh. Sang tháng năm bệnh tăng nhiều, có ai đến viếng thăm, sư chỉ bảo: "Sống chết là việc lớn lao, mỗi người phải tự gắng sức!". Rồi lâm râm niệm Phật, không đề cập đến việc chi khác. Tới ngày mười bảy, sư ngồi ngay thẳng

hướng về Tây niệm Phật. Có vị tăng hỏi: "Một câu sau rốt (mạc hậu cú) khi sắp đi là thế nào?". Sư đáp: "A Di Đà Phật!". Giây lát, tiếng niệm thấp nhỏ dần rồi lặng lẽ mà hóa, tuổi đời được sáu mươi một, Tăng lạp ba mươi lăm. Ba ngày sau mới nhập khám, dung mạo còn tươi như sống.

VIÊN DUNG

Thích Viên Dung, tự Trúc Phong, họ Diêu, người ở huyện Đức Thanh thuộc Hồ Châu. Sư xuất gia nơi chùa Yên Hà tỉnh Thạch Ốc tại Hàng Châu năm hai mươi tuổi. Kế đó đến chùa Chiêu Khánh học luật, thọ giới cụ túc, giữ gìn rất nghiêm cẩn. Sư chuyên cần lễ niệm, lấy sự vắng sanh Tịnh Độ làm chí nguyện quyết định trong một đời.

Viên Dung không lãnh chùa am, hằng nương theo tăng chúng mà tu, bảo rằng làm thế để cho khỏi sự dụng tâm tạp loạn. Sư cũng chẳng nhứt định ở một chỗ, hợp thì ở không hợp thì đi, ý khí rảnh rang không cố chấp. Tùy chỗ ở, sư không thích theo chư tăng làm công việc, cầu xin với đại chúng đóng cửa để tịnh tu. Hằng ngày Viên Dung nếu không lễ bái thì niệm Phật, không niệm Phật tất lễ bái, hoặc có khi lễ niệm song hành chẳng lúc nào gián đoạn. Sư cũng chẳng xen thêm pháp tu nào khác, chỉ hành trì theo hai phương thức ấy đến trọn đời. Có nhiều lúc từ giờ ngọ, sư gõ mõ niệm Phật tiếng nghe rành rạnh trải suốt đêm cho đến xế hôm sau. Chúng tăng thấy tụng niệm mãi không thôi, lớn tiếng nhắc gọi, sư mới nghỉ. Đồng bạn hỏi: "Niệm lâu như

thể không mỏi mệt và đói khát hay sao?". Sư đáp: "Đâu có chi lâu, tôi thấy chừng độ nửa ngày. Trong miệng tôi hằng tuôn ra chất nước ngọt thơm như mật, thường đầy thường nuốt, thọ dụng không cùng, nên chẳng nghĩ đến sự ăn uống!". Viên Dung niệm Phật luôn ngày đêm, không đặt lưng xuống chiếu hơn vài mươi năm, nên ít khi có mộng. Ngẫu nhiên mơ màng, cũng chẳng rời lễ niệm, không có duyên nào khác. Đôi khi mộng, lại thấy Phật, Bồ Tát hoạt động như sống, nhắc nhở khuyên tu. Có lúc sư thấy đức Vi Đà tôn thiên, hướng dẫn cho niệm Phật. Các điềm mộng của sư đại loại đều như thế cả.

Năm Đạo Quang thứ mười đời Thanh, vào ngày mười chín tháng ba, Viên Dung tịch nơi am Thiên Hoa tại Đông Viên thành Hàng Châu. Trước đó vài ngày, sư cảm bệnh nhẹ, dự biết thời khắc vãng sanh, đến già biệt vị am chủ nói đôi lời chúc nguyện, rồi thâm trì niệm không đề cập việc chi khác. Sau khi sư viên tịch, đánh đầu còn nóng ấm rất lâu. Lúc trà tỳ để đem di cốt vào tháp phổ đồng ở chùa Long Khánh, thi thể phân hóa rất mau, không tốn củi nhiều. Sư không thấu nhận đệ tử xuất gia, hưởng tuổi đời được sáu mươi bốn.

Lời bình:

Không thường ở một chỗ, là chân giải thoát. Không nuôi dưỡng đồ chúng, là chân thanh tịnh. Lúc trà tỳ thi thể cháy tiêu mau, há chẳng phải là điều minh chứng không luyến nhiễm nơi duyên đời đó ư!

DIỆU TRẠM

Thích Diệu Trạm, họ Hầu, người ở Kim Lăng. Sư bẩm tánh trung hậu, lúc còn bé không tranh cãi với người, cũng chẳng ưa nói nhiều. Lớn lên, rất thích làm lành, nhiều người gọi đùa là cư sĩ.

Không bao lâu, sư đến núi Lang Gia, nương theo ngài Trí Nghiễm xuống tóc. Sau khi thọ đại giới, Diệu Trạm tu hành tinh tấn, thông hiểu ý mầu của Phật pháp. Có người khuyên làm trụ trì cùng lãnh chúng, sư bảo: "Lánh mình giữ đạo, muốn ân tu hay hiền hóa đều tùy tiện cơ nghi. Khi lãnh chùa lớn có đồ chúng đông nhiều, tất khó tránh khỏi nạn duyên, không biết lúc nào mới xong dứt!". Sau sư lánh nạn binh đao đến Duy Dương, ở nơi viện Tàng kinh, giữ phận sự hướng dẫn người niệm Phật, phóng sanh, và khắc kinh điển. Vài năm sau, Diệu Trạm đem công việc giao phó cho chúng, rồi thôi cư gắng sức tu trì. Các chùa khác có việc cần nhờ cậy, đều phương tiện kết duyên tùy hỷ. Giới xuất gia đều kính là bậc thượng tọa, hàng đạo tục quy y rất nhiều.

Trong năm Đồng Trị, Kim Lăng được khắc phục, sư bèn trở về quê cũ. Hàng quen biết đều cảm sâu đức hóa, nương theo tu Tịnh Độ rất đông. Khi đoàn thể chư tăng gồm các vị: Dương Chi, Diệu Không, Thanh Phạm, Thiện Thành, đề xướng việc khắc in Đại tạng kinh. Diệu Trạm cũng tán trợ, chẳng ngại mưa gió đi khắp bắc nam, quyên mộ được hơn

ngàn lượng vàng. Mọi việc hoàn thành, sư quỳ trước bàn Phật, đốt liêu hương nơi cánh tay, đem công đức hồi hướng nguyện cùng chúng sanh kết trí huệ nhân, đồng sanh về Tịnh Độ. Sư có các đức tánh: ôn hậu, bình hòa, chí thành, từ ái, nên đại chúng đều kính trọng nương về. Sanh bình, khi sư nghe thấy người làm một việc tốt, hoặc phát một tâm lành, đều chấp tay khen ngợi. Đối với kẻ ác muốn phá hoại, thì an nhẫn thâm niệm Phật, lâu ngày chúng cũng cảm hóa theo. Sư thường nói: "Làm phận xuất gia, nếu bên trong chẳng cương quyết nghiêm minh, tất dễ bị phiền não cảnh trần xoay chuyển. Bên ngoài không hòa nhẫn từ ái, thì khó xử thế để hóa độ người".

Năm Quang Chử thứ chín, vào ngày mừng bảy tiết Quý thu, Diệu Trạng cảm bệnh nhẹ. Các hàng đệ tử không hẹn trước mà hội đến hơn trăm người, cùng nhau xung hồng danh trợ niệm. Khi lâm chung, sư dạy chúng rằng: "Niệm Phật tuy xem dường dễ dàng, song rất khó thành tựu. Cho nên lúc bình thời mỗi người phải để ý tự gắng sức. Hiện tại đại chúng niệm tức là tôi niệm, đôi bên đều không phân cách nhau!". Nói xong, an nhàn vãng sanh trong tiếng niệm Phật, hưởng thọ được sáu mươi tuổi. Từ khi nhiễm bệnh cho đến lúc mãn phần, dung sắc của sư vẫn an lành không cải biến. Sư di chúc thiêu hóa sắc thân, đem tro xương hòa với bột làm hoàn liệng xuống sông thí cho loài thủy tộc, để đền trả nợ đời trước đã ăn thịt chúng.

THỌ TÂM

Thích Thọ Tâm tự Chuyên Tây, họ Mao, người ở Phương Thành tại Triết Đông. Từ khi mới sanh ra, sư chỉ ăn uống thức thanh đạm, không dùng sữa và thịt cá. Lớn lên, nhàm chán cảnh trần lao, lập chí tu hành lià thế tục. Năm mười tám tuổi, sư vào chùa Tiểu Linh Sơn ở Thành Tây, nương theo Giới Am pháp sư xuống tóc xuất gia.

Lúc sắp thọ cụ túc, ngài Giới Am đau nặng, Thọ Tâm nghĩ: "Sự hoằng dương Phật pháp phải nhờ những bậc tôn túc như thầy mình. Tự xét bản thân mong manh tợ sương mai, mạng này đâu có chi đáng tiếc!". Do đó sư nấu nước thơm tắm gội, đến trước Tam Bảo đốt hương khẩn nguyện, rồi trở về phòng mình tự mổ bụng, muốn cắt lá gan hòa với thuốc để trị bệnh cho thầy. Đâu hay vừa mới đưa dao rọc nhẹ vào bụng, bỗng đau đớn xây xảm té xuống đất. Giây lát sư hồi tỉnh, bò lại giường thì phương đông trời đã rực sáng. Đại chúng phát giác, cùng nhau lo buộc thuốc băng bó cho sư. Ngài Giới Am hay biết chuyện đó, vời Thọ Tâm đến an ủi rằng:

-Lòng hiếu tử của con tuy mạnh mẽ, nhưng trọn không phải là chánh hạnh của người tu. Huống nữa ta tự biết thời tiết nhân duyên, đã rõ sanh vốn vô sanh, thì có chi là diệt? Việc của con làm hoàn toàn do vọng tưởng, nhưng ta nghĩ thương một niệm hiếu thành, nên tạm lưu lại ít lâu!".

Quả nhiên sau khi sư thọ cụ túc trở về vừa độ một tháng, thì ngài Giới Am liền quy tịch. Thọ Tâm thiên tánh hiếu

thuận, thương khóc quá phần, lo việc tần liệm chôn cất, mỗi mỗi đều chu đáo.

Không bao lâu, sư đem việc chùa giao phó cho pháp đệ là Liên Đường, còn mình thì đi các nơi tham học. Sư nghiêm giữ giới luật, tu hạnh đầu đà, chân trần lộ đánh, mùa đông tiết hạ chỉ một manh áo, thường chuyên lo niệm Phật. Mọi người thấy thế đều xưng gọi là Xích Cước đại sư. Mùa thu năm Tân Tỵ trong niên hiệu Quang Chử, Thọ Tâm trở về chùa Tiểu Linh Sơn. Lúc ấy nắng hạn đã lâu, những làng quanh vùng đều lập đàn đảo võ. Quan huyện là Tôn công lòng lo như đốt, ngày đêm khẩn cầu mà chưa thấy ứng nghiệm. Thọ Tâm động lòng thương xót, đi thẳng đến ra mắt Tôn công, an ủi khuyên chớ quá lo, việc cầu mưa để tự mình lãnh trách nhiệm. Hôm sau là ngày Nhâm Tý, sư ôm bát đến vực suối cạn lấy được một vật hình như cái Thủ cung. Đến ngày Ất Mão, Thọ Tâm lập đàn trì chú, lễ bái sáu thời. Sang giờ Dần ngày Bính Thìn, trời xuống cơn mưa nhưng giây phút lại tạnh. Tôn công sai các thân hào do ông Lý Tiêu Nham hướng dẫn, đến xin cầu đảo thêm. Sư bảo:

-Các vị chớ lo, ngày mai sẽ có mưa lớn!

Đêm ấy Thọ Tâm chí thành trì chú cầu nguyện, đánh lễ tới sáng. Quả nhiên vào giờ Ngọ ngày Đinh Tỵ, mưa đổ xuống như trút dẫn đến chiều tối, ruộng nương đều đầy dẫy nước. Dân chúng trong vùng vui mừng hơn hở. Tôn công xuất lãnh hàng thân hào lên núi tạ ơn. Quan huyện giữ lễ đệ tử, tự tay viết bốn chữ lớn "Bát Long Giáng Trạch" để kỷ

niệm. Sư vẫn an tĩnh điềm nhiên, không lộ vẻ chi khác. Tôn công than rằng:

-Nay mới biết tăng đức uyên thâm, không thể nghĩ bàn được!

Mùa thu năm Nhâm Ngọ, Thọ Tâm đóng cửa thất tạ tuyệt các duyên, mỗi ngày trì chú Đại Bi một trăm lễ tám biến, niệm Phật mười muôn câu. Ngoài ra còn tụng danh hiệu Quán âm, Thế Chí một ngàn lần, lễ hồng danh đức Thích Tôn và Tây Phương Tam Thánh, mỗi vị đều ba mươi lạy. Trong thất sư có nuôi một con chó và mèo, mỗi ngày đều vì chúng quy y chú nguyện. Do đó nên mèo không bắt chuột, chó chẳng ăn đồ dơ. Sau ba năm, vào ngày mười chín tháng chín, sư ra thất. Đến đầu tháng mười một, Thọ Tâm nhiễm bệnh kiết lỵ nhẹ vài ngày rồi lành. Nhưng từ đó thân thể lần suy yếu, chur tăng thay phiên hầu hạ, sư không cho, bảo:

-Phận xuất gia, mỗi người đều có công khóa tu hành, đừng nên để làm lỡ nhau. Nếu quả đến thời, sẽ cho người kêu gọi!

Chiều tối ngày hai mươi sáu, Thọ Tâm vờ các đồ chúng đến gần giường dạy rằng:

-Đêm nay ta sẽ về Tây Phương, nên mau nấu nước thơm đem đến!

Sau khi cạo tóc, tắm gội và thay y phục xong, sư ngồi kiết già cử bài tán Phật, bảo chúng hòa theo. Lúc niệm Phật

độ hơn trăm câu, tiếng sư thấp nhỏ lèn, đầu hơi cúi xuống. Bỗng lại ngược đầu lên ngay thẳng, nói:

-Ta đi đây! Đại chúng nên trân trọng!

Rồi cao tiếng niệm Phật một câu mà viên tịch. Đêm ấy hai con thú chó và mèo nuôi trong thất, cũng đồng ngồi thoát hóa. Mọi người đều bảo nó vãng sanh theo sư.

Bấy giờ nhằm năm Ất Dậu, niên hiệu Quang Chử.

TU NGẠN

Thích Tư Ngạn tự Nguyên Đẳng, con nhà họ Tạ ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Lúc tuổi trẻ ông theo học Nho vào hàng Chư sanh. Không bao lâu cảm thấy việc đời vô thường, nên quy y Tam Bảo, đi tham học khắp các bậc tri thức về Tông và Giáo. Sau ông nghe Ngọc Phong pháp sư khai thị: "Muốn cầu thoát khổ, chỉ có pháp môn Niệm Phật là dễ thành tựu", liền phát tâm mỗi ngày trì Phật hiệu sáu muôn câu lấy làm định khóa. Bình sanh có làm công đức chi, đều hồi hướng về Tịnh Độ. Năm Nhâm Thân niên hiệu Đồng Trị, lại phát tâm thọ ngũ giới nơi chùa Hải Triều.

Năm Quang Chử thứ chín, ông chán cuộc trần lao, muốn sớm cầu giải thoát, nên đem việc nhà giao phó cho hai con, đi thẳng đến chùa Hộ Quốc, lễ hòa thượng Kính Phong cầu xuống tóc xuất gia. Mùa đông năm ấy, sư được duyên lành thọ giới cụ túc nơi chùa Kỳ Viên ở Túc Sơn. Kế đó lại trở về chùa Hộ Quốc chuyên tu tịnh nghiệp. Do gắng công lao nhọc đã lâu, Tư Ngạn lần nhiễm bệnh, tuy thuốc thang điều

trị nhiều phen, song bệnh lành rồi lại tái phát. Hai con trai nhớ mến, rước sư về dưỡng bệnh nơi nhà, mở một gian tịnh thất để làm chỗ tĩnh tu. Mùa thu năm Quang Chử thứ mười lăm, sư bỗng vương chứng hạ ly, thuốc thang không công hiệu. Từ đó sự ăn uống tuy lần kém giảm, song sức niệm Phật lại thêm thành kính thiết tha. Tới ngày mùng mười tháng chín. Tư Ngạn gọi hai con lại bảo rằng: "Thời kỳ vãng sanh của thầy đã đến, hai con hãy đi thỉnh chư tăng về nhà niệm Phật bảy ngày, để hộ trợ ta về Tây Phương!". Sư định sáng sớm ngày mười hai khởi đầu kỳ Phật thất, bảo với vị tăng là Lăng Phong rằng mình chỉ còn lưu trụ bảy hôm nữa thôi. Sang ngày rằm, lại cầm tay tăng hữu là Đình Sơn nói: "Chỉ còn ba hôm, tôi sẽ về Cực Lạc!".

Đến tối ngày mười bảy, sang canh tư, sư hỏi mấy giờ, hai con đáp là giờ Sửu. Tư Ngạn nói: "Giờ Sửu tức đã qua ngày mười tám, là kỳ hạn thầy vãng sanh. Vậy nên thỉnh chư tăng xưng hồng danh trợ niệm!". Khi chúng xưng Phật hiệu, sư cũng niệm theo. Ước chừng tàn nửa cây hương, bỗng lặng thình nhắm mắt. Giây lâu chợt mở mắt chấp tay, đối chúng tăng xưng tạ và nói: "Tôi đã được đến Tây Phương lễ cận đức A Di Đà cùng hai vị Đại Sĩ. Phật rủ lòng thương xót trao tịnh y cho tôi. Còn Quán Âm Bồ Tát thì cầm cành dương rải nước cam lộ nơi đầu. Nhìn ra xa, tôi thấy Liên Trì đại sư đang thuyết pháp cho các bậc thượng thiện như nghe. Bay dạo trên ao thất bảo rộng lớn mênh mang, nhìn khắp các hoa sen báu, tôi thấy một hoa

tòa ghi tên chỗ mình sanh về. Đức Phật dạy tôi hãy tạm trở lại Ta Bà, cáo tri cho mọi người biết rằng mình được sanh về Tịnh Độ. Xin phụng khuyến các vị nên gắng chuyên tinh niệm Phật, để ngày kia cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!". Nói xong bảo đem nước mát uống ba hớp, rồi lại giương nằm nghiêng bên hữu, niệm Phật vài mươi câu mà thoát hóa.

Hôm sau, khi nhập quan, đánh đầu hãy còn nóng.

NGỌC PHONG

Ngọc Phong pháp sư tự Luyện Tây, người ở huyện Quảng Tín, tỉnh Giang Tây. Ông xuất gia nơi chùa Phổ Ninh lúc mới hơn 10 tuổi. Thầy thế độ dạy đọc tụng các kinh đại thừa, do linh căn đã gieo sẵn, pháp sư liền hiểu rõ đại ý. Sau khi thọ giới cụ túc nơi chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, Ngọc Phong lập chí tuân giữ theo kinh Phạm Võng. Kế đó lại đồng chúng tham thiền, đem hết sức mình dụng công; ngày nọ canh khuya nghe tiếng chuông ngân vang, bỗng hoát nhiên tỉnh ngộ.

Một hôm xem đến quyển Viên Trung Sao của ngài U Khê, thấy khế hợp với tâm mình, pháp sư vui mừng lập thế nguyện giữ giới luật trang nghiêm và chuyên tâm niệm Phật để cầu sanh Tịnh Độ. Ngọc Phong tự tu và khuyến hóa người rất thành khẩn, nên hàng tăng tục hưởng ứng theo ngày càng đông. Giảng đến sự khổ trong vòng sống chết luân hồi, lời nói của pháp sư rất thông thiết, khiến cho thính

giả phải rơi lệ. Cách thuyết giáo về Tịnh Độ, thì dạy bốn chúng phải tùy tâm lực hoàn cảnh, mỗi ngày lập định khóa niệm Phật ghi số, hoặc từ một, hai muôn cho tới mười muôn câu, giữ đến suốt đời đừng gián đoạn. Đó là phương pháp đã kinh nghiệm của tiền non, nếu cứ giữ y như thế không thôi chuyên, thì khi mạng chung quyết định sẽ được sanh về Cực Lạc, không còn nghi ngờ. Pháp sư lại viết nhiều sách xiển dương môn Tịnh Độ, đại khái khen ngợi đó là đường lối dễ tu dễ hành, công năng siêu hơn các hạnh, như tuân hành theo tất được sự lợi ích rộng to nhanh chóng. Ngọc Phong lại mượn thợ khắc bản đá kinh A Di Đà đem ấn tống, ban hành các kinh luận đại thừa, và làm những thắng hạnh khác để trợ tu khuyến người, lưu thông Phật pháp, đền đáp bốn ân.

Năm Quang Chử thứ 15, trụ trì chùa Tây Phương ở Minh Châu là hòa thượng Tịnh Quả, gửi thơ mời về tu tại bản tự, vì tên chùa hợp với tâm nguyện mình nên pháp sư nhận lời cầu thỉnh. Từ khi phát tâm cho đến lúc lâm chung, mỗi ngày Ngọc Phong niệm Phật sáu muôn câu, hai thời hồi hướng, dù tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ, lấy đó làm định khóa .

Năm Quang Chử thứ 18, vào ngày mùng 6 tháng 7, sau thời ngộ trai, pháp sư cảm thấy hơi thở ngắn uất khó khăn. Ngày kế, hòa thượng Tịnh Quả cho mời danh y đến chẩn trị. Sau khi xét nghiệm, y sĩ bảo: "Mạch đã hoàn toàn kiệt mất, không còn dùng thuốc chi được nữa!". Nhưng Ngọc

Phong vẫn ngồi kiết già hướng về Tây niệm Phật, không nói năng chi, tinh thần xem có vẻ sáng kiện hơn lúc bình thường. Y sư thấy thế than thở ngợi khen cho là điều ít có. Hòa thượng Tịnh Quả hỏi: "Xin thỉnh chư tăng đến xưng hồng danh để trợ niệm có được chăng?". Pháp sư gật đầu. Khi đại chúng đứng hai bên niệm thánh hiệu Di Đà, ước chừng tàn một cây hương, thì pháp sư chấp tay gắng sức xưng Phật danh độ vài trăm câu, rồi an vui mà thoát hóa. Ngày mùng 9, lúc nhập khám, mọi người kiểm thấy đánh đầu còn nóng, sắc mặt hiện tướng sáng suốt tươi nhuận.

Rằm tháng hai năm sau, khi thiết lễ trà tỳ, hàng tăng tục hội về hơn vài trăm người. Ngọn lửa vừa bốc cháy đều, cửa bảo khám sụp xuống trước, đại chúng thấy thi thể Ngọc Phong vẫn còn ngồi kiết già, nghiêm nhiên tươi tỉnh như sống. Lúc lửa cháy dữ dội, mọi người lại thấy trên đánh pháp sư hiện ra 10 vị Phật, nơi mỗi bàn tay hiện ra một đức Như Lai tướng tốt trang nghiêm. Đó là lúc sanh tiền, Ngọc Phong từng đốt 10 liều hương nơi đầu cúng dường 10 phương Phật. Và mỗi bàn tay lại đốt một ngón, một cúng dường đức Thích Ca, một cúng dường đức A Di Đà. Do pháp sư có lòng chân thành, nên lúc thiêu hóa mới hiện ra điềm lành hy hữu như thế. Xét công hạnh tự tu và độ người, pháp sư tất được sanh về Thượng phẩm.

CHÍ THIỆN

Chí Thiện thiên sư, người đời Thanh, chưa được rõ xuất xứ. Trong niên hiệu Đồng Trị Quang Chử, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hải Hội ở Lô Sơn. Thiên sư đạo hạnh cao siêu, bốn chúng ngưỡng mến nương về, là bậc danh đức ở miền Giang Tây trong thời cận đại.

Sau khi ngộ suốt tâm tông, ngài chuyển sang niệm Phật, sự tự tu và khuyên hóa người đều lấy Tịnh Độ làm nơi quy hướng. Cho nên trong thời gian đó, cư dân nơi vùng núi ấy, người đều đeo chuỗi, nhà đều thờ Phật. Từ hạng nông công cho đến kẻ tiểu phu mục đồng, khi rảnh việc phần nhiều ngồi nơi gốc cây hoặc trên tảng đá nhắm mắt niệm Phật, là điều thường thấy không ai còn lấy làm lạ. Di phong ấy đến nay vẫn còn nối tiếp lưu truyền.

Lúc lớn tuổi, Thiên sư đem việc chùa giao phó cho hàng cao đồ là Thanh Hư hòa thượng, còn mình thì ở nơi tịnh thất chuyên tu. Học chúng khi vào thất thỉnh ích, ngài đều bảo tự tiện ngồi, rồi tùy cơ mà ứng đối chỉ dạy. Có vị tăng là Cẩm Phong, làm chức Tàng chủ coi kho vật thực trong chùa, mỗi ngày cũng trồng rau bở củi tham thiền niệm Phật, chúng đều xem như người thường. Một năm vào đầu mùa đông, sư đến phương trượng xin nghỉ việc. Thanh Hư hòa thượng dạy: "Thường trụ mới khởi kỳ Phật thất, ông chớ vội rời bỏ sớm, nên ở lại đây hết năm rồi sẽ đi!". Sư thưa: "Thời kỳ đã đến, không thể chờ đợi!". Hòa thượng bảo: "Ta vì ông mà cầm lại!". Cẩm Phong lễ tạ rồi lui ra. Sang xuân vào ngày mùng ba, sư lại đến xin đi. Hòa thượng nói: "Đầu

năm mới ông đi chúng sẽ động niệm, nên nán lại đôi ba hôm nữa!". Cẩm Phong lại lui ra.

Qua ngày mừng mười, sư lên phương trượng kiên quyết xin đi và nói: "Tôi cùng các bạn đồng tham sống chung với nhau đã lâu, nên có mối hậu tình. Qua tiết Nguyên Tiêu, phần đông tăng chúng sẽ tản đi du phương các nơi, về sau không còn có cơ duyên gặp gỡ. Vì thế tôi muốn các đồng bạn đưa nhau một đoạn đường!". Hòa thượng nghe nói chấp thuận. Cẩm Phong lễ tạ, rồi sang yết kiến ngài Chí Thiện. Thiện sư dự biết trước, để sẵn một chén nước trong vắt, dặn thị giả rằng: "Nếu Cẩm Tàng chủ đến đây, bảo hãy uống chén nước này, không cần phải vào ra mắt". Thị giả đem điều ấy nói lại, Cẩm Phong bái lãnh mà uống. Đến giờ ngọ, sư vẫn theo chư tăng thọ trai. Trai cúng xong, hòa thượng bạch với chúng rằng: "Cẩm Tàng chủ sắp đi xa. Vậy sau giờ ngọ hai tiếng bẵng, xin đại chúng đồng đắp y đem mõ nhỏ và khánh cùng đến liêu phòng tiễn đưa Tàng chủ!". Chúng nghe nói hầu hết đều có vẻ ngơ ngác lấy làm lạ. Đến giờ, Duy na hướng dẫn chư tăng đến nơi, Cẩm Phong đã dọn thất trống trải sạch sẽ, chính giữa để bàn hương án thờ Phật, hai bên sắp chỗ ngồi cho đại chúng. Giây phút hòa thượng tới, Cẩm Phong cúi lạy, rồi hướng về chư tăng đánh lễ. Ngài Thanh Hư ân cần nói kệ phú pháp. Chừng đó đại chúng mới biết là Tàng chủ sắp viên tịch, sanh về Tây Phương. Sau khi hòa thượng lui ra, Duy na cử xướng kinh A Di Đà, Cẩm Phong về chỗ ngồi theo chúng mà trì tụng.

Khi đến bài kệ tán tiếp sang niệm Phật, cây hương vừa cháy thêm độ một tấc, tiếng của sư thấp nhỏ lần, xâu chuỗi cầm nơi tay rơi xuống chiếu. Vị tăng ngồi gần bên dò thăm, rồi ra dấu Tàng chủ đã tắt hơi. Đại chúng không dám kinh động, vẫn niệm Phật như cũ. Một lúc, Cẩm Phong bỗng mở mắt, yêu cầu chư tăng luân phiên trợ niệm luôn một ngày đêm. Nói xong, sư liền nhắm mắt đi thẳng.

Năm Mậu Tuất trong niên hiệu Quang Chũ, triều đình thay đổi chính sách mới. Ngài Chí Thiện than rằng: "Thời kỳ Phật pháp suy tàn đã đến, ta già rồi không làm sao cứu giúp được! Chỉ nguyện sớm sanh về Cực Lạc, sau khi chúng quả Vô sanh, sẽ trở lại cõi này để hộ trì chánh giáo!". Nói xong, viết thơ gửi chư đại đức khắp nơi, ngỏ lời giã biệt. Bảy giờ Thanh Hư hòa thượng đang trụ trì tại chùa Viên Thông ở Nam Xương, được tin thơ vội vã trở về. Khi hòa thượng vừa bước vào chùa, thì ngài Chí Thiện còn đang ngồi tựa án viết lời phú chúc. Thấy hòa thượng, Thiền sư chu tất công việc rồi cười bảo: "Việc lớn đều giao phó hết cho ông. Ta đi đây!". Nói xong ngồi ngay nơi tòa mà thoát hóa.

KHẮC CẦN

Thích Khắc Cần, họ Tường, người huyện Sương Âm tỉnh Hồ Nam. Lúc bé, ông ngu bướng ngay thẳng, lại có sức khỏe. Lớn lên vào am Hồng Thế ở Thiện Hóa xuống tóc, và sau đắc giới nơi chùa Lộc Sơn.

Sư không biết chữ, nhờ chúng bạn dạy hai thời khóa tụng, đến 5 năm mới thuộc lòng. Khắc Cần hành cước đi khắp các miền danh thắng, trải năm non bốn núi để tham học suốt 10 năm, song kết cuộc không hiểu biết chi thêm, vẫn còn tánh thẳng bướng như cũ. Đến 60 tuổi, sư gặp ngài Minh Quả làm hộ chủ kỳ Phật thất, nghe lời giảng: "Công đức niệm Phật quý ở nơi một lòng không loạn. Nếu khi tán loạn, phải lắng tai nghe câu Phật hiệu cho rành rõ thì tạp niệm tự trừ, vọng tưởng tự diệt, tâm liền được thanh tịnh". Do đó sư mới cảm biết pháp môn Tịnh Độ là siêu thắng nhiệm mầu. Khắc Cần y theo lời dạy chuyên tu sáu năm, dứt trừ được tánh bướng bỉnh, tâm hằng tự tại lặng yên. Lúc rảnh rỗi, sư thường nói với mọi người rằng: "Tu hành quý ở nơi một lòng không loạn. Nghiệp chướng của tôi do công đức niệm Phật, nay đã tiêu trừ. Mấy năm gần đây, chẳng những không phiền não, mà thân tâm còn được khinh an!".

Một ngày nọ bỗng Khắc Cần bỗng nhờ người thỉnh sư huynh của mình là Hàm An đến để trao gửi hậu sự. Hôm sau Hàm An tới, sư trông thấy cười bảo: "Đệ xin từ giã sư huynh!". An hỏi: "Pháp đệ dự tính đi đâu?". Đáp: "Vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới". An nghiêm nét mặt bảo: "Lại định muốn nói khùng phải không?". Sư cũng nghiêm trang đáp: "Sáu năm nay đệ chuyên trì Phật hiệu, nên tâm chẳng còn tạp niệm, mỗi câu hồng danh rành rẽ rõ ràng. Gần đây đã được thân thấy cõi Tịnh Độ, tự biết kỳ hạn quyết định sẽ vãng sanh, không phải có ý khi dối đâu!".

Liên đó, sư đem các thủ tục trong am và hậu sự của mình, mỗi mỗi đều giao phó dặn dò rành rẽ. Lại nói: "Vào giờ Ngọ ngày mai đệ sẽ vĩnh biệt sư huynh. Cùng là anh em bạn đạo tuổi già với nhau, xin sư huynh cố gắng chuẩn bị tư lương Tịnh Độ, đồng tu pháp môn Niệm Phật, để chờ đợi giờ phút giải thoát lúc lâm chung!".

Đêm đó, Khắc Cần không nói chuyện với ai cả, chỉ ngồi một mình niệm Phật. Rạng ngày sư tắm gội thay y phục, niệm hương lễ Tam Bảo, xuống Tổ đường lạy giã từ chư Tổ xong, rồi trở về tịnh thất ngồi niệm Phật. Vừa đến giờ Ngọ, sư bước đi chậm rãi vào ngồi kiết già trong bảo khám, tay cầm chuỗi niệm Phật, rồi lặng lẽ mà vắng sanh. Hơn 2 giờ sau, Hàm An cùng chư tăng như Phổ Âm lại dò thăm thì thấy hơi thở đã dứt, đỉnh đầu còn nóng, lại nghe mùi hương lạ bay thanh thoảng. Tất cả đều kinh hãi, chùng ấy mới tin lời Khắc Cần nói hôm trước. Bấy giờ nhằm ngày mùng 5 tháng 7 năm Tân Sửu, niên hiệu Quang Chử đời Thanh.

Lúc đó khí hậu nóng bức, vì việc nông của nhà chùa đang gấp rút bộn bề, nên phải đình khám 7 ngày mới đem thiêu hóa. Nhưng sắc thân của sư vẫn tươi tắn, phát ra hơi thơm không có chút mùi hôi. Tất cả đều khen ngợi và lấy làm lạ.

TỊNH HẢI

Thích Tịnh Hải tự Việt Ngạn, họ Châu, quê ở huyện Thái Bình tỉnh Triết Giang. Lúc bé ông mồ côi cha, người

bác không con xin đem về làm thừa tự, dạy cho coi sóc gia nghiệp. Nhưng Tịnh Hải tuy sống trong cảnh đầy đủ nơi thị tứ, mà lòng u uất không vui. Một hôm, đọc xong bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa, ông bỗng có sự cảm ngộ lớn, tự suy nghĩ: "Những vị như Gia Cát, Quan Công, Trương Phi có thể gọi là hạng nhơn tài bậc nhất, nhưng tất cả đều thân chết trước mà công nghiệp chưa thành. Ta sánh với người xưa muôn phần chưa được một, mà muốn lập công danh nơi đời, chẳng cũng khó khăn lắm ư?". Trong một niệm, ông ngộ được lý: chỉ có tiêu dao ngoài vòng tục lụy, mới đích thực là an vui giải thoát.

Năm 18 tuổi, ông trốn lên non Thiên Thai, lễ Tế Chu đại sư cầu xin xuống tóc xuất gia. Ba năm sau, được thọ đại giới tại chùa Quốc Thanh, rồi trụ nơi thiền đường theo chúng tu học. Đến 33 tuổi, nghe chùa Linh Thứu ở Tô Châu có giảng kinh đại thừa, sư liền mang gậy bát tới nơi xin dự vào pháp hội. Sau đó lại đóng cửa nhập thất tịnh tu ba năm ở một ngôi chùa tại Mộc Thục Sơn. Khi ra thất, nhân vì Năng Thuyên pháp sư trụ trì chùa Bảo Liên quy tịch, các bậc tôn túc đều khuyên ép phải lên kế nhiệm, bất đắc dĩ sư miễn cưỡng vâng lời. Chùa ấy đã trải qua cảnh binh lửa chỉ còn nền tảng trống không. Ngài Năng Thuyên vừa kiến trúc xong hai ngôi điện Địa Tạng, Quán Âm thì mãn phần. Tịnh Hải nối tiếp theo siêng tu Phật sự, nhờ suốt thông đạo lý lại khổ hạnh hơn người, nên cảm sức Tam Bảo gia bị, của đàn tín hội về, không bao lâu từ liêu phòng cho đến Phật điện,

đều tiếp tục lạc thành. Công việc xong, sư càng cố gắng chuyên tu, mỗi ngày đều tụng một bộ kinh Pháp Hoa và niệm Phật hồi hướng về Tịnh Độ, như thế trọn 30 năm không chút biếng trễ.

Ngày rằm tháng sáu năm Nhâm Dần, niên hiệu Quang Chũ, sư viên tịch. Trước khi mạng chung vài tháng, Tịnh Hải mộng thấy một thế giới báu đẹp trong sạch như lưu ly, ánh sáng rực rỡ không ngần mé, mình ngồi kiết già trong hoa sen ở nơi cảnh đó. Thức giấc, sư tự biết không còn sống lâu giữa cõi trần, đem điềm ấy thuật lại với hàng đệ tử. Khi sắp thị tịch, sư nhóm họp bốn chúng, rồi ngồi nơi thiền sàng giảng nói một đoạn trong kinh Niết Bàn. Sau khi ấy ngỏ lời quyết biệt với đại chúng và bảo: "Đẹp bỏ trần vọng, một niệm vượt thẳng vào chân tâm mà chuyên trì Phật hiệu, quyết định sẽ được vãng sanh. Xin đại chúng nên trân trọng và gắng sức tinh tấn!". Nói xong niệm Phật mà quy tịch, thọ được 63 tuổi.

MẶC AM

Mặc Am đại sư pháp danh Thượng Nhân tự Chân Nguyên, họ Châu, người ở Hoàn Châu tỉnh Hồ Nam. Cha học Nho, mẫn phần sớm, ngài còn bé mà đỉnh ngộ sáng lẹ, liếc mắt qua đã đọc xong mấy hàng sách. Năm 15 tuổi, văn tài tiến vượt xa các đồng bạn, thầy dạy học nghĩ rằng đường công danh về sau tất sẽ rực rỡ. Hai năm kế đó, ngài đến ở trọ chùa Nhạn Phong học tập, nhân chép kinh Kim Cang tới

câu: "Tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể được", bỗng chợt nảy sinh tư tưởng xuất trần.

Năm Hàm Phong thứ 7, mẹ muốn tìm nơi hỏi vợ cho, ngài lén trốn đến chùa Nam Phong, nương theo Phổ Chiêu thiền sư xuất gia. Năm sau, lại đắc giới nơi Thúc Đình thượng nhơn ở chùa Phước Nghiêm. Đại sư nghe Chúc Thánh Lượng thiền sư pháp hóa rất thạnh, đến thọ tâm ấn. Qua năm kế, lại yết kiến Pháp Vân thiền sư, đi sâu vào giáo nghĩa, do đó đối với sách Nho cũng được suốt thông. Các bậc danh tài thạc học nghe tiếng đại sư, đều thích tìm đến để giao du. Ngài đồng mãnh về việc hướng thượng nên tới ẩn tích ở Kỳ Cung Nham tại Nam Nhạc, cùng với Thiêm Vân pháp sư nương nhau sách tấn để tham cứu tu hành.

Sang niên hiệu Đồng Trị, đại sư đi tham phỏng khắp các bậc tôn túc nam bắc ngộ nhập nguồn tâm, rồi trở về chùa Phước Nghiêm duyệt xem Đại tạng. Mùa thu năm Quang Chử thứ hai, ngài lại cất tịnh xá bên chùa Chúc Thánh ở Nam Nhạc, khổ thiết mật tu, lâu ngày sự tỏ ngộ càng thêm sâu sắc. Từ đó các sách vở nội ngoại thấy đều quán triệt, hàng danh sĩ lại tìm đến giao du như cũ. Chùa Đại Thiện ở Nam Nhạc, nguyên là một danh lam cổ, bị người xâm chiếm, đại sư quyền tiền chuộc lại rồi trùng tu. Ngài phỏng theo quy tắc của Triệt Ngộ thiền sư tổ chức sự tu học, nên chu tăng 10 phương vân tập về, đến đổi không đủ chỗ dung chứa. Tất cả học chúng nơi đó đều suốt thông tánh tướng, giữ luật hạnh trang nghiêm. Đại sư lấy Thiên Thai giáo

quán làm tiền đạo cho hàng học giả. Lấy Di Đà Tịnh Độ làm chỗ cứu cánh nương về. Ban sơ đại sư giữ nhứt khóa niệm Phật sáu muôn câu, lâu ngày đi đến cảnh không niệm tự niệm, nên câu hồng danh chẳng lúc nào gián đoạn.

Mùa xuân năm Nhâm Dần, đại sư đem việc chùa giao phó cho đệ tử thượng thủ và nói: "Ta sắp về Tây Phương!" Sang đông, ngài cử hành lễ Phật thất. Được hơn một tuần, trong định đại sư thấy nước bát công đức lóng lánh nơi ao thất bảo trang nghiêm. Không bao lâu, ngài cảm bệnh nhẹ, từ khước thuốc thang một lòng niệm Phật và bảo đồ chúng luân phiên trợ niệm. Kế đó đại sư tuyệt thực rồi tuyệt âm, nằm theo lối kiết tường nghiêng về bên hữu, giữ pháp Kim Cang trì niệm. Hôm sau ngài thấy đức A Di Đà hiện thân, tướng bạch hào quang sáng chói, liền chỗi dậy ngồi kiết già hướng về Tây, bảo xếp dọn chăn gối. Thị giả ngàn ngại trình thưa tiết trời quá lạnh, đại sư bảo: "Ta sắp từ bỏ tề phục, đổi lấy trần phục, bỏ huyễn thân như nhóp thay thân bảo chất đẹp nghiêm!". Tăng chúng hay tin tụ hội đến, ngài an tường nhìn khắp xung quanh và chậm rãi hỏi: "Thế nào là giải thoát?". Chúng đều nhìn nhau không khế hội. Đại sư mỉm cười bảo: "Đã vậy, chi bằng học theo ông già bà cả quê mùa, ăn chay trường chân thành mà niệm Phật là chắc chắn hơn cả!". Kế đó dạy chúng đánh mõ trợ niệm, giầy lát tiếng mõ hơi gấp, ngài bảo dừng lại, chỉ đồng thanh xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Khi niệm độ hơn một trăm câu, đại sư chấp tay mà thị tịch. Bảy giờ nhằm ngày 13 tháng chạp,

năm Quang Chử thứ 28. Vài giờ sau chúng dò thăm thấy đánh của ngài còn nóng, thân thể đều nhu nhuyễn.

Đại sư hưởng tuổi đời được 64, Tăng lạp 44.

LƯƠNG TU

Thích Lương Tu, người đời Thanh, quê ở Trấn Hải tỉnh Triết Giang. Thuở thiếu thời, ông làm chức sự nơi Bưu tín cuộc tại vùng đó. Lúc rảnh rỗi thường đi hành hương đến chùa núi Bảo Hoa tại Kim Lăng, am Mâu Bồng ở ngọn Cửu Liên và có quen biết với Tùng Càn hòa thượng. Một hôm, Lương Tu chán cuộc thế vô thường, mang hành lý lên non cầu ngài Tùng Càn thế độ. Thọ giới cụ túc xong, sư chuyên tâm niệm Phật quyết chí cầu vãng sanh.

Sau Tùng Càn hòa thượng được thỉnh chủ trì chùa Kim Tiên ở Từ Khê, Lương Tu cũng đi theo. Vùng ấy có cư sĩ Diệp Minh Niên mến đạo hạnh của sư, cất một cái am gần 5 gian rồi mời về ở. Tất cả sự nhu cầu đều do Diệp cư sĩ cung cấp. Lương Tu ở đó niệm Phật mấy năm, trong am không có vật chi quý giá. Nơi góc phòng thường thấy lưu một đồng tro, chẳng ai biết là duyên cớ gì. Người đến viếng thăm, sư ít tiếp chuyện, bên mình chỉ có một ông lão làm công do Diệp cư sĩ mượn để tùy tiện sai bảo.

Vào đầu năm Tuyên Thống, một hôm Lương Tu đến nhà Diệp Minh Niên xin từ biệt và nói: "Tôi có việc sắp đi xa. Nhờ đạo hữu mấy năm chiếu cố, nguyện khi sanh về Tây Phương đắc quả rồi sẽ trở lại đền ơn!". Diệp cư sĩ lưu lại

nhà dùng ngộ trai. Sư tùy hỷ theo lời, nhân đó mà khuyên tấn cư sĩ thêm về sự niệm Phật, rồi già từ trở về am. Hôm sau thời tiêu thực sáng xong, Lương Tu gọi lão làm công bảo: "Đến bữa cơm trưa ông cứ nấu rồi tự tiện ăn, tôi không dùng". Ông lão tưởng rằng sư có việc đi đâu, cũng chẳng để ý. Tới trưa ông theo lệ thường nấu cơm xong, lên thăm chùng, chỉ thấy cửa am nửa khép, gọi thử vài tiếng không nghe đáp. Ông đẩy cửa bước vào, thấy Lương Tu đang đứng, tay mặt cầm chuỗi để ngang ngực, tay trái buông xuôi ống áo tràng rũ xuống. Lão công quả lên tiếng gọi cũng không đáp, lay thử chẳng thấy động, vội chạy trở về thưa với Diệp Minh Niên rằng: "Thầy đã quy Phật rồi!". Diệp cư sĩ đem theo vài người đến am, thấy Lương Tu quả nhiên đã vắng sanh, thân hình vẫn đứng ngay ngắn giữa thất, thật là điều hy hữu ít nghe thấy. vén tay áo bên trái lên, thì bàn tay của sư đang nắm một bao gói, đem rà soát lại trong ấy có 30 đồng bạc. Xem xét kỹ, thấy mấy ngón tay còn dính tro. Chùng đó mọi người mới nghiệm biết đồng tro là chỗ Lương Tu cất dành tiền, để sau khi mãn phần mua quan quách tẩn liệm, khỏi phiền lụy tới người. Dụng ý của sư thật cũng tế nhị và lành tốt.

Xét ra Lương Tu một đời tín nguyện, trì niệm siêng năng, đến khi lâm chung lại biết trước ngày giờ, đứng thẳng mà hóa. Như thế ngôi vị vắng sanh của sư chắc chắn phải thuộc phẩm cao.

TỊNH THIỀN

Thích Tịnh Thiền, người huyện Bảo Khánh, tỉnh Hồ Nam. Sư tánh cô độc, ít nói cười, cũng không chống trái với ai. Bình thời sư thích ngồi thiền, đối với Tâm địa pháp môn có chỗ tỏ ngộ.

Năm Quang Chử thứ 34 đời Thanh, Tịnh Thiền trở về Sương Châu trụ nơi chùa Chúc Thánh, mỗi ngày giữ việc đóng chuông và quét dọn. Trừ Phật sự chánh ra, sư thường ngồi yên nhắm mắt. Mùa thu năm Tuyên Thống thứ ba, Tịnh Thiền bỗng vương bệnh. Có người khuyên đến lương y xem mạch bốc thuốc, sư chỉ mỉm cười mà không đáp. Đến khi bệnh mỗi ngày tăng thêm, Tịnh Thiền tới vị Tri khách thưa: "Tôi sắp về Phật, xin dự bị cho một chiếc bảo khám để đợi lúc mạng chung". Tri khách tăng y lời lo liệu chu tất. Nửa tháng sau, sư nấu nước tắm gội thay y phục, rồi bảo bạn đồng tham rằng: "Ngày hôm nay tôi sẽ từ trần, xin xưng hồng danh Phật để trợ niệm cho sự vãng sanh". Vị tăng đồng tham nói: "Từ trước tới nay thầy vẫn tu thiền, sao đến khi lâm chung lại muốn niệm Phật?". Tịnh Thiền bảo: "Tôi mật tu Tịnh Độ đã lâu, vả lại niệm Phật đâu có chướng ngại gì với môn thiền định!". Bạn đồng tham nghe nói, liền mời thêm hơn 10 vị tăng khác đến trợ niệm. Khi tất cả tới nơi, Tịnh Thiền bước vào bảo khám ngồi kiết già ngay thẳng, cử xướng bài Hương tán xong, đầu bỗng hơi cúi xuống. Bạn đồng tham quả rằng: "Bình sanh dụng công đặc lực cùng không, đều ở giờ phút này! Tại sao đầu lại cúi

xuống?". Sư ứng tiếng đáp: "Xin vâng!", rồi ngược đầu lên ngay thẳng. Lúc tụng kinh A Di Đà tới đoạn: "Vô lượng chư thiên đại chúng câu", sư lần lần nhắm mắt. Một vị tăng nói sè: "Tịnh sư đi rồi!". Sư nghe nói mở mắt ra bảo chưa, và yêu cầu cứ tiếp tục đừng loạn động. Khi tụng đến câu: "A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp". Tịnh Thiên bỗng chột hé mắt hiện tướng mỉm cười rồi nhắm mắt đi thẳng. Chư tăng vẫn tiếp tục tụng kinh niệm Phật rất lâu mới chấm dứt. Kiểm soát lại, thấy nơi đánh sư còn nóng, đầu vẫn ngay thẳng, không nghiêng ngửa cũng chẳng cúi xuống. Đình khám ba ngày, sắc mặt của sư còn tươi như sống.

Lúc ấy, người xung quanh nghe tin đồn tới quan chiêm rất đông đảo. Ai nấy đều khen ngợi đạo hạnh của sư. Cho đến các tín đồ Gia Tô, ngày thường hằng chê bai phá hoại Phật giáo, cũng tới dò xét và bảo: "Cái chết của ông hòa thượng này, thật cũng rất ly kỳ và tốt đẹp!". Hơn 7 hôm sau, đại chúng mới đem thi thể của sư ra làm lễ thiêu hóa. Công việc xong, chư tăng kiểm soát lại trong liêu phòng của sư, thì chỉ còn một chiếc áo tràng rách mà thôi.

KHUYÊN TU

I

Chẳng kết duyên lành đạo diệu thâm
Lửa danh lợi đốt, khổ thẳng trầm.
Đâu hay nhà ruộng cùng tiền của

Tạm mượn người coi ít chục năm!

Tấn, Bạt Đà La tôn giả

II

Ái dục trói lồi chẳng lúc xong
Hằng ngày phiền não quấn quanh vòng.
Ngục tù quan pháp còn khi mãi
Cái ngục gia đình mãi đóng gông!

Tấn, Ca Rị Ca tôn giả

III

Bốn đại hợp hòa có huyễn thân
Chết rồi bốn đại thả qui chân.
Oan cừ ân ái vui buồn mộng
Trước mắt mình theo với nghiệp nhân!

Tấn, Bán Thác Ca tôn giả

IV

Ăn ngon ý sanh tham
Ăn dở tâm sanh giận!
Thịt cá thích say no
Chúng sanh đây khổ hận!
Đời người trong bữa ăn
Tham giận mê lẫn quấn.
Bạc trí dứt trần duyên
Vui đạo hằng tinh tấn.

V

Kẻ ngu thói ác tập thành quen
Đen trắng nào hay chuyện dữ hiền.
Đến lúc hơi tàn bày khổ nghiệp
Mới kinh mình vướng mối oan khiên!
Nếu không xung Phật trồng căn thiện
Đâu được trời Tây nở bảo liên?
Mượn nước cành dương trần cầu lạng
Bờ mê sớm thoát bước lên thuyền.

Xung Mặc đại sư

VI

Chuông chiều trống sớm giục ngày qua
Lần lửa hoa dung thấy kém già!
Tóc bạc răng long đừng ngó ngẩn
Diêm vương tin gởi biết chằng mà?

Bắc Sơn đại sư

NHƯ TRÍ

Thích nữ Như Trí, người thời Trung Hoa Dân Quốc, họ Vương, hiệu là Lễ Tuyên. Cô sanh quán ở thôn Uyển Bình tại Kinh Triệu. Thuở bé Như Trí đã trường trai, thích nghe tiếng tụng kinh niệm Phật. Lớn lên tánh tình càng đơan trinh nghiêm tĩn.

Thấy người chị họ xuất gia ở am tranh trên núi, giữ tiết thanh khổ tu hành, cô hằng muốn đi theo. Nhưng vì cha mẹ quá mến yêu, nên cô chẳng dám nói ra, chỉ thường theo chị lên núi ở, bẻ củi gánh nước, lấy sự ăn mặc thô sơ thanh đạm làm vui. Năm 18 tuổi, Như Trí bị bệnh nguy kịch, thuốc thang vô hiệu, chỉ còn hơi thở thoi thóp ra vào. Trong cơn hôn mê, cô chỉ kêu xin xuống tóc thọ giới, không nói điều chi khác. Cha mẹ quá thương con gái, liền đến trước bàn Phật quỳ khẩn nguyện, nếu được lành mạnh sẽ cho xuất gia. Sau khi đó bệnh cô lần lần thuyên giảm.

Đến 21 tuổi, Như Trí và người chị cùng tôn lão hòa thượng Đồng Bảo làm thầy thế độ, xuống tóc nương ở chùa. Mùa đông năm ấy, trước khi thọ giới, cô lạy sám hối, học tập luật hạnh, ngày đêm tinh tấn không xen hở. Nhưng vì quá lao khổ, đến khi vào giới đàn, bệnh cũ tái phát, cô chỉ gắng gượng thọ được 10 giới sa di ni. Các giới sư thương xót, khuyên cô trở về chùa điều dưỡng, để kỳ khác sẽ thọ giới cụ túc. Nhưng vừa về tới chùa, bệnh cô trở nặng, thầy thuốc đều bảo không thể chữa trị. Tuy nhiên, Như Trí vẫn bình tĩnh giữ chánh niệm, lâm râm xưng Phật hiệu không ngớt.

Trải qua vài tuần như thế, một hôm cô bỗng mở mắt, chấp tay nhìn lên hư không, cao tiếng xưng Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát 3 lần, lại xá 3 lượt trạng như lễ bái, rồi lặng lẽ mà vắng sanh. Lúc ấy nhằm ngày 17 tháng 11 năm Dân Quốc thứ 8 (Tây lịch 1919).

NHƯ GIÁC

Tỳ kheo ni Như Giác, họ Hứa, người ở Thai Châu. Cô có ba anh, một chị, anh hai và anh ba đều xuất gia, Như Giác cùng chị cũng mến hạnh thoát ly, nên vào ngày rằm tháng giêng năm Quang Chử thứ 11 đời Thanh, cả hai đồng làm lễ xuống tóc. Bấy giờ người chị niên kỷ đã 22, cô vừa đúng 20 tuổi.

Sau khi thọ giới cụ túc, hai chị em cùng đóng cửa chuyên tu 3 năm. Đến khi ra thất lại đồng đi dâng hương các nơi danh sơn, hơn một năm mới trở về. Kế đó cùng tiếp tục nhập thất thêm 9 năm nữa. Ngày hoàn mãn ra thất, hai chị em dung sắc tươi sáng, sự tu trì càng thêm tinh tấn. Riêng phần Như Giác, mỗi ngày lễ Phật 1000 lạy, niệm Phật nhiều không tính kể. Khi gặp người, cô đều khuyên niệm Phật cầu vãng sanh, thường nói bài kệ giản dị như sau:

Bớt nói một câu chuyện,
Bớt sanh một lỗi ác.
Thêm niệm một câu Phật,
Thêm nhiều duyên giải thoát!

Hàng Phật tử được sự cảm hóa của cô, phát tâm tinh tấn niệm Phật rất đông. Ngày mùng 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, sau khóa tụng sáng, sư cô cảm thấy trướng muện uất hơi. Các đệ tử vội đem thuốc thang đến cho uống, hôm sau đã hơi khỏe, vẫn tiếp tục khóa niệm như thường.

Nhưng xế qua, sư cô bỗng phát lạnh, vội trùm chăn nằm, song chẳng thấy ra mồ hôi. Đến ngày mùng 6, bệnh tăng thêm nặng, nhưng sư cô thần trí vẫn thanh tỉnh, gọi đồ chúng đến bên giường trợ niệm. Tới chiều mắt lần nhắm, tay chân giá lạnh, ni chúng lộ vẻ bi thương khóc lóc. Như Trí bỗng mở mắt mỉm cười, bảo chúng rằng: "Kiếp người vẫn như huyễn, sống có chi đáng mừng, chết có gì đáng thương? Tại sao các con lại lộ vẻ thương tình khóc lóc như thế? Sau khi thầy đi rồi, các con càng nên cư xử với nhau thêm hòa hảo, càng gắng tinh tấn tu trì chớ biếng trễ. Sống chết luân hồi là việc lớn, ngày giờ có hạn, muôn lần các con đừng để làm lần luống qua! Đã mang thân người nữ, lại có duyên lành được hiện tướng ni tăng, đó là một nhân phước rất lớn. Vậy các con phải nghiêm cẩn giữ gìn phẩm cách tỳ kheo ni, việc làm đúng như lời nói, để trở thành một ni tăng có danh có thật!". Dặn dò xong lặng lẽ mà thoát hóa, trạng thái cực an lành.

Qua giờ ngộ hôm sau, đánh đầu của sư cô càng thêm nóng, hưởng tuổi đời được 57, giới laps 37.

LIÊN TRINH

Sư cô Liên Trinh, nguyên là con gái của nhà họ Triệu ở Đan Đồ. Mùa thu năm Quang Chử thứ 25, nửa đêm cô trốn đến am của tỳ kheo ni Viên Tín cầu xin xuất gia. Thấy người tuổi trẻ mà có tâm lành, quyết chí thoát trần, Viên sư

thương xót chấp nhận và làm lễ thế độ. Lúc ấy cô mới vừa 17 tuổi.

Khi đã hiện tướng ni tăng, Liên Trinh tu hành rất siêng năng thành kính. Mỗi ngày cô tụng kinh A Di Đà 49 biến, niệm Phật vài muôn câu, dù đau yếu cũng không trễ bỏ. Sau khi thọ đại giới, sư cô mới trở về hương lý thăm viếng song thân. Gặp nhau, cha mẹ đều mừng rỡ, nhưng dùng đủ lý lẽ khuyên ép phải để tóc hoàn tục. Liên Trinh thề chịu chết, không dám vâng lời. Ở nhà một tháng an ủi cha mẹ, sư cô lại trở về am. Từ đó sự tu trì lại càng thêm tinh tấn.

Chiều ngày 29 tháng 7, năm Dân Quốc thứ 11, sau khi dâng hương đức Địa Tạng, sư cô bỗng cảm thấy nhức đầu, liền lại giường nằm. Sáng hôm sau, ni cô Duyệt Thiên đem cháo đến, Liên Trinh không ăn và nhờ nấu nước cho mình tắm gội. Sau khi cạo tóc tắm rửa xong, sư cô thay áo mới sạch, đắp ca sa vào, ngồi nghiêm chỉnh niệm Phật. Cả am nghe thấy lạ, đồng tụ hội tới thăm. Liên Trinh chấp tay hướng về Viên sư thưa: "Đức A Di Đà Thế Tôn và Địa Tạng Vương Bồ Tát báo cho con biết, nhân hạnh đã thuần, ngày giờ vãng sanh đã đến. Xin thầy gắng bảo trọng, con đi đây!". Rồi hướng về đại chúng cúi đầu cáo biệt. Giã từ xong, sư cô liền nhắm mắt mà qua đời.

Lúc ấy vào khoảng 3 giờ chiều, ngày mùng 1 tháng 8 năm Nhâm Tuất (hưởng dương 44 tuổi).

QUẢ NHƠN

Thích nữ Quả Nhơn, con gái họ Đào ở Bành Trạch, trước kia cha mẹ gả về nhà họ Tôn. Đến năm Bính Ngọ niên hiệu Quang Chử đời Thanh, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp, lễ ngài Thánh Tôn làm thầy. Tới đầu kỷ nguyên Trung Hoa Dân Quốc (Tây lịch 1912), cô mới được cho xuống tóc.

Ban sơ, cô tu tập theo thuật Đạo dẫn của bàng môn. Khi phong trào chấn hưng Phật giáo bộc phát, nhóm cư sĩ ông Lưu Khế Tịnh đến am lập thành hội Phật Học, cô mới được hiểu qua về nội điển. Nghe giảng thuyết: niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là pháp môn dễ chóng nhiệm màu, cô liền phát lòng tin, bỏ hết lối tu tập sai lầm trước kia, hướng về Cực Lạc. Mỗi ngày cô đều tụng kinh Kim Cang, Di Đà, trì chú Đại Bi và niệm Phật, chia làm hai thời khóa khuya và tối. Mùa đông năm Giáp Tý, cô hơi vướng bệnh đàm, đệ tử là Thường Tham vào đêm mùng 8 tháng chạp, mộng thấy bốn vị đồng tử cầm tràng phan dẫn đầu, phía sau lại có bốn người khiêng một chiếc kiệu đi theo, mách cho biết: "Chúng tôi đến rước sư cô ở am này về Tây Phương!".

Đêm 28 tháng 4 năm Ất Sửu (1925), Quả Nhơn tự nằm mộng thấy một vị tăng, tay trái ôm chiếc bát hoa sen, tay mặt duỗi xuống quá đầu gối, bảo: "Ngày mùng 5 tháng 6 tới đây, ngươi sẽ được ngồi trên tòa sen cõi Phật!". Sáng ra, cô đem điềm ấy thuật lại với Thường Tham, rồi trao cho chìa khóa, sắp đặt mọi việc, dặn rằng: "Thầy được sanh về Tây

Phương, gần gũi Phật Bồ Tát, nghe lời giáo huấn tu hành là điều rất hân hạnh. Con nên khéo hầu hạ sư ông, giữ gìn cấm giới, duy trì mỗi đạo và cố gắng niệm Phật tụng kinh. Mọi việc phải giữ như lúc thầy còn hiện tiền, chớ làm điều chi lầm lỗi!". Bảy hôm trước khi từ trần, cô bảo đệ tử xuống núi, chuyên lời giảng biệt các hàng Phật tử. Cư sĩ Khế Tịnh thấy cô chưa thọ đại giới, liền tới chùa Thành Hoàng thỉnh thầy kheo Ngô Đạo và chư tăng ni đến tại bản am lập đàn truyền cho giới cụ túc. Cư sĩ lại sắm ba y, bình bát và tọa cụ để cúng dường.

Đêm mùng 3 tháng 6, Thường Tham lại mộng thấy vị tăng cao hơn một trượng, khoác áo ca sa đỏ, nơi vai quàng chéo qua ngực một chiếc băng, trên có đề chữ: "Nam Mô Tây Phương tiếp dẫn, A Di Đà Phật". Vị tăng ấy đầu đội mũ cánh sen, chóp mũ nổi hiện một đóa bạch liên, trên có đức Phật ngồi kiết già. Tăng sĩ bảo: "Ta đến đây thỉnh ni cô Quả Nhon đồng về Tây Phương Cực Lạc thế giới!". Hai hôm sau, sư cô bảo cho biết đã tới kỳ Tây quy và từ giả đại chúng. Thầy kheo Ngô Đạo, cư sĩ Khế Tịnh cùng nhiều vị khác hay tin trước, đều đến trợ niệm. Sau thời ngọ trai, Quả Nhon thưa với đại chúng rằng: "Tiết trời quá nóng nực, xin các vị tạm trở về nhà nghỉ ngơi tắm gội, vì vào giờ Tuất tôi mới đi. Tắm xong các vị tới đây cũng chưa muộn". Đại chúng nghe nói đều tán về.

Trước giờ, mọi người y hẹn đều tụ hội đến. Quả nhiên, đúng giờ Tuất, sư cô ngồi ngay thẳng niệm Phật giây lát rồi

viên tịch. Hôm sau làm lễ nhập khám, sắc diện còn tươi như sống. Sư cô dặn đồ chúng thiêu hóa thi hài, đem tro trải nơi đường để kết duyên với chúng sanh.

THÁNH ĐẠO

Thích nữ Thánh Đạo, con gái họ Tôn ở Bành Trạch, thuở niên thiếu cha mẹ gả về nhà họ Đào. Niên hiệu Quang Chử thứ 32, cô xuất gia nơi am Tịnh Độ ở bản ấp. Năm Dân Quốc thứ 9, cư sĩ Lưu Khế Tịnh lập Phật Học Hội tại am, ni sư nhân nghe pháp, mới quyết lòng niệm Phật cầu sanh Cực Lạc.

Vào tháng 8 năm Dân Quốc thứ 15 (1926), Thánh Đạo mộng thấy có người đến am trao cho một phong thư rồi chấp tay thưa: "Ni sư sắp được tiếp dẫn sanh về Tây Phương, thư tín này đừng nên để lạc mất!". Khoảng tháng mười, Thánh Đạo lại mộng thấy mình đi triều lễ đức Quán Thế Âm ở Nam Hải, thuyền ra khơi độ vài ngày, ghé vào bờ rồi lên núi. Trên đường lên non, ni sư thấy một bà lão ngồi trên gộp đá, nơi lòng hai bàn tay hiện ra đôi mắt chớp chớp như điện. Thánh Đạo hỏi: "Đây là nơi nào?". Bà lão đáp: "Linh Sơn!". Ni sư nghe nói liền lột mũ, cúi xuống lạy. Bà lão khen: "Ngươi niệm Phật rất thành kính, ta sẽ rước đến Tây Phương. Nhưng hiện thời hãy tạm trở về!". Rồi nắm tay dắt đứng dậy. Thánh Đạo giật mình thức giấc, thì chiếc mũ đã rớt nằm trên gối. Rạng ngày ni sư liền đem điềm mộng ấy thuật lại với đồ tôn là Thường Tham và bảo: "Vào

ngày 13 tháng giêng sang năm, ta sẽ được vãng sanh!". Kế tiếp, dặn dò hậu sự rất rành rẽ.

Cuối tháng chạp, vào đêm trừ tịch, Thường Tham mộng thấy Thánh Đạo lên chánh điện lễ Phật. Lễ xong thốt lời giã biệt ra đi, lại nghe ngoài am có tiếng người huyên náo bảo rằng đến tiếp rước lão hòa thượng. Ngày 13 tháng giêng năm Đinh Mão, khóa tụng buổi sáng xong, ni sư bảo Thường Tham rằng: "Hôm nay có Phật sự, con nên nấu cơm sớm". Rồi liền vào phòng tự in giấy tiền vãng sanh. Sau thời cúng ngộ, dùng cơm gần xong, Thánh Đạo cảm thấy hơi phát lạnh, vội bảo: "Ta sắp đi!". Lúc ấy chén cơm nơi tay bỗng bay lên quay tròn như bình hoa sen, cao khỏi đầu người. Ni sư cười bảo: "Đẹp lạ thay!". Ước chừng một khắc, chiếc chén mới từ từ hạ xuống đứng ngay thẳng, không rơi đổ hạt cơm nào. Việc này thật không thể nghĩ bàn!

Đến giờ Mùi, quả nhiên ni sư an lành niệm Phật mà thoát hóa.

ĐẠI NGỘ

Tỳ kheo ni Đại Ngộ tự Pháp Lâm, họ Viên, người ở huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Lúc tuổi trẻ, cha mẹ hứa gả về nhà họ Thiệu, nhưng chưa làm lễ vu quy mà chồng đã chết. Cô liền thề không tái giá, rồi vào am Đại Bi ở phía Tây bản huyện mà xuất gia làm ni. Bên nhà chồng chấp

theo lễ tục ở đời, dùng trăm cách để ngăn cản. Song cô lập chí kiên quyết, nên rốt cuộc sở nguyện cũng được thành.

Sau khi xuất gia, cô gắng sức làm công quả, gánh nước, giã gạo, bở củi, nấu cơm. Những thời khóa tịnh niệm sớm hôm cũng không trễ bỏ, mỗi ngày càng thêm tinh tấn. Sư cô quyết chí niệm Phật cầu sanh Cực Lạc, thường nói: "Sự rộng lớn của Phật pháp, duy có môn Tịnh Độ là hợp thời cơ. Ngoài ra, việc tụng kinh lễ sám là để giúp tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, khiến cho tịnh nghiệp dễ thành mà thôi!".

Thấy cảnh am hoang phế, sư cô ra công quyên mộ sửa sang lại, xây dựng Phật đường, liêu phòng, lập vườn trồng rau, để giúp cho chúng được yên ổn thanh tu. Gặp kẻ đau khổ, Đại Ngộ đều tùy duyên nói pháp, khiến cho nhiều người cảm mến nương về rất đông.

Lúc lớn tuổi, sư bà thấy mình sắc lực lần suy mòn, vội đi triều lễ các non: Phổ Đà, Cửu Hoa... cảm được nhiều thoại tướng. Tháng 2 năm Dân Quốc thứ 16, sư bà vương chứng cảm mạo nhẹ, trong bình viết lời kệ rằng:

Việc thế muôn duyên rũ sạch không,
Duy câu Phật hiệu vẫn gìn lòng.
Luân hồi một niệm siêu miền khổ,
Kiết sử mười dây thoát mối vòng.
Sáng suốt đài tâm hơi bụi lắng,
Nhiệm màu tánh tịnh ánh trăng trong.
Ngày nay mãn nguyện về Tây cảnh,

Thuyền độ rồi soi đuốc tuệ hồng.

Đến ngày 18, Đại Ngộ thấy đức A Di Đà phóng quang tiếp dẫn, liền thuật lại cho chúng biết, ngỏ lời giã biệt, rồi an nhiên niệm Phật mà vãng sanh, hưởng thọ được 73 tuổi. Ngày 28 làm lễ trà tỳ, được 5 viên xá lợi tròn sáng.

HOÀNG NGUYÊN

Sư cô Hoàng Nguyên tự Tánh Lượng, người thời Dân Quốc, thế độ nơi am Huệ Nguyệt Cư ở Nam Kinh. Cô phát tâm rất sớm, bình sanh ưa niệm Phật siêng lễ sám, tôn kính thầy, hòa đồng chúng, mỗi mỗi đều trang nghiêm thành khẩn. Tánh lại đoan trang ít cười nói, giữ mình nghiêm, đãi người hậu, sự ăn mặc ở rất đơn giản đạm bạc. Mỗi khi sư cô lãnh chúng lên chánh điện niệm Phật, thường lo đi trước sợ trễ sau, sớm tối vẫn một mực, dù tiết lạnh nóng cũng không gián đoạn. Sự tu tập cứ đều đều như thế, trải vài mươi năm như một ngày.

Mùa thu năm Canh Ngọ thời Dân Quốc (1930), Hoàng Nguyên bỗng vương bệnh. Đại chúng vẫn kính mến hạnh kiểm của sư cô, hết sức lo thuốc thang đổi thay điều trị, song chẳng thấy hiệu nghiệm. Hoàng Nguyên nằm nơi giường bệnh hơn hai tháng, gương mặt khô gầy, thân mình phù thũng, sự ăn uống lần giảm. Biết cơn đau là do túc nghiệp, khi có người đến thăm, sư cô ít nói năng, chỉ lâm râm gắng công niệm Phật. Về sau nhiều ngày không ăn được, song sự trì niệm vẫn không thôi bỏ. Vài hôm trước

khi lâm chung, sư cô mấy phen thấy đức A Di Đà, đại chúng cũng nghe mùi hương lạ đầy thất. Riêng Hoàng Nguyên lại thấy một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp hiện ở trước giường.

Khi sắp mãn phần, tuy hơi thở còn yếu thoi thóp, song sư cô vẫn động môi lưỡi tùy theo tiếng khánh của đại chúng mà niệm Phật. Kế đó giữ chánh niệm phân minh, an lành thoát hóa trong tiếng xưng danh trợ niệm. Lúc ấy nhằm tháng mạnh đông, ngày 28.

KHUYÊN TU

I

Đường Tây cần chỉ giữ lòng bền
Gắng sức siêng tu thẳng bước lên
Chánh hạnh ví thêm công trợ hạnh
Di Đà từ thế vẫn đâu quên!

II

Tây Phương báu lạ cảnh hằng xinh
Từ phụ xót thương độ hữu tình!
Tám vạn bốn ngàn môn giải thoát
Di Đà sáu chữ tuyệt cao minh!

Minh, Nhứt Nguyên đại sư

III

Ao sen hoa đẹp nở hằng ngày

Sắc lạ quang minh chiếu bảo đài.
Bi nguyện tay vàng xa tiếp dẫn.
Chúng sanh sao mãi giấc còn say ?

IV

Bao quát muôn phương công niệm Phật
Cao hơi đập cửa khuyến tu hành
Duyên sao vội gấp kêu đường ấy?
Vì sợ người mê rớt hỏa khanh!

Nguyên, Trung Phong đại sư

V

Mai trắng vừa tàn, hạnh nở xinh
Gió xuân há phải có riêng tình ?
Lòng thanh sáu chữ hàm muôn tượng
Công đức Di Đà thẩm vạn linh.

Minh, Diệu Ý đại sư

VI

Lá biếc điểm xen bốn sắc hoa
Mỗi hoa mỗi vị niệm Di Đà.
Chớ nghi Tịnh Độ đường xa cách
Mưa phối người về tợ nước sa!

Tống, Bắc Sơn đại sư

VII

Đường Tây thẳng tắt biết hay chưa?
Sáu chữ hồng danh tối thượng thừa!
Muốn dặt tay lồi nhưng chẳng được
Do người tự nguyện Phật duyên đưa.

VIII

Tây Phương quê cũ sớm quay về
Hơi thở mạng người chớ trễ mê!
Kiếp tạm có chừng nên quý tiếc
Đừng lo lỡ bước lạc sơn Khê!

IX

Liên Bang rảo bước sớm tu trì
Sống chết vô thường chẳng hẹn kỳ.
Khảy ngón ánh dương ngoài cửa tắt
Thương câu: “Thất thập cô lai hy” !

Minh, Nhứt Nguyên đại sư

X

Trần sa sống chết kiếp trần sa
Lại hết trần sa chẳng thoát ra!
Một niệm chỉ nhân tình chữa dứt
Vô biên số kiếp đắm mê hà!

Nguyễn, Trung Phong đại sư

PHẠM NGUON LỄ

Cư sĩ Phạm Nguon Lễ tự Dụng Hòa, người đời Thanh, quê ở Tiên Đường. Thuở niên thiếu ông học Nho, tâm hạnh thành thật, thờ song thân rất có hiếu. Một độ, người cha đau, ông cắt thịt bắp vế sắc hòa với thuốc đem dâng, bệnh được lành. Mẹ là Dư thị ốm nặng, ông lại làm như thế một lần nữa, bệnh cũng thuyên giảm.

Không bao lâu, song thân đều quá vãng, vợ cũng kế tiếp mãn phần. Bảy giờ đang lúc tráng niên. Nguon Lễ cảm khái cuộc thế vô thường, dẹp bỏ duyên trần, theo nhà dưỡng chân tu học đạo Tiên. Trải hơn mười năm như thế, công phu đã có đôi phần hiệu nghiệm. Sau nhân đọc sách của ngài Liên Trì, ông chợt tỉnh ngộ, đến chùa Vân Thê xin thọ tam quy ngũ giới. Nguon Lễ giữ giới hạnh rất bền chắc, những thứ phục dụng bằng tơ tằm lông thú đều không dùng, bỏ hết lối tu cũ, chuyên về Tịnh Độ. Đối với pháp quán tưởng, cư sĩ lại càng tinh mật. Trước kia khi thân mẫu sắp lâm chung tinh thần mờ loạn, cư sĩ khuyên chuyên lòng quán tưởng đức Quán Thế Âm, bà mẹ y lời làm theo. Vài hôm sau, bỗng nói: "Mẹ đã được Bồ Tát tiếp dẫn đến cảnh giới lạ màu sắc đẹp!". Nói xong vui vẻ mà qua đời. Bởi nguyên do đó, Nguon Lễ rất vui sự hiệu nghiệm của môn quán tưởng.

Cư sĩ tánh hiền lành, ưa phóng sanh bố thí giúp đỡ kẻ nghèo khổ hoạn nạn. Khi làm những việc từ thiện, ông rất siêng cần chu đáo, không nài mỗi nhọc. Gặp chư tăng ni,

đều phát tâm tùy sức cúng dường, không bỏ sót. Vì thế đương thời nghe tới tên Nguơn Lễ, hàng tăng tục đều biết và mến trọng.

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ tám, cư sĩ đóng cửa nhập thất nơi Đại Động Các ở Thành Nam, định kỳ hạn trăm ngày niệm Phật. Một hôm đang khi ngồi tịnh, huyền công tu Tiên thuở trước bỗng phát hiện. Lúc ấy ông cảm thấy thanh khí của trời đất từ giữa hư không kết thành nhiều làn, liên tiếp đi vào đánh, mũi, miệng, rồi thẳng xuống đơn điền, cùng với nguơn khí của mình hòa hợp. Bảy giờ thân tâm rất an ổn nhẹ nhàng và điềm lạc không thể thí dụ. Giây phút có một đũa anh nhi cao chừng vài tấc, từ đánh môn xuất hiện. Đũa bé ấy bay liệng xung quanh đùa giỡn trái một thời gian, rồi do đánh đầu trở vào. Từ đó về sau, mỗi khi tu đến mức cực tĩnh quên trần niệm, liền có anh nhi ra vào như trước. Ban sơ Nguơn Lễ tâm ý rất mừng, sau đó chợt nghĩ: "Đây có phải là một trong năm mươi thứ ám ma của kinh Lăng Nghiêm nói chẳng? Nếu ta cho là kỳ đặc, tất sẽ lạc vào bầy tà. Và lại người niệm Phật chỉ ở Tây Phương, thánh cảnh không hiện, lại chuộng thứ này để làm gì?". Do đó thường thường giác chiếu giữ chánh niệm, anh nhi mới không còn xuất hiện. Nhờ duyên này, cư sĩ mới khế ngộ sâu lý duy tâm, sức tín nguyện hạnh càng thêm thuần chắc. Về sau ông thường bảo người rằng: "Cảnh giới ấy là cửa ải nguy hiểm nhứt thuở sanh bình. Nếu tôi không sớm giác

tĩnh, tất sẽ lạc vào bồng môn. Thế nên biết sự tu hành cần phải tinh tường dè dặt!".

Mùa hạ năm Đạo Quang thứ mười một, Nguơn Lễ tĩnh dưỡng nơi chùa Tịch Chiếu ngoài cửa Thanh Thái. Ở địa phương này có bà họ Trầm lòa cả đôi mắt. Bà có chí niệm Phật, song bị con dâu thường ngăn trở. Cư sĩ nghe biết, liền bảo: "Việc này có thể dàn xếp ổn thỏa. Hành động của cô dâu kia là do vì gia cảnh nghèo thiếu, nếu giúp cho sự sống tốt mọi việc đều yên". Nói đoạn ông vào thành quyên mộ, nhờ người giúp cho Trầm bà mỗi tháng vài đấu gạo. Bà dùng có dư chuyên giao cho người dâu, nên cô này hoan hỷ không còn ngăn trở nữa. Nguơn Lễ lại diễn nói sự lợi ích về niệm Phật cho nghe, và dạy bảo cách sám hối phát nguyện. Một tháng sau, một người hàng xóm của Trầm thị tới nói với cư sĩ: "Bà lão niệm Phật hôm trước, nay đã vãng sanh rồi!". Nguơn Lễ hỏi nguyên do, người ấy thuật lại từ việc: "Sau khi được sự giúp đỡ, bà lão siêng năng niệm Phật thế nào? Sám hối phát nguyện ra sao? Đến tháng vừa rồi, Trầm thị biết trước ngày về Tây Phương, bảo cho cô dâu hay. Tới kỳ hạn, bà tắm gội thay y phục, ngồi chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Trầm bà di chúc cho cô dâu nhờ chuyển lời tạ ơn Phạm công. Hiện thời bà vừa mãn phần chưa có quan quách và đồ tân liệm. Cô dâu định bán đứa con gái để lo sắm về việc ấy. Bây giờ phải làm thế nào?".

Nguơn Lễ nghe nói, liền bàn với các thiện hữu, góp chung được một số tiền, giao cho người hàng xóm đem đến

giúp cô dâu. Hơn tuần sau, ông lại tới nhà hỏi thăm. Đến nơi thì người dâu tay đang cầm tràng chuỗi, miệng lâm râm niệm Phật. Thấy cư sĩ đến, cô vui mừng đón rước kính lời tạ ơn. Vừa ngồi xong, những người hàng xóm hay tin tề tựu, tranh nhau muốn biết mặt Phạm công. Rồi hết kẻ nọ tới người kia chuyên nhau thuật lại việc của bà họ Trâm, đại khái y như ông hàng xóm đã nói hôm trước. Họ lại chỉ một cô bé nói: "Đây là đứa trẻ đã mang ơn ngài, khỏi bị đem đi bán!". Ngươn Lễ hỏi linh cữu của Trâm bà để đâu, cô dâu thưa: "Khi mua quan quách tẩn liệm xong, hàng xóm đều bàn luận: Phạm công vốn người ở trong thành, mà còn chịu từ xa làm việc thiện. Chúng ta là tình lân lý, đâu nên làm khách bàng quan! Do đó tất cả mới chung góp tiền mua đất, đem quan tài của mẹ cháu và luôn linh cữu của chồng cháu đã quàn từ lâu, đồng một ngày đem đi an táng!". Cư sĩ nghe nói vui vẻ ra về.

Mùa đông năm ấy, Ngươn Lễ đem những công việc từ thiện của mình làm còn dở dang lo tính toán kết thúc và chuyển giao trách vụ cho một liên hữu khác. Tháng giêng năm sau, cư sĩ đến riêng từng nhà các đồng bạn, ân cần khuyên khích tu hành, dường như kẻ sắp đi xa. Người con trai của cư sĩ có việc đến miền Tòng Giang, ông bảo: "Con đi ra ngoài, mọi việc nên khéo xử sự. Cha nay tuổi già, tháng có điều chi biến cố, cũng chớ nên kinh lo. Phải giữ bổn phận mình đối với trách vụ của người giao phó!". Nghe

nói, cậu trai tuy hiểu biết, song chỉ cho đó là lời quá lo xa của người lớn tuổi mà thôi.

Đến ngày hai mươi bốn tháng giêng, Nguơn Lễ thức dậy sớm bảo gia nhor rằng: "Hôm nay ta thấy trong người hơi mỏi nhọc!". Nói đoạn, vẫn dùng cháo sáng như thường. Ăn xong, cư sĩ đi tản bộ đến trước nhà gần bên đứng bàng hoàng một khắc, rồi trở về ngồi ngay thẳng nơi giường niệm Phật. Con cháu trong nhà thấy hơi lạ hỏi thăm, ông khoác tay ra dấu bảo im lặng. Đến giờ Ngọ, tiếng niệm nhỏ dần rồi an ổn mà qua đời. Giờ Dậu ngày hôm sau nhập liệm, đánh đầu hũy còn nóng. Bảy giờ nhăm năm Đạo Quang thứ mười hai, cư sĩ hưởng thọ sáu mươi ba tuổi.

Lời Bình:

Xem cách thức Nguơn Lễ lo kết liễu mọi việc, từ biệt bạn, dặn dò con, chẳng thể gọi là không dự biết trước kỳ lâm chung. Nhưng tại sao ông lại không nói ra minh bạch? Theo thiên ý, sự biết trước ngày giờ quý ở chỗ tự biết để cho tâm được yên vững, không chủ đích nơi phô trương với mọi người. Huống chi nếu đến giờ mà bạn lành đều họp, hoặc ra có sự lợi ích trợ đạo. Thảng như quyền thuộc không nén được thể tình, vây quanh ngậm ngùi thương khóc, há chẳng phải muốn thành mà trở lại bại ư? Việc cư sĩ Nguơn Lễ không nói ra, tất cũng bởi lý do đó.

---o0o---

TÔN PHỤC NGUYÊN

Cư sĩ Tôn Phục Nguyên tự Mẫn Tư, người đời Thanh, vốn hàng Chư sanh ở Nhơn Hòa. Tánh ông rất từ thiện, lúc thiếu thời thích đọc các sách: Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Vãn, lập chí tuân hành theo. Chỗ Phục Nguyên ở, đối diện với nhà hàng thịt. Một hôm thức dậy sớm, ông thấy họ giết heo liền phát nguyện giữ giới sát, mua heo đem phóng sanh ở chùa Vân Khê. Tuy chưa thể dứt hẳn cá thịt, Phục Nguyên thường ăn chay. Những loài kiến, muỗi, rận, rệp, cũng dè dặt không dám làm để tổn thương.

Đến tuổi tráng niên, mỗi ngày cư sĩ đều tụng Đại Bi sám, kinh Kim Cang, niệm Phật, lại thêm ghi Công Quả Cách. Vừa được 2 năm, ban đêm đi không cần đèn đuốc, trước mắt tự có ánh sáng. Thấy thế, ông càng cố gắng tu các công đức, lấy chuyện phóng sanh, giúp kẻ nghèo đói làm điều cấp thiết. Phàm các việc thiện không luận lớn nhỏ, đều cố gắng hết sức mà làm. Sau nhân quản lý về vụ muối, lo tính phân vân, ban đêm đi ánh sáng lần lần mất. Phục Nguyên chợt tỉnh ngộ tự bảo: "Ta làm lạc rồi!", liền chuyển giao công vụ, trở về lo tu niệm làm lành như trước. Từ đó ánh sáng lại hiện ra, khiến ông lại càng tin thêm lý cảm ứng.

Cư sĩ niệm Phật quán tưởng, một lòng cầu vãng sanh, mấy chục năm như thế không hề gián đoạn. Tuổi hơn 70, ông càng gia công tinh tấn, nên thường cảm hiện nhiều điềm lành. Lắm khi Phục Nguyên mộng thấy ngôi sao to

như cái chén, chiếu ánh sáng đến mình. Hoặc nằm mơ tự thấy quì trên đài hoa sen trắng, đối Phật trì tụng. Một đêm, ông vừa nằm xuống gối, bỗng nghe có tiếng nói: "Đức do mình chứa, phước tự trời dành!". Vội mở mắt ra thì không thấy chi cả, song âm vang còn rành rành bên tai. Ngày 21 tháng trọng xuân, năm Đạo Quang thứ 12, đang khi lễ bái, cư sĩ chợt phưởng phát thấy một vị khoác áo ca sa đứng trước chỗ bồ đoàn. Lúc cúi xuống lạy, đầu đụng vạt áo, nhưng khi ngược lên thì vị ấy đã ngồi trên tòa cao. Trái ba hôm sau, ông cảm thấy yếu kém mỗi nhọc, song vẫn nằm nghiêng bên hữu niệm Phật. Vừa lúc đó, đức A Di Đà hiện thân ngoài song cửa, tướng trang nghiêm màu đẹp vô cùng!

Đến ngày mùng 2 tháng 3, Phục Nguyên thức dậy sớm, thần trí tươi vui, tùy ý đi ngồi không lộ vẻ chi đau yếu. Tới chiều tối, cư sĩ bảo gia nhơn rằng: "Sáng mai đi mua cho ta 2 gánh ốc, 100 cân lươn, rồi đem thả nơi sông hồ". Lại bảo: "Sau khi ta mãn phần, các con cháu phải gắng sức niệm Phật, phóng sanh, làm các việc lành, chớ quên lời căn dặn!". Bấy giờ đang ngồi bên án, ông liền vắn đờ đèn, cầm bút viết vắn số phóng sanh, nét chữ ngay ngắn, không chút sai lầm. Viết xong lại giương nằm lâm râm niệm Phật, một lúc rồi yên ổn qua đời, thọ 75 tuổi.

Lời bình:

Công niệm Phật quán tưởng sâu, nên hằng có điềm lành ứng hiện, đó là sự lý rất thường, không đủ lấy làm lạ. Người tu tịnh nghiệp phải gắng hết tâm thành kính, một lòng nhớ

niệm. Ngoài ra chẳng nên vọng cầu điều chi, mới có thể tâm cùng Phật hợp, không đến nỗi khởi sanh việc ma.

LÝ CẦN

Cư sĩ Lý Cần tự Hương Đài, người đời Thanh, nhà ở Nhơn Hòa. Tánh ông thuần hậu không hay chống trái với người, lại đĩnh ngộ ham học. Những kinh sách của đạo Nho cùng Bách gia chư tử thấy đều thông thuộc. Tuy hoài bão tài năng, Lý Cần lại lạnh nhạt với lợi danh, không có niệm tiến thủ. Ý chí ông thanh khiết hằng nghĩ cách thoát trần, nên theo tu Tiên với các nhà huyền học.

Qua tuổi trung niên, Lý Cần chuyển sang tín hướng Phật thừa, thọ tam quy ngũ giới, được pháp danh là Diệu Tịnh. Từ đó ông hằng dụng công tiến tu, đối với Thiền tông có phần lãnh ngộ sâu sắc, nhưng lại lấy Tịnh Độ làm chỗ nương về. Cư sĩ thường bảo: "Một đôi chút hiểu biết về tông hoặc giáo, cũng không giúp ích được chi. Tôi thà giữ pháp vững chắc là thiết thật niệm Phật, ngoài ra không dám nói cao xa lớn lối, để tự dối khi mình!". Ông gia tư vốn chẳng dư giả lắm, song gặp chuyện cần bố thí tất không tiếc, lại thường điềm đạm ẩn danh. Đối với việc Tam Bảo, cư sĩ hết lòng tôn trọng, từng chạm tượng Phật bằng gỗ chiên đàn và tháp để kinh Kim Cang. Lại cho khắc hai tấm bia tuyên dương Phật pháp, dựng nơi chùa Hải Triều. Kế tiếp, ông mượn thợ chạm một bảng Cực Lạc Thế Giới Toàn Đồ, để tiêu biểu chí tín nguyện. Một hôm nhân thiết lễ trai

tăng, cư sĩ nghỉ lại nơi chùa, ở nhà bọn trộm thừa cơ vượt tường lên vào, mở toang cả cửa lớn nhỏ, sáng ra mới biết. Gia nhưn kinh hãi, kiểm soát kỹ lại, song chẳng thấy mất vật chi. Người xung quanh đều bảo, do ông thành tín tu hành, nên có chư thần ủng hộ.

Thời đó, Giám Đường hòa thượng là bậc kiệt xuất trong tông lâm, khi viên tịch có để lại một tập di cảo. Lý Cần nghe nói thâm nhập đem ra in truyền bá, song vẫn chưa từng quen biết với Giám công. Mùa hạ năm Đạo Quang thứ 12, đưa cháu gái là Hạnh Cô đau nặng sắp mãn phần, cư sĩ hôm sớm ở gần bên khuyên tấn và xưng hồng danh để giúp phần chánh niệm. Kết cuộc Hạnh Cô gắng niệm Phật đến hơi thở cuối cùng và an lành mà thoát hóa. Không bao lâu Lý Cần cũng vương bệnh, thầy thuốc đến chẩn trị rồi dặn: "Đây là do bởi sự tổn nhọc dồn chứa nên sanh ra chứng thương khí, cần phải yên lặng tĩnh dưỡng. Nếu chẳng thế, thì bệnh càng thêm nặng!". Sau khi y sĩ ra về, ông ôn tồn bảo: "Lời đó tuy đúng, nhưng là trách vụ của một lương y, cũng là quan niệm theo tình đời. Riêng mình, ta xét thân này như huyễn, nên không muốn vì giữ việc nhỏ mà làm tổn thất điều lớn". Rồi lại càng tinh tấn gia công niệm Phật, và lo kết thúc tất cả việc công đức làm còn dở dang.

Đến tháng 10, bệnh tăng thêm nặng. Giữa đêm ngày 11, cư sĩ ngồi kiết già niệm Phật rồi yên ổn mà vãng sanh. Trước đó ba ngày, Lý Cần đòi một chiếc tăng mạo, thân quyền vội sắm đem trao cho. Ông tiếp lấy đội lên đầu rồi

mừng rỡ bảo: "Mạn y ta đã có, chỉ còn thiếu thứ này thôi. Nay được đội đẽ ra mắt đức A Di Đà, thì lòng mong ước đã đủ. Nên dùng hai món này thành liệm, để toại chút ý nguyện thuở sanh bình!".

Ngày 12, lúc sắp nhập quan, các liên hữu thử dờ mũ để dò thăm, thì thấy hơi nóng từ đánh xông lên như giở nắp chiếc nồi đang sôi. Cư sĩ hưởng dương được 47 tuổi.

TÀO HÀI HÒA

Cư sĩ Tào Hài Hòa, pháp danh Quảng Trí tự Thanh Ngũ quê ở huyện Thượng Nguơn tỉnh Giang Nam. Gia đình ông làm nghề nhuộm tơ lụa, do đó lại dời về Tô Châu lập cơ nghiệp.

Mùa thu năm Đạo Quang thứ 7, nhân vợ đau yếu, Hài Hòa rước y sĩ Hạ Văn Vinh đến xem bệnh và điều trị. Văn Vinh là một Phật tử, nên giảng giải về pháp môn Tịnh Độ, khuyến tấn tu hành. Ban sơ, Hài Hòa tin vâng theo, sau lại sanh nghi hỏi Văn Vinh rằng: "Có kẻ bảo anh đem hình thức niệm Phật để dối gạt người, việc ấy như thế nào?". Văn Vinh đáp: "Dẫn dụ người tạo nghiệp làm quấy, để cho họ bị sa đọa vào ba đường ác chịu quả khổ, lưu lạc luân hồi, có thể bảo đó là dối gạt. Khuyến người tu giới, định, huệ, ăn chay niệm Phật, cầu sanh cõi Cực Lạc ở Tây Phương, để cho họ trở về quê cũ thành quả Bồ Đề, độ mình và tất cả chúng sanh, sao lại gọi là dối gạt?". Hài Hòa nghe nói chột lĩnh ngộ, dứt hết mọi nghi, lại hỏi: "Làm thế nào để chắc

chấn về đến quê hương Phật quốc?" Văn Vinh đáp: "Giữ giới làm nền tảng, tu phước làm trợ duyên, chấp trì câu hồng danh làm chánh hạnh, niệm cho đến khi được nhứt tâm. Đó là đường lối trở lại quê xưa Cực Lạc!". Nghe xong, Hải Hòa vui mừng khắp khởi, liền đến quy y với ngài Bội Độ Hải. Mùa xuân năm sau, lại thọ ngũ giới nơi ngài Nghĩa công ở chùa Linh Thứu. Từ đó cư sĩ mới thiết thật tinh tấn tu hành.

Một đêm, Hải Hòa nằm mơ thấy tòa Hắc sơn cao chón chờ đón trước mặt. Trong ý muốn vượt qua, nhưng lại bị khe suối cách ngăn. Sau núi, vàng hồng từ từ chìm lặn về phương Tây trong cảnh ánh chiều rắng đỏ. Tỉnh giấc, cư sĩ nghiệm biết là duyên trần của mình sắp mãn. Nhân đó lại càng gia công tinh tấn, đem gia tư gồm 3000 lượng vàng trong vài năm lần lượt tu phước bố thí hết. Tháng 4 năm Đạo Quang thứ 14, thôi làm nghề nhuộm, thu gọn dư sản trở lại quê hương. Trước đó Hải Hòa khuyên thân mẫu tu Tịnh Độ, bà mẹ thấy ông không có con trai, bảo cưới vợ lẽ. Ông thưa: "Con nguyện cùng mẹ đồng sanh về Cực Lạc. Ở cõi ngũ trược dễ bị mê lầm gây nhiều tội ác, không nên tạo thêm duyên nghiệp làm chi!".

Về quê chưa bao lâu, bà mẹ niệm Phật mà qua đời. Đầu tháng 6 năm đó, cư sĩ cũng nhiễm bệnh. Đến ngày mùng 6, ngồi kiết già niệm Phật mà thoát hóa. Đứa con gái của cư sĩ thấy thế, phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật liên tục trong 49

ngày đêm, cũng ngồi vắng sanh với nét mặt an lành tươi tỉnh.

Lời bình:

Trong vòng 100 ngày mà mất luôn 3 người, kẻ chưa hiểu đạo, theo quan niệm đời tắt bàn luận phân vân cho là vô phước. Nhưng cả quyển thuộc đồng gởi chất nơi thai sen, được thân kim cương đẹp tươi rực rỡ, ở cõi thất bảo trang nghiêm, và sẽ cùng chúng đấng thần thông giải thoát là điều cực hân hạnh, đối với bậc trí còn có chi hơn?

TỔNG LAI

Cư sĩ Tổng Lai tự Vọng Sơn, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Đến tuổi hơn 60, ông mới được nghe biết pháp môn Tịnh Độ. Từ đó phát tâm mỗi ngày niệm Phật vài muôn câu. Ông thường nói với bạn rằng: "Việc đã qua dường như mộng, tôi chỉ còn nương hồng danh sáu chữ để giải quyết một kiếp tân sanh!".

Sau cư sĩ đến ở trọ tại vùng Kiều Giang để dạy học. Chủ nhà lấy việc ông ăn chay niệm Phật làm rộn phiền, ngăn cấm mãi chẳng được, nên không cho ở. Cư sĩ liền dời đi nơi khác mở trường dạy học, thầy trò rất là tương đắc. Có lúc ông gọi môn đồ bảo: "Quang cảnh ở học đường rất tốt. Giả sử thầy mãn phần tại nơi đây, các con thấy có nên chăng?"

Một hôm học sinh tề tựu đến, thấy Tổng Lai còn đang chấp tay niệm Phật, nên lui ra. Giây lâu trở vào vẫn thấy còn ngồi im lặng, liền lại gần dò xem thì thầy đã qua đời.

Tìm xung quanh, dưới nghiên gần đó có dần một mảnh giấy. Tất cả họp lại xem, thì đó là lời dự báo ngày giờ vãng sanh, đã viết sẵn từ ba hôm trước.

Trong trường có mùi hương lạ cách đêm sau vẫn chưa tan. Lúc ấy nhằm năm Đạo Quang thứ 15.

TRẦN CƯ SĨ

Trần cư sĩ quên sót tên, người ở Thường Thục, nguyên là chú của tú tài Trần Thế Anh. Mỗi sáng sớm, cư sĩ đều đốt hương ngồi hướng về phương Tây yên lặng rất lâu, người nhà không am hiểu đó là hành động gì? Sau khi cư sĩ mãn phần, mới biết là ông mật tu hạnh Trì danh niệm Phật. Dù cơn gió mưa, tiết lạnh nóng, cư sĩ cứ giữ như thế không hề bỏ sót, trải qua mấy mươi năm.

Tháng 7 niên hiệu Đạo Quang thứ 15, cư sĩ bảo: "Ngày 23 tháng 9 tới đây, ta sẽ về Tây Phương!". Người nhà thấy ông vẫn khỏe mạnh, nên không tin. Trước khi mãn phần ba hôm, cư sĩ hơi cảm bệnh nhẹ, song sự ăn ở cũng như thường ngày. Đến đúng kỳ hạn, ông ngồi yên tắt hơi, quỵn thuộc vây quanh kêu gọi, liền mở mắt dặn bảo vài lời rồi nói: "Thôi ta đi đây!". Kê lại nhắm mắt thoát hóa. Lúc ấy mùi hương lạ từ khắp lỗ chân lông của cư sĩ bay ra sức nước. Thành liệm xong, ba hôm sau trong nhà vẫn còn hơi thơm chưa tan.

Lời bình:

Tu mật hạnh, sự huân tập rất sâu. Thân thể bay mùi thơm, đó là sự dồn chứa công đức từ lâu phát tiết ra vậy.

NGÔ TÔN NGUY

Cư sĩ Ngô Tôn Ngụ tự Thu Đình, người ở Nguyên Hòa. Cha ông là Ngô Liêm tu Tịnh Độ được vãng sanh, mẹ Châu thị vẫn có chứng đau gan. Tôn Ngụ thờ thân mẫu chí hiếu, khi mẹ đau nặng, ông cắt thịt bắp vế hòa với thuốc sắc đem dâng, bệnh chứng lần thuyên giảm. Không bao lâu thân mẫu lìa trần, trong vòng 49 ngày, ông chích máu tả kinh Địa Tạng để cầu cho mẹ được siêu thoát.

Từ đó Tôn Ngụ quy tâm về Phật thừa, lần lần suốt thông cả tông lẫn giáo, được nhiều bậc lão túc ở các nơi khen ngợi. Ông trường trai thọ ngũ giới, chuyên tu Tịnh Độ, tự hiệu là Nhứt Như cư sĩ. Tôn Ngụ từng thành lập Liên xã ở am Kỳ Diệp, khuyên người niệm Phật. Đối với các việc lành như: phóng sanh, bố thí, đều gắng hết sức mà làm. Về sau ông vương bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, viết thư nhờ người chuyển giao cho các liên hữu, xin đến giúp phần trợ niệm. Trong thư có đoạn nói: "Với sức thông hiểu sâu về tông lẫn giáo, với sự hành trì có thể gọi là không dám biếng trễ, hiện thời tôi thấy mình vẫn chưa tự chủ được. Công phu lúc bình nhứt của tôi, khi đau bệnh chỉ còn được phân nửa, có thối lui không tiến triển, thật khó gắng sức. Xin các bạn đồng tu đừng nên nói: Bây giờ ta hãy tạm lo việc đời, đợi đến lúc bệnh sẽ dụng công, tất sẽ tự làm

lạc rất to, ăn năn không kịp!". Trước khi cư sĩ lâm chung một ngày có cư sĩ Tiên Văn Xán đến thăm viếng, hỏi: "Anh vẫn còn nhớ niệm Phật chăng?". Lúc ấy Tôn Ngụy nói năng đã khó khăn, ra dấu đem giấy bút lại, đáp rằng: "Cơn đau đớn lúc sắp mãn phần đã khổ như thế, nên sức niệm Phật nguyện cầu vãng sanh càng thêm bền chắc!". Qua hôm sau, trong tiếng trợ niệm của đồng bạn, ông an lành tươi tỉnh mà qua đời.

Cư sĩ di chúc người nhà không nên đốt áo, giấy tiền cùng vẽ chân dung lưu lại. Trong đám không được sát sanh để cúng tế tiếp đãi. Bảy giờ nhằm ngày 26 tháng 7, năm Đạo Quang thứ 18.

TRƯƠNG XỈ DIÊN

Trương Xỉ Diên, người đời Thanh, nguyên là Quốc học sinh ở Thường Thục. Ông tánh hào sảng, tửu lượng cao, thường cho mình là phi phạm, nghe ai nói đến kinh Phật, liền tác sắc to tiếng.

Một hôm, Xỉ Diên nhân được xem quyển Nhân Quả Luân Hồi, bỗng giác ngộ sự sống chết là việc lớn, liền giới sát, dứt uống rượu, mỗi ngày đều tụng kinh Kim Cang, chú Đại Bi và niệm Phật. Sau mỗi thời khóa quỳ hồi hướng, phát nguyện cầu sanh về Tây Phương. Kế đó ông quy y Tam Bảo, ăn chay trường, chí thành sám hối nghiệp trước. Lúc ấy cư sĩ đang bị chứng thiên phong, nửa mình bên mặt

khô gầy. Có kẻ khuyên nên dùng thịt cá để điều dưỡng, ông chỉ mỉm cười từ tạ mà thôi.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ 19, cư sĩ tả phẩm Phổ Môn ròi mượn người khắc bản để ấn tống. Có kẻ hỏi lý do, ông nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bi tâm sâu rộng, ứng thân khắp pháp giới, là thuyền từ nơi biển khổ, cơ duyên trước mắt chớ để làm qua!". Mùa thu năm ấy, Xỉ Diên mộng thấy mình nuốt hoa sen, nên từ đó càng thêm tinh tấn. Cư sĩ bảo em là Nhi Đán rằng: "Anh phải tụng phẩm Phổ Môn một muôn hai ngàn quyển, mới vừa ý nguyện!". Nhi Đán hỏi duyên cớ, ông than thở đáp: "Bốn nổi khổ sanh, già, bệnh, chết trong đời anh đã trải qua ba thứ, chỉ còn cái chết là chưa biết lúc nào đến mà thôi. Nhưng chắc nó cũng đã tới gần rồi. Như thế đâu nên lo là, chẳng lo dự bị tư lương trước ư?".

Đêm 11 tháng giêng năm Đạo Quang thứ 20, Nhi Đán nằm không yên giấc, trong cơn mơ màng nghe Xỉ Diên tụng phẩm Phổ Môn tiếng rang rang. Lúc ấy chợt thức tỉnh, liền quay mình sang định hỏi, thì thấy ông đang nằm nhắm mắt ngủ. Thì ra cư sĩ đã tụng kinh trong giấc mộng. Rạng ngày Xỉ Diên thức dậy sớm, khóa tụng theo thường lệ xong, rồi có việc đến nhà người thông gia. Vừa tới nơi, ông bị chứng đàm lên ngăn cổ họng, được tạm cứu chữa trở về nhà, liền nằm bất tỉnh nơi giường. Chiều ngày 13, bạn đồng tu là Tạ Phụng Ngô khi đến thăm bệnh, bảo người nhà đốt hương nén bày nơi bàn trước giường Xỉ Diên, rồi lấy tràng chuỗi

lúc bình nhựt của ông trao tận vào tay. Cư sĩ liền nắm lấy để trước ngực lần từng hạt, ánh mắt nhìn thẳng lên, cả thân mình đều rung động, giây phút tắt hơi mẫn phần. Các liên hữu đều quyết đoán đó là cái chết lành, tắt được sanh về Tây Phương. Riêng có người vợ của ông không tin, đối trước quan tài khẩn rằng: "Nếu quả như thế, xin về báo mộng cho biết!" .

Trải qua 5 ngày, đêm lại người vợ nằm mơ thấy có vị gọi bảo: "Chớ nên thương khóc! Ông bạn đời của người đã đi xa cách đây 10 muôn ức cõi Phật rồi!". Thức giấc bà lấy làm lạ, nhưng vì bình sanh chưa từng tụng kinh A Di Đà nên không biết năm chữ: "Mười muôn ức cõi Phật" có ý nghĩa gì. Sáng ra, bà đem điềm ấy hỏi mấy nhà tu Phật, mới biết chồng mình đã vãng sanh, có chứng nghiệm chắc chắn.

TỪ HY

Từ Hy tự Mộng Bạch, người đời Thanh, nguyên là một nho sĩ. Thuở thiếu thời ông từng du ngoạn đất Sầm Điền, thấy cảnh sông núi thắm tươi, lòng dạ thanh thoát; gặp việc trung hiếu tiết nghĩa, liền khắp tuyên dương. Tuổi trung niên mở trường dạy học ở tỉnh ngoài. Đến hơn 40, được người quen là Châu Lân Thơ tặng cho tập Long Thơ Tịnh Độ Văn, xem xong liền tin thờ Phật, lấy hiệu là Mộng Liên.

Kế tiếp ông đến am Tôn Thắng quy y với Lương Khoan hòa thượng, được pháp danh là Như Siêu. Từ đó cư sĩ giữ thập trai, lập nhựt khóa trì niệm, quyết cầu sanh về Tây

Phương. Hơn 60 tuổi, Từ Hy lại nương ngài Linh Thửu Nghĩa, thọ giới Bồ Tát. Sự tu tập càng thêm tinh tấn. Bảy giờ chừ Tăng ở am Sô Sư quyên tiền xây dựng ngôi Đại Thông Các, ông hết sức giúp đỡ cho đến khi lạc thành.

Năm Đạo Quang thứ 21, vào mùa hạ, cư sĩ bồng thanh lý việc nhà, bảo gia nhơn rằng: "Người đời sống được 70, đã mừng xưa nay ít có. Ta may mắn thọ được 72 tuổi, mùa thu này mạng chung cũng đã vừa thời!". Kế đó ông viết một thiên nhan đề là Phản Bồn Tỏa Ngôn nhắc nhở các việc khi mình sắp mãn phần. Trong ấy có đoạn nói:

"Kiếp người như gởi tạm, đã sanh tất có tử. Cái chết vẫn là việc thường của nhơn thế, nhưng vì ân tình giữa vợ chồng con cái từ đây vĩnh biệt, nên chẳng khỏi có sự kêu gọi khóc thương. Tuy nhiên phải biết sống gởi thác về, được yên ổn mãn phần là phước. Huống chi chúng ta đã tu Tịnh nghiệp, chính muốn vượt qua biên khổ, về đến cõi sen. Như thế, lúc lâm chung cần phải giữ một lòng không loạn, mới mong được ý nguyện vãng sanh. Nếu để nghe tiếng kêu khóc, tất kẻ sắp chết dễ bị tình ái kéo lôi, tâm tư rối loạn, công tu niệm lúc bình thời đều trở thành vô dụng. Cho nên, nếu quyến thuộc thương ta khóc ta, chính là ghét ta hại ta vậy! Phải ghi nhớ lúc ta sắp mãn phần, mỗi người đều nên xưng danh hiệu Phật để trợ niệm, đừng rối loạn khóc than. Sau khi ta tắt hơi, ít nhất phải hơn 4 giờ, mới được thay y phục cùng di động, càng chậm càng tốt. Thuở xưa cha của Thiệu Khang Tiết tiên sinh, cũng là trượng nhơn của ngài Y

Xuyên, lúc sắp chết bảo người nhà rằng: "Phải đợi khi thành liệm xong mới được cử ai, chớ vội kêu khóc làm cho ta lạc lối!". Lời này có ghi trong quyển Khang Tiết Ngoại Truyện.

Cư sĩ có viết mấy lời chọn lọc về Thiền và Tịnh như sau:

Tham thiền chẳng niệm Phật

Phải như thùng lọt đáy.

Thảng còn một điểm nghi

Kết cuộc uổng công lực!

Niệm Phật lại tham thiền

Hai việc chính là một.

Tham niệm dính liền nhau

Chẳng thể dễ phóng dật.

Không tham cũng chẳng niệm

Đắc đạo mới bỏ pháp. (1)

Nếu chưa đến bờ kia

Biển khổ không thuyền vớt.

Mùa thu năm ấy, quả như lời đã nói, cư sĩ vương bệnh. Mỗi ngày ông cho người mời chư tăng hoặc các liên hữu luân phiên đến nhà trợ niệm. Lại dạn trước giường thiết bàn Phật, hương đèn tiếp nối luôn. Từ đầu hạ tuần tháng 7 đến đầu hạ tuần tháng 8, suốt 30 ngày. Từ Hy không ăn cơm cháo được, chỉ uống nước gạo rang tiếp sức mà thôi. Người nhà rước y sĩ đến, ông tự biết không thể qua khỏi, kiên quyết chẳng chịu uống thuốc. Khi bệnh ngặt sắp mãn phần,

cư sĩ mạnh mẽ đem hết tàn lực chấp tay niệm Phật to tiếng mà vãng sanh.

Vợ của Từ Hy là Nghiêm thị, thuở bình cư cũng trì chú niệm Phật. Đến 73 tuổi, vì vương chứng kiệt lý, nằm liệt trên giường, song vẫn liên tiếp thâm trì niệm. Một hôm bà cảm thấy sự đau khổ nơi thân bỗng tiêu tan, chứng điếc tai từ lâu cũng dứt hẳn, nghe được tiếng lớn nhỏ gần xa. Người con là Lập Phương đem việc vãng sanh để sách tấn. Nghiêm thị bảo: "Mẹ vẫn thường niệm Phật, chưa từng tạm quên". Vào khoảng canh hai đêm ấy, bà bảo người nhà rằng: "Rạng ngày ta sẽ đi!". Rồi ngồi dậy cầm chuỗi, lớn tiếng niệm hết một tràng, tới đó mới sức mới chịu nằm xuống. Đến sáng hôm sau, bà nhìn quanh thốt lời già biệt rằng: "Đã tới thời khắc ta vãng sanh!". Nói đoạn gượng ngồi lên, chấp tay nghiêm chỉnh. Lập Phương khuyên: "Mẹ nên đi thẳng một đường, đừng nghĩ ngợi chi cả!". Nghiêm thị quả quyết ứng tiếng đáp: "Được!". Rồi niệm Phật độ mười hơi mà thoát hóa.

Bạn đồng sư của Từ Hy là Kim Đình Đống, tự Hữu Lan, người ở Tô Châu cũng chuyên tu tịnh nghiệp. Mùa đông năm Đạo Quang thứ 20, ông mang bệnh. Biết mình sắp mãn phần, ông cho người thỉnh thầy quy y là Lương Khoan hòa thượng cùng vài thiện hữu đến thưa rằng: "Con đã đến bờ vực sống chết, xin thầy và các đồng bạn giúp cho thành tựu duyên sen!". Hòa thượng và đại chúng đồng thanh xưng danh hiệu Phật trợ niệm. Giây lát, ông nói: "Hiện thời con

thấy trước mắt đất đai đều là bảy báu hợp thành, chân đạp bước lên mềm mại êm như bông. Những tiếng nghe bên tai đều nhiệm màu khó diễn tả. Lại thấy xa xa về phương Tây có tám chữ sắc vàng rất phân minh". Một liên hữu cải chính nói: "Anh lầm rồi! Nay đại chúng chỉ niệm tụng có sáu chữ thôi". Kim Đình Đông đưa tay chỉ bảo: "Cực Lạc Thế Giới A Di Đà Phật, chẳng phải tám chữ là gì?". Độ một lúc lâu, cư sĩ lại chấp tay thưa với thầy rằng: "Đệ tử xin đi!", rồi nhắm mắt mà hóa.

Ghi chú:

(1) Nguyên văn “Bất tham diệc bất niệm. Đắc pháp khả xả pháp”. Ý nói: Tham thiền và niệm Phật đều là phương tiện để chứng đạo pháp, cho nên không tham thiền tất phải niệm Phật. Nếu không tham cũng chẳng niệm, chỉ trừ bậc đã chứng đạo pháp mà thôi. Bậc đắc đạo mới bỏ pháp phương tiện, như người đã qua bờ kia mới bỏ chiếc bè. Trái lại, tất phải chìm trong biển khổ, không làm sao cứu vớt được.

TIỀN VẠN DẬT

Cư sĩ Tiền Vạn Dật tự Dục Sơn, người đời Thanh, quê ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Buồi thiếu thời, Vạn Dật theo gia nghiệp, chuyên bán rượu.

Sau ông đổi nghề, giới sát làm lành tu tịnh nghiệp, hết sức sửa lỗi lầm trước. Vạn Dật chỉ có một trai, chẳng may

bị bệnh lao, niệm Phật mà qua đời. Người láng giềng chê cười, bảo tại lo tu hành nên con chết. Ông nghe nói chỉ mỉm cười, vẫn an nhiên thờ Phật như cũ.

Một đêm lửa bén cháy nhà, Vạn Dật chấp tay ngửa mặt lên hư không khẩn rằng: "Nghiep con nặng, đáng bị thiêu hủy gia sản, nguyện xin đừng tổn thương đến những nhà gần bên!". Sau khi lửa tắt, chỉ có nhà ông tiêu ra tro, các gia cư gần đó đều không sao cả. Cố gắng lo chỗ ở tạm xong, Vạn Dật lại khuyên mẹ là Ngô thị trường trai niệm Phật, bà mẹ y theo lời. Kế tiếp ông cũng tự ăn chay trường, nhưng vì tập quán cũ hễ còn, nên thường hay uống rượu. Song nhờ có người em rể là cư sĩ Tạ Phụng Ngô khuyên can, ông cố gắng lần dứt trừ được.

Mùa xuân năm Đạo Quang thứ 22, vợ đau chết, Vạn Dật vẫn sống trong cảnh lẻ loi. Nhiều người khuyên nên tục huyền, ông cự tuyệt và bảo: "Đã có con mà bị chết sớm, tái thú nữa để làm gì? Vả lại chí tôi ở nơi xuất tục, có phải khăng khăng trong sự nối dõi đâu!". Mùa hạ năm ấy, ông đau bệnh lạc huyết, chí thoát trần càng tha thiết, vẫn cố gắng gia công niệm Phật. Đến đầu tháng 7, bệnh ông thêm nặng, ăn vào liền mưa ra. Phụng Ngô sang viếng thăm, nhân an ủi bảo cho biết: Cổ đức đã có một vị nhịn ăn để cầu thấy Phật. Vạn Dật nghe nói, mừng rỡ bảo: "Nếu có việc rất tiện lợi như thế, tôi sẽ cố gắng sức làm theo". Liên hôm sau, ông tắm gội sạch sẽ, đến trước bàn Phật niệm hương và phát nguyện giữ thanh trai trong 7 ngày, xuất tiền mua vật mạng

phóng sanh đề cầu về Tịnh Độ. Kế đó ngày đêm ông niệm Phật không dứt, lúc khát chỉ ăn trái dưa mà thôi. Có người hỏi: "Suốt đêm không ngủ như thế, có mỏi mệt chăng?". Vạn Dật đáp: "Nhờ không ngủ mới niệm Phật được nhiều. Khi tôi không bệnh thì chằng được an nhàn. Nay nhân lúc bệnh được rảnh rang, phải gắng sức, có mệt nhọc gì đâu!".

Bảy ngày vừa mãn, bởi tuyệt cốc nên kiệt sức, thần thức ông hôn loạn. Người nhà cho ăn chút cháo loãng, liền buồn dạ no hơi, hôn loạn càng thêm. Vạn Dật cả sợ, chấp tay đề trên gối, bảo đốt ngón tay cúng dường Phật. Phụng Ngô nói: "Lúc này mà anh phát được tâm nguyện ấy, thì cũng đồng như đã đốt ngón tay rồi. Thôi chi bằng rửa sạch muôn duyên, nhứt tâm cầu về Cực Lạc là hơn!". Ông nghe nói liền nhắm mắt niệm Phật, ban sơ như còn gắng gượng, kế đó nhờ dùng sức dũng mãnh, nên thần trí lần lần an định. Duyên may nhờ mười mấy liên hữu hay tin đến trợ niệm, nên ngày đêm trong nhà ông tiếng niệm Phật nối nhau không dứt.

Chiều bữa mùng 10 tháng 7, Vạn Dật tự nói thấy một vị đi đến trước đầu giường, bảo cả dưa và trái cây đều chớ ăn, hỏi thì xưng là sứ giả ở thượng giới. Qua ngày hôm sau, ông bỗng thấy Tây Phương Tam Thánh hiện thân sáng đẹp trang nghiêm đứng giữa hư không. Đức Đại Thế Chí Bồ Tát tay bưng kim đài mỉm cười nhìn xuống. Ông muốn vượt lên ngòai vào kim đài, chợt nghe tiếng bảo: "Thân người còn chưa sạch!". Kế đó các tướng đều ẩn mất. Vạn Dật liền bảo

nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi tắm rửa thay y phục mới xong, Tam Thánh lại hiện ra như trước. Ông gọi người nhà lại nói: "Tôi đã dạo chơi Tịnh Độ, thấy vô số hoa sen, mình ngồi trên một đài hoa, vui không thể tả!". Lại tự chỉ thân mình nói: "Đây không phải là thân tôi!".

Sáng sớm ngày 12, Vạn Dật từ biệt mẹ và thưa rằng: "Phật cùng chư Thánh chúng đã đến đây nhà, con đi đây!". Nói xong, liền chấp tay niệm Phật mà vãng sanh. Lúc bấy giờ, ông được 37 tuổi.

CHÂU LÂN THƠ

Cư sĩ Châu Lân Thơ tự Văn Tuyền, người đời Thanh, nguyên là hàng chư sanh ở Tân Dương. Lúc gần 50 tuổi, ông bị bệnh nặng suýt chết, sau khi được lành mạnh, sanh niệm sợ hãi, mới để tâm nghiên cứu về kinh Phật. Ông duyệt xem nội điển rất nhiều, thường đem các sách khuyến thiện tặng cho người.

Bấy giờ Lương Khoan hòa thượng từ chùa Sư Lâm thôi viện, về trụ ở am Tôn Thắng, nổi tiếng là bậc hạnh giải kiêm toàn. Lân Thơ nghe danh đến thọ Tam quy Ngũ giới, được pháp danh là Như Nhân. Cư sĩ gọi các bạn đồng tu kết Liên xã ở am Tôn Thắng, mỗi tháng họp một lần, lễ Đại Bi sám pháp và niệm Phật. Mỗi kỳ hội đều có giảng diễn về pháp môn Tịnh Độ, và cùng trình bày chỗ kinh nghiệm để sách tấn lẫn nhau. Về sau cư sĩ đôi mắt lần kém không xem kinh sách được, nhưng khóa tụng càng siêng cần. Khi đi

đứng nằm ngòì đều thậ̀m niệ̣m Phậ̣t hiệ̣u khộng đự́t. Đự́n 70 tuộ̉i, Lân Thợ vượng bệ̣nh dậy đựa vại thạ́ng. Trượ́c khi mậ̃n phậ̀n mậ́y ngạ̀y, cự sị̃ mộ̣ng thậ́y hào quạ̄ng sặ́c trặ́ng chiệ́u sặ́ng rự̣c rự̃. Thự́c giặ́c, ộng việ́t mậ́y bàị kệ̣ nhự sau:

I

Lạc bước trần lao danh lợi mê,
Đua toan nào kể tội muôn bề!
Vợ nhà hờn trách khi cùng quẫn,
Kiếp tạm ngày qua luống ử ê!

II.

Lần hồi vui đạo biết an phần,
Dưỡng tánh gìn lòng lại nẻo chân.
Ứng phó tùy cho xong nợ trước,
Cảnh duyên hoa mộng mặc xoay vần.

III

Trôi dạt tha hương bảy chục thu,
Nổi chìm vinh nhục há không do?
Quay đầu bên giác đi về thẳng,
Tùy cảnh chi sờn bước tịnh du.

IV

Nghiệp báo ngày nay trả dứt xong,
Rất may tánh Phật chẳng mê lòng.
Vô sanh đặt bước đường bằng ổn,
Liên Quốc miền vui trước mắt trông!
Khi bệ̣nh ngặ̣t sặ́p mậ̃n phậ̀n, cự sị̃ gặ́ng sự́c ngòì lẹ̄n niệ̣m Phậ̣t mạ̀ hũa. Tuy tặ́t hợi đậ̃ lậ̀u, song hai tay vậ̃n chậ́p

lại chẳng buông ra. Các liên hữu dò thăm, đỉnh đầu rất nóng. Bảy giờ nhằm mùa đông năm Đạo Quang thứ 25.

CÙ TẤN HÒE

Cù Tấn Hòe, người ở Thường Thục, bình thời không tin Phật, cho việc cầu sanh Tây Phương là đại ngu. Tháng 3 năm Đạo Quang thứ 17, ông bị chứng lạc huyết lần lần chuyển nặng, thuốc thang vô hiệu. Một đêm Tấn Hòe nằm thấy thần báo mộng rằng: "Bệnh của người duy chỉ có họ Tôn mới chữa trị được thôi!".

Tỉnh giấc, ông nhớ trong hàng thích hữu có y sĩ Tôn Chiên Lâm, liền cho người mời đến điều chẩn. Chiên Lâm xem mạch xong, bảo: "Bệnh đã thâm nhập khó bề cứu vãn, dù hốt thuốc chẳng qua là gắng gượng làm cho tận hơn sự mà thôi. Nếu anh chịu phát tâm niệm Phật hồi hướng, đó mới chính là diệu phương. Bằng chẳng thế thì tôi không thể nào làm chi hơn được!". Tấn Hòe nghe nói liền nguyện xin niệm Phật, rồi gọi người nhà dặn: "Từ nay tôi giữ giới sát, xin vì tôi mua vật mạng phóng sanh". Lại bảo: "Nay tôi đã tỉnh ngộ, hãy đến chùa mời hòa thượng đến nhà để truyền thọ quy giới và xin sám hối túc nghiệp!". Đó là ông đột nhiên tự phát tâm, từ trước đến nay chưa có ai nói cho biết chuyện ấy.

Trước khi mãn phần vài ngày, Tấn Hòe đem việc nhà giao phó dặn dò với mẹ, như người sắp đi xa. Đến ngày 14 tháng 4, ông gượng ngồi dậy tựa vào ghế, bỗng ngược mắt

nhìn lên như thấy cảnh giới chi. Kế đó chấp tay lớn tiếng liên tiếp niệm A Di Đà Phật hơn 10 câu, rồi tắt hơi đi thẳng.

Lời bình:

Có kẻ nghi rằng Tấn Hòe cơ duyên đã thuận thực, tại sao vị thần không dạy bảo ngay, lại chuyển lời nhờ đến họ Tôn? Ôi! Há chẳng nghe thưở Phật còn tại thế, dân chúng trong một thành nọ không ai hóa độ được, mà chỉ có duyên với ngài Mục Kiền Liên đó ư?

TÔN TÙNG ĐÌNH

Tôn Tùng Đình, người ở Tiên Đường, bình thời vốn thờ bà Đẩu Mẫu. Mùa thu năm Đạo Quang thứ 17, đang lúc nằm bệnh, thấy có nhiều vị đem cờ lọng, xe ngựa đến chờ đón rước. Ông liền gọi thân quyến thuật lại việc đó, và nói: "Thôi xin trân trọng giã biệt tất cả, tôi sắp đi đây!". Người em út là Tôn Hựu Thôn ngăn lại bảo: "Hãy khoan! Đó là cõi quý thần, không phải chỗ tốt, xin anh đừng đi theo!".

Giây lát, Tùng Đình nói: "Vì tôi không chịu đi, nên các vị ấy đều ản mất, bây giờ biết về nơi nào?". Hựu Thôn đem pháp môn Tịnh Độ ra giảng khuyên. Tùng Đình nghe nói vui vẻ phấn chấn, muốn xưng hồng danh Phật, song lúc đó lưỡi cứng nói đó không thể niệm thành sáu chữ. Hựu Thôn liền giúp lớn tiếng trợ niệm. Tùng Đình mới nương theo tụng ra tiếng được rõ ràng. Niệm đến hơn một ngàn câu, ông liền im lặng mà về Phật.

ĐÌNH ĐỒNG TỬ

Đình đồng tử, người ở trấn Mai Lý xứ Thường Thục. Lúc lên 7, cậu bé nghe cha mẹ niệm Phật, nên mỗi buổi sáng cũng ra trước bàn Phật trì niệm theo.

Không bao lâu em vương bệnh nhẹ, sớm mai đang nằm bỗng chợt ngồi dậy nói: "Hôm nay chưa niệm Phật là tự làm lỗi to rồi!". Liền vội gắng đi súc miệng rửa mặt, ra trước lễ Phật trì niệm xong, mới nằm trở lại. Đến xế chiều cậu bé thưa với mẹ rằng: "Con thấy đằng xa trước mắt có ao bấu lớn, hoa sen đua nhau tươi nở, giữa hư không Phật và chư Thánh đang chờ đón rước. Con xin theo Phật về Tây Phương, mong cha mẹ đừng lấy làm kinh lạ!". Đoạn liên tiếp niệm Phật một lúc lâu rồi ngất đi. Trong cơn bất ngờ, người mẹ còn mong cho con tỉnh lại, song chỉ nghe tiếng nấc nấc trong cổ họng, như muốn nói mà không ra lời. Bỗng đồng tử niệm to bốn chữ: "Đại từ đại bi..." rồi tắt hơi.

Qua hôm sau nhập liệm, cả mình đều lạnh, chỉ có đánh đầu còn nóng.

KHUYÊN TU

I

Biển trần tham dục biết sao cùng!
Khóa lợi vàm danh khó dứt xong.
Tình niệm nếu xoay thành Phật niệm
Tây Phương Cực Lạc một đường thông.

II

Nghĩ sâu địa ngục phát Bồ Đề
Trở gót quê sen chớ lại mê!
Nong nả lối xưa nên sớm bước
Kẻo khi trời tối lạc đường về.

III

Niệm Phật đâu từng ngại việc làm
Người theo công việc tự mê tâm.
Bóng câu thân huyễn không tồn tại
Chớ phụ trời Tây đấng Nguyễn vương!

IV

Mái tranh mưa tạnh ánh dương hồng
Thoáng chốc mù che lại chẳng đồng.
Huông nữa mạng người trong nhịp thở
Chuông mai còn chắc được nghe không?

V

Sống chết mệnh mang khắp biển trần
Di Đà thuyền nguyện độ mê tâm.
Kiếp xưa có phận đời nay gặp
Mau bước lên thuyền lại cõi chân.

VI

Một niệm mê sanh vạn mỗi mang

Trần lao nghiệp thức kết thành đoàn!
Nếu không phải bậc tâm hùng liệt
Đâu dễ vươn mình đến Lạc Bang?

DƯƠNG THỊ

Dương thị người thời Càn Long nhà Thanh, nguyên là bà nội của cư sĩ Viên Tử Tài. Vì con trai mất sớm, bà nương theo con gái là Hồng phu nương mà tu hành.

Dương thị tĩnh cư riêng ở một gian lầu, 30 năm chân không bước xuống đất. Bà thờ Quán Âm đại sĩ rất thành kính, tụng kinh niệm Phật không ngớt. Tánh lại hiền từ, nếu nghe dưới lầu có tiếng đánh đập nô tỳ, thì bâng hoàng ăn không được. Có đưa tớ gái nào lên lầu, bà liền chia thức ngon của mình cho ăn. Đến 97 tuổi, trước khi mãn phần, Dương thị bảo lấy bồn để rửa chân. Cô tớ gái xách cái bồn bằng gỗ thường dùng đem đến. Bà nói: "Không được! Lần đi này ta sẽ bước lên hoa sen, hãy lấy cái bồn bằng đồng đem lại đây!".

Rửa chân vừa xong, bỗng nghe mùi hương thanh lạ như chiên đàn bay ngào ngạt khắp gian phòng. Dương thị liền ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Trái hơn 3 ngày đêm mùi hương ấy mới tan.

NHAN THỊ

Nhan thị, hiệu Huệ Phương, người ở Triều Dương, tỉnh Quảng Đông, nguyên là vợ của Lâm Chi Kỳ và mẹ của cư

sĩ Lâm Tiết. Chi Kỳ nhà nghèo, khổ công học tập song thi mãi không đỗ, nên u uất thành bệnh mà mãn phần. Lúc ấy Nhan thị đang có thai, hơn tháng sau mới sanh ra Lâm Tiết.

Tánh bà hiền thực, tuy chồng vừa chết, nhưng nhờ bên cha mẹ ruột giàu có được chia phần ăn, nên sự sống cũng tạm yên. Nhan thị hiếu đễ với cha mẹ chồng, hòa thuận cùng làng xóm, giữ tiết nuôi con cho đến khi khôn lớn. Gia thế vốn thờ phụng đức Quán Âm, đến phiên bà lại càng thêm lễ niệm thành kính. Một hôm bàn tay bà bị gai đâm sưng lên đau đớn khó chịu, dùng nhiều thứ thuốc thoa uống vẫn không hiệu nghiệm. Đêm nọ, Nhan thị mộng thấy Bồ Tát đến xoa nắn chỗ đau, trao cho một hạt đậu, ăn vào thấy ngọt. Lúc tỉnh dậy, bệnh liền dứt hẳn. Từ đó bà phát tâm ăn chay trường và tụng kinh niệm Phật, mỗi ngày đều có định khóa.

Trải 15 năm, Nhan thị tu hành một mực như thế không thối chuyển. Trước khi mãn phần một tháng, bà gọi con và dâu lại khuyên bảo trai giới tu niệm, lại dặn sắm y phục mới cho mình cách thức như nhà tu. Trước giờ lâm chung, Nhan thị ngồi niệm Phật một lúc rồi yên lặng vãng sanh, thọ 65 tuổi. Sau khi bà mất, Lâm Tiết mộng thấy mình theo thanh y đồng tử, ngồi thuyền vượt biển đến một chỗ lâu các nguy nga ánh sáng rực rỡ. Có một vị lại gần bên bảo: "Mẹ ngươi là Ưu bà di Nhan thị, đã vãng sanh về cõi Cực Lạc!".

Bấy giờ vào khoảng cuối năm Gia Khánh đời Thanh.

TIỀN LAN TRINH

Tiền Lan Trinh, người đời Thanh, quê ở Tô Châu. Thuở bé, tánh cô rất đoan trang nghiêm tĩnh. Lớn lên, được cha mẹ gả cho họ Cố. Về sau đang lúc mang thai, cô bị bệnh nguy ngặt, nửa thân hình đều lạnh, tâm thần mê loạn. Có hàng chí thích nhân đến thăm, khuyên người chồng nên lập thệ giữ giới sát, và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Họ Cố chí tâm y theo lời. Ba hôm sau, Tiền thị cả mình đều xuất hạn, cơn bệnh dường như mất hẳn.

Sau khi lành bệnh, Lan Trinh phát tâm niệm Phật và thánh hiệu Quán Thế Âm. Cô giữ thời khóa rất chắc, dù lúc tiết trời giá lạnh hoặc nóng bức, vẫn không thay đổi. Mùa đông năm Đạo Quang thứ 28, Lan Trinh nhiễm chứng lạc huyết, bệnh lần thêm nặng. Dây dưa đến ngày mùng 8 tháng 10 năm sau, cô bỗng nói: "Biển khổ mênh mang, ba hôm nữa tôi đã có thể ra khỏi!".

Đến sáng sớm ngày mùng 10, Lan Trinh bảo lập bàn hương án phía bên hữu giường nằm, rồi bảo: "Hôm nay quyết định về Phật!". Nói đoạn, niệm danh hiệu đại sĩ, giầy lát bông xung A Di Đà Phật. Tới giờ Thân tiếng niệm Phật lần thấp nhỏ, hướng về Tây an lành mà mãn phần. Qua hôm sau, đánh đầu còn nóng. Cô hưởng dương được 29 tuổi.

TRÂM TRINH NỮ

Trâm trinh nữ, quên sót tên, nguyên là con gái của cư sĩ Trâm Tuyết Phong. Thuở bé, cô nghe cha mẹ giảng nói về

lý nhân quả, lập chí giới sát phóng sanh. Lớn lên, nghe nói đến việc nghị hôn, liền khóc lóc không ăn. Cha mẹ dò hỏi ý, cô đáp: "Con muốn chờ học cho kinh nghĩa thông thuộc, rồi sẽ xuất gia làm ni". Trầm cư sĩ nghe nói, liền khen ngợi chấp thuận.

Bấy giờ cô mới vừa thông văn tự, chỉ đọc Di Đà, Kim Cang, Tâm Kinh, chú Đại Bi. Song chưa hiểu nghĩa, duy một lòng niệm Phật mà thôi.

Không bao lâu mẹ mất, Trinh nữ liền phát tâm trường trai. Lúc cô 21 tuổi, vào đầu tháng 5, bỗng vương chứng thời khí, bệnh dây dưa hơn vài mươi ngày. Trầm cư sĩ thăm bệnh, thường dặn con niệm Phật quán Phật, một lòng hướng về Tây Phương. Sáng sớm ngày 30, cô hôn mê, cư sĩ gọi tên để cảnh tỉnh, chỉ bày sự vui vẻ khi sanh về Tây Phương, và bảo con an lòng niệm Phật. Sang giờ Mùi, cô bỗng bảo đưa tớ gái đỡ dậy, ngồi hướng về Tây chấp tay niệm Phật. Lúc đó, nhân bà mẹ của quan Tri huyện bị bệnh, Trầm cư sĩ được rước đến chẩn mạch, nên đi vắng. Trinh nữ niệm Phật giây lát, bỗng mở mắt nhìn quanh, hỏi cha ở đâu? Gia nhon đáp: "Ông đi lên huyện". Cô nói: "Không việc chi, chẳng cần gọi cha tôi về, chỉ xin nhờ chuyển lời nói người nên an lòng. Vừa rồi tôi được hai vị Bồ Tát dẫn đi đến thế giới Cực Lạc, bảo Phật đã thọ ký cho tôi vào hàng Hạ phẩm hạ sanh. Nhân vì tôi có hiếu tâm cắt thịt bấp vế hai phen sắc hòa với thuốc để trị bệnh song thân, nên được đổi lại thành Hạ phẩm trung sanh!". Lúc đó, bà quản gia họ Tôn, cũng trường trai

niệm Phật, nghe cô thuật lại tình hình ấy, liền thưa: "Tiểu thư là bậc đồng nữ tu chân, nên mới được sự lợi ích như thế. Còn chúng tôi tu hành nửa vời, chắc bước theo không kịp!". Trinh nữ bảo: "Niệm Phật cần ở tâm chân thiết, không phải tại nửa vời hay chẳng nửa vời!". Lại dặn hàng thân thuộc rằng: "Các vị bình thời niệm Phật chưa chân thiết, e không đắc lực. Nếu có thể chân tâm niệm Phật, đến lúc lâm chung như thế này mới biết được sự thọ dụng. Các vị nên cố gắng. Thôi tôi xin đi!". Nói xong, liền nhắm mắt mà qua đời.

Đến giờ Dậu, Trầm cư sĩ trở về, mới nghe thuật lại mọi việc. Ông lại dò thăm, thấy đánh đầu cô hãy còn nóng.

BẠCH THỊ

Bạch thị, người vào thời Quang Chử nhà Thanh, nguyên là bà ngoại của cư sĩ Châu Thuần Phu. Đến tuổi trung niên chồng bị bạo bệnh mất, kế tiếp con trai và dâu đều nối nhau qua đời. Nỗi thương chồng khóc con quá nhiều, khiến cho bà đôi mắt mù lòa, không còn chút chi là sanh thú.

Từ đó, Bạch thị lạnh lùng với trăm việc, chuyên tu Tịnh Độ, đi đứng nằm ngồi niệm Phật không ngớt. Đến năm 66 tuổi, vào tháng tám bà bỗng cảm bệnh nhẹ, cho người gọi con gái về gấp. Lúc đó cư sĩ Châu Thuần Phu cũng theo mẹ sang nhà bà ngoại. Tới nơi, thấy bà ngồi ngay thẳng trên giường, tợ hồ như không có bệnh chi. Bà bảo con gái: "Mẹ định vào giờ Dần ngày 26 tới đây sẽ về Tây Phương nên

mới bảo con sang gấp!". Thân mẫu của Châu cư sĩ thăm hỏi, giọng nói đầy vẻ bi thương. Bạch thị khuyên: "Từ lâu đối với việc đời, lòng mẹ đã nguội lạnh như tro tàn, không còn chi tham luyến. Mẹ xem sự sống chết đều là tướng huyễn, con hãy cố gắng niệm Phật để cầu giải thoát, chớ nên lo buồn!". Đến nửa đêm ngày 25, bà bảo con gái vì mình nấu nước tắm gội và thay đổi y phục mới sạch. Mọi việc xong, bà ngồi kiết già nơi giường, xây mặt về Tây niệm Phật.

Lúc đó hàng thân tộc tụ họp hơn 20 người. Tới canh năm, Bạch thị bảo mỗi người cầm một cây hương đốt lên chắp vào tay, đồng thanh to tiếng niệm: "Nam Mô A Di Đà Phật". Bà cũng cao tiếng niệm theo. Đến lúc trời hừng sáng, một cơn gió thơm nhẹ thổi tới, tất cả đều nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng giữa hư không. Tiếng niệm của Bạch thị cũng thấp nhỏ dần rồi dứt hẳn. Một người thân lại gần xem thì bà đã về Phật.

MỘT TRINH NỮ

Một trinh nữ ở làng Đông tại Hoàng Pha, tỉnh Hồ Bắc, ký giả quên sót tên họ. Cô bẩm sinh đã có túc huệ, rất nhiệt tâm hướng về đạo. Lúc hơn mười tuổi cha mẹ chọn nhiều nơi định hôn phối, Trinh nữ đều khóc lóc từ chối thệ quyết không chịu lập gia đình. Chẳng bao lâu, cô xin cha đến chùa cầu thọ giới Bồ Tát, kế tiếp chuyên tu Tịnh Độ. Cô giữ thời khóa tụng rất chắc, chân không bước khỏi khuê môn.

Một hôm, người chị dâu đang bồng con, bảo cô lấy dùm tấm tã. Trinh nữ đáp: "Tấm em là tấm Phật, tay em tức là tay Phật, thiết tưởng không nên đụng chạm tới những thứ đó!". Người chị dâu cười lạt bảo: "Em không phải kẻ xuất gia, cứ ở nhà mãi như thế này, ngày kia cũng chưa chắc khỏi có đôi bạn. Rồi chừng ấy làm sao tránh được việc nuôi con?". Trinh nữ nghe nói đứng ngậm ngùi bàng hoàng một lúc, bất đắc dĩ nhón hai ngón tay cầm tấm tã đem lại. Đến tuổi cập kê, cha mẹ nhận lời người đến hỏi và bắt buộc cô phải lấy chồng. Trinh nữ chỉ biết buồn thương và chí thiết niệm Phật cầu nguyện. Gần tới ngày cưới cô cảm bệnh nhẹ, thưa với cha mẹ rằng mình sắp về Phật, xin lo trước hậu sự. Song thân cô không tin, nên chẳng nghe lời. Trước lễ cưới một ngày, Trinh nữ từ giã cha mẹ rằng: "Con đã được hân hạnh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, xin song thân cố gắng tu hành, đừng nên hoài niệm!". Nói xong, cô chấp tay niệm Phật một lúc rồi thoát hóa.

Sau khi cô mãn phần, người nhà y lời trời dặn trước, liệm thi hài trong một chiếc vại to bằng sành. Ba năm sau đem ra định thiêu hóa, thấy thân thể cô không tan rã, chẳng có chút mùi hôi, dung mạo tươi như sống. Duy riêng hai ngón tay cầm tấm tã thì lộ sắc nám đen.

CHÂU PHU NHƠN

Châu phu nhơn, người đời Thanh, nguyên là vợ của Vương Sở Thần ở huyện Sơn Âm tỉnh Triết Giang, và mẹ

của Vương Tâm Tam, một cư sĩ hữu danh thuở ấy. Năm hai mươi sáu tuổi, bà về với họ Vương. Bên chồng nhà giàu, lại rất tin Phật pháp, phu nhơn cũng sùng tín ngôi Tam Bảo, từng xuất cửa lập chùa thờ đức Quán Âm Đại Sĩ và cất miếu thờ thần Thiên Y. Ngoài ra, lại còn bố thí giúp đỡ kẻ nghèo bệnh, phóng sanh, tiếm giấy chử, tóm lại tất cả việc lành đều hết sức đề xướng và thật hành. Những thiện cử trên tuy do Vương quân nắm phần cương lĩnh, song kỳ thật nhờ phu nhơn âm thầm khuyến khích và giúp đỡ rất nhiều.

Từ khi về nhà chồng, phu nhơn liền ăn chay trường, mặc áo vải, ban ngày thì thêu dệt may vá, ban đêm lại lễ Phật tụng kinh. Công việc cứ giữ điều hòa như thế, suốt cả năm không bước chân ra ngoài cửa ngõ. Phu nhơn tánh trầm lặng ít nói, khi hàng thân thích đến thăm, sau ít lời hàn huyên, liền dẫn giải việc tội phước nhân quả. Lúc Vương quân qua đời, hai trẻ hầy còn nhỏ dại, phu nhơn phụng sự mẹ chồng, giáo huấn con thơ, trải đủ nỗi gian nan, hiều từ đều trọn vẹn. Bà có hỏi con gái họ Lữ cho Tâm Tam, song chưa kịp cưới thì cô ấy bị đau, mù cả đôi mắt. Hàng thân tộc đều khuyên bảo nên thôi hôn, nhưng phu nhơn cự tuyệt không nghe theo, cưới đem về, lại dặn Tâm Tam rằng: "Đang khi con sang làm lễ hỏi, thì vợ con đôi mắt hầy còn sáng và tươi đẹp. Nhưng trước khi cưới, nó lại bị mù lòa, đấy cũng là phần số của con. Nếu mẹ và con chê bỏ, tất sẽ làm hư hỏng và tủi nhục đời một người con gái. Vậy con phải săn sóc và thương yêu vợ con, giữ trọn bốn phận làm

chồng cho đến lúc nó mãn phần!". Chỉ riêng một điều này, đủ thấy phu nhơn là một người đầy lòng từ bi và ân hậu.

Trước kia cứ sáng sớm phu nhơn đều tụng Tâm kinh, mỗi ngày có định số. Từ khi sương cư, bà chuyên tâm niệm Phật, quyết định cầu sanh về Tây Phương. Vào tháng ba đầu niên hiệu Tuyên Thống, mẹ chồng mất, phu nhơn lo việc tang lễ chôn cất rất chu đáo, nỗi thương cảm nhọc nhằn khiến thành đau bệnh. Bà nằm liệt nơi giường hơn bốn mươi ngày mới mãn phần. Ba hôm trước khi lâm chung, phu nhơn dặn hai con lo các hậu sự và bảo: "Ba ngày sau vào giờ Ngọ, mẹ sẽ về Phật. Hai con nên tiến tu đức nghiệp, gắng làm người hoàn thiện, và theo gương mẹ chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương!". Đến thời khắc đã định, bà gượng ngồi dậy nhắm mắt thâm niệm Phật, trạng thái rất an lành. Tâm Tam hỏi có thấy chi không, phu nhơn đáp: "Hãy đốt ngọn đèn lòng treo trước cửa và đừng hỏi han làm loạn chánh niệm của ta!". Nói xong bà ngồi yên một lúc rồi lặng lẽ thoát hóa. Mấy giờ sau, Tâm Tam dò xem thấy hai tay phu nhơn đều mềm dịu, đánh đầu rất nóng.

KHUYÊN TU (Điệu Giang Nam Vọng)

I

Ta Bà khở!
Thân thể tợ bè trôi.

Sừng ốc đuôi đeo danh rỗng hảo
Lông ruồi giành giật lợi suông thôi.
Một niệm sớm tâm hồi.

II

Nhơn ngã thạnh!
Sớm tối kết vô minh.
Địa ngục từng đoàn vào thọ khổ
Tây Phương không kẻ chịu tu hành.
Luống chết luống hoàn sanh!

III

Ta Bà khổ!
Năm tháng nước xuôi dòng.
Vinh nhục bi hoan bao thuở dứt
Thị phi hơn ngã lúc nào xong?
Sống chết nẻo mơ màng?

IV

Trong ba cõi
Mặt nước điếm phù âu.
Tài sắc dù cho lừng tiếng khắp
Gò hoang vui dập nắm xương sâu.
Sao chẳng sớm quay đầu?

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT
(của Triệt Ngô Đại Sư)

Hán:

32. Nhứt cú Di Đà
Thằng bản thị ma.
Nại hà bất hội
Phiên nghi tác xà?

Việt:

Một câu A Di Đà
Dây gốc vốn là gai.
Tại sao không thể nhận?
Nghi là rắn làm thay!

Lược giải:

Duy Thức Luận có đoạn thí dụ: Người nọ đi trong cảnh trời nhá nhem tối, chợt thấy một sợi dây to nằm uốn lượn, tưởng là con rắn, vội nhảy tránh la hoảng lên. Đến chùng nhìn kỹ lại mới biết mình lầm, vì đó chỉ là đoạn dây. Nếu người ấy thể nhận sâu thêm, sẽ thấy dây kia cũng không thật, vì do những tơ gai nhỏ kết hợp thành.

Làm dây là rắn, Duy thức học thí dụ cho tánh Biến kế sở chấp thuộc Phi lượng, tức chấp trước mọi sự và lượng định một cách sai lạc. Nhận ra là dây, thí dụ cho tánh Y tha khởi thuộc về Tỷ lượng. Y tha khởi là tánh chất nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi tơ gai mà có. Tỷ

lượng là sự lượng định tương tợ của ý thức so sánh, như thấy dây tương tợ như rắn. Thể nhận sâu thêm, thấy dây cũng giả, chỉ do tơ gai kết hợp thành, thí dụ cho tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Viên thành thật là tánh bao la sáng suốt tròn đầy xác thật. Hiện lượng là tâm lượng của trực giác không phân biệt. Đây mới là tánh lượng xác thật rốt ráo của chân tâm.

Sự ứng dụng về niệm Phật cũng thế. Nếu cho câu hồng danh là một pháp lành, dùng nó để tu cầu phước báu hư huyền của cõi Nhơn Thiên, đó thuộc về tánh Biến kế sở chấp và Phi lượng. Có người dùng câu niệm Phật như một thoại đầu hay phương tiện để dứt trừ vọng tưởng trở lại chân tâm, cũng còn thuộc về tánh Y tha khởi là Tỷ lượng. Như thể nhận niệm Phật tức là Phật, ngay câu hồng danh là phước, là huệ, là thật tướng, là chân tâm và Bồ Đề Niết Bàn, đó mới là tánh Viên thành thật thuộc Hiện lượng. Ứng dụng niệm Phật như thế mới đúng mức. Dùng với hai cách trước còn là khuyết điểm sai lầm. Bài kệ trên, Triệt Ngộ thiền sư muốn nêu cao sự diệu dụng về niệm Phật, để phá lối nhận thức sai lạc của một số người đối với pháp môn này.

Hán:

33. Nhứt cú Di Đà

Hản văn hản đồ.

Ảnh hiện cảnh lâm

Hương tuyên thiên cổ.

Việt:

Một câu A Di Đà
Rất ít nghe ít thấy.
Gương hiện bóng rùng cây
Trống trời tiếng vang dậy.

Lược giải:

Nơi cõi trời Đạo Lợi có chiếc thiên cổ do Bồ Tát hóa hiện. Khi chư Thiên mê say theo ngũ dục, trống ấy nổi lên tiếng âm âm để cảnh giác, và nói ra các pháp: Khổ, Không, Vô thường, Vô ngã. Thiên chúng nghe xong như chợt tỉnh, liền bỏ các thú vui, cùng nhau tụ họp lại Thiện pháp đường để giảng luận về đạo đức. Niệm Phật cũng có tác dụng giống như thế. Bởi công đức câu hồng danh, do sự nhiếp tâm xưng niệm, hành giả sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng, lần lần đi đến chỗ giác ngộ.

Lại như tấm gương tròn sáng vẫn lặng lẽ không phân biệt, mà hiện rõ bóng hoa cỏ, rùng cây với đầy đủ chi tiết. Hành giả niệm Phật đến mức tịch tĩnh vô phân biệt, thì tấm gương lòng tức Đại viên cảnh trí sẽ lần lần hiện ra sáng suốt lan rộng. Trong ấy cảnh y báo và chánh báo của mười phương đều ảnh hiện, đương như có thể nhận biết rõ từng số điểm hạt mưa trong tam thiên thế giới. Như Di Lạc Bồ Tát đã khai thị cho Hư Vân thiên sư: "Gương đại trí trang

nghiêm. Hiện cảnh giới sum la. Trời người và phàm thánh. Thiện ác đều an lạc".

Công đức câu hồng danh rất ít nghe ít thấy như thế, song tiếc thay cũng rất ít người am hiểu suốt thông!

Hán:

34. Nhứt cú Di Đà

Vô khả thí dụ!

Cổ cảnh đương đài

Thủy ngân đọa địa.

Việt:

Một câu A Di Đà

Không thể thí dụ tât!

Gương xưa nơi đài cao

Thủy ngân rơi xuống đất.

Lược giải:

Công năng niệm Phật rất mầu nhiệm, không thể nào dùng thí dụ mà nói ra cho hết được! Về thể, thì niệm Phật sẽ phát hiện Đại viên cảnh trí, ảnh hiện mọi cảnh giới: như tấm gương xưa để nơi đài cao chiếu rõ và in bóng cảnh vật một cách không phân biệt. Đã vô phân biệt thì làm sao dùng lời nói mà diễn tả thí dụ? Về dụng, câu niệm Phật viên dung không ngại, như hạt thủy ngân rơi xuống mặt đất liền lăn tròn. Sự trì niệm hồng danh có đủ Thiên, Giáo, Luật, Mật,

một ngàn bảy trăm công án, tám muôn tư pháp tạng. Nói rộng ra, lục độ vạn hạnh, tất cả hành môn đều dung thông hàm chứa trong câu niệm Phật.

Hán:

35. Nhứt cú Di Đà

Lão bà tâm khổ!

Vạn vạn học chu

Phát thiên quân nỗ.

Việt:

Một câu A Di Đà

Lòng thương xót khổ tâm!

Đẩy thuyền nặng muôn học

Kéo cung mạnh ngàn cân.

Lược giải:

Vì lòng đại từ đại bi, đức Thích Tôn cùng hàng hà sa số chư Phật ở sáu phương, đều hiện tướng lưỡi rộng dài, khen nói công đức không thể nghĩ bàn của môn Niệm Phật, khuyên chúng sanh nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Từ xưa đến nay, chư Tổ cũng đã dẫn kinh viết luận rất nhiều, để tán dương môn Tịnh Độ. Tâm xót thương sâu rộng, lời khổ thiết khuyên răn của chư Phật, Bồ Tát, Tổ sư như thế, thật đã hết lòng hết sức. Ví như người đẩy thuyền

chở nặng muôn hộc, gương cung cứng mạnh ngàn cân, sự dùng tâm vận lực đã đến mức điểm cuối cùng vậy.

Hán:

36. Nhứt cú Di Đà

Minh minh thị hữu

Tứ biện Bát âm

Bà tâm khổ khẩu!

Việt:

Một câu A Di Đà

Rõ ràng chính là có.

Dùng Tứ biện Bát âm

Khổ lời thương giải tỏa!

Lược giải:

Trong cảnh giới Nhứt chân, chẳng phải rỗng không, cũng chẳng phải thật có các pháp. Cho nên Tâm kinh nói: "Này Xá Lợi Tử! Huyền sắc chẳng khác chân không, chân không chẳng khác huyền sắc. Huyền sắc chính là chân không, chân không chính là huyền sắc". Tóm lại, chân không chẳng phải cái không trống rỗng, mà chính nó ở ngay nơi hiện tượng huyền hữu. Có một số người tu về Không môn, như Thiên tông chẳng hạn, chưa hiểu chân lý này, lầm nhận chân tâm là một tự thể sáng suốt rỗng không. Chư Cao đức bên tông môn cũng bác lòi tu theo nhận thức

sai lạc ấy, cho đó là Hư đầu thiên. Bởi hiểu biết sai lạc như thế, nên họ rất ngại niệm Phật, cho tu Tịnh Độ còn có cái chướng của tướng có, như cát lẫn vào cơm. Hoặc họ cũng nhận niệm Phật là có công đức, nhưng còn thuộc về pháp hữu vi. Vì vậy các vị ấy có người đã mượn câu nói của Cổ đức để thí dụ: "Mạt vàng tuy là quý, nhưng rơi vào mắt thì xốn xang thành bệnh!". Kỳ thật cổ nhơn cũng có lời ấy, song nói với một ý khác về bên Thiên khi hành giả hỏi, chớ không phải thuộc bên Tịnh. Các vị ấy cũng không hiểu: Pháp vô vi dung thông bao quát, đâu riêng có ngoài pháp hữu vi?

Thuở xưa ni cô Đạo Càn đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai để phỏng đạo, có hỏi Bảo Lâm Trân thiền sư: "Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?". Trân công đáp: "Đợi khi nào người trừ hết ngũ chướng, đến đây ta sẽ nói cho!". Ni cô thưa: "Thế thì hòa thượng đã bị che làm rồi đấy!". Ngũ chướng là thân tướng người nữ. Ý Đạo Càn muốn nói chân tánh không có tướng nam nữ, nếu y cứ nơi hình tướng để tìm chân tánh là sai lầm. Ngài Bảo Lâm Trân nghe nói biết chỗ tu của ni cô còn lạc vào lối chấp thiên không, nên quát bảo: "Người học ở đâu được cái hư đầu thiên như thế?". Đạo Càn bị quở, bất giác xuất hạn dâm mình, chột tỏ ngộ, liền cúi xuống đánh lễ. Trân công gạn hỏi lại: "Thế nào là tướng đại nhơn?". Ni cô liền đứng chằm hằm dang đôi chân, giăng hai tay ra. Đây là hành động biểu thị tướng đại trượng phu, cũng ngầm nêu rõ tánh chân

không ở ngay trong tướng có. Ngài Bảo Lâm Trân thấy thế biết cô đã lãnh ngộ, liền gật đầu ấn khả.

Bài kệ trên của Tổ Triệt Ngộ, nhấn rõ lý chân không ở ngay nơi hình thức diệu hữu của một câu A Di Đà, nên mới nói: "Rõ ràng chính là có". Tứ biện tài như tập trước đã dẫn giải. Còn Bát âm là tám giọng nói của Phật, gồm có: 1. Âm thanh rất trong tốt. 2. Âm thanh cực dịu dàng. 3. Âm thanh hòa nhã thích ý. 4. Âm thanh tôn trọng sáng suốt. 5. Âm thanh không pha lẫn giọng nữ. 6. Âm thanh giác ngộ không mê lầm. 7. Âm thanh rất sâu xa. 8. Âm thanh sang sảng tuôn trào bất tận. Vì thương xót muốn cho chúng sanh giác ngộ, chư Phật đã dùng bốn thứ vô ngại biện tài, tám điệu âm thanh, khổ thiết tỏ bày dẫn đủ phương tiện chỉ rõ lý chân không ở ngay trong diệu hữu. Và chư Tổ sư trước nay cũng đã thương xót nói đến đấng miệng cạn lời để giải thích lý này.

Hán:

37. Nhứt cú Di Đà

Đích đích thị vô.

Dung tha vạn tượng

Nhập ngã hồng lô.

Việt:

Một câu A Di Đà

Đích xác chính là không.

Nuốt tiêu muôn vật tượng
Tan vào một lò hồng.

Lược giải:

Như trên đã nói sáu chữ hồng danh nguyên là diệu hữu, bài kệ này khai thị một câu A Di Đà chính thật chân không. Với mục đích nêu rõ ý này, xin tạm mượn một việc đã qua để giải thích:

Nhớ lại độ nọ, có vị sư cô tu Thiền đến nói với bút giả: "Gần đây một cư sĩ niệm Phật hơn ba mươi năm, sau khi nghe lý thiền, muốn thể nhập vào cảnh chân không, cảm thấy mình bị trói buộc chướng ngại. Sở dĩ như thế, do vì niệm Phật đã lâu năm, dù muốn xả bỏ tất cả, câu niệm Phật trong tàng thức vẫn cứ hiện ra tiếp tục mãi, không làm sao dứt thoát được!". Biết cô muốn bác rằng: Niệm Phật còn sự chướng ngại về sắc tướng, bút giả đáp:

- Lý tánh chân không vẫn ở ngay nơi các pháp có, nên Bát Nhã tâm kinh đã nói: "Thị chư pháp không tướng". Nếu vị cư sĩ ấy muốn thể nhập vào chân không, thì cái không đó là ngoan không của ngoại đạo, chớ chẳng phải chân không. Tôi xin dẫn ra đây một ít bằng chứng:

1. Thuở xưa, đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều vị sa môn thật hành môn Bất tịnh quán để dứt trừ nhiễm dục. Và đã có vô số chư tỳ kheo tu theo pháp này nên được chứng quả A la hán. Bất tịnh vốn tướng như ác mà Phật còn bảo quán tướng, huống chi câu hồng danh là tướng của công đức

lành? Lại nếu như sắc tướng gây chướng ngại cho việc chứng lý chân không, thì làm sao các vị sa môn kia đắc quả A la hán?

2. Từ trước đến nay, năm chi phái về Thiên tông như: Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, đều dùng câu thoại đầu làm công phu hạ thủ. Chẳng hạn như các thiền giả tham cứu câu: "Muôn pháp về một, một về chỗ nào?" (Vạn pháp qui nhất, nhất qui hà xứ?). Hoặc có vị chỉ tham đơn độc một chữ Vô hay tham tướng chữ A theo Phạn ngữ. Sự tham cứu như thế đều nương nơi tướng có, nào khác chi hành trì câu niệm Phật? Nếu tham thoại đầu chẳng thể nhập được vào chân không, thì làm sao các thiền sư xưa nay đắc ngộ cho đến chứng quả? Và nếu niệm Phật chẳng có công hiệu tương tợ, thì tại sao nhiều bậc tôn đức như Nhứt Nguyên thiền sư, Minh Bản đại sư chỉ trì niệm một câu hồng danh mà được đại ngộ, đi sâu vào tam muội?

3. Nếu cho rằng hình tướng của văn tự ngôn âm gây chướng ngại đến lý tánh chân không, thì tại sao các bậc Tôn đức khi xưa, sau khi đại ngộ rồi, trở lại niệm Phật, trì chú, tụng kinh, cho đến phiên duyệt Tam tạng kinh điển? Trong số ấy, chẳng hạn như ngài Vĩnh Minh và Thủ Sơn Niệm thiền sư trọn đời trì tụng kinh Pháp Hoa. Phổ Am tổ sư trì tụng kinh Hoa Nghiêm, Khuê Phong Định Huệ thiền sư trì tụng kinh Viên Giác, Kim Hoa Câu Chi thiền sư trì tụng chú Chuẩn Đề. Minh Giáo Tung thiền sư, chuyên niệm

danh hiệu đức Quán thế Âm. Cho đến như Phần Châu Vô Nghiệp thiền sư sau khi đại ngộ, ba lần duyệt xem qua Đại tạng kinh điển?

Cho nên vị cư sĩ đó nếu muốn thể nhập vào chân không, hãy bỏ sự nhận thức sai lầm ấy đi, đừng nghĩ rằng niệm Phật là chướng ngại mà tự thành chướng ngại. Vị đó cần chuyên nhứt niệm Phật hơn nữa, lâu ngày sẽ thấy tự thể câu hồng danh chính là chân không. Niệm như thế, chẳng những câu hồng danh là không, mà cho đến muôn vật tượng ở thế gian cũng do nhờ niệm Phật, được tan biến dung hòa vào lò chân không to rộng bao la khắp mười phương nữa!

Hán:

38. Nhứt cú Di Đà

Diệc vô diệc hữu.

Mộng lý sơn xuyên

Cảnh trung hoa liễu.

Việt:

Một câu A Di Đà

Cũng không cũng có tướng.

Non sông nơi giấc mộng

Hoa liễu ở trong gương.

Lược giải:

Bài kệ trên nêu rõ ý: Câu niệm Phật nói không cũng được, nói có cũng được. Ví như bóng cảnh hoa cội liễu lộ trong gương sáng, cảnh non cao sông rộng hiện giữa giấc mơ. Trường hợp ấy, nói không cũng được vì đó chỉ là hình bóng, là cảnh mơ; nói có cũng được, bởi nó vẫn có ảnh tượng của cảnh vật vậy.

Hán:

39. Nhứt cú Di Đà

Phi hữu phi vô.

Nại trước tiện chuyển

Thủy thượng hồ lô.

Việt:

Một câu A Di Đà

Chẳng có chẳng hư vô.

Chạm đến liền lặn chuyển

Trên nước chiếc hồ lô.

Lược giải:

Trong bốn bài kệ liên tiếp, bài đầu nói về lý Có, bài thứ hai nói lý Không, bài thứ ba nói lý Cũng Có Cũng Không, và bài thứ sau này nói lý Chẳng Phải Có Chẳng Phải Không của câu niệm Phật. Thật ra câu hồng danh tuy không rời bốn lý trên, nhưng cũng chẳng thuộc riêng vào một thứ nào trong bốn lý ấy. Ý nghĩa đích thật của câu niệm Phật là

"Viên dung tự tại chẳng thể nghĩ bàn!". Nếu hiểu ý này, hành giả có thể tùy duyên ứng phó với mọi hoàn cảnh trong mọi trường hợp: hoặc có, hoặc không, cũng có cũng không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, một cách dung thông tự tại, không bị nó làm dính mắc chướng ngại. Ví như chiếc hồ lô thả nổi trên mặt nước, chạm đến liền tùy tiện lăn chuyển, không nằm hẳn một bề nào. Bài kệ tiếp sau đây, sẽ nói rõ thêm về thật nghĩa của câu niệm Phật.

Hán:

40. Nhứt cú Di Đà

Đệ nhứt nghĩa đế.

Thượng siêu Bách phi

Khởi lạc Tứ cú!

Việt:

Một câu A Di Đà

Là Đệ nhứt nghĩa đế.

Còn vượt khỏi Bách phi

Huống rơi vào Tứ cú!

Lược giải:

Trước tiên xin giải qua về Tứ cú, Bách phi. Tứ cú là bốn câu gồm: Có, không, cũng có cũng không, và chẳng phải có chẳng phải không. Bách phi: Bách là ước số lấy một trăm làm giới hạn. Phi là chẳng phải, tiêu biểu cho nghĩa bác

phá. Đây nói chân lý vốn phi hữu, phi vô, phi thường, phi đoạn, phi sanh, phi diệt, phi nhứt, phi dị, phi lai, phi khứ, phi hữu biên, phi vô biên v.v... cho đến cả một trăm thứ phi. Tại sao thế? Bởi lý tánh ấy tuyệt ngôn luận, dứt tâm tư, chẳng thể dùng lời nói và sự suy nghĩ mà vịn đến và diễn tả được.

Còn Đệ nhứt nghĩa đế là thế nào? Đây là nghĩa chân thật bậc nhứt, bên Tông mệnh danh là: Một bước trên đầu sào trăm trượng, bên Giáo gọi là: Bất nhị pháp môn hay Thánh đế. Xin mượn lời vấn đáp của vua Lương Võ hỏi tổ Đạt Ma để tạm giải thích: Hỏi: "Bạch ngài! Sao gọi là Đệ nhứt nghĩa đế hay Thánh đế?". Đáp: "Rõng rang không thánh!".

Quy kết lại, ý bài kệ trên nói: Một câu A Di Đà, nếu vận dụng đến mức cùng tột, hành giả sẽ xa lìa Tứ cú, vượt khỏi Bách phi, đi ngay vào Đệ nhứt nghĩa môn, tức thể nhập chân tâm vậy.

Qua năm bài kệ liên quan nhau nói trên, từ diễn dịch cho đến quy nạp, ở điểm nào câu niệm Phật cũng dung thông không ngại. Nhưng luận về phần căn bản, các lối chấp của nhà tu học Phật pháp xưa nay chẳng ngoài hai điểm: Có và Không. Bước đầu tiên vào đạo, và cũng thuộc phần đa số, người tu Phật thường hay chấp Có. Khi làm các công đức lành, họ sanh niệm trước tướng, đôi khi dẫn đến sự tự mãn khoe khoang. Lối chấp này gây trở ngại cho bước ngộ đạo, tiến trình đến cảnh giới giải thoát.

Sau khi đi sâu thêm vào biên Phật pháp, xem đến kinh Kim Cang, Pháp Bảo Đàn, hoặc nghiên cứu về thiên lý cao siêu, hầu hết lại rơi vào lối chấp Không. Do đó, có nhiều kẻ đã không xem trọng điểm ăn chay giữ giới, bác bỏ sự niệm Phật tụng kinh, cùng các việc làm lành, cho là thấp kém trước tướng, chẳng hợp với trình độ cao siêu của lý Không. Họ đâu hiểu lý Không của Đại thừa, là làm tất cả công đức hữu vi mà không chấp thấy có tướng làm. Chẳng hạn như kinh Kim Cang bảo Bồ Tát bố thí chẳng nên trụ tướng, là không chấp thấy mình là người thí cho, đây là vật trao giúp, kia là kẻ được ân huệ nhận lãnh. Bồ thí như thế công đức mới vô hạn lượng, rộng lớn như hư không. Trong ấy cũng nói về tụng kinh này sẽ được công đức như thế nào? Vậy thì kinh Kim Cang, một áo điển điển đạt về lý Không của Đại thừa: Đâu từng bác bỏ việc tụng kinh, bố thí?

Trong hai lối chấp trên, chấp Có hãy còn gốc luân hồi, song chấp với những việc lành, cũng sẽ được phước báu cõi Nhơn Thiên. Đến như chấp Không, bác phá tất cả sự tướng, thì quả thật là tai hại. Kinh Phật gọi đó là tội phá chánh kiến, là tà kiến, bởi vì bài bác nhân quả. Nó gây sự lầm lạc cho mình và người hủy hoại Phật pháp, khiến cho đương nhơn dễ sa vào địa ngục! Đây là hiện tượng mà các bậc thiện tri thức gọi là nhức đầu đau tim (thống tâm tật thủ) vì nó gây tổn thương rất nhiều cho Phật giáo. Chấp Không như thế lại dễ khiến cho loài không ma dựa vào tác hại, làm

hành giả đảo điên. Bút giả đã gặp một thượng tọa thuật lại câu chuyện như sau:

- Theo ý tôi, vị thượng tọa ấy nói, việc tham thiền chỉ thích hợp riêng cho một số ít người bậc thượng căn. Thời nay, phần đông hàng tăng tục khi tu, nên lấy niệm Phật làm phân chánh, tụng kinh hoặc trì chú làm phụ. Bởi tham thiền mà chưa thể thường nhiếp tâm vào định, hoặc hiểu sai lầm rồi trụ tâm nơi cái ngoan không ám muội, tất sẽ bị loài không ma dựa vào. Chính tôi đã mục kích vài ba người trong trường hợp này. Độ nọ, có một sư cô đến gặp tôi đánh lễ trình thưa rằng: "Huynh đệ con hơn mười người, trước kia đã thọ giáo với một vị tự xưng là Khán Không thiền sư. Vị này bảo phải gạt hết tướng có, trụ tâm vào nơi không. Huynh đệ con thật hành theo một thời gian, về sau tất cả đều bị loài ma ám nhập, nói việc vị lai quá khứ, luận thuyết toàn là lý không. Riêng phần con, nó đã dựa vào hơn mười năm. Hiện thời khi gặp tượng hay kinh Phật, nó giục bảo phải đập phá xé bỏ. Gặp hàng tăng ni, lại giục bảo phải chửi mắng nói những lời thô tục. Con tự kèm hãm chống trả lại, tìm nhiều bậc pháp sư cầu cứu, song họ đều nói con ma này uy lực cao không thể trục xuất ra được. Nay con đến đây đánh lễ cầu xin thầy có phương pháp chi giải thoát dùm con!". Tôi nghe nói, bảo sư cô ấy tạm nằm nơi ghé dựa, rồi ngồi phía sau để tay kiết ấn nơi đánh mà trì chú Chuẩn Đề. Tụng một lát, cô ấy chuyển lời nói con ma năn nỉ xin tha, vì nó ra ngoài bơ vơ không nơi nương tựa. Tôi không chấp

thuận, tiếp tục trì chú mãi. Ban sơ sư cô nghiêng trở dần vật mình, kế tiếp lần lần thở gấp gần như đứt hơi. Tôi thấy thể liền dừng lại, vì biết nếu cứ trì tụng tiếp, nó có thể liều chết giết người bệnh trước, phó mặc cho sự thể ra sao thì ra. Đã có vài vị pháp sư bị cảnh ma giết người bệnh trong trường hợp này.

Tối hôm ấy, tôi trì chú cầu nguyện xin chư Thần giúp đỡ. Hơn một giờ đêm, trong giấc mơ tôi thấy có hai vị Kim Cang sứ giả. Một vị thân màu đen như sắt, khôi giáp toàn trắng; vị kia thân trắng như bạc, khôi giáp toàn đen. Trước tiên, Thiết sứ giả lấy ra một binh khí lạ dường như xa luân múa lên. Giây phút, từ binh khí ấy phát tiếng kêu vo vo, phóng ánh sáng lạ mắt. Kế tiếp vị Ngân sứ giả đưa tay ra ngăn lại bảo: "Hãy từ từ xem nó có chịu cải hối hay không đã!". Tới đây, cảnh tượng đều ảm mát. Thức tỉnh, tôi ngẫm nghĩ biết chư vị mách bảo: Nên khuyến hóa hơn là dùng uy lực gây oan trái. Sáng ra tôi thuyết giáo chỉ rõ lối chấp sai lầm không lợi ích cho con ma nghe, nó xin sẽ chuyển hướng tu theo chánh pháp. Riêng phần sư cô nọ, tôi bảo vì loài ma đã dựa vào quá lâu, nên thể phách của nó có phần dính liền với thể xác. Nếu vội trục xuất, e cho thân của người bệnh sẽ bị tổn. Tôi truyền ấn và chú Chuẩn Đề bảo cô nên hằng ngày trì tụng. Với uy lực của chú, ma sẽ từ từ xuất ra. Sư cô ấy vâng lời.

Nói xong vị thượng tọa kết luận: Sự nhận thức cùng tu tập sai lầm, gây nên tổn hại và cứu gỡ khó khăn là như thế.

Hán:

41. Nhứt cú Di Đà

Diệu viên Tam đế.

Tối thanh lương trì

Đại mãnh hỏa tỵ.

Việt:

Một câu A Di Đà

Mầu tròn Tam đế lý.

Như ao rất thanh lương

Tợ lửa to thiêu hủy.

Lược giải:

Tam đế là ba lý chắc thật: Không, Giả, Trung. Không để hiển công dụng phá tình chấp. Giả để hiển công dụng lập các pháp. Trung để hiển công năng dứt đối đãi. Trung quán Luận có bài kệ:

Các pháp nhân duyên sanh

Ta nói tức là Không.

Cũng gọi là Giả danh.

Cũng là nghĩa Trung đạo.

Các pháp vì hư huyền chẳng có thật thể, nên gọi là Không. Vì sanh diệt vô thường nên gọi là Giả. Vì tự tướng

lồ lộ hiện bày, chẳng thể nói riêng là Không, là Giả, dứt ngôn thuyết tâm tư, nên gọi là Trung. Kinh Pháp Hoa nói: "Các pháp từ xưa nay. Tự tướng hằng tịch diệt" chính là nghĩa này. Trong ba đế, Không bao hàm cả Giả, Trung. Giả và Trung cũng đều lại như thế, nên gọi là màu tròn, cũng gọi là Tam đế tương tức.

Dùng trí tuệ quán chiếu, các pháp đã như thế, thì câu hồng danh cũng đủ lý Tam đế nhiệm màu tròn thông như vậy. Hiểu được lý này, tất có thể ứng dụng hạnh niệm Phật siêu vào cảnh giới đại tịch diệt, như đồng lửa lớn cháy hừng đốt tiêu tất cả rác rến trần cấu, như ao to mát mẻ dứt trừ tất cả hơi nóng của não phiền. Hành giả sẽ lần lần chứng vào chân cảnh Tịnh Bảo Nguyệt Quang Minh tam muội vậy.

Hán:

42. Nhứt cú Di Đà

Đắc Đại tự tại.

Chuyển biến thánh phàm

Dung thông thế giới.

Việt:

Một câu A Di Đà

Chứng được Đại tự tại.

Hay chuyển biến siêu phàm

Dung thông mười giới hải.

Lược giải:

Với câu niệm Phật, nếu hành giả ngộ suốt lý Tam đế như trên, sẽ vượt Thánh siêu phàm chứng vào chân tâm tuyệt đối. Cảnh trí này không còn giới hạn giữa tự cùng tha, như với pháp, chúng sanh và Phật, nên gọi là Đại Tự Tại tam muội. Ánh sáng chân tâm sẽ từ đó lan rộng ra, chiếu suốt vô biên thế giới ở mười phương. Trong ánh đại quang minh, biển thế giới mười phương đều lung linh như huyễn, tròn trặn nhiệm màu, dung thông vào một chân cảnh.

Hán:

43. Nhứt cú Di Đà

Hữu công giả thưởng.

Vương thiện dinh tiền

Kế châu tại chưởng.

Việt:

Một câu A Di Đà

Thưởng kẻ có công hay

Yên tiệc vua đầy trước

Châu mái tóc nơi tay.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có thí dụ đại khái: "Nhu vua Chuyển luân đem quân dẹp giặc, thấy những binh tướng có công, đều tùy phần mà thưởng, hoặc cho y phục,

châu báu, chỉ đến thành ấp tụ lạc. Duy hạt minh châu nơi mái tóc chẳng đem cho, vì riêng trên đỉnh vua chỉ có một viên bảo châu ấy thôi. Nếu vua thấy vị nào có công lớn, mới đem hạt ma ni vô giá để từ lâu nơi mái tóc ra cho. Đức Như Lai cũng như thế, nếu thấy hàng đệ tử y theo các kinh khác dứt trừ ba độc năm âm, liền ban cho các pháp thiên định, giải thoát, chỉ đến thành Niết Bàn, bảo rằng đã diệt độ. Nhưng riêng kinh Pháp Hoa lại không nói ra, vì kinh này rất sâu khó tin, quý báu bậc nhất. Nếu hàng đệ tử nào có công lớn phá các vô minh phiền não, vượt ra ba cõi, phát tâm Đại thừa, mới đem kinh Pháp Hoa là tạng bí mật, từ lâu hằng nghiêm cẩn giữ gìn, ngày nay tuyên thuyết".

Môn niệm Phật cũng như thế, là Bí mật tạng chỉ thưởng riêng cho những kẻ có công tin nhận diệu pháp thành Phật này. Tin tưởng và thật hành theo môn Niệm Phật tức như người đã có trước mặt yến tiệc đầy đủ sơn hào hải vị của vua ban, đã cầm vào tay viên minh châu nơi mái tóc của Chuyển luân vương vậy.

Hán:

44. Nhứt cú Di Đà

Lý nhân vi mỹ.

Cư bôc lai quy

Khô thung phi quý.

Việt:

Một câu A Di Đà
Xóm nhân là tốt quí.
Lựa chỗ ở nương về
Cây khô không phải quí.

Lược giải:

Thuở thầy Mạnh Tử còn bé, nhà ở xóm có hàng thịt. Khi ông cùng lũ trẻ nô đùa, thường họp nhau nắn đất thành hình súc vật, rồi bày ra trò giết heo dê. Bà mẹ thấy thế e con mình về sau thành kẻ đồ tể, liền dời nhà đi nơi khác. Chỗ ở kế lại không may gặp nhằm xóm có một nhóm người chuyên nghề ma chay chôn cất. Hằng ngày Mạnh tử lại cùng đám trẻ bắt chước đào huyệt, nắn đất thành hòm, giả trang sức đồ tang, bày trò chơi khóc than tẩn táng. Thấy vậy bà mẹ không ưng, tìm chỗ tản cư. Lần sau này, nhà ở gần trường học. Mạnh Tử lại cùng lũ trẻ bắt chước lời nói khiêm nhường lễ nghĩa, học dáng điệu cung kính chào thưa, cùng ê a đọc sách. Bà mẹ trông thấy mừng thầm, yên lòng không dời đi đâu nữa. Cũng như thế, người gặp pháp giải thoát của môn Niệm Phật, có khác nào kẻ tìm chỗ ở, được may mắn gặp nhằm xóm nhân đức hiền lương. Gia đình kẻ ấy sẽ lần lần tập nhiễm hạnh lành tánh tốt vậy.

Một người đi đem bất ngờ gặp trụ cây khô, lầm tưởng là quí nên thảng thốt kinh hoảng. Nhưng quan sát kỹ, đó chỉ là cây khô không làm sao có tác dụng của ma quí được, nên

lại yên tâm ngẫm nghĩ buồn cười cho mình. "Trụ cây khô" còn tiêu biểu cho pháp chân như bất biến. Cổ đức có câu: "Cây khô xơ xác tựa rừng đông. Mấy độ xuân sang chẳng đổi lòng!". (Tồi tàn khô mọc ỷ hàn lâm. Kỳ độ phòng xuân bất biến tâm). Pháp Niệm Phật là viên ngọc ma ni, là con thuyền giải thoát, mà kẻ không biết giá trị xem thường như đất sạn, khác nào anh chàng thảng thốt kia nhìn cây khô, tưởng là ma quỷ đâu!

Hán:

45. Nhứt cú Di Đà

Phi nan phi dị.

Cửu phẩm liên hoa

Nhứt sanh tâm lục.

Việt:

Một câu A Di Đà

Chẳng khó, nhưng không dễ.

Được về chín phẩm sen

Một đời dùng tâm lục.

Lược giải:

Môn Niệm Phật quả dễ thật hành, câu hồng danh niệm ra không phải khó. Tuy nhiên, niệm với tâm tín nguyện chắc thật, niệm với hạnh bền bỉ lâu dài, niệm với y dứt tuyệt trần duyên, lại là điều không phải dễ. Với ba điều kiện vừa kể

trên, trong muôn ngàn người khó tìm được một. Cho nên cũng đừng vội xem thường hạnh niệm Phật. Muốn được dự vào chín phẩm sen ở cõi Tây Phương, người tu tịnh nghiệp phải đem hết năng lực của thân và tâm, chẳng nài khổ nhọc thật hành suốt một đời, mới mong đạt được kết quả.

Hán:

46. Nhứt cú Di Đà

Tự lộ hoàn gia.

Khả tích si nhưn

Khí kim đảm ma!

Việt:

Một câu A Di Đà

Theo đường trở lại nhà.

Tiếc cho kẻ khờ dại

Bỏ vàng gánh vỏ gai!

Lược giải:

Trong kinh có đoạn thí dụ về điểm cố chấp của kẻ khờ dại: Hai người nọ vào rừng róc lột vỏ gai để lấy tơ dệt vải bố. Trên lối về với đôi gánh vỏ gai oằn oại nơi vai, cả hai gặp một đồng tơ gai của ai bỏ sót trên đường. Một người mừng rỡ bảo: "Chúng ta đem vỏ gai về, chẳng qua để đập rồi ngâm lấy tơ. Nay đã có sẵn, tơ gai ở đây, nên bỏ thứ vỏ nặng nề này, lấy tơ đem về!". Nói xong liền thật hành theo

ý định. Kẻ kia chấp mê rằng mình đã ra công gánh vò gai trải qua một quãng đường rồi, nên không chịu bỏ. Đi thêm đoạn nữa, cả hai bỗng gặp mấy xấp vải bố của một chiếc xe tải làm rơi rớt ngổn ngang. Người gánh tơ lại mừng nói: "Vò gai hay tơ gai dù đem về cũng chỉ dùng để dệt vải bố. Nay đã có thứ này ở đây, chúng ta phải bỏ hết cái cũ mà chọn lấy vải là quý hơn!". Nói đoạn vội bỏ tơ gai, chất vải bố đầy gánh. Kẻ kia cũng chấp rằng mình gánh vò gai quá xa, nên không chịu bỏ. Đi thêm một đoạn đường, cả hai dừng lại ngồi nghỉ, chợt thấy một hốc dưới gốc cây khô nằm la liệt mấy hũ vàng, có lẽ của ai đã chôn giấu từ lâu. Người gánh vải quá mừng, vội vớt lại thứ cũ, chọn lấy hai hũ vàng đem về, vì vải không làm sao bằng vàng được. Còn kẻ si mê kia vẫn cố chấp mình đã ra công quá nhọc, thà chịu gánh vò gai chớ không lấy vàng.

Môn niệm Phật là pháp viên đôn, là đường lối thẳng tắt để trở lại nhà. Người đã gặp môn tối thượng mau thành Phật này, mà còn tham cầu phước báu hơn thiên, còn mê chấp lối tu tà ngoại, còn giữ theo những hành môn quanh co khó bảo đảm cho sự giải thoát. Tổ Triệt Ngô cho đó là một lối si chấp, như kẻ thà cam gánh vò gai không chịu chọn lấy vàng vậy.

Hán:

47. Nhứt cú Di Đà

Hoành xuất Ta Bà.

Nhữ tín bất cập Ngô mặc như hà?

Việt:

Một câu A Di Đà
Vượt ngang thoát Ta Bà.
Người tin không thấu đáo
Ta biết làm sao mà?

Lược giải:

Có hai lối tu để thoát vòng luân hồi trong Tam giới. Đó là lối Thụ xuất, vượt ra theo chiều dọc. Và Hoàn xuất, vượt ra theo chiều ngang. Kẻ tu đường lối Thánh đạo, dùng sức giới, định, huệ lần lượt dứt trừ Kiến hoặc cùng Tư hoặc của Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thoát ra ba cõi, gọi là Thụ xuất. Ví như con ong muốn ra khỏi cây tre, dùng sức khó nhọc đục từng mắt tre theo chiều đứng, mà tìm lối thoát. Còn người tu theo đường lối vãng sanh, tuy chưa dứt trừ hoặc nghiệp, nhưng biết dùng sức tín, nguyện, hạnh của mình và nương theo sức bản thể nhiếp thọ của Phật, cũng được vượt thoát ba cõi ở Ta Bà, sanh ngang về Lạc quốc. Đã về cõi ấy rồi, tất không còn bị luân hồi, lần lượt chứng lên các Thánh phẩm, cho đến khi thành Phật. Đây gọi là lối tu Hoàn xuất. Ví như con ong biết dùng phương tiện đục ngang cây tre mà thoát ra, đã dễ dàng lại ít nhọc công phí sức.

Pháp môn Tịnh Độ là lối tu Hoàn xuất tam giới, là phương tiện nhiệm mầu để mau thoát luân hồi, chứng lên quả Phật. Trong nhiều kinh luận, chư Phật và chư Tổ đã tuyên dương khen ngợi rộng về môn này. Song tiếc thay những kẻ kém duyên sức tin chưa thấu đáo, thì lòng từ bi của các Ngài dù trải ra vô lượng vô biên, nhưng kết cuộc cũng không biết làm sao mà cứu vớt được!

Hán:

48. Nhứt cú Di Đà

Quy nguyên tiệp kính.

Khẩn yếu tư lương

Duy Tín, Nguyện, Hạnh.

Việt:

Một câu A Di Đà

Là đường tắt về nguồn.

Những tư lương cần thiết

Tín, Nguyện, Hạnh gọn sông.

Lược giải:

Câu niệm Phật là con đường thẳng tắt để trở lại nguồn tâm. Như người đi xa cần dự bị cho đủ tư lương là: tiền nong, đồ phục dụng và thức ăn uống. Tư lương cần thiết đi về Tịnh Độ cũng thế, chỉ sông gọn trong ba điểm: Tín, Nguyện, Hạnh mà sau đây sẽ nói.

Hán:

49. Nhứt cú Di Đà
Yếu tại Tín thâm
Liên hoa cửu phẩm
Suru tại thử tâm.

Việt:

Một câu A Di Đà
Cần ở điểm Tin sâu.
Mầm hoa sen chín phẩm
Từ tâm đây nhô đầu.

Lược giải:

Lòng Tin là phần tư lương trước tiên của môn Niệm Phật. Hoa sen chín phẩm ở Tịnh Độ cũng từ lòng Tin này mà nảy mầm nhô đầu lộ mọc lên. Nhưng Tin cần phải sâu chắc, có thể tóm gọn trong ba điểm:

Một là tin cõi Cực Lạc trang nghiêm tốt đẹp kia vẫn thật có, không phải chuyện hư huyền hay thí dụ. Vì đức Phật Thích Ca không bao giờ nói dối, Ngài đã diễn tả rành rẽ từng chi tiết của cảnh ấy trong ba kinh Tịnh Độ. Vì đã có rất nhiều người niệm Phật trong đời hiện tại, do tâm thanh tịnh, từng chứng kiến cảnh giới này.

Hai là tin sự vãng sanh về cõi kia cũng hiện thật. Vì đức A Di Đà Thế Tôn không bao giờ nguyện suông, nói mà

chẳng thật hành. Vì từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật, khi lâm chung hiện ra điềm lành, được Tây Phương Tam Thánh hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Ba là tin mình dù còn phiền hoặc, dù nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu chí tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh tất sẽ được tiếp dẫn. Vì trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, kẻ tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vì trong truyện ký đã có ghi, những kẻ tạo ác nhiều như Hùng Tuấn, Duy Cung, nhờ biết hồi tâm niệm Phật đều được sự tiếp dẫn.

Hán:

50. Nhứt cú Di Đà

Yếu tại Nguyện thiết.

Thốn tâm dục phần

Song mục lưu huyết.

Việt:

Một câu A Di Đà

Cần ở nơi Nguyện thiết

Lòng về tơ lửa nung

Mắt thương khóc ra huyết.

Lược giải:

Nguyện là phần tư lương thứ hai của môn Niệm Phật. Nhưng Nguyện phải tha thiết, không tham luyến trần cảnh,

gia tư, quyền thuộc, không mong cầu hưởng sự vui phước báu như thiên nơi đời sau. Chỉ nguyện mau sanh về Cực Lạc, để thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, để sớm thấy Phật và chứng kiến cảnh trang nghiêm của Liên Bang, để độ thoát mình, kẻ oan người thân và vô lượng chúng sanh trong vòng chìm đắm. Chí nguyện cầu sanh ấy nung nấu như lửa đốt lòng, đôi mắt thương cảm tha thiết trông về hầu như tuôn ra huyết lệ.

Hán:

51. Nhứt cú Di Đà

Yếu tại Hạnh chuyên.

Đơn đề nhứt niệm

Trảm đoạn vạn duyên.

Việt:

Một câu A Di Đà

Cần ở chỗ Hạnh chuyên.

Chỉ nêu cao một niệm

Dứt sạch cả muôn duyên.

Lược giải:

Sau rốt, Hạnh là phần tư lương thứ ba của môn Niệm Phật. Song Hạnh cần phải tinh chuyên. Điều này có thể tóm lại trong hai câu: "Rủ sạch muôn duyên. Một lòng niệm Phật". Muốn rửa sạch muôn duyên, phải thấu đáo cảnh Ta Bà

là khổ, mọi sự vật đều vô thường, như huyễn mộng, mà không còn niềm tham luyến. Muốn một lòng Niệm Phật, phải hâm mộ cảnh Cực Lạc y báo chánh báo vui đẹp trang nghiêm, mong mỗi cầu về như con thơ nhớ mẹ, như lũ khách tưởng nghĩ trở lại quê xưa.

Ba điểm Tín, Nguyện, Hạnh trên tuy giải thích riêng từng phần, song thật ra cả ba đều liên quan hỗ trợ lẫn nhau. Như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một phải sụp đổ tất cả vậy.

Hán:

52. Nhứt cú Di Đà

Thệ thành phỉn đoạn.

Bản thữ nhứt sanh

Tác cá nhàn hán.

Việt:

Một câu A Di Đà

Thề niệm thành một khối.

Liều tu mãn kiếp này

Được làm người nhàn rồi.

Lược giải:

Người tu tịnh nghiệp do ý thức nổi khổ sống chết luân hồi là việc lớn cần phải giải quyết, nên phát tâm Bồ Đề. Từ nơi điểm này dùng lòng tin nguyện sâu thiết, hành trì câu

hồng danh thề niệm thành một khối, không để phiền não xen vào. Trong đời này phải liêu minh hết sức tu hành như thế, để bảo đảm cho sự vãng sanh lúc lâm chung. Khi đã được về Cực Lạc rồi, chừng đó mới thoát vòng sống chết, làm người an nhàn tự tại, không còn lo bị luân hồi sa đọa nữa.

Hán:

53. Nhứt cú Di Đà

Chỉ nhằm ma niệm.

Bách bát luân châu

Tuyệt đoạn trùng hoán.

Việt:

Một câu A Di Đà

Nên niệm như thế này.

Chuỗi lần trăm lẻ tám

Dây đứt lại đôi dây.

Lược giải:

Kẻ sức yếu lúc lên non, muốn được vững vàng, phải nương cây gậy. Cũng như thế, người tu tịnh nghiệp khi niệm lực chưa thuần, cần nương nơi tràng chuỗi giữ chắc định số mỗi ngày để phòng ngừa sự biếng trễ. Cứ niệm mãi như vậy, chuỗi đứt lại đôi dây khác, khi nào đến cảnh giới "không niệm tự niệm", chừng đó muốn lần chuỗi hay không

cũng được. Đừng nghĩ rằng lần chuỗi sẽ mất sự tự tại. Cổ đức đã trình thuật lại kinh nghiệm lần chuỗi vẫn được viên dung vô ngại như sau: "Năm lạy chuỗi tràng trần niệm dứt. Nghiễm nhiên thành Phật đã từ lâu!". (Niết khởi sổ châu thẳng sách đoạn; Thể hương phạn thực dĩ đa thời).

Còn phương pháp niệm Phật như thế nào, dưới đây sẽ lần lượt chỉ rõ.

Hán:

54. Nhứt cú Di Đà
Bất cấp bất huẩn.
Tâm khẩu nhứt như
Lịch lịch nhi chuyển.

Việt:

Một câu A Di Đà
Chẳng gấp cũng chẳng huẩn.
Lòng miệng ứng hợp nhau
Rành rõ mà chuyển niệm.

Lược giải:

Cách niệm Phật không nên nhanh hoặc chậm lắm. Niệm gấp tất khó rành rõ, có hại cho sự huân tập câu hồng danh, ngày kia cảnh giới "không niệm tự niệm" phát hiện, câu Phật hiệu cũng không được rành rõ. Niệm huẩn thì vọng tưởng dễ xen lẫn vào. Lại quá dùng sức niệm mau gấp, hư

hỏa sẽ bốc lên, thần kinh căng thẳng, tất sanh bệnh nám mặt đau đầu. Niệm huôn đãi lơ là thì tâm ý buông lơi, sẽ sanh lỗi hôn trầm biếng trễ.

Khi niệm phải tiếng nương nơi tâm, tâm duyên theo tiếng, lòng và miệng ứng hợp nhau, cứ niệm đều đều ngoài ra không tưởng nghĩ chi khác.

Hán:

55. Nhứt cú Di Đà

Dĩ đa dĩ hảo.

Như nhơn học xạ

Cửu tập tắc xảo.

Việt:

Một câu A Di Đà

Niệm càng nhiều càng hay

Ví như người học bắn

Tập lâu thì khéo tay.

Lược giải:

Người học bắn, càng tập lâu tất nghề càng tinh xảo. Câu hồng danh là sự kết tụ vô biên phước huệ của Phật, niệm càng nhiều thì căn lành càng thuần, công đức càng to rộng, phẩm sen lại càng cao. Ngẫu Ích đại sư đã nói: "Được vãng sanh cùng không, là do nơi Tín, Nguyện. Phẩm sen cao hoặc thấp, toàn bởi sự Hành trì!".

Hán:

56. Nhứt cú Di Đà
Nhiếp tâm mật trì.
Như nhưn ẩm thủy
Lãnh noãn tự tri.

Việt:

Một câu A Di Đà
Mật niệm hằng nhiếp tâm.
Ví như người uống nước
Nóng lạnh tự biết thâm.

Lược giải:

Kinh nói: "Chí tâm niệm một câu A Di Đà, tiêu được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết". Một kiếp sống chết là một quãng đời trong nẻo luân hồi. Liên Trì đại sư cũng bảo: "Câu niệm Phật là đại phước, đại đức, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền!". Về phước thì câu hồng danh cảm hiện nhạc trời, hương lạ, ao báu, đất vàng, cho đến vô lượng cảnh tượng tốt đẹp trang nghiêm. Về huệ thì câu Phật hiệu sẽ khiến cho hành giả tiêu trừ tội chướng, lần lần đi sâu vào cảnh giới giác ngộ, chứng lên Thánh quả. Tiến trình chứng ngộ phước và huệ thấp hoặc cao ấy, duy đương nhưn tự biết; như người uống nước lạnh, nóng chỉ mình hay, không thể diễn tả ra được!

Hán:

57. Nhứt cú Di Đà

Thí du quật tỉnh.

Tự hạ cận nê

Giá liêm công tỉnh.

Việt:

Một câu A Di Đà

Như đào giếng lấy nước.

Lần sâu thấy gần bùn

Giá hời công kiệm ước.

Lược giải:

Kinh Pháp Hoa có thí dụ: "Nhu người đào giếng, trước tiên duy thấy đất cát khô ráo, biết mực nước hãy còn xa. Lần lần thấy đất ướt và bùn, biết đã gần tới mực nước. Người tu Phật cũng thế, khi chưa nghe hiểu kinh Pháp Hoa, kẻ ấy hãy còn xa đạo Vô thượng Bồ đề. Lúc đã nghe hiểu kinh này, tất biết người ấy đối với đạo Vô thượng Bồ Đề không còn xa nữa...".

Với môn Tịnh Độ cũng lại như thế, người nào đã biết và tu pháp Niệm Phật, tất kẻ đó đã gần đạo Vô thượng Bồ Đề. Chẳng những ngàn ấy mà thôi, với pháp môn này chỉ cần dụng công trong một đời, khi được vãng sanh, tức đã bước lên ngôi Bất thối chuyển, không còn bị lui sụt nơi Phật quả

nữa. Sự dùng công phu ít nhưng thành đạo quả cao như thế, há chẳng giống kẻ đào giếng với giá hời, hoặc may mắn ra công sức chưa bao lâu mà đã thấy lộ bùn gần mực nước đó ư!

MINH QUẢ

Thích Minh Quả, người huyện Sương Âm tỉnh Hồ Nam Năm 26 tuổi, ông đến chùa núi Đạt Ma ở bản ấp, cầu xin thể độ với Đông Lâm trưởng lão. Sau khi thọ đại giới, sư đi tham phỏng khắp các bậc danh đức xa gần, có chỗ lãnh ngộ, và quyết chí theo đường hướng thiên tịnh song tu.

Lúc trở về Sương Âm, Minh Quả trụ tích nơi chùa Vạn Thọ tại Trường Sa. Kế đó, lại lãnh nhiệm vụ chủ trì chùa Tây Thiên ở Hoành Châu, sửa sang chấn chỉnh cảnh già lam tại đây thành một nơi danh thắng. Sau sư về thiên lâm Vạn Phước ở Trường Sa ẩn tích tu hành. Không bao lâu, hàng môn đồ là Văn Chân bỗng nhiên đau nặng. Sư muốn rước lương y đến điều trị. Văn Chân thưa: "Con chẳng phải thật đau bệnh, mà chính là sắp xả báo thân sanh về Cực Lạc. Xin thầy đừng rước lương y và đỡ dùm con ngồi dậy!". Sư y lời, kế tiếp xưng hồng danh trợ niệm. Văn Chân sẽ động đôi môi niệm Phật theo, giây phút liền chấp tay viên tịch.

Từ đó tâm tu Tịnh Độ của Minh Quả càng tha thiết. Sư chán đi qua cảnh thành thị, lui về ở chùa Bạch Hà nơi miền đầm rộng phía Bắc vùng Trường Sa. Tại đây Minh Quả tập hợp hàng tăng tục kết liên xã niệm Phật. Gặp ai sư cũng đều

lấy quê hương Cực Lạc làm nơi hẹn ước quy kỳ. Mùa đông năm Dân Quốc thứ 6 (1917), sư tự biết duyên đời của mình chẳng còn bao lâu, đem tất cả việc chùa giao phó cho đồ chúng. Sang mùa hạ năm sau, trước khi quy tịch, cả thân bổng vương chúng phù thủng. Sư tự biết đây là dư báo phải trả lần cuối cùng, liền viết kệ từ biệt rằng:

Sáu mươi bảy tuổi bước suy già
Mây nước tham phương đã trải qua
Tay trắng thuyền không về Phật Độ
Lòng thanh tánh tịnh ngộ Di Đà
Luân hồi ba cõi từ đây dứt
Sông núi muôn nơi vốn cảnh nhà
Thân huyễn ngày nay thôi trả lại
Một trời Tam muội sáng tinh hoa!

Viết xong, bảo đồ chúng rằng: "Cả mình ta đều phù thủng, nếu chẳng nhờ công phu niệm Phật mấy mươi năm, quên hết thân tâm, tất đau nhức không thể chịu nổi. Bây giờ các người hãy chấp tay niệm Phật hộ trợ đưa ta về Tây Phương!". Đang lúc đại chúng xưng hồng danh, Minh Quả chợt yên lặng như ngủ, giây phút lại mở mắt ra nói: "Ta thấy chư Thánh tăng thân tướng cao đẹp trang nghiêm đến đón rước". Đoạn ngồi ngay thẳng xây mặt về phía Tây, sẽ động môi niệm Phật theo đại chúng, giây lát liền viên tịch. Sư hưởng tuổi đời được 67, tăng lạp 39. Bảy giờ, nhằm tiết trọng hạ năm Dân Quốc thứ 7.

BẢN TUYÊN

Thích Bản Tuyên, người thời Dân Quốc, tự lấy hiệu là Thê Liên để tiêu biểu cho chí nguyện cầu sanh về Tịnh Độ. Ban sơ sư học tán tụng theo nghề ứng phó để đi làm đám. Sau nhờ Tích Đoan lão nhơn chỉ dạy, sư thông thiết hỏi cải sự lỗi lầm trước, mang y bát đi hỏi đạo chư danh đức khắp các nơi.

Qua thời gian đó, Bản Tuyên về chủ trì các chùa: Long Hoa, Nhạc Lâm, trùng hưng tông lâm Thiên Thai, Hoa Đảnh. Lúc lớn tuổi lại kiến tạo hai ngôi già lam Đoan An và Tiên Nham. Sư có hoa tay viết vẽ rất khéo, thường vì người tả hồng danh chư Phật, cứ mỗi nét bút niệm một câu A Di Đà. Tuy bôn tẩu các nơi, sư thường thâm lặng niệm Phật, đem công đức hóa duyên tu tạo chùa tháp hồi hướng cầu sanh về Tây Phương.

Năm Dân Quốc thứ 2, Bản Tuyên bỗng cảm bệnh nhẹ. Ngày 13 tháng 5, Tác Nguyễn pháp sư nghe tin đến thăm viếng, thấy sư trạng mạo thư thái, vẫn nói chuyện như người thường. Nhưng chính Bản Tuyên lại bảo rằng mình sắp mạng chung. Kế đó sư gọi thị giả đem quyển Thông Thư lại để chọn ngày lành về Tây Phương, và nói: "Tôi sanh giờ Mão, tịch vào giờ Mão, chẳng cũng là tốt đẹp ư?". Liên định giờ Mão ngày 18 làm thời gian quy Phật. Đến kỳ hẹn, Bản Tuyên còn tự tay cùng mấy người thợ kết màn trướng. Tác Nguyễn pháp sư cùng chư tăng đều bàn luận: "Ông ta dung thái vẫn như thường, làm sao mà vãng sanh

được? Vậy chúng ta hãy tạm trở về trước, chừng nào có tin gì rồi sẽ hay!" Nhưng khi tất cả vừa ra khỏi cổng tam quan độ vài trăm thước, thì một vị tăng ở trong chùa chạy theo kêu to lên rằng: "Lão hòa thượng sắp vắng sanh về Tây Phương, xin các ngài mau trở lại!"

Khi chư sư trở vào chùa, thấy Bản Tuyên đáp y ngồi thẳng trong bảo khám, mắt đã ngưng tròng, song miệng vẫn còn mấp máy niệm Phật. Đại chúng đồng thanh cao tiếng trợ niệm, giây phút sư lần lần nhắm mắt rồi đi thẳng.

KIM THỂ

Thích Kim Thể họ Phương, người ở Vu Đô, tỉnh Giang Tây. Sư có gieo căn lành từ kiếp trước, nên lúc còn niên thiếu đã biết trường trai lễ Phật. Qua 30 tuổi, Kim Thể chán cuộc thế vô thường, ba cõi như nhà lửa, đến xuất gia nơi chùa Báo Ân ở Trường Định tỉnh Phúc Kiến.

Sau khi thọ giới Cụ túc, sư chuyên chí khổ hạnh, giữ chức hương đăng nơi chùa Quang Hiếu tại Chương Châu. Cách hành xử của Kim Thể rất ngăn nắp, cẩn thận, tinh sạch cung kính, mọi người trông thấy đều khen ngợi là chí thành. Sư tiếc của thường trụ như giữ tròng con mắt, hằng ngày chuyên lễ bái niệm Phật không lúc nào biếng trễ thối lui, nên được đại chúng trong chùa mến phục.

Kể đó vì muốn chuyên tu để đảm bảo sự giải thoát, Kim Thể rời chùa, dời đến ở trong hang đá nơi vùng thâm sơn thuộc huyện Ninh Đô. Sư gác cảnh thông làm tòa, bện cỏ

tranh làm nền, trồng khoai làm thức ăn, vá vải thô làm áo mặc, sự khổ hạnh người thường khó kham nổi. Song riêng Kim Thê vẫn điềm nhiên vừa ý, lấy đạo làm vui. Lâu ngày có người hay biết, tìm đến viếng thăm; cúng cho tiền thì không nhận, chỉ thọ lãnh áo vải cơm thô. Trải qua một thời gian mấy năm ân tu, sư lại dời đến Kim Hoa Sơn Tự, xin vị trụ trì cho mình lấy gỗ ngăn thành một gian tịnh thất nhỏ bên hành lang chùa để tụng niệm. Đại chúng đều tôn trọng đạo hạnh của sư, nên để cho tùy tiện. Tại đây trọn ngày Kim Thê đóng cửa trì tụng. Trừ thời tiểu thực sáng và ngộ trai, ngoài ra tiếng khánh mõ hòa với hiệu Phật câu kinh lạnh lạnh không dứt, mấy chục năm như một ngày.

Do đức chân tu của sư, hàng tăng tục tin mến càng lúc càng nhiều, khi có người thành tâm cúng dường, liệu không thể từ chối được, sư nhận lãnh và chuyển giao lại cho chùa, để hộ trì Tam Bảo hoặc làm các công đức. Riêng mình, Kim Thê chỉ lưu lại mười đồng bạc, dự bị cho tiền mua củi để phân hóa lúc mạng chung. Hạnh an vui thanh khổ, tâm giải thoát không nhiễm trần của sư, đại để đều như thế. Có ai đến hỏi đạo, không luận là hàng xuất gia hay tại gia, sư đều khai thị: "Cõi Ta Bà nhiều khổ, miền Cực Lạc sạch vui, phải phát lòng Bồ Đề, gấp cầu thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lấy niệm Phật hồi hướng vãng sanh làm chánh yếu. Lại cần nên tin nhận rõ ràng lý nhân quả, giữ gìn giới cấm, tụng kinh trì chú, tu các phước lành làm phụ trợ. Hạnh tu phải trong ngoài như một, trước sau không thay đổi, mới được

sự lợi ích chân thật". Ngoài những điều ấy ra, sư không một lời đề cập đến việc phước lợi ở thế gian.

Năm Nhâm Ngọ niên hiệu Dân Quốc thứ 7, Kim Thê đã được 74 tuổi. Vào ngày mùng 1 tháng 10, sư cảm bệnh nhẹ. Tới ngày mùng 4 không thấy ăn uống, vẫn tụng niệm như thường, đến canh khuya mới dứt. Sáng sớm ngày mùng 5, đại chúng trong chùa không nghe tiếng trì tụng, đến gõ cửa, thấy lặng lẽ liền vào thất xem thì sư đã ngồi kiết già thoát hóa. Tay mặt của Kim Thê vẫn còn cầm chiếc khánh nhỏ, đầu hơi cúi xuống, mặt lộ nét tươi vui. Điều này chứng tỏ sư đã vãng sanh trong khi niệm Phật. Đại chúng đều khen ngợi, đoán quyết rằng sư đã thần về Tịnh Độ, chắc gởi bảo liên chẳng còn nghi ngờ chi nữa!

GIỚI NHIÊN

Thích Giới Nhiên hiệu Thanh Tuyên, nguyên quán tại thôn Uyển Bình phủ Thuận Thiên. Nhà ông ở khoảng giữa hai ngôi chùa Trung Hoa và Lạt Ma giáo. Thuở bé ông không biết chữ, thích nghe mấy vị Lạt Ma tụng kinh, dường như có chỗ cảm ngộ.

Đến 29 tuổi, ông xin với mẹ cho xuất gia xuống tóc tại chùa Di Đà. Hơn một năm sau, được thọ giới nơi chùa Niêm Hoa. Kế đó lại đến Tịnh viện Tư Phước ở Hồng Loa Sơn nghiên cứu giáo lý và niệm Phật. Cư ngụ tại đây trước sau bảy năm, nhân nghe giảng về Duy thức không lãnh hội, niệm Phật lại chẳng đắc lực, Giới Nhiên nghĩ hận mình căn

tánh tối tăm, nếu không gắng sức khổ hạnh, chắc cũng sẽ luống qua một đời. Do đó sư phát nguyện đốt hương triều bái các nơi thánh tích, thề ba bước lễ một lạy. Trong hơn hai năm, Giới Nhiên triều lễ các chùa núi: Nga My, Cửu Hoa, Phổ Đà, Thiên Đông, Thiên Mục. Sau thời gian ấy, sư từ chùa Kim Sơn về phương Bắc thăm viếng thân mẫu. Kế tiếp lại triều bái non Ngũ Đài, lễ thánh tích của đức Văn Thù Bồ Tát. Mãn nguyện, sư thường thay đổi cư ngụ tại hai chùa Kim Sơn, Cao Mãn để rèn luyện thân tâm.

Tháng giêng năm Dân Quốc thứ 7, Giới Nhiên từ Kim Sơn đến cửa Hộ, trụ tích nơi chùa Ngọc Phật. Lúc ấy có cư sĩ Trình Tuyết Lô đến hỏi đạo, đàm luận rất thích hợp hân hoan. Tháng 2 năm Canh Thân, Tuyết Lô vương bệnh, sư nhân đến thăm, hỏi rằng: "Cư sĩ thấy trong người có mỗi nhọc nhiều chăng?". Tuyết Lô đáp: "Bệnh dây dưa lâu ngày, thật rất khổ". Sư bảo: "Thân đau bệnh mặc nó, tâm ta vẫn thanh tịnh không liên quan, cứ chuyên niệm Phật thì sự đi ở đều được tự tại!". Ngày 29 tháng 3 năm ấy, Trình cư sĩ đã lành bệnh, đến viếng Giới Nhiên tại chùa Ngọc Phật, cả hai trò chuyện tương đắc tới 10 giờ đêm. Lúc cư sĩ từ giã ra về, sư có nói: "Ngày mai mừng một, tôi sẽ nỗ lực niệm Phật!". Sáng hôm sau, Giới Nhiên thức dậy sớm đem y ra phơi, chợt bảo vị tăng đồng bạn rằng: "Tôi sắp cáo biệt nên đêm nay không thể chấp tác, phiền thầy thay nhọc dùm!". Ngộ trai xong, sư vào thất đóng cửa, mặc áo hậu, đắp cà sa

trang nghiêm, ngồi kiết già cầm chuỗi niệm Phật. Trì tụng một lúc lâu, yên lặng nhắm mắt mà viên tịch.

Trình Tuyết Lôu nghe tin vội đến thăm, thấy Giới Nhiên còn ngồi thẳng trên đôn, đôi dép để ngay ngắn, y phục đều nghiêm chỉnh sạch sẽ. Hỏi ra thì mấy bữa trước sư có lãnh tiền trai tăng, nhờ may xong y phục mới. Kế hôm qua, Giới Nhiên đã dự bị tắm gội và thu xếp mọi việc. Trước khi vãng sanh lại thay đồ mới, an nhiên không bệnh mà từ trần. Sư hưởng tuổi đời được 60, tăng lạp 31.

CHÁNH THÀNH

Thích Chánh Thành họ Châu, người ở Dục Dương tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, đã có chí xuất trần từ lâu. Trước tiên được nghe Mãn Giác đại sư, vị hóa chủ ở chùa núi Tây Thiên Mục, dạy pháp thức niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ông liền tin chắc và từ đó thường hành trì theo. Nhân có người bà con bên ngoại nghèo khổ không nơi nương tựa, nên cha con ông đem về nhà ủng hộ, tìm cách sanh nhai để phụng dưỡng. Ông thường bảo con rằng: "Chờ khi người này thọ chung, chôn cất xong xuôi, cha con ta sẽ đồng xuất gia".

Quả nhiên, đến năm 68 tuổi, lo liệu việc tẩn táng cho kẻ ngoại thân xong, ông đem con đến chùa núi Phong Đánh thuộc huyện Duyên Sơn cầu xin thế độ. Người con trở thành đồ đệ, pháp danh là Minh Trí. Sau khi xuất gia, Chánh Thành càng gắng sức tu trì. Trong phòng có hai tòa

bằng trúc và gỗ, mùa hạ sư ngồi tòa trúc, mùa đông ngồi tòa gỗ mà niệm Phật. Sư ở núi trọn 13 năm, chưa từng đặt lưng nằm xuống chiếu. Khi niệm Phật cất cao tiếng, thường lúc niệm đến cả mình xuất hạn mới thôi. Máy vị ở gần bên hiềm là huyên não hằng khiến trách, lại có những bạn đồng giới khuyên nên nhỏ tiếng một chút để cho mọi người khỏi chán nhàm. Chánh Thành tuy mỉm cười cho là phải, song đến khi niệm được chừng một lúc lại dường như quên hẳn, vẫn y nhiên cao tiếng như cũ. Có lẽ sư niệm Phật rất chuyên thiết, nên đã đến cảnh giới nhứt tâm. Lúc niệm chỉ biết có Phật, không còn tưởng nghĩ chi khác, cũng chẳng biết mình niệm to hay nhỏ, có làm phiền rộn người cùng chãng, nên mới như vậy.

Gần chùa có ngôi tịnh thất do sư Cổ Hoa cư trụ tu hành, Chánh Thành thường ngồi nơi phiến đá dưới cội thông to bên tịnh thất, hướng về chót núi phía Tây mà niệm Phật. Sư hằng mục kích Phật hiện thân đứng trên đỉnh núi, tướng tốt trang nghiêm, đã hai ba phen gọi thầy Cổ Hoa ra xem, nhưng Cổ sư vẫn không thấy được.

Ngày mùng 3 tháng 6 năm Nhâm Tuất thời Dân Quốc, Chánh Thành đến chợ huyện mua một vuông vải trắng, nhờ người may thành dầy, bảo để dựng linh cốt sau khi thiêu hóa sắc thân. Kế đó lại nói bốn câu kệ, thỉnh thầy Cổ Hoa biên dùm trên mặt dầy. Vài người thấy sư không đau bệnh chi, tiết trời lại nóng, bảo đó là việc chưa cấp thiết hãy nên chậm lại. Nhưng Chánh Thành tự biết đã tới kỳ quy Tây,

thôi thúc làm gấp. Quả nhiên, sang ngày mùng 4, sư ngồi kiết già niệm Phật mà hóa. Lúc đó chiếc đũa vừa mới may xong. Còn Cổ sư thì thờ ơ quên sót bốn câu kệ, nên vẫn không biên ra được.

Tối ngày mùng 7 khi làm lễ trà tỳ, vừa đúng thông lệ hàng năm trong chùa đem tọng kinh ra phiên duyệt và phơi, nên hàng Phật tử tụ đến đông nhiều. Lúc cử hỏa bốn chúng vây quanh đứng xem, có kẻ thấy ánh lửa như hoa sen, có người thấy kim quang rực rỡ, có vị thấy hiện thành hoa lạ màu xanh. Mọi người than thở ngợi khen là điềm lành hy hữu, đều tụng kinh niệm Phật hoặc lễ bái. Đây cũng là việc ít có của hàng tăng già thời mạt pháp vậy.

TRUYỀN TÁNH

Thích Truyền Tánh tự Thanh Hoa, quê ở huyện Tam Thai tỉnh Tứ Xuyên. Sư xuất gia tại núi Nga My, chùa Kim Đảnh. Mùa đông niên hiệu Dân Quốc thứ 5, được thọ giới Cụ túc nơi chùa Bảo Quang.

Năm Dân Quốc thứ 11, Truyền Tánh đi tham phương lần đến chùa Thê Chơn, huyện Gia Hưng rồi trụ nơi đó. Năm kế triều lễ núi Ngũ Đài, lúc trở về lại trụ ở Niệm Phật Đường chùa Thê Chơn mà tinh tu tịnh nghiệp. Tối niên hiệu Dân Quốc thứ 13, sáng ngày 18 tháng 4, sư ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.

Trước đó, Truyền Tánh trình với vị tăng tri khách rằng: "Tôi sắp phải đi xa!". Hỏi: "Thầy đi đâu?". Đáp: "Có chỗ đi

về!". Tri khách tặng đùa bảo: "Nếu được về ở cõi Cực Lạc ở Tây Phương là điều rất quý!". Sư đáp: "Xin vâng". Tới ngày ấy, khóa tụng sáng xong, trước tiên Truyền Tánh niệm hương đánh lễ Phật. Kế đó tới phương trượng lễ Liên Nhơn hòa thượng, rồi quỳ xin cáo biệt và cầu khai thị. Hòa thượng gạn hỏi, sư đáp: "Cơ duyên đã thuận thực, chẳng thể không đi!". Hòa thượng hứa nhận và phú kệ rằng:

**Niệm Phật pháp mầu lại cõi huyễn,
Đường Tây thẳng lối hợp cơ duyên.
Nhân thành nguyện mãn Di Đà gặp,
Khởi nổi "Linh bình ngũ thập niên".**

Thọ lãnh pháp kệ xong, Truyền Tánh trở về trung đường ngồi kiết già niệm Phật. Được giây lát, đại chúng thấy đánh đầu sư hơi nóng bốc lên như khói trắng, cả mình xuất hạn, sắc mặt khác thường. Vài vị vội đến dò xem, thì sư đã thoát hóa.

GIỚI TÂM

Thích Giới Tâm họ Đàm, quê ở Huỳnh huyện tỉnh Sơn Đông. Lúc tuổi trẻ ông rất mộ đạo, hằng có ý nguyện thoát trần. Lớn lên vì phải phụng dưỡng song thân, nên tới lui buôn bán ở Ngưu trang. Tuy nhiên, ông vẫn giữ chí khổ tu, ăn chay niệm Phật, gặp những việc lành đều gắng hết sức mà làm.

Đến tuổi 57 ông mới thực hành được ý nguyện, tới xuất gia nơi chùa Tường Vân tại Hải Thành. Mùa đông năm Dân

Quốc thứ 11, lại đặc giới nơi chùa Thiện Quả ở Bắc Bình. Từ đó, Giới Tâm càng tinh tấn niệm Phật, ngày đêm không biếng trễ. Khi gặp hàng thân hữu hoặc kẻ viếng thăm, sư chỉ khuyên tu Tịnh Độ, không bàn luận đến việc thế gian. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 13, chùa Lăng Nghiêm ở Dinh Khẩu mới khởi công kiến trúc, sư phát tâm làm công quả coi sóc mọi việc, chẳng nài khổ nhọc khó khăn. Hai năm sau Giới Tâm vương bệnh ho, tự nghĩ đó là túc nghiệp, nên vào hôm lễ vía đức A Di Đà, đốt 48 liều hương nơi cánh tay, để cúng dường và cầu sám hối. Ngày mùng 8 tháng chạp, nhằm vía đức Thích Ca thành đạo, lại đốt thêm 48 liều hương nữa. Tuy bệnh chứng mỗi ngày một tăng, song sư vẫn gắng niệm Phật không thôi nghỉ.

Ngày 12 tháng chạp, sáng sớm thức dậy, Giới Tâm đối trước đại chúng bạch rằng: "Đêm vừa rồi, tôi thấy thảng cảnh ở Tây Phương và kim dung của Tam Thánh. Chắc có lẽ duyên trần đã mãn, thời kỳ quy Phật hầu gần. Nay xin đánh lễ cáo từ và kính chúc đại chúng ở lại tu hành tinh tấn!". Lúc ấy có cư sĩ Vương Tinh Kiều, một lương y ở bản ấp, là bạn tốt của Giới Tâm, cũng trong đêm đó nằm mộng thấy người báo tin rằng: "Sư Giới Tâm sắp vãng sanh, nên mau tới trợ niệm!". Trong giấc mơ, Vương theo người ấy sang viếng thăm, hỏi: "Vừa rồi tôi chân mạch, thấy trước ngày rằm thầy vẫn chưa đến nổi nào, nay sao lại đi vội gấp như thế?". Giới Tâm đáp: "Sự vãng sanh đâu có luận gì mạch? Tam Thánh đã mách cho biết trước ngày về. Vậy

liên hữu hãy dìu tôi ra ngoài, xem đã tới thời chưa?". Ra tới bên ngoài, sư hướng về Tây cả cười bảo: "Tôi sẽ sanh Tịnh Độ, hưởng sự vui thắng diệu. Kìa, liên hữu hãy nhìn xem!". Vương ngẩng đầu trông lên, quả thấy đằng xa hiện cảnh giới trang nghiêm cõi Cực Lạc, Tây Phương Tam Thánh đứng giữa hư không, liền hỏi: "Tam Thánh đã quang lâm tiếp dẫn, sao còn ở cách quá xa?". Bên tả bỗng có tiếng bảo: "Vị sư này đời nghiệp vãng sanh, chẳng phải Phật không đến tiếp dẫn!".

Tỉnh giấc, sáng ra Vương đem điềm mộng ấy thuật với các bạn đồng tu, ai nấy đều cho là triệu chứng báo sư sắp về cõi Phật. Ngày 13, thời tiểu thực sáng xong, Giới Tâm trao tiền cho vị Hương đăng, bảo mua dầu đốt đèn bàn Phật và chú nguyện rằng: "Xin đem ánh sáng này soi phá sự tối tăm của chúng sanh ba cõi!". Nói xong, tụng kinh A Di Đà bảy biến. Chiều lại, sư đôi cư sĩ Lục Bính Nam và Phật tử Vĩnh Nhuận bảo: "Sau khi tôi về Cực Lạc chúng được đạo quả, sẽ phân thân trở lại Ta Bà độ thoát vô lượng chúng sanh!". Nói vừa dứt, liền ngồi kiết già ngay thẳng, chấp tay niệm Phật rồi an nhiên mà hóa, thọ được 63 tuổi.

ĐỨC TRÍ

Thích Đức Trí họ Trương, người tỉnh Hồ Bắc, lúc chưa xuất gia chuyên nghề đánh cá. Khi tuổi gần 60, ông nghĩ mình nghiệp sát quá nặng, tất khó tránh khỏi ác báo, muốn

được giải cứu chỉ có cách đối trước Tam Bảo sám hối tu hành.

Năm Nhâm Tý, đầu kỷ nguyên Dân Quốc, ông đến chùa Phật Đảnh ở non Phổ Đà, cầu xin xuống tóc xuất gia. Sau khi thọ đại giới, có nhiều vị sư dạy bảo cho cách thức tu thiền. Đức Trí cũng tham cứu ít lâu, song tự biết mình căn tối chướng sâu, khó được sự lợi ích thiết thật. Kế tiếp nghe Ấn Quang pháp sư đề xướng pháp môn Tịnh Độ, sư đến đánh lễ cầu khai thị. Sau khi nghe lời chỉ dạy, Đức Trí liền tin nhận, từ đó chuyên cần lễ bái tụng niệm, giữ thời khóa chắc chắn không trễ sót, hơn mười năm như một ngày. Tánh sư cang trực, lại cần kiệm chất phác, rất chuộng giới hạnh, lạnh nhạt cùng lợi danh. Đối với những vị tăng có đạo hạnh, thì đặc biệt cung kính, không luận già trẻ hoặc niên lap cao thấp, đều đánh lễ cầu xin khai thị. Khi được của cúng dường, đều chuyển giao cho thường trụ, hoặc giúp làm những công đức lành, bên mình không chứa để chi cả. Về sau vài bạn đồng môn đem việc phiền lụy đến người về chi phí củi lửa để thiêu hóa lúc mãn phần, đôi ba phen trách móc. Bởi duyên đó sư mới dành ra 30 đồng giao cho vị tăng tri khố nhờ cất giữ, chớ không chịu chứa để nhiều.

Mùa thu năm Bính Dần thời Dân Quốc, Đức Trí vương chứng hạ ly. Có người bày uống rượu ngâm với trái Vô hoa để chữa bệnh, tất sẽ mau lành. Sư khẳng khái bảo: "Tôi thà chết chứ không dám phá giới cấm uống rượu!". Hai năm sau, bệnh ấy lại tái phát, kỳ này rất trầm trọng, thường làm

đơ cả giường nệm, phải dời về Như Ý liêu để tĩnh dưỡng. Nhân vì bình sanh sư ưa kết duyên với người, nên lúc đó được vị hương đăng có lòng tốt sẵn sóc, lo cơm cháo cùng lau rửa giường phòng, giặt giũ y phục chăn nệm. Đức Trí tự biết đây là do nghiệp sát sanh phát hiện, nhờ chân thật tu hành, nên chuyển từ trọng báo sang khinh báo. Vì thế nên tuy đau yếu, song sư vẫn chí tâm niệm Phật không xen hở.

Trước khi mãn phần ba ngày, căn bệnh bỗng giảm nhẹ, không còn làm nhớ ứ, thần trí sư trở nên thanh tĩnh. Do Đức Trí thật ý tu trì, nên được nhiều người kính mến, hằng lui tới viếng thăm. Lúc ấy tầng lầu trên của liêu Như Ý có mấy vị tăng đang duyệt xem Đại Tạng kinh, thấy trạng thái đó biết là sư sắp từ trần; phát tâm thay phiên nhau trợ niệm, cùng khai thị cho những điểm thiết yếu để được vãng sanh. Trước khi sư lâm chung bốn giờ, tất cả đều chuyên xưng hiệu Phật giúp phân chánh niệm cho bệnh nhân, lại trần thiết tượng Phật tiếp dẫn để trước mặt. Đức Trí vui mừng cảm tạ và chú nguyện rằng: "Cầu cho chư vị đều được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!". Ban sơ sư niệm ra tiếng nhỏ theo đại chúng, kế đó chỉ sẽ động môi niệm thầm.

Lúc sắp đi lại trở mình nằm nghiêng bên hữu, tay mặt tự sửa ngay ngắn, tay trái do một vị tăng giúp đỡ xuôi theo mình, thành ra tướng nằm kiết tường. Trong tiếng xưng hồng danh của chư tăng, Đức Trí vẫn động môi niệm Phật đến giờ phút cuối cùng, rồi nhắm mắt đi thẳng.

Mấy giờ sau, cả mình sư đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng. Tới khi nhập khám, toàn thân Đức Trí đều mềm dịu, trong người sạch sẽ không có mùi hôi, lại tiết ra hương thơm thanh thoảng. Gương mặt sư bình thời vẫn đen nám tiêu tụy, lúc đó lại lộ nét tươi đẹp sáng nhuận. Đây là triệu chứng sư được nghiệp chướng tiêu trừ, sanh về Cực Lạc.

KHÔNG TAM

Thích Không Tam họ Lưu, quê ở huyện Hải Thành tại Phụng Thiên. Lúc còn ở nhà, ông làm công trong lò ngói gạch. Tánh ông ưa bố thí, từng cung cấp phần ngói gạch và ngư vĩ cho chùa Lăng Nghiêm ở Dinh Khẩu lúc hưng công. Nhờ thế lần lượt hơn 2 năm sau, ngôi tự viện mới được lạc thành. Kế đó Không Tam cảm nghĩ đời người như giấc mộng, tới chùa Trấn Hà ở trong huyện, đánh lễ Thoát Trần pháp sư cầu xin thế độ.

Sau khi thọ đại giới, sư đến chùa Long Tuyền ở Thiên Sơn, ngày đêm tinh cần niệm Phật. Năm Dân Quốc thứ 18 (1929), Không Tam nghe Đế Nhân pháp sư đến chùa Cực Lạc, ở Cáp Nhĩ Tân truyền giới, liền mang y bát tới nơi công quả, lãnh phận sự nấu nước giải lao và săn sóc cho các giới tử đau bệnh. Bảy giờ nhằm tiết hạ, khí hậu nóng bức, hàng tân giới mười người vương bệnh hết ba bốn. Vì thế nhiều lúc sư phải thức suốt đêm để lo thuốc thang săn sóc.

Được gần nửa hạ, Không Tam trình với vị tri sự tăng trong chùa là Như Quang rằng: "Không bao lâu tôi sẽ về

Tây Phương Cực Lạc thế giới, xin thầy từ bi sắp cho một nơi thanh tịnh để được phương tiện hơn". Như Quang suy nghĩ rồi chấp thuận, hỏi: "Chừng nào thầy quy Phật?". Sư đáp: "Không quá 10 ngày!". Đại chúng hay được việc ấy, phần đông đều mỉm cười nửa tin nửa ngờ. Sáng hôm sau, Không Tam được cho dời đến tịnh thất rộng rãi ở phía Đông chùa. Kế tiếp vài ngày, sư báo tin hôm nay mình sẽ vãng sanh và yêu cầu sau khi viên tịch đem hài cốt ra thiêu hóa. Lúc ấy đại chúng gồm hàng tăng tục hơn 80 người nghe tin tụ hội đến, có vị thành tâm trợ niệm, có kẻ chỉ tới nơi dò xem sự thể ra sao!

Bấy giờ giữa số đông người, Không Tam ngồi kiết già nhắm mắt chấp tay niệm Phật không dứt. Một vị tăng thấy sư nét mặt an điềm, lại nghe thoảng mùi hương lạ, bỗng sanh lòng tin tưởng, lên tiếng hỏi: "Thầy sắp về Phật, chẳng lẽ không để lại một bài kệ nào lưu niệm hay sao?". Sư mở mắt ra đáp: "Tôi xuất thân là kẻ làm công trong lò ngói gạch, đã đốt nát lại nửa đời người mới vào chùa xuống tóc tu hành. Như thế đâu có đủ khả năng chi để thuyết kệ? Nhưng thời gian trước tôi có nghe hai câu kệ của một vị giảng sư, nên ghi nhớ và hằng lấy đó làm phương châm trên bước tu hành. Hai câu ấy là: Nói được làm không được. Tất không phải người trí". Đại chúng nghe lời ấy, biết sự tu hành của sư chẳng dựa nơi điều phù phiếm, mà đã đạp trên bước chắc chắn chân thật, nên đều chấp tay tỏ vẻ cung kính.

Giây lát Không Tam ngồi thoát hóa trong tiếng niệm Phật của đông người. Bảy giờ nhằm ngày 13 tiết trọng hạ.

Hai hôm sau mới làm lễ nhập khám, di hài của sư vẫn còn ngồi ngay thẳng tươi tỉnh như sống. Xung quanh ruồi muỗi tuyệt không có một con, thi thể lại thường tiết ra mùi hương lạ. Lúc trà tỳ, mọi người đều nghe hơi thơm chiên đàn bay thanh thoảng.

KIM TRƯỚC

Thích Kim Trước, người ở Thai Châu, xuất gia tại chùa Diên Thọ thuộc bản xứ hồi mới lên tám tuổi. Đến niên kỷ hai mươi, sư được thọ đại giới nơi chùa Quốc Thanh.

Bước hành đạo đầu tiên, thầy thế độ dạy sư tụng chú Đại Bi và niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Mỗi ngày Kim Trước tụng chú bốn mươi tám biến, ngoài ra chỉ chuyên niệm Quán Âm. Sư tu tập như thế không xen hở, bình sanh xem danh lợi như bóng bọt, thói quen tập nhiễm nhờ công đức trì niệm lần lượt đều tiêu trừ. Lại do sức trì chú, Kim Trước trị bệnh cho nhiều người lành mạnh một cách mau lẹ, cũng không nhận sự thù ân.

Năm Mậu Thìn niên hiệu Dân Quốc, sư ở tu một mình trong am nhỏ, đêm nọ bỗng bị giặc cướp. Chúng xét thấy ngoài y bát ra không có vật chi quý giá, nên nổi giận đâm sư hai dao bên hữu trán và một ở cánh tay mặt. Kim Trước chỉ bị bất tỉnh, sau đó được lành, dấu dao đâm còn in dấu rành rành. Đây là nghiệp trái nhiều kiếp về trước, do công tu nên

dồn phát lộ, chuyển quả báo nặng thành nhẹ, trả ngay trong hiện đời. Mùa hạ năm Kỷ Ty, sư đến chùa A Dục Vương ở Ninh Ba, niêm yết danh sách xin đơn (chỗ giường nằm) nhập chúng. Chờ hơn nửa ngày song không được chấp nhận, Kim Truợc chẳng một lời trách hờn, vẫn điềm nhiên ngồi tịnh mãi. Vị tăng tri sự thấy thế, đưa vào Dưỡng Tâm Đường cho ở tạm.

Tới tháng tám, vị sư quản đường lại bảo phải đi nơi khác. Kim Truợc thưa: "Tôi ở tạm đây không bao lâu sẽ sanh về Tây Phương. Xin từ bi cho tôi nhập chúng đến mãn tiết Mạnh đông". Sư quản đường trình lên, vị tăng tri chúng miễn cưỡng chấp thuận. Tới ngày mười chín tháng mười, Kim Truợc bạch với chúng rằng: "Trong vòng ba ngày, tôi sẽ thoát ly biển khổ, sanh về Cực Lạc. Xin các bạn đồng tham nên cố gắng niệm Phật cho chắc thật, hoặc chuyên xưng danh hiệu một trong hai vị đại sĩ tùy thị ở Tây Phương, quyết định sẽ được vãng sanh. Đức Thế Tôn không bao giờ nói dối! Hiện thời Quán Thế Âm Bồ Tát đang bung đài bạc đứng giữa hư không trước mắt tôi!". Đại chúng nghe nói, phần nhiều không tin, cho là lời huyền hoặc. Trước giờ ngọ ngày hai mươi một, Kim Truợc đắp y lên các điện lễ Phật, Bồ Tát, rồi xuống thưa các vị sư quản đường rằng: "Quá ngọ một giờ, tôi sẽ về Tây Phương". Chư tăng vẫn còn cho đó là lời càn dối.

Tới chín giờ, sư lên Quá đường dùng hai chén như thường ngày, rồi về nói với một bạn đồng liêu rằng: "Theo

quy lệ của thường trụ ở đây, vị tăng nào tịch phải đưa thi hài vào núi, tiền mướn người khiêng đi là bốn hào. Tôi không còn vật chi, duy có đôi dép xin phụng tặng, nhờ thầy lo liệu dùm việc ấy!". Sang mười một giờ, Kim Trượng tắm gội thay y phục xong, trở về liêu đáp y ngồi kiết già day mặt phương Tây lâm râm trì niệm. Đến xế qua một giờ, đúng như lời nói, sự an nhiên mà thoát hoá.

ĐẾ NHÀN

Thích Đế Nhàn, pháp danh Cổ Hư, hiệu Trác Tam họ Châu, người ở Hoàng Nham tỉnh Triết Giang. Pháp sư tánh huệ đã tròn, căn lành sẵn đủ, hai mươi tuổi đến xuất gia nơi chùa Bạch Vân huyện Lâm Hải. Hai năm sau được thọ giới Cụ túc tại chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai.

Từ đó đông tham thiền, hạ học Phật, pháp sư tinh tấn hành đạo, gần gũi với các bậc kỳ túc, và rất tương đắc cùng Mãn Hy lão nhơn. Ngài từng dự khóa giảng Pháp Hoa, nghe chưa trọn bộ đã lãnh hội ý mầu Tam đế tam quán. Kế tiếp được cho ngồi tiểu tòa phúc giảng lại, lời sâu mầu lý thông suốt, khiến hàng đồng bối đều kinh hãi thán phục. Mãn công cũng thở than khen ngợi cho là bậc long tượng trong pháp môn. Năm hai mươi tám tuổi, pháp sư mở diễn hội Pháp Hoa nơi chùa Lục Thông tại Hàng Châu. Khi giảng tới đoạn "Khai Phật tri kiến". Ngài bỗng vào định lặng yên. Giây lát xuất định giảng tiếp thì biện tài không ngại, đáp nạn giải nghi như bình tuôn nước, lời lẽ thâm mở

tự tại chẳng ai chế ngự nổi. Từ đó về sau, thường lấy sự hoằng pháp lợi sanh làm trách nhiệm của mình. Pháp sư lại lo huệ nhiều định ít sợ nổi chướng đạo, nên đóng cửa nhập thất nơi am Thánh Quả ở chùa Từ Khê. Lúc rồi rảnh thì nghiên cứu thêm về đại thừa kinh điển.

Ba năm sau vừa ra thất, Ngài liền nhận lời cầu thỉnh giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Long Hoa ở Thượng Hải. Khóa giảng xong lại về Kim Sơn tự tham thiền, rồi đến chùa Quốc Thanh tu quán. Trải qua thời gian đó, sự giải ngộ của pháp sư càng đến chỗ sâu sắc nhiệm màu, được Tổ Thích Đoan Dung chọn làm truyền nhơn môn phái Thiên Thai đời thứ bốn mươi ba. Từ đây đến hơn hai mươi năm về sau, ngài ứng lời cầu thỉnh liên tục đi giảng khắp nơi ít khi rồi rảnh, mở pháp hội kể có mấy ngàn lần. Mỗi ngày pháp sư đều tụng kinh Kim Cang, Viên Giác, Quán Vô Lượng Thọ, Phổ Hiền Hạnh Nguyên phẩm và niệm Phật hơn một muôn câu lấy làm thường khóa. Ngày rằm và ba mươi lại tụng thêm kinh Phạm Võng.

Trong một đời hoằng hóa, ngài đã trùng hưng chùa Đầu Đà ở Ôn Châu, chùa Vạn Niên ở Thiên Thai, chùa Quán Tông ở Ninh Ba, chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu. Ngoài ra còn mở Phật học đường để đào tạo tăng tài, lập tịnh viện cho đại chúng tu tập. Chùa Quán Tông là nơi thường trụ tích của pháp sư. Ngài trứ thuật rất nhiều lời khai thị, dưới thích ứng với cơ duyên, trên thâm hợp cùng Phật lý, khiến cho phần đông hàng đạo tục đều được lợi ích thâm nhuần.

Cách thức chỉ dạy thì giáo mở Thiên Thai, hạnh chuyên Tịnh Độ, nên mỗi khi giảng kinh đều chỉ quy về sự niệm Phật. Bản thân của pháp sư cũng thật hành theo đường lối đó, hạnh giải kiêm toàn chúng đều khâm phục, được mọi người tôn xưng là bậc trung hưng Thai giáo thời bấy giờ. Cho đến những điều công ích, các việc từ thiện ngài đều khẳng khái giúp thành.

Trong hai mùa xuân hạ năm Tân Mùi thời Dân Quốc, pháp sư giảng kinh nơi chùa Ngọc Phật ở Thượng Hải. Ngoài ra lại ứng đáp lời cầu thỉnh của Vô Tích cư sĩ, giảng bài văn Phát Bồ Đề Tâm của Tĩnh Am đại sư. Nhân vì tuổi đã cao, thời tiết nóng bức, Phật sự quá nhọc nhằn, nên sau kỳ giảng pháp sư lâm bệnh. Lúc trở về bản tự, tinh thần cùng sự ăn uống mỗi ngày thêm suy giảm. Ngài bèn tuyệt hết các duyên, quyết ý chuyên niệm Phật cầu sanh. Sang mùa hạ năm Nhâm Thân, pháp sư đem thủ tục và quy chế ở chùa Quán Tông giao phó hoàn tất, chỉ định cho môn nhơn là Bảo Tịnh nối tiếp hoằng trì.

Đến ngày mừng hai tháng bảy, trước giờ Ngọ, pháp sư bỗng chắp tay hướng về Tây yên lặng giây phút rồi bảo: "Đức A Di Đà đã quang lâm tiếp dẫn, lão nhơn xin từ đây giã biệt!". Nói đoạn, bảo thị giả nấu nước thơm để mình tắm gội. Sau khi thay y phục mới sạch, đắp cà sa xong, pháp sư dạy đỡ mình lên chánh điện lễ Phật, rồi bảo dìu xuống tự ngòi kiết già trong bảo khám. Kế tiếp, trước khi

dạy chúng đồng thanh niệm Phật. Ngài nói lời kệ phú chúc
vắn tắt rằng:

Ta nhờ niệm Phật
Tịnh Độ hiện tiền
Chân thật thọ dụng
Chúng gắng tinh chuyên!

Quá ngộ một giờ ba khắc, ngài an lành mỉm cười vãng
sinh trong tiếng trợ niệm của đại chúng. Lúc ấy sắc mặt của
pháp sư hiện vẻ rất tươi sáng, mấy giờ sau đánh đầu còn
nóng. Bảy giờ nhằm ngày mùng hai tháng bảy, năm Dân
Quốc thứ hai mươi một (1932), pháp sư hưởng thọ bảy
mươi lăm tuổi, tăng lạp năm mươi lăm. Di hài được môn
nhơn làm lễ nhập tháp nơi chùa Từ Khê, non Ngũ Lô.

TỊNH ĐỘ THI

I

Chuyên cần lễ niệm sớm rồi hôm
Ao báu đài sen nhập mộng hồn.
Xương nát thân tan ngàn vạn kiếp
Khó đền ân đức Đại Từ Tôn!

II

Sáu thời tưởng niệm Từ bi phụ
Con trẻ ngày nao trở gót về?
Nói đến luân hồi vô tận việc
Trông nhau rớt lệ động lòng quê?

III

Anh khuyên em dạ niệm Di Đà
Lại độ thể nhi thoát ái hà
Vị được đồng tâm cùng niệm Phật
Diêm La thúc thủ biết sao mà ?

IV

Xưa có sĩ phu Ngô Tử Tài
Gỗ hòm mỗi sáng nhắc quy lai
Thân tuy còn ở trong ba cõi
Hồn đã nương về Bạch ngẫu thai.
(Thai sen trắng)

V

Niệm Phật phải chuyên niệm đến cùng
Đến cùng tâm niệm bỗng tiêu dung!
Ta Bà biển khổ phong ba lặng
Yên ổn thuyền sen tới Lạc cung.

VI

Muốn kết duyên lành hội Thắng liên
Hơn thua phải quấy thả đều quên!
Pháp mầu khó gặp tâm hằng nhớ
Vui vẻ đồng lên giải thoát thuyền.

VII

Bởi còn chấp ngã khởi tham sân
Chôn lấp hoàng kim trượng lục thân!
Nay gặp duyên may vào Tinh xã
Chẳng nên theo cũ dính phong trần.

VIII

Khấp đem đất trực Tam thiên độ
Gieo giống trời Tây Cửu phẩm liên
Đường đạo đây hơn không cách khác
Chỉ cần một niệm vững bền chuyên.

IX

Hằng đề thân tâm hướng tịch dương
Tịch dương nơi ấy còn liên hương!
Gió cây chim nước tuyên lời diệu
Xót kẻ tình đời mộng hãỵ vương.

X

Ba mươi sáu chước, chước chi mầu?
Câu Phật ngàn muôn niệm đến đâu!
Nén tắt hương tàn mơ cõi báu
Bóng câu kiếp tạm chẳng bền lâu!

Trung Phong đại sư

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU

PHẦN BA – TỨ CHÚNG VÃNG SANH (tiếp theo)

- Lan Đài4
- Bành Thiệu Thăng9
- Lữ Huát Nhược16
- Tào Thánh Hữu17
- Trịnh Triệu Vinh18
- Ngô Liêm20
- Trần Đình Du21
- Trương Hiếu Lâm22
- Phan Vạn Tôn23
- Trần Thơ Hoa24

- Hứa Nhân Thục	25
- Châu Quang.....	28
- Lộ Khôn.....	30
- Ngô Doãn Thăng	31
- Từ Thị.....	34
- Tào Thị	35
- Đào Quỳnh Lâu	37
- Bá Bất Quản	45
- Uông Thị	47
- Vương, Trương, Trần	49
- Châu Thị.....	51
- Thiệu Thị	52
- Du Thị	53

- Tiền Nhự Nhơn.....	54
- Lục An Nhơn.....	55
- Một trăm bài thơ kệ Niệm Phật	58
- Luật Tịnh	71
- Huệ Minh.....	73
- Khởi Tín	74
- Đông Qua Hòa thượng	78
- Ngô Linh	80
- Viên Dung	82
- Diệu Trạm	84
- Thọ Tâm	86
- Tư Ngạn.....	89
- Ngọc Phong	91

- Chí Thiện.....	93
- Khắc Cần	96
- Tịnh Hải.....	98
- Mặc Am.....	100
- Lương Tu.....	103
- Tịnh Thiên	105
- Như Trí.....	108
- Như Giác	110
- Liên Trinh.....	111
- Quả Nhơn	113
- Thánh Đạo	115
- Đại Ngộ	116
- Hoằng Nguyên.....	118

- Phạm Ngươn Lễ	122
- Tôn Phục Nguyên.....	127
- Lý Cần	128
- Tào Hải Hòa	131
- Tống Lai	133
- Trần Cư Sĩ	134
- Ngô Tôn Ngụ.....	135
- Trương Xỉ Diên	136
- Từ Hy	138
- Tiên Vạn Vật	142
- Châu Lân Thơ.....	145
- Cù Tấn Hòe	147
- Tôn Tùng Đình	148

- Đinh đồng tử.....	149
- Dương Thị	151
- Nhan Thị.....	151
- Tiền Lan Trinh	153
- Trâm trinh nữ.....	153
- Bạch Thị	155
- Một trinh nữ.....	156
- Châu phu nhơn	157
- Một tram bài kệ niệm Phật	161
- Minh Quả.....	197
- Bản Tuyên	199
- Kim Thế.....	200
- Giới Nhiên.....	202

- Chánh Thành	204
- Truyền Tánh	206
- Giới Tâm	207
- Đức Trí	209
- Không Tam.....	212
- Kim Trược	214
- Đế Nhàn.....	216
- Tịnh Độ Thi.....	219

Dịch giả: HT. THÍCH THIỀN TÂM

Mấy điệu

Sen thanh

TẬP 4

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

PL. 2542 - 1998

Dịch giả: Hòa Thượng THÍCH THIỀN TÂM

**MẤY ĐIỆU SEN THANH
TRỌN VẸN 4 QUYỂN
QUYỂN 4**

**THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP HỒ CHÍ MINH
Phật Lịch: 2542 --1998**

LỜI ĐẦU

Quyển này bút giả tuyển dịch từ nguyên bản TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC của Phật giáo Trung Hoa. Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục do cư sĩ Bành Tế Thanh cùng cháu là Hy Tốc, người đời Càn Long nhà Thanh sưu tập những truyện niệm Phật được vãng sanh soạn thành. Đến cuối đời Đạo Quang, Thanh triều, Liên Quy cư sĩ Hồ Đỉnh góp nhặt các chuyện vãng sanh tục biên thêm. Sang đời Trung Hoa Dân Quốc, Đức Sum pháp sư lại sưu tập những sự tích tu Tịnh Độ có ứng nghiệm bổ túc vào. Trước sau có tất cả được gần một ngàn truyện.

Thật ra, người tu Tịnh Độ vãng sanh rất nhiều, không phải chỉ có ngàn ấy mà thôi. Nguyên do bởi những cổ thư về Tịnh Độ thất lạc, phần ký lục kém thiếu, ngày xưa sự lưu thông chưa thuận tiện, nên các chuyện niệm Phật vãng sanh không được truyền rộng và ghi chép đầy đủ. Thử nghĩ quang cảnh lúc ngài Thiện Đạo ở Trường An, ngài Thiếu Khang ở Tân Định, tiếng niệm Phật vang khắp các nẻo đường, tất biết người sanh về Tịnh Độ số còn hơn muôn ức. Nhưng bao nhiêu truyện tích sưu tập trên, cũng tạm gọi là đủ để làm khuôn mẫu cho những người tu Tịnh Độ đời sau.

Trong thời gian trước, bút giả có ghi chép được hơn vài mươi chuyện niệm Phật vãng sanh ở Việt Nam, tiếc

vì lúc chiến nạn bị thất lạc mất. Bởi thế, đành phải đem những chuyện vãng sanh ở Trung Hoa để làm gương khuyến tấn người tu Tịnh Độ. Nơi quyển này, chỉ tuyển dịch ra những sự tích có phần đặc sắc trong nguyên bản, vì e nhiều quá sẽ gây sự nhàm chán cho độc giả. Trước kia, Thượng Tọa Vạn Đức (Thích Trí Tịnh) có dịch được một phần ba, lấy tên là ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC, được nhiều người ưa thích. Một vài liên hữu yêu cầu tôi xin tiếp tục công việc ấy, và dịch những chuyện vãng sanh của hàng căn cơ thời gần đây, để người đời nay có thể theo dấu. Vì thế ở quyển này, bút giả lưu ý dịch các truyện vào thời Dân Quốc cận đại nhiều hơn.

Những lời và hạnh của thánh hiền tu Tịnh Độ khi xưa, là những điệu nhạc, những đài gương để khuyến khích, soi sáng cho các hàng liên hữu. Cổ non đã có vị viết sách Tịnh Độ, nhan đề là LIÊN LẬU THANH ÂM. Liên Lậu là giờ khắc hoa sen, lấy sự tích đồng hồ sen nơi Bạch Liên Xã của ngài Huệ Viễn. Thanh Âm là những âm điệu thanh tao để khuyến hóa mọi người niệm Phật. Bút giả thể theo ý đó, đặt nhan đề quyển này là MÁY ĐIỀU SEN THANH.

Mỗi tông phái, ngoài lý thuyết còn có phần thật nghiệm hay thật hành. Thật hành vừa để chứng minh cho lý thuyết, vừa là tấm gương sáng nhắc nhở khuyến khích người tu. Quyển này là thiên sử liệu chứng minh cõi Cực Lạc có thật, công đức niệm Phật có lợi ích ngay lúc hiện tại cho đến khi mạng chung. Cõi Cực Lạc

đã có thật, thì thiên cung, địa ngục, ba cõi sáu đường, việc tội phước nhân quả, thánh thần quỷ ma, suy ra cũng đều có thật không phải hư huyền. Từ điểm này xét kỹ sâu rộng thêm, tất có thể dứt trừ những điều xấu ác, xu hướng về nẻo thiện lương vậy.

“Nương mình tựa án xem người cồ

Ăn bóng trong gương ngẫm chuyện đời”.

Mong đọc giả khi xem quyển này, thức tỉnh cuộc đời là khổ lụy vô thường, sớm phát tâm tìm lối giải thoát, tu các phước lành ăn chay niệm Phật. Từ sự tự tu, khuyến hóa trong thân tộc cho đến mọi người đều tu hành, thì cõi này tuy chưa thành Cực Lạc, song trong một vùng, một xứ, cũng được nhiều phước lợi an vui.

Ngoài ra, những tình tiết của nội dung toàn quyển, có thể dẫn đạo ý thâm trầm cho người xem. Như ăn mía nhai từ ngọn đến gốc, sẽ lần lần tiến vào giai cảnh vậy.

LIÊN DU

PHẦN BA

TỨ CHÚNG VÃNG SANH

(tiếp theo)

TẠ XUÂN HOA

Cư sĩ Tạ Xuân Hoa, người ở Tiên Đường tại Hàng Châu. Ông bảm tánh hòa nhã chân thật, không ưa tranh chấp với người, thờ cha mẹ rất có hiếu, chưa từng làm cho song thân phật ý. Đối với những việc lành, ông cũng thường hết sức giúp đỡ, song chưa biết ăn chay niệm Phật.

Năm Quang Chử thứ 10, Xuân Hoa bỗng mang bệnh cổ trướng, thuốc thang cầu đảo đều vô hiệu, chỉ nằm rên rỉ chờ mãn phần. Người em họ là cư sĩ Châu Kim Bá tu hành đã lâu, hiểu biết Phật pháp, một hôm nhân đến thăm, thấy thế bảo rằng: "Căn bệnh của anh, xét kỹ lại chính là túc nghiệp. Nếu không phát nguyện lớn, làm lành và sám hối niệm Phật, e khó tiêu trừ!". Xuân Hoa nghe nói chấp nhận, liền lập thệ trọn đời giới sát, phóng sanh và chí tâm niệm Phật. Châu cư sĩ hết lòng tán trợ, đến nhà dạy bảo cho cách thức tu hành, lại định hạn kỳ cùng với ông niệm Phật 49 ngày. Đêm hoàn mãn, Xuân Hoa mộng thấy một vị tăng đem trao cho hoàn thuốc bảo uống. Tỉnh giấc ông cảm thấy trong bụng sôi động, đi ngoài vài lần, thân liền an ổn, ba hôm sau bệnh lành hẳn.

Từ đó Xuân Hoa phát lòng tin sâu, khẩn thiết niệm Phật không xen hở. Những kỳ pháp hội, cư sĩ đều có dự vào. Đầu mùa hạ năm Quang Chử thứ 15, Xuân Hoa cảm bệnh nhẹ, ăn uống kém dần, song niệm Phật càng tha thiết. Đến ngày 26 tháng 4, cư sĩ mộng thấy Tây Phương Tam Thánh, tỉnh giấc biết đó là triệu chứng vãng sanh. Lúc ấy, bệnh cũng đã thuyên giảm, ông đi từ giã khắp các bạn thân, bảo mình sắp sanh về Tịnh Độ. Xuân Hoa lại nói với cư sĩ Diêu Minh Trai rằng: "Ngày 28 tới đây tôi sẽ về Tây Phương, xin nhờ liên hữu đến trợ niệm!". Minh Trai bảo: "Ngày đó tôi có việc cần". Ông lại dời sang ngày 29, song Minh Trai cũng đáp chưa rảnh. Xuân Hoa lại nói: "Thế thì tôi nhất định ngày mùng 1 tháng 5 sẽ đi, anh có đến được chăng?". Minh Trai bảo: "Hôm ấy việc đã xong, tôi xin tới trợ niệm!".

Đến kỳ hạn, cư sĩ tắm gội thay y phục, ngồi ngay thẳng hướng về Tây, gọi con cái lại dặn rằng: "Các con nếu có hiếu tâm, hãy niệm Phật giúp cha, đừng nên thương khóc. Sau khi cha mãn phần, phải gắng làm người hoàn thiện, tinh tấn tu hành!". Kế tiếp các liên hữu đều hội lại, cùng nhau xưng hồng danh trợ niệm. Ước chừng nửa cây hương, Xuân Hoa chấp tay đưa lên cao tỏ dấu từ biệt, rồi để hai tay xuống ngang ngực, ngược mắt lên như nhìn thấy cảnh tượng chi. Giây phút, cư sĩ mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng. Lúc ấy mùi hương lạ bay khắp nhà, vài ngày sau vẫn chưa tan.

DIỆP TRÚC AM

Cư sĩ Diệp Trúc Am, người đời Thanh, quê ở huyện Dư Dao tỉnh Triết Giang. Thuở còn bé ông đã có bẩm tánh khác với trẻ thường, chưa từng nói lời thô ác và đùa cợt. Đến lúc vào trường học, hạnh kiểm lại đoan trang nghiêm cẩn còn hơn bậc thánh nhơn.

Lúc 18 tuổi, lên đại học đường, Trúc Am không thích tập nghề khoa cử, chỉ chuyên tâm nghiên cứu phân lý học, tìm hiểu thêm các kinh sách Phật giáo. Hiểu đến đâu ông cố gắng thực hành tới đó, chẳng ưa nói điều phù phiếm cao xa, cùng viết sách trứ thuật.

Đến khi cuộc loạn giặc tóc dài của nhóm Hồng Tú Toàn, Dương Tú Thanh nổi lên, khắp nơi biến diễn lăm lăm cảnh thảm mắt đau lòng. Trúc Am mục kích hiện tượng ấy, bỗng suy nghĩ: "Kiếp vận giặc giã cướp phá, sự giết hại đói khổ tràn lan, không phải sức một người có thể cứu vãn. Tuy nhiên quyền sanh sát loài vật chỉ do nơi ta. Nếu ta biết giữ giới tu phước, tất sẽ nhờ biệt nghiệp của công đức lành, tránh khỏi ảnh hưởng cộng nghiệp!". Từ đó ông lập nguyện: ăn chay, giới sát, bố thí, phóng sanh, và hết sức làm các điều lành. Mặc cho bọn hủ nho dùng thuyết: tế lễ phải có rượu thịt để bài bác, và trong họ hàng người làng xóm chấp nê theo thông tục mà giải khuyên, ông vẫn không đổi ý chí. Tất cả cuộc tế lễ đãi khách, ông đều dùng toàn đồ chay, và lấy đó làm hiệu lệnh trong nhà.

Hơn 50 tuổi, Trúc Am mới biết quy hướng về Tịnh Độ. Mỗi buổi sáng, ông đều hướng về Tây đánh lễ tụng trì, dù trải thời tiết nóng lạnh vẫn chuyên niệm Phật không trễ bỏ. Năm Mậu Tuất niên hiệu Quang Chử, lúc được 69 tuổi, vào ngày mùng 1 tháng 3, Trúc Am bỗng vương bệnh. Tới nửa đêm ngày mùng 4, ông gọi con trai lớn là Diệp Bình Quân lại bảo: "Nếu bệnh thể của cha không thuyên giảm, con nên đốc suất trong gia thuộc chí tâm niệm Phật để tổng chung, chẳng nên lộ vẻ buồn rầu thương khóc. Điều này rất thiết yếu, con hãy ghi nhớ kỹ, nhược bằng trái lời tức là phạm lỗi không hiếu thuận!". Từ đó khi mê lúc tỉnh, ông thường niệm Phật rành rẽ rõ ràng. Vài hôm sau, tuy hơi sức kém yếu, tiếng niệm nhỏ dần, lời nói cũng đứt đoạn khó khăn, song câu Phật hiệu vẫn thông suốt. Bệnh kéo dài tới giờ Tuất ngày 13, ông mới quy Tây.

Trước đó 3 hôm, những người thay phiên phục thị, đều nghe mùi hương lạ. Khi lâm chung, ông vẫn giữ chánh niệm cho tới lúc tắt hơi. Vừa lúc ấy thịt nơi đỉnh đầu của ông bỗng nổi cao lên to như búi tóc. Các bạn đồng tu đều khen ngợi, cho đó là điềm tốt vãng sanh.

HỒ DIỆC TIẾT

Cư sĩ Hồ Diệc Tiết, người huyện Thái Thuận, tỉnh Triết Giang. Ở địa phương này có chùa Hoa Nghiêm, do Triệt Quyền đại sư chủ trì. Đại sư chuyên tu Tịnh

Độ, dạy người niệm Phật nên chắc thật già dặn, đừng chuộng sự hào hoa.

Lúc Diệc Tiết được 30 tuổi, đến quy y với Triệt sư, ban ngày về nhà lo việc ruộng nương, đêm lại tới chùa niệm Phật. Năm 35 tuổi, ông đau yếu, bảo với vợ rằng: "Tôi sẽ đến Hoa Nghiêm Tự dưỡng bệnh, liệu mình niệm Phật, gởi thân mạng cho đức A Di Đà Thế Tôn".

Tới chùa rồi, ông liền thực hành đúng như lời nói, ngày đêm chí thành niệm Phật không xen hở. Được nửa tháng, Diệc Tiết tự biết mình sắp sanh về Tây Phương, nên buông bỏ cả muôn duyên, không đề cập tới gia đình cùng thế sự.

Khi lâm chung, ông bảo vợ lễ thỉnh ngài Triệt Quyền và chư tăng trong chùa từ bi trợ niệm. Lúc đại chúng đồng thanh niệm Phật, Diệc Tiết cũng niệm theo. Được một lát, tiếng ông càng vang to, âm thanh chấn động đến vách ngói. Thấy tiếng xướng Phật hiệu của Diệc Tiết càng lúc càng vang dội, sau cùng chư tăng đành yên lặng nhường cho riêng ông tự niệm. Giây phút Diệc Tiết bỗng nín giọng tắt hơi, song đại chúng vẫn nghe tiếng niệm Phật của ông vượt thẳng lên hư không đi về Tây, càng xa càng nhỏ dần, đến năm sáu mươi câu mới dứt. Đây thật là việc thù thắng lạ đời ít có. Những người nghe thấy đều khen công đức niệm Phật vãng sanh không thể nghĩ bàn!

HẠ QUỐC XƯƠNG

Cư sĩ Hạ Quốc Xương, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở Bình Hương, tỉnh Giang Tây. Ông nội và cha đều xuất thân chốn quan trường, có tiếng là liêm khiết. Quốc Xương từng giữ chức Tri huyện, thuyên chuyển đi vài nơi, sau thời cách mạng lại làm Dân chánh trưởng ở bản tỉnh.

Mùa thu năm Dân Quốc thứ hai, vì liên can vào việc thảo trừ Viên Thế Khải, mưu sự không thành, nên ông lánh nạn vào ẩn cư ở một ngôi chùa tại Nam Nhạc tỉnh Hồ Nam. Từ đó Quốc Xương cải hiệu là Hoành Tiêu, mỗi ngày trì các chân ngôn: Lăng Nghiêm, Chuẩn Đề và niệm Phật. Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tư, ông được người có thể lực tiến cử, song bị viên Ấp lệnh vu cáo, phải tự đến Bắc Kinh trần bạch mới được trắng án.

Bây giờ có cư sĩ La Kiệt là bạn đồng cảnh ngộ với Quốc Xương. Vì thế, sau cơn hoạn nạn, đôi bên thường qua lại thân thiết nhau. Cả hai đều trường trai và tập tham thiền. Một hôm trong cơn tĩnh định, Quốc Xương bỗng nghe có người gọi mình là Liêu Không Tử. Do đó ông cảm tác bài thi có hai câu như sau:

Liêu Không biết được đường lui tới

Phù thế phen này lại trải chơi!

Từ đó ông quy hướng Tịnh Độ, mỗi ngày tụng kinh Hoa Nghiêm vài quyển, lễ Phật một trăm lạy, niệm hồng danh A Di Đà hai muôn câu. Cư sĩ lại soạn các

quy ước: Trì trai, Niệm Phật, Quán tâm, Giản suất, đề tự răn nhắc sách tấn.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ tám, Quốc Xương về thăm viếng quê hương, gặp lúc trời hạn lâu, liền làm lễ đảo vò, được mưa xuống dồi dào, đồng ruộng đầy dẫy nước. Kế đó ông lại lập đàn thí thực tụng kinh cầu siêu cho tiên linh và những nạn nhơn trong cuộc chiến tranh Nam, Bắc. Trong khi cúng thí, người dự hội đều thấy đức A Di Đà hiện thân giữa hư không, vô số ngạ quỷ cô hồn cúi đầu đánh lễ, rồi theo Phật bay về Tây Phương. Sau công việc ấy, cư sĩ già từ hương lữ, bảo mình không trở lại nữa. Ông lại dặn dò người thân thuộc khi nghe tin mình mãn phần, không được sát sanh cúng tế. Về tới Bắc Kinh, cư sĩ liền cảm bệnh. Gia nhơn cùng bạn hữu muốn rước lương y điều trị, ông liền từ khước bảo rằng: "Tâm tôi rất yên ổn, nẻo đi về đã biết rõ ràng, cần chi dùng thang thuốc!". Rồi ông vẫn cố gắng lễ niệm như lúc bình thời, và nói: "Lúc này khi nhắm hay mở mắt, tôi đều thấy Phật cùng Bồ Tát hiện thân to lớn đầy khắp hư không!". Kế đó bệnh ông có vẻ giảm bớt. Khi hàng quyền thuộc hay tin đến viếng thăm đông đủ, cư sĩ ngồi lên ngay thẳng, từ từ nhìn mọi người đứng xung quanh qua một lượt, rồi mỉm cười chấp tay yên lặng mà thoát hóa.

Lúc cư sĩ mới phát tâm niệm Phật, nằm mơ thấy hoa sen đầy khắp hư không, mỗi đóa hoa đều có người ngồi, duy một tòa còn bỏ trống. Ông hỏi duyên có thì

một vị ngồi gần bên đáp rằng: "Tòa sen này để dành chờ Liêu Không Tử!". Lại khi Quốc Xương trở về tới Bắc Kinh, cô con gái là Hạ Vinh nằm mơ thấy cha mình ngồi trên hoa sen bay về Tây Phương. Cư sĩ tuy kẻ bạch y, song giữ giới rất mực nghiêm cẩn. Lúc sắp mãn phân, hàng đệ tử là Bành Hiến thỉnh huấn, ông bảo: "Chúng ta ở sâu vào thời mạt pháp, túc nghiệp đều rất nặng. Muốn dứt cội rễ sống chết luân hồi, cần phải niệm Phật cầu sanh Cực Lạc. Trong pháp môn Tịnh Độ: Sự phát nguyện phải chân thật. Sám hối phải chí thiết. Giữ giới phải bền chắc. Niệm Phật phải chuyên cần. Giới là vô thượng Bồ Đề, là gốc muôn điều lành, là cội của chánh pháp, là chỗ vào của người học đạo, là thầy tốt của con. Nếu con giữ ba nghiệp cho thanh tịnh mà niệm Phật, quyết định sẽ thấy đức A Di Đà".

Lời trên đây cho thấy sự giữ giới tu hành của ông rất nghiêm cẩn.

PHƯƠNG HẢI SANH

Đồng tử Phương Hải Sanh là con của cư sĩ Phương Dưỡng Thu ở Hương Cảng. Dưỡng Thu ưa làm việc phước thiện, sau tuổi trung niên lại chuyên tâm hướng về Tịnh Độ.

Hải Sanh mới bảy tuổi, cùng song thân cư ngụ ở Hương Cảng, thường tập theo cha lễ Phật trì niệm. Em có thể tụng được chú Chuẩn Đề cùng bài kệ Phá Địa Ngục trong kinh Hoa Nghiêm. Đôi khi còn nhớ lời cha

dạy, đem cảnh Tịnh Độ thuật lại với người quen thân và bảo: "Phải chuyên cần niệm Phật. Niệm hồng danh A Di Đà sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc".

Tháng hai năm Dân Quốc thứ chín, vào ngày vía đức Quán Thế Âm. Hải Sanh bỗng nằm bệnh. Dưỡng Thu ngồi một bên xung hồng danh hộ trợ, đồng tử cũng xướng niệm theo cha. Lúc nhắm mắt hôn mê lại tụng chú Chuẩn Đề rành rẽ không sót một chữ. Dưỡng Thu bỗng con đến trước bàn Phật, nhắc bảo chiêm ngưỡng chân dung Tây Phương Tam Thánh, Hải Sanh trông thấy tôn tượng liền cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật hơn vài mươi câu, tiếng to vang hơn lúc còn chưa bệnh.

Qua xế chiều ngày hai mươi mốt, đồng tử bỗng xuống giường lần đi từng bước. Dưỡng Thu vội chạy lại đỡ, hỏi muốn đi đâu, thì đáp: "Con lên lễ Phật!". Bảy giờ tiếng nói của em đã hơi khó khăn, song vẫn còn có thể đốt hương lễ Phật. Đến mười giờ đêm, bà vú và đứa em gái của Hải Sanh đang niệm Phật cầu cho đồng tử mau khỏi bệnh, bỗng thấy tường vách đều biến mất trống không, có kim quang ẩn hiện năm sắc chiếu rọi rõ như đêm trăng sáng. Trong kim quang, một vị bông Hải Sanh vượt lên khỏi nóc nhà bay về Tây Phương. Bà còn đang nghi lự, chợt như tỉnh mộng, tường vách đều hiện lại như cũ. Nhũ mẫu vội chạy xuống hỏi thăm thì Hải Sanh đã tắt thở.

Lúc em sắp mãn phần thì tay chân lạnh trước, đôi mắt chăm chú nhìn song thân. Dưỡng Thu đốc suất bảo xung hồng danh trợ niệm. Cư sĩ lại nói sự vui đẹp ở Liên Bang, khuyên con đừng luyến tưởng chi khác, hãy chuyên tâm hướng về Cực Lạc. Hải Sanh vâng lời, chí tâm niệm Phật, cho đến lúc tắt hơi. Sau khi em mãn phần, tay chân trở lại nóng ấm, sắc mặt tươi như sống. Một ngày trước khi Hải Sanh vương bệnh, bà mẹ trong cơn mơ màng, thấy tòa đại điện rất nguy nga tráng lệ, kim quang chiếu rục rỡ, khoảng chiều sâu chính giữa có đóa hoa sen lớn đẹp, một vị Phật thân sắc vàng ngồi nơi trên. Từ xa trông vào chỉ thấy đôi chân Như Lai ngồi kiết già. Hải Sanh kiếp trước đã trồng căn lành sâu nên mới lên bảy tuổi liền biết niệm Phật. Em lại được cha hiền hộ trợ, khi lâm chung điềm lành ứng hiện, chánh niệm rõ ràng.

Đồng thời lại có Đàm Lạc Kiều, người quận Nam Hải, làm khách sanh nhai ở Hương Cảng. Tánh ông rất chân thật, tin sâu lý nhân quả, cùng với Dưỡng Thu có quen biết nhau. Dưỡng Thu có trao cho quyển Tây Quy Trục Chỉ, khuyên tán về sự niệm Phật vãng sanh. Lạc Kiều liền tin nhận thật hành, ngày đêm không biếng trễ. Ít lâu sau ông mang bệnh, tự biết mình khó qua khỏi, liền thu xếp công việc trở lại quê hương. Dọc đường ông vẫn cố gắng chuyên tâm niệm Phật, về tới nhà bệnh khổ như tan mất, ông bảo vợ rằng: "Tôi sắp

vãng sanh Tịnh Độ, bà chẳng cần rước lương y, nên giúp tôi xưng niệm Phật!". Bà vợ trước nay vẫn tin Tam Bảo, liền làm theo lời khuyên dạy. Đến lúc sắp từ trần, Lạc Kiều còn có thể xuống giường bước đi, bảo vợ đem y phục mới sạch cho mình thay đổi. Xong mọi việc, ông ngồi niệm Phật mà qua đời, dung mạo rất an lành tươi tỉnh.

TỪ LÔI

Từ Lôi tự Điện Xu, người thời Dân Quốc, ở huyện Lạc Thanh, tỉnh Triết Giang. Ông xuất thân nơi quân ngũ, thích uống rượu ưa chơi bời. Trong nhà việc sát sanh nấu nướng và yến ẩm vui đùa không lúc nào dứt.

Đêm mừng một tháng giêng năm Canh Thân thời Dân Quốc, Từ Lôi nằm mộng thấy một người tay chân bị trói vào bốn chiếc cọc ngắn, nằm sấp trên mặt đất. Hai con quỷ dùng chày đập nơi lưng người đó, cảnh trạng thảm khốc đáng ghê sợ. Ông lại gần xem, thì kẻ ấy chính là thân mình. Trong lúc kinh hoàng sáng sốt, Từ Lôi bất giác cảm thấy mình cùng tội nhưn hiệp lại làm một. Lưng ông bị đánh cực đau đớn, hầu như sắp gãy nát, chỉ còn biết thốt giọng rên xiết kêu thương. Đang lúc ấy, bỗng nghe giữa hư không, có tiếng niệm Phật nho nhỏ. Ông vội lớn tiếng niệm theo thì giật mình tỉnh giấc, nơi lưng hãy còn đau nhức.

Nhân điềm mộng ấy, Từ Lôi cả sợ. Ông hồi tưởng những việc buông lung sai quấy mình làm trong lúc

bình thời, vừa hồ thẹn lại vừa hối hận. Kế đó lại chột mãnh tinh tự bảo: "Ta nghe tu học Phật pháp có thể khỏi sự sống chết luân hồi, thoát cảnh khổ nơi địa ngục. Thế thì tội chướng kia chắc chắn cũng sẽ được giải trừ!". Từ đó ông cải hối ăn chay làm lành, mỗi ngày trì phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên trong kinh Hoa Nghiêm và niệm Phật không gián đoạn.

Mấy năm sau, Từ Lôï bỗng vương bệnh, mỗi ngày càng thêm trầm trọng. Song với ý niệm sợ tội cầu giải thoát, ông vẫn cố gắng trì danh hiệu Phật và tụng phẩm kinh đã học thuộc lòng.

Trong cơn mê lúc tỉnh, ông thường thấy giữa hư không có vùng ánh sáng trắng, trạng như chiếc gương tròn to lớn. Một đêm nọ, Từ Lôï gọi vợ bảo rằng: "Đức A Di Đà và chư Bồ Tát cho biết ngày mai sẽ đến tiếp dẫn tôi. Vậy bà hãy quét dọn trong nhà sạch sẽ, và lên đèn đốt hương dùng để tắt dứt. Lại nhớ nên nấu nước thơm cho tôi tắm gội thay đổi y phục".

Ngày hôm sau, khi mọi việc xong xuôi, Từ Lôï gắng đến ngồi ngay thẳng trước bàn Tam Bảo niệm Phật một lúc rồi thoát hóa.

CHÂU NẠI LUÂN

Cư sĩ Châu Nại Luân tự Lan Hinh, hiệu Quốc Hương người ở Gia Thiên tỉnh Triết Giang. Cha là Kiềm Nam tánh thuần hậu ưa bố thí, hơn 50 tuổi mà

không con nôi dôi, cầu tự nơi chùa núi Thiên Trắc ở Hàng Châu, sanh được Nải Luân.

Không bao lâu Kiềm Nam mất, mẹ con trong cảnh cô quả bị hàng thân tộc lấn hiếp, mới dời nhà về ở Tây Đường. Nải Luân thuở bé rất mẫn tuệ, theo học với anh rể là Tú tài Kim Văn Giai, văn tự một phen qua mắt liền thông thuộc. Năm 17 tuổi được bổ làm bác sĩ đệ tử viên, văn tài nổi danh khắp vùng Mân, Triết. Lúc ấy nhằm cuối đời nhà Thanh, khoa cử bị phế bỏ, Nải Luân liền chuyển ngành vào trường ở Thượng Hải, học tập về môn Lý hóa, Bác vật. Sau khi tốt nghiệp, ông làm Giáo chức dạy các trường Trung, Tiểu học. Thấy sinh viên trong khi học tập, tánh không cẩn thận, làm tổn nhiều vật mạng, Nải Luân bỗng ngộ lý nhân quả báo ứng, phát bi nguyện quy y Tam Bảo, trường chay niệm Phật, cầu sanh Cực Lạc cứu độ chúng sanh.

Ông muốn nghỉ việc, chuyển tìm sanh kế khác để có nhiều thời giờ tu niệm. Nhưng vì không dám cãi lời mẹ khuyên dạy, nên gắng gượng lãnh làm Hiệu trưởng trường Trung học đệ nhị ở Triết Giang. Tuy tự chức, song hằng ngày vẫn niệm Phật không quên bỏ. Nhân thấy cư sĩ Phạm Cổ Nông tinh thông về Phật lý, Nải Luân thường qua lại học hỏi nghiên cứu, do đó mức tu càng tiến triển. Những ngày nghỉ, ông thường hội họp sinh viên lại giảng diễn về Phật lý, dụng ý muốn đem diệu pháp cảm hóa tầng lớp thanh niên. Cư sĩ thờ mẹ rất hiếu thuận, được làng xóm ngợi khen là con thảo.

Một hôm đang ở nhiệm sở, nghĩ tới mẹ đau lâu không lành mạnh, Nải Luân liền đốt hương, chích máu ngón tay viết theo lối giai tự thành sáu chữ lớn: Nam Mô A Di Đà Phật. Bên dưới ghi tiếp theo bài kệ "Nguyện đồng người niệm Phật. Đều sanh về Cực Lạc. Thấy Phật khởi sống chết. Như Phật độ chúng sanh", để cầu nguyện cho mẫu thân. Sau tiếp được thơ nhà, nói bà mẹ trong ngày ấy bỗng khỏe mạnh ngồi dậy đi lại, ăn uống như thường. Đây đều do lòng hiếu thành cảm cách. Cư sĩ Phạm Cổ Nông có đem 26 chữ ấy, khắc bản ấn tống khắp trong thành. Đoạn dưới ấn bản có nói phụ thêm về nguyên nhân và điềm lành cảm ứng.

Mùa đông năm Dân Quốc thứ 9, vì thần kinh yếu, Nải Luân cáo bệnh về nhà. Đến ngày 17 tháng chạp, cư sĩ thản nhiên niệm Phật thoát hóa. Khi ông vãng sanh, các liên hữu khám nghiệm, thấy cả mình đều lạnh, đánh đầu cực nóng, nét mặt rất an điềm tươi tỉnh. Lúc ấy cư sĩ mới vừa được 37 tuổi.

TRƯƠNG VĂN PHỦ

Trương Văn Phủ, quê ở Sùng Minh tỉnh Giang Tô. Vợ ông chết sớm, người dâu cũng tiếp theo từ trần, con trai thì đi chèo đò ở bến Thân, ít khi về nhà. Văn Phủ ban ngày làm mướn, đêm lại niệm Phật tụng kinh. Những ngày sóc vọng, lễ niệm càng siêng năng, suốt đêm không ngủ. Tánh ông cần kiệm chịu khó, hàng xóm đều mến ưa khen ngợi. Gặp người đi ăn xin, hoặc

tuổi già nghèo khổ thì trút túi giúp đỡ, nhường cơm chịu đói, là chuyện quen thường.

Ngày 17 tháng 7 trong một năm Dân Quốc, sáng sớm thức dậy, Văn Phủ thấy trong người không khỏe, nói với ông bạn láng giềng rằng: "Chư Bồ Tát đã mách bảo: đến giờ Ngọ ngày 23 tới đây, tôi sẽ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vậy xin nhờ anh đến bên Thân đưa tin thôi thúc con tôi về sớm!". Trong nhà Văn Phủ đã sắm sẵn một chiếc vai sành cùng y phục dưỡng thọ và áo tràng mới để dự bị hậu sự. Kể từ ngày đó, ông không ăn cơm, chỉ uống nước trong, thần khí thanh sáng như người không bệnh. Hôm sau, đưa con trai về tới, ông giao phó dặn dò tất cả mọi việc.

Đến giờ Ty ngày 23, Văn Phủ tắm gội xong, thay y phục mặc áo tràng mới, vào ngồi ngay thẳng trong chiếc vai sành, lâm râm niệm Phật. Hàng xóm và bè bạn hay tin đều đến thăm viếng tiễn đưa. Quả nhiên khi đồng hồ chỉ đúng 12 giờ trưa, Văn Phủ liền ngồi thoát hóa. Lúc đó già trẻ nam nữ trong làng tụ họp lại xem đông tới mấy trăm người.

Trước khi vãng sanh, Văn Phủ đã dặn con trai không được chấp nhận điều lễ và đốt giấy tiền vàng bạc. Nếu ai có lòng chiếu cố, chỉ đốt một cây hương cũng đủ. Tới chiều, trước khi dậy nắp niêm phong chiếc vai, đánh đầu ông còn nóng, gương mặt vẫn tươi tỉnh như lúc sanh tiền. Ông hưởng thọ được 64 tuổi.

ĐINH LỤC HÌNH

Cư sĩ Đinh Lục Hình người ở huyện Thừa, tỉnh Triết Giang, học giỏi song nhiều phen thi không đỗ, sau làm nghề dạy trẻ để sinh sống. Tánh ông thuần phát chân thành, khi có khách đến viếng thăm đều khăn áo giữ lễ độ cung kính. Tuy nhiều người cười chê là cổ hủ, song vẫn không lưu ý đến. Cư sĩ sống rất đơn giản kiệm ước, dù tác vãi hạt cơm cũng không bỏ phí.

Năm Dân Quốc thứ 10, Lục Hình mở lớp dạy học nơi nhà Trương Đức Uy. Lúc rảnh rỗi, họ Trương giảng giải về pháp môn Tịnh Độ cho nghe, ông liền đáp: "Tánh tôi ưa chuyên tu, không thích kiêm tu phiền phức. Song hiện thời còn có đứa con trai mười mấy tuổi, đợi khi hoàn hôn cho nó xong, rồi sẽ tính tới chuyện đó cũng chưa muộn!". Đức Uy bảo: "Một hơi thở chẳng trở vào, tức đã thuộc về kiếp khác. Chúng ta chỉ vì hai chữ "lần lựa", mà chịu vô lượng nỗi thống khổ trong muôn kiếp ngàn đời. Nay đã gặp được pháp môn cứu độ mau nhiệm của Như Lai, há lại nên để lần qua nữa ư?". Lục Hình tuy lưu ý chấp nhận, song chưa thể thực hành.

Cuối đông năm ấy, có cư sĩ Mã Khế Từ đến thăm. Sau buổi cơm tối, hai bên trò chuyện dần dà bàn luận đến nỗi khổ ở Ta Bà, sự vui nơi Cực Lạc. Mã Khế Từ nhân đó khuyến khích ông chớ đắm mê cảnh huyễn, hãy sớm dự bị tư lương để về cõi Phật; thoát kiếp luân hồi. Lục Hình nghe xong, gương mặt tươi tỉnh có sắc

vui mừng. Tối hôm đó, ông liền niệm Phật hơn hai ngàn câu. Từ đó trở đi mỗi ngày cư sĩ tụng một quyển kinh A Di Đà, niệm hơn một muôn câu Phật hiệu. Sự hành trì của Lục Hình rất chuyên thiết, mỗi tâm tưởng về Cực Lạc, mỗi niệm chẳng rời Di Đà, dù gặp hoàn cảnh nào cũng không biếng trễ.

Qua mấy tháng sau, một đêm cư sĩ mộng thấy thần nhơn trao cho tấm thiệp đỏ, trong đó có hiện mấy chữ: "Sang năm vào tháng 5 nhuận sẽ sanh về Tây Phương". Ông đem điềm ấy thuật lại với Trương Đức Uy. Trương bảo: "Chắc là do liên hữu dụng tâm quá chí thiết, nên mới có cảnh tượng ấy". Tháng 5 nhuận năm sau, Lục Hình cho bãi học, rồi từ Tân Đường trở về quê quán. Vừa tới nhà, ông cảm bệnh nhẹ, gọi gia nhơn bảo: "Thân tôi có ánh sáng, chắc sắp về Phật, hãy đỡ tôi dậy!". Sau khi ngồi kiết già xong, lại nói: "Tất cả nên niệm Phật để giúp đỡ cho sự vãng sanh, đừng khóc lóc làm cho tôi mất chánh niệm bị sa đọa. Sau khi tôi mãn phần, nếu đánh đầu còn nóng sau rớt, đó là chứng nghiệm vãng sanh!". Kế đó ông yên lặng giây phút rồi tắt hơi, không một lời đề cập tới gia sự, cũng chẳng chút chi lộ vẻ thống khổ.

Cư sĩ về Phật trước giờ Ngọ, đến chiều tối nơi đánh vẫn còn nóng, hưởng dương 48 tuổi.

LIÊU BỘ DINH

Cư sĩ Liễu Bộ Dinh tự Cẩm Châu, quê ở Động Đình Sơn tỉnh Tô Châu. Tánh ông rất thuần hậu chân thành, từng coi sóc công việc làm đường ray xe hỏa cho người Đức và Nhật ở Giao Tế, trong vòng mười mấy năm.

Niên hiệu Dân Quốc thứ 8, ông nghỉ việc trở về Hộ, lãnh chức quản lý Bưu cục ở La Điểm. Sau nhân một cơn đau suýt chết, Bộ Dinh lại xin từ nhiệm trở về Thân dưỡng bệnh. Nơi đây ông được dịp tiếp xúc với lão cư sĩ Âu Dương Thạch Chi, nghe hiểu pháp môn Tịnh Độ. Từ đó ông hướng về Tam Bảo, hết lòng sùng tín, phát nguyện trường trai giữ 5 giới, niệm Phật rất chuyên cần. Mùa xuân năm Tân Dậu, hàng cư sĩ niệm Phật đều kêu gọi các liên hữu tổ chức thành nhóm Liên Xã Hải Hội, đặt trụ sở nơi chùa Năng Nhân ở đường Hạ Môn, Bộ Dinh là một nhân viên sáng lập trong đó. Mỗi nửa tháng hội kỳ, ông đến chùa rất sớm, dù gặp cơn gió mưa hay tiết lạnh nóng, vẫn không trễ bỏ. Đến khi Tịnh Nghiệp Xã được thành lập thêm ở Nghĩa lộ Ái Văn, ông cũng tham dự vào. Khi Đế Nhân pháp sư tới Thân giảng kinh, Bộ Dinh mới chính thức cầu thọ quy giới, được pháp danh là Hiền Cừ.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, người bạn đời bỗng vương bệnh rồi mãn phần. Từ đó cư sĩ càng sanh niệm nhàm chán Ta Bà, tha thiết cầu về Cực Lạc. Từ trước Bộ Dinh đã vương chứng bệnh đàm suyễn, hằng năm đến nửa mùa xuân thì lành, sang đông lại phát khởi.

Đầu xuân năm Quý Hợi, mức lạnh quá hơn lệ thường, tuy đang vương bệnh, cư sĩ vẫn đến hội xã tụng kinh niệm Phật, không tỏ dáng mệt mỏi. Một hôm ông nói với hàng liên hữu rằng: "Tôi mang bệnh khổ đã lâu, may mắn sắp được thoát, ngày lâm chung xin thỉnh các bạn quang lâm đến trợ niệm, để tiễn đưa nhau một đoạn cuối cùng!". Chư liên hữu đều chấp nhận, và khuyên nên buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật. Sáng sớm ngày mùng 8 tháng 2, cư sĩ sang Liên xã ngồi một mình niệm Phật trọn ngày không nghỉ. Tới hoàng hôn, đồng bạn mượn xe thôi thúc bảo về nhà. Chiều hôm sau vài liên hữu đến thăm, thấy Bộ Dinh còn có thể ngồi tiếp chuyện như thường, không liệu biết rằng ông sắp vãng sanh, nên đều có vẻ yên lòng, từ giã ra về. Khi các bạn lui đi, cư sĩ vẫn ngồi nơi đầu giường nhắm mắt niệm Phật. Ước chừng một giờ sau, ông bỗng mở mắt ra hỏi con rằng: "Vừa rồi ai đem trà cho cha uống đây?". Đứa con thưa rằng: "Dạ đâu có ai!". Ông lại bảo: "Con hãy mau sang chùa Năng Nhân thỉnh chư liên hữu đến, nói cha sắp về Phật". Người con thưa: "Hiện thời đã về đêm, các vị đều giải tán biết làm sao?". Cư sĩ dạy: "Thế thì con mau lên hương đèn nơi bàn Phật!". Nói xong niệm Phật càng gấp, giây lâu bỗng mở mắt nhìn xung quanh bảo: "Chư tăng thân tướng cao lớn nghiêm đẹp từ đâu hội đến rất nhiều!". Nói đoạn, chấp tay nhắm mắt yên lặng.

Khi ấy người nhà tới dò xem thì ông đã tắt hơi, liền đồng thanh cao giọng niệm Phật để trợ tống. Lúc đó bước qua đầu giờ Tý, ngày mùng 10 tháng 2, cư sĩ hưởng dương 59 tuổi.

ĐƠN ĐỨC TÔN

Đơn Đức Tôn tự Ngưỡng Đình, ở huyện Thiệu Hưng tỉnh Triết Giang. Tánh ông cương trực, mạnh mẽ trong việc làm nghĩa. Ngưỡng Đình cùng cư sĩ Lạc Quý Hòa là bạn đồng học, sau khi chia tay nơi trường ốc, suốt mười mấy năm hai bên không gặp mặt nhau.

Tháng 8 năm Quý Hợi thời Dân Quốc, Đức Tôn từ Thanh Đảo mang bệnh trở về, rồi nằm liệt giường chiếu. Được biết Lạc Quý Hòa hiện đang là y sĩ nổi danh, ông cho người mời tới điều trị. Lạc vội đến nơi, thấy bệnh còn có thể cứu chữa, liền tận tâm chăm sóc hơn một tháng, ông bạn cũ mới được an lành. Sau cơn đau nặng, tức huệ của Đức Tôn bộc phát, ông thường than thở với Quý Hòa rằng: "Thân thể và cảnh vật giữa đời đều hư huyễn, kiếp người bị vô lượng nỗi khổ buộc ràng!". Nhân cơ hội đó, Lạc liền đem pháp môn Tịnh Độ ra giảng giải khuyên tu. Ông nghe xong lãnh hội vui mừng, nhờ bạn chỉ định cho khóa trình hành trì và những kinh sách nào nên đọc, Quý Hòa tùy hỷ theo, mỗi mỗi đều tỏ bày rành rẽ.

Lần lần thân thể kiện khang, Đức Tôn sửa sang một gian phòng nơi nhà làm tịnh thất, thờ Phật và Bồ Tát

rất trang nghiêm. Theo thời khóa đã quy định, ông đến trước bàn Phật trì niệm không trễ sót. Cô con gái là Ái Châu vừa 17 tuổi, cũng phát tâm mỗi ngày đều theo cha tu hành. Từ đó bước tu học của Đức Tôn càng lúc càng tiến xa. Ý ông muốn rũ bỏ hết việc đời để ẩn tu nhưng vì chức vụ giữ văn thư ở Trung Quốc Ngân Hàng tại Thanh Đảo, ngoài ông ra không tìm được người thay thế. Hơn nữa vị trưởng Ngân Hàng còn gởi thư đánh điện thôi thúc nhiều phen, bắt buộc dĩ lại phải lên đường phó nhậm. Bởi cuộc hành trình xa xôi mỗi nhọc, sau khi tới Thanh Đảo, Đức Tôn vương phải chứng sán khí. Lần hồi bệnh càng tăng thêm, ông chỉ còn cách tạm xin nghỉ việc, trở lại quê nhà an dưỡng một phen nữa.

Ngày mùng 1 tháng 4 năm Giáp Tý (1924), bệnh thể nguy kịch, tự biết khó qua khỏi. Đức Tôn xếp đặt hậu sự rành rẽ. Ông dặn dò sau khi mình mãn phần, chớ nên làm pháp sự long trọng, chỉ thỉnh một vị tăng thường ở trước linh sàng niệm Phật là đủ. Người nhà vây quanh lộ vẻ thương khóc, ông bảo: "Tôi đang chú tâm hướng về Tây Phương, xin đừng làm loạn chánh niệm, nên thay phiên nhau xưng hồng danh Phật để hộ trợ là cần thiết và tốt hơn. Tôi đi phen này sẽ thẳng về thế giới Cực Lạc, thật ra chẳng phải chết mất xa lìa. Lý ấy rất thâm, vì trong thân quyền chưa hiểu Phật pháp nhiều, nên không thể nói ra kỹ hết. Đêm hôm qua Bồ Tát đã hiện thân mách bảo thời khắc vắng sanh. Lần đi

này tôi có chỗ nương về, sự vui còn thắng hơn cõi trần vạm bội. Đó chính là điều đại hạnh, xin đừng lộ vẻ bi thương!". Lúc ấy người nhà xin cho thay đổi y phục, ông ngăn lại bảo: "Vào giờ Mùi ngày mùng 3 mới đến lúc vãng sanh, hiện thời hãy còn sớm, việc đó chưa vội, nên vì tôi trợ niệm là tốt hơn".

Tới ngày mùng 2, Đức Tôn nhờ cạo tóc và nấu nước thơm tắm gội, cùng thay đổi y phục. Đến giờ Ngọ ngày mùng 3, ông bảo: "Đã gần tới thời khắc vãng sanh, xin đỡ dậy ngồi kiết già". Vừa sang đầu giờ Mùi ông liền nhắm mắt an lành thoát hóa. Ba hôm sau, thân thể của Đức Tôn vẫn còn mềm dịu nóng ấm, nhan sắc tươi tỉnh không thay đổi. Ông hưởng dương được 58 tuổi.

---o0o---

DƯƠNG LIÊN HÀNG

Cư sĩ Dương Liên Hàng, người thời Trung Hoa Dân Quốc, quê ở huyện Dư Diêu, tỉnh Triết Giang. Ông nhà nghèo, từ nhỏ theo nghề buôn bán, tánh lịch thiệp quán xuyến hơn người.

Năm Dân Quốc thứ mười một, Liên Hàng được biết người bạn cùng xóm là Đồng Giác Hàng tu tịnh nghiệp, trong lòng ưa thích, hằng qua lại, để nghe lời chỉ giáo. Sau đó ông thọ quy giới làm hàng Phật tử tu tại gia. Phần văn học tuy cư sĩ còn yếu kém, song về nghĩa lý kinh Phật, sự giải ngộ lại hơn người. Tháng

chín năm Quý Hợi, các bạn ở liên xã ước hẹn cùng nhau thệ nguyện, phát lòng Bồ Đề. Liên Hàng cũng có dự trong cuộc lễ ấy.

Cuối mùa xuân năm Giáp Tý, vì đau bệnh cư sĩ lên phá giới sát sanh ăn mặn, nhân đó lần lần xa cách với các liên hữu, đến tháng bảy, bệnh ông càng thêm nặng, bạn đồng tu đến thăm, ai cũng bảo rằng tất sẽ chết. Liên Hàng cũng xét biết mình khó sống, tự cảnh giác ăn năn việc đã làm. Đầu tháng tám, ông gượng đau đến trước bàn Phật, hết lòng phát lộ chí thành sám hối, nguyện giữ lại năm giới thề không tái phạm. Từ đó cư sĩ buông bỏ muôn duyên, dứt trừ ái dục, một lòng thâm niệm hồng danh Phật, chờ đến lúc mạng chung. Các liên hữu biết công phu trì niệm của cư sĩ còn cạn, nên trước khi ông lâm chung sáu ngày, thỉnh người đến trợ niệm. Mấy hôm rớt sau, những bạn đồng tu cũng tự mình đến niệm Phật giúp duyên.

Cuộc trợ niệm khởi đầu từ ngày mười hai tháng tám. Qua ngày rằm, Liên Hàng bỗng tự cảm biết thần khí thanh nhẹ tươi tỉnh. Đến ngày mười bảy, cư sĩ bảo trong giấc mơ thấy một vầng ánh sáng như năm sáu ngọn đèn điện chói lòa. Vào chiều tối, xem thần sắc của ông vẫn như thường, các liên hữu cho là chưa đến giờ, tiếp tục niệm Phật tới sang canh hai, rồi sắp sửa muốn ra về. Các vị ấy không ngờ rằng, lúc đó sự trợ niệm đã đến hồi tinh thuần đặc lực.

Bảy giờ Liên Hàng nghe tiếng niệm Phật bỗng nhiên ngưng bật, liền nói:

"Tôi hãy còn chưa đến Tây Phương, mong nhờ chư liên hữu trợ niệm cho suốt đêm nay!".

Nghe lời nói có vẻ khác lạ, các đồng bạn lại cao tiếng niệm Phật. Không đầy nửa giờ sau, cư sĩ bỗng cười bảo:

"Tôi đã đến Tây Phương. Ôi! Ao thất bảo to rộng quá! Kia! Hoa sen thật là màu đẹp! Ánh quang minh cũng sáng đẹp vô cùng!".

Rồi ông lại dặn đại chúng cao tiếng trợ niệm đừng dừng nghỉ. Từ trước Liên Hàng vẫn lặng lẽ nằm yên. Đến lúc bảy giờ tay và đầu ông đều hoạt động, miệng liền tiếp nói to: "Ôi! Hoa sen thật tươi lạ nhiệm màu! Ao báu thật sáng đẹp!". Lúc ấy mặt của cư sĩ tươi cười hơn hở, trông như người bất chợt có việc vui mừng vượt quá hy vọng. Như thế qua một giờ sau ông trở lại yên không nói, tay chân cũng không động, chỉ nằm ngửa mắt chăm chú nhìn tượng Phật trước giường. Kế tiếp đôi tròng lần lần lơ lạc, hơi thở cũng lần yếu mòn. Đến năm giờ sáng ngày mười tám, cư sĩ mới tắt hơi.

Đêm ấy liên hữu chỉ có bốn người, mà vừa thay phiên nhau lớn tiếng trợ niệm suốt đêm, vừa thỉnh thoảng lại xen đôi lời sách tấn. Như thế cứ tiếp tục niệm cho đến sau khi cư sĩ tắt hơi một giờ rưỡi, mới đổi phiên cho những vị khác vừa đến. Sự trợ niệm vẫn tiếp tục cho tới lúc thân thể kẻ mãn phần lạnh hẳn,

người nhà đều bị ngăn không được khóc thương. Đến mười giờ trưa, một liên hữu thăm dò thử, thì các nơi khác đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng như nước sôi.

Như Liên Hàng cư sĩ, giới phẩm không tròn, công hạnh tu trì lại còn non kém. Nhưng ông được vãng sanh, xét ra toàn nhờ sức trợ niệm của các bạn đồng tu. Xem đây, ta thấy sự trợ niệm Phật rất thiết yếu cho hành giả lúc lâm chung. Bảy giờ nhằm ngày mười tám tháng bảy năm Dân Quốc thứ mười ba, cư sĩ mới được ba mươi tuổi.

VƯƠNG CẢNH ĐAN

Vương Cảnh Đan tự Tử Đình, người ở huyện Vũ Cương, tỉnh Hồ Nam. Thuở thiếu thời ông đã thông minh đỉnh ngộ, nghề từ chương thi họa nổi tiếng tài hoa. Bởi thế trong nhà ngoài cửa người hâm mộ tới lui không ngớt. Sau mấy lần thi không đỗ, ông biết mình hữu tài vô phận, liền quy ẩn dạy học, giữ mình khiêm nhã, tuyệt không dự đến chuyện thị phi bên ngoài, được tiếng khen là bậc cao khiết. Tánh ông lại trầm hậu, dù bị khinh hủy vẫn giữ thái độ an nhản điềm nhiên, thường nói với bè bạn: "Có dung thứ người, trí đức mới rộng lớn, cần chi phải tranh chấp so đo?".

Trong 2 năm Dân Quốc thứ 7 và 8, gặp phong trào cư sĩ đề xướng Phật học, Cảnh Đan đến dự nghe diễn giảng liền giác ngộ, lòng rất vui mừng, bảo: "Những sách vở tôi đọc khi trước, so với Phật pháp đều là cặn

bã. Ngày nay may mắn được biết phương cách an thân lập mạng, sự lợi ích thật to rộng và quý báu vô cùng!". Lại nhân thấy người quen là Nhạc Thái Nguơn lớn tuổi mù lòa, do niệm Phật mà đôi mắt được sáng lại, ông càng tin công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn! Từ đó Cảnh Đan dọn riêng một căn phòng thanh khiết nơi nhà, thờ Phật trang nghiêm, hôm sớm trì chú Đại Bi, tụng kinh Kim Cang, Di Đà và tu pháp Thập niệm hồi hướng lấy làm thường khóa. Lúc rảnh rỗi ông xem kinh, hoặc giảng nói lý luân hồi nhân quả cùng pháp môn niệm Phật cho tất cả người quen biết nghe.

Chẳng bao lâu, cô bạn đời mất, trong lúc tuổi xế chiều lại liên tiếp gặp nhiều cảnh gian truân khốn khổ, không mấy lúc được nhàn nhã an vui. Biết nghiệp đời trước phát hiện, ông vẫn nhẫn nại điềm nhiên, giữ thời khóa tụng bèn chắc không đổi thay trễ bỏ.

Vào tháng 8 năm Giáp Tý, Cảnh Đan nhân bị chứng ngoại cảm, bệnh kéo dài dây dưa đến đầu sơ tuần tháng 10 mới tạm dứt. Sang trung tuần, bệnh phát trở lại điều trị không công hiệu, ông gạt bỏ thuốc thang, mỗi ngày duy chí tâm niệm Phật. Đến đêm mùng 6 tháng 11, bệnh giảm nhẹ, tinh thần như thường. Lúc ấy Cảnh Đan ngồi lâm râm niệm Phật nơi giường, bỗng cháp tay nói: "Kính xin vâng lời chỉ dạy!". Rồi gọi con cái lại bảo: "Sáng mai khi cha đi, các con chớ nên thương khóc, chỉ xưng hồng danh Phật trợ niệm cho cha được vững bước vãng sanh!".

Quả nhiên, vào giờ Thìn hôm sau, ông ngồi chấp tay niệm Phật mà qua đời. Tất cả người nhà đều tuân lời dạy, thay phiên nhau niệm Phật cho đến khi nhập liệm.

Lời bình:

Có nhiều người tuy siêng năng tụng kinh niệm Phật, song sân si phiền não vẫn không chừa. Bởi thế công đức niệm Phật không phát huy được toàn vẹn, có khi còn bị tổn giảm tiêu mòn mất hết. Cho nên niệm Phật cần phải tu tâm. Câu nói: "Có dung thứ người, trí đức mới rộng lớn" của Cảnh Đan, tỏ ra ông đã biết tu tâm. Vì thế, chỉ với 10 hơi trì danh theo pháp Thập niệm hồi hướng mỗi ngày, tâm ông đã cảm thông được với bản nguyện của Phật, và mong nhờ ân tiếp dẫn. Hân hạnh thay cho người biết niệm Phật, tu tâm!

LƯU XUÂN TÀI

Lưu Xuân Tài, chưa được rõ sanh quán, mồ côi cha sớm, thờ mẹ rất chí thành hiếu cần. Ông cung phụng mẹ từ thức uống ăn, y phục, thuốc thang, chăn màn, cho đến nhìn trông dung sắc của mẫu thân mà uyển chuyển tùy thuận. Vì nhà nghèo, nên từ bé ông thất học không biết chữ, chỉ làm nghề lấy tre đan thúng rổ cùng các vật dụng khác đem bán để sinh sống. Khi được thức ngon không dám tự ăn, để dành đem về dâng cho mẹ. Tùy theo mỗi mùa, có bánh trái hay trân tu mỹ

thực chi khác, cũng gắng hết sức mua về cung phụng mẫu thân.

Ông giữ hạnh hiếu thuận như thế hơn 40 năm không đổi thay thiếu sót. Khi mẹ có bệnh, Xuân Tài nghỉ việc, lo thuốc thang săn sóc, ăn không biết vị, áo chẳng cởi đay. Tuổi trảng niên, vợ mất sớm, không có con cái, ông vẫn chẳng nghĩ đến sự tục huyền. Nhiều người đem việc ấy khuyên nhắc, Xuân Tài bảo: "Lợi tức của tôi làm ra, nuôi mẹ còn không đủ, đâu nỡ có vợ con để mất bớt phần ăn của mẫu thân!". Khi nói đến đó liền sa nước mắt. Ông có mượn thợ vẽ sẵn hình tượng của mẫu thân. Khi mẹ mất, Xuân Tài treo bức tượng ấy nơi vách chỗ bàn thờ, khi đi về đều thưa trình, lúc ăn uống cũng mời gọi, y như lúc bà còn sống. Ông mặc áo sô gai, giữ đồ hiếu phục, luôn 9 năm mới giải tang. Cứ mỗi tháng ông đem hương đèn đến phần mộ của mẹ, lễ bái và quét dọn sửa sang một lần.

Tánh ông thích làm lành không biết chán mỏi. Khi đi theo đường rao bán đồ tre, gặp giấy chữ liền lượm đem về đốt. Đến mùa đông lại chịu khó quét tuyết nơi lộ, để hành khách khỏi bị trơn trượt. Mùa hạ thì nấu nước trà đem để các ngã ba đường bố thí. Nhà tuy không dư dả, song từ khi mẹ mất, có ai cầu xin giúp đỡ, ông đều tùy phần vui vẻ mà chu cấp, không lộ nét khó khăn. Trong xóm có cư sĩ Lý Thời Tân chuyên tu Tịnh Độ, vì mến nét hạnh hiền lành hiếu thuận của Xuân Tài, nên cùng ông kết làm bạn thân. Thời Tân có

lập một ngôi Niệm Phật Đường công cộng trong khuôn lạc viên nhà mình, thường ở tại đây chủ trì và tu niệm. Nhân đó trong lúc tuổi già, Xuân Tài hôm sớm đều đến Niệm Phật Đường để tu tịnh nghiệp.

Năm Ất Sửu thời Dân Quốc (1952), Lưu Xuân Tài đã 73 tuổi. Vào hạ tuần tháng giêng, ông cảm bệnh. Qua rằm tháng hai, tự biết mình khó vượt khỏi, ông đoạn thực chuyên niệm Phật, chỉ uống nước nấu chín luôn hơn 10 ngày. Đêm 12 tháng 3, Xuân Tài nằm mộng thấy 500 vị tăng đến hẹn đón rước, cho biết vào giờ Thìn ngày mùng 5 sẽ được sanh về Tây Phương. Quả nhiên đúng thời hạn, ông từ giã các bạn thân, ngôi niệm Phật mà hóa. Một văn sĩ trong thôn ấp là Hồ Bằng có lời văn phúng điếu rằng:

Hiếu hạnh nức danh thơm, xuất phát từ hàng buôn bán tiêu dân, rau đậu kính vui thành đức cả.

Phật hiệu vang tiếng niệm, thọ mãn hồn gặp 500 La Hán, trời Tây Cực Lạc tất sanh về.

Hai câu đối trên không phải lời sáo khen ngợi suông, chẳng qua là ghi đúng sự thật vậy.

VƯƠNG YẾN TẾ

Vương Yến Tế quê ở Trấn Hải, tỉnh Triết Giang. Ông làm nghề nông, tánh chất phác thật thà, ngoài sự ăn mặc đơn giản ra, không có thị hiếu chi khác.

Mùa xuân năm Quý Hợi, Yến Tế đã được 70 tuổi. Cháu họ của ông là Vương Xuân Sinh rất kính tin ngôi

Tam Bảo, hằng siêng tu tịnh nghiệp. Một hôm Yên Tế vào trong tịnh thất của cháu, thấy sự thờ cúng trang nghiêm, bất giác sanh lòng kính ngưỡng, thâm niệm: Nam Mô A Di Đà Phật. Bỗng nghe nơi ngọn đèn lưu ly nổ sẽ một tiếng, ông nhìn lên thấy trên đèn hiện thân Phật tướng nghiêm đẹp, sắc tươi vàng. Yên Tế kinh ngạc mừng rỡ, sanh tín tâm sâu thiết. Từ đó mỗi ngày ông đều đến Phật đường của Xuân Sinh niệm hồng danh hai muôn câu. Vừa mới hành trì hơn hai tháng, ông đã được một lòng không loạn tam muội hiện tiền. Ban đêm Yên Tế thường thấy một vùng ánh sáng, nên sự tu niệm càng tinh tấn chuyên cần.

Không bao lâu, túc nghiệp phát hiện, ông bị các chứng: hen suyễn, phù thũng và đau mắt. Do đó ông thường ở nhà thờ Phật trì niệm, lần lần tăng đến số ba muôn câu. Mùa đông năm Giáp Tý, ông bị mù lòa, nên khóa trình có hơi kém sút. Sau xuân Ất Sửu, đôi mắt sáng lại, nhân cảm ân Phật hộ trì, tuy bệnh suyễn và thũng tăng thêm, sự tu hành của ông lại càng chuyên thiết.

Đêm rằm tháng 4 nhuận, Yên Tế nằm mơ thấy một vùng trắng cảnh lầu các trang nghiêm, cửa cổng khóa đóng. Ông lại gõ cửa liền được vào, thì trước mắt hiện ra cõi báu ánh sáng rực rỡ, rộng rãi không biết đâu là bờ mé. Trên hư không có ba vị ngồi kiết già, đánh phóng hào quang giống như tượng Tây Phương Tam Thánh. Sáng ra Yên Tế gọi cháu đến bảo: "Ta mộng

thấy đạo chơi miền thẳng địa, cảnh trang nghiêm rục rờ, không phải lời nói có thể hình dung! Chí ta đã quyết cầu vãng sanh, mong con cháu cũng đều nên cố gắng". Từ đó ông chuyên cần niệm Phật ngày đêm, chỉ có lúc nào suyễn nhiều đau lắm mới tạm nghỉ mà thôi.

Ngày 29 tháng ấy, Yên Tế lại mộng thấy hai người dẫn đến một ao trong mát bảo tắm gội. Sáng hôm sau, riêng ông nhìn thấy một vị đầu bạc tướng tốt, dẫn theo hai đồng tử cầm đuốc tới đón rước. Tới giờ Ngọ bỗng đâu mùi hương lạ bay lan thơm ngát cả nhà. Sáng mùng 1 tháng 5, Yên Tế bảo gia nhơn rằng: "Sửa soạn hương đèn cho ta lễ Phật rồi đi!". Đến đầu giờ Tuất, quả nhiên ông ngồi niệm Phật rồi quá vãng. Hơn 3 ngày sau mới nhập liệm, đánh đầu ông vẫn còn nóng.

LƯU KHAI NAN

Cư sĩ Lưu Khai Nan, tự Tây Tiều, pháp danh Khê Tịnh, người ở huyện Bình Trạch, tỉnh Giang Tây. Vừa 15 tuổi, ông đã nổi tiếng tài hoa về văn học. Cha là Hiếu Phong tiên sinh, do gần gũi với cư sĩ Dương Nhân Sơn, nên được hiểu biết sự nhiệm mầu của Phật giáo. Các kinh điển đại thừa như: Lăng Nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang, Viên Giác, Hoa Nghiêm, tiên sinh đều nghiên cứu sâu rộng. Lúc ấy, Khai Nan hãy còn niên thiếu, thấy thế thâm cho cha là mê tín.

Thời cuộc thay đổi, bước sang Dân Quốc kỷ nguyên, Phật hóa lần lần truyền lan rộng. Nhân một

con đau, Khai Nan cảm mộng thấy có vị lão nơn khuyên bảo nên thỉnh xem tập Hoa Nghiêm Hiệp Luận. Tỉnh giấc nhờ người thỉnh cho một bộ, đọc xong ông than thở khen ngợi biên pháp giới mầu rộng không thể nghĩ bàn! Từ đó mới phát tâm hướng về đạo, hối cải lỗi lầm trước của mình, tự thương nghe biết Phật pháp trẽ muộn. Ngày Phật đản năm Kỷ Mùi, ông sửa sang chỗ thờ Tam Bảo trang nghiêm, sớm hôm ân cần lễ tụng. Năm sau phát tâm ăn chay trường, mỗi buổi sáng đều quỳ tụng kinh Di Giáo để trị tâm. Kế đó, Khai Nan kêu gọi bạn đồng tu sáng lập ra Phật Học Hội. Mỗi ngày chủ nhật, trước tiên ông hướng dẫn hàng thiện tín lễ tụng, kế tiếp giảng diễn về kinh luận. Lần lần người phát tâm tu học Phật pháp rất đông nhiều.

Mùa thu năm Nhâm Tuất, Khai Nan triều bái non Phổ Đà, lễ Ấn Quang pháp sư cầu thọ quy giới, tôn làm bậc thầy hướng dẫn. Trái một phen gặp gỡ, đôi bên kết hợp nhau như kim cái. Ấn công hỏi thăm, biết cư sĩ còn có mẹ già, bảo ông nên khuyến khích mẹ niệm Phật cho tròn hiếu đạo. Lúc trở về, Khai Nan rước mẹ đến thành ở, uyển chuyển khuyên bà tu niệm. Mẫu thân ông cảm động, cũng phát tâm niệm Phật trì trai. Vào tháng 10 năm Quý Hợi, lúc mẹ lâm chung, cư sĩ suất lãnh chư liên hữu trợ niệm, tất cả đều nghe có hai trận gió thơm thổi đến. Sau khi bà mãn phần, gương mặt lộ vẻ tươi vui như còn sống. Khai Nan thường nói với bạn bè là cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh rằng: "Nhờ sư phụ chỉ dạy, như

vet mây nhìn thấy mặt trời, tôi mới tỉnh ngộ sự niệm Phật là rất thiết yếu, không thể bỏ lơi một ngày nào!". Chư ni tăng ở am Tịnh Độ trong ấp, như Quả Nhon, Thánh Đạo đều nhờ ông khuyến tấn niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Khi lâm chung cả hai đều biết trước ngày giờ, điềm lành hiển hiện và cùng được sanh về Cực Lạc.

Mùa thu năm Ất Sửu, Khai Nan bỗng vương bệnh. Đến ngày 27 tháng 11, cư sĩ mộng thấy có người đứng bồi hồi ngoài cửa song, ra thăm hỏi thì vị ấy trình một tấm thiệp có đề hàng chữ: "Xin chờ Tây Tiều tiên sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!". Lúc ấy người nhà còn đang tụng cầu thọ cho ông. Cư sĩ nghe biết ngăn rằng: "Cõi đời ác năm trước không thể ở lâu, huống chi lại còn thêm bệnh khổ! Tôi đang hân hạnh mong cho sớm được thoát ly, chẳng nên vì lòng ái niệm mà làm cho tôi thêm khổ lụy. Từ đây về sau chẳng nên si mê cầu thọ, phải đổi lại hồi hướng cầu Phật mau tiếp dẫn vãng sanh là tốt hơn!". Kế tiếp cư sĩ thấy nhiều điềm lành, nên niệm Phật càng tha thiết. Luôn cả ngày đêm, ông xưng câu hồng danh hoặc thầm hoặc ra tiếng không lúc nào gián đoạn. Có ai đến hỏi thăm bệnh, cư sĩ không đáp chỉ chấp tay niệm Phật. Trong lúc mơ màng, Khai Nan bỗng thấy có người muốn dẫn xuống Minh Phủ để nhận lãnh quan chức. Lại có nhiều chư Thiên xuống xin đưa lên các cõi trời. Ông đều chánh sắc từ chối bảo: "Làm quan dễ tạo nghiệp. Phước trời

khi hương hết cũng đọa luân hồi. Tôi chỉ nguyện sanh về Tịnh Độ để mau chứng đạo quả, độ mình và chúng sanh mà thôi!".

Sáng sớm ngày mùng 9 tháng chạp, cư sĩ tự ngồi dậy mặc áo lễ Phật, kể đó bảo gia nhưn rằng: "Tuồng nghiệp của tôi đã hết, may mắn không bị các cảnh phước báu trong ba cõi làm chuyển lòng. Xin tất cả đều chuyên cần tu pháp môn Tịnh Độ, chớ nên làm lần!". Sang mùng 10 ông nói: "Giờ Mùi ngày mai tôi sẽ đi!". Vài giờ trước khi mãn phần, ông bảo người nhà: "Các liên hữu đến trợ niệm đông nhiều, trình độ niệm Phật của họ cũng khá cao, phải nên lễ kính". Rồi cư sĩ tự tụng Phổ Hiền Thập Nguyện Văn hai lượt. Tụng xong lặng yên sẽ động môi niệm Phật. Quả nhiên đến giờ Mùi, ông an lành mà vãng sanh. Trái bốn giờ sau, mặt ông lộ sắc tươi nhuận hơn lúc bình thường, đánh vẫn còn nóng.

TRẦM ĐỒNG VĂN

Trầm Đồng Văn tự Thơ Hiện, người huyện Nam Thông tỉnh Giang Tô. Ông có một trai một gái, sau khi cưới vợ gả chồng cho con xong, lộ sắc mừng nói: "Phận sự đã hoàn tất, ta mau quay lại lo phần giải thoát là việc lớn của mình!". Lúc đó ông được 54 tuổi, liền đem việc nhà giao phó hết cho con trai và dâu, mình ở riêng một gian lâu, ngày đêm chuyên lo phần tụng niệm.

Tháng 9 năm Quý Hợi thời Dân Quốc, nhân có việc đến nhà người bà con là cư sĩ Sa Kiến Am, ông đưa ra một tờ giấy ghi bài kệ văn phát nguyện của mình làm, lời và ý đều rất khẩn thiết. Kiến Am hỏi về sự tu trì, ông nêu ra các kinh thường tụng như: Kim Cang, Cao Vương, Ngọc Hoàng. Cư sĩ nghe xong bảo: Cao Vương là kinh ngụy tạo, chẳng nên tụng, Ngọc Hoàng là văn ngôn của phái tu Tiên, người thờ Phật cũng không cần tụng. Anh và tôi đều lớn tuổi, muốn thoát khỏi vòng sống chết luân hồi, ngoài pháp môn niệm Phật ra, e không còn kịp". Rồi cư sĩ tặng cho ông mấy quyển: Di Đà Yếu Giải, Tiểu Chỉ Quán và các sách về Tịnh Độ. Đồng Văn vui mừng nhận lãnh đem về.

Hai năm sau, ông lại sang nhà Sa Kiến Am nói: "Từ khi được chú khuyến nhắc, hằng ngày tôi đều tinh tấn niệm Phật cầu sanh về Tây Phương. Gần đây tôi thường thấy chư Phật, Bồ Tát hiện đầy khắp hư không. Lại thấy hoa sen năm sắc nổi hiện hai bên mình. Đến thời tôi quyết được vãng sanh về Cực Lạc!". Kiến Am bảo: "Anh nói đúng sự thật hay chẳng? Nếu quả có các điềm lành ấy, cũng chớ nên tiết lộ cho nhiều người biết!". Đồng Văn chỉ mỉm cười không đáp.

Ngày 18 tháng giêng năm Bính Dần (1926), ông cảm thấy trong người không khỏe, kể tiếp mỗi ngày càng thêm suy bại. Con trai xin rước thầy bốc thuốc, ông bảo: "Cha đang chờ Phật đến tiếp dẫn, rước y sĩ đến làm chi?". Rồi quyết định không chịu uống thuốc,

cứ liên tục niệm Phật. Cô con gái và rể về thăm, ông gọi tất cả các con lại trời dặn rằng: "Các con đều khôn lớn, có sự suy nghĩ hiểu biết, phải nên lánh dữ làm lành và chí tâm niệm Phật. Ngoài ra cha không còn di chúc điều chi khác!". Vào đầu tháng 3, vừa đúng ngày thọ lục tuần của mình, Đồng Văn bảo người nhà đều đốt hương xưng danh hiệu Phật, và mời các bạn tu đến trợ niệm. Trước khi vãng sanh, Đồng Văn dặn người nhà tần liệm đơn sơ bằng chiếu manh áo vải, ông bảo: "Đức A Di Đà vừa quang lâm đến. Hiện thời thân tôi đã ngồi vào tòa hoa sen!". Nói xong, nằm nghiêng về bên hữu, niệm Phật cấp thiết, tiếng nhỏ dần rồi đi thẳng.

Lúc ấy nhằm giờ Tuất ngày mùng 6 tháng 3, lúc nhập liệm, thi thể ông vẫn còn mềm dịu, sắc mặt tươi sáng rực rỡ hơn hồi còn sống.

TỊNH ĐỘ THI

TRONG BỆNH VẼ CẢNH CỰC LẠC

Cực Lạc đẹp màu thanh Tịnh Độ
Không bốn đường ác cùng các khổ
Nguyện người đau bệnh như thân ta
Đồng sanh về cõi Vô Lượng Thọ.

Đường, Bạch Hương

Sơn

TIỀN GÓT TRẮNG PHÁP SƯ

Biển khổ đường mê nghĩ thoát thân
Cách đây mười vạn cõi vi trần?
Hoa sen nơi ấy trăm ngàn ức
Mỗi mỗi liên hoa hiện Phật thân!

Đường, Lý Thương Ẩn

ĐIỀU BẢO NGUYỆT ĐẠI SƯ

Sống chết mau như đuổi cánh tay
Chung tình càng khổ có ai hay?
Lạc Thiên chẳng phải Bồng lai khách
Hướng niệm Tây Phương độ tháng ngày! (1)

Tống, Tô Đông Pha

(1) Bạch Lạc Thiên trước tiên cầu về Bồng Lai tiên cảnh. Kế tiếp xét thấy Bồng lai không bằng cung trời Đâu Suất, nên lại cầu về Đâu Suất thiên cung. Bởi thế ông đã có câu thi: “Hải sơn bất thị ngô quy xứ. Quy tắc tu quy Đâu Suất thiên”. Sau rốt càng đi sâu vào đạo, ông chuyển hướng cầu về Cực Lạc, vì Đâu Suất dễ lạc bước khó sanh lên, lại chánh báo và y báo đều không bằng Cực Lạc. Điều này thể hiện qua mấy câu thi: “Ta nay bảy mươi một. Chẳng ham việc ngâm nga. Xem kinh mỗi con mắt. Làm phước sợ bôn ba. Lấy gì độ tai mắt. Một câu A Di Đà ! Đi niệm A Di Đà. Ngồi cũng A Di Đà. Dù gấp như tên bắn. Chẳng rời A Di Đà. Khắp khuyên người thế gian. Đều niệm A Di Đà”.

KHUYÊN NIỆM PHẬT

Cõi người khổ bệnh rồi già chết
Thiên giới nào ai thoát ngũ suy?
Thà đối cửu liên cam phẩm thấp
Không mong trần thế lại đầu thai.

Bao phen lạc bước giữa trường đời
Việc thế như gai lằm rồi bời!
Hoa đẹp vườn xưa thương cảnh cũ
Trâu dê dày đập mãi không thôi! (1)

Nguyên, Ưu Đàm đại sư.

NHỚ TỊNH ĐỘ

Nghĩ tợ cánh bông lạc cõi Nam
Tựa lầu ca thán nguyệt canh tàn
Xa mờ hội pháp người lành đẹp
Lại tưởng đài hoa báu lạ nghiêm
Thân cá tuổi suy lần thiếu nước
Kiếp chim ô tạm lớt hiên thêm
Ngỏ cùng thân hữu trong thiên đạo
Tạo cảnh chùa thêm gán lộ bàn. (2)

Minh, Sở Thạch thiền sư

(1) Ý nói: Cảnh giới chân như thanh tịnh trong sáng suốt an vui, như khu vườn xưa đầy hoa đẹp đủ màu sắc. Nhưng chúng sanh vì mê chân tâm theo vọng cảnh để cho loài trâu dê tham sân si dày đập tan nát vườn hoa chân tâm tươi đẹp ấy. Ý này giống như lời một hiền đức Việt Nam đã nói khi có người đến hỏi

đạo: “Vườn ngự xác xơ hoa cỏ rôi. Mà nay hôm sớm mặc trâu dê!”. (Kim cốc hoang sơ hoa thảo loạn. Nhi kim hôn hiệu nhậm ngư dương!).

(2) Lộ bàn là cái chóp nhọn có chiếc đĩa tròn hình như cái mâm hứng sương, gắn trên nóc chùa tháp. Ý câu này nói: “Đã tham thiền ngộ bản tâm, nên thêm niệm Phật cầu sanh về Tây Phương, cho sự giải được thêm đảm bảo chắc chắn”.

NGÃU CẢM

Lần trông mái tóc điểm màu sương
Tự xét thân ni chẳng cứu trường
Một kiếp đã thành chi sự nghiệp?
Trăm năm còn có mấy thân hồn?
Chóng tìm nơi lập nhà an ổn
Chớ mãi cam lòng chốn tử môn
Cõi ngọc không xa về có lối
Đài sen quy hướng lễ Từ Tôn.

Thanh, Liên Ân đại sư

LÝ THỊ

Lý thị là mẹ của Lý Canh Hiên ở huyện Võ Thành, Sơn Đông. Tánh bà điềm tĩnh, ít nói cười, sự ăn mặc đồ ngon tốt xấu vẫn an phận không kén lựa đòi hỏi.

Sau 30 tuổi, bà trường trai thờ Phật, đem hết việc nhà giao phó cho con trai và dâu. Khi có người quen thân đến thăm, sau vài câu chuyện hàn huyên, liền tạ

lui về phòng niệm Phật không dứt. Chẳng bao lâu đứa con trai, rồi cháu nội nối tiếp nhau chết yểu. Lý thị ban sơ có vẻ thương tiếc đau buồn, kể lại ngăn dứt tình cảm, vẫn lần tràng niệm Phật như cũ. Do đó hàng xóm đều cười thầm, đôi ba kẻ lại tới ngay trước mặt kêu ngạo cho là bà già u mê. Lý thị trước sau vẫn điềm nhiên không buồn giận. Có người gạn hỏi: "Bà niệm Phật mãi như thế để làm gì?". Lý thị đáp: "Tôi rất chán cõi Ta Bà như ác này, nguyện khi mãn phần được sanh về thế giới Cực Lạc, thoát khỏi kiếp luân hồi khổ lụy mà thôi".

Lúc gần trăm tuổi, bà vẫn còn tỏ tai sáng mắt, bước đi vững mạnh như thường. Một hôm, sau thời lễ niệm tối xong, bà bỗng gọi đứa cháu dâu bảo: "Đêm nay có việc phiền nhọc đến con, nên nán chậm lại sự nghỉ ngơi theo thường lệ!". Cô cháu dâu chỉ vâng dạ lơ là, chẳng mấy lưu ý. Nhưng trước khi đi ngủ thử lại dò thăm, thì bà đã ngồi xây mặt về Tây, tắt hơi mãn phần lúc nào không biết. Bấy giờ nhằm ngày mùng 4 tháng 8 năm Dân Quốc thứ 3, Lý thị thọ được 96 tuổi.

Lời bình:

Khách đến viếng thăm, sau vài câu hàn huyên rồi từ tạ lui về phòng lần chuỗi.

Con trai và cháu đích tôn chết non mất người thừa tự, trước lộ vẻ đau tiếc kể lại ngăn dứt tình cảm lo tu hành. Người xung quanh ngạo báng là u mê, vẫn điềm nhiên niệm Phật không buồn giận. Qua mấy điểm trên,

đủ thấy rõ trong đời sống, Lý thị đã từng trải nhiều cảnh gian khổ, nên tâm rất nhàm chán cõi Ta Bà, tha thiết cầu sanh Tây Phương một cách không thối chuyển.

Theo kinh giáo, các pháp đều như huyễn, thì khởi tâm nhàm chán hay sanh niệm mến ưa, cũng còn chưa hợp lý. Nhưng đó là chỗ tu của bậc thượng thượng căn, trình độ đã khế ngộ với chân tâm. Ngoài hạng trên, nếu chính mình chưa được như thế mà chấp lý cầu cao, tất khó vãng sanh về Cực Lạc. Cho nên khi xưa Trí Giả đại sư đã nêu hai hạnh Yêm ly và Hân nguyện làm điểm thiết yếu cho sự vãng sanh.

Nhân tiện, xin nhắc lại câu chuyện hiện thật ở Việt Nam. Một cư sĩ tu đã lâu, có thể gọi là từng nghiên tầm thông hiểu nhiều kinh điển đại thừa. Hôm nọ, ông đến chùa hỏi một vị hòa thượng: "Bạch ngài! Các pháp đều do tâm, sự vui khổ cũng do tâm chấp theo ngoại cảnh. Thế tại sao ngài lại còn niệm Phật cầu sanh Tây Phương để làm gì?". Vừa lúc ấy ánh nắng mai xuyên qua cửa sổ, chiếu vào chỗ ghế ông đang ngồi. Vị cư sĩ vội đứng lên nhắc chiếc ghế tránh sang một bên. Thấy thế, hòa thượng cười bảo: "Nắng có một chút mà ông còn không chịu được, nói gì là các pháp do tâm!". Vị cư sĩ đỏ mặt im lặng, rồi đề cập sang chuyện khác.

TRẦN THỊ

Trần thị là vợ của Diệp Vĩnh Xương, ở huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Bà bầm tánh từ ái, hay làm việc ân huệ, mến ưa sự sạch sẽ. Lúc 40 tuổi, vì con trai lớn bị chứng suy lao, bà cầu khẩn Phật, phát nguyện ăn chay trường. Song đứa con bởi tội chướng nhiều duyên phước kém, công đức của bà chưa đủ sức cứu vãn, nên bệnh nó chỉ tạm dứt rồi kế mãi phần. Do duyên con trai thân mến yếu vong, Trần thị xét nghĩ chán kiếp người vô thường, cưới vợ lẽ cho chồng, đem hết việc nhà ủy thác cho thứ nam và dâu, phần mình chuyên lo tu hành trì trai giữ giới.

Bà thường ở riêng một gian tịnh thất, trong đó thờ cúng Quán Âm đại sĩ. Sớm hôm Trần thị kính thành lễ bái, niệm hồng danh A Di Đà và thánh hiệu Quán Thế Âm. Sự hành trì cứ liên tục như thế suốt vài mươi năm, không ngày nào bỏ sót. Bà thích hạnh bố thí, hay cứu kẻ khốn cùng cấp nạn, có ai đến xin đều vui vẻ tùy phần giúp đỡ, và khuyên họ nên niệm Phật để mau thoát khổ.

Vào tháng 10 niên hiệu Dân Quốc thứ 5, Trần thị qua đời. Đêm sắp từ trần, bà bảo quyến thuộc rằng: "Con cháu cứ yên nghỉ, ta sẽ sanh về Tây Phương, đừng lấy làm kinh lạ!". Nói xong vẫn niệm Phật mãi không thôi. Trong thân quyến hãy còn chưa tin, nhưng đến sáng lại thăm chùng, thì thấy bà ngồi ngay thẳng hướng về Tây an tĩnh mà vắng sanh rồi. Hôm sau nhập

liệm, khi đốt y phục cũ và khăn tắm, bỗng đâu ánh sáng năm sắc nổi hiện lên trên ngọn lửa. Trong đó lại hiện rõ một đóa hoa sen to lớn tươi đẹp, hai bên có hai con rồng đoanh vây. Những người trông thấy đều kinh lạ, thở than khen ngợi. Bà thọ được 73 tuổi.

CÁT PHU NHƠN

Cát phu nhơn nguyên là vợ của Thái sử Trịnh Ngoạn ở Trường Sa. Quan Thái sử nghiên cứu nội điển tinh tường, thông hiểu rất sâu về Phật pháp.

Đến tuổi trung niên, phu nhơn thường hay đau yếu. Trịnh Thái sử để cho bà ở riêng một gian lầu, lo việc tu trì. Tại nơi đây, phu nhơn hằng chuyên niệm Phật, quanh năm chân không bước ra khỏi cửa, mọi việc có hai đứa thị tỳ giúp đỡ. Hành trì lâu ngày, ban đêm tuy bà tĩnh tọa trong bóng tối, song vẫn thường thấy một vùng ánh sáng chẳng rõ từ đâu phát ra. Tuy không hỏi việc bên ngoài, nhưng mọi sự phu nhơn đều biết trước. Đôi khi rảnh rỗi, quan Thái sử giảng luận về Phật lý cho nghe, bà đều lãnh ngộ sâu sắc hơn người thường.

Mùa xuân năm Kỷ Mùi thời Dân Quốc, phu nhơn dự biết ngày giờ lâm chung, nói với Trịnh Thái sử rằng: "Tôi xin tạm biệt vãng sanh về Cực Lạc, sau khi đắc pháp nhãn rồi, sẽ nương thuyền đại nguyện trở lại hóa độ cõi Ta Bà". Đúng thời đã định bà ngồi mãn phần, hương lạ bay thơm đầy thất.

Lời bình:

Chúng sanh do bị trần duyên che lấp nên lạc mất nguồn chân tâm trong lặng sáng suốt của mình, khi dứt trần niệm, ánh sáng của tự tâm sẽ phát sanh. Và khi tâm thanh tịnh, trí huệ thần thông cũng từ nơi đó mà hiển hiện. Cát phu nhơn thấy bạch quang, biết trước mọi việc, hiểu sâu Phật lý, đều do bà thức ngộ cảnh trần như huyễn, rũ sạch muôn duyên, một lòng niệm Phật, tâm được thanh tịnh, nên những diệu dụng sẵn có mới phát hiện ra vậy.

ÂU DƯƠNG AN NHƠN

Âu Dương An Nhơn nguyên là mẹ của cư sĩ Vương Tích Phiên ở Hồ Bắc. Tánh bà cần kiệm dùi hiền, ít nói cười, quanh năm lo việc trong nhà, chân ít khi bước ra khỏi ngõ. Bà thường giữ Quan Âm trai, chưa biết niệm Phật.

Mùa đông năm Kỷ Mùi, thời Dân Quốc, An Nhơn bỗng vương bệnh ho. Sau khi điều trị tạm lành, sự ẩm thực của bà lần lần kém giảm. Đến mùa hạ năm Canh Thân, An Nhơn không nuốt được một hạt cơm, chỉ uống toàn nước chín.

Vương Tích Phiên thương mẹ tuổi già tuyệt thực, tất khó sống lâu, liền đến chùa thỉnh chư tăng lại nhà thay phiên vì mẫu thân sám hối. Vừa đâu giữa đường gặp cư sĩ Man Tâm Như khuyên nên buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật thì bệnh có thể lành. Tích Phiên về nhà đem điều ấy thuật lại với An Nhơn, bà

nghe xong liền tin sâu và phát nguyện thực hành. Nhưng khổ vì bệnh lâu khí suy, nên niệm Phật không thành tiếng.

Ngày mùng 4 tháng 7, Tích Phiên nghĩ đến bệnh của mẹ mỗi ngày thêm nặng, khí lực càng yếu, e niệm Phật không kiến hiệu, tất khó sanh về Tây Phương. Vì thế ông liền sang chùa An Quốc ở Hoàng Châu, kính thành cúng dường Tam Bảo, thỉnh Tế Phong hòa thượng và chư tăng cử hành Phật lễ tại nhà. Sau khi hòa thượng khai đạo xong trở về, chư tăng luân phiên nhau tụng niệm. Tám giờ tối hôm ấy, An Nhơn bỗng yên ổn ngủ say đến nửa đêm mới tỉnh, gọi Tích Phiên đến bảo: "Mẹ nằm mơ thấy có hai người dùng kiệu chở đem đi tới một vùng thẳm địa rộng rãi bao la, đường sá bằng phẳng, cảnh vật đẹp tươi. Thoạt có bà lão mặc áo xanh hiện thân, trạng mạo giống như đức Quán Thế Âm, dẫn mẹ đi qua chiếc cầu đá, tới một ao sen to rộng không thấy bờ mé. Trong ao hoa sen trắng đỏ đua nhau tươi nở. Hương thơm thanh khiết nhẹ nhàng. Hai người khiêng kiệu đem mẹ để trên một hoa tòa lớn. Mẹ vừa khen: "Đẹp thay cảnh trí nơi đây", bỗng chợt thức giấc. Lúc tỉnh dậy, cảm thấy cõi này như ướ, thân này thật ô trược nặng nề!". Tích Phiên nghe nói, thỉnh chư tăng niệm Phật thêm một tạng để làm trợ duyên cho mẹ sanh về thẳm phẩm. Ông cùng tất cả gia quyến cũng luân phiên tụng niệm theo đại chúng.

Từ đó mỗi khi An Nhơn nằm nghỉ, đều thấy bà lão áo xanh dẫn đến ao sen. Đôi khi trong giấc ngủ, bà bỗng kêu lên thành tiếng: "Ôi! Hoa sen to đẹp quá!". Đến 12 giờ khuya đêm 19, Phật tạng viên mãn, An Nhơn nói: "Trước nhà có vị hòa thượng đến!". Giây phút lại bảo: "Mai nhằm ngày thượng kiết, mẹ sẽ vãng sanh về Tây Phương!". Tích Phiên nghe nói, liền vội vã dự bị hậu sự. Hôm sau, mọi người trông thấy dung sắc của Âu Dương An Nhơn bỗng trở nên tươi tốt khác thường. Tai mắt bà đột nhiên tỏ sáng hơn lúc bình nhật. Bà chỉ đằng xa nói: "Chỗ kia có con kiến to, coi chừng đạp trúng nó!". Lại bảo: "Hòa thượng chùa An Quốc đã tới, mau ra thỉnh vào để ngài trợ duyên cho ta sanh về Tây Phương". Người nhà ra xem, thì Tế Phong hòa thượng quả nhiên từ xa đi đến. Sau khi dùng tạm chén trà xong, hòa thượng liền lại bên giường An Nhơn trì chú niệm Phật.

Đến 8 giờ tối, Âu Dương An Nhơn bỗng ngồi dậy ngay thẳng, mắt trông nhìn lên hư không, lạng lẽ không lay động. Người nhà lại dò xem thì bà đã vãng sanh.

BẢN PHỤ

Ở huyện Từ Khê tỉnh Triết Giang có một bản phụ, chưa được rõ tên họ. Nhà bà quá nghèo, con trai lại bất hiếu, nên thường bị nó la rầy mắng chửi.

Một hôm sau khi bị con thét mắng, bà khổ sở khó nhẫn nại, sang tỏ bày than khóc với vị tăng ở chùa gần bên. Vị tăng bảo:

- Bà đã biết khổ, sao không bán nó đi!

Bà phụ đáp:

- Ai mua sự khổ, làm sao mà bán?

Tăng sĩ nói:

- Nếu bà chí thành chuyên niệm hồng danh đức A Di Đà, cầu sanh Tây Phương, thì khi mãn phần chắc chắn được Phật tiếp dẫn về cõi Cực Lạc. Từ đó sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các nỗi khổ, thuần hưởng những điều vui. Đó gọi là cách bán khổ!

Bà thưa:

- Mẹ con tôi cùng ở chung một gian chòi lá, góc nhà là bếp nấu ăn, dưới giường còn làm chuồng lợn. Cảnh hỗn tạp như thế như vậy, làm sao niệm Phật?

Vị tăng đáp:

- Không ngại chi! Đức Như Lai đại từ đại bi, tùy duyên phổ độ, chỉ dụng tâm thành chớ không nệ hình thức. Vậy lúc rảnh bà hãy tới chùa lễ bái, còn khi ở nhà chỉ thường chuyên niệm Phật cầu nguyện vãng sanh cũng được.

Bà phụ vâng theo lời dạy, vì lòng tha thiết mong thoát khổ nên niệm Phật không xen hở.

Ba năm sau, vài tháng trước khi qua đời, bà bảo con rằng:

- Đến ngày tháng ấy, mẹ sẽ sanh về Tây Phương. Vậy con chớ nên đi vắng, phải ở nhà lo hậu sự cho trọn tình mẫu tử !

Đưa con tỏ vẻ không tin, bà liệu biết nên sau lại dặn dò đôi ba phen nữa. Vài hôm trước khi bàn phụ mẫu phần, đưa con bỗng nghe mùi hương lạ, tỏa thơm bát ngát. Chạy tìm xem khắp xung quanh chẳng thấy ai đốt hương, nó ngạc nhiên không biết mùi thơm từ đâu đến. Bỗng nhớ tới lời mẹ dặn, đưa con nghĩ biết đâu là sự thật, bèn ở nhà chờ. Đến ngày kỳ hạn, nó thấy mẹ nấu nước tắm gội, thay y phục sạch sẽ. Xong xuôi bà ngồi nơi giường, xây mặt về phương Tây niệm Phật một lúc rồi tắt hơi. Lúc ấy nhằm vào khoảng năm Dân Quốc thứ mười.

(Phụ ký: Lúc ở chùa núi Phật Đảnh, chính tôi nghe ngài Định Tây pháp sư thuật lại chuyện này. Tiếc vì khi ấy bận việc, nên chưa kịp hỏi rõ tên họ và ngày tháng vãng sanh của đương sự. Tăng sĩ Đức Sum ghi).

Lời bình: Than ôi! Biên trần lênh láng, ngát cao sóng nghiệp dập dồn. Cõi tạm mong manh, chìm nổi kiếp người khổ lụy! Xét như bản phụ, tánh linh đã sẵn, bởi mê nên lạc bước luân hồi. Vực khổ thăm sâu, duyên phước bỗng gặp môn huyền diệu. Niềm bi cảm ba năm tinh tấn, ngày lâm chung ngát tỏa hương thơm. Hướng Tây Phương một dạ khẩn thành, rời huyễn chất

bước lên lầu ngọc. Thế mới biết Di Đà nguyện lớn, thuyền độ sanh chẳng bỏ một ai. Lại rõ thêm Tịnh Độ pháp môn, sen trắng phẩm hiện đời tất được. Áo vàng hoa sẵn đẹp, còn đợi kẻ quyết tâm.

TIÊU HIÊN ƯC PHẬT

Từ xưa có nói: “Đời người trăm tuổi, ít kẻ bảy mươi”. Dung tăng này đến sáu mươi tuổi, mới xuống tóc, may được dự vào hàng thanh chúng. Nay đã đến bảy mươi, thân tàn chẳng còn bao lâu nữa, chỉ trong hôm sớm mà thôi! Bình thời tuy cũng tụng kinh niệm Phật, song còn hận mình chướng nặng, chưa được nhất tâm. Nhân duyệt chương Đại Thế Chí trong kinh Lăng Nghiêm, thấy nói: “Nếu kẻ nào nhớ Phật niệm Phật, thì hiện tiền hoặc trong tương lai, quyết định sẽ được thấy Phật”. Đọc xong lời này, bỗng ngẫu cảm viết thành mấy bài sơn kệ, mệnh danh là Tiêu Hiên Ưc Phật. Mục đích những bài sau đây chẳng ngoài ý cảnh giác khuyên tấn mình và người trên đường tu Tịnh đó thôi.

Tổng, Tuyết Khê sơn tăng.

I

Phăng phăng theo sóng nghiệp duyên trôi
Thoáng chốc bảy mươi đã đến rồi!
Há chẳng trước nay thường nhớ Phật?
Muốn từ tuổi muộn giục thêm roi!
Quét trừ cảnh ý trong trong lặng
Khêu hẩn đèn tâm sáng sáng soi

Quyết định thân này cho thấy Phật
Nói cười thoát tục lại đài ngôi.

II

Những từ kinh sử học văn chương
Hoa gấm từng mong mở rộng đường
Tác bóng buông xuôi dòng thế thủy
Chuỗi ngày ngoảnh lại cuộc phù vân!
Cảnh Phật chiều mai tưởng niệm cần
Kiệt khách tài nhân đâu vắng tá?
Hoàng hôn cỏ ấy khắp hoang phần!

III

Sắc tài danh lợi mối oan sâu
Vườn tục ai mơ huyễn mộng lâu?
Đất tạm từ nay không tái hội
Trời Tây về lại cõi thiên thu
Mẹ con ví được đồng tâm cảnh
Gió bụi chi cần bước viễn du! (1)
Suy thanh từ đây thôi chẳng hỏi
Song hồ đẽm cỏ lặng tiềm tu.

IV

Ba gian nhà cỏ cảnh thanh bần
Việc tốt chi bằng nhớ Phật hơn?
Muôn sự rồi tan gương lộ vỡ
Một đời câu niệm ý tâm cần

Dưới từng nhắc chén trà xuân đậm
Bên đá lờn trăng ánh nguyệt tân
Đóng cửa lòng mơ về cõi tịnh
Đài sen chất ngọc gởi tinh thần!

(1) Kinh Lăng Nghiêm nói: “Phật nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng cách xa nhau”.

MỘT TRĂM BÀI KỆ NIỆM PHẬT

Hán:

58. Nhứt cú Di Đà

**Loại như toản hỏa
Mộc noãn yên sanh
Tạm đình bất khả.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Như cọ gỗ lấy lửa
Gỗ nóng khói phát sanh
Chớ tạm dừng lần lựa.

Lược giải:

Thời xưa ở Ấn Độ, khi muốn lấy lửa người ta cọ hai thanh gỗ khô vào nhau. Cọ đến khi nào gỗ nóng phát sanh ra khói, mới để đồ dẫn hỏa vào, tự nhiên lửa

bắt phùng cháy. Nếu cọ nửa chừng, hoặc đến lúc đã nổi khói mà bỏ dở tạm dừng, thì gỗ sẽ lần lần nguội đi không phát ra lửa được.

Sự hành trì câu A Di Đà cũng như thế. Khi chúng sanh ở Ta Bà phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi ao báu ở Tây Phương đã nở hiện một búp sen. Nếu hành giả mỗi ngày đều tinh tấn trì niệm, hoa sen ấy sẽ lần lần to lớn. Như nửa chừng bỏ dở, hoa sen cũng lần khô héo rồi tàn. Bởi đóa sen chín phẩm nơi liên trì, đều do công đức của hành giả mà thành tựu. Ngày kia công hạnh thành, báo thân mãn, thần thức của đương nhơn sẽ gởi vào thai sen đó mà hóa sanh. Cho nên người tu tịnh nghiệp chớ nên niệm Phật nửa chừng rồi bỏ dở, hoặc biếng trễ lần lựa tạm dừng. Vì trễ sót như thế tất nhiên thai sen sẽ hỏng.

Viết đến đây, bút giả nhớ lại độ trước có được cô Diệu Thuần ở quận Ba Tri tỉnh Bến Tre, thuật lại cho nghe điềm mộng như sau:

- Bạch thầy! Con nằm mơ thấy đến một ngôi chùa, trước chùa có ao to rộng, nước trong suốt, các đóa hoa sen nhiều sắc, hoặc lớn hoặc nhỏ đua nhau tươi nở. Gần bờ ao có một hoa sen to lớn độ bằng chiếc mâm thau tròn. Nhưng đóa hoa ấy lại bị cái chụp úp lên. Con lại gần đỡ cái chụp thì hoa sen tan rã từng cánh rồi tàn rụng. Lúc ấy, giữa hư không bỗng có tiếng nói: "Hoa sen đó là của liên hữu Minh Phúc!". Sau khi tỉnh giấc, sáng ra con đem điềm mộng thuật lại cho đạo hữu

Minh Phúc ở tiệm vàng tại bản quận nghe. Đạo hữu tỏ sắc lo sợ bảo: "Chết rồi! Thầy dặn tôi mỗi ngày niệm Phật tối thiểu phải một ngàn câu. Tôi tinh tấn đã được vài năm, nhưng gần đây vì công việc quá bề bộn, nên suốt ba tháng nay biếng trễ không niệm một câu nào. Bây giờ chị thấy hoa sen héo rụng, và chư vị đã mách bảo như thế, tôi phải sám hối gắng tinh tấn lại mới được!". Thừa thầy! Con đã biết hoa héo rụng là do Minh Phúc giải đãi, nhưng chưa rõ tại sao lại có cái chụp ấy?

Bút giả đáp:

- Chiếc chụp tượng trưng cho Ngũ Cái nói về phương diện chung, hoặc Ngũ Dục về phương diện riêng. Ngũ Cái là: tham, sân, si, nghi, hối. Ngũ dục là: sắc đẹp, tiền của, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng sanh thường bị những điều trên che đậy, làm cho tham đắm si mê, không biết tỉnh ngộ tu hành. Minh Phúc tất bị một hoặc nhiều phần trong các điều ấy che mờ, nên mới biếng trễ không niệm Phật, khiến cho hoa sen công đức phải héo tàn. Nhưng từ đây nếu biết giác ngộ gắng tu thì đóa hoa sen khác sẽ tiếp tục mọc lên, thay cho đóa hoa trước. Đừng nên e ngại rằng nó tàn rồi mất hẳn, mà phớt bỏ sự tu trì. Khi xưa cô thị nữ của bà Kinh Dương phu nhân, trước tiên cũng giải đãi nên hoa sen héo tàn, sau giác ngộ tinh tấn, hoa lại mọc lên tươi tốt. Kết cuộc cô được vãng sanh Cực Lạc, cô trở về báo mộng cho phu nhân biết.

Hán:

59. Nhứt cú Di Đà

**Toàn thân đánh đái
Nhơn mạng vô thường
Quang âm bất tái!**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đem toàn thân đội trái
Mạng người rất vô thường
Tháng ngày không trở lại.

Lược giải:

Cổ nhơn đã bảo: Trên đường tiến tu đạo giải thoát, có bốn điều khó:

- Điều thứ nhất là: thân người rất khó được. Khi xưa đức Phật đã nói với ngài A Nan: "Chúng sanh được thân trời, người ít như đất nơi móng tay. Đọa bốn ác thú nhiều như đất miền đại địa". Đọa vào các nẻo như: Tu La, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục, bị nhiều nỗi thống khổ và nghiệp ác làm chướng ngại đường tu đã đành, nhưng sanh lên cõi trời cũng bị sự vui khiến cho mê đắm khó tu nữa! Thế nên duy có thân người mới dễ tiến tu đạo giải thoát mà thôi. Người xưa đã từng diễn tả sự khó được của thân người qua mấy câu thi như:

Ngàn năm cây sắt đơm hoa dễ

Một mất thân người khó lại sanh!
(Thiên niên thiết thọ khai hoa dị
Nhứt thất nhơn thân tái phục nan!)

Hoặc:

Tam đồ một đọa trăm ngàn kiếp
Lại cỗi nhơn thiên chẳng hẹn ngày!
(Tam đồ nhứt đọa bá thiên kiếp
Tái xuất đầu lai hữu kỷ thời!)

Thân người đã khó được như thế, nhưng làm thân người mà không tàn tật, không sanh nơi Biên Địa, được ở nơi trung tâm văn hóa đạo đức cũng là điều khó. Và đây là cái khó thứ hai.

Dù được ở miền Trung Quốc có văn hóa đạo đức, nhưng không dễ gì được gặp và nghe hiểu Phật pháp. Bởi chánh pháp như hoa Ưu-đàm-bát-la, rất lâu mới nở hiện nơi cõi đời. Đây là điều khó thứ ba.

Lại tuy được gặp và nghe hiểu Phật pháp để tu hành, nhưng còn điều thứ tư rất khó là không dễ gì thoát khỏi tam giới, dứt hẳn nỗi khổ sống chết luân hồi. Bởi nhân loại phần đông nghiệp nặng căn tối, chướng duyên rất nhiều, kiếp sống lại vô thường ngắn ngủi, mới vừa thấy đó, bỗng lại mất đi.

Nay chúng ta hân hạnh được thân người, lại rất may mắn gặp môn Tịnh Độ là pháp cực nhiệm mầu, một đời có thể đởi nghiệp vãng sanh thoát vòng sống chết, thì phải đem toàn thân mà gánh vác thọ trì, đừng nên lần lựa hẹn chờ, hoặc thờ ơ biếng trễ. Tại sao thế.

Vì bóng quang âm thấp thoáng như thoi đưa, tuổi xuân không trở lại, mạng người thoát còn thoát mất không biết đâu mà lường. Khi xưa có thiên sinh hỏi một vị tôn đức: "Bạch ngài! Thế nào là sự tiên tu của hành giả?".

Vị tôn đức đáp:

"Thấy nói Kinh Kha xưa dõng mãnh.

Một đi thà chết chẳng quay về!".

(Kiến thuyết Kinh Kha lữ.

Nhứt hành cánh bất hồi).

Hành giả đem toàn thân trải đội một câu A Di Đà, cũng phải như thế.

Hán:

60. Nhứt cú Di Đà

Như cứu đầu nhiên

Tận thập phần lực

Kỳ thượng phẩm liên.

Việt:

Một câu A Di Đà

Như cứu lửa cháy đầu

Giốc mười phần công lực

Cầu thượng phẩm sen màu.

Lược giải:

Hành nhưn khi xưa đã cho biết: "Học đạo như dong thuyền nước ngược, không tiến nổi tất trôi lui" (Học

đạo như nghịch thủy hành chu, bất tiến tắc thôi). Bởi trên đường tu, hành giả gặp nhiều chướng duyên trong và ngoài, nếu không mạnh mẽ cố gắng tự chủ trương, tất không làm sao tiến triển nổi. Mà muốn làm chủ thân tâm cùng ngoại cảnh, thắng dẹp muôn duyên để tiến đạo, phải dùng hết mười phần năng lực mới mong đạt được kết quả. Về môn Tịnh Độ, nếu muốn cầu phẩm sen bậc thượng, dĩ nhiên cũng phải như thế. Trong bức thư gửi cho một Phật tử hỏi đạo, Ấn Quang pháp sư nói:

"Theo kinh nghiệm xưa nay, nhiều hành giả chỉ mong cầu bậc thượng, nhưng phần nhiều chỉ được trung, cầu bậc trung lại rớt xuống bậc hạ. Nếu người không phát tâm thẳng tiến, tu hành lơ là, hy vọng mình dự vào Hạ Hạ phẩm cũng tốt, thì làm sao bảo đảm sự vãng sanh?".

Trên đây cũng là điểm suy nghĩ chung cho hàng liên hữu vậy.

Hán:

61. Nhứt cú Di Đà

Diệu viên chỉ quán

Tịch tịch tĩnh tĩnh

Vô tạp vô gián.

Việt:

Một câu A Di Đà

Môn Chỉ Quán màu tròn
Lặng lặng tĩnh tĩnh niệm
Không xen tạp nổi luân.

Lược giải:

Người mới tu lúc niệm Phật lắng nghe vào trong, dứt các tạp vọng, gọi là Chỉ. Khi phát khởi trì câu hồng danh với các tâm trạng khác nhau tạm gọi là Quán. Những tâm trạng khác nhau ấy như thế nào? Có lúc trì câu hồng danh với ý tha thiết, như con nhớ mẹ, như lữ khách lâu năm hoài vọng cố hương. Đây gọi là Chí Thiết niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý sám hối, bởi nghĩ mình từ vô thủy kiếp đến giờ vì mê lầm tạo nhiều tội chướng, nay hết sức hổ thẹn ăn năn. Đây gọi là Sám Hối niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý thương cảm, vì nghĩ mình nghiệp chướng sâu dày chìm đắm trong vũng bùn lầy ngũ dục ác nhơ, nay cầu mong sự cứu vớt nơi đáng đại từ bi. Đây gọi là Bi Cảm niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý lo sợ, bởi nếu rời Phật lực tức sớm muộn cũng sẽ bị đọa vào ba đường ác, chịu vô lượng nỗi khổ sống chết luân hồi. Đây gọi là Bối Tâm niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý phẫn phát, tự trách hờn, như một nho sinh sẵn đủ trí huệ tài ba, thi văn mãi tiếp, bởi cậy tài nên khinh suất mãi thi rớt, cam chịu cảnh nghèo hèn. Đây gọi là Phát Phẫn niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý nhằm chán lẽ loi, như bậc cao sĩ sống giữa cảnh xung quanh các đồng nhưn tranh đua sắc tài danh

lợi, phi thị hơn thua, gièm pha phỉ báng giết hại lẫn nhau, riêng mình chỉ còn biết nương gân với Phật, bởi cõi trần man mác, ấy ai là bạn tri âm? Đây gọi là Cô Tịch niệm.

Niệm Phật với các tâm cảnh như trên, tuy tạm gọi là có Chỉ, có Quán, nhưng chưa được xưng là Diệu Viên bởi chưa đến mức tròn trặn nhiệm màu. Hành giả dụng công lâu ngày, tâm niệm vắng lặng dứt hết muôn duyên, nơi câu Phật hiệu gồm đủ phước, huệ, hạnh, nguyện, giải thoát, sáu ba la mật, không và sắc dung thông, mới gọi là Diệu. Trong bất thân tâm, ngoài dứt trần giới, chẳng thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, không còn lẫn mức cách biệt giữa chúng sanh và Phật, giữa cảnh cùng người, tất cả đều dung hợp rộng rãi, bao la, mới gọi là Viên. Nơi tâm cảnh ấy, điềm thanh tịnh lặng lặng không tán loạn là Chỉ, điềm sáng suốt tĩnh tĩnh không hôn trầm là Quán. Niệm như thế không xen tạp, hằng nối tiếp nhau, gọi là Diệu Viên Chỉ Quán.

Hán:

62. Nhứt cú Di Đà
Hiển lộ chỉ bình
Trực để bảo sở
Bất trụ hóa thành.

Việt 62:

Một câu A Di Đà
Lối hiểm đều san bằng
Thắng về nơi bảo sở
Không trụ cảnh hóa thành.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, nơi phẩm Hóa Thành Dụ, đức Thế Tôn có nói đại khái như sau:

"Một vị Đạo Sư hướng dẫn đoàn người vượt qua đoạn đường hiểm trở xa độ năm trăm do tuần, để đến nơi Bảo Sở là chỗ có nhiều châu báu. Nhưng giữa đường đoàn người ấy mỗi mệt thối tâm, xin muốn lui bước trở về. Đạo Sư nghe nói thương xót, dùng phương tiện biến ra một Hóa Thành cách đó ba trăm do tuần và bảo: "Các ông hãy cố gắng đến thành ấy tạm nghỉ sẽ hết nhọc mệt!". Đoàn người vui mừng tiến tới Hóa Thành, cho rằng mình đã đến nơi, đã được chỗ an ổn. Khi đạo sư thấy họ đã nghỉ ngơi xong, liền diệt mất Hóa Thành và bảo: "Vừa rồi là Hóa Thành không phải cảnh thật. Ta vì thấy các ông mỗi mệt bỏ dở công khó muốn lui trở về, nên thương xót phương tiện hóa hiện ra. Nay đã sắp gần tới Bảo Sở các ông nên cố gắng gia công tiến bước..."

Theo thí dụ trên, Đạo Sư chỉ cho đức Như Lai. Đoàn người chỉ cho hành giả tiến tu theo chánh pháp. Đường năm trăm do tuần, chỉ cho sự hiểm nguy khổ nạn trong Ngũ thú luân hồi là: Thiên, nhơn, bàng sanh,

ngạ quỷ, địa ngục. Trông đây không kể A tu la và thần tiên, vì hai đạo này nhiếp vào các nẻo kia. Như A-tu-la thì có thiên A-tu-la, nhơn A-tu-la, quỷ A-tu-la, súc A-tu-la. Tiên thì có thiên tiên, quỷ tiên cho đến súc tiên, chẳng hạn như hồ tiên cho đến long tiên v.v... Nếu phối hợp với các thừa, thì năm trăm do tuần là sự trải vượt qua năm thừa gồm: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát còn kể trong giai đoạn hiểm nguy, vì nếu không nhờ sức Phật gia bị, tất bị u trệ, khó nổi tiến lên Phật quả. Nhưng đây là luận rộng thêm đó thôi, thật ra đường hiểm năm trăm do tuần chỉ cho Ngũ thú thì thiết cận hơn.

Tiếp tục theo lời dụ, Bảo Sở chỉ cho Phật Quả Vô Thượng Đẳng Giác. Cách ba trăm do tuần, chỉ cho sự vượt khỏi Tam Giới. Hóa Thành chỉ cho quả vị giải thoát phiền hoặc ba cõi của hàng Nhị Thừa Thanh Văn, Duyên Giác. Tổng kết đại ý, đức Thế Tôn muốn nói trong giáo pháp của Ngài, chỉ duy một Phật thừa, không có sự chia riêng hai thừa như tiểu thừa và đại thừa, hoặc ba thừa như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa. Những thừa trên đều toàn giả lập, quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ là Hóa Thành huyễn tạm mà thôi.

Đối với pháp Tịnh Độ, có người không hiểu rõ môn này, lầm cho Cực Lạc là Hóa Thành, chẳng phải Bảo Sở. Thật ra Hóa Thành cùng Bảo Sở là cảnh giới tu

chúng của tự tâm, không cuộc hạn nơi quốc độ. Xin nói rõ lại, Hóa Thành là cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác; Bảo Sở là cảnh giới Phật. Môn niệm Phật đưa chúng sanh về Cực Lạc, để mau tiến lên cảnh giới Phật, chứng thành Phật quả. Đó là đường lối thẳng tắt tiến về Bảo Sở; chớ đâu phải trụ nơi Hóa Thành. Đúng ra Ta Bà và Cực Lạc đều là huyễn cảnh, nhưng Ta Bà có vô lượng khổ nạn chướng duyên, Cực Lạc đủ vô lượng duyên lành tiến đạo. Bởi thế chư Phật đều khuyên nên cầu vãng sanh để dễ tiến tu, không còn bị thối chuyển mà thôi. Chính mình còn thuộc giới phàm phu đầy đủ nghiệp lực mà cho Cực Lạc là Hóa Thành, cam ở cảnh Ta Bà vô lượng chướng duyên hiểm nạn, rất khó được giải thoát, đó là Bảo Sở đấy ư? Thật là lầm lạc và đáng buồn cười lắm vậy!

Câu "Lối hiểm đều san bằng" hàm ý nghĩa: Khi công phu niệm Phật thuần thực, từ cõi Phàm Thánh Đồng Cư ở Ta Bà sanh về cảnh Phàm Thánh Đồng Cư nơi Cực Lạc thì đã thoát khỏi sự luân hồi trong đường hiểm Ngũ thú thuộc Tam Giới, lại thường được gần gũi Phật cùng chư Bồ Tát, không còn bị chướng ngại và bị thối chuyển trên đường Vô Thượng Bồ Đề. Tóm lại một câu niệm Phật có công năng mau nhiệm san bằng tất cả hiểm nạn trên đường tu, đưa hành giả tiến mau về Bảo Sở, nên Triệt Ngộ thiên sư mới tỏ bày khen ngợi!

Hán:

63. Nhứt cú Di Đà
Như thủy thanh châu
Phân vân tạp niệm
Bất đoạn tự vô.

Việt:

Một câu A Di Đà
Như ngọc lẳng trong nước
Ngàn muôn tạp niệm rồi
Chẳng dứt tự thành không.

Lược giải:

Hạt châu Thủy Thanh có công năng lóng nước đục thành trong. Câu niệm Phật cũng thế, không luận vọng niệm nhiều ít, hành giả cứ chuyên chú giữ chắc sáu chữ hồng danh lâu ngày, tạp niệm tự nhiên tan mất. Điểm đáng lưu ý trong đây là không nên khởi tâm dứt trừ vọng niệm. Vì vọng niệm vốn như huyễn, cố tình muốn dẹp, nó lại càng tăng. Một nhà hiền triết đã nói kinh nghiệm này qua câu: "Càng muốn đè nén, chính là cố tâm làm cho nó thêm phát khởi." (Tương dục án chi, tất cố hưng chi).

Khi xưa có một Tú Tài đến phỏng đạo nơi bậc cao đức, vị Thiền sư này hỏi: "Cư sĩ tên họ chi?". Tú Tài đáp: "Thưa, đệ tử nữ danh Trương Chuyết". Chữ Chuyết có nghĩa là vụng về. Thiền Sư nghe xong bảo: "Vớ đạo khéo còn chẳng có, huống chi đến vụng!". Tú

Tài nghe qua liền ngộ vào Bất Nhị pháp môn, làm kệ trình lên rằng:

Ánh linh lạng chiếu khắp hằng sa
Phàm thánh nguyên lai bản tánh ta
Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện
Sáu căn vừa động bị mây lòa
Dứt trừ phiền não càng thêm bệnh
Tìm tới Chân Như cũng vẫn tà
Tùy thuận các duyên không trở ngại
Niết Bàn sanh tử tợ không hoa.

Theo ý hai câu luận bài kệ trên, phiền não vốn là không, là huyễn, cứ mặc nhiên giữ chánh niệm, nó sẽ tự tiêu tan. Nếu khởi ý dứt trừ thì phiền vọng lại hóa thành có. Chân Như là thể tánh tự nhiên, biết lạng lẽ dung hợp với tự nhiên, tánh Chân Như sẽ hiển lộ. Nếu khởi tâm tìm tòi xu hướng, tức có niệm phân biệt, trái với thể bản nhiên, đó chính là tà vọng. Để bổ túc ý trên, xin ghi thêm lời của Đàm Hư đại sư, một bậc cao tăng cận đại thuộc giáo phái Thiên Thai bên Trung Quốc.

Đây Phật Tổ quê hương
Xứ xứ hiện phong quang
Nước non miền đất rộng
Ứng tự có biên cương
Động vật tùy sanh trường
Thực vật tự phô trương
Nắng mưa tùy đôi tiết
Tháng năm tự đoán trường

Vinh hư muôn tượng hiện
Là tự thể chân thường
Nếu cố ý cầu toàn
Trở lại bị tổn thương!

Hán:

**64. Nhứt cú Di Đà
Đốn nhập thử môn
Kim xí phích hải
Trực thủ long thôn.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Ngộ vào đủ công năng
Kim xí rẽ nước biển
Bắt thẳng lấy rồng ăn.

Lược giải:

Trong kinh Khởi Thế Nhân Bản có đoạn nói:

"Đại bàng kim xí điều là giống chim ăn thịt loài rồng. Khi muốn thọ thực, chim này tùy theo khả năng của loại thai, noãn, thấp, hóa, dùng cánh quạt nước biển sâu nhiều ngàn do tuần, bắt lấy các loài rồng thuộc thai, noãn, thấp, hóa mà ăn thịt. Kim xí là loại chim cao nhất trong hàng phi cầm, có sức thần thông biến hóa. Rồng là sanh vật tối linh trong biển cả, cũng có nhiều uy lực thần thông".

Trên đây ví hiệu năng môn niệm Phật như thần thông của kim xí điều. Các công đức mà môn này thu được như thủ đắc loài rồng là sinh vật tối linh. Kinh Hoa Nghiêm có nói đến môn tam muội sâu mầu hàm chứa vô lượng tam muội gọi là Vô Biên Hải Tạng Môn. Liên Trì đại sư đã so sánh bảo: "Niệm Phật tam muội cũng thế, ngộ vào môn này tức sẽ ngộ nhập Vô Biên Hải Tạng Môn, sẽ thủ đắc vô lượng tam muội". Vì thế Tổ Triệt Ngộ mới trình thuật lại ý nghĩa ấy qua bài kệ trên.

Hán:

65. Nhứt cú Di Đà
Trần duyên tự đoạn
Sư tử du hành
Dã can kinh tán!

Việt:

Một câu A Di Đà
Sạch trần duyên phiền não
Như sư tử dạo chơi
Kinh rã bày chôn cáo!

Lược giải:

Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, vì mê Chân Tánh khởi tham sân si, đắm sâu trong vũng bùn lầy ngũ dục. Do đó nên gây ra vô lượng trần duyên phiền não,

kết thành sức nghiệp tự ràng buộc lấy mình. Một hiền giả đã than: "Tâm đắm nhiễm của con người như vực sâu không đáy, như biển rộng mênh mông. Đem dâng hết sắc đẹp trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng dục. Hiến khắp hết tiền của trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng tham!". Bởi thế, tuy gặp thắng duyên bước lên đường tu, nhưng nghiệp tham sân si trong muôn kiếp không dễ gì trừ dứt. Nhưng nếu hành giả chí tâm giữ một câu Phật hiệu, dù chẳng khởi niệm dứt trừ nghiệp hoặc, trần duyên phiền não cũng sẽ tự tiêu trừ.

Tại sao thế? Bởi phiền não là vọng niệm hư huyền, Phật hiệu là chánh niệm chân thật. Vọng niệm như chồn cáo, chánh niệm như sư tử. Chánh niệm khởi lên, vọng niệm tự diệt, như sư tử ra khỏi hang, các loài chồn cáo đều kinh hãi tan rã bỏ chạy. Vọng niệm như nhà tối muôn năm, chánh niệm như ngọn đèn to sáng, diệt ngay tất cả sự tăm tối. Cho nên nếu nhiếp tâm nơi chánh niệm, tất vọng niệm tự trừ. Ngoài điều ấy ra, sáu chữ hồng danh là kết tinh công đức phước huệ của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng a tăng kỳ kiếp. Cho nên, Phật hiệu có công năng diệt nghiệp rất mau chóng.

Trong Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã khai thị: "Môn niệm Phật tam muội hay dứt trừ tất cả phiền não nghiệp chướng đời này cùng đời trước. Các tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm, mà không thể trừ nghiệp sân. Có môn trừ được nghiệp sân, song không thể trừ nghiệp si. Có môn trừ được nghiệp sân, si mà

không thể trừ nghiệp tham, sân, si. Có môn trừ được tham, sân, si, nhưng chẳng thể trừ những tội nghiệp đời trước. Niệm Phật tam muội có thể trừ sạch nghiệp tham, sân, si, cùng tất cả trần duyên phiền não và tội chướng đời trước.

Lại nữa, niệm Phật tam muội hay sanh trí huệ phước đức rộng lớn, có thể độ chúng sanh. Chư Bồ Tát nếu muốn độ sanh mà tu các môn tam muội khác, tất kết quả rất chậm kém. Bởi các môn tam muội khác, phước đức không bằng niệm Phật tam muội. Tại sao thế? Vì Phật là đấng Pháp Vương, phước huệ đều viên mãn, nên vô lượng phước đức trí huệ của hành giả, tất phải từ nơi Phật mà tăng trưởng và thành tựu mau chóng.

Lại nữa, do vì niệm Phật luôn, tâm không rời Phật, nên hành giả thường được gặp chư Phật...".

Những lời khuyên dạy trên, chúng tỏ niệm Phật hay trừ sạch trần duyên phiền não.

Hán:

66. Nhứt cú Di Đà

Khiên trực niệm quá

Nhứt đạp đáo để

Hương tượng độ hà.

Việt:

Một câu A Di Đà

Thẳng chắc niệm nơi lòng
Một phen đạp tận đáy
Nhu hương tượng qua sông.

Lược giải:

Trong kinh, đức Phật có thí dụ một đoạn như sau:

"Do chỗ bị động, nên bầy dã thú tìm đoạn sông cạn để lội sang khu rừng khác. Khi vượt sông, các loài thú nhỏ như chồn thỏ chỉ bơi khơi khơi trên mặt nước. Những thứ bậc trung như hươu, nai lúc lội sang, chân đạp được nửa chừng mực nước. Còn loài voi cao lớn là hương tượng thì chân bước đạp tận đáy để vượt qua sông. Chúng sanh tu theo ba thừa của ta hóa đạo cũng lại như thế, tùy theo căn cơ của mình mà vượt biển sanh tử sang đến bờ Niết Bàn. Hành giả tu theo pháp tiểu thừa như loài thú nhỏ. Tu theo pháp trung thừa như loài bậc trung. Tu theo pháp đại thừa như loài thú cao lớn là hương tượng đạp tận đáy sông, nghĩa là đạp thấu suốt chiều sâu của Lý Tánh mà vượt qua biển luân hồi sống chết...".

Dẫn thí dụ trên để so sánh, Tổ Triệt Ngô cho môn niệm Phật là pháp đại thừa. Nếu hành giả trì câu hồng danh một cách thẳng chắc, dứt tất cả phiền não, không còn phân biệt năng sở trong ngoài, tức sẽ khế hợp với lý tánh, đi sâu vào Thật Tướng Niệm Phật. Kẻ ấy như con hương tượng chân đạp tận đáy, vượt sông một cách vững vàng chắc chắn.

Hán:

67. Nhứt cú Di Đà

**Vô tướng tâm Phật
Quốc độ trang nghiêm
Cảnh phi ngoại vật.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Cảnh Vô tướng tâm Phật
Cõi nước đẹp trang nghiêm
Không phải là ngoại vật.

Lược giải:

Hành giả tu Tịnh Độ do chuyên trì câu hồng danh, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, sẽ chứng vào niêm Phật tam muội. Đây là cảnh Vô tướng tâm Phật. Vô tướng không phải trống rỗng, chẳng hàm tướng trạng chi, mà chính vì các tướng sanh diệt như huyễn không có tự thể chắc thật, nên gọi là Vô. Tâm Kinh nói: "Huyễn sắc tức chân không, chân không tức huyễn sắc", chính là ý này. Tâm Phật có nghĩa: Tâm tức Phật, Phật tức Tâm, chân tâm là Phật cảnh, Phật cảnh là chân tâm.

Thế thì cảnh chánh báo, y báo trang nghiêm ở cõi Cực Lạc, cùng tất cả quốc độ khắp mười phương, đều chính là cảnh giới của chân tâm, của tâm mình, không phải vật chi ngoài khác. Cho nên những kẻ bảo: "Niêm

A Di Đà, nguyện sang Cực Lạc là tìm cầu bên ngoài, chẳng hướng về tự tâm", đó là quan niệm sai lầm, chưa hiểu rõ chân tâm, cũng như pháp môn Tịnh Độ.

Hán:

68. Nhứt cú Di Đà

Vô vi đại pháp

Nhứt dụng đơn đề

Kiểm ly bảo hạp.

Việt:

Một câu A Di Đà

Pháp vô vi đại bảo

Hằng ngày một niệm chuyên

Gương linh rời hộp báu.

Lược giải:

Trong danh từ Vô Vi, chữ Vi có nghĩa: khởi làm hay tác động. Vì các tướng động chuyển trong mười phương thế giới đều sanh diệt như mộng huyễn, như bọt bóng, không có thật thể, nên gọi Vô Vi. Đừng lầm hiểu Vô Vi là rỗng không, chẳng có tướng trạng hay tác động chi cả mà sai lạc. Cho nên trong kinh nói: "Bồ Tát tuy thị hiện vô biên quyền thuộc, mà tâm hằng không quyền thuộc. Tuy thật hành sáu độ cùng tất cả việc lành, mà không thấy mình hay làm và có các pháp đề tu. Tuy độ vô lượng chúng sanh, mà không thấy mình là người hóa độ và những chúng sanh được độ".

Đó là hạnh Vô Vi. Hạnh Vô Vi như thế mới gọi là đại pháp lớn rộng và quý báu.

Nơi đây Triệt Ngô đại sư dạy: "Người tu Tịnh Độ khi niệm Phật không thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, câu hồng danh là pháp tu niệm; dứt tất cả phiền não vọng tưởng, trong quên thân tâm, ngoài tan ngoại cảnh. Hằng ngày đề khởi chuyên niệm như thế, sử dụng câu hồng danh như bậc kiếm sĩ rút gươm thiêng sắc bén ra khỏi vỏ hộp báu, vật chi xúc phạm đến đều bị chém đứt tan. Hành trì như thế tất sẽ chứng vào pháp giới Vô Vi rộng lớn, nhập Không Huệ đà ra ni vậy".

Hán:

69. Nhứt cú Di Đà

Vô lậu chân Tăng

Tuyết sơn dược thọ

Hiểm đạo minh đăng.

Việt:

Một câu A Di Đà

Thành vô lậu chân Tăng

Cây thuốc nơi non Tuyết

Đường hiểm ngọn minh đăng.

Lược giải:

Kinh nói: "Trong dãy Tuyết sơn có cây thuốc tên là Dược Vương. Người đau bệnh ôm thân cây liền lành mạnh. Nếu uống được chút ít chất nhựa cây thì trọn đời không bệnh". Lại ở Tuyết sơn có nhiều thứ thuốc quý lạ. Theo kinh Hiền Ngu, khi xưa đức Thế Tôn đã dùng gió thổi đưa chất thuốc tiên nơi non Tuyết vào mắt của năm trăm người mù, khiến cho họ đều được sáng tỏ. Trong quyển Lục Đạo Luân Hồi Tập có dẫn sự việc một người đi ngang qua núi Tuyết, nhân đói ăn thứ dược thảo lạ, bỗng nói và hiểu được sáu môn thổ ngữ của dân chúng và các xứ quanh vùng. Chẳng riêng gì núi Tuyết, mà ở các danh sơn khác cũng có nhiều thứ thuốc tiên. Một độ, bút giả đọc quyển Nam Nhạc Ký, thấy nói một đạo sĩ vào núi này hái thuốc, chợt thấy một bàn tay trắng đẹp sáng mịn mọc ra từ vách đá. Biết đó là thứ tiên dược, đạo sĩ liền cắt lấy để vào giỏ. Đi một đoạn, ông ta bỗng nghĩ: "Loại thuốc tiên này biến hóa, nếu không ăn liền nó sẽ ỉn mất!". Quả nhiên khi xem lại thì bàn tay ấy đã không còn.

Trong đây, Tổ Triệt Ngô so sánh sáu chữ hồng danh như thuốc tiên ở Tuyết sơn, như ngọn đèn sáng nơi khoảng đường tối tăm nguy hiểm. Thuốc tiên ngoài công năng trị lành các bệnh, còn có thể khiến cho người đói xác phàm phu thăng thành tiên thánh. Ngọn đèn sáng nơi đường hiểm, ngoài công dụng soi tỏ để hành khách khỏi lạc lối, còn có thể khiến cho họ khỏi sa hầm sụp hố, tránh những tai nạn chết người. Câu Phật hiệu

lại cao siêu hơn, có thể khiến cho hành giả trở thành bậc chân tăng vô lậu, thoát vòng luân hồi, chứng ngôi Vô Thượng Đẳng Giác. Chữ "Lậu" có nghĩa: sa lớt, là biệt danh của nghiệp phiền não. Bởi có phiền não tất phải rớt lớt vào vòng sống chết luân hồi trong ba cõi. Vô lậu chỉ cho thể tánh sáng suốt, dứt hết phiền não, không hệ lụy vào nẻo luân hồi. Chứng được thể tánh này mới gọi là bậc chân tăng. Mà muốn chóng thành bậc Vô Lậu Chân Tăng tất phải niệm Phật.

Hán:

**70. Nhứt cú Di Đà
Mãn Bàn Na độ
Liệt phá xan nang
Hân phiền bảo tụ.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ Bồ Thí độ
Phá toang túi sển tham
Tuôn cho đồng châu báu.

Lược giải:

Chúng sanh sở dĩ không bồ thí được để tạo duyên phước, là vì còn nghiệp bợn sển tham lam. Khi chuyên niệm Phật, nghiệp ấy sẽ tiêu trừ, hành nhưn được tròn đầy hạnh thí xả, cả bên trong lẫn bên ngoài. Bên ngoài

là thí xả mọi thứ tiền bạc của cải, lần lượt cho đến vợ con, cung thành đất nước. Bên trong là thí xả nghiệp tham sân si, lần lượt cho đến đầu, mắt, tay, chân, như đức Thích Tôn khi còn tu Bồ Tát hạnh. Bồ thí như thế mới tròn đủ Đàn ba la mật.

Hán:

**71. Nhứt cú Di Đà
Mãn Thi La độ
Đô nhiếp lục căn
Viên tịnh Tam Tụ.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ Trì Giới độ
Nhiếp hết cả sáu căn
Tròn sạch đủ Tam Tụ.

Lược giải:

Cổ đức bảo: "Phật chế tất cả giới để trị tất cả tâm. Nếu không tất cả tâm, cần chi tất cả giới?". Qua lời trên, giới luật chỉ là phương tiện để ngăn trừ nghiệp hạnh xấu ác của chúng sanh. Mà sở dĩ có nghiệp hạnh xấu ác là do còn tâm phiền não nhiễm ô. Nếu nhiếp cả sáu căn chuyên trì Phật hiệu thì nghiệp chướng bên trong sẽ lần lần tiêu tan, hạnh xấu ác bên ngoài lần lần được trừ dứt. Và hành giả cũng sẽ lần lần được trong

sạch thân tâm, tròn đầy cả Tam Tự Tịnh Giới. Tam Tự Tịnh Giới là: Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới và Nhiêu Ích Hữu Tình Giới. Nhiếp Luật Nghi Giới có công năng đưa người tu vào khuôn mẫu luật hạnh, trừ những điều lỗi lầm tội ác của ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nhiếp Thiện Pháp Giới khuyến tấn hành giả làm tất cả điều lành. Nhiêu Ích Hữu Tình Giới khiến cho người con Phật được tròn đủ hạnh nguyện cứu độ chúng sanh. Đủ ba tự trên, Thi ba la mật mới được viên mãn. Môn niệm Phật là nhân nhiệm mầu để mau thành tựu Giới độ ấy.

Hán:

**72. Nhứt cú Di Đà
Mãn Sẵn-đề độ
Nhị ngã tướng không
Vô Sanh Nhẫn ngộ.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ nhẫn nhục độ
Tướng Nhị Ngã không còn
Pháp Vô Sanh được ngộ.

Lược giải:

Sở dĩ hạnh Nhẫn Nhục khó được thành tựu, vì chúng sanh còn có tướng Nhị Ngã. Nhị Ngã tướng là

Nhơn Ngã tướng và Pháp Ngã tướng, tức mỗi chấp có Ta và Pháp. Nếu chuyên niệm Phật, nghiệp chướng mau tiêu trừ, lần lần hành giả sẽ được tâm không, thấy Ta, Người và Pháp đều như huyễn, chẳng thật có. Khi ấy đâu còn chấp có người cùng pháp là nguyên nhân gây nên sự bức não, và ta là kẻ hay nhân, bởi hành giả đã thoát khỏi ranh giới của Ngã, Pháp; chân tâm dung hợp khắp mọi nơi. Chùng ấy đương nhơn sẽ chứng ngộ vào Vô Sanh Pháp Nhân, tròn đầy Sẵn-đề ba la mật.

Hán:

73. Nhứt cú Di Đà

Mãn Tỳ-lê độ

Bất nhiễm tiêm trần

Trực đạp huyền lộ.

Việt:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Tinh Tấn độ

Lòng không nhiễm mảy trần

Bước thẳng lên huyền lộ.

Lược giải:

Khi tu hành mà còn thấy mình có tinh tấn, tức chưa đạt đến mức cứu cánh của tinh tấn, vì còn chấp Ngã và Pháp. Muốn tròn đầy Tỳ-lê-da ba la mật, phải thoát ly quan niệm đó, tuy hằng tinh tấn không gián đoạn mà

chẳng thấy mình có tinh tấn. Hai vị đại sĩ đã đạt đến cảnh giới này nên được tôn hiệu là Thường Tinh Tấn và Bất Hưu Tức Bồ Tát.

Khi hành giả niệm Phật đến mức tâm trong sạch rỗng rang, không còn nhiễm một mảy trần, tức đã đặt bước lên con đường huyền vi, vào cảnh giới cứu cánh của Tinh Tấn độ vậy.

Hán:

**74. Nhứt cú Di Đà
Mãn Thiên Na độ
Hiện chư oai nghi
Tang thậm khô thọ?**

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ thiên độ lý
Hiện trong các oai nghi
Cây khô có gì quý?

Lược giải:

Liên Trì đại sư đã bảo: "Niệm Phật và tham thiên chỉ là một, không khác nhau!". Tại sao thế? Bởi Thiên Na có nghĩa: Tĩnh Lự. "Tĩnh" thuộc về Định, về Chỉ, về Tịch, thể hiện công đức vắng lặng. "Lự" thuộc về Huệ, về Quán, về Chiếu, thể hiện công đức sáng soi. Khi hành giả niệm Phật đến mức dứt bật muôn duyên,

tâm yên lặng sáng suốt, thể hiện công năng tịch chiếu, trong ấy đã bao gồm Thiên Định rồi. Đó cũng gọi thật hành. Thiên-na ba la mật, nghĩa là đương như đã tiến bước vào cảnh giới chân thật của Thiên Định.

Thuở xưa đã có bà lão cất ngôi tịnh thất cho một nhà sư ở để tham thiền, thường cung cấp cho bốn sự cúng dường đầy đủ. Sau hai mươi năm, muốn thử xem trình độ sự tu hành đã đến mức nào, bà lão dặn cô con gái lúc đem cơm nước đến dâng, hãy thỉnh linh ôm lấy vị sư và hỏi: "Hiện thời tâm của thầy ra sao?". Cô gái thật hành y như lời mẹ dặn, được nhà sư đáp: "Tâm của tôi lúc này như cây khô nướng gộp đá lạnh trong ba tháng mùa đông, không một chút hơi nóng động nào cả!". (Khô mộc ý hàn nham. Tam đông vô noãn khí). Bà lão nghe cô gái thuật lại lời ấy liền than: "Uổng công ta khó nhọc trong hai mươi năm, kết cuộc chỉ cúng dường cho một kẻ phàm phu!". Rồi đốt thất, đuổi nhà sư đi.

Trong bài kệ trên ý Tổ Sư muốn nói: "Lúc tu Tịnh Độ đến mức tâm yên lặng sáng suốt thì dù khi hiện các oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, mặc áo, niệm Phật, tụng kinh; trong ấy đã đầy đủ Thiên Định độ. Như thế còn hơn hạng Khô Thiên bám chặt lấy cảnh giới Thiên Không như cây chết khô chẳng có chi là siêu xuất cả!".

Hán:

75. Nhứt cú Di Đà
Mãn Bát-nhã độ
Cảnh tịch tâm không
Vân khai nguyệt lộ.

Việt:

Một câu A Di Đà
Đầy đủ Bát-nhã độ
Cảnh thanh vắng lòng không
Mây tan vàng nguyệt lộ.

Lược giải:

Ấn Quang pháp sư nói: "Với câu niệm Phật, nếu có một phần kính thành thì tiêu một phần tội nghiệp, sanh một phần phước huệ". Được mười phần kính thành, sẽ tiêu mười phần tội nghiệp, sanh mười phần phước huệ. Cho nên khi niệm Phật, hành giả sẽ tùy tâm mà được tiêu trừ nghiệp chướng, phát huy trí huệ của công đức Bát-nhã. Hành trì lâu ngày, người ấy sẽ tiến đến mức tâm cảnh rộng không sáng lạng, và sẽ lần lần đầy đủ Bát-nhã độ. Hiện tượng ấy ví như mây tan hiện ra vàng trắng trong sáng chiếu rọi khắp nơi, cảnh và ánh trăng đều lạng lẽ trong trạng thái dung hàm không còn phân biệt.

Hán:

76. Nhứt cú Di Đà

**Tưởng tịch tư chuyên
Vị ly Nhẫn Độ
Dĩ tọa bảo liên.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Tâm lặng tưởng nhớ chuyên
Tuy chưa lìa Nhẫn độ
Đã ngồi tọa bảo liên.

Lược giải:

Bài kệ trên, hai câu trước ý nghĩa đã rõ ràng, duy hai câu sau, riêng một số độc giả chưa khỏi có điều nghi vấn. Theo Ấn Quang pháp sư, tác dụng nghiệp thức của chúng sanh không thể nghĩ bàn! Có người tuy còn ở Ta Bà, mà một phần thân thức đã hiện thân ngồi nơi hoa sen cõi Tịnh Độ. Có người đang còn sống mà nghiệp thức đã hiện thân thọ tội nơi địa ngục dưới Âm Ty. Chuyện Cửu Pháp Hoa và Kinh Dương phu nhơn trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, thân chơi Cực Lạc, thấy trước Dương Kiệt, Từ đạo cô, Tôn Trung đã ngồi nơi hoa sen, là điều chứng minh cho hai câu: "Tuy chưa lìa Nhẫn độ. Đã ngồi tọa bảo liên" vậy. Nhẫn độ chính là cõi Ta Bà, vì Ta Bà có nghĩa "Kham Nhẫn". Chúng sanh ở cõi này phải có sức nhẫn nại mới chịu đựng nổi với những cảnh chướng ác xung quanh.

Hán:

**77. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Duy tâm chi diệu
Pháp chỉ như nhiên.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Lý duy tâm mẫu nhiệm
Pháp hợp lẽ thiên nhiên.

Lược giải:

Câu hồng danh mà chúng ta đang hành trì, là kết tinh công đức của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng vô biên kiếp về trước. Cho nên khi chúng sanh khởi tâm niệm một câu Phật hiệu, theo nhân quả của lý "các pháp do tâm tạo", trong vô hình tự nhiên có ánh sáng và hoa sen phát hiện mà mắt phàm thường không thể nhìn thấy. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp do tâm chí thành nên hoa sen hiện rõ, có thể mục kích được với đôi mắt thường. Bởi thế hành giả mới chứng biết được lý ấy.

Nhắc tới điều này, bút giả bỗng nhớ lại chuyện thầy Thiện Lộc, thân phụ sư cô Diệu Châu, ở ngôi am sau chùa Vạn Đức tại Thủ Đức, đã thuật lại cho các liên hữu biết. Một đêm nọ vào khoảng tám giờ tối, thầy

đang quì chí tâm niệm Phật theo thời khóa đầu hôm, bỗng thấy từ cạnh bàn Phật ở ngay trước mặt mọc ra một búp hoa sen đỏ to bằng cái tách. Vừa trì niệm vừa nhìn kỹ từng chi tiết, thầy thấy cuống hoa uốn lượn cong, búp sen ngửa lên, rồi lần lần theo tiếng Phật hiệu nở to ra bằng chiếc đĩa bàn. Độ mười lăm phút sau, đóa hoa ấy biến mất. Đây là một trong nhiều chuyện hiện thật mà chư liên hữu ở khắp mọi nơi đã mục kích và trần thuật lại.

Để nói rộng thêm, câu niệm Phật chẳng những có công đức hiện ra tướng hoa sen, mà còn hiện đủ các tướng thuộc chánh báo, y báo ở cõi Cực Lạc. Trong các truyện vãng sanh, có vị trước giờ phút thọ chung, đại chúng bỗng thấy mặt đất xung quanh bỗng hóa thành ra vàng ròng. Có vị đang nằm bệnh, tràng phan, lầu các hiện trong tầng băng để gần bên giường. Có vị đang niệm Phật, thân tướng trang nghiêm của đức A Di Đà hoặc chư Bồ Tát hiện giữa hư không, bay trên ngọn đèn lưu ly. Có vị trong khi trì niệm, chợt nghe mùi hương lạ bay thơm cùng khắp. Công đức trang nghiêm thanh tịnh của câu niệm Phật tùy tâm hiển hiện, đại khái là như thế.

Hán:

**78. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Phàm tình bất tín**

Diệc như kỳ nhiên.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Phàm tình không tin tưởng
Cũng là lẽ tất nhiên.

Lược giải:

Như trên đã nói: Do công đức của câu Phật hiệu, theo lý duy tâm tạo, tự nhiên có hoa sen, ánh sáng hoặc các tướng đẹp lạ khác phát hiện. Nhưng các điều ấy tiếc thay, phần đông phàm phu không tin hiểu và công nhận. Sở dĩ như thế là vì sự thấy biết của họ còn cuộc hạn trong tâm lượng cạn hẹp của phàm tình. Âu đó cũng là lẽ tất nhiên.

Hán:

**79. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Quyết định bất tín
Chân cá khả liên !**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên

Nếu quyết không tin nhận
Đáng thương thật kém duyên!

Lược giải:

Trong các kinh luận về Tịnh Độ, nhiều nơi Phật và chư Tổ đã nói công đức niệm Phật hay trừ tội chướng, sanh phước huệ, hiện ra hoa sen, ánh sáng. Từ xưa đến nay các hành giả tu Tịnh nghiệp, lúc thức tỉnh hay trong giấc mơ, đã thấy hiển hiện điều này, và cũng đã thuật lại rất nhiều. Đó là lý chiêu cảm của nhân lành quả lành, kẻ chưa tin phải theo lời giải thích và điều minh chứng mà phát lòng tin. Nếu còn quyết định không tin nhận, thì thật đáng thương kẻ ấy quá nông cạn, nhiều nghiệp chướng, kém phước duyên, cam chịu khổ mãi trong vòng luân hồi sáu nẻo.

Hán:

**80. Nhứt cú Di Đà
Nhứt đóa bảo liên
Trực nhiên bất tín
Dĩ nhiên thức điên.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Là một đóa bảo liên
Dù cho không tin tưởng
Cũng đã nhiễm thức điên.

Lược giải:

Tiếp theo ý trên, dù cho những kẻ chưa hiểu biết, hoặc đã nghe giải thích và chứng minh rõ ràng về công đức niệm Phật mà còn cố chấp không tin nhận thì câu Phật hiệu cũng đã ghi vào ruộng Tàng thức của kẻ ấy rồi! Khi hạt giống câu hồng danh đã nhiễm vào Hàm Tàng thức, ngày kia trong một hoàn cảnh nào đó nó sẽ phát hiện. Và nhân đó đương nhơn sẽ được độ thoát, bất quá phải chịu khổ luân chuyển trong thời kiếp lâu xa mà thôi. Về điểm này, một bậc tôn đức đã bảo:

"Khen, chê cũng nhờ độ thoát.

Tin, nghi đều đến Liên Bang"

(Tán, báng câu mông giải thoát.

Nghi, tín cộng nhập Liên Bang).

Thuở Phật còn tại thế, có ông lão đứng trăm tuổi mới đến chư tăng xin xuất gia. Các hàng trưởng lão từ ngài Ca Diếp, Xá Lợi Phất, đến chư đại đức khác đều không thấu nhận, vì các vị nhận định xét thấy ông không có căn lành. Khi đức Thế Tôn đi khát thực trở về thấy ông lão khóc, Ngài quán biết liền chấp thuận cho xuất gia. Chư tỳ kheo hỏi duyên có, Phật đáp: "Đạo nhân bậc A-la-hán của các ông chỉ thấy biết sự việc trong vòng tám muôn bốn ngàn kiếp về trước và về sau mà thôi. Nhưng trước khoảng thời gian đó lâu xa, ông lão này là kẻ tiêu phu đi đốn củi, bị cộp rượt, sợ hãi leo lên cây phát thanh niệm một câu "Nam Mô Phật". Do chủng tử nhân lành đó, ngày nay ông mới gặp ta hóa độ

và sẽ được giải thoát". Ông lão là Phước Tăng tỳ kheo, Phật giao cho ngài Mục Kiên Liên khâu làm đệ tử, không bao lâu chúng được quả A-la-hán.

Tóm lại, ảnh hưởng của câu Phật hiệu rất nhiệm mầu sâu rộng, chẳng những kẻ nghe danh hiệu Phật sanh lòng vui mừng, tin nhận, khen ngợi và thật hành đều được giải thoát, mà người nghi ngờ khinh báng nhái giọng niệm theo để chê bai, khi thọ ác báo rồi cũng nhờ chủng tử công đức ấy gây nhân duyên đắc độ về sau. Cho nên bài kệ:

"Thà ở cõi Địa Ngục.

Được nghe hồng danh Phật.

Không mong sanh Thiên giới.

Chẳng biết hiệu Như Lai"

như trong kinh nói rất là xác đáng.

TĂNG CẢM

Thích Tăng Cảm quê ở Tỉnh Châu, thường tụng trì hai thứ kinh: Quán Vô Lượng Thọ và A Di Đà. Lâu ngày sư mộng thấy thân mình sanh ra hai cánh:

Cánh bên mặt là văn kinh A Di Đà. Cánh bên trái là văn Quán kinh. Lúc ấy chợp cánh muốn bay, mà thân còn nặng chưa vượt lên được.

Tụng tiếp hai năm, Tăng Cảm mộng thấy lông cánh thêm dài, bay lên được nhưng còn nặng nhọc chưa thể đi xa. Lại tụng tiếp hai năm nữa, mộng thấy tự tại bay đi không còn trở ngại. Sư liền hướng về phương Tây

bay đến thế giới Cực Lạc, thấy đức A Di Đà và hai vị Bồ Tát bảo: "Do sức người tụng kinh, nên nay mới được tới miền biên địa cõi Tây Phương. Vậy hãy trở về Ta Bà, mỗi ngày tụng đủ 48 biến. Như thế sau 1000 ngày, người sẽ được sanh về thượng phẩm ở Cực Lạc".

Tăng Cảm tỉnh giác, y theo lời dạy mà tu hành, ba năm sau tự biết trước thời khắc quy Tây. Lúc sư viên tịch, nơi chỗ nằm bỗng mọc lên bảy cành hoa sen. Trong một tuần hoa vẫn tươi đẹp không rũ héo. Hàng đạo tục nghe chuyện lạ, đều đến xem rất đông.

ĐẠO THUYÊN

Thích Đạo Thuyền đọc xong bộ Trí Độ Luận, rất tôn ngưỡng Long Thọ Bồ Tát. Sư liền viết lời kệ khen ngợi phát nguyện rằng:

Thắng đại sĩ Long Thọ,
Chứng Sơ Hoan Hỷ địa.
Sanh về cõi Cực Lạc,
Phụ giúp A Di Đà.
Tiếp dẫn người niệm Phật,
Mười phương đến vãng sanh.
Xin rủ lòng thương xót,
Dì dắt tới Liên thành!

Đạo Thuyền lại tạo tượng Long Thọ đại sĩ cao ba thước một để cúng dường và chuyên lòng cầu nguyện. Một đêm, sư mộng thấy vị sa môn thân tướng cao lớn trang nghiêm đến bảo: "Ba năm sau người có thể sanh

về cõi Cực Lạc!". Đạo Thuyên thưa: "Con hãy còn bốn sư và sanh mẫu, nếu xả báo thân trước e không tròn đạo". Vị sa môn nói: "Thế thì hãy chờ ta bạch với đức A Di Đà Thế Tôn, rồi sẽ trở lại cho người biết". Ba đêm sau, sư lại mộng thấy vị sa môn ấy bảo: "Ta vì người bạch với Phật. Ngài dạy rằng: Thầy của người 12 năm sau sẽ viên tịch, còn mẹ người sau 20 năm mới mãn phần. Đức Thế Tôn tặng thọ cho người sống thêm 23 năm nữa, sau thời gian ấy người sẽ được sanh về Cực Lạc thế giới". Đạo Thuyên bạch: "Cha mẹ cùng thầy bạn của con có được sanh về Tịnh Độ chăng?". Sa môn đáp: "Nếu đồng tâm phát nguyện tu hành, quyết sẽ được vãng sanh, chớ nên nghi ngại!". Sư mừng rỡ lại hỏi: "Tôn đức là ai?". Vị sa môn đáp: "Ta là Long Thọ. Vì người tạo tượng ta cầu nguyện, nên đến đây báo cho người biết!".

Về sau thầy và mẹ của Đạo Thuyên đều mãn phần đúng thời kỳ Phật đã báo trước. Sư cũng viên tịch 23 năm sau, vào ngày rằm tháng giêng. Lúc Đạo Thuyên xả thọ, có áng mây tím che phủ am, đầy trời âm nhạc rền vang thanh diệu. Đây chỉ lược thuật, điềm lành của sư còn có rất nhiều.

GIÁC CHIẾU

Thích Giác Chiếu, chưa được rõ xuất xứ, trụ nơi viện La Hán, trấn Thâu Thành, tại một huyện ở Giang

Bắc. Trọn đời sư giữ giới hạnh tinh nghiêm, chuyên tu về Tịnh Độ.

Một đêm vào tháng mùa đông, năm Dân Quốc thứ 12, Giác Chiếu nằm mơ thấy đến chỗ xa lạ, trước mặt có tòa núi to lớn cao chón chở che ngăn. Sư vẫn bình thản đi chậm rãi vừa thâm niệm Phật. Thoạt nhiên núi non biến mất cảnh trí mở rộng, có ánh sáng lớn soi đến thân mình, ao sen cây báu hiện ra trước mắt. Giác Chiếu bỗng thấy một vị trưởng giả hiện thân nói: "Đây là Tây Phương Cực Lạc thế giới, ông có muốn về chăng?". Sư đáp là mình nguyện vãng sanh, lại ước hẹn với vị trưởng giả rằng: "Cuối tháng này tôi sẽ thỉnh cầu Hoằng Thai pháp sư trụ trì bản viện. Khi mọi việc sắp đặt xong xuôi, tất sẽ đến đây!". Nói xong cảnh chợt tan biến, sư liền tỉnh giấc.

Bảy giờ Hoằng Thai pháp sư đang làm chủ hội kỳ niệm Phật 7 ngày, tại chùa Vĩnh Ninh ở Diêm Thành. Khi tiếp được thư của Giác Chiếu gọi đến, kỳ thất cũng vừa hoàn mãn, ông vội vã trở về La Hán viện để đảm trách Phật sự. Quả nhiên vào giờ Thìn ngày mùng 4 tháng chạp, Giác Chiếu tự vào ngồi trong bảo khám, day mặt về Tây mà viên tịch. Trải hơn 2 giờ, cả mình sư đều lạnh, duy đánh đầu còn nóng. Lúc làm lễ trà tỳ, đại chúng đều thấy trên ngọn lửa hiện ra một áng tường vân, từ từ bốc lên cao bay thẳng về Tây Phương.

TRƯỜNG LINH

Thích Trường Linh, người huyện Trấn Hải tỉnh Triết Giang, vào tuổi trung niên mới đến xuất gia tại một ngôi chùa ở Mâu Sơn. Năm sau, sư thọ giới sa di nơi chùa Phổ Đà. Kế tiếp tới Phổ Ninh Tự thọ tỳ kheo giới.

Ban sơ, Trường Linh tỏ ra rất có đạo tâm. Nhưng sau vì lãnh trụ trì một ngôi chùa nhỏ, không ai quản thúc, nên tự do lui tới giao tiếp với bạn bè xấu ác. Rồi dần dà sư nhiễm quen thói hư, phóng dăng chơi bời, lãnh đám tụng kinh mướn, đua lợi tranh danh, cho đến ăn thịt uống rượu.

Lúc lớn tuổi, sư nghĩ lại việc cũ, sanh lòng ăn năn hổ thẹn. Được tin Liễu Thanh hòa thượng ở sơn am gần chùa Phổ Đà, tổ chức hội niệm Phật chuyên tu Tịnh Độ. Trường Linh khẳng khái xếp lại mọi việc, mang y bát đến tham dự. Sau khi nghe Liễu công thuyết pháp chỉ dạy, sư mới biết đường lối của Tịnh tông, liền dứt bỏ hết tập quán xấu, một lòng tin sâu nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tây Phương.

Năm Dân Quốc thứ 20, hàng nhơn sĩ ở Đại Sơn thỉnh Trường Linh đến trụ trì chùa Siêu Quả núi Bồng Lai thuộc mặt biển phía Tây Bắc Phổ Đà Tự, để hướng dẫn chư thiện tín tu hành. Lúc ấy, sư đã suy yếu lại lớn tuổi, thỉnh thoảng hay phát chứng suyễn. Sang năm Dân Quốc thứ 21, vào ngày mùng 8 tháng 7, Trường Linh dự biết ngày lâm chung, bảo chúng rằng: "Xin thỉnh vài vị tăng tới niệm Phật, giúp tôi sanh về Tây

Phương!". Khi chur tăng đến, sư lại nói: "Hiện sắp tới rằm Trung ngươn, xin trước tiên nên hành khoa Chân tế, để làm lợi vui cho khắp kẻ âm người dương". Sau ba ngày pháp sự viên mãn, sư liền thỉnh chúng sang ngọ thất thương lượng về cách thức trợ niệm, rồi tự cử xướng trước, mọi người đều niệm theo đến hết một cây hương. Sáng sớm ngày 12, Trường Linh bảo nấu nước trầm đàn, tự tắm gội sạch sẽ, xong đắp y cầm cụ, nhờ người dìu lên đại điện, niệm hương lễ Phật, rồi trở về ngọ thất. Khi cho người khiêng chiếc bảo khám tới xong, sư vào trong ngòi ngay thẳng, gương mặt lộ vẻ tươi cười, nói: "Trước xin cảm tạ các vị đã gần gũi chiếu cố đến tôi trong mấy tháng. Sau nguyện mong tất cả đều cố gắng niệm Phật, để cùng nhau tái hội ở Liên Bang! Lúc này so với thuở bình thời chẳng đồng, nên vì tôi niệm đủ 16 chữ: "Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật". Chúng đáp tuân mạng, rồi cử xướng trì niệm.

Trường Linh cũng chấp tay niệm theo, hiện nét tươi sáng vô tả! Được một lúc sư buông tay trái xuống để lật ngửa trên đầu gối, tay mặt vịn vào vách bảo khám, sẽ cúi đầu mà viên tịch, thân tâm an vui, không lộ một chút chi thống khổ.

Bảy giờ đúng ngọ ngày 12 tháng 7. Sư hưởng thọ được 60 tuổi.

Lời bình:

Đức Thế Tôn bảo: "Kẻ tạo tội Ngũ nghịch, Thập ác, lúc lâm chung chí tâm niệm hồng danh A Di Đà mười niệm đều được vãng sanh". Điều trên đây tuy do hạt giống niệm Phật kiếp trước đã đến thời kỳ thành thực, nhưng cũng toàn nhờ sức tín nguyện hạnh trong hiện đời cảm thông với từ lực của đức A Di Đà nên mới được như thế. Sư Trường Linh nhiều năm cầu thả may trong cảnh muộn biết hồi đầu, khi lâm chung được điềm tốt, âu cũng là một loại như các vị: Hùng Tuấn, Duy Cung đó ư? Hai vị tăng thuật lại chuyện này là Hựu Quán và Nguyệt Tịnh có nói: "Đại chúng ở chùa Pháp Võ non Phổ Đà hơn vài mươi năm nay, tuy nghe Ấn Quang đại sư hoằng dương khen ngợi pháp nhiệm mầu đặc biệt đời nghiệp vãng sanh của môn Tịnh Độ, song hãy còn nửa tin nửa ngờ. Đến khi thấy sư Trường Linh, một người đã tạo nhiều tội mà được vãng sanh, mới không còn nghi lời thiết thật của đức Thế Tôn đã nói trong Quán kinh, cùng điềm chỉ dạy của Ấn Quang trưởng lão.

Do đó toàn thể chư tăng ni thiện tín ở vùng hải đảo non Phổ Đà, đều cảm động phát tâm tự tu và hoằng dương môn Tịnh Độ, để làm thỏa mãn bản hoài ứng thể của chư Phật.

THÍCH NỮ NĂNG KHAI

Tỳ kheo ni Năng Khai, cư ngụ tại Giang Bắc, trụ trì chùa Thiên Hậu thuộc Sơn Đông Hội Quán ở Diêm

Thành. Bình sanh ni sư chuyên tu Tịnh Độ, giữ luật hạnh đúng như thanh quy. Bôn sư của Năng Khai là Học Như cũng tu tịnh nghiệp, sau khi viên tịch môn đồ làm lễ thiêu hóa, bới tro tàn tìm được ba viên xá lợi to sáng và hai thanh bảo kiếm sắc xanh biếc. Ni sư mục kích điềm lành ấy, càng thêm tinh tấn tu hành.

Mùa thu năm Dân Quốc thứ 12, Năng Khai mộng thấy đức Văn Thù mách bảo cho biết trước ngày giờ vãng sanh. Sau khi tỉnh giấc, ni sư họp đại chúng lại niệm Phật mấy ngày rồi tọa hóa. Có điềm ly kỳ là lúc ni sư viên tịch, nơi đỉnh đầu hơi nóng bốc lên như khói, phát ra âm thanh tựa nước sôi trào và những tiếng nổ nhỏ liên tiếp.

THÍCH NỮ ĐỨC THÀNH

Tỳ kheo ni Đức Thành nguyên là con gái của Phương Tập, một hàng quan thân giàu sang ở An Khánh. Khi mới lên 9 tuổi, cô đã xin cha mẹ cho vào xuất gia nơi am Tịnh Thất tại bản thành. Năm 25 tuổi được thọ giới Cụ túc.

Bình sanh Đức Thành giữ luật hạnh trang nghiêm, đối đãi hòa nhã với tất cả mọi người. Lúc tuổi trẻ, cô lễ bái và trì tụng kinh Kim Cang, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm cùng các kinh điển đại thừa khác. Khi đã cao niên, ni sư chuyên tinh niệm Phật, sự tu hành hôm sớm rất siêng cần, dù trải tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ. Ngoài ra ni sư còn tùy hỷ làm các công đức, đê xướng

Phật pháp, quyền tiền xây dựng trường học, kiến lập Liên xã, lãnh nữ chúng niệm Phật tu hành. Đức Thành lại thường thỉnh các vị pháp sư đến giảng kinh, hoặc mời hàng cư sĩ diễn thuyết về Phật lý. Vì thế một vùng An Khánh chánh pháp lần lần hưng thịnh, dân chúng hướng về đạo Phật rất đông.

Mùa xuân năm Dân Quốc thứ 21 (1932), ni sư đóng cửa nhập thất, chuyên tâm niệm Phật. Trong cơn định tĩnh, Đức Thành thấy bốn chữ: Ngã, Bi, Thường, Tịch to lớn sáng rỡ, lại nghe Phật gọi pháp danh của mình báo cho biết ngày giờ vãng sanh. Lúc ra thất, ni sư liền họp chúng lại sắp đặt về hậu sự. Sang đầu tháng sau, quả nhiên Đức Thành viên tịch. Lúc trà tỳ được mấy viên xá lợi, trong đó có một hạt dài độ nửa tấc mộc, chiếu ra năm sắc, người xem đều khen ngợi cho là hy hữu.

Ni sư thọ 65 tuổi đời, được 41 hạ lạc.

NHỚ VỀ TỊNH ĐỘ

I

Từng nghe bạch hạc vốn tiên cầm,
Trăng sáng bay về gởi hảo âm.
Muốn nhắn tin xa hàng bạn đạo,
Đề ai hiểu rõ mối hoài tâm!
Thúy lâu cảnh bích mơ trời ngọc,
Ngân hải đài kim nghĩ lối tâm.
Khả ngón phù sinh dường mộng huyễn,

Cõi trần chỉ ngại lưới duyên thâm!

II

Lưu ly đất báu tử kim tràng,
Phỉ thúy lầu cao cửa ngọc nhân!
Quyển quyền văn chương khen chẳng hết,
Thân tâm hướng lễ ý hằng sang.
Phượng loan chóp cánh hàng hàng múa,
Anh vũ đưa hơi tiếng tiếng vàng.
Thanh mộng còn tham say giấc đẹp,
Lầu xa trống điểm giục canh tàn.

Sở Thạch thiền sư

III

Sen Phật hiện trong biển lửa hồng,
Bạn chi tám giáo lại năm tông?
Mỗi câu hằng tịnh ma xa lánh,
Muôn niệm đều như Phật cảm thông.
Kiếp bụi mê căn lần sạch gốc,
Đời tu tinh tấn đến tròn công.
Chỉ ưng quyết chí toàn thành tựu,
Vì bởi hàm linh thể tánh đồng.

IV

Phàm phu trí kém quán chưa rành,
Chỉ giữ trì danh tất vãng sanh.
Cõi trược chí tu như chẳng đổi,

Trời Tây đài báu tự ghi danh!
Đầu dao mật dính trần mau nhiễm.
Mặt nước bèo trôi đạo khó thành.
Về gấp thôi chi lần lựa nữa,
Đằm sen hương lạ sắc tinh anh.

Tĩnh Am đại sư

V

Đông tây xuôi ngược bước phong trần,
Ngoảnh lại phù sinh mấy chục xuân!
Niệm Phật những mơ miền bích thảo,
Cuối đầu hướng đến nẻo hoa tân.
Ai thương Đỗ Vũ sâu non nước,
Ta mến Di Đà niệm thiết thân!
Chẳng học cao tăng nguyên chuyển độ,
(chuyển kiếp độ sanh)
Chỉ mong Cực Lạc được làm dân.

VI

Muốn nương liên quốc gởi tinh thần,
Niệm Phật đường lâm bệnh mãn phần!
Thân sợ sa lầy mong khỏi vực,
Ý như chạy giặc nghĩ đào sanh!
Bích sa đến động ba đào thắm,
Hồng thụ về trời cỏ biếc xuân.
Mây rắng tàn dương nhìn lối cũ,
Mưa hoa nhạc báu khác phàm trần!

TRƯƠNG NGUƠN THỌ

Trương Nguơn Thọ quê ở Tịnh Châu, gia thế làm nghề sát sanh. Sau khi cha mẹ mãn phần, ông giữ giới sát, chuyên niệm hồng danh A Di Đà Phật để cầu siêu độ cho song thân.

Nguơn Thọ lại tạo tượng A Di Đà cao ba thước mộc, hằng ngày cúng dường lễ bái. Một đêm ông nằm mộng thấy nhà cửa bỗng sáng suốt rực rỡ, trong vùng ánh sáng có hơn hai mươi người đều ngồi trên tòa sen. Hai người trong số đó, gọi Nguơn Thọ bảo: “Chúng ta là cha mẹ của con, bình sanh tuy cũng niệm Phật, nhưng vì nghiệp sát quá nặng nên khi chết đọa vào Khiếu Hoán địa ngục. Tuy đọa địa ngục song nhờ sức niệm Phật nên sắt nóng cùng nước đồng sôi đều biến thành mát mẻ như nước. Hôm trước có vị sa môn cao ba thước mộc đến nói pháp. Chúng ta cùng đồng nghiệp hơn hai mươi người tỏ ngộ Phật lý, đồng được thoát ly địa ngục. Hiện thời tất cả sắp sanh về Tịnh Độ. Do nhân duyên đó nên đến mách bảo cho con biết!”.

Nói xong, tất cả đồng bay về Tây Phương.

TIỂU VƯƠNG

Tiểu Vương nguyên là gia nô của cư sĩ Tôn Hậu Tại quê quán tỉnh Hồ Bắc. Vì y vốn họ Vương, lại

thuộc thân phận thấp nhỏ của một đứa ở, nên mọi người đều gọi là Tiểu Vương. Tôn cư sĩ gia thế thờ Phật, sau dời về cư ngụ ở Thượng Hải. Tiểu Vương cũng đi theo chủ.

Giúp việc lâu năm nơi nhà Tôn Hậu Tại, được ảnh hưởng về sự tu hành, Tiểu Vương cũng lần lần thấm nhuần, rồi phát tâm niệm Phật. Y vốn có tật cà lăm, nói năng chậm chạp, khó khăn, nên ban sơ niệm Phật không thành câu. Song với tâm chí thành, y vẫn cố gắng trì tụng. Như thế được mấy năm, một đêm Tiểu Vương mộng thấy có người nắm lưỡi của mình kéo ra thật mạnh, tâm sáng sốt cảm giác rất đau. Khi tỉnh giấc, tật cũ dứt trừ, nói năng lanh lẹ thông suốt, câu niệm Phật cũng rõ ràng rành rẽ. Do đó lòng tin nguyện của y rất sâu thiết, sự trì niệm càng chuyên cần. Tiếp tục tu hơn hai năm, thì không thấy Tiểu Vương niệm Phật nữa. Có người hỏi duyên cớ, y đáp: "Tôi niệm Phật đã thành một khối, nay không niệm mà vẫn tự niệm, nên không cần phát ra tiếng, chỉ khởi ý giữ cho câu hồng danh thầm liên tục chẳng dứt đoạn mà thôi". Mọi người nghe nói cũng không mấy lưu tâm, để cho y tùy tiện. Tình trạng mặc niệm như thế, lại tiếp tục thêm năm độ xuân thu nữa.

Một hôm Tiểu Vương gọi đứa con trai mười lăm tuổi, đang ngụ cư ở học đường về nhà bảo: "Hôm nay cha sắp đi, con nên giúp sức niệm Phật để tiễn đưa một lần cuối!". Mọi người thấy y vẫn bình thường, chẳng tỏ

ra chút chi đau yếu, đều không tin, chỉ nhìn nhau mỉm cười. Tiểu Vương biết ý, bảo: "Tôi nói thật đấy, chẳng phải là lời đùa cợt bông lông đâu!". Có kẻ hỏi: "Chú nói đi, mà đi về nơi nào?". Đáp: "Về nhà!". Lại gạn hỏi: "Nhà nào, ở đâu?". Đáp: "Quê nhà cũ, tức là thế giới Cực Lạc ở Tây Phương!". Trong ấy có một vị sanh lòng tin bảo: "Con của chú hãy còn nhỏ dại, nên lưu lại thêm ít năm nữa để chiếu cố, nó mới có thể thành lập được!". Tiểu Vương nói: "Thời tiết đã đến, tôi không thể lưu trụ, thôi mọi việc đều phó cho nhân duyên!". Nói xong, bảo con đồng thanh niệm Phật với mình. Mọi người đều đứng yên, lặng lẽ nhìn xem sự thể diễn tiến ra sao? Lúc ấy Tiểu Vương ngồi ngay thẳng trên giường niệm Phật. Kế đó bỗng hắt hơi hai tiếng, hiện tướng 'ngọc trợ hạ thùy', rồi nhắm mắt đi thẳng. (Tức là hai dòng nước mũi trắng đặc thòng xuống, một biểu tượng của bậc xả thân thăng hóa).

Hôm sau vào buổi chiều tối, cư sĩ Tôn Hậu Tại cho đem di hài làm lễ thiêu hóa nơi chùa Lưu Vân. Lúc cử hỏa, đồng củi liền bùng cháy, khói trắng xông thẳng lên hư không. Trên ngọn lửa hiện ra một đóa sen to lớn sáng rỡ chập chờn, càng lúc càng đẹp rõ, cho đến khi lửa tắt. Sáng ra kiểm lại, trên tro xương cũng hiện nét tướng hoa sen rành rạnh in như vẽ. Bảy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười sáu.

VIÊN BẢO TRỊ

Đồng tử Viên Bảo Trị nguyên là con trai của cư sĩ Viên Nghiêu Niên ở Yên Kinh. Nghiêu Niên làm quan Chánh án, học rộng hiểu nhiều, nghiên cứu sâu về Phật lý, hết lòng tin nhận thật hành.

Vợ ông là Trương thị cũng xuất thân từ nhà vọng tộc, tánh hiền thực, thông lẽ nghĩa thi thơ, nét hạnh được nhiều người khen ngợi.

Bảo Trị sanh vào ngày mùng 6 tháng 7 năm Dân Quốc thứ 12. Hạ sanh vừa vài tháng, đồng tử đã thông tuệ khác hơn trẻ em thường, gọi được hai tiếng cha mẹ. Mỗi khi thân phụ vắng mặt đi xa, em bò quanh giường cha kêu khóc mãi. Kế tiếp vì chức vụ Nghiêu Niên thuyên chuyển về Tân Giang, đem cả gia đình đi theo, càng ngày lời nói và cử động của em đều khác lạ. Khi đồng tử được 3 tuổi, mẹ viết đại tự từng chữ lên trên tấm giấy dạy cho học, dạy bảo qua một lần liền ghi nhớ, lần lượt thông thuộc hơn vài trăm chữ, nhiều phen thí nghiệm vẫn không sai lầm. Duy có điều khi gặp hai chữ: Phụ, Mẫu em đọc xong liền để trên mấy chữ khác. Người xung quanh lấy làm lạ hỏi, em đáp: "Phụ, Mẫu là cha, mẹ phải nên tôn kính!". Mỗi khi đồng tử ăn bánh in, trên bánh có 4 chữ nổi: Trương Chánh Dĩ Ký thì để chữ Trương lại không dùng, bảo ăn cho hết, em lắc đầu nói: "Đó là họ của mẫu thân, không nên ăn!". Hạnh hiếu thuận của đồng tử phát xuất từ thiên tánh, đại để là như thế.

Nghiêu Niên kính tin ngôi Tam Bảo, thường khuyên dạy cho đồng tử hiểu mấy chi tiết về môn Tịnh Độ như:

- Niệm hồng danh đức A Di Đà sẽ được sanh về Tây Phương.

- Cõi Cực Lạc trang nghiêm ra sao?

- Nghi thức niệm Phật như thế nào?

Khi chăm chú nghe xong, em liền im lặng tỏ vẻ tôn sùng cảm động. Từ đó về sau mỗi ngày đồng tử đều lễ Phật trì niệm không thiếu sót. Tuy còn bé, Bảo Trị có thể tụng chú Quán Âm, xưng danh hiệu đức Thích Ca Mâu Ni và Tây Phương Tam Thánh. Tiếng của em thành khẩn trong trẻo rõ ràng, tràng chuỗi thường chẳng rời tay, khi nằm ngủ cũng không buông bỏ. Sau bữa cơm tối, như cha mẹ có việc chưa kịp lên Phật đường trì niệm, đồng tử liền đến níu áo mời thỉnh thôi thúc song thân mau đi niệm Phật. Mẫu thân dạy bảo đừng nên giết hại vì chúng sanh đều ham sống sợ chết, giết nó là bất nhơn, lại mang khổ báo. Do đó mỗi khi lên ngôi ăn, đồng tử liền chỉ vào hỏi: "Món này có phải là sát sanh không?". Sau khi bảo rõ từng món đều toàn đồ chay, em mới vui vẻ ngồi ăn. Mỗi bước đi, em rất lưu ý tránh loài trùng kiến, thấy người nhà bố thí giúp cho hạng già cả ăn xin liền lộ sắc vui mừng, lại thường ưa chấp tay chiêm ngưỡng tượng Phật.

Mùa hạ năm Bính Dần, Nghiêu Niên dẫn con đi lễ Phật nơi chùa Cực Lạc. Bảo Trị chiêm ngưỡng khắp

các tôn tượng dường như có vẻ cảm động, gập chur tăng tụng kinh lại hoan hỷ lắng nghe, lưu luyến không muốn rời đi. Đứa em bé của đồng tử chết non, có người nói: "Em con đi đâu rồi?". Đáp: "Em sanh về cõi Cực Lạc!". Kế lại nói tiếp: "Bảo Trị cũng muốn đi theo nữa!". Ông nội nghe nói la rầy, nhưng đồng tử vẫn bảo: "Chẳng bao lâu con cũng sẽ đi!". Lời này dường như phát xuất từ tánh linh dự biết trước.

Buổi chiều tối ngày 26 tháng 6 năm ấy, Bảo Trị bỗng cảm bệnh ói mửa, không nói điều chi khác, chỉ kêu: "Con đi đây! Con đi đây!". Người nhà vây quanh niệm Phật, đồng tử cũng chấp tay niệm và nói: "Phải niệm to tiếng, niệm Phật cho nhiều!". Hôm sau hơi thở em yếu dần, thần sắc đổi khác. Nghiêu Niên thỉnh tượng Di Đà tiếp dẫn để trước mặt, rồi an ủi khuyên con chí tâm niệm Phật. Đồng tử đáp tiếng rất nhỏ tỏ ý vâng lời, đoạn mỉm cười nằm nghiêng bên mặt hướng về tôn tượng. Người nhà vẫn tiếp tục luân phiên trợ niệm.

Độ hơn 4 giờ chiều ngày 27, Bảo Trị an nhiên vãng sanh. Đến tối đánh đầu của em vẫn còn nóng ấm. Mọi người đều nghe mùi hương lạ thơm ngát đầy nhà. Bảy giờ đồng tử mới chỉ được 4 tuổi. Mục kích cảnh tượng ấy, từ đó về sau Nghiêu Niên càng thêm lòng tin tưởng, chuyên tu Tịnh Độ pháp môn.

VƯƠNG DI THIỆN

Cư sĩ Vương Di Thiện, tự Tích Hiên, pháp danh Liên Đài, người ở huyện Thiệu tỉnh Triết Giang. Tánh ông thuần hậu chân thật, sớm đem việc nhà giao phó cho con để chuyên tâm niệm Phật. Ông hành trì theo pháp môn Tịnh Độ như thế, gần suốt ba mươi năm.

Tháng bảy năm Bính Dần (1926) thời Dân Quốc, Di Thiện vướng chứng cảm nhẹ. Ban sơ ông chẳng để tâm nhưng bệnh dây dưa đến ngày mùng năm tháng chín, bỗng trở nên nguy kịch. Di Thiện có ý lo, bảo thỉnh tám liên hữu trong đoàn trợ niệm luân phiên đến nhà xưng hồng danh Phật gần bên giường. Ông cũng sẽ động môi giữ pháp Kim Cang trì niệm theo, thần ý rất thanh sáng, ứng đối như thường, chỉ nói: "Lần bệnh này chắc không qua khỏi, nhưng tôi tuyệt nhiên chẳng sợ chết. Duy phiền các vị gắng trợ niệm để giúp cho mau được vãng sanh, nơi tâm nguyện đã đầy đủ!". Trước tiên lúc mới bệnh, ông nằm mơ hai lần thấy đức Quán Thế Âm hiện thân, song chưa nói ra. Tới khi đau nặng lại thấy nữa. Trong giấc mơ, Di Thiện ai cầu Bồ Tát sớm đến tiếp dẫn. Đại Sĩ an ủi bảo: "Người có thể vãng sanh, nhưng công hạnh còn kém ít, sau khi về Tây Phương phải tu thêm. Chờ tới thời, ta sẽ đến tiếp dẫn!". Kế đó ông mộng thấy đóa hoa sen

xanh còn non nhỏ, nên nhứt tâm niệm Phật không xen hở. Tới đêm mùng mười, bệnh chuyển nguy, lại mơ thấy sen xanh đổi thành đóa kim liên rất to lớn. Lúc tỉnh giấc, trong lòng có phần an ủi. Nửa đêm ấy, Di Thiện mấy lần hỏi trời sáng chưa, và nói: "Ngày mai tôi sẽ vãng sanh, xin cho mời Liên Hàng cư sĩ tới đây để được gặp mặt lần chót!". Sáng ra người nhà liền gọi điện thoại mời, gần trưa Liên Hàng mới đến thì thấy các bạn đồng tu đang vây quanh giường niệm Phật. Cư sĩ lại gần giường bệnh nói: "Tôi tới đây trợ niệm, liên hữu nên nhứt tâm trì danh để được chánh niệm vãng sanh!". Di Thiện tuy nghe song chẳng đáp được, chỉ sẽ gật đầu. Bảy giờ thân nhân đã dự bị tắm gội thay y phục mới và mặc áo tràng cho ông hoàn tất. Người xung quanh chỉ thấy ông động môi thầm niệm Phật, hơi thở vẫn điều hòa không vội gáp. Giây phút lại có cư sĩ Đơn Thích Chi đến, đánh khánh cùng cao tiếng trợ niệm.

Trải độ nửa giờ sau, hơi thở của Di Thiện yếu dần, gương mặt hiện ra sắc vui tươi. Lúc ấy người nhà lớn nhỏ đều đứng xung quanh cầm hương đồng niệm. Một đứa cháu trai mới chín tuổi cũng tay mặt cầm hương, tay trái để nơi ngực cao tiếng niệm Phật, lại trải qua nửa giờ, ông mới lặng lẽ tắt

hơi như vào thiên định, yên ổn mà vắng sanh. Hai giờ sau đánh đầu còn nóng. Ông thọ được bảy mươi bốn tuổi.

LẠI TƯỜNG LÂN

Lại Tường Lân, người thời Dân Quốc, ở huyện Hưng Quốc tỉnh Giang Tây. Ông bẫm tánh chất phác quê mùa, trọn đời làm nghề nông, ăn mặc đơn giản, không tham cầu danh lợi. Đến hơn 60 tuổi, đưa con trai duy nhất mãn phần. Tường Lân phải nhọc nhằn canh tác để bảo đảm sự sống cho dâu và cháu nội.

Trong khoảng tuổi già, lại gặp cảnh khổ, ông sanh niệm nhằm chán cõi trần, hằng mong tìm đường giải thoát. Được người cháu họ là cư sĩ Lại Thiên Dung thường giảng cho nghe về pháp môn Tịnh Độ, ông phát tâm ăn chay trường và niệm Phật, chuyên chí cầu vắng sanh. Nhưng vì bình thời ưa thích uống rượu để mua vui giải muộn, nên phần tửu giới Tường Lân còn chưa giữ được. Lại Thiên Dung đến chơi, nhiều lần khuyên giải về sự lỗi lầm họa hại của nghiệp rượu, ông tỉnh ngộ nguyện gắng sức răn chừa. Ban sơ khi mới kiêng rượu, Tường Lân cảm thấy thân mình tay chân ngứa ngáy khó chịu, trong người rã rời mỗi mệ. Do sự lập tâm kiên quyết, nên lần lần trạng thái ấy dứt hẳn, thân thể khỏe mạnh, thần chí thanh sáng, công phu niệm Phật càng tinh cần. Lâu ngày sức niệm thuần thực, tuy làm việc có khi từ sáng đến tối, mà sự trì niệm của

Tường Lâm vẫn không gián đoạn. Người trong thôn áp gặp mặt ông đều niệm Phật chào gọi, ông cũng đáp: "A Di Đà Phật".

Đầu tháng 8 năm Dân Quốc thứ 18, Tường Lâm cảm bệnh, hai chân phù thũng, đi đứng có vẻ khó khăn. Vài giờ trước khi thọ chung, ông bảo đưa cháu nội đặt bàn hương về Tây dâng hương cúng lễ, và nói: "Cảnh Tây Phương rất đẹp, cháu hãy nhìn xem hoa sen nở thật nhiều! Ngày hôm nay ông sẽ về thế giới Cực Lạc". Đứa cháu nói: "Hai chân ông bị sưng, làm sao đi được?". Tường Lâm đáp: "Tâm đi chứ không phải thân đi!". Quả nhiên trời vừa xế bóng, lúc đứa cháu đang đốt hương dâng thêm, ông ngồi xây mặt về Tây niệm Phật mà vãng sanh. Trong đám tang có sư Phổ Minh và cư sĩ Thiên Dung đến tham dự. Người hàng xóm nghe tin đều khen ngợi, tề tựu đông đảo. Ông thọ được 70 tuổi.

TÀO VÂN TÔN

Cư sĩ Tào Vân Tôn pháp danh Liễu Nghĩa, người ở huyện Cửu Giang, tỉnh Giang Tây. Ông nhà nghèo, sanh nhai bằng nghề buôn bán, tánh hiếu thuận, ưa bố thí làm lành. Vì thuở bé mồ côi bị thất học, nên lúc gia tư đã hơi khá, ông xuất tiền xây cất trường học, rước thầy dạy dỗ để giúp trẻ em trong vùng.

Thân mẫu ông là Đàm thị tin Phật, từng phát nguyện triều lễ chùa núi Phổ Đà và Cửu Hoa, song chưa kịp đi mà đã tạ thế. Vì muốn làm tròn tâm nguyện

của mẹ, nên vào tháng hai năm Quý Mão thời Quang Chử nhà Thanh, Vân Tôn sắm cúng phẩm đi triều lễ thánh tích núi Cửu Hoa. Xong việc đó, kế tiếp lại triều lễ non Phổ Đà. Khi đổ thuyền lên bộ, đến rừng Tử Trúc Lâm, ông thấy mẫu thân ngồi nghiêm nhiên nơi trong, liền mừng rỡ kêu gọi chạy vội đến, bỗng hình tượng chợt tan biến. Ông bi cảm đứng thương khóc. Một vị tăng ở trong chùa, thấy thế làm lạ bước ra thăm hỏi. Sau khi biết được nguyên do, tăng sĩ bảo: "Đó là đức Quán Thế Âm Bồ Tát hóa thân để an ủi lòng hiếu cảm của ông. Thế thì việc hoàn nguyện thay cho mẹ của ông, đã được ngài chứng giám!". Sau khi lễ điện Lạc Già xong xuống thuyền trở về, Vân Tôn thấy trên mặt biển nổi hiện đóa hoa sen ngàn cánh. Trên hoa có đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi kiết già, tướng tốt trang nghiêm kỳ diệu. Mục kích cảnh tượng, ông mừng thương lẫn lộn, sanh lòng tin rất thiết sâu.

Về sau, khi được gần gũi Ấn Quang pháp sư, Vân Tôn mới biết pháp môn Niệm Phật. Ông từng đến chùa Lô Sơn ở huyện Cửu Giang, cùng các chùa khác tổ chức những kỳ Phật thất và đề xướng pháp môn Tịnh Độ. Mùa hạ năm Quý Sửu ông xả cúng nhà ở sửa sang lại thành ngôi Niệm Phật Lâm. Đến mùa hạ, năm Kỷ Ty, lại kết lập hội Đông Lâm Liên Xã, lấy nơi đây làm trụ sở. Vân Tôn cùng với vị sư trụ trì ký vào quy ước đem trú xứ này cúng dường cho mười phương Tăng,

mở đón tiếp chúng các nơi, tự ông đảm nhiệm chịu phần kinh phí. Qua cuối đông lại trừ định cất ngôi điện các thờ thánh tượng đức Văn Thù. Khi vật liệu xây cất như ngói gạch, gỗ đá vừa đầy đủ, tượng cũng đã thỉnh về, thì ông lâm bệnh.

Sang xuân Canh Ngọ, vào ngày mười chín tháng hai, nhằm lễ vía đức Quán Thế Âm, Vân Tôn mời các vị cư sĩ tập họp lại và nói: "Văn Thù Bồ Tát đã hứa ba hôm sau sẽ đến rước tôi về cõi Cực Lạc, xin mời chư vị đúng kỳ hạn đến trợ niệm để đưa nhau lần cuối cùng!". Các cư sĩ nghe nói lấy làm kinh lạ. Trước khi lâm chung, ông gọi con trai lớn là Thiên Chương, nấu nước cho mình tắm gội và thay y phục mới sạch. Xong mọi việc, ông lại phú chúc bảo: "Thời kỳ vãng sanh của cha đã đến không thể lưu lại được. Mọi sự kiện nơi Đông Lâm Liên Xã cùng việc kiến tạo điện các đức Văn Thù, con phải nối chí duy trì và hoàn thành chớ nên trễ sót!". Nói xong ngõ lời già biệt các liên hữu, ngồi kiết già ngay ngắn và cầm chuỗi niệm Phật giây lát, rồi mãn phần giữa tiếng xung niệm hồng danh của đại chúng.

Bảy giờ nhằm tiết Xuân phân năm Dân Quốc thứ mười chín (1930). Ông thọ được sáu mươi ba tuổi.

TRẦN SÂM HIÊN

Trần Sâm Hiên, người huyện Trấn Hải tỉnh Triết Giang, làm nghề buôn bán, từng thành lập công ty tàu

đò Nguyên Ích đưa rước hành khách ở bên Hộ. Ông rất tin Phật pháp, tánh khoan hòa ưa bố thí.

Khi có người đến cầu giúp đỡ, liền sốt sắng xuất tiền của không lộ nét khó khăn. Vì sự cứu tế lợi sanh, lắm khi mang nợ cũng chẳng lấy làm hối tiếc.

Một đêm Sầm Hiên mộng thấy đạo chơi nơi pháp hội, chợt nhẹ nhàng bay lên hư không, phút chốc đã đến trước Phật. Đức A Di Đà bảo: "Mạng số của ngươi vẫn còn mười năm. Nhưng vì e ngươi bị trần lụy làm mê, nên ta dùng thần lực rút ngắn tuổi thọ và đưa ngươi tới đây để nhắc nhở. Vậy phải gắng tinh tấn chớ nên biếng trễ!". Ông nghe xong bỗng tỉnh giấc. Từ đó Sầm Hiên dụng công niệm Phật rất chuyên thiết, chẳng kể ngày đêm. Mùa hạ năm sau, trước khi xả báo thân, ông cảm bệnh nhẹ, gọi gia nhơn bảo: "Phật đến rước tôi!". Rồi mỉm cười mà qua đời. Lúc bấy giờ khí hậu nóng bức, đình thi mấy ngày mà không có mùi hôi, đầy nhà thơm ngát hương lạ. Mặt ông hiện kim sắc, thân thái y như sống, đánh đầu nóng đến ba ngày sau.

Bấy giờ nhằm năm Dân Quốc thứ mười chín.

VƯỜN THƠ TỊNH ĐỘ

I

Xem khắp kinh văn với luật nghi
Nơi nơi đều khuyến niệm A Di!
Một câu tiêu hết muôn đời nghiệp

Hà huông nhiều năm mãi tụng trì?

II

Song trắng, trà cúc, cảnh nhàn tu
Ngày tháng năm qua với số châu
Mười ngón lần tràng không rảnh rồi
Phù sinh dám để phí công phu.

III

Thiện Đạo tiếc than nay đã khuất!
Thiếu Khang vắng bóng đại từ bi!
Đem tiền dụ trẻ từng câu Phật
Trai gái đều khuyên khắp tụng trì.

IV

Di Đà sáu chữ phỉ bình sanh
Mỗi tối trì vang ước mấy canh
Đôi bóng nghĩ thương ngoài thế cuộc!
Dưới trăng, trước gió lại kinh hành.

V

Hàng cây, ao báu, nhạc thanh hòa
Đôi bên cầu vàng lại nổi qua
Chợt thấy hóa sanh tân Phật tử
Sen hồng nở cánh, tiếng chim ca!

Bắc Sơn đại sư

VI

Tây Phương Cực Lạc chúng đều tôn
Khuyên khắp người đời học diệu môn
Có miệng bót duyên trò chuyện nhằm
Một câu Phật hiệu độ thần hôn.

Nhất Nguyên đại sư

VII

Chuỗi hạt một tràng đen nhánh nhánh
Như Lai ngang đáng hiện đoàn đoàn
Xoay vắn tịnh niệm theo nhau mãi
Thâu lại buông ra chỉ một ban.

Cổ Âm pháp sư

VIII

Sáu chữ chân kinh nghĩa rộng xa
Tổng trì nào khác kệ đà đà?
Những từ nhắm lối Tây Phương thẳng
Giết hết Đài Sơn chỉ lộ bà. (1)

Liên Trì đại sư

(1) **Đài Sơn chỉ lộ bà** : Bà lão chỉ đường đi non Ngũ Đài. Sự tích đại lược như sau: Một thiền sư đi Ngũ Đài sơn, giữa đường gặp bà lão nơi quán trà, hỏi: “Thưa bà, đường nào đến non Ngũ Đài để lễ đức Văn Thù?”. Bà lão một bậc phi thường bảo: “Cứ nhìn lối thẳng mà đi!”. Thiền sư không hiểu đó là cơ ngữ khai thị về tự tánh, nghe xong cứ mặc nhiên lầm lũi tiến bước. Bà lão quả to: “Ủa? Khéo cho vị sư này!”. Trong đây, ý Ngài Liên trì muốn nói: Niệm Phật chính là Vô Thượng thiền, những cái không chỉ đường, hay

chỉ đường như lão bà, đều giết bỏ hết: tức là thể nhập chân tâm, diệt các ý niệm đó. Ngay lúc bà lão nói, nếu ở vào trường hợp của đại sư, có lẽ ngài đáp lại bằng một tiếng hét.

IX

Đời mạt tình người hiểm đáng kinh!
Di Đà sáu chữ chớ xem khinh
Một lòng niệm đến quên thân cảnh
Bất giác thần chơi tựa các quỳnh!

X

Một muôn câu Phật giữ thường quy
Mỗi tối sơ canh lại tụng trì
Gối mộng có cầu sang Cực Lạc
Thân này đã tựa bích liên chi!
Cư sĩ Trầm Lăng Thanh

DIỆP CỬU THÀNH

Cư sĩ Diệp Cửu Thành pháp danh Huệ Cơ, người huyện Dư Dao tỉnh Triết Giang, ông từng theo cha đi đó đây tập nghề buôn bán từ thuở nhỏ. Sau khi thân phụ từ trần, Cửu Thành thu dọn công việc trở về quê nhà an dưỡng. Trong sự giao tế, ông được tiếng khen là người tinh tường sáng lẽ.

Trên bước đường học Phật, trước tiên Cửu Thành được cư sĩ Hà Mai Sơn trao tặng cho quyển Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Sau khi xem xong, ông phát lòng tin, gia nhập vào Phật học hội ở Dư Dao. Lâu ngày được Hà cư sĩ và các bạn đồng tu nhắc nhở, lòng tin nguyện của ông càng thêm bền chắc. Thời bấy giờ hàng phụ nữ địa phương này còn tập quán mê tín, nghĩ rằng niệm một câu Phật sẽ được phước báu một đồng tiền. Cửu Thành cùng cháu là cư sĩ Chiêu Không thường giảng diễn hết sức giải thích điều sai lầm ấy. Do đó nữ chúng ở Dư Dao mới biết sự lợi ích niệm Phật được sanh về Tây Phương, nên tu Tịnh Độ mỗi ngày càng thêm đông. Kế tiếp nhân các cư sĩ thỉnh Tịnh Quyền pháp sư đến Phật học hội giảng về kinh điển đại thừa, Cửu Thành hiểu biết càng sâu rộng thêm, tin chắc cõi Tây Phương quả thật có, cảnh ngũ trược dễ chìm mê, lòng ưa chán lại thâm thiết hơn. Mỗi buổi sáng ông đều thức dậy sớm trì niệm, sự tu tập hàng ngày đều có định khóa. Đối với việc giới sát phóng sanh, ông tuân hành rất cẩn mật.

Mùa hạ năm Đinh Mão thời Dân Quốc, Cửu Thành mới chánh thức thọ Tam quy với Bảo Tịnh pháp sư. Đến năm Canh Ngọ, nhằm ngày vía Địa Tạng lại thọ thêm Ngũ giới. Sang tháng chín ông bị bệnh hạ lỵ thuốc thang điều trị không công hiệu, liền quyết ý gác bỏ muôn duyên, ở riêng trong một gian tịnh thất chuyên tâm tinh tấn niệm Phật. Đêm mười chín tháng ấy, trong

khi tịnh niệm, Cửa Thành bỗng thấy cảnh giới Cực Lạc màu đẹp trang nghiêm, hiện ra tỏ rõ. Giây lâu thẳng tướng mới ần, song ánh sáng vẫn còn rạng rỡ trước mắt. Cách vài đêm sau lại trông thấy nữa. Lúc đó bệnh trở nặng, ông tự biết mình không qua khỏi. Các liên hữu cùng Chiêu Không cư sĩ đến viếng thăm, an ủi sách tấn. Cửa Thành nói: "Mỗi ngày tôi đều cầu Quán Thế Âm Bồ Tát gia bị cho nghiệp chướng mau tiêu trừ, tịnh duyên sớm thành tựu!".

Vài hôm sau, ông gọi hai con trai lại dặn dò hậu sự, dạy thỉnh các bạn đồng tu mỗi ngày đến trợ niệm. Lại bảo vợ rằng: "Từ giờ phút này, tôi chỉ để tâm cầu Phật tiếp dẫn. Khi tôi sắp mãn phần, đừng cho dâu con lại gần, vì e chướng ngại đến sự vãng sanh!". Đêm trước khi lâm chung, hai cư sĩ Hà và Lý hướng dẫn đoàn liên hữu trợ niệm. Cửa Thành vẫn theo đại chúng thâm trì danh niệm Phật. Bảy giờ sáng hôm sau, Hà cư sĩ thấy sắc mặt ông hơi đổi khác, liền cảnh giác rằng: "Thời khắc này rất khẩn yếu, phải nên gắng sức!". Đại chúng đều đứng vây quanh to tiếng niệm Phật, Cửa Thành sẽ động môi thâm niệm theo. Độ mười lăm phút sau, thấy môi miệng chẳng còn máy động, một liên hữu sẽ dò thăm, thì ông đã tắt hơi. Bảy giờ nhằm ngày hai mươi một tháng mười một, năm Dân Quốc thứ mười chín. Ông hưởng dương được năm mươi lăm tuổi.

Lời bình:

Kinh nói: "Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng đến khắp mười phương nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật!". Cho nên nếu kẻ nào chí tâm thanh tịnh niệm hồng danh A Di Đà, do duyên cơ cảm sẽ thấy ánh sáng đó, và cũng nương theo quang minh ấy mà được thấy Phật hoặc cõi Tịnh Độ. Sự mục kích ánh sáng và cảnh Tây Phương của Diệp Cửu Thành, chứng tỏ cõi Cực Lạc có thật, không phải là lời thí dụ, hoặc cõi phương tiện giả lập để khuyến dẫn người tu.

PHAN TRINH QUẾ

Phan Trinh Quế, người huyện Tế Ninh, tỉnh Sơn Đông. Ông nhà nghèo, lúc thiếu thời thường theo bọn vô loại kéo bè lũ ăn chơi, tung hoành phá rối khắp trong vùng ấy.

Trong khoảng hai năm Canh Thân, Tân Dậu thời Dân Quốc, nhân cư sĩ Phan Đối Phù đi quyên tiền xây cất chùa Tịnh Cư ở Tế Nam, Trinh Quế nghe giảng nói pháp môn Tịnh Độ, liền một lòng quy hướng. Kế được xem quyển Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, ông sửa đổi tâm hạnh, trường trai giới sát, gắng sức làm lành và tùy phương tiện giúp đỡ người. Trước kia ngày nào cũng say sưa, nhưng từ khi ăn năn cải hối, một giọt rượu cũng không thấm vào môi. Mỗi ngày ông đều quý niệm Phật một cây hương, lấy đó làm thường khóa. Bảy giờ gặp lúc bệnh hoạn, thấy cảnh khổ do nghiệp sát diễn ra

rất thâm, mỗi khi trì tụng ông đều quý sám hối tiên thiên, lệ rơi theo tiếng.

Mùa đông năm nọ, Trinh Quế cảm thấy sức khỏe kém dần, trong người thường đau nhức mỗi nhọc. Dây dưa đến tháng ba năm sau bệnh tăng nguy kịch. Song ông cũng cố gắng giữ câu Phật hiệu, căn dặn người nhà, đừng rối động lo thương, làm cho mình mất chánh niệm. Một hôm, ông bỗng tự nói: "Vừa rồi, có hai vị đồng tử tướng mạo thanh đẹp hiện đến trước mặt, thốt lời khen ngợi, rồi lấy tay xoa nơi đầu tôi!". Lại một ngày, Trinh Quế bảo vợ: "Mau nấu nước cho tôi tắm gội và đem y phục mới để thay đổi, vì tôi sắp ra mắt Tây Phương Tam Thánh". Xong mọi việc, vừa ngồi lại giường, ông bỗng nói: "Tây Phương Tam Thánh đã quang lâm đến!". Rồi thôi thúc đôi ba phen, bảo vợ mau đốt hương. Kế đó chấp tay bảo: "Tôi quyết định được sanh về Cực Lạc!". Nói xong liền mất phần. Lúc ấy ông vừa được 40 tuổi.

ÂU DƯƠNG TRỤ

Âu Dương Trụ tự Thạch Chi, hiệu Liễu Nhứt cư sĩ, người ở phủ Tân Hội, tỉnh Quảng Đông. Buồi thiếu thời ông học Nho, chủ trương việc thay đổi pháp chế cho nước giàu dân mạnh, hằng lấy điều này làm chí hướng. Sau thấy nền chánh trị nhà Thanh càng lúc càng rối bời không cương kỷ, biết chẳng thể làm chi được,

nên lòng nguội lạnh đối với việc quốc gia, theo Dương Nhân Sơn cư sĩ học Phật.

Sau khi quy y Tam Bảo, ông hướng về Tịnh Độ, mỗi ngày hằng niệm hồng danh Phật, kiêm tu môn quán thứ 13 trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Thạch Chi có lập một khu tiểu viên nơi trấn Long Hoa tại Thượng Hải, thường đóng cửa để tu niệm. Lâu ngày pháp quán thành, lúc nhắm hay mở mắt đều thấy thảng tướng hiển hiện. Do đó ông cực lực đề xướng môn tu của mình, khi luận biện thường cao hứng vỗ bàn, vẻ mừng rỡ lộ ra nét mặt dường như cho rằng tất cả việc đáng quý thuộc thế gian và xuất thế gian, không chi hơn Tịnh Độ. Thái độ thành khẩn ấy đã cảm được nhiều người hưởng ứng niệm Phật cầu vãng sanh. Mẹ của Thạch Chi là Châu Thái nghi như giữ tiết thanh trinh, sương cư đã mấy mươi năm, lúc tuổi già do ông khuyến tấn, cũng tu trì không xen hở.

Vào niên hiệu Tuyên Thống năm đầu, Âu Dương Trụ ngồi niệm Phật rồi lặng lẽ qua đời. Khi lâm chung cảm hiện điềm lạnh rất nhiều. Tập sách nhỏ Quyết Định Sanh Tây Phương Nhứt Khóa của ông viết ra được lưu hành rất rộng. Ông rất chú ý đến việc giới sát hộ sanh. Muốn cho mọi người bớt nghiệp sát, hướng về đạo Phật, ông cùng các đồng bạn nghiên cứu cách nấu chay đủ tánh chất vừa bổ dưỡng vừa ngon miệng, rồi viết sách quảng bá khắp nơi. Để chứng minh điều ấy, Thạch Chi còn lập một tiệm cơm chay tại Thượng Hải,

lấy tên là Công Đức Lâm, được hàng nhân sĩ trong và ngoài nước tán thưởng. Từ đó phong trào ăn chay và lập các tiệm cơm gọi là Tổ Thực Quán, lần lượt nổi lên khắp các thành phố lớn trong nước. Công đức lợi sanh của ông thật sâu rộng.

Trước khi lâm chung, Thạch Chi cảm bệnh nhẹ, mỗi ngày chỉ niệm Phật không một lời đề cập đến việc nhà. Có người hỏi: Phải sắp xếp gia sự như thế nào? Ông ngẫu nhiên đáp thành lời kệ:

Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn, bọt, bóng
Duy niệm Phật sanh Tây
Mới là điều chân thật!
Quản chi đến việc trần
Mặc thanh, suy, được, mất!

Khi sắp mãn phần, trạng mạo của ông cực an lành, không lộ một nét thống khổ, chỉ sẽ động môi thâm niệm Phật cho đến lúc tắt hơi mới thôi. Mấy giờ sau khi thọ chung, đánh đầu hãh còn nóng. Ba hôm sau mới đại liệt, tay chân ông vẫn mềm dịu, gương mặt tươi tắn lộ sắc sáng nhuận. Đến ngày thứ 7, nơi gian lâu của Thạch Chi thường tu tịnh khóa, bỗng có một vàng khói sáng trắng như mây tỏa mùi thơm bát ngát, bay xung quanh rồi lan rộng ra, hơn một giờ mới tan. Khi đó trong nhà không có ai đốt hương cả. Gia nhon cùng những người phúng điệu đến gần linh cữu của ông, ai nấy đều nghe mùi hương lạ thơm sực nức. Lúc

sanh thời, bà vợ Thạch Chi hỏi rằng: "Trọn ngày ông chăm chăm tu tịnh nghiệp, có chi để làm bằng chứng chẳng?". Ông đáp: "Ngày sau tôi vãng sanh, sẽ phóng mây hương cho bà biết tin tức!". Ban sơ người vợ chỉ nghĩ là lời nói cho qua, đến bây giờ mới biết quả có ứng nghiệm.

TRẦN TÁNH LƯƠNG

Trần Tánh Lương tự Tích Châu, quê ở huyện Vô Vi, tỉnh An Huy. Ông là người thuộc giới thương chánh, tuổi trung niên mới sanh được một đứa con trai đặt tên là Thiện Thọ, bẩm sinh tánh khá thông minh, nhưng chẳng may lại yếu số vào lúc mười bốn tuổi. Tánh Lương tự nghĩ mình xưa nay giữ lòng nhân hậu thường làm điều phước đức, tại sao lại tuyệt tự, nên đối với việc nhân quả báo ứng hoàn toàn không tin. Bà bạn kế phối là Hồ phu nhân tánh hiền lành rất tin Phật pháp, biết mỗi chấp của chồng không thể giải thích, chỉ gắng sức âm thầm tu trì, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm để cầu tự. Không bao lâu cô có thai, nhưng lúc sắp sanh bỗng vương nạn. Trong vòng hai mươi chín ngày, cô không thể ăn uống nói năng hoặc day trở, mình nóng hực như lửa, thân gầy tọ củi khô. Các hàng danh y Trung, Tây đều bó tay, tuyệt không còn hy vọng cứu sống.

Một đêm Hồ thị nằm mơ thấy bà lão cầm cành hoa sen cọng dài, phát từ đầu đến chân bảo: "Do túc nghiệp

người mới vương trọng bịnh, song cũng may nhờ biết tu niệm chí thành. Nay ta quét trừ nghiệp chướng và cho người một đứa con tốt!". Lúc đó cô cảm thấy thân tâm mát mẻ, kinh lạ vui mừng chợt tỉnh, thì bịnh dường như tan biến đâu mất, xuống giường đi lại như thường. Sáng ra liền sanh được một đứa con trai nặng cân khỏe mạnh, tướng mạo phương phi tốt đẹp. Sự kiện khác thường này làm cho Tánh Lương rất kinh ngạc! Nhưng sau khi hỏi han và nghe vợ thuật lại mọi chi tiết, ông mới tin sự lý nhân quả trong ba đời đều chân thật không phải hư vô. Nơi thâm tâm, ông rất cảm ơn đức từ bi rộng lớn của chư Phật, Bồ Tát. Từ đó vợ chồng cùng trường trai niệm Phật, quyết ý tu trì, cứu giúp người nghèo khổ hoạn nạn, cất chùa trai tăng, tất cả việc lành đều gắng hết sức tu hành. Biết việc Hồ thị dứt bịnh sanh con, chính do đức Quán Thế Âm cứu độ, nên Tánh Lương thường đến chùa núi Phổ Đà triều lễ Đại Sĩ. Vợ chồng đều quy y với Ấn Quang pháp sư, Trần Tánh Lương pháp danh là Liễu Viên, và vợ Hồ thị pháp danh là Liễu Thường. Khoảng Dân Quốc năm đầu, các chùa nơi núi Phổ Đà đều khiếm lương thực, và toàn vùng bị chánh phủ trưng dụng cho kiều dân người Đức ở. Tánh Lương bôn tẩu nhờ các bạn trong hàng quan liêu giúp đỡ can thiệp, nên kết cuộc nạn khỏi tai qua. Cư sĩ lại tự xuất của trùng tu tháp Đa Bảo và làm các Phật sự xây cất lại bản sơn để báo ân Tam Bảo.

Niên hiệu Dân Quốc thứ chín, vợ chồng và con cái năm người cùng thọ giới Bồ Tát nơi chùa Pháp Nguyên tại Bắc Kinh. Ba năm sau, Liễu Thường bỗng lâm bệnh. Vào ngày hai mươi tám tháng hai, đúng đang niệm Phật, cô bỗng thấy hai vị đồng tử cầm tràng phan có bốn chữ: "Tây Phương Tiếp Dẫn". Biết là điềm sắp vãng sanh, cô nhờ chồng thỉnh bốn vị tăng đến nhà giúp sám hối niệm Phật. Tới ngày hai mươi tám tháng sau, bệnh được an lành. Nhưng sang thượng tuần tháng tư, Liễu Thường lại thấy trong người không khỏe, tự biết quy kỳ sắp đến, liền một lòng niệm Phật cầu sớm vãng sanh. Vào bữa mừng năm, Tánh Lương thỉnh chư tăng đến nhà, bảo người trong gia thuộc hợp cùng đại chúng luân phiên trợ niệm cho ngày đêm tiếng Phật không dứt. Liễu Thường cũng thâm trì niệm theo. Sáng ngày mừng sáu cô bảo người nhà nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Đoạn cố gắng đến trước bàn Phật niệm hương lễ bái, rồi nhờ xây giường để mình nằm nghiêng bên hữu day mặt về hướng Tây. Khi nằm yên xong, cô chuyên tâm niệm Phật cho đến giờ Hợi, bỗng chợt ngồi dậy chấp tay nói: "Tây Phương Tam Thánh đã đến!". Lại bảo: "Còn thiếu ba ngàn câu Phật, niệm đủ tôi sẽ đi!". Lúc đó hàng tăng tục hơn ba mươi người đều lớn tiếng niệm hồng danh. Liễu Thường cũng cao tiếng niệm theo được một lúc gương mặt lộ nét tươi cười rạng rỡ mà qua đời. Khi ấy trong nhà bay thoảng

mùi hương lạ. Giờ Ngọ hôm sau nhập liệm, đánh đầu cô vẫn nóng, tay chân mềm dịu, hơi thơm hấy còn.

Khi Thiên Thọ, đưa con trai đầu lòng yếu số, vì gấp cầu tự, Tánh Lương cưới thêm cô thiếp là Sa thị mới mười bảy tuổi. Về nhà chồng được mấy năm cô nhờ sự huấn luyện, cũng khởi lòng tin chân chánh, quy y với Ân Quang pháp sư, pháp danh là Liễu Từ. Từ đó Sa thị giữ chắc năm giới, trường trai niệm Phật. Về sau Liễu Từ đau dây dưa mãi không lành, nằm trên giường bệnh suốt hai năm. Song lòng tín nguyện bền chắc, cô vẫn không rời câu niệm Phật. Ngày rằm tháng hai năm Dân Quốc thứ mười chín, nhằm lễ vía đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, cả gia đình cùng thỉnh chư tăng tập họp tại nhà, tu Đại Bi Sám Pháp. Vừa đến ngộ lễ sám xong, đưa con gái bung chén nước có trì chú Đại Bi cho Liễu Từ uống. Cô gượng ngồi dậy tay run rẩy tiếp lấy chén nước, tự nói thấy nước trong đó chao động phóng ra ánh sáng. Tánh Lương đứng một bên vội đỡ tay bung chén giùm. Lúc đó cô lại bảo thấy tay ông cầm hoa sen, e rằng thời khắc vãng sanh đã đến. Tánh Lương nghe nói liền ra ngoài thỉnh chư tăng vào phòng trợ niệm. Liễu Từ bỗng quì nơi giường cúi lạy nói: "Đức Quán Thế Âm Bồ Tát từ cõi Cực Lạc phóng quang tới chiếu sáng khắp thân mình". Tánh Lương khuyên cô nên xả bỏ tất cả, chỉ một lòng chuyên cầu Đại Sĩ tiếp dẫn. Liễu Từ vâng lời chấp tay chúc nguyện: "Con đau bệnh chịu sự thống khổ đã nhiều, cầu cho người đời sớm được

giải thoát, xa lìa bệnh khổ. Xin Bồ Tát xót thương tiếp dẫn con về cõi Cực Lạc!". Quá ngộ hai giờ, cô nói: "Bồ Tát đã quang lâm! Xin thỉnh chư tăng ra ngoài, để con lau mình thay y phục". Nhưng khi vừa thay áo, cô lại bảo: "Đức A Di Đà đã đến từ xa, đang duỗi tay phóng quang tiếp dẫn, có Vi Đà Kim Cang theo hầu hạ, xin mau thỉnh chư tăng vào trợ niệm!". Lúc đó Liễu Từ không kịp mặc áo tràng vội ngồi kiết già chấp tay liên tiếp niệm A Di Đà Phật rồi nói: "Tôi đi đây!". Đoạn liền nhắm mắt lạng lẽ vãng sanh, hai tay vẫn còn chấp nơi ngực. Khi ấy tất cả người trong nhà đều nghe dị hương bát ngát. Đến trưa hôm sau đánh đầu cô còn nóng, sắc mặt tươi tắn sáng nhuận hơn lúc sanh tiền.

Tánh Lương mục kích thê, thiếp do niệm Phật đều được điềm lành và chứng nghiệm vãng sanh một cách hiện thật, lòng tin càng thêm bền chắc. Sau khi ấy ông tu chỉnh ngôi tiền đường thờ cúng trang nghiêm như cảnh chùa am, để bảng hiệu Niệm Phật Cư Sĩ Lâm, thường tập hợp chư liên hữu lại cùng nhau tu trì sách tấn. Mùa đông năm Tân Mùi cư sĩ vương vịnh, sắm lễ thỉnh chư tăng chùa Thiên Phước đến lưu trụ tại Cư Sĩ Lâm, mỗi ngày vào phòng xưng hồng danh, để được thường nghe Phật hiệu thành tựu chánh niệm. Tới ngày mười một tháng ba năm Nhâm Thân (1932), vào lúc chánh ngộ, Tánh Lương nói: "Tôi thấy Phật, Bồ Tát tướng tốt trang nghiêm và hoa sen rất to đẹp!". Chư tăng cùng người nhà biết thời khắc Tây quy của ông đã

đến, đều họp lại phòng cao tiếng niệm Phật. Cư sĩ cũng ngồi lần chuỗi sẽ niệm theo, tới quá Ngọ hai giờ yên lặng vắng sanh.

Chiều hôm ấy cư sĩ Từ Huát Như, bạn thân của Tánh Lương, cũng là vị Lâm trưởng, nghe tin cáo phó vội cho mời đoàn liên hữu cùng đến phúng điệu. Khi phái đoàn tới nơi thì đã tám giờ tối. Chư liên hữu đều thấy Tánh Lương vẫn còn ngồi kiết già ngay thẳng, tay cầm chuỗi, gương mặt tươi tỉnh như sống. Thử dò xem thì đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu.

GIANG AM NAM

Giang Am Nam người ở Vụ Nguyên, tỉnh An Huy. Lúc lớn tuổi, do cư sĩ Giang Diệc Viên khuyên xem các kinh sách Tịnh Độ, ông mới phát lòng tín nguyện tu hành. Mỗi sớm hôm, Am Nam đều hướng dẫn hai đứa cháu nhỏ tụng kinh niệm Phật.

Đến tháng 3 năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, ông bị chứng ung thư phát bối. Ông tự biết mình không qua khỏi. Giang Am Nam càng gắng sức tinh chuyên niệm Phật. Do đó tuy bệnh nặng, cũng không cảm thấy bị quá dày vò thống khổ. Một đêm bệnh thể tăng nhiều, ông quyết xả bỏ tất cả, chuyên tâm trì niệm. Bỗng nhiên trước mắt mở hiện ra cảnh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trang nghiêm sáng đẹp không thể hình dung! Sau khi ấy, Am Nam gượng đau, viết thư gửi cho Diệc Viên, dưới đây trích phần đại khái:

"... Đệ đang bệnh nặng. Vào giờ Dần ngày 25 tháng 3, sau cơn sấm sét mưa to, trời bỗng sáng tạnh như ban ngày. Nhìn về phương Tây, đệ chợt thấy chân cảnh cõi Cực Lạc sáng rực rỡ rộng mênh mang, không biết đâu là bờ mé! Trong đó lầu các nguy nga, ao sen tươi đẹp, cây báu tháp ngọc, toàn là thất bảo trang nghiêm, nhiều cảnh lạ màu không làm sao tả xiết! Lúc ấy Phật ngồi giữa hư không bảo đệ lên tiếp kiến. Nhưng khi đệ vừa đến trước đức Thế Tôn, thì hình tướng và âm thanh của ngài bỗng xa nhỏ dần rồi tất cả chợt tan biến. Do đây, đệ càng tin chắc thế giới Cực Lạc ở Tây Phương là quả có và hiện thật..."

Từ đó Giang Am Nam càng siêng năng trì niệm. Ông lại dặn trước người nhà, khi mình sắp mất chớ thương khóc, nên đồng thanh xưng danh hiệu Phật, đợi khi thân thể hoàn toàn lạnh sẽ tấn liệt. Trong đám tang phải dùng thức chay tuyệt đối trừ bỏ rượu và đồ huyết nhục. Sang tháng 4, vào ngày 22, Giang Am Nam niệm Phật mà vãng sanh. Thân quyến lo việc trợ niệm và đám tang y theo lời di chúc.

Đồng thời cũng tại bản thôn, có người bà con của Am Nam là Giang Nhậm Thuyên, trước nay vẫn đồng tu Tịnh Độ. Năm Tân Mùi, Nhậm Thuyên cảm bệnh ngày thêm nguy kịch, song chẳng rời câu niệm Phật. Sang tháng 4 năm Nhâm Thân, vào ngày 23, ông bỗng chết ngất. Gia nhor vợ thính vài liên hữu đến trợ niệm. Không bao lâu ông tỉnh lại, nói với người xung quanh

rằng: "Vừa rồi tôi bị dẫn đưa tới Âm ty, Diêm Vương xử rằng: do túc nghiệp đáng lẽ tôi phải đọa vào loài Nga quý, song vì biết quy y Tam Bảo niệm Phật tu hành, lại nhờ sức trợ niệm của gia nhơn và các liên hữu trong 7 ngày nay, nên nghiệp báo ấy tiêu diệt, được phóng thích cho trở về". Sáng hôm sau, Nhậm Thuyên dạy các con đứng chấp tay niệm Phật. Lại bảo vợ ngồi đối trước mình, rồi chậm rãi nói rằng: "Thánh chúng ở Tây Phương đã đến tiếp dẫn, hiện còn đứng giữa hư không. Tôi xin giã biệt và nguyện trong thân quyến từ nay đồng siêng cần tu niệm để cùng gặp nhau nơi cõi Liên Bang!". Nói xong ngồi ngay thẳng mà qua đời.

LÝ QUỐC TUYỀN

Bé Lý Quốc Tuyền nguyên là con của cư sĩ Lý Tây Canh, ở huyện Miên Dương tỉnh Tứ Xuyên. Em học hành không được sáng lắm, duy có điều khi thấy cha hôm sớm tụng kinh niệm Phật thì đặc biệt chú ý, thường lên ngồi xem nghe, Tây Canh vẫn để nguyên không ngăn cấm. Đồng tử cũng chẳng đợi cha dạy bảo, tự động tập lễ bái tụng niệm theo. Không bao lâu, em thuộc lòng chú Đại Bi. Từ đó mỗi buổi trưa đi học về, Quốc Tuyền đều đến trước bàn Tam Bảo lễ ba lạy, ngồi tụng chú Đại Bi ba biến, niệm Phật độ hơn trăm câu rồi mới xuống ăn cơm.

Mùa xuân năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, đồng tử theo ông nội đi du ngoạn danh lam thắng cảnh. Em

thường nhìn về phương Tây, hỏi ông rằng: "Núi Côn Lôn ở đâu? Cõi Cực Lạc cách đây bao xa?". Khi trở về nhà, một hôm lại đem câu kệ trong kinh Đại thừa hỏi cha, xin giải thích.

Ngày mừng hai tháng trọng hạ năm ấy, Quốc Tuyên bỗng vương chứng bệnh nóng lạnh nhức đầu, mấy phen điều trị không công hiệu. Đến ngày 12, em đòi ăn hạt sen tươi. Sáng sớm 13, có người bà con đem ba cành hoa sen và ba cái gương sen đến nói để cúng Phật. Đồng tử nằm ở trong phòng nghe biết, đòi lấy hạt sen ăn. Trong hai ngày 18 sang ngày 19, em đau bụng mỗi lúc thêm nhiều, xin cha tụng chú Đại Bi vào nước để uống, uống xong chứng đau bụng liền bớt.

Đêm ấy Lý Tây Canh lại tụng chú Đại Bi vào nước, định cho con uống. Niệm chưa xong biến thứ hai, ông bỗng thấy nơi đầu Quốc Tuyên hiện ra vàng hồng quang sáng rực lớn như cái đầu. Ánh sáng đỏ chói lên đầu màn giấy lâu mới tắt. Cư sĩ lại gần xem thấy con ngủ say, cũng lui trở về giường của mình nằm nghỉ. Giây phút Tây Canh mộng thấy có ba vị cao lớn mặc khôi giáp theo thời xưa đứng trước giường đồng tử, kế tiếp nghe tiếng con kêu đau bụng. Ông giật mình thức giấc lại thăm thấy thân sắc Quốc Tuyên đã bị biến đổi, vội gọi người nhà vây quanh niệm Phật. Đến gần sáng, đồng tử gượng ngồi dậy, to tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật một câu, liền tắt hơi. Hơn nửa ngày sau, đánh đầu em còn nóng ấm, gương mặt hiện ra hồng quang.

Qua ngày kể, liệm vào quan tài cũng không nghe mùi hôi, mặc dù lúc đó tiết trời đang nóng nực.

Tối mừng hai tháng bảy, người nhà theo tục lệ thế gian làm lễ Trừ ương, đem chăn nệm và y phục cũ của em ra đốt. Nửa đêm đó, bỗng nghe giữa hư không có tiếng âm nhạc dìu dặt nhiệm mầu. Sáng ra xét nghiệm lại, nơi các đồng tro đều hiện nét hoa sen tươi đẹp in như vẽ.

CHÂU TRIỆU PHÁP

Châu Triệu Pháp người ở phường Nghĩa Ô, tỉnh Triết Giang. Lúc tuổi trẻ ông nổi tiếng nơi nhà trường về văn chương lưu loát, học hành gồm ưu. Nhưng vì cảnh nhà thanh bần khó nổi tiến thân, ông đành gác bỏ việc khoa cử, làm nghề dạy học để nuôi sống.

Hơn 60 tuổi, Triệu Pháp lại phạm phải tật trùng thính, tai nghe lũng bùng. Khi đó ông mới xét tỉnh mộng đời, phát tâm học Phật. Cảnh nhà càng lúc càng khó khăn, lắm khi ông phải tụng kinh mượn để duy trì sự sống. Lúc rồi rảnh, lại chuyên tâm niệm Phật. Bà vợ của ông đã mù lòa từ trước, cũng theo chồng lo tu tịnh nghiệp.

Mùa hạ năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, đôi mắt của Triệu Pháp cũng tiếp theo mù lòa, vợ chồng phải chịu khổ sở sống trong cảnh tối tăm chật vật. Biết là nghiệp đời trước phát hiện, ông cam lòng ản nhẫn,

ngày đêm tha thiết niệm Phật không dứt, cầu được sớm sanh về Tây Phương.

Quang âm thắm thoát, đến sáng ngày mùng 1 tháng 9, Triệu Pháp bỗng gọi vợ bảo rằng: "Đêm vừa rồi, đức A Di Đà Thế Tôn hẹn trước tiết Trùng Dương, sẽ tiếp dẫn tôi về Cực Lạc. Bà nên chuẩn bị giúp sức trợ niệm để thêm kết duyên lành!". Bà vợ e dè đáp: "Ông thử xét nghiệm lại xem? Dù có thật cũng phải cẩn thận, chớ nên vội nói với người ngoài!". Triệu Pháp cũng hỏi mình lỗ lờ, lấy tay vả vào má để tự răn. Tới ngày mùng 3, ông lại ôn tồn khuyên vợ gia công niệm Phật và nói: "Hãy bền chí cố gắng tinh tấn, chớ nên thương buồn! Hai năm sau tôi sẽ theo Phật đến tiếp dẫn bà sanh về Cực Lạc! Xế mai vào giờ Mùi là thời khắc tôi quy Tây. Tới chừng đó bà chớ nên than khóc, gắng bình tĩnh niệm Phật trợ duyên". Dặn dò xong, liền cùng vợ lần đến Phật đường, khóa tụng như thường lệ.

Đúng Ngọ ngày mùng 4, dùng cháo trưa xong, Triệu Pháp nói: "Xin giã biệt, từ đây về sau tôi không còn ăn nữa!". Nói đoạn lên lễ Tam Bảo, rồi ngồi ngay thẳng niệm Phật, âm vận rất thanh nhuận. Sang giờ Mùi, thần thái an lành, ông chấp tay mỉm cười rồi nhắm mắt đi thẳng. Khi nhập liệm, đánh đầu hãy còn nóng.

Lời bình:

Rõ biên đời sóng khổ dập dồn, biết quay đầu tỉnh ngộ cố gắng tu hành, là điều đáng khen thứ nhất. Gặp

cảnh mù lòa nghèo khổ, cam lòng ản nhẫn không trách buồn thối chuyển, vẫn tinh tấn tu niệm, là điều đáng khen thứ hai. Bởi thế cho nên, tâm thành cảm cách, Phật Thánh chứng tri, nghiệp chướng tiêu trừ, sớm về Cực Lạc. Thân như huyễn lần tan nơi trước độ, tướng đẹp nghiêm bỗng hiện chốn Liên Trì. Đông buồn tuyết lạnh trải qua, xuân sang oanh ca lại đến. Nỗi vui khổ cảnh trần như bóng mộng, nửa thương bi nửa tự mơ hồ. Duyên đẹp lành cõi ngọc rưới mưa hoa, mùi thanh dịu mùi pha giải thoát. Cảnh duyên của Châu Triệu Pháp đáng thương mà cũng đáng mừng vậy!

KIM VINH HIÊN

Kim Vinh Hiên người ở Lô Giang, tỉnh An Huy, nhân buôn bán thua lỗ ôm lòng uất ức, lần đến phát cuồng. Nhưng tuy thân kinh thác loạn, ông rất thích vào chùa đốt hương, kính thành lễ Phật.

Về sau có một vị thông hiểu nội điển là nữ sĩ Vương Kim Phạm, biết hiện tượng đó do túc nghiệp chiêu cảm, nên dạy cho biết pháp môn Tịnh Độ, và bảo phải niệm Phật sám hối cầu sanh về Tây Phương. Kim Hiên nghe nói vui mừng, liền trường trai niệm Phật. Mỗi buổi sáng sớm sau khi súc miệng rửa mặt xong, ông đều ngồi chấp tay hướng về Tây, cao tiếng xưng hồng danh A Di Đà. Ngoài ra, các thời khác cũng thường trì niệm. Có nhiều người hỏi: "Niệm Phật mãi như thế để làm chi? Có ích lợi gì?". Kim Hiên gạn lại:

"Cứ niệm như tôi đi rồi sẽ biết. Tại sao không chịu niệm, lại cứ hỏi tôi?". Khi đi ngoài đường thấy trẻ con chơi đùa, ông liền to tiếng xưng hồng danh, rồi khuyên chúng niệm Phật. Lũ trẻ cũng đùa lại, niệm theo. Người nơi chợ phố thấy Kim Hiên vừa đi vừa ngạo niệm Phật, đều chỉ trỏ cười ngạo bảo: "Xem kia, cái ông điên khùng!". Kim Hiên cũng quay lại cười ngạo nói: "Chính mấy người mới thật là điên khùng!".

Mùa thu năm Nhâm Thân thời Dân Quốc, Kim Hiên nằm liệt giường bệnh, không ăn được chỉ uống nước trong, song vẫn niệm Phật không dứt. Vừa sang đông, ông bỗng nói: "Gấp gấp quy căn, tôi đi đây!". Người nhà đều cho là bệnh cuồng tái phát. Cư sĩ Từ Tử Diêu nhân đến thăm, nghe biết bảo: "Quy căn là trở lại nguồn gốc, ý nói lá rụng về cội. Hay là ông ta muốn quy y Tam Bảo, để sanh về Tây Phương chăng?". Kim Hiên nghe qua lộ sắc vui mừng nói: "Tốt lắm! Rất đúng!". Từ cư sĩ liền đi thỉnh Tế Lâm pháp sư đến truyền thọ Tam quy, đặt cho pháp danh là Kim Khiết. Trước đó Kim Hiên nằm nhắm mắt, chỉ còn hơi thở mong manh thoi thóp, nhưng đến lúc làm lễ quy y, tinh thần chợt tỉnh táo phấn chấn. Người nhà thử hỏi pháp danh, đều đáp rành rẽ.

Ba ngày sau, vào giờ Dậu, ông bỗng gọi vợ bảo: "Tôi sắp vãng sanh, cô nên phát tâm gắng chí niệm Phật!". Người nhà nghe nói, đều vây quanh đồng thanh trợ niệm. Kim Hiên gượng ngồi dậy, chấp tay hướng về

Tây, an lành mà thoát hóa, hưởng dương được 41 tuổi. Ngày kế nhập liệm, sắc diện ông tươi tỉnh như sống. Cô vợ nhân đó, sanh lòng tin ăn chay niệm Phật, mỗi buổi sáng đều hướng dẫn con cái trì tụng để truy tiên cho chồng. Hàng nhơn sĩ tại địa phương nghe thấy việc này, một số đông người phát lòng tín hướng.

KHUYÊN TU TỊNH ĐỘ

I

Di Đà thế lớn há nguyên không?
Mười niệm xưng danh chẳng uổng công
Chớ ngại cõi trần rồi vắng khách
Chỉ e lưới nghiệp vẫn trăm vòng
Muôn sông về biển bờ đâu ngập?
Trăm nước châu vua điện vẫn thông
Đễ đến không người, thôi đáng tiếc!
Việc chi còn mền cảnh lao lung?

Giải thích:

Liên tiếp tám bài thi trong đoạn này, đều là của Tỉnh Am đại sư. Để được dễ trực nhận, bút giả xin giải thích ngay từng bài:

Có kẻ hỏi: “Nếu khuyên mọi người vãng sanh hết, thì cõi này còn ai ở? Và nếu tất cả người đều về Cực Lạc, nơi đó đất đâu mà dung chứa?”. Đại sư đáp: “Chớ vội lo cõi này không người ở, chỉ e cho ngay trước mắt lưới nghiệp vây quần khiến liền bị sa đọa! Lại như muôn sông đổ về biển, biển đâu bị tràn ngập? Sư giả trăm nước đến châu

vua, điện Hàm Dương vẫn rộng thông. Cảnh Tịnh Độ tùy
nguyện lực của Phật biến hiện cũng như thế. Chỉ tiếc cõi
Cực Lạc dễ về mà người đời còn mền cảnh lao tù tam giới,
không chịu cầu vãng sanh đó thôi!

II

Người đồn Thiên Trúc chính Tây Phương
Thiên Trúc, Chi Na chỉ cách tường
Nghệp ở cõi như bàn tịnh uest
Thân nơi nhà lửa luận viêm lương
Ba ngàn thế giới trong luân chuyển
Muôn ức càn khôn thật cố hương!
Đến đến chớ sâu đường cách trở
Niệm tâm vừa tịnh thấy Không Vương.

Giải thích:

Đương thời có nhiều kẻ lầm nhận cõi Tây Phương tức
Thiên Trúc, cách xứ Chi Na là nước Trung Hoa mười muôn
tám ngàn dặm. Lại có người luận mười muôn tám ngàn tức
chỉ cho Thập bát giới gồm sáu căn, sáu trần, sáu thức, diệt
mười tám giới sẽ thấy cảnh Tây Phương của tự tâm. Đại sư
đáp: 'Thiên Trúc với Chi Na chỉ cách tường vách nghĩa là
rất gần nhau, cũng đồng ở nơi cảnh nhà lửa ngũ trược của
Ta Bà, đâu phải là Cực Lạc? Còn luận về Cực Lạc tự tâm
tức Duy Tâm Tịnh Độ, thì chỉ nên để cho bậc đã đắc Vô
sanh nhẫn. Đối với phàm phu đầy nghiệp chướng, thân còn
ở trong nhà lửa mà vội không hóa sự như sạch, nóng mát
theo luận thuyết duy tâm, không chịu niệm Phật, tất bị xe
luân hồi quay, lửa tam giới đốt mà thôi. Chúng sanh nơi tam
thiên đại thiên thế giới còn ở trong vòng luân hồi. Chỉ cõi

Cực Lạc ngoài mười muôn ức Phật độ kia mới thật là quê hương, vì khi được về đó tất không còn bị nổi trôi luân lạc nữa”.

III

Ai rằng: mọi chỗ tức Tây trì
Cao, thấp, sạch, nhơ có ngại gì!
Nhà xí khi vào sao bịt mũi?
Vùng lầy quá bước vén xiêm y?
Ốm đau lắm, lại thương thân khổ
Nắng gió chiều, than trái tiết thì!
Chớ nói lời suông sai thật hạnh
Hồi tâm mau sớm niệm A Di.

Giải thích:

Có kẻ vịn câu nói của cổ đức: “Cao sơn bình địa tổng Tây Phương”, rồi bảo: “Chỉ cần tâm ta thanh tịnh, thì mọi nơi như núi cao đất bằng, các chỗ nhơ sạch đều là Tây Phương Tịnh Độ, là ao báu hoa sen cả, không có chi chướng ngại, cần gì phải cầu vãng sanh? Phải biết câu nói trên là cảnh giới của bậc đã chứng ngộ, phàm phu bắt chước theo chỉ thành ra lời nói suông vô ích. Chính những kẻ nói như thế, khi vào nhà xí còn bịt mũi, bước qua chỗ lầy lội phải vén áo xiêm, ốm đau vẫn thấy khổ, nắng gió mưa nhiều cũng than trách, có điều chi là vô ngại đâu?

IV

Thường chê niệm Phật việc người ngu
Công việc người ngu, Phật cũng tu!

Long Thọ biện tài đâu ngốc Hán?
Văn Thù trí huệ há phàm phu?
Từ chương nhã luận còn Cư Di?
Công cứ theo mình hỏi Đại Tô?
Nhấn kẻ thông minh nên nghĩ lại
Diêm La xét tội chẳng hồ đồ.

Giải thích:

Những vị thông minh có học thức thấy kẻ quê mùa cũng niệm Phật được, thường chê rẽ cho đó là lối tu của hạng ngu dốt. Nên xét nghĩ, như Thiên Thai Trí Giả tương truyền là hóa thân của đức Thích Ca, Vĩnh Minh đại sư là hóa thân của Đức Di Đà, hai vị đó đều là cổ Phật, mà còn tu Tịnh Độ để làm mô phạm hướng dẫn chúng sanh. Và các ngài như Văn Thù, Long Thọ, hai vị Bồ Tát ấy đâu phải là phàm phu, kẻ ngốc, mà vẫn khen ngợi cùng hành trì theo môn này. Lại còn như Bạch Cư Di, Tô Đông Pha, hai bậc văn hào từ chương tao nhã, kẻ chuyên niệm Phật, người thì đem Tây Phương công cứ luôn theo bên mình, là hạng người gì, ngu dốt hay trí thức? Vậy nên suy nghĩ, đừng vội phỉ báng mà mang tội.

V

Nếu nói sanh Tây còn thuộc vọng
Trụ nơi cõi trước há thành chân?
Đông tây chẳng chấp càng phi lý
Tịnh uế đều quên cũng pháp trần
Sanh vốn không sanh, sanh bốn cõi
Thấy như lìa thấy, thấy ba thân

Biết chẳng chân vọng nguyên đồng thể?
Mê ngộ đều do tại bản nhơn.

Giải thích:

Có kẻ lại bảo: “Bản tính vốn vô sanh, cầu sanh Tây Phương là còn thuộc vọng!”. Đại sư đáp: “Nói thế thì trụ mãi ở cõi này, lại thành ra chân thật hay sao? Nếu nói: Tôi không cầu sanh về Tây, không chấp trụ ở Đông tùy ý thọ sanh, lại càng phi lý. Vì chỉ có bậc pháp thân Đại Sĩ mới tùy ý thọ sanh được. Còn hàng phàm phu, nếu không cầu sanh Tây Phương để mau tiến tu giải thoát, tất phải theo nghiệp chịu luân hồi ở cõi này, rồi từ đó dễ tạo nghiệp bị sa đọa. Nếu lại bảo: Tôi không chấp tịnh uế, nên không cầu cõi sạch chán cõi nhơ! Khởi một niệm như thế cũng thuộc về pháp chấp rồi, làm sao nói là không chấp được? Cho nên bậc thức đạt, dù sanh về Tây Phương từ cõi Đồng Cư tiến lên Thường Tịch, mà vẫn thấy không sanh. Dù chứng ngộ ba thân, vẫn lìa sự thấy biết về chứng ngộ. Thế thì có gì trái với lý vô sanh vô chứng đâu?”.

VI

Chớ chấp Đàn Kinh bài bác Tịnh
Tổ cơ, lời Phật thảy viên dung
Mượn lời chỉ lý tuyên thiên đạo
Được ý quên lời hiển diệu tông
Thập thiện đều tu đâu phải tội?
Chư hiền đồng niệm há thành không?
Đông Tây một thể vô lai khứ
Pháp giới linh minh cõi đại đồng!

Giải thích:

Trong kinh Pháp Bảo Đàn, đức Lục Tổ có nói: “Người ở Đông Phương tạo tội cầu sanh Tây Phương, người Tây Phương tạo tội cầu sanh về cõi nào? Lời này chỉ là cơ phong của Tổ, mượn đó để đưa hành như ngộ thẳng vào chân tánh, chớ chẳng phải bác rằng không có Tịnh Độ, cùng bảo đừng nên cầu sanh. Kẻ thức đạt học đạo cần phải được ý quên lời, chớ nên chấp lời mà hại ý”. Đối với Phật, chư Tổ là hàng hậu lai. Phật còn khuyên niệm Di Đà cầu sanh, lẽ đâu Tổ lại bác? Lại nên biết, hành giả sanh về Tây Phương đều tu thượng phẩm Thập thiện, thì người Tây Phương đâu có tạo tội? Và chư Hiền Thánh xưa nay rất nhiều vị niệm Phật, hành động đó đâu phải nông nổi lầm lạc, hay luống uổng không hư?

VII

Niệm Phật quả như nên súc miệng?
Tụng kinh môi ngậm cũng ung cần!
Thuốc dùng trị bệnh, sao gây bệnh?
Lửa để điều thân, trở đốt thân!
Phàm niệm vẫn đầy, chê thánh niệm
Phật tình chưa khởi nói trừ nhân!
Lời xa hiện thật, khuyên ngưng lại
Lo gấp đời này thoát khổ luân!

Giải thích:

Khi xưa ngài Triệu Châu có nói: “Một chữ Phật ta chẳng thích nghe. Nếu niệm Phật một câu, phải súc miệng ba ngày!”. Nhiều kẻ vịn vào hai lời trên đây bảo: “Thiền sư

Triệu Châu vốn bậc danh đức, ngài đã nói như thế, tất niệm Phật là điều thấp kém lỗi lầm, không cần thiết!”.

Tĩnh Am đại sư gạn lại: “Nếu niệm Phật là lỗi lầm cần nên súc miệng, thì xưa nay các bậc cao đức cho đến chư tăng ni ở khắp tông lâm, lúc tụng kinh trong những thời khóa tụng, tất cũng ưng cần ngậm miệng đừng hé môi phải không? Và như thế, lý ấy có đúng chăng? Phải biết Triệu Châu đại sư là bậc chứng ngộ, muốn hướng dẫn hàng thượng thượng căn phá mối chấp kiến về Phật, nên mới nói những lời ấy, chớ đâu phải ý ngài cốt bác phá sự niệm Phật! Đại khái, tất cả những cơ ngữ bên Thiên, lời ở nơi này mà ý ở điểm khác. Chẳng hạn như Tổ Quy Sơn nói: “Sau khi lão tăng viên tịch, sẽ chuyển kiếp làm con trâu ở dưới chân núi!”. Lời này đâu phải ý chỉ định chuyển kiếp làm trâu? Nếu nhận là thật, rồi cứ theo lời nói mà giải thích, thì đã sai lầm lại còn gây thêm tội lỗi. Ví như lửa có công dụng sưởi ấm điều hòa thân thể trong tiết lạnh, cho đến nấu chín thức ăn, nếu biết dùng thì rất lợi ích. Bằng trái lại, tất sẽ bị thiêu thân cháy nhà. Lửa trí huệ Bát nhã cũng thế, hay trị bệnh kiến chấp. Nhưng nếu chẳng biết dùng, lại trở nên gây bệnh, lạc vào lối chấp thiên không bác phá nhân quả, rồi sẽ bị sa đọa. Phần đông người học Phật thời mạt pháp đều là hạng trung, hạ căn, phạm tình phiền não đầy đầy. Nếu khinh chê phá không dùng đến thánh niệm xưng Phật danh để tiêu trừ nghiệp chướng, thì làm sao giải thoát? Trong tâm phiền loạn ấy, chính ngay Phật tính như câu hồng danh, mà còn chưa khởi sanh niệm lên được, nói chi đến việc cao siêu, dứt trừ Phật kiến? Luận cho cùng, với bậc thượng căn, khi niệm Phật không thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, chúng sanh kiến cùng Phật kiến đều rỗng không. Niệm

Phật như thế cũng đâu có chi trái với ý ngài Triệu Châu, mà bảo không cần niệm? Nhược bằng căn hạnh chưa được như vậy, tốt hơn là mặc dù còn chấp thấy Phật, cũng nên mau niệm Phật để thoát khỏi luân hồi, đừng nói những lời xa vời vô ích trái với hiện thật.

VIII

*Niệm Phật viên thông nhiếp sáu căn
Nhĩ căn ai bảo chiếm ưu phần?
Âm văn nếu chính viên thường thể
Danh tự đâu là khởi diệt nhân!
Dùng niệm niệm danh, danh vẫn thiết
Đem nghe nghe Phật, Phật càng gần!
Xét ra hai Thánh đều huynh đệ
Đồng giúp Di Đà tiếp vãng sanh.*

Giải thích:

Trong kinh Lăng Nghiêm, về phần Tuyến trách viên thông, đức Văn Thù có bình luận môn tu Niệm Phật của ngài Đại Thế Chí bằng mấy câu: “Các hành là vô thường. Niệm tánh vốn sanh diệt. Nhân quả nay sai khác. Làm sao được viên thông?”. Và kết cuộc Văn Thù Bồ Tát đã chọn lấy lời tu phẫn văn thuộc về Nhĩ căn của đức Quán Thế Âm với hai câu: “Phương này chân giáo thể, Thanh tịnh bởi âm văn”. Có kẻ khi đọc tới đoạn trên đây, chấp rằng: “Đức Văn Thù đã bình luận lựa chọn như thế, thì ngòi tịnh lắng nghe vào trong là môn tu cao siêu hơn cả, chẳng nên niệm Phật làm chi cả!”.

Đại sư giải thích: “Thật ra chân không vẫn ở ngay trong huyền hữu. Luận về phân tương đối phiến diện, thì các

hành đều vô thường sanh diệt. Nhưng bàn sâu đến chỗ viên dung toàn diện, chính các hành là thể chân thường tịch diệt. Cho nên tất cả môn tu của hai mươi lăm vị Thánh trong kinh Lăng Nghiêm, đều đủ ba nghĩa: Viên, thông, thường. Để chứng minh, như đức Văn Thù đã nói phần âm văn tức nghe tiếng là thể viên thường. Thế thì âm thanh danh hiệu A Di Đà, đâu phải là nhân sanh diệt? Và chính ngài cũng lại nói: “Thánh tánh vô bất thông. Thuận nghịch giai phương tiện”. Thánh tánh thấy đều thông, tất biết pháp nào cũng là viên thường. Như vậy đủ rõ tánh cách niệm danh hiệu đâu phải sanh diệt, chẳng qua tùy cơ nghi thuận nghịch mà nói thể thôi. Cho nên phải nhận thức chỗ bình luận của đức Văn Thù, thuận hay nghịch, hơn hoặc kém, cũng đều là phương tiện tùy cơ mà quyền nói. Bởi duyên kinh Lăng Nghiêm phần lớn khai thị về lối tu thiên theo không môn, đức Văn Thù phải tùy ứng theo đương cơ mà lựa chọn như thế, chớ chẳng phải pháp tu Nhị căn của đức Quán Thế Âm là cao siêu hơn hết đâu!

Lại còn nhiều bằng chứng như trong nhiều kinh đại thừa khác, Văn Thù Bồ Tát đã rất khen ngợi môn niệm Phật, cho niệm Phật tam muội là pháp công đức cao để tu tiến nhất. Môn niệm Phật nhiếp cả sáu căn, ý căn là chủ, năm căn kia thuộc phần phụ. Lối tu Nhị căn chỉ từ một cửa mà vào, niệm Phật thì cả sáu căn đều thâm nhập. Cho nên Nhị căn không nhiếp niệm Phật. Niệm Phật gồm nhiếp Nhị căn và thích hợp với cả ba cơ thượng, trung, hạ. Tóm lại, hai lối tu của đức Quán Thế Âm cùng Đại Thế Chí thật ra đều đồng đẳng, không phân cao thấp. Và hai ngài cũng là pháp hữu, cùng phụ bậc đức A Di Đà tiếp dẫn loài hữu tình mười

phương sanh về Cực Lạc, cùng thân thiết chẳng cách xa nhau vậy”.

Như trên, vì lòng từ bi Tĩnh Am đại sư đã dùng thi văn phá lối nhận thức sai lầm của một số đông người học Phật, để đưa họ vào con đường thẳng ịch. Chủ tâm của ngài chẳng phải có ý muốn đề cao Tịnh Độ hơn các môn khác, bởi lẽ ngài cũng là một đại thiên sư. Tập thi văn còn nhiều, bút giả chỉ chọn dịch và giải thích, mấy bài trọng yếu.

DU THỊ

Du thị nguyên là vợ của Tiêu Quân ở thôn Nam Khê, huyện Kiết An, tỉnh Giang Tây. Từ bé bà đã biết ăn chay niệm Phật. Về nhà chồng chưa được mười năm, chẳng may gặp phải cảnh góa bụa. Từ đó bà quyết giữ tiết hạnh nuôi con, sự tu trì càng tinh tấn. Đến gần trăm tuổi, sức khỏe và tinh thần của bà càng thêm kiên cường, tai và mắt vẫn còn tỏ sáng.

Năm Dân Quốc thứ 11, vào đêm 25 tháng giêng, Du thị nằm mơ thấy mình đến tòa đại điện trăm báu trang nghiêm, rất nguy nga tráng lệ. Trong điện có hằng muôn bậc thiện như y quan tướng mạo thanh đẹp khác trần, đang chấp tay chiêm ngưỡng một đấng Như Lai thân vàng cao lớn rực rỡ ngồi nơi liên tọa. Bà đến gần lễ bái, đức Phật bảo: “Ngày mùng một tháng 2 tới đây, người mới được vãng sanh Tây Phương. Hiện thời hãy tạm về truyền lời Ta khuyên dạy chúng sanh như sau:

Chớ tạo các điều ác,

Gắng làm những việc lành.
Sự nhân quả rõ ràng,
Mảy tơ không sai lọt!”

Tỉnh giấc, Du thị họp tất cả người nhà thuật lại diêm mộng và dặn kể từ sáng mai toàn gia đều phải trai giới niệm Phật, để giúp mình vãng sanh. Lại cho gọi đưa con gái thứ ba về để gặp nhau lần cuối. Từ hôm đó, bà trì chú niệm Phật ngày đêm không dứt. Đến mùng một tháng 2, giọng trì tụng lại càng rõ ràng cấp thiết. Gần nửa đêm hôm ấy, Du thị vén gọn vạt áo trắng, ngồi kiết già ngay thẳng, tiếng niệm từ từ nhỏ dần. Bỗng nhiên bà nhìn quanh khắp người nhà, rồi mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng.

Lúc tần liệm tay chân Du thị rất dịu mềm, sắc mặt rạng rỡ hơn khi còn sống.

PHÙNG NGHI NHƠN

Phùng Nghi Nhơn pháp danh Diệu Hòa, nguyên là vợ của cư sĩ Bao Bồi Trai. Tánh bà chán sự ồn ào ưa sạch sẽ vắng lặng. Năm 21 tuổi, sau khi vu quy, bà khéo thờ kính cha mẹ chồng, được tiếng khen là hiền hòa hiếu thuận.

Một đêm Nghi Nhơn nằm mơ thấy nhà hàng thịt trong xóm giết heo. Con vật bị giết đầu tiên là heo, kế đó lại là một phụ nhon. Bên cạnh có bà lão giúp cởi đồ trang sức và áo của phụ nhon, để tên đồ tể hành quyết. Nghi Nhơn quả rằng: "Tại sao dùng người làm heo để

giết ăn thịt?". Bà lão đáp: "Chúng ta thấy là người, nhưng kẻ hàng thịt nhìn là súc thú!". Tỉnh giấc hỏi thăm thì nhà hàng thịt vừa giết hai mạng sanh vật, con sau là heo cái, đúng như điềm mộng. Nghi Nhon hoảng hốt chợt tỉnh ngộ bảo: "Người cùng heo luân hồi đổi lớp mau lẹ thật không ngờ!". Từ đó bà thề không ăn thịt heo, hằng ưa chay tịnh và giữ giới sát, Nghi Nhon lại chiêu tập hàng phụ nữ cùng nhau lập ra Phóng Sanh hội. Cứ mỗi nửa tháng, cùng vào những ngày vía Phật, Bồ Tát, hội viên đều đóng góp tiền mua sanh vật để thả. Kế tiếp Bao Bồi Trai nghe hiểu chánh pháp, ăn chay trường thờ Phật, Nghi Nhon cũng nối chí theo chồng. Cả hai đều tích cực tu phước làm lành, thường cứu giúp các nạn dân trong cảnh chiến tranh, bão lụt.

Mùa thu năm Mậu Ngọ thời Dân Quốc, Nghi Nhon thọ Tam quy với Vi Quân hòa thượng, kiêm giữ giới Bát Quan Trai. Từ đó bà chuyên niệm hồng danh A Di Đà, phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Lúc rảnh lại trì chú tả kinh, mạnh mẽ tinh tấn, sớm hôm chẳng dừng nghỉ. Thường khi hành lễ, bà thấy tượng Phật lần lần cao lớn, thánh tượng Quán Thế Âm chớp chớp như muốn phóng ánh hào quang. Ngoài ra, còn nhiều điềm lành khác không thể thuật hết.

Mùa xuân năm Nhâm Tuất, Nghi Nhon vương bệnh. Đến tháng 5 nhuận, Bao cư sĩ thỉnh Toàn Lãng hòa thượng tới nhà truyền Ngũ giới. Trong khi thọ giới, Nghi Nhon thăm tưởng Thánh chúng khắp mười

phương vây quanh đạo tràng. Cuộc lễ xong, bà cảm thấy thân tâm thư thối, gọi người nhà bảo: "Thọ giới đã xong, tôi có thể chuẩn bị sanh về Tây Phương!". Lại dặn Bao cư sĩ sau khi mình mạng chung nên liệm với áo vải thô, dùng quan tài bằng thứ gỗ xấu. Từ hôm đó, Nghi Nhon bệnh lần thêm nặng. Người nhà thỉnh chur tăng đến trợ niệm, bà một lòng lắng nghe thâm niệm, mặt lộ sắc tươi vui. Sau khi ấy, Nghi Nhon bảo nấu nước cho mình tắm gội thay y phục. Mọi việc xong, bà nhờ gia nhon đỡ lên ngòì kiết già ngay thẳng. Kế đó đôi mắt chăm chú nhìn về Tây Phương như thấy cảnh tượng chi khác lạ. Giây phút hai tay Nghi Nhon kết ấn Di Đà tam muội, rồi lạng lẽ mà thoát hóa.

Sau chín giờ toàn thân bà mới lạnh hẳn, riêng đánh đầu còn nóng, tay chân mềm dịu, sắc mặt tươi vui. Bảy giờ nhằm tháng 6 năm Dân Quốc thứ 11. Nghi Nhon hưởng dương được 51 tuổi.

CHÂU PHU NHƠN

Châu phu nhon nguyên là chánh thất của Tri phủ Lý Chất Phu ở Ba Đông, và là mẹ của Lý Vân Nham, một nhon sĩ có danh trong vùng ấy. Tánh bà vốn hiền lành, biết chút ít văn nghĩa, nhưng rất sùng tín, thường hay đem việc nhân quả nói cho bạn bè thân thuộc nghe.

Năm Ất Tỵ thời Quang Chử nhà Thanh, bà phát nguyện ăn chay trường, tuy chưa được hiểu về Phật pháp, song mỗi ngày đều tụng kinh Cứu Khổ. Con cái

trong nhà đem lòng hiếu dưỡng theo đời, khuyên ép phu nhơn dùng mặ, nhưng bà giữ chí chẳng nghe theo. Lại có vài phái ngoại đạo khuyên dụ bà vào đạo của họ, phu nhơn cũng thẳng thắn cự tuyệt.

Vào khoảng tháng 5 thời Dân Quốc thứ 11, cư sĩ Trầm Âm Châu và Lý Vân Nham vâng lời Định Từ lão cư sĩ thành lập hội niệm Phật tại vùng ấy, thỉnh chư tăng đến diễn giảng về kinh giáo. Phu nhơn nghe nói vui vẻ tham dự vào và chánh thức xin quy y Tam Bảo. Không bao lâu bà nhiễm bệnh, song mỗi ngày vẫn cố gắng niệm Phật không dám trễ sót. Đến lúc khí lực lần suy yếu, khó ra tiếng niệm thành câu, phu nhơn vẫn cố gắng động môi sẽ niệm thầm. Tình trạng như thế kéo dài suốt hai tháng, câu niệm chưa từng gián đoạn.

Ngày mùng bốn tháng 7, phu nhơn bỗng gọi các con đến nói: "Mẹ thấy một vị tăng sĩ tướng mạo đoan nghiêm, cầm tràng phan đứng lặng yên trước mặt!". Hôm sau vào lúc hừng sáng, bà lại bảo gia nhơn rằng: "Ngày nay ta sẽ quy Tây, tất cả nên cố gắng làm lành niệm Phật!". Vân Nham biết mẹ sắp vãng sanh, vội đi thỉnh cư sĩ Âm Châu và vài bạn đồng tu đến. Khi các liên hữu vừa tới trước cửa, liền nghe trong nhà có tiếng than khóc. Âm Châu vội bước vào bảo: "Tất cả nên im lặng đừng khóc, và đồng chấp tay niệm Phật!". Sau khi các liên hữu và người nhà xung hồng danh được một lúc, phu nhơn bỗng mở mắt, ra tiếng niệm Phật theo. Được hơn mười câu, bà nín lặng an lành mà thoát hóa.

Ba hôm sau khi chôn cất xong, đêm ấy Lý Chất Phu vừa nhắm mắt mơ màng, bỗng thấy phu nhon thân tướng sáng rõ hiện đứng trước mặt, bảo: "Tôi đã được về cõi an vui, khuyên ông chớ lo buồn nghĩ ngợi. Điều cần thiết là nên khuyến khích Vân Nham và các con cháu trong nhà hãy cố gắng niệm Phật. Lại nên bảo mấy đứa dâu thể theo hạnh của tôi, đồng quy y Tam Bảo, niệm Phật tu hành. Đó là lời dặn tối yếu!".

Lời bình:

Trong Cổ Học Tinh Hoa có sự tích người tìm dê, vì nhiều lỗi rẽ nên lạc mất dê. Đây cũng là cái bịnh chung của hàng trí thức xưa nay, bởi hiểu biết rộng nên tu tập nhiều môn, rồi năng lực không theo kịp với ý muốn, kết cuộc chẳng thành tựu được môn nào cả! Châu phu nhon tuy văn nghĩa chỉ biết thô sơ, song nhờ bà có lòng sùng tín trước sau như một, không bị con cái ép nài, ngoại đạo cám dỗ, dù đau yếu cũng chẳng rời câu Phật hiệu, nên cuối cùng được kết quả vãng sanh. Cho nên giữa đời có điểm nghịch thường: "Người khôn sáng nhiều khi ám muội, kẻ tối dốt lại hóa thông minh", là điều trên đây vậy.

PHAN THÁI PHU NHON

Phan Thái phu nhon người vùng Đôn Hoàng thuộc tỉnh Cam Túc, nguyên là thân mẫu của cư sĩ Hạ Kế Tuyên. Bà bậm tánh từ huệ, ít nói cười, tuy sống giữa cảnh chồng con đều có chức phận cao sang, song trọn

đời chẳng thết yến tiệc vào ngày sinh nhật, không thích ngồi xe kiệu sang đẹp, chưa từng bước chân đến cửa hí viện, cho đến thân quyến chẳng để bày hội chúc khánh thọ ngũ tuần. Đại để lối sống của phu nơn rất cần kiệm đơn giản, tiếc từ tác vải hạt cơm. Tuy nhiên với những kẻ cơ cùng, bà lại bố thí rộng rãi, từ tiền bạc cơm gạo y phục, đến vật dụng chăn nệm thuốc men, không chút chi luyến tiếc.

Về phần tự tu, phu nơn tụng kinh, trì chú, niệm Phật, giới sát, phóng sanh, có đặc điểm là rất thành khẩn tinh tấn. Sau khi quy hướng Phật pháp, bà xuất tiền thành lập cơ sở hội Sơn Đông Nữ Tử Liên Xã, được hàng phụ nữ dự vào tu niệm rất đông. Bà lại thỉnh nhiều kinh sách Phật chia tặng cho đồng đạo, để cho họ được hiểu biết thêm về chánh pháp. Về sau nghe tin tức thời cuộc lần lần không yên, phu nơn lộ vẻ lo buồn nói: "Do lòng người thù hận tham mê, gây nhiều trái oan tội lỗi, nên nước nhà mới ly loạn, dân chúng bị lầm than. Tình trạng này nếu ngoài đạo giác ngộ của Như Lai, tất không có phương pháp chi cứu vãn!". Do đó bà xuất ra một số tiền lớn, bảo con là Hạ Kế Tuyên quyên mộ thêm, thành lập ngôi đại già lam ở Tế Viên, thỉnh chư tăng về trụ trì, giảng diễn Phật pháp, làm nơi cho tín chúng câu hội nương theo tu tập.

Phu nơn chuyên chí phần tịnh nghiệp, mỗi ngày đều tụng Bát Nhã tâm kinh, trì chú Chuẩn Đề, và lấy ba muôn câu Phật hiệu làm định khóa, chẳng để cho thiếu

sốt. Đến năm Quý Hợi thời Dân Quốc, vào ngày 29 tháng trọng xuân, bà cảm chứng ho rồi phát nhiệt, bệnh thể lần tăng. Tới ngày mùng 6 tháng 3, cơn nóng bỗng giảm bớt, thần chí trở nên thanh sáng. Vào khoảng 10 giờ mai, sau khi ăn được chút ít cháo, phu nhơn gọi các con lại bảo: "Bệnh đã giảm nhiều, các con hãy lui ra tạm yên nghỉ, để cho mẹ tự ngồi tịnh niệm". Kế Tuyên tuy vâng lời song chẳng an lòng, rình nơi khe cửa xem, thấy bà ngồi lặng lẽ hướng về Tây, sắc diện rất hòa nhã. Không bao lâu, thần khí phu nhơn chợt biến đổi, gương mặt lộ hồng quang. Các con vội vào xem thì bà đã ngồi thoát hóa, hưởng dương được 55 tuổi.

Trước đó cô con gái là Thục Quân, nằm mơ thấy bên thềm nhà mọc lên một đóa sen sắc trong xanh như ngọc bích, to lớn bằng chiếc lọng. Cô còn nghi nan thì được mẹ cho biết đó là hoa sen công đức của bà. Khi tỉnh giấc, cô đến giường mẹ thăm bệnh và thuật lại điềm mộng. Vừa tới đoạn thấy hoa sen, phu nhơn liền nói: "Chính là hoa sen của mẹ đấy!".

Khi nhập liệm, đánh đầu của bà còn nóng, mặt lộ nét sáng suốt tươi cười.

TÀO NGHI NHƠN

Tào Nghi Nhơn, người ở Sào huyện tỉnh An Huy, nguyên là chị ruột của cư sĩ Tào Trạch Tây. Khi lớn lên, bà được cha mẹ gả về nhà họ Lý. Tánh Nghi Nhơn rất hiếu cần, vì muốn báo ân nặng song thân, bà phát

nguyện trường trai giữ giới. Sau khi được nghe biết chánh pháp, lại nguyện chuyên tu Tịnh Độ, niệm Phật cầu về Cực Lạc, để cứu độ hàng thân thuộc và tất cả chúng sanh.

Nghi Nhơn tu niệm rất tinh cần, dù trải thời tiết lạnh nóng cũng không trễ bỏ. Khi gặp mọi người, bà đều khuyên họ ăn chay niệm Phật. Hạnh tinh tấn tự tu và khuyên người như thế, hơn 30 năm vẫn diễn tiến đều đều không thiếu sót. Mỗi ngày Nghi Nhơn niệm Phật theo định khóa ba muôn câu, và cũng hơn 30 năm chân không bước ra khỏi ngõ. Trong hàng nữ lưu, sự tu như thế cũng đặc biệt hy hữu, có thể dùng hai lời sau đây để khen ngợi:

Ba vạn câu sen, ba chục xuân

Gót chân chẳng đạp ngõ hồng trần!

Lúc tuổi hơn thất tuần, một hôm Nghi Nhơn bỗng cảm thấy bệnh. Vài ngày kể, bà tự nói thấy có hai đồng tử tay cầm tràng phan theo hầu Phật đến tiếp rước. Trong lúc đó gia nhơn cũng đều thấy tường quang chiếu sáng cả nhà, lại nghe tiếng nhạc thanh thoai dìu dặt giữa hư không. Nghi Nhơn chấp tay hướng lên không trung vái lạy, rồi bảo người nhà rằng: "Giữa hư không, lưới báu hiện ra giăng khắp, mỗi mắt lưới đều có một hạt châu hoặc bảo vật. Tôi tự nghĩ bình sanh không làm công đức chi nhiều, chẳng qua niệm Phật khuyên người hiếu thuận với mẹ cha, thương giúp kẻ nghèo khổ và không vọng ngữ mà thôi. Nay được về

cảnh đẹp vui là điều rất hân hạnh! Vậy mọi người phải cố gắng niệm Phật, cõi Cực Lạc quả có thật chớ nên nghi ngờ. Ngày rằm tới đây, tôi sẽ vãng sanh". Lúc đó chồng là Lý Quân đứng gần bên nói: "Xét theo âm lịch, ngày rằm này xung khắc với gia đình, không được tốt!". Nghi Nhon bảo: "Thế thì hãy chọn cho tôi ngày khác". Lý Quân nói: "Ngày mười tám chỉ khá. Hai mươi một mới là thật tốt". Nghi Nhon bảo: "Vậy ngày 18 tôi sẽ đi!".

Vừa hừng sáng hôm ấy, Nghi Nhon vội gọi người nhà bảo: "Mau đốt hương nến tiếp rước, vì Phật và chư Thánh chúng đã quang lâm!". Hương trầm vừa nóng cháy, thì bà đã ngồi yên lặng vãng sanh. Bấy giờ nhằm tháng 11 năm Dân Quốc thứ 12, Nghi Nhon thọ được 76 tuổi.

HÀ THÁI PHU NHON

Hà Thái phu nhon nguyên là thân mẫu của cư sĩ Vương Mạnh Phạm. Năm 20 tuổi bà về nhà họ Vương, thờ mẹ chồng rất có hiếu. Mùa thu năm Bính Thìn thời Dân Quốc, chồng mãn phần, phu nhon buồn thương gần như không muốn sống. Duyên may gặp Dã Khai hòa thượng ở Thường Châu thuyết pháp cho nghe, bà mới biết đường hướng giải thoát, dẹp nỗi u sầu. Từ đó siêng năng tu tịnh nghiệp, cầu sanh về Tây Phương.

Phu nhon trì niệm thường nhật đều có định khóa, không lúc nào trễ bỏ, bảy năm như một ngày. Trong

hai niên Tân Dậu sang Nhâm Tuất, bà bị đau nặng suýt chết, song tuy nằm bệnh nửa năm mà vẫn không rời câu niệm Phật. Mùa xuân năm Quý Hợi, bệnh cũ thỉnh thoảng lại tái phát, phu nhơn bảo Mạnh Phạm rằng: "Mẹ nghĩ muốn thành tựu tịnh nghiệp, tất phải dứt hẳn duyên đời!" Do đó cuối tháng 7, bà xin một gian tịnh thất trong chùa, phát nguyện nương nơi cảnh già lam tu niệm, mỗi tháng đóng tiền nguyệt phí để khỏi phạm đến của Tam Bảo. Sang tháng 8, phu nhơn tự biết mình không sống lâu, đưa tất cả y phục quý giá cùng đồ trang sức, bảo con là Mạnh Phạm đem bán lấy tiền để làm Phật sự. Bà mời một vị cao đức đến cúng dường, cầu xin thọ quy giới, được pháp danh là Hiền Úc. Kế lại sắm lễ thỉnh chư tăng trong chùa ngày đêm luân phiên trợ niệm, chính mình cũng niệm Phật theo. Đêm mùng 9 tháng 11, phu nhơn bảo Mạnh Phạm rằng: "Đối với người học Phật, không có chi gọi là chết mất, chẳng qua bỏ nơi này sanh nơi khác mà thôi! Khi mẹ sắp mãn phần, con phải chí thành niệm Phật, chớ lộ vẻ bi thương làm cho tâm mẹ rối loạn. Về phần con, hãy nên cố gắng tinh tấn, ngày kia sẽ cùng gặp nhau nơi Hội Liên Trì. Chừng ấy mới là quyến thuộc chân thật!".

Đến khuya ngày 27, phu nhơn gượng đau ngồi lên ngay thẳng, chấp tay xưng hồng danh. Lúc đó gia quyến cùng chư tăng trong chùa tất cả hơn 30 người, đều cao tiếng trợ niệm. Trải độ hai giờ, tiếng niệm của bà lần yếu nhỏ. Trước khi vãng sanh, dường như

nghiệp chương tiêu trừ, túc mạng trí phát hiện, thấy được cảnh giới tốt, phu nhơn bỗng đọc lên bài kệ rằng:

Nhiều kiếp gieo nhân sen
Đời này mới thành thực.
Cần dứt hẳn trần duyên
Đừng cho còn tương tục!
Cảm Tây Phương Tam Thánh
Từ bi xa tiếp dẫn.
Từ đây sanh Liên Bang
Tu chứng quả vô sinh.
Thuyền từ khơi bể nguyện
Độ tất cả hữu tình.

Đọc xong mỉm cười mà qua đời. Sáng hôm sau, tay chân phu nhơn vẫn dịu mềm, đánh đầu hấy còn nóng.

TRẦM NƯƠNG

Trầm Nương là tiếng xưng hô của người hàng xóm để gọi vợ ông Trầm Bảo Tam, bình nhứt ưa thích sưu tầm nghiên cứu kinh sách nhà Phật. Sau khi được biết pháp môn Tịnh Độ là phương tiện siêu thắng kỳ diệu để độ sanh của mười phương Như Lai, ông liền phát tâm niệm Phật. Trầm Nương tánh cứng cỏi, thường mỉm cười dùng đủ lý lẽ bài bác cho chồng là mê tín.

Một đêm Nguyên Tiêu, nơi một trong hai ngọn nến đỏ lớn đốt để cúng Phật ở trung đường, hoa đèn bỗng kết nở thành hình đóa sen. Bảo Tam thấy thế kinh lạ, vội gọi gia nhơn và vài người láng giềng lại xem. Trầm

Nương lại cho là tin tưởng nhầm và nói: "Nếu ngọn nến kia cũng kết nở một đóa hoa y như thế, mới có thể khiến cho tôi tin được!". Việc khá kỳ lạ, trong vòng vài phút đồng hồ, nơi ngọn nến bên kia, cũng kết nở đóa sen y như bên này, một cách hết sức mau lẹ. Trên đóa sen lại hiện đức Quán Âm Đại Sĩ thân tướng trang nghiêm màu đẹp, mày mắt đều rõ ràng. Trầm Nương sững sờ kinh ngạc, đứng bất động giây lâu, rồi hổ thẹn quỳ xuống chí tâm sám hối. Từ đó cô mới phát lòng tin sâu thiết, niệm Phật theo chồng. Mỗi ngày cô hành trì đều có định khóa, dù cho lúc gặp việc cấp thiết mỗi mệ, cũng không gián đoạn.

Năm Dân Quốc thứ 10, Trầm Nương mang bệnh, vài ngày trước khi cô mãn phần, Bảo Tam thỉnh các liên hữu luân phiên đến trợ niệm. Trầm Nương cũng niệm theo, mong sao trong vòng bảy ngày, được nhất tâm bất loạn. Nhưng vì bệnh khổ sức yếu, nên không được kết quả như ý muốn. Trước khi mạng chung, đứa con trai mới 5 tuổi của cô thấy ánh sáng lạ chiếu rọi rõ từ giường mẹ thẳng ra ngoài cửa. Em bé lại thấy có ba vị cao lớn thân sắc vàng ròng, vị đứng phụ cận tay cầm hoa sen to đẹp. Bỗng một người gương mặt giống như mẹ mình chấp tay bay vào ngòai trong hoa sen. Giây phút tất cả đều nương theo ánh sáng bay về phương Tây.

Lại bà lão trong xóm là Hàng thị, từ lâu đã chuyên niệm Phật, một đêm bỗng thấy Trầm Nương trở về.

Hàng thị hỏi: "Nhiều người nói cô đã được vãng sanh, chuyện ấy có thật chăng?". Trầm Nương đáp: "Quả thật tôi đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mỗi khi hữu sự tôi thường về nhà nhắc nhở, khi về tất có mùi hương lạ. Từ đây tôi không còn trở lại nữa. Nếu bà không tin thử đến nhà tôi hỏi xem?". Sáng ra, Hàng thị sang thăm viếng hỏi han, quả nhiên có việc ấy.

MỘT KỸ NỮ

Thời Dân Quốc, một kỹ nữ ở Thượng Hải, chưa được rõ tên họ, gồm đủ những đặc điểm: sắc đẹp, tiếng thanh, đàn hay, hát giỏi. Đương như bản chất lại thông tuệ, có năng khiếu về thi văn. Cô thường ưa ngâm vịnh thi của Tiết Đào, một danh kỹ đời Đường, nhưt là mấy bài cảm thuật về Xuân, Hạ, Thu, Đông như sau:

XUÂN

Hoa đẹp lay cành bên gộp đá
Liều mềm lượn gió trước hiên đông.
Hoàng hôn rắng đỏ sau ngàn núi,
Đêm lạng trắng soi sáng vạn tòng.

HẠ

Sắc biếc che trùm cây cỏ mát,
Giai nhân cười nụ đối gương nga.
Hương trầm nhẹ tỏa trong canh vắng,
Ánh ngọc xuyên song thấu trường nga.

THU

Ngàn lau trắng phủ đằm thu bạch,
Núi biếc rừng xa lá điểm hồng.
Thư nhận gửi ai người viễn khách?
Giấc vàng chợt tỉnh quạnh phòng không!

ĐÔNG

Gió rít mưa reo cài kín cửa,
Tuyết bay đêm lạnh khắp giang thành.
Trong phòng lò lửa vầy hơi ấm,
Sẽ nhấp hương trà vị cúc thanh.

Vì Tiết Đào có tài, nên Nam Khang Vương Vi Cảo khi làm Tiết độ sứ ở Tây Xuyên, có dâng biểu tiến cử cho cô làm chức Quân Trung Hiệu Thơ. Bởi thế người bấy giờ đều gọi Đào kỹ nữ là Hiệu Thơ. Cô kỹ nữ này lại ưa ngâm vịnh thi của Tiết Đào, nên khách phong lưu cũng tặng cho danh từ thanh nhã là Hiệu Thơ.

Đang lúc thanh xuân, một hôm cô bỗng tỉnh ngộ việc trần là ô nhiễm, phát tâm quy y Tam Bảo, nguyện giữ mình nghiêm sạch. Từ đó Hiệu Thơ bỏ hết phấn son, chuyên ý tu Tịnh Độ, thuê một căn phố ở Hồng Khẩu tại Thượng Hải, đem bà mẹ về cùng ở. Trên lầu cô trang hoàng tượng Phật và Bồ Tát, có đủ tràng phan bảo cái cùng đồ thờ cúng đẹp nghiêm, mừng tượng như cảnh chùa am thanh tịnh. Mỗi ngày sớm hôm, Hiệu Thơ đều lễ bái trì niệm, gót chân ít khi bước ra khỏi cửa. Ngoài số tiền gửi ngân hàng lấy lời để chi dùng mỗi tháng, cô còn chút ít tài sản riêng, gởi cho

người quen là Lương Quân ở Việt Đông nhờ cất giữ dùm.

Đầu tháng 2 năm Dân Quốc thứ 13, Huệ Thơ sai bà làm công mời Lương Quân đến. Sau khi trà nước xong, cô nói: "Tôi tu hành chưa bao lâu, hân hạnh sớm được giải thoát. Đúng ngày đó tôi sẽ vãng sanh về Tây Phương. Số tiền gửi kia, nhờ tiên sinh trích ra lo liệu giùm việc tang lễ chôn cất, một phần cúng vào chùa để trai tăng kinh sám truy tiền, một phần nữa làm việc phước thiện, mỗi khoản chi dụng là ngàn ấy. Ngoài ra còn dư lại bao nhiêu, xin tiên sinh cũng xử lý dùm cho mẫu thân tôi được an dưỡng trong lúc tuổi già!". Nói xong quỳ cúi lạy để gửi gắm tạ ơn trước. Lương Quân không dám nhận lễ, đứng tránh sang một bên và nói: "Tôi sẽ hết lòng chu tất mọi việc. Nhưng cô còn đang lúc thanh xuân, sao lại vội thốt chi lời ấy?". Huệ Thơ yên lặng trang nghiêm không đáp, sau một lúc hỏi han thăm viếng, Lương Quân từ giã ra về.

Đúng ngày như đã dự ước, quả nhiên bà làm công đến cho hay, cô vừa không bình an lành niệm Phật sanh về Tây Phương. Lương Quân nghe xong rơi lệ, ngạc nhiên thở than khen ngợi, vội đến lo việc tang lễ chôn cất. Còn các điều kiện kia, ông cũng phân xử rành rẽ như lời Huệ Thơ đã gửi gắm dặn dò.

Lời bình:

Sanh làm thân nữ, nghiệp duyên đã nặng. Người nữ mà lạc bước phong trần, thật đáng bi cảm, vì duyên

nghiệp lại càng nặng hơn. Cho nên: bến Tầm trắng nước, nghìn sau còn xót điệu tỳ bà! Lầu Thúy sanh ca, muôn thuở vẫn cảm câu bạc mệnh! Tuy nhiên, bề nghiệp mênh mang, quay đầu là bến. Bởi tại sao? Vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh và đều có thể thành Phật! Như cô Huệ Thơ trên, đang tuổi thanh xuân, tỉnh bừng hoa mộng, giữ mình nghiêm sạch gieo giống sen lành. Chưa mấy năm đài báu ghi danh, đúng kỳ hạn an lành thoát tục. Thế mới biết: Pháp môn Tịnh Độ hạng người nào cũng có thể kham tu. Vương Long Thơ đã khuyên hàng phong nguyệt. Quê xưa chờ đón, khách ly hương muốn về mau trở gót, Niết Bàn kinh ghi Phật tánh thường hằng. Nguyên xin đồng nhân, sanh lòng chánh tín!

NHÂM CUNG NHƠN

Nhâm Cung Nhơn là vợ của Châu Vận Tuyên tiên sanh ở Hải Diêm. Từ trẻ bà đã tin Phật pháp, sau khi về nhà họ Châu, sự giúp đỡ chồng nuôi dạy con đều tròn chức phận. Tánh bà đoan trang nghiêm chánh, đối đãi với người rất ân hậu. Mùa đông năm Giáp Thìn thời Quang Chử nhà Thanh, chồng mãn phần, lúc ấy Cung Nhơn đã 59 tuổi. Trải nhiều phen mục kích cảnh tang thương biến đổi, nhân cảm việc chồng từ trần, bà nghĩ cuộc đời như huyễn, sanh mệnh vô thường, bỗng sanh tâm tư thoát tục. Sau khi xét định kỹ, Cung Nhơn liền đem việc nhà giao cho con trai và dâu, rồi buông hết

muôn duyên trường trai niệm Phật. Sự tu hành của bà rất tinh chuyên, không lúc nào dám trễ bỏ.

Mùa đông năm Đinh Tỵ thời Dân Quốc, Cung Nhơn bỗng vương chứng bán thân bất toại, tay chân tê nhức, lúc đi đứng phải có người dìu đỡ. Bà cho ngăn riêng một gian nhà, phía trước thờ Phật, sau là chỗ nghỉ, ở yên tịnh tu niệm, như người nhập thất. Nhân đó tâm càng định, niệm lực càng được tinh chuyên.

Mùa hạ năm Tân Dậu, hai con là Điều Sanh, Cát Sanh được nghe cư sĩ Phạm Cổ Nông giảng diễn về Phật pháp, anh em mới phát tâm học Phật và đem những điều đã hiểu biết về khuyên giải lại cho mẹ nghe. Nhân đây, lòng tin nguyện cầu sanh của bà càng thêm chuyên thiết. Tháng giêng năm Giáp Tý, Điều Sanh lại có duyên dự cuộc hành trình với các vị cư sĩ đi nghe giảng kinh, Cung Nhơn bảo: "Mẹ đã cao tuổi, con chớ nên đi xa lâu!". Đến ngày hai mươi bốn, bà lại vương chứng thương phong, rồi kế ho suyễn. Sang ngày hai mươi tám, bệnh thêm nặng, người nhà mời các nữ liên hữu đến niệm Phật để giúp sức cầu nguyện. Nghe tiếng xưng hồng danh, Cung Nhơn liền được tâm an, hơi thở điều hòa, rồi chợp mắt thiếp đi một lúc. Đến lúc tỉnh dậy, bà nói: "Vừa rồi ta mộng thấy một lão nương mặt hồng hào, tóc bạc trắng đưa cho một chiếc bánh in bảo ăn. Sau khi dùng xong, ta cảm thấy thanh sáng nhẹ nhàng, nhân mới hỏi: "Tôi có được giải thoát khỏi sự khổ chãng?". Lão nương đáp: "Sẽ được giải

thoát, hãy cố gắng niệm Phật!". Ta nghe nói liền niệm Phật hơn một trăm câu rồi chợt tỉnh!".

Sau khi đó các chứng: thương phong, khí suyễn và bán thân bất toại của bà đều được khỏi hẳn. Đêm ấy Cung Nhơn ngủ một giấc yên lành. Sáng ra thức dậy, bà cảm thấy thân tâm thư thối nhẹ nhàng không còn bệnh khổ, lại thoảng nghe có mùi hương. Đến ngày hai mươi tháng hai, Cung Nhơn sanh chứng uất muộn khó thở, người nhà lại rước nữ chúng tới trợ niệm. Sang ngày hai mươi hai, bà tự biết mình không qua khỏi, dặn gia quyến chớ nên than khóc, phải luân phiên cao tiếng trợ niệm để mình được nương sức niệm theo. Đến canh ba, Cung Nhơn an lành mà qua đời.

Ban sơ tay chân của bà đều lạnh trước, chỉ nơi ngực còn nóng rất lâu. Mọi người vẫn đề yên, cao tiếng niệm Phật tiếp tục không dứt. Hơi nóng mới lần lần chuyển lên tới miệng, mắt, sau cùng đạt thẳng lên đánh đầu. Sự trợ niệm vẫn kéo dài đến nửa đêm hôm sau mới chấm dứt. Lúc tản liệt, tay chân Cung Nhơn còn dịu mềm, sắc mặt tươi như sống. An táng xong, người nhà đem những tờ Tây Phương công cứ của bà đã ghi số câu niệm Phật lúc bình nhứt ra thiêu hóa. Khi lửa tắt, trên tro hiện ra tướng một vị tăng đứng trên hoa sen, nét rõ ràng in như vẽ.

Lời bình:

Ân Quang pháp sư bảo: "Tất cả Lý của thế gian và xuất thế gian đều không ngoài hai chữ Tâm Tánh. Tất cả Sự của thế gian và xuất thế gian, đều không ngoài hai chữ Nhân Quả". Nhâm Cung Nhơn bị vương nhiều bệnh, là chịu quả của nghiệp sát kiếp trước; cảm mộng lành được khỏi khổ, bởi nhờ nhân tu niệm của kiếp này. Lúc lâm chung hơi nóng trụ nơi ngực, đáng lẽ bà phải chuyển sanh làm người tu thêm một kiếp nữa mới được giải thoát. Song nhờ công đức của gia đình và các liên hữu luân phiên chí tâm trợ niệm, nên kết cuộc bà lại được vãng sanh. Điềm này cho thấy sự trợ niệm lúc lâm chung rất là thiết yếu.

TỊNH ĐỘ THI

I

Trong mơ khóc đôi đấng Kim Tiên
Cầu giúp thần công dứt nghiệp duyên.
Phẩm thấp hoa hèn âu mãi nguyện
Khỏi nơi sanh tử khổ triền miên!

II

Lên lầu mơ hướng cõi trường xuân
Nơi ác vàng sa, ráng đỏ bùng!
Cảm đấng cha lành thương trẻ dại
Cánh bèo mãi lạc bến trầm luân!

III

Cảnh đẹp Tây Phương sự uyên nhiên
Muốn về còn phải tại nhân duyên.

Giữ lòng một niệm dường gương sáng
Chi ngại Từ Tôn chẳng hiện tiền!

IV

Nhật lặn trời tây sáng tử hà
Hồ tâm trong suốt hiện liên hoa.
Ngẩng đầu lối thẳng miền quê đó
Ai bảo mười muôn cõi cách xa?

Nhật Quán thiên sư

V

Nghèo khó đông con nhiều nỗi khổ
Giàu sang ngại ít gái cùng trai.
Đạo nhọn độ ngộ rồi vô sự
Năm ngắm trời tây mây trắng bay!

VI

Lâu các trùng trùng Anh Vũ châu
Ấy ai đến đó thử nhàn du?
Thanh Giang mấy khúc Ly tình điệu
Thương kẻ vô tâm mãi khổ sầu! (1)

Hối Phu

(1) "Lâu các trùng trùng Anh Vũ châu", tức ám chỉ cõi Cực Lạc, nơi có lâu báu trùng điệp và nhiều chim lạ.

"Thanh Giang mấy khúc Ly tình điệu". Xưa có sĩ tử trên đường ứng thí đi đến Thanh Giang, một vùng non xanh nước biếc, nghe điệu thổi sáo rồi tiếp theo bài ca, chỉ nhớ hai câu sau chót "Khúc chung nhưn bất kiến.

Giang ngạn số phong thanh". (Khúc nhạc ca xong chẳng thấy người. Bên bờ sông duy còn sừng sững mấy ngọn núi xanh biếc). Sĩ tử kinh ngạc, cho đó là tiên khúc, vì lời ca rất siêu xuất, lìa phàm tình, hay đến độ nhập thần không thể diễn tả! Đây ý nói niệm Phật là khúc nhạc chân tâm như Ly tình điệu ở Thanh giang, tiếc cho kẻ vô tâm, không hiểu thấu, chỉ mãi theo niệm trần phiến não đau buồn.

VII

Niệm Phật đừng hềm vọng tưởng nhiều
Vọng nguyên hư giả khởi từ đâu?
Chỉ cần mỗi chữ nghe rành rõ
Niệm mãi tình quên đến ngọc lâu.

VIII

Mặc trì Phật hiệu cảnh êm đêm
An tĩnh thâm vui lúc giữa đêm
Bóng trúc trắng dờn song cửa sáng
Nghỉ hàng cây báu mọc bên thềm!

Bắc Sơn đại sư

IX

Niệm Phật khác chi thuyền độ lớn
Đưa người toàn chẳng lựa ngu hiền.
Bên này ví biết nhiều nguy hiểm
Thì xuống thuyền sang cõi bảo liên.

X

Làng sen đến viếng bạn sen ta
Một nén hương thanh một chén trà.

Việc thế bàn chi thêm tục lụy?

Niềm vui nhàn ngợi bạch liên hoa

Ưu Đàm đại sư

CHÂU THỊ

Nhà lan thanh vắng, giậu cúc lơ thơ, trời thu phân cảnh vật tiêu sơ, người liên nữ bẽn lẽn lòng tín nguyện! Đó là gia cảnh của Châu thị, và bà đang theo thời khóa thành tâm niệm Phật.

Châu thị nguyên là vợ của họ Chương. Từ trẻ bà đã biết thờ kính Quán Thế Âm Đại Sĩ, tin sâu nhân quả, từ hòa hiếu thuận và ưa thích điều lành. Đến sáu mươi tám tuổi, Châu thị mới được nghe biết sự lợi ích của pháp môn Tịnh Độ, liền trường trai niệm Phật ra tiếng một muôn câu, ngoài số ấy đều tùy thời tùy cảnh niệm thầm. Công phu hành trì như thế đã trải hơn mười năm. Mấy năm sau cùng vì tránh sự phiền nhiễu, Châu thị thường tĩnh tọa nơi gian nhà riêng, sự tu trì càng thêm mật thiết. Có đôi lúc bà ngồi yên nhắm mắt hướng về Tây, luôn hai ba ngày không ăn uống nơi cổ tay mạch không còn nhảy; duy có nét mặt sáng tươi, toàn thân nóng ấm. Sau khi ấy, người nhà hỏi về tình trạng lúc đương thời, bà đáp: "Ta thấy mình ngồi niệm Phật trên tòa hoa sen to đẹp, quên hẳn thời khắc, lòng rất sáng nhẹ an vui!".

Đến năm Dân Quốc thứ hai mươi, vào khoảng tháng sáu, Châu thị bỗng cảm bệnh. Đứa con trai suýt lãnh người nhà luân phiên trợ niệm. Vài hôm trước khi

mãn phần, bà nói với gia thuộc rằng: "Ta còn lưu trụ hai ngày nữa, các con nên tạm nghỉ ngơi. Hãy chuẩn bị nấu nước thơm cho ta tắm gội, và y phục giày dép đều phải đôi thứ mới sạch!". Hai hôm sau, vào giờ Ty, bà ngồi ngay thẳng hướng về Tây, nhắm mắt không nói năng chi cả. Con trai thấy thế, lại gọi người nhà vây quanh, đồng cao tiếng niệm Phật. Độ vài mươi phút kể đó, Châu thị ngồi yên ổn mà tất hơi gương mặt lộ nét tươi vui hòa nhã. Hơn hai giờ sau, đánh đầu của bà hãy còn nóng.

Có điều đáng kỳ diệu là đang lúc làm lễ nhập liệm, đưa cháu nội gái của bà, vì quá thương khóc nên ngã xuống hôn mê. Mẹ đưa bé này tức là dâu của Châu thị, cũng đã niệm Phật vãng sanh từ mấy năm về trước. Khi được người nhà vực tỉnh dậy, bé gái nói: "Con thấy từ phương Tây phóng tới ánh sáng to rộng rực rỡ. Đức Quán Thế Âm thân tướng nghiêm đẹp, tay cầm cành dương liễu, theo sau có vô số Bồ Tát nương giữa hư không bay đến. Trong giây phút mẹ cùng bà nội thân tướng cao lớn tươi tốt hơn lúc bình thường, theo sau chư Bồ Tát bay về phương Tây. Ngoài ra lại còn có vô số hoa lạ, tràng phan bảo cái hiện giữa hư không, tất cả cảnh vật đều trang nghiêm rực rỡ khác thường. Trông thấy cảnh ấy lòng con chợt an vui, quên hẳn sự xót xa thương khóc. Bây giờ con không còn lo buồn nữa, vì biết rõ mẹ và bà nội đã về cảnh Phật!".

Lời bình: Phàm sanh về Cực Lạc, không luận trai gái già trẻ, đều hiện thành thân nam đủ ba mươi hai tướng tốt. Đứa bé thấy mẹ cùng bà nội đều còn thân người nữ, đó là phương tiện hiện ra tướng cũ, để cho nó dễ nhận biết. Độc giả khi xem đến đoạn này, chớ hoài nghi!

ĐẶNG NỮ SĨ

Đặng nữ sĩ tên Kế Thúc, nhà ở thị xã tỉnh Hàng Châu, tánh người vốn đoan nghiêm thuần cần. Từ nhỏ cô đã học giỏi, tài hạnh nổi tiếng nơi nhà trường. Bởi có tài sắc, nên mới 14 xuân xanh đã được nhiều nơi dạm hỏi. Sau thời gian kén chọn, đến năm 17 tuổi, cô được cha mẹ gả về nhà họ Biện ở Dương Châu.

Nữ sĩ hiếu hạnh với cha mẹ chồng, khéo thừa thuận đấng phu quân, được hàng xóm ngợi khen là trang hiền thực. Năm Quý Hợi thời Dân Quốc, sau khi sanh nở cô nhiễm bệnh. Sang mùa thu năm Giáp Tý, nữ sĩ xin về Hàng Châu thăm viếng song thân, nhân tiện để điều dưỡng. Nhưng trải qua sự chẩn trị của đông y rồi tới tây y, bệnh của cô vẫn không giảm mà còn tăng thêm. Kế đó cô vương chứng trầm kha, nằm liệt giường chiếu. Mẹ và chị ruột đã quy y Tam Bảo từ lâu, hằng khuyên cô niệm Phật, song nữ sĩ còn do dự chưa quyết.

Đến ngày 13 tháng chạp năm ấy, bệnh nguy kịch, cô gọi chị lại trời dặn về các hậu sự. Người chị hứa nhận và an ủi, nhân dẫn giải về kiếp người dương

mộng huyền, pháp Phật khó được nghe, ba cõi phiền não nóng bức như nhà lửa, phải sớm cầu giải thoát. Tiếp theo lại khuyên cô nên quy y Tam Bảo, niệm Phật cầu sanh về Tây Phương. Sẵn tánh thông minh, lại đang lúc gặp cảnh mạng sống mong manh, nữ sĩ nghe qua như có chỗ cảm ngộ, liền gật đầu chấp thuận. Ngay trong hôm ấy, người nhà thỉnh Khước Phi thượng nhơn đến truyền quy giới cho cô. Từ đó hàng thân quyến vì nữ sĩ tụng kinh niệm Phật cầu nguyện. Tuy đang đau nặng, cô vẫn phát tâm mạnh mẽ, quên thân cố gắng tinh tấn niệm theo. Người chồng hay tin cũng vội đến trợ niệm, chí thành cầu Tam Bảo gia bị. Hai hôm sau bệnh thuyên giảm, sự đau đớn cũng lần nhẹ bớt, cô cảm thấy trong người thanh thản khinh an.

Ngày kế, tức 16 tháng chạp, vào khoảng chiều tối. Nữ sĩ cho mời chị lại, nhờ thay mình tạ ơn các vị niệm tụng. Xong, lại đối trước bà ở häng theo phụ giúp mình là Tôn má má, ngỏ lời cảm ơn, rồi đôi ba phen dặn bảo rạn mai phải thức dậy sớm. Tôn má má ra ngoài thuật lại, mọi người liệu rằng cô đã dự biết trước thời khắc lâm chung nên suốt đêm đó thay phiên nhau niệm Phật liên tiếp. Người chị lại đem tượng Tây Phương Tam Thánh, lập bàn đê trước giường, bảo cô vừa quán tưởng vừa trì niệm. Nữ sĩ nhứt nhứt y lời, tay lần chuỗi, mắt nhìn tượng, sẽ động môi niệm Phật theo đại chúng.

Trời hừng sáng, trước khi mạng chung, cô nói: "Tôi thấy có một vị Bồ Tát, sắc mặt như vàng ròng, đôi mắt

dài xanh biếc". Nói xong, khẽ đưa mắt liếc nhìn qua lại, trạng thái rất an lành! Một lát sau, nữ sĩ hai tay kết ấn, to tiếng niệm Phật mấy câu rồi tắt hơi. Lúc đó, cậu bé trong nhà là Dương Phước Sang đang đứng niệm Phật, bỗng như mơ đi trong mấy phút, thấy Quán Thế Âm Bồ Tát cùng chư Thánh chúng từ xa bay đến, đứng giữa hư không tiếp dẫn nữ sĩ đưa về phương Tây. Khi ấy, vừa bước sang giờ Thìn, ngày 17 tháng chạp năm Giáp Tý.

Hai hôm sau vào khoảng buổi chiều, việc chôn cất di hài của nữ sĩ mới hoàn tất. Đám đông người đưa tang ra về, xôn xao bàn luận giữa niềm tin tưởng giọng than thở ngợi khen. Lúc ấy ánh tịch dương sắp tắt, chợt phóng tia sáng rực rỡ xuyên qua ngàn cây, chiếu vào phân nửa đầu ngôi mộ mới đắp, như gọi cảm tưởng người về Tây Phương sẽ hé đôi mắt nhìn lại cõi đời ngũ trược đầy phiền lụy một lần cuối cùng. Xa xa, trên nóc mấy ngôi nhà tranh áp vào chân núi, vài ngọn khói lam lừng lơ nhẹ bốc lên giữa cảnh trời chiều yên lặng.

TRẦM THỊ

Trầm thị người ở huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô. Bình sanh tâm của bà rất tốt, đủ những tánh đức: ngay thật, hòa nhã, thành khẩn, nhân từ. Thấy các việc nghĩa bà liền gắng làm tận lực, lại ưa thành tựu điều tốt cho người. Bởi thế kẻ chung quanh vùng đều mến ưa kính trọng.

Căn lành đã sẵn, nhưng tiếc vì thiếu bậc trí thức chỉ dạy rành rẽ cho phương thức tu hành, Trầm thị chỉ nghe người nói qua pháp môn Thập Niệm cầu sanh về Tịnh Độ. Tuy nhiên bà rất lấy làm hoan hỷ, phát lòng tin chắc không nghi, và chí thiết thật hành. Sự tu trì của bà rất bền bỉ tinh tấn, không lúc nào trễ sót, hơn hai mươi năm như một ngày.

Niên hiệu Dân Quốc thứ 15, Trầm thị bỗng cảm bệnh nhẹ rồi mãn phần. Khi bà sắp mạng chung, đứa con út mới hơn mười tuổi đang chơi đùa bên ngoài, chợt thấy từ giữa hư không vô số chư tăng bay xuống vị nào cũng có hoa sen đỡ gót, tướng tốt cao lớn trang nghiêm, nơi thân có ánh sáng phóng ra rực rỡ chói mắt. Trong ấy có một vị tăng cao lớn khác thường, tay cầm hoa sen to đẹp trao cho mẹ mình. Chợt một thoáng, cậu bé thấy mẫu thân đã vào ngòi nơi hoa sen. Đang lúc nó kinh lạ nhìn ngơ ngẩn xuất thần, bỗng nghe cô chị đứng ngay cửa sổ gọi to bảo mẹ đang hấp hối, hãy mau vào tống chung. Khi đưa bé vào đến bên giường, thì Trầm thị đã nhắm mắt qua đời, trong nhà hương lạ tỏa bay bát ngát. Hơn mấy hôm sau, mùi thơm ấy mới tan. Gia nhơn tìm mãi không biết hương đó phát ra từ đâu.

Về sau, cậu bé thường đem chuyện ấy thuật lại với mọi người, và nói: “Lúc mẹ đã ngòi trong hoa sen, vì bị chị gọi vào nhà, nên không được nhìn thấy mẫu thân và chư tăng bay về Tây Phương như thế nào”. Cậu tỏ vẻ tiếc mãi về việc ấy.

Lời bình:

Trong 48 Đại nguyện, Đức A Di Đà Thế Tôn có lời phát thệ: “Nhu chúng sanh nào muốn về nước ta, chí tâm xưng danh hiệu ta cho đến mười niệm, nếu chẳng được vãng sanh, ta thề không thành Chánh Giác”. Nay Ngài đã thành Phật, tất biết điều nguyện ấy không hư dối. Trầm Thị chỉ tu theo pháp Thập Niệm, nghĩa là mỗi ngày đều chấp tay hướng về Tây xưng Nam Mô A Di Đà Phật mười hơi, kết quả được sanh về Cực Lạc. Sự vãng sanh của bà yếu ước do ba điểm: Lòng tin chắc chắn; tâm nguyện chí thiết; sự hành trì vững bền. Khi đã vãng sanh, tức chẳng còn nỗi khổ luân hồi, thuần hưởng những điều vui, lần lần tiến chứng đạo phẩm, không bị thối chuyển và kết cuộc sẽ thành Phật. Sự việc trên cho ta thấy điểm đặc biệt của môn Tịnh Độ: “Nhân hành trì rất dễ, quả thành tựu cực cao”.

LÂM THỊ

Lâm thị pháp danh Tánh Ngộ, nguyên là kế thất của cư sĩ Hứa Bình Trọng. Mẹ cô họ Uông, thờ đức Quán Thế Âm rất thành kính. Từ thuở bé cô đã theo mẹ giữ Quán Âm trai, đến năm 24 tuổi mới về nhà họ Hứa. Hứa Quân làm quan từ Chương Châu, rồi thuyên chuyển sang Giang Tô, Lâm thị cũng theo chồng.

Mùa xuân năm Quý Hợi thời Dân Quốc, Hứa Bình Trọng nhận lời mời của cư sĩ Mã Ký Bình, đến Vu Hồ nghe Đế Nhàn pháp sư giảng kinh. Do cơ hội đó, Lâm

thị cũng được đi theo. Sau khi giảng kỳ hoàn mãn, vợ chồng đều quy y với Đế lão. Lúc trở về Nam Kinh, Lâm thị đóng cửa chuyên tu Tịnh Độ. Cô đốc suất con cái trong nhà đều trường trai niệm Phật, mỗi ngày giữ thời khóa nhất định. Riêng con gái kế của cô phát tâm xuất gia, thế độ với Giác Minh đại sư ở Vu Hồ, được pháp danh là Phổ Huệ. Thiếu nữ này ngôn hạnh đoan trang, tu hành tinh tấn, nên hơn một năm sau được thầy cho thọ giới sa di ni.

Tháng 6 năm Bính Dần, Phổ Huệ vương bệnh rồi viên tịch. Khi lâm chung, được Lâm thị cùng đồng bạn xung hồng danh hộ trợ, cô giữ vững chánh niệm đến phút chót, và vãng sanh trong trạng thái rất an lành. Hôm sau tử liệt, tay chân của Phổ Huệ đều dịu mềm, đánh đầu hấy còn nóng ấm.

Mục kích sự vãng sanh của con, Lâm thị càng phát tâm tinh tấn mạnh mẽ. Từ trước mỗi ngày cô giữ định khóa tụng một quyển kinh Kim Cang, niệm hai muôn câu Phật hiệu, dù lúc công việc bận rộn hay mỗi mệt đau yếu, cũng gắng hết sức không dám trễ bỏ. Lúc sau này, lại trì niệm cực kỳ chuyên thiết. Cô tự nói: “Những khi mình niệm Phật đến mức rất thành khẩn, liền thấy đức A Di Đà ngồi trên hoa sen, cảnh ao báu lâu đài hiện rõ ràng trước mắt”. Bình nhật Lâm thị ưa đọc quyển Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, rất tôn sùng các ngài Đế Nhàn, Ấn Quang cùng Giác Minh đại sư. Cô thường nói với đồng bạn: "Tuy tôi chưa có duyên

lành diện kiến Ân Quang pháp sư, song đã được thấy văn cũng đồng như thấy người. Yếu điểm về hai chữ Thành Kính trong tập Văn Sao của ngài, nếu hành trì một cách thiết thật, có thể chứng được Niệm Phật tam muội!". Lại nói: "Thân này là nơi tập trung của mọi nỗi khổ, mà nghiệp ái lại là cội rễ của sự khổ. Nếu không trừ gốc ái, làm sao dứt được khổ căn?". Do đó sau khi quy y không bao lâu, Lâm thị ước hẹn với chồng cùng tu hạnh thanh tịnh, dứt sự ái ân, xem nhau như bạn đạo.

Sau thời gian Phổ Huệ vãng sanh, từ tháng 7 năm Bính Dần trở đi, Lâm thị cũng đau yếu dây dưa, nằm trên giường bệnh hơn ba tháng, song vẫn không rời câu Phật hiệu. Đến ngày mùng 6 tháng 10, vào tuần bá nhật của con, do cô gia công trì niệm, nên bệnh lại tăng thêm. Tới ngày 27, Lâm thị bảo người nhà lau dọn trong phòng cho sạch sẽ, và xông đốt trầm hương. Mọi việc xong, cô bỗng chắp tay nói: "Tam Thánh hiện thân vàng nghiêm đẹp, ngỏ lời khuyên nhắc, quang minh chiếu sáng rực cả phòng!". Ngày 28, cô bảo nấu nước ngải diệp cho mình tắm gội để tiện ra mắt Tam Thánh. Sang chiều tối ngày 29, Lâm thị dạy con cái vây quanh mình niệm Phật và nói: "Vài hôm nay, mẹ đã có thể tự chủ, câu hồng danh chẳng giây phút nào rời nơi tâm!". Sáng ngày 30, vào lúc 7 giờ, cô bỗng nói: "Tây Phương Tam Thánh đã quang lâm!". Nói xong yên lặng, Hứa Quân bảo người nhà đồng chắp tay trợ niệm. Tới 9 giờ sáng, hơi thở của Lâm thị lần lần yếu, một đứa con hỏi:

"Mẹ có nghe niệm Phật chẳng?". Cô không đáp, sẽ gặt đầu. Kế đó Hứa Quân đem tượng Phật tiếp dẫn đi trước mặt. Lâm thị liền mỉm cười nhắm mắt mà đi thẳng.

Hai giờ chiều đánh đầu cô còn nóng. Sang 5 giờ tân liệm, tay chân vẫn mềm dịu như bông, nhan sắc tươi sáng. Vài hôm sau, làm lễ thiêu hóa, khói trắng bốc lên bay xuôi về hướng Tây. Đêm ấy bà nữ bộc họ Hoàng nằm mơ, thấy Lâm thị hiện thân tướng tốt đẹp, chấp tay niệm Phật càng lúc càng cấp thiết, rồi bay thẳng về Tây Phương.

PHẠM THỊ

Phạm thị, người ở Đài Loan, con nhà nghèo, buôn nghề này bắt nghề kia, làm ăn tuy giỏi giẩn, song cuộc sống vẫn vất vả. Tánh bà rất ngang ngạnh nóng dữ, không tin ngôi Tam Bảo, chẳng kể trời đất thánh thần cho đến bậc người tôn trưởng. Sau bà mang nghiệp báo, bị chứng bấu rộp lớn như cái chén, máu mủ rỉ chảy, ngày đêm đau nhức rên la.

Vào tháng giêng năm Dân Quốc thứ 16, Phạm thị được nghe một vị tăng giảng Phật pháp, nói về việc báo ứng nhân quả. Bà sanh lòng ăn năn sợ hãi, đến ngày mùng 8 tháng 2, quyết ý vào chùa đánh lễ Mậu Phong đại sư, xin quy y thọ giới, được pháp danh là Liễu Hương. Từ đó ngày đêm Phạm thị chí tâm niệm Phật không dứt, nên bệnh khổ lần lần thuyên giảm, thân tâm

được chút thơ thới an vui. Do đó bà phát lòng tin nguyện sâu thiết, tu trì hết sức đồng mãnh. Chưa đầy hai tháng, bà đã có thể dự biết trước thời kỳ lâm chung.

Trước khi mãn phần 3 ngày, Phạm thị tự nói mình thấy thần hồn dạo chơi cõi Tây Phương Cực Lạc, mục kích nhiều thắng cảnh kỳ diệu trang nghiêm. Vào nửa đêm ngày mùng 6 tháng 4, bà thấy Phật phóng quang minh rực rỡ như ban ngày. Trong nhà không có đèn đuốc mà tự sáng tỏ. Người nhà cùng dâu con đồng thời đều chứng kiến, Phạm thị tự ngồi kiết già chấp tay nói: "Phật cùng Bồ Tát đã đến tiếp dẫn! Tôi xin đi!". Nói xong niệm Phật vài câu, rồi mỉm cười mà quá vãng. Lúc ấy người nhà đều nghe mùi hương lạ, đến sáng cũng chưa tan. Bấy giờ bà đã 60 tuổi.

Lời bình:

Chúng sanh mỗi người đều có căn lành cùng nghiệp dữ. Nếu gặp thầy tà bạn xấu thì nghiệp ác tăng trưởng, sẽ bị sa đọa tam đồ. Như duyên may gặp thiện tri thức, tất căn lành phát triển, có thể tiến lên cảnh giới Thánh Hiền. Phạm thị đã sẵn căn lành, lại biết chuyển tánh ngang dữ thành sức tu hành mạnh mẽ quyết liệt, nên công đức tăng trưởng gấp ngàn vạn bội, thông cảm đến Phật, Bồ Tát, mau đạt kết quả vãng sanh. Cho nên, nghiệp ác chẳng đáng sợ, chỉ lo kẻ không biết sớm quay đầu.

LƯU NHỊ CÔ

Lưu Nhị Cô người gốc Kim Lăng, cư ngụ ở am Chuẩn Đề, tại huyện Hoài An tỉnh Hà Bắc. Bà cùng con gái hai người đều tinh tấn tu trì, ngày đêm tụng kinh niệm Phật không biếng trễ.

Mỗi năm vào các ngày vía Phật, Bồ Tát, bà chiêu tập các liên hữu tổ chức hội kỳ niệm Phật 7 ngày đêm. Những người đến gia nhập hội kỳ càng lúc càng đông, tất cả đều tỏ vẻ vui mừng tinh tấn. Hai mẹ con vừa tự tu, vừa hướng dẫn người như thế có hơn 20 năm.

Niên hiệu Dân Quốc thứ 18, vào ngày 12 tháng 10, bà lại tổ chức kỳ Phật thất. Đến ngày 14, Lưu Nhị Cô bỗng gọi con gái bảo: "Ngày mai, tức nhằm kỳ rằm Hạ nguơn, mẹ sẽ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được dự vào bậc Trung phẩm trung sanh. Vậy con nên hân hoan, chớ đem lòng thương buồn! Về sau, con nên theo gương mẹ mà hướng dẫn tín chúng. Tất cả đều phải lấy niệm Phật làm chủ chánh, và cõi Cực Lạc làm chỗ nương về. Đừng chuyển hướng theo phương thức tu hành nào sai khác, và chớ phá hư quy củ của ta! Bởi vào thời mạt vận, không có đường lối giải thoát nào chắc chắn nhiệm mầu bằng pháp môn Niệm Phật!". Nói xong, vẫn bình thản trì tụng như thường.

Quả nhiên qua nửa đêm, vào cuối giờ Tý ngày rằm, Lưu Nhị Cô ngời kiết già to tiếng niệm Phật mà vắng sanh. Sau khi bà qua đời, gương mặt bỗng đổi sắc hồng

hào tươi sáng hơn lúc còn sống, đánh đầu nóng ẩm rất lâu. Bà hưởng thọ được 80 tuổi. Ngày 17, khi đưa đi hài vào bảo khám, trước mặt Lưu Nhị Cô bỗng hiện lên một đóa hoa sen xanh, hồi lâu mới ẩn mất.

Lời bình:

Lưu Nhị Cô tu hành chắc thật, nên được vãng sanh là việc dĩ nhiên. Song có điều đáng khen là bà vừa tự tu vừa khéo dùng phương tiện để độ người. Điểm này chẳng những hàng xuất gia phải lưu ý, mà người tại gia cũng nên bắt chước theo. Với hàng cư sĩ, thỉnh thoảng nên hội họp một ít bạn đồng tâm, lập hạn kỳ 7 ngày cùng nhau sách tấn tu hành, để dễ tăng phần liên phẩm.

LÝ TRINH NỮ

Lý Trinh Nữ, người ở Lịch Thành tỉnh Sơn Đông. Cô sớm quy y ngôi Tam Bảo, được pháp danh là Tịnh Ngộ. Từ thuở bé, Trinh Nữ đã mồ côi cha mẹ, nương ở theo anh và chị dâu. Vì cảm ngộ cảnh khổ, nên cô giữ chí không lập gia đình, ăn chay trường hơn 10 năm, song chưa được nghe biết pháp yếu.

Năm Dân Quốc thứ 13, do nữ cư sĩ Ngô Thanh Hương tiến dẫn, Trinh Nữ đến Sơn Đông Nữ Tử Liên Xã để dự vào hội niệm Phật. Từ đó cô trì danh không xen hở, lại tiến thêm thọ giới Bồ Tát tại gia. Trước kia cô đã mang chứng lao phổi và ghẻ tràng nhọt ở cổ, hai căn bệnh này kéo dài hơn vài mươi năm, thỉnh thoảng lại làm cho phát cơn nóng lạnh, khiến Trinh Nữ chịu

nhiều nổi khổ, mỗi lúc càng thêm khô gầy. Về sau cô suy yếu đến đôi khi đi phải vịn vào vách, song vẫn bền chí không rời câu niệm Phật.

Đến năm Dân Quốc thứ 19 vào tiết Hạ nguơn, sau khi trì danh đọc lời văn phát nguyện xong. Trinh Nữ gọi cô bạn đến trợ niệm là Tịnh Hưng bảo: "Nay thân tôi an ổn không còn thấy bệnh khổ, lòng không tham luyến, ý không điên đảo, niệm Phật được nhứt tâm. Đức A Di Đà Thế Tôn tất sẽ đến tiếp dẫn vãng sanh, điều này thật đáng hân hạnh!". Trước đó ba ngày cô đã không ăn uống, chỉ chuyên giữ câu hồng danh. Lúc sắp mạng chung, Trinh Nữ đẽ tay nơi ngực nói: "Trong đây có đóa sen, cần phải tưới bằng nước niệm Phật cho nó nở. Hoa này thuộc về công đức của tôi!". Rồi bỗng dang hai tay đưa lên nói: "Có đài vàng lớn từ phương Tây nương theo hư không lướt mây gió bay đến. Đóa sen tôi thấy nhỏ hơn kim đài. Ôi hân hạnh thay! Phật A Di Đà cùng hai vị Bồ Tát cũng đều đã xuất hiện!". Thốt xong, to tiếng niệm Phật rất cấp thiết luôn một hơi dài, rồi chấp tay nhắm mắt yên lặng mà thoát hóa.

Hơn hai giờ sau, đánh đầu cô còn nóng.

Lời bình:

Một bậc cao đức thời xưa đã bảo: "Các sự khổ đều là thiện tri thức của người tu!". Cho nên đối với kẻ có trí huệ, biết tu hành dù cho ma chướng cũng trở thành duyên tiến đạo. Lý Trinh Nữ đã sống trong cảnh cô cút, lại nhiều năm đau bệnh kéo dài, ngoài sự chí thành

nương tựa theo Phật ra tất chẳng còn hy vọng và tham luyến nào khác! Giữa đời sự họa phước ẩn nấp nhau, trong phước có họa, trong họa có phước. Cho nên người sống trong cảnh vinh quang hạnh ngộ, chớ vội tự phụ đắc ý vui mừng, kẻ chìm trong khổ lụy nhọc nhằn, cũng chớ vội lấy làm đau buồn tủi hận.

ĐƯ PHU NHƠN

Đư phu nhơn, nguyên là con của Đư Thích Trung, vợ của cư sĩ Thích Ngạc Lâu, ở huyện Hiệp Phì tỉnh An Huy. Thích Trung từng thuyên chuyển làm quan tại các vùng Hoành Châu, Tứ Châu, Trí Châu. Mẹ của phu nhơn là Khánh thị, cảm mộng thấy vị lão ni trao cho một hạt châu mà sanh ra bà, nên phu nhơn được song thân đặt tên là Huệ Châu.

Từ thuở bé Huệ Châu đã có tánh linh mẫn, học thông kinh sử, sự hiểu biết sâu rộng hơn người. Năm 10 tuổi gặp một cơn bệnh nguy ngặt, cô mộng thấy vị lão ni dùng tay xoa vuốt, bệnh liền thuyên giảm rồi an lành. Sau khi được cha mẹ gả về nhà họ Lý, năm 23 tuổi, Huệ Châu vương bệnh nặng, lại mộng thấy vị lão ni trước cứu chữa và dạy bảo phải trì tụng kinh Kim Cang. Lúc bình phục, phu nhơn phát nguyện ngoài sự trì niệm hằng ngày, còn xin tả một trăm quyển Kim Cang Bát Nhã.

Một đêm đang lúc tả kinh, hoa đèn bỗng phát nổ tan ra thành những tia vàng như mây ráng đỏ, làm sáng

rực cả nhà, hồi lâu mới tắt. Từ đó mỗi khi cầm bút tả kinh, nơi móng cái tay mặt của Huệ Châu liền hiện ra ánh sáng tròn như khuôn gương, soi thấy mặt mình cùng mọi vật chung quanh. Lúc buông bút, quang minh đó mới ảm mất. Trong vài mươi năm đều có cảnh tượng ấy, nên phu nhơn tin Phật càng sâu. Năm 30 tuổi, Huệ Châu theo chồng trong cuộc thuyên quan đến tỉnh Hồ Bắc, thường ưa tới chùa lễ Phật và hỏi đạo nơi hai bậc tôn túc là các ngài: Nguyệt Hà, Tâm Tịnh. Hơn 40 tuổi, bà trường trai niệm Phật, quy y với Đế Nhân đại sư, được pháp danh là Trí Đức. Mấy năm sau gia đình lại di chuyển về Tô Châu. Nơi đây, phu nhơn mở một gian tịnh thất thờ Phật rất trang nghiêm, hằng ngày tu Tịnh Độ sám lễ kinh Địa Tạng.

Năm Dân Quốc thứ 17, lúc được 52 tuổi, phu nhơn cảm bệnh nhẹ, rồi giữ câu hồng danh chánh niệm mà vãng sanh. Sau khi tắt hơi, đánh đầu bà nóng rực hơn hai ngày mới tan. Sanh bình, phu nhơn từng cắt thịt bấp vế hai lần hòa với thuốc để trị bệnh cho cha và chồng. Lúc nhập liệm, thi thể của bà rất nhẹ nhàng, tay chân mềm dịu. Cuộc an táng hoàn tất vào chiều tối đêm trung thu nơi miền sơn cương thanh tú. Lúc ấy trên trời gương nga vắng vặc, chiếu soi một vùng rừng núi cao rộng bao la. Trăng cùng núi sáng lạng êm đềm, như thàn chứng minh cho một chân linh đã được siêu thoát, một nguồn đạo vô kim cổ, tuyệt nhị nguyên, không thể dùng sự tìm cầu hỏi han mà hiểu biết được! Bởi dù có

hỏi thì: "Hỏi trăng, trăng chẳng trả lời. Hỏi hoa, hoa vẫn mỉm cười làm ngơ. Hỏi sông, sông lặng như tờ. Hỏi non, non cứ trơ trơ với mình!", như lời một vị thiền sư đã nói.

KHUYÊN TU

(sao lại bài dịch khoảng ba mươi năm về trước, dưới bút hiệu Trí Hiền).

Xưa Nhan Bình, Như Như cư sĩ
Dẫn luận kinh, ý ý khuyên cầu
Bút nhàn phiên, khoảng canh thâu
Tĩnh ai trần lụy, đôi sầu làm tươi!



Thân mộng ảnh, lắm người yêu quý
Yêu quý thân, cho lụy vì thân
Tham vui những ước vô ngần
Nào hay vui lại là nhân khổ sầu!
Giác phù thế, bóng câu cửa sổ
Vóc huyễn hư, giọt lệ lòng hoa
Đôi mươi trẻ, chín mươi già
Nhưng dù yêu thọ chẳng qua vô thường
Dẹp dưới giường, lên giường cách biệt
Sống ngày nay, dễ biết ngày mai?
Mạng người hô hấp cho hay
Gẫm cơn vĩnh biệt tuyền đài mà đau!
Than duyên kiếp, ngán sao một kiếp?
Đắm huyễn thân, nhiều thiệt bởi thân!

Lớp da gói những thịt gân
Bốn duyên giả hợp rồi phân chắc gì?
Tóc, răng, móng, vẽ chi đất bợn!
Huyết, tủy, xương, chán gớm bọt bèo;
Bên ngoài rệp núp muỗi đeo
Bên trong trùng sán lẫn vào nhớp chưa?
Nổi nóng bức, ngày trưa tiết hạ
Cơn lạnh lùng, đêm giá trời đông
Xét thân khô, tỉnh mơ mòng
Khép lòng ái luyến, mở lòng thoát ly.



Mùi thể lụy say chi lắm kẻ?
Lớp phong lưu, bày vẽ y quan
Đại khôn cùng học làm sang
Sóng lòng điên đảo theo làng sắc thanh
Đầu xương nọ, cài trâm thắt lụa
Đầy da kia, ướp xạ xông hương
Đua đòi nhung gấm phô trương
Chỉ tuồng che lớp vô thường như tanh.
Vườn hoa mộng, tưởng xanh muôn thuở
Tuổi phương xuân, còn ngỡ dài xa!
Phút đâu tai điếc mắt lòa
Diêm Vương chực rước đến tòa U minh
Làn tóc bạc, nhắn tin sứ quý
Chiếc răng long, gợi ý quy âm
Càng tài càng sắc càng dâm
Càng cho đọa lạc, càng làm mà thôi
Mùi hoan ái, một thời say tiếc

Nẻo luân hồi, muôn kiếp đắng cay
Đến khi sắp xuống Diêm đài
Gân xương đau nhức, chân tay rụng rời!
Vợ lưu luyến, đầy vơi mắt lệ
Con xót xa, kẻ lẻ tiếng than!
Dẫu rằng quyền thuộc trăm ngàn
Có ai thay thế cho chàng được chăng?



Kẻ sống ở, nặng oằn gánh tải
Người thác đi, dong ruỗi phách hồn
Đường âm mờ tựa đêm hôm
Trông ra quanh quẽ bồn chồn thảm thê!
Nại Hà đến, lạnh tê gió lốc
Quỉ môn sang, ghê gớm tiếng thương!
Bảy ngày lìa quá cõi dương
Âm ty đã trải trăm đường khảo tra
Tào quan xử, quát la chẳng vị
Ngục tốt hờn, quay chủ múa xoa
Đài gương Nghiệt Cảnh sáng lò
Soi tường thiện ác chối qua được nào
Người nhân đức, đưa vào cửa phước
Kẻ hung gian, giải trước hình ty
Dạ đài khổ sở xiết chi
Mới hay nhân quả mấy khi sai lầm?
Rừng đao kiếm, bao năm hết tội?
Kiếp sùng lông, nhiều nỗi đa mang!
Trả đền cho dứt nghiệp oan
Mới mong thoát khỏi mọi ràng long đong

Dù ai có to lòng lớn mặt
Mặc chàng hay báng Phật khinh tăng
Chẳng qua đối trước Diêm quân
Cúi đầu co gối chịu phần xử tra.



Hồn phách đã chơi xa âm giới .
Thi hài còn ở cõi dương gian
Có tiền mua lớp áo quan
Không tiền vùi góc núi hoang lạnh lùng!
Chát xương thịt sẽ cùng tan rã
Tám hình hài lần hóa tanh hôi
Chỉ trong chầy sớm mà thôi
Chầy trong nửa tháng, sớm thời ít hôm
Nét kiều diễm, chập chờn xuân mộng
Kiếp tài hoa hình bóng bạch vân
Khi xưa tài sắc mười phân
Mà nay một nắm cô phần lạnh tanh
Thời oanh liệt, hùng anh đâu tá?
Cuộc ái ân hư giả còn chi?
Phất phơ cành liễu xanh rì
Giấy tiền treo đó đường ghi mối sầu!
Bóng chiều rữ xuống màu cỏ biếc
Bia mồ trơ một chiếc vắng không
Nghĩ thôi rơi lệ chạnh lòng
Đời người đến thế là xong một đời!



Ví chẳng biết tìm nơi giải thoát

Nương về ngôi Chánh Giác quy y
Luân hồi hẳn dứt có khi
Bên trời Bát Nhã còn chi lo phiền?
Lối ma quỷ, đừng riêng mưu sống
Đất từ bi gieo giống hoa Đàm
Giữ lòng thiện, dứt lòng tham
Gái trai tăng tục đều kham tu hành
Rõ cảnh mộng, chớ quanh đường mộng
Biết miền chơn, kịp chóng tu chơn
Dần dà tính thiệt so hơn
Tuổi xuân qua mất để hờn về sau!
Sáu chữ Phật, cùng nhau gắng niệm
Chín phẩm đài, sẽ chiếm ngôi vinh
Chớ nên mình phụ lấy mình
Trách sao Diêm lão vô tình chẳng dung?
Bỏ điều ác, thuận tùng nẻo thiện
Chừa lỗi xưa, tu tiến đường sau
Lại vì quyền thuộc bảo nhau
Cùng khuyên già trẻ sớm mau tu trì
Khiến mỗi kẻ đều quy bốn giác
Cho muôn người đồng thoát sông mê
Dù trong lao khổ dám nề
Đài sen đốt mảnh hương thề nguyện xin
Nguyện xin quyết vững tin lời Phật
Nguyện từ nay khép chặt phòng thu
Nguyện kiếp này gắng công phu
Thân người dễ mất quả tu khó thành!



*Âm thâm trì niệm đêm thanh,
Rõ ràng từng chữ hồng danh nối liền.
Thân tâm xả, sạch muốn duyên
Thế Tôn dành sẵn kim liên một tòa!*

Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật Triệt Ngộ Đại Sư

Hán:

**81. Nhứt cú Di Đà
Hoằng thông cảm đọa
Nhập Đại Bi thất
Tọa Pháp Không tòa.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Sốt sắng gắng hoằng thông
Nguyện vào Đại Bi thất
Ngồi yên tòa Pháp Không.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã từng khuyên các học nhơn: "Nếu muốn kham sống trong cõi đời ngũ trược đê độ mình cùng độ sanh, thì phải mặc áo giáp Nhẫn Nhục, vào nhà Đại Bi, và ngồi tòa Pháp Không".

Tại sao thế? Bởi nơi cõi Ta Bà những nghiệp tham, sân, si, khinh mạn, nghi ngờ cùng ác kiến của chúng sanh tất mạnh mẽ lẫy lừng. Các phiền nghiệp ấy ví như những mũi tên lửa, dễ làm tổn não người, nếu không mặc áo giáp Nhẫn Nhục nhu hoà, tất khó thể chịu đựng nổi. Song như thế cũng chưa đủ, vì nếu nhẫn nhục mà không có lòng đại bi thương xót tha thứ sự mê lầm tội lỗi của chúng sanh, thì chẳng thể hoằng pháp độ người. Cho nên hành giả phải nối gót Như Lai vào nhà đại Từ Bi của Phật. Tuy nhiên, như thế vẫn chưa được trọn vẹn. Bởi dù có tâm Từ Bi, Nhẫn Nhục, nhưng nếu chưa thấu suốt tất cả pháp đều không, mà vào nơi Vô Sở Trụ như kinh Kim Cang đã chỉ dạy, tức nhiên tướng Nhơn Ngã chấp và Pháp Ngã chấp hãy còn. Đã còn tác tướng ấy thì dù có nhẫn nhục cũng chưa dứt hết gốc giận hờn, dù có niệm từ bi cũng chưa tuyệt lòng ái luyến. Cho nên hành giả lại phải cần an trụ nơi tòa Nhứt Thiết Pháp Không. Đạo lý này rất uyên thâm, như diễn rộng ra sáu trăm quyển Đại Bát Nhã cũng nói chưa cùng tận. Song nếu tóm tắt lại, có thể gồm trong một lời kệ của kinh Hoa Nghiêm: "Vô trước, vô y trí huệ lực", nghĩa là sức trí huệ không nương tựa dính mắc vào đâu.

Đại ý bài kệ trên, ngài Triệt Ngộ muốn nói: "Chư Như Lai từ trong nhân hạnh cho đến khi đắc quả, vì bi nguyện độ sanh nên đã mặc áo giáp nhu hòa nhẫn nhục, vào nhà đại Từ Bi, ngồi tòa Nhứt Thiết Pháp Không mà tu học cùng nói ra pháp môn niệm Phật

này". Các hành giả muốn độ mình một cách chắc chắn và rộng độ chúng sanh, cần phải siêng năng noi theo gương ấy.

Hán:

82. Nhứt cú Di Đà

Vô tận bảo tạng

Bát tự đả khai

Phổ đồng cúng dường.

Việt:

Một câu A Di Đà

Là kho báu vô tận

Tám chữ mở toang ra

Khắp cho không tiếc lẫn.

Lược giải:

Tám chữ trên đây, là "Đại từ đại bi A Di Đà Phật". Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có thuật chuyện một hành giả niệm Phật, khi lâm chung thấy tám chữ ấy hiện ra giữa hư không to lớn, sắc như vàng ròng. Tám chữ ấy hàm ý tiêu biểu cho bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn của đức A Di Đà Thế Tôn. Song về sự trì niệm, thì yếu ước lại chỉ có sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật". Sao gọi là tám chữ, hay sáu chữ mở kho báu vô tận?

Theo Hiền Giáo, sáu chữ ấy tiêu biểu cho sự nương về kho vô lượng thọ mạng, vô lượng quang minh, vô lượng công đức.

Theo Mật giáo, về quyền Thánh Tài Tập, sáu chữ đó là chủng tử của năm đức Phật. Hai chữ Nam Mô có nghĩa là quy mạng. Mạng là Thọ Thường Trú, tức chỉ cho đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Còn bốn chữ kia, theo thứ tự là chủng tử của bốn đức Phật: A Súc Bệ, Bảo Sanh, A Di Đà, và Bất Không Thành Tựu. Cho nên sáu chữ hồng danh là kho bí mật, gồm thâu tất cả chánh báo, y báo khắp mười phương.

Theo Tâm giáo, sáu chữ này là kho chân tâm, gồm nhiếp tất cả nhân quả, tánh tướng, phước huệ, sự lý. Vì thế nên gọi: "Một câu A Di Đà là kho báu vô tận".

Về điểm dùng tám chữ hay yếu ước lại sáu chữ, để mở kho báu vô tận, cổ hơn đã có câu:

"Lục tự đả khai vô tận tạng.

Thâu lai phóng khứ chỉ như nhiên".

Hai câu này có ý nghĩa: *(Niệm sáu chữ hồng danh có thể mở toang kho báu vô tận như trên đã nói. Và khi đã thể nhập vào kho chân tâm, thì niệm tức là vô niệm, vô niệm tức là niệm, buông ra thâu vào đều ở trong trạng thái như như).*

Chư Phật Thế Tôn, chư Bồ Tát, chư Tổ, vì lòng bi nguyện, đã đem tám chữ hay sáu chữ này mà phổ thí cúng dường khắp tất cả loài hữu tình, để cho chúng sanh mở được cửa và thọ dụng kho báu vô tận ấy.

Hán:

83. Nhứt cú Di Đà

**Đoạn chư phiền não
Toàn Phật toàn tâm,
Nhứt liễu bá liễu.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Dứt phiền não rộn ràng
Tâm, Phật toàn dung hợp
Rõ một, rõ trăm ngàn.

Lược giải:

Ý nghĩa bài kệ trên rất hàm súc, muốn hiểu thấu đáo, chỉ nên dùng hạnh thể nhập hơn là theo phân lý giải. Tuy nhiên, để tùy thuận sở cầu cho người mới học đạo, xin tạm giải thích như sau:

Lúc hành giả chuyên tâm niệm Phật thì nghiệp tham, sân, si cùng tất cả phiền não đều dừng lặng. Khi công phu lâu năm trì niệm chuyên thành như thế đến mức cùng tận, ngày kia đương như chợt thấy tâm niệm rỗng rang như chiếc thùng lọt đáy, ngộ được tánh bản lai của mình. Chừng ấy toàn câu niệm Phật, toàn thể đức A Di Đà cùng chánh báo, y báo thế giới Cực Lạc của Ngài chính là toàn thể chân tâm diệu cảnh. Và

các pháp không ngoài tâm đã ngộ được nhứt chân tâm, tất rõ được tất cả trăm ngàn muôn pháp.

Hán:

84. Nhứt cú Di Đà

**Diệt trừ định nghiệp
Hích nhật, khinh sương
Hồng lô phiến tuyết.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Dứt trừ được định nghiệp
Nhật rạng phá sương thừa
Lò hồng tan điểm tuyết.

Lược giải:

Trong kinh có lời dạy: "Chí thành xưng một câu A Di Đà, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết, xung quanh hành như mỗi bề ánh sáng phát ra rộng đến bốn mươi dặm".

Chí tâm xưng một câu hồng danh, ảnh hưởng còn được như thế huống chi chuyên thành niệm Phật nhiều năm thì định nghiệp nào mà không dứt trừ? Công năng diệt nghiệp của sự Trì Danh ví như vàng nhật chói rạng phá tan mau màn sương thừa, như lò lửa to để làm tiêu mảnh tuyết. Tổ sư đã mượn hai thí dụ trên để nêu rõ

công đức niệm Phật, và khuyến tấn hành giả gắng sức tu trì.

Hán:

85. Nhứt cú Di Đà

Năng không khổ báo

Thế giới, căn thân

Tức thô nhi diệu.

Việt:

Một câu A Di Đà

Hay tiêu quả báo khổ

Chuyển thế giới, căn thân

Tức thô thành tế diệu.

Lược giải:

Các sự khổ đều do sức nghiệp làm chủ động, niệm Phật đã có công năng diệt nghiệp, tất nỗi khổ cũng lần lần tiêu trừ. Nhưng "một câu Di Đà làm cho khổ báo trở thành không", hàm ý nói về phần tánh nhiều hơn phần tướng. Bởi tất cả sự khổ từ lớn đến nhỏ, đều do tâm ta bị căn thân bên trong và thế giới bên ngoài chi phối. Nếu hành như ngộ lý các pháp đều như huyễn, biết an trụ nơi tự tánh Di Đà mà niệm Phật thì tâm trở nên vắng lặng, thoát khỏi sự chi phối của thân và cảnh. Như thế dù thời tiết nóng lạnh, cảnh ngộ an nguy, sự đói khát cùng mọi mệt yếu đau cũng không làm cho

đương nhờn cảm thấy khô? Tại sao? Vì hành nhờn đã an trụ nơi định tâm, thoát ly cả hai sự chi phối trong và ngoài ấy.

Khi xưa, một thiền sư tu ở sơn tự bị chứng thương hàn, do thiếu thuốc thang điều dưỡng nên bệnh càng trở nặng sắp lâm nguy. Một vài đệ tử thấy thế, xin phép đi xuống núi để rước y sư và tìm thuốc đem lên. Thiền sư ngăn lại bảo: "Căn bệnh đã nhập lý, chỉ nên dùng đạo pháp để điều trị, chớ không thể dùng thuốc cứu chữa kịp thời được!". Thế rồi ông xả hết muôn duyên, ngồi trụ tâm vào tịnh cảnh không ăn uống luôn trong bảy ngày. Đến khi xuất định, bệnh chứng tiêu tan, sức khoẻ lần lần bình phục.

Lại một vị tăng tu Tịnh Độ, lúc sắp vãng sanh, túc nghiệp phát hiện làm cho cả thân mình đều phù thũng, còn thêm nhiều chứng bệnh khác. Ông nói với hàng đệ tử: "Nếu thầy không nhờ mấy mươi năm công phu niệm Phật, tất không thể chịu nổi sự mỗi mọt nhưc đau". Cho nên một bậc tôn túc đã nói câu:

"Lão tăng có pháp an nhàn.

Dù cho tám khổ cháy lan ngại gì!".

(Lão tăng tự hữu an nhàn pháp.

Bát khổ giao tiên tông bất phòng).

Về ý nghĩa hai câu sau của bài kệ, có thể dẫn giải tóm tắt: thế giới, căn thân đều như huyễn. Nếu tâm chúng sanh còn đầy nghiệp chướng phiền não, dù sống

nơi cảnh màu đẹp ở thiên đường cũng cảm thấy buồn khổ. Với bậc hành giả đã đắc định thì riêng có một thiên đường, tuy ở cảnh ác trược, cũng thấy màu nhiệm an vui. Kinh Duy Ma bảo: "Tùy nơi tâm thanh tịnh, tức cõi Phật thanh tịnh". Kinh Viên Giác nói: "Địa ngục, thiên cung đều là Tịnh Độ". Ý nghĩa của hai câu kinh ấy, đều chỉ cho cảnh giới trên.

Hán:

86. Nhứt cú Di Đà

**Viên chuyển tam chương
Tức Hoặc, Nghiệp, Khổ
Thành Bí Mật tạng.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Chuyển tròn cả ba chương
Tức nơi Hoặc, Nghiệp, Khổ
Trở thành Bí Mật tạng.

Lược giải:

Ba chương chỉ cho: Hoặc, Nghiệp, Khổ. "Hoặc" thuộc về phiền não chương. "Nghiệp" thuộc về nghiệp chương. "Khổ" thuộc về báo chương. Ba chương này như chùm trái Ác-xoa, có liên quan tương thông lẫn nhau, một tức là ba, ba tức là một.

Đại ý của bài kệ sau này cũng tương tự như bài kệ trước, nếu suy ra sẽ tự hiểu. Như các lượn sóng ở đại dương là biến tướng của nước, cho nên toàn thể sóng là nước. Cũng như thế, vọng giác từ nơi chánh giác mà thiên lưu, cho nên đi sâu vào, toàn thể vô minh vọng giác tức là chánh giác viên minh. Hành giả nếu đi sâu vào Niệm Phật tam muội sẽ ngộ được Hoặc, Nghiệp, Khổ chính là Bí Mật tạng vậy.

Hán:

87. Nhứt cú Di Đà

Giải nạn giải oan

Từ quang cộng ngưỡng

Pháp hỷ quân triêm.

Việt:

Một câu A Di Đà

Giải tai nạn trái oan

Quy ngưỡng ánh từ quang

Thấm nhuần niềm pháp hỷ.

Lược giải:

Bài kệ trên đều là những lời nói trắng rõ ràng, không có ẩn ý sâu kín nào khác. Công đức niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng, tai nạn, tà ma, giải những oan trái đời này cùng đời trước. Công đức ấy cũng khiến cho sanh phước đức trí huệ, độ thoát chính

mình cho đến kẻ oan người thân. Các điếm vừa nói đã thể hiện rất nhiều đối với những hành giả niệm Phật từ xưa đến nay. Trong Mấy Điều Sen Thanh đã có nhiều sự tích trần thuật, độc giả duyệt kỹ sẽ tự thấy, khỏi phiền dẫn chứng thêm nhiều.

Hành giả tu môn niệm Phật đều thọ hưởng được sự lợi ích an vui của pháp này, nên gọi là pháp hỷ. Bởi thế, chẳng những riêng nơi cõi Ta Bà, mà ở khắp hằng hà sa quốc độ trong mười phương, vô số chúng sanh cũng tu môn Niệm Phật và đều cùng hướng về ánh sáng từ bi của đức Giáo chủ Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Hán:

88. Nhứt cú Di Đà

Báo vị báo ân

Liệt triền miên vãng

Nhập giải thoát môn.

Việt:

Một câu A Di Đà

Đáp ân nặng chưa tròn

Cắt đứt triền miên vãng

Chứng vào giải thoát môn.

Lược giải:

Người học đạo có bốn trọng ân là: 1. Ân chư Phật, chư Bồ Tát. 2. Ân thầy lành bạn tốt và các thiện tri thức. 3. Ân cha mẹ cùng thân quyến phù trợ. 4. Ân đàn na tín cúng và tất cả chúng sanh. Chúng ta nếu có đền trả bốn ân thì cũng chỉ một phần nào thôi, chớ thật sự chưa làm tròn, đại khái có thể gọi là chưa báo đáp. Muốn mau tròn bốn phận đền trả tứ ân, phải tu môn Niệm Phật để sớm thành đạo quả, tế độ khắp kẻ oan thân cùng tất cả loài hàm thức.

Lại nữa, chúng ta sống trong lưới nghiệp dây dưa, nợ này chưa xong đã vay mỗi khác, nhưt là các nghiệp oan cừu, ân ái. Lưới nghiệp ấy vây quần kéo dài mãi không dứt, nên gọi là “triền miên vông”. Chư Bồ Tát đã do tu pháp Niệm Phật, mà cắt được lưới triền miên vông của nghiệp lực, chúng vào vô lượng giải thoát môn. Chẳng hạn như: Không Huệ Tam Muội Giải Thoát Môn, Thần Thông Du Hý Tam Muội Giải Thoát Môn, Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Tam Muội Giải Thoát Môn, Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội Giải Thoát Môn, Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội Giải Thoát Môn v.v... Tổ Triệt Ngô khuyên chúng ta nên đi theo con đường ấy.

Hán :

89. Nhứt cú Di Đà

Không chư ác thú

Vạn đức hồng danh

Na dung tư nghị!

Việt:

Một câu A Di Đà
Hay trông không ác đạo
Ức muôn đức hồng danh
Khó nghĩ bàn kỳ ảo!

Lược giải:

Trong Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục có ghi một sự tích công đức Niệm Phật. Xin mượn nêu ra để giải thích bài kệ trên với tánh cách chứng thật.

Một vị Bà-la-môn ở nước A Du Sa xứ Thiên Trúc có cô vợ rất đẹp. Vì tình si mê ái nhiễm sâu nặng, ông ta gần gũi mãi cũng không thấy chán đủ. Người vợ lại là một tín đồ Phật giáo; muốn nhân cơ hội đó hóa độ chồng, mới đặt điều kiện: "Nếu khi sắp gần gũi, phải gõ chiếc trống đồng, cả hai cùng niệm hồng danh A Di Đà một lúc lâu cô mới chấp thuận". Ông chồng bất đắc dĩ phải tuân theo.

Ba năm sau, vị Bà-la-môn bị bạo bệnh tắt hơi, chỉ nơi ngực mãi còn nóng ấm, nên người nhà chưa dám thiêu hóa. Trải qua năm ngày, ông chợt sống lại, gọi vợ khóc bảo rằng: "Tôi chết do nghiệp nặng bị đọa vào địa ngục Phát Thang. Khi quỷ tốt dùng đinh ba vít tội nhọn vào vạc dầu sôi, chĩa sắt đụng thành vạc đánh keng một tiếng. Lúc ấy tôi đang kinh hồn lạc phách, chợt nhớ tới

việc bà bảo gõ trống đồng niệm Phật, nên bắt giặc lớn tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Lạ thay, ngay lúc ấy vạc dầu sôi liền biến thành ao sen nước trong mát, các tội nhơn đều hiện tướng tốt ngồi trên đài sen, rồi cùng bay về Tịnh Độ. Diêm Vương nghe báo sanh lòng hoan hỷ, thả cho tôi trở về!"

Truyện ký trên, chứng minh công năng niệm Phật có thể làm tiêu tan trống không cảnh Địa Ngục. Lẽ dĩ nhiên, đối với các ác đạo khác như Nga-quỉ, Súc-sanh, Tu-la cũng lại như thế. Câu Nam Mô A Di Đà Phật là kết tinh phước huệ của vô lượng công đức lành, khi Phật còn tu Bồ Tát đạo nên mới gọi Vạn Đức Hồng Danh. Bởi thế, hồng danh này có công năng rộng lớn kỳ diệu chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh gọi đó là vô tác thần lực, nghĩa là sức thần thông đương nhiên, không phải do Phật tác ý khởi niệm xui khiến nên. Đại khái, bài kệ trên tán dương và nêu rõ công đức của câu hồng danh khiến cho hành giả tăng thêm phần tín, hạnh, nguyện.

Hán:

90. Nhứt cú Di Đà

Cơ đậu nhơn thiên

Sâm si tam bối

Yên ánh cửu liên!

Việt:

Một câu A Di Đà
Hợp cơ cả trời, người
Ba căn tánh cao thấp
Chín phẩm sen rạng ngời!

Lược giải:

"Tam bối" trong bài kệ là chỉ cho ba hạng người: thượng căn, trung căn, hạ căn. "Cửu liên" tức chín phẩm sen, cũng phân ra ba cấp thượng trung hạ, mỗi cấp lại có ba bậc thượng trung hạ nữa, nên thành ra chín. Đó là các phẩm: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ; Trung thượng, Trung trung, Trung hạ; Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ.

Ấn Quang đại sư nói: "Phật pháp tùy cơ, có khó dễ thấp cao. Đối với pháp cao khó thì bậc hạ căn không kham tu. Với pháp thấp dễ, bậc thượng căn lại chẳng cần tu. Riêng môn Tịnh Độ có đặc điểm rất mực nhiệm mầu, vừa cao siêu vừa thuận dễ, thích ứng cả ba căn, hạng nào cũng thấy cần thiết và có thể tu tập được. Nói về phần cao siêu thì nơi hội Hoa Nghiêm, mười phương hải hội Bồ Tát trong năm mươi một vị: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác, đều theo lời khuyên của Phổ Hiền Đại Sĩ tu tập môn này. Bàn đến chỗ thuận dễ thì những chúng sanh nhiều tội chướng, cho đến tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể niệm Phật sanh về Cực Lạc. Cho nên kẻ chê pháp Tịnh Độ là thấp kém, tức

chưa hiểu chi về môn này và cũng phạm lỗi khinh báng các bậc Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đó!".

Điều dẫn giải trên cho ta thấy, pháp môn Tịnh Độ thích hợp với tất cả căn tánh thượng trung hạ của hàng nhơn thiên. Ba căn tánh ấy tuy có cao thấp so le, song nếu tu môn niệm Phật, tất sẽ tùy theo công hạnh, đều được nêu danh nơi chín phẩm sen sáng đẹp rạng ngời ở cõi Tây Phương Cực Lạc.

Hán:

91. Nhứt cú Di Đà

Hóa kiêm tiểu Thánh

Hồi hiệp liệt tâm

Hướng vô thượng thừa.

Việt:

Một câu A Di Đà

Các quả vị tiểu Thánh

Chuyển tâm hẹp gồm đưa

Hướng về vô thượng thừa.

Lược giải:

Tiểu Thánh tức là các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác gồm: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật. Hàng tiểu thừa lấy cảnh Sanh Không Niết Bàn làm quả vị cứu cánh, chỉ cầu mong

cho mau thoát ly nỗi khổ sống chết luân hồi trong ba cõi. Các vị này không phát thế nguyện rộng lớn, trên cầu Phật quả vô thượng dưới độ tất cả chúng sanh, như những bậc Bồ Tát, cho nên đức Thế Tôn chê là tâm nhỏ hẹp.

Môn niệm Phật là pháp đại thừa, nên có thể chuyển tâm nhỏ hẹp của hàng tiểu thừa, đưa các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác hướng về Vô Thượng của Phật đạo.

Hán:

92. Nhứt cú Di Đà

**Siêu nhiên vô ngại
Văn Thù, Phổ Hiền
Đại nhơn cảnh giới.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Thật vô ngại siêu nhiên
Như Văn Thù, Phổ Hiền
Là cảnh bậc đại nhơn.

Lược giải:

Môn niệm Phật đi sâu vào bốn pháp giới, cùng tột là Sự Sự Vô Ngại pháp giới. Cổ đức cũng nói: "Niệm Phật có thể khiến cho hành nhơn vào cảnh giới Vô Ngại Giải Thoát".

Trên đây, Triệt Ngô đại sư muốn nói: "Niệm Phật không phải pháp thấp kém tầm thường mà chính là cảnh giới của các bậc Bồ Tát đại nhơn như Văn Thù, Phổ Hiền vậy".

Hán:

93. Nhứt cú Di Đà
Vi diệu nan tư
Duy Phật dữ Phật
Nãi năng tri chi.

Việt:

Một câu A Di Đà
Mầu nhiệm khó nghĩ bàn
Chỉ có Phật với Phật
Mới rõ biết tận cùng.

Lược giải:

Trên đã nói niệm Phật tam muội là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát, nơi đây Tổ Triệt Ngô lại nhấn rõ thêm: Niệm Phật tam muội tuy chư đại Bồ Tát cũng thâm nhập, nhưng thật ra chưa được cùng tận. Duy có Phật với Phật mới rõ biết được hết, vì đó là Phật tam muội, là cảnh giới của chư Phật.

Điều này càng khẳng định rõ ràng hơn tánh cách cao thâm của pháp môn Tịnh Độ.

Hán:

**94. Nhứt cú Di Đà
Liệt Tổ phụng hành
Mã Minh tạo luận
Long Thọ vãng sanh.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Chư Tổ đều phụng hành
Tổ Mã Minh viết luận
Tổ Long Thọ vãng sanh.

Lược giải:

Môn niệm Phật vì là pháp môn tối thượng thừa cao siêu, nên chư Tổ đều phụng hành, bằng cách hoặc viết luận khen ngợi khuyên tu, hoặc niệm Phật cầu về Cực Lạc. Chẳng hạn như hai vị Bồ Tát Mã Minh, Thế Thân đã viết Đại Thừa Khởi Tín Luận và Vãng Sanh Luận để xung tán, chỉ đường Tịnh Độ. Và Long Thọ Bồ Tát chứng Sơ Hoan Hỷ Địa đã niệm Phật vãng sanh về An Dưỡng. Các vị Bồ Tát trên đều là chư tổ bên Thiên tông.

Nơi đây Triệt Ngô đại sư lại nêu ra một chứng liệu để minh xác điểm cao siêu của pháp môn niệm Phật. Điều này, đại sư muốn cảnh tỉnh phá tan sự nhận thức sai lầm của một số người từ trước đến nay nghĩ rằng:

"Môn Tịnh Độ là pháp thấp kém, chỉ dành cho hạng ông già bà cả quê dốt tu hành".

Hán:

95. Nhứt cú Di Đà

**Nhân duyên thời tiết
Dị hương thường vẫn
Liên xã sang kiết.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Hợp thời tiết nhân duyên
Hương lạ hằng thanh thoảng
Liên xã lập nhiều miền.

Lược giải:

Pháp môn Tịnh Độ sở dĩ càng lúc càng được thịnh hành, bởi có nhiều lý do:

Về phần nhân duyên: Điều thứ nhứt đức A Di Đà có pháp duyên rất lớn với chúng sanh ở Ta Bà, bằng chứng là các chùa đều có thời khóa Tịnh Độ, và hàng Phật tử khi gặp nhau thường chào với câu "A Di Đà Phật". Điều thứ hai, đức Di Đà Thế Tôn có bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn, rất thích ứng với cảnh ngộ cần cứu cấp nơi cõi ngũ trược này.

Về phần thời tiết, như lời Phật đã huyền ký. Bắt đầu từ thời mạt pháp trở về sau, muốn chắc chắn được giải thoát, chỉ có pháp môn niệm Phật.

Bởi những nguyên nhân ấy, nên chư thiện tri thức xưa nay đã sáng lập ra Liên Xã khắp nơi để hướng dẫn người tu hành. Và các hành giả niệm Phật cũng cảm được nhiều điềm thoại ứng như: thấy sen lành, nghe hương lạ.

Hán:

96. Nhứt cú Di Đà

**Lợi đại long, tượng
Vĩnh Minh thiên bá
Trí Giả giáo tông.**

Việt:

Một câu A Di Đà
Lợi bậc đại tượng, long
Như Vĩnh Minh thiên bá
Cùng Trí Giả giáo tông.

Lược giải:

Long, tượng là rồng và voi. Hai loại này là hạng cao quý trong loài thú. Đại long, tượng tức rồng cùng voi lớn, lại còn cao quý hơn. Người xưa đã đem biểu tượng rồng, voi mà thí dụ cho những bậc cao siêu kiệt xuất trong hàng tăng ni. Vì thế mới có danh từ “Pháp

môn long tượng”, nghĩa là hạng rồng voi trong cửa chánh pháp.

Môn niệm Phật chẳng những nhiếp hóa lớp trung, hạ căn, mà còn làm lợi ích luôn cho cả bậc thượng thượng căn nữa. Như Vĩnh Minh đại sư, một bậc thiên bá trong Tông môn, ngộ suốt huyền cơ, viết một trăm quyển Tông Cảnh Lục để xướng minh Thiền đạo, nhưng cũng niệm mười muôn câu Phật hiệu mỗi ngày. Và Trí Giả đại sư, bậc Giáo tông sáng lập ra Thiên Thai giáo, bình thời vẫn niệm Phật, khi lâm chung khen ngợi kinh Pháp Hoa cùng Vô Lượng Thọ, bảo với đại chúng rằng Tây Phương Tam Thánh với các đồng bạn của ngài đã sanh về Tây Phương, nay hiện thân đến tiếp dẫn.

Sự kiện này, người học đạo nên để tâm suy nghĩ.

Hán:

97. Nhứt cú Di Đà

Cảm ứng phi khinh

Thiếu Khang hóa Phật

Thiện Đạo quang minh.

Việt:

Một câu A Di Đà

Cảm ứng chớ xem khinh

Thiếu Khang hiện hóa Phật

Thiện Đạo phóng quang minh.

Lược giải:

Thiếu Khang đại sư niệm một câu hồng danh, trong miệng bay ra một vị hóa Phật. Thiện Đạo hòa thượng niệm mỗi câu Phật hiệu, nơi miệng phóng ra một đạo quang minh. Hai điều trên chứng minh cho công đức niệm câu hồng danh A Di Đà thật lớn lao, và sự cảm ứng của Phật hiệu như thế đã đến mức cùng diệu. Và điều trên đây cũng nhắc cho người học đạo nên thức ngộ, đừng xem môn niệm Phật là dung thường.

Trong mấy bài kệ liên tiếp, Triệt Ngộ đại sư đã dẫn chứng trên từ chư Phật Thế Tôn, nói rộng ra là các đức Như Lai ở sáu phương như kinh A Di Đà đã thuyết minh, đều khen ngợi khuyên tu Tịnh Độ, và chỉ riêng các ngài mới biết cùng tận pháp này. Kể đến chư đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, các bậc đại Tổ Sư như Mã Minh, Long Thọ; những vị đại long tượng về bên Tông như ngài Vĩnh Minh, về bên Giáo như ngài Trí Giả và sau cùng chính chư Tổ bên Tịnh Độ như Thiện Đạo, Thiếu Khang. Những vị trên tuy cũng suốt thông các pháp môn khác, song vẫn quy hướng về Tịnh Độ. Tại sao Tổ Triệt Ngộ lại nhiều phen dẫn chứng như thế? Trong đây có hai nguyên nhân rất quan trọng.

- Điều thứ nhất: Các vị học thức xưa nay (bút giả dùng danh từ “học thức” chớ không nói trí thức, vì học thức là một việc, trí thức lại là việc khác) khi mới tìm đạo, đều ưa thích những lý luận cao siêu huyền diệu.

Sự ưa thích đó không phải là điều lỗi. Nhưng phần nhiều họ lầm lạc chấp theo Thiên Không, chưa dung hội được giữa Không và Có, bài bác nhân quả sự tướng, nên hầu như thành một căn bệnh chung của hạng thông minh kiến thức trong khi học đạo. Đối với môn Tịnh Độ, họ chưa thấu đáo được sự cao diệu của pháp này nên khi thấy những kẻ tối đốt, hạng bình dân cũng tu hành được, lại xem thường cho là pháp thấp kém. Chư đại thiện tri thức thấy sự lầm lạc tà kiến đó, mới thẳng thắn bác phá, chỉ bày. Vì thế Tổ Triệt Ngô đã dẫn những chứng minh trên để cảnh giác, ngụ ý bảo: "Nếu Tịnh Độ là thấp kém, tại sao từ chư Phật, Bồ Tát, cho đến chư Tổ, các bậc đại long tượng bên Tông lẫn bên Giáo đều ngợi khen khuyến khích, hoặc thân thiết phụng hành?".

- Điều thứ hai: Các vị thông minh kiến thức trên, khi luận đạo thường nói những lý luận siêu huyền, để tỏ ra mình là những người hiểu rộng tu cao. Nhưng họ lại không tự xét rằng: Về phần thật hành, mình có làm được một phần nào đối với những lời nói đó chăng? Nhứt là buổi đi sâu vào thời mạt pháp này, người tu căn cơ non kém, nghiệp chướng nặng nề, dùng những hình thức dễ làm như niệm Phật tụng kinh, mà kẻ hành đạo tại gia lẫn xuất gia còn vọng niệm rời ren, nay chầy mai trễ, hướng chi là sự nhiếp tâm nơi định trong tất cả thời, tất cả hành động nói năng? Bút giả từng nghe một vài vị tu học về Thiên, khi luận đến sự hành trì, thường

dẫn lời của những chư Tổ hoặc các bậc tôn túc thời xưa mà trạng huống cho lối tu của mình và còn ra vẻ đặc ý. Chẳng hạn như câu:

"Viên bảo tử quy thanh chướng lý.
Điều hàm hoa lạc bích nham tiên!"
(Vượn ôm con chuyền về rặng núi xanh.
Chim ngậm hoa sa trước gộp đá biếc).

Hoặc như:

"Nhập lâm bất động thảo.
Nhập thủy bất đập ba".
(Vào rừng mà không làm động đến ngọn cỏ.
Xuống nước nhưng chẳng đập sóng nước).

Các vị đó không xét lại hai câu trước là tâm cảnh của ngài Giáp Sơn, chớ chẳng phải cảnh giới của mình. Thỉnh thoảng có việc chi xúc động thì các vị liền tỏ vẻ phiền hà, tức giận. Thế là cỏ cây đã động, chân đã đập sóng nước rồi đấy! Trước tệ trạng lạc lăm lan rộng đó, chư thiện tri thức vì xót thương, vì muốn cứu vãn đạo pháp nên mới thẳng lời phê trích, cho hành động ấy là cuồng Thiên. Và các ngài còn nói đến hạng cuồng Mật nữa mà nếu có dịp, sau này bút giả sẽ dẫn giải.

Để kết luận, cần nhấn rõ thêm là những điều nói trên, tuyệt không có ý bài bác Thiên, Mật. Thiên và Mật là hai pháp môn cao siêu, và thật ra Thiên, Mật, Tịnh cả ba đều có đặc điểm riêng, cần tu học để hỗ trợ cho nhau. Chẳng hạn như khi trì chú theo Mật, hoặc

niệm Phật theo Tịnh, chủng tử của chân ngôn, Phật hiệu huân sâu vào tạng thức, kích động cho phiền não nổi dậy, phương pháp làm lắng động hữu hiệu nhưt không chi hơn Thiên. Trong lúc tham Thiên hoặc niệm Phật, ma chướng trong ngoài khuấy rối, cách hàng phục kiến hiệu mau lẹ nhưt, không chi hơn Mật. Và muốn giải quyết việc lớn là sống chết luân hồi một cách thẳng tắt chắc chắn nhưt, lại không chi hơn Tịnh. Luận cho cùng mỗi môn tự hàm đủ công năng của ba, song đó là ứng dụng của bậc trình độ cao siêu. Còn với bậc sơ cơ non kém, thật ra vẫn có sự sai biệt. Ví như bậc Tổ Sư về võ, dù sử dụng côn, chùy, kiếm, sự lợi hại vẫn đồng như nhau. Nhưng với hạng võ nghệ thông thường thì tác dụng của ba môn binh khí kia lại có sai biệt. Nếu chẳng thế, trong võ lâm cần chi bày ra ba môn ấy cho thêm phiền!

Cho nên trong thời mạt pháp, theo thiên ý nên lấy Tịnh Độ làm chánh yếu, Thiên, Mật làm phụ trợ. Hoặc nếu có tu Thiên hay Mật cũng nên niệm Phật nhiều ít hồi hướng về cõi Cực Lạc ở Tây Phương.

Hán:

98. Nhứt cú Di Đà

Hữu giáo vô loại

Hùng Tuấn nhập minh

Duy Cung diệt tội.

Việt:

Một câu A Di Đà
Hóa độ kẻ vô loại
Hùng Tuấn vào minh ty
Duy Cung trừ chướng tội.

Lược giải:

Môn niệm Phật chẳng những làm lợi ích cho các bậc Thượng Thượng căn như trên, lại còn hóa độ đến cả hàng vô loại như Hùng Tuấn, Duy Cung mà trong *Mây Diệu Sen Thanh* đã trích dẫn.

Bài kệ trên đại ý chỉ rõ: Pháp Tịnh Độ gồm thâu lợi độn, giúp ích khắp ba căn.

Hán:

99. Nhứt cú Di Đà
Thị vô thượng Thiên
Nhứt sanh sự biện
Khoáng kiếp công viên.

Việt:

Một câu A Di Đà
Là môn Thiên vô thượng
Việc lớn một đời xong
Công tu nhiều kiếp trọn.

Lược giải:

Triệt Ngô đại sư tuy được đời sau tôn làm vị Tổ hoằng dương Tịnh Độ, nhưng thuở đương thời ngài chính thật là một thiên bá. Bởi duyên đại sư đã tham Thiền chứng ngộ và viết ra quyển Triệt Ngô Ngữ Lục để xương minh Thiền đạo. Một bậc đại triệt đại ngộ về Thiền, mà nói niệm Phật là môn Thiền vô thượng, đó là điều chứng minh xác đáng rồi, không cần phải bàn luận chi thêm nữa.

Việc lớn một đời của người tu Phật, là phải làm thế nào để giải quyết sự sống chết luân hồi ngay trong kiếp hiện tại. Bởi nếu còn luân hồi, tất đời sau dễ bị mê lạc rồi sẽ sa đọa nữa. Khi đã thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lại còn phải hiện thân tu Bồ Tát hạnh trong vô số kiếp, công đức viên mãn, mới thành đạo Vô Thượng Chánh Giác. Pháp môn niệm Phật có thể giải thoát luân hồi ngay trong hiện đời và khi được sanh về Tây Phương thì sự tiến tu để thành Phật không còn bị thối chuyển, kể như đã nắm chắc trong tầm tay rồi.

Hán:

100. Nhứt cú Di Đà

Lý phi dị hội

Bách kệ nga thành

Tam tôn gia bị.

Việt:

Một câu A Di Đà

Lý mâu chưa dễ hiểu
Thoáng chốc trăm kệ xong
Tam tôn thâm gia bị.

Lược giải:

Từ lúc sơ khởi đến đây, Triệt Ngô đại sư đã viết ra một trăm bài kệ để tuyên dương Tịnh Độ. Song đại sư vẫn tự thấy còn chưa nói ra hết điểm huyền diệu của pháp môn này. Vì như chư Cổ đức đã nói: "Lý Tịnh Độ là bí mật tạng. Sự Tịnh Độ là đại nhân duyên" thì người học Phật dễ gì thấu đáo?

Tuy nhiên, đại sư cũng nguyện cầu Tam Bảo gia bị cho lời mình trên hợp ý Phật, dưới lợi quần sanh, khiến người đọc được thấu hiểu phần nào để tiến tu trên đường giải thoát. Và ngài cũng cảm ân Tam Bảo thâm gia bị khiến cho tâm đại linh thông nên trong thoáng chốc đã viết xong một trăm bài kệ này.



LỜI SAU CÙNG

Bút giả cố gắng hoàn tất quyển cuối tập Mấy Điều Sen Thanh này, giữa lúc sức khỏe suy kém, thêm bị sự khuấy rối lẫn bức của cả ngoài lẫn trong rình rập bao vây. Nhớ lời Phật dạy trong kinh Pháp Hoa: "Vào lúc

kiếp trước rối loạn, chúng sanh cầu nhiệm nặng nề, đầy niệm tham, sân, si, ganh ghét, thành tựu các căn chẳng lành". (Kiếp trước loạn thời, chúng sanh cầu trọng, tham si tật đố, thành tựu chư bất thiện căn).

Lại xem trong Đà Ra Ni Tập Tập thấy một đoạn, xin trích dịch nguyên văn như sau:

" - Bạch đức Thế Tôn! Con là Thiện Danh Xung Bồ Tát, từ cõi đức Phật Thiện Tịch Nguyệt Âm Vương ở phương Bắc, nay đến thế giới Ta Bà. Con thấy nơi cõi này vào thời mạt, khi Phật pháp sắp muốn diệt, nhưn sanh phần nhiều tạo ác, tham đắm danh lợi, thi phi bôi xấu giết hại lẫn nhau. Giữa vua tôi, chủ tớ, cha con, thầy trò, chồng vợ, bè bạn, anh em, không còn đạo nghĩa, nước ngũ trược sôi trào, lửa tam tai bùng cháy. Các việc vừa nói, đều do chúng sanh kiếp trước chất chứa nhiều tội ác không tu đức lành, đời hiện tại mới bị cộng nghiệp sống trong hoàn cảnh như thế. Vào thời gian đó, nhưn loại tuy bề ngoài mang thân người, nhưng trong tâm ngu si độc dữ chẳng khác súc sanh, ác quỷ. Thương thay cho thời mạt! Trong năm ngàn người, may ra chỉ được vài kẻ lương thiện biết lo tu hành. Nay xin đức Thế Tôn hứa nhận cho con nói môn thần chú Vân Nhã Mật Tu, để chúng sanh đời sau được dứt trừ gốc tội như, thân tâm trở nên trong sạch, xa lìa ách nạn". Sau khi được Phật chấp thuận, Bồ Tát liền thuyết chú rằng:

"Ophú Ophú para téna Jūgu jūgu para téna yujnamid yujnamid para téna Osuto. Chipaio kujnāto Yamidto. Kúrato. Thopato. Svaha".

Bạch đức Thế Tôn! Đại thần chú này như chiếc lọng lớn che trùm tất cả. Lại cũng như cơn mưa to thấm nhuần tất cả, như cầu thuyền nổi thông chở đưa tất cả. Chúng sanh hàng đạo tục đời sau, đều nương nhờ đà ra ni đây mà nảy nở mầm mộng lành, thấm nhuần mùi pháp vị. Công năng của đại thần chú này, hay cứu vớt muôn hạng căn cơ sai khác, đưa về cảnh giới nhất không, khiến cho họ sớm chứng Tam thừa Thánh quả...".

Qua mấy đoạn văn trên, lời đức Phật dạy và Bồ Tát Thiện Danh Xung trình thuật, dường như đã ứng hiện vào thời buổi này. Riêng trong nhà Phật, còn đâu những cảnh:

Giường lau đèn tối tăng vào định,
Trăng lạnh cảnh thông bóng hạc về!
**(Mâu tháp đăng hôn tăng nhập định
Tùng chi nguyệt lãnh hạc phi hoàn!)**

Hoặc như:

Chợt sang trúc viện cùng tăng luận,
Trộm được phù sinh nửa buổi nhàn!
**(Hốt qua trúc viện phùng tăng thoại
Du đắc phù sinh bán nhựt nhàn!).**

Lúc còn ở Phật học viện Huệ Nghiêm, trong cuộc mạn đàm với một bậc tiền bối, vị ấy có nói với bút giả mấy lời vừa có tánh cách bông đùa vừa ngụ ý than thở như sau: "Hiện nay trong cửa đạo có nhiều việc phức tạp, trừ phi Bồ Tát ra đời chấn hưng lại, còn phàm tăng như chúng ta không làm sao điều chỉnh nổi. Hoàn cảnh thật giống như hai câu thi của một danh nhơn thời xưa "Ca sa vị trước hềm đa sự. Trước bãi ca sa sự cánh đa!". (Chưa khoác ca sa chán việc nhiều. Khoác rồi thêm việc biết bao nhiêu!). Nhưng có điều không đúng với nguyên ý của vị danh nhơn kia, đây chẳng phải việc đạo mà lại là việc khác! Chẳng những riêng đạo Phật, mà tất cả các tôn giáo đều có tình trạng tương tự như thế. Đây đều do lòng người, thật quả là thời đạo đức suy mạt!".

Trong đạo đã như thế, ngoài đời lại còn biến loạn hơn, từ quốc gia cho đến khắp thế giới cảnh bạo ác ngày thêm tăng thịnh, con người hầu hết sống trong vòng lường gạt, sa đọa, tranh đua giết hại lẫn nhau. Cuộc diện kéo dài đến hiện tại, "buổi tận thế" hay "cơ tận diệt" mà các tôn giáo khác mô tả, đã có phần lấp ló lộ hình. Tuy biết đó là cộng nghiệp của nhơn sanh, nhưng khi nhìn thấy nỗi khổ đau khắp đồng loại, trải nhiều cơn biến đổi dập dồn, những kẻ hữu tâm cũng sanh niệm hoài cảm! Họ không biết tương lai sẽ đi về đâu, chán nản cho mình cùng người trong kiếp sống thừa cảnh tạm! Thỉnh thoảng nghe vài nhơn sĩ cao niên

đã mượn lời của Nguyễn Du mà thâm lén than thở như sau:

Kẻ từ gây cuộc binh đao
Đông xương vô định đã cao bằng đầu!

Hay là:

Chân trời mặt bể linh đình
Năm xương biết giữ tử sinh chốn nào?

Và cho đến như:

... Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi
Đã không biết sống là vui
Tâm thân nào biết thiệt thòi là thương!

Trong hoàn cảnh ấy, muốn thoát khỏi nguy tương hoại tương tàn, hơn loại phải hướng về đạo đức. Theo lời Phật dạy, ngày sau do chúng sanh buông lung theo nghiệp sát, đạo, dâm, vọng, nên sẽ có tam tai ác kiếp là: chiến tranh tàn phá, tật dịch lan tràn, và đói rách nghèo khổ nổi lên. Kẻ nào muốn tiêu giảm nỗi thống khổ, phải giữ chắc bốn giới: không sát sanh, trộm cướp, tà dâm, dối gạt; tùy sức mình mà gắng làm các điều lành. Những người ấy sẽ được thiên thần ủng hộ, khiến cho nạn khỏi tai qua. Nếu tiến thêm, muốn tìm nẻo thoát ly, phải tụng kinh hoặc trì chú và chí tâm niệm hồng danh đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc.

Căn cứ theo luật nhân quả, mọi sự khổ vui đều do nghiệp lành dữ và bởi mình gây tạo. Trong cảnh nóng bức của nhà lửa tam giới, phải bền lòng an nhẫn, phải

thiết thật phụng hành đúng như lời Phật dạy. Đừng nên mãi hờn trách thở than, vì kết cuộc sẽ hóa ra vô ích. Trên đây là lời phụng khuyến, là đường lối thoát ly duy nhất, mà những kẻ học đạo muốn nhấn nhủ với đồng nhơn.

THÍCH VÔ NHẤT

(Lấy ý câu: Nhất sự vô thành thân tiệm lão).



NGHI LẠY THÙ ÂN VỀ TỊNH ĐỘ

Tán:

Tánh giác tinh minh

Tịch chiếu chân thường!

Tích mê, kim ngộ lộ đường đường.

Tam Bảo thị từ hàng!

Khê thủ hiến tâm hương

Nhẫn độ Pháp trung vương

Cực Lạc nguyện vương.

Liên tông chư Tổ xiển Tây Phương

Duy nguyện giáng kiết tường!



1. Chí tâm đánh lễ: Ta Bà Điều Ngự, Khải Tịnh Độ giáo, Bốn sự Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn. (1 lạy)

2. Chí tâm đánh lễ: Cực Lạc thế giới, tiếp dẫn vãng sanh, Tây Phương Tam Đại Thánh Từ Tôn. (1 lay)

3. Chí tâm đánh lễ; Tây Thiên Đông Độ Việt Nam lịch đại Tổ sư, cập hoằng dương Phật pháp chư đại tông sư. (1 lay)

4. Chí tâm đánh lễ: Liên tông sơ Tổ, Lô Sơn, Đông Lâm, Bạch Liên đạo tràng, Huệ Viễn đại sư. (1 lay)

5. Chí tâm đánh lễ: Liên tông nhị Tổ, Trường An, Quang Minh đạo tràng, Thiện Đạo đại sư. (1 lay)

6. Chí tâm đánh lễ: Liên tông tam Tổ, Nam Nhạc, Bát Chu đạo tràng, Thừa Viễn đại sư. (1 lay)

7. Chí tâm đánh lễ; Liên tông tứ Tổ, Trường An, Ngũ Hội đạo tràng, Pháp Chiếu đại sư. (1 lay)

8. Chí tâm đánh lễ: Liên tông ngũ Tổ, Tân Định, Đài Nham đạo tràng, Thiếu Khang đại sư. (1 lay)

9. Chí tâm đánh lễ: Liên tông lục Tổ, Hàng Châu, Vĩnh Minh đạo tràng, Diên Thọ đại sư. (1 lay)

10. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thất Tổ, Chiêu Khánh, Tịnh Hạnh đạo tràng, Tĩnh Thường đại sư. (1 lay)

11. Chí tâm đánh lễ: Liên tông bát Tổ, Hàng Châu, Vân Thê đạo tràng, Liên Trì đại sư. (1 lay)

12. Chí tâm đánh lễ: Liên tông cửu Tổ, Bắc Thiên Mục, Linh Phong đạo tràng, Ngẫu Ích đại sư. (1 lay)

(tức Ngài Trí Húc)

13. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập Tổ, Ngu Sơn, Phổ Nhân đạo tràng. Hành Sách đại sư. (1 lay)

(tức ngài Triệt Lưu)

14. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập nhứt Tổ, Hàng Châu, Phạm Thiên đạo tràng, Thập Hiền đại sư. (1 lạy)

(tức ngài Tĩnh Am)

15. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập nhị Tổ, Hồng Loa, Tư Phước đạo tràng, Triệt Ngô đại sư. (1 lạy)

(tức ngài Tế Tinh)

16. Chí tâm đánh lễ: Liên tông thập tam Tổ, Tô Châu, Linh Nham đạo tràng, Ân Quang đại sư. (1 lạy)

(tức ngài Thánh Lượng)

17. Chí tâm đánh lễ: Thế độ sư, Truyền giới sư, Giáo thọ sư, cập chư thất sư ân. (1 lạy)

18. Chí tâm đánh lễ: Đa sanh phụ mẫu, cập hiện thế phụ mẫu sanh thành dưỡng dục ân. (1 lạy)

19. Chí tâm đánh lễ: Đàn na tín cúng, cập nội ngoại hộ thất ân. (1 lạy).

20. Chí tâm đánh lễ: Thiện tri thức đề huề tiếp dẫn ân. (1 lạy)

21. Chí tâm đánh lễ: Thiên địa thần kỳ bảo trợ, cập nhứt thiết chúng sanh hộ trợ ân. (1 lạy).

QUYÊN IV CHUNG



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....

PHẦN BA – TỨ CHÚNG VÃNG SANH

- Tạ Xuân Hoa	5
- Diệp Trúc Am.....	6
- Hồ Diệc Tiết	8
- Hạ Quốc Xương.....	9
- Phương Hải Sanh.....	12
- Từ Lôi.....	15
- Châu Nải Luân.....	16
- Trương Văn Phủ	18
- Đinh Lục Hình.....	19
- Liễu Bộ Dinh	21
- Đơn Đức Tôn.....	24
- Dương Liên Hàng	26
- Vương Cảnh Đan.....	29
- Lưu Xuân Tài	30
- Vương Yên Tế	33
- Lưu Khai Nan	35
- Trầm Đồng Văn.....	38
- Tịnh độ thi	40
- Lý Thị.....	43
- Trần Thị.....	46
- Cát Phu Nhơn	47
- Âu Dương An Nhơn	48
- Bàn Phụ	50

- Tiêu Hiền Úc Phật	50
- Một trăm bài kệ niệm Phật.....	55
- Tăng Cảm	91
- Đạo Thuyên	92
- Giác Chiếu.....	93
- Trường Linh	94
- Thích Nữ Năng Khai	97
- Thích Nữ Đức Thành.....	98
- Nhớ về Tịnh độ.....	99
- Trương Ngươn Thọ.....	102
- Tiểu Vương.....	102
- Viên Bảo Trị.....	104
- Vương Di Thiện.....	107
- Lại Tường Lân.....	110
- Tào Vân Tôn.....	111
- Trần Sầm Hiền.....	113
- Vườn thơ Tịnh độ	114
- Diệp Cửu Thành	117
- Phan Trinh Quế.....	120
- Âu Dương Trụ	121
- Trần Tánh Lương.....	124
- Giang Am Nam.....	129
- Lý Quốc Tuyên.....	131
- Châu Triệu Pháp	133
- Kim Vinh Hiền	135
- Khuyên tu Tịnh độ	137
- Du Thị	146
- Phùng Nghi Nhơn.....	147
- Châu phu nhơn.....	149
- Phan Thái phu nhơn.....	151

- Tào Nghi Nhon.....	153
- Hà Thái phu nhon.....	155
- Trầm Nương.....	157
- Một kỹ nữ.....	159
- Nhâm Cung Nhon.....	162
- Tịnh độ thi.....	165
- Châu Thị.....	168
- Đặng Nữ Sĩ.....	170
- Trầm Thị.....	172
- Lâm Thị.....	174
- Phạm Thị.....	177
- Lưu Nhị Cô.....	179
- Lý Trinh Nữ.....	180
- Dư phu nhon.....	182
- Khuyên tu.....	184
- Một trăm bài kệ niệm Phật.....	189
- Lời sau cùng.....	217
- Nghi lạy Thủ Ân về Tịnh độ.....	222